Emmanuel Pierrat

QUYỀN TÁC GIẢ VÀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

TRUNG TÂM QUYỀN TÁC GIẢ
VĂN HỌC VIỆT NAM
VLCC

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

QUYỀN TÁC GIẢ VÀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

Tác giả đặc biệt cảm ơn những người đã giúp đỡ trong những lần xuất bản công trình này:

Philippe Alleys, Morgane Banquey, Frédérique de Ridder, Ketaki Dutt-Paul, Laurence Laulette, Margarita Modrono, Jean-Michel Pierrat, Florence-Marie Piriou, Sompote Puangkrasin, Philippe Schuwer, Hubert Thilliet, An Ton That, Christine Touya và Sophie Viaris de Lesegno.

Tác giả xin xác nhận rằng cuốn sách này sẽ không thể ra đời, nếu trong lần biên soạn đầu tiên không có những lời khuyên thân mật của Francoise Verry.

Cuối cùng xin đặc biệt ghi nhận sự tín nhiệm của Pascal Fouché cũng như là của Christine Ferrand.

Tác giả và nhà xuất bản không chịu trách nhiệm về những thông tin
đưa thêm vào hoặc bỏ sót trong cuốn sách này.

Bản quyền tiếng Pháp © Electre - *Nhà xuất bản Trung tâm Thư quán, 2000 và 2005*
35, phố Grégoire - de - Tours 75006 Paris
ISBN 2-7654-0914-5

Emmanuel Pierrat

QUYỀN TÁC GIẢ VÀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

(In lần thứ ba, xem lại và bổ sung)

HỒ THIỆU và NGUYỄN ĐỨC TIẾU dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
TRUNG TÂM QUYỀN TÁC GIẢ VĂN HỌC VIỆT NAM

CÙNG MỘT TÁC GIẢ

Sách về pháp luật

- *Cẩm nang quyền tác giả dùng trong các nhà xuất bản*, Nhà xuất bản Cercle de la Libairie, 1995.
- *Luật về sách*, Nhà xuất bản Cercle de la Librairie, 1998 và 2005.
- *Luật xuất bản thường dùng I* Nhà xuất bản Cercle de la Librairie/ Cocefop 2000.
- *Việc in sao không được phép, quyền của hình ảnh giải thích cho các chuyên viên văn hoá, thông tin, những người muốn bảo vệ hình ảnh của mình và cho những người khác muốn hiểu rõ về quy chế kiểm duyệt tư liệu tranh ảnh*, Maxima/ Laurent du Mesnil, 2001.
- *Hướng dẫn về thi hành luật pháp cho các nhà xuất bản Sách - Báo - Truyền thông đa phương tiện* (cùng chỉ đạo với Agnès – Lahn Gozin và Arnaud Le Mérour), Stratégies, 2001.
- *Luật xuất bản thường dùng II*, Nhà xuất bản Cercle de la Librairie/ Cecofop, 2002.
- "Luật xuất bản" trong công việc xuất bản của Pháp từ 1945 (dưới sự chỉ đạo của Pascal Fouché), Nhà xuất bản Cercle de la Librairie , 1998.

"Tổng quan về sở hữu văn học và nghệ thuật", trong *Quyền tác giả và Thư viện* (dưới sự chỉ đạo của Yves Alix), Nhà xuất bản Cercle de la Librairie, 2000.

"Báo chí" và "Sách", trong *Luật và Internet*, Les Editions Législatives, 2001.

"Những kẻ đạo văn trước toà án", trong *Nạn đạo văn* (dưới sự chỉ dạo của Maurel – Indant), Publications de l' université Francois – Rabelais – Tours, 2002.

"Luật pháp " trong nghề xuất bản (dưới sự chỉ đạo của Bertrand Legendre), Nhà xuất bản Cercle de la Librairie, 2002.

"Sở hữu văn học và nghệ thuật" (Cộng tác với Carmen Guerreirro, Magaly Lhotel, Flore Masure và Sophie Viaris de Lesegno), trong *Luật và Internet*, Nhà xuất bản Weka, 2004.

"Những bắt buộc và giới hạn pháp lí: toàn cảnh", trong *Hình thành, kiểm duyệt và tự kiểm duyệt* (dưới sự chỉ đạo của Catherine Viollet và Claire Bustarret), CNRS Editions, 2005.

Tiểu luận

Giới tính và luật, Arléa, 1996; La Musardine, 2002.

Vẫn là văn hoá (Cộng tác với Patrick Bloche và Marc Gauchéc), Nghìn lẻ một đêm, 2002.

Kiện tụng trong lĩnh vực xuất bản, (Cộng tác với Sylvain Goudemare), Leo Scheer, 2003.

Hạnh phúc được sống ở địa ngục, Nhà xuất bản Maren Sell, 2004.

Xâm phạm bản quyền trí tuệ, Sens & Tonka, 2005.

Chiến tranh bản quyền, Fayard, 2006.

"Sách đối truỵ ở kho thư viện", trong *Giới tính, hình ảnh, thực hành và ý tưởng hiện đại*, Beaux-Arts editions / Paris-Musee, 2004.

"Tòa án công lý Grenoble", (Cộng tác với Aurélie Chavagnon) trong Claude Vasconi, Sujet/objet, 2004.

Từ điển bách khoa về sách và xuất bản (dưới sự chỉ đạo của Pascal Fouché, Daniel Fouché, Daniel Péchoin và Philippe Schuwer), Nhà xuất bản Cercle de la Librairie , 2002 và 2005.

Từ điểntra cứu loạn dâm và đồng giới (dưới sự chỉ đạo của Didier Eribon), Larousse, 2003.

Từ điển tra cứu về bản năng giới tính (dưới sự chỉ đạo của Philippe Brenot). L'Esprit du Temps 2004.

Truyện hư cấu và viễn tưởng

- *Sự tích những giọt nước*, Le Dilettante, 2002; Pocket, 2004.
- *Cuộc chạy đua của hổ*, Le Dilettante, 2003; Pocket, 2005.
- *Kĩ xảo của giới tính và của con cá tầm bột* , Le Dilettante, 2004; Pocket, 2006.
- *Mười khoảng trắng lớn* , Fayard, 2005; Pocket, sắp phát hành.
- *Giới tính* (Chỉ đạo công trình), Phát minh, bộ sưu tập "Những người Pháp tự hoạ", 2003.
- *"Chứng cớ dùng làm gì?" trong* Chống – *Biên niên sử triết học*, Bréal, 2002.
- *"Hàng nghìn vườn thú"*, trong *Những ngày nghỉ tuyệt vời* , Gallimard, 2004.

"Chủ Nemo thả dây khinh khí cầu trong *"Sống trên mặt trăng"*, Gallimard/ APL, 2005.

Sách dịch

- *Những ý nghĩ lười biếng của một chàng lười* của Ferome (từ tiếng Anh, cộng tác với Claude Pinganaud), Arléa, 1991; Arlia Pocket, 1996.
- *Chuyện ma Ấn Độ* của Rabindranath Tagore (từ tiếng Bengal, cộng tác với Ketaki Dull – Paul), Cartouche, 2006.

"Cet ouvrage, publié dans le cadre du programme de participation à la publication Nguyen Van Vinh, bénéficie du soutien du Centre Culturel de Coopération de l'Ambassade de France à la République Socialiste du Vietnam"

"Cuốn sách này xuất bản trong khuôn khổ Chương trình hợp tác xuất bản Nguyễn Văn Vĩnh, được sự giúp đỡ của Trung tâm Văn hóa và Hợp tác Đại sứ quán Pháp tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam"

Dịch từ nguyên bản tiếng Pháp

"Emmanuel Pierrat. LE DROIT D'AUTEUR ET L'ÉDITION

ÉDITION DU CERCLE DE LA LIBRAIRIE

Bản quyền bản tiếng Việt

© Trung tâm Quyền tác giả Văn học Việt Nam và Nhà xuất bản Hội nhà văn, 2006

Địa chỉ : 65 Nguyễn Du, Hà Nội

Tặng Claude Pinganaud

Mục lục

LỜI NÓI ĐẦU 15

I - CÁC TÁC PHẨM ĐƯỢC BẢO HỘ BẰNG QUYỀN TÁC GIẢ

Không cần thủ tục về quyền tác giả Pháp 17
Sở hữu một ngày tháng nhất định 18
Vai trò của quản lí tập thể: các hội thu nhận và phân phối 19
Tổ chức và kiểm tra 19
Những người tham gia trong môi trường xuất bản 21
Các tiêu chuẩn bảo hộ tác phẩm 23
Sự sáng tạo cụ thể hoá và việc loại trừ các ý tưởng 23
Tính độc đáo 24
Những tiêu chuẩn bị loại bỏ 26

II - HỆ THỐNG LOẠI HÌNH CÁC TÁC PHẨM ĐƯỢC BẢO HỘ

Các tác phẩm gốc 28
Các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học 28
- Các luận án đại học 29
- Từ điển 30
- Các phỏng vấn 35
- Thư tín 37
- Cách thức nấu nướng 37
- Các nhân vật 39
Các tác phẩm nói 44
- Các bài giảng 44
- Văn học dân gian 48
Các tác phẩm kịch, âm nhạc và nghe nhìn 50
Các tác phẩm nghệ thuật đồ thị và tạo hình 51
- Việc in ti-pô 51
- Các bản vẽ và kiểu mẫu 53
- Các tờ giấy bạc 55
- Các huân chương, huy hiệu, huy chương và cờ 57
- Các bản đồ địa lí 59
- Các tác phẩm kiến trúc 61
- Các vườn 63
- Khảo cổ học 64
- Ảnh chụp các bức tranh 67
- Các hình ảnh của trái đất 69
- Các ảnh chụp của phim 70
Quyền đối với hình ảnh 72
Các mẫu giấy cho phép 77
• Mẫu giấy cho phép sao chép và trình diễn các ảnh chụp (người được chụp) 80
• Mẫu giấy cho phép sao chép và trình diễn các ảnh chụp (người được chụp là vị thành niên) 81
• Mẫu giấy cho phép (người làm công ăn lương) 82
(Thư - đồng ý, Kiến trúc sư / nhà điêu khắc, v.v...) 84
• Mẫu giấy cho phép sao chép và trình diễn các ảnh chụp (tài sản được chụp) 85
Những người mẫu 87
• Thư thoả thuận cam kết của người mẫu 89
Các tác phẩm phái sinh 93

Các bản dịch 95
Các thông tin, truyền thông đa phương tiện và cơ sở dữ liệu 97
Các thông tin thô 99
Các dữ liệu công cộng 101
Các cơ sở dữ liệu 107
Các nhan đề 112
Những sáng tạo của các nhà xuất bản 112
Các bìa sách 114
Các ma-ket 116
Quyền nhãn mác .....
III - CÁC QUYỀN ĐƯỢC CẤP DO SỞ HỮU VĂN HỌC VÀ NGHỆ THUẬT
Các quyền tài sản 119
Định nghĩa quyền trình diễn và quyền sao chép 119
- Quyền triển lãm 120
Các tính chất của các quyền tài sản 122
Các quyền tinh thần 122
Quyền công bố 123
- Những tác phẩm chưa in 125
Quyền được tôn trọng tên và tư cách 127
- Những "người da đen" 128
- Các bút danh, biệt hiệu 130
- Việc trích dẫn nguồn gốc 132
Quyền được tôn trọng tác phẩm 134
- Các cải biên nghe- nhìn 135
Quyền lấy lại hay nghĩ lại 138
Tính chất các quyền tinh thần 139
IV - SỰ THỰC THỤ CÁC QUYỀN
Các nguyên tắc căn bản 141
Sự suy đoán về tư cách tác giả 142
Hợp đồng lao động 143
Điều số – Sở hữu vật chất và tinh thần của các kết quả thực hiện của người làm công 144
Các nhà báo 147
Sự độc lập giữa các sở hữu vật chất và tinh thần 149
Các tác phẩm đặt làm 150
Các thư tín 150
Các lưu trữ 152
Các tác phẩm di cảo 154
Các tác phẩm vô danh hay có bút danh 155
Các tác phẩm do nhiều người sáng tạo 156
Các tác phẩm cộng tác 156
Các tác phẩm nghe- nhìn 159
Các tác phẩm hợp thành 160
Các tác phẩm tập thể 161
Các tác phẩm sáng tạo bằng máy hay máy tính 163
Mẹo lừa về các tác phẩm gọi là "thoát khỏi các quyền" 163
V- QUYỀN TÁC GIẢ, CÁC CHẾ ĐỘ TÀI SẢN VỢ CHỒNG VÀ THỪA KẾ
Quyền tài sản và các chế độ tài sản vợ chồng 165
Quyền tác giả và những thừa kế 166
Sự thừa kế các quyền tinh thần 167
- Những người thi hành di chúc 168
• Mẫu di chúc chỉ định người thi hành di chúc 170
- Các quyền tinh thần và sự lạm dụng hiển nhiên của những người đại diện cho cố tác giả 171
Sự thừa kế các quyền di sản 173
VI - THỜI HẠN CÁC QUYỀN
Thời hạn về nguyên tắc 175
Kéo dài thời hạn bảo hộ bằng Luật 27-3-1997 176

Những gia hạn vì chiến tranh 180
VII – NHỮNG NGOẠI LỆ CỦA CÁC QUYỀN DI SẢN
Những trình diễn tư 184
Các sao chép tư 185
Bản sao kỹ thuật số tư 186
Quản lí tập thể việc sao chụp lại 188
Cho mượn công cộng trả tiền 190
Các trích dẫn và phân tích 192
Những trích dẫn các tác phẩm không phải là chữ viết 194
Các bài điểm báo 198
Các diễn văn chính thức và chính trị 198
Các văn bản pháp luật, các quyết định tư pháp và các quốc ca 199
Bài văn bắt chước, tác phẩm phỏng theo hình vẽ biếm họa 199
Việc sao chép các tác phẩm bày ở nơi công cộng 201
Sự xuất hiện với tư cách phụ 202
VIII - HỢP ĐỒNG XUẤT BẢN
Định nghĩa hợp đồng xuất bản 205
Sự chấp thuận của tác giả đối với hợp đồng xuất bản 207
Sự thoả thuận trong hợp đồng xuất bản phải bằng văn bản 207
Nội dung hợp đồng xuất bản 209
Các quyền được chuyển nhượng và phạm vi khai thác 209
Quyền ưu tiên 214
Những nghĩa vụ của tác giả 218
Những nghĩa vụ của nhà xuất bản 224
Hợp đồng với nhiều tác giả 235
Tiền nhuận bút của tác giả và sự khai trình sổ sách 239
Nguyên tắc tiền thù lao theo tỉ lệ 239
Sự miễn phí 243
Cơ sở tính thù lao 245
Sự bù trừ 246
Các phí 248
Việc khai trình sổ sách 249
An ninh xã hội của các tác giả 251
Thuế giá trị gia tăng đối với các quyền tác giả 252
Một hợp đồng mẫu 253
• *Mẫu hợp đồng xuất bản* 255
Sự chuyển nhượng hợp đồng xuất bản 266
Sự phá sản của chủ xuất bản 267
Chấm dứt hợp đồng xuất bản 268
IX- HỢP ĐỒNG TÁC GIẢ CHỊU KINH PHÍ KHOÁN CHO NHÀ XUẤT BẢN HỢP ĐỒNG CHIA PHẦN KINH PHÍ VÀ TIỀN LÃI
Hợp đồng tác giả chịu kinh phí khoán cho nhà xuất bản 271
Hợp đồng chia phần kinh phí và tiền lãi 272
X- HỢP ĐỒNG VỀ NGHE - NHÌN
Hợp đồng ký kết giữa tác giả và nhà xuất bản 275
• *Mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền cải biên sang loại hình nghe- nhìn* 277
Hợp đồng ký kết giữa nhà xuất bản và người sản xuất 281
• *Mẫu hợp đồng lựa chọn về nhượng quyền cải biên một cuốn tiểu thuyết thành phim* 285
• *Mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền cải biên tiểu thuyết sang phim* 287
XI - HỢP ĐỒNG DỊCH
• *Mẫu hợp đồng dịch* 297
XII - HỢP ĐỒNG CHỦ NHIỆM SƯU TẬP
Qui chế pháp lý về chủ nhiệm và sưu tập của người đó 307
Hợp đồng chủ biên sưu tập 311
• *Mẫu hợp đồng chủ nhiệm sưu tập* 316
XIII - CÁC HỢP ĐỒNG ĐỒNG XUẤT BẢN, HỢP ĐỒNG TRỌN GÓI,

CÁC QUYỀN "VẶT" LIÊN QUAN ĐẾN TRUYỀN THÔNG ĐA PHƯƠNG TIỆN
Hợp đồng đồng xuất bản 321
• *Mẫu hợp đồng đồng xuất bản* 324
Hợp đồng quảng cáo 327
• *Mẫu thoả ước về quảng cáo* 327
Hợp đồng chuyển nhượng quyền "bỏ túi" 333
• *Mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền "bỏ túi"* 333
Các hợp đồng về truyền thông đại chúng 340
• *Mẫu hợp đồng xuất bản thông thường* 345
• *Thư thoả thuận sự đóng góp thường* 357
• *Mẫu qui ước về việc giới thiệu một tạp chí* 359
XIV- LUẬT QUỐC TẾ
Công ước Berne 370
Nguyên tắc đồng hoá người theo chủ nghĩa liên hiệp với quốc gia 370
Các tác phẩm có thể được bảo hộ 370
Các quyền được bảo hộ 372
Phụ lục cho Định ước Paris của Công ước Berne 373
Công ước toàn cầu 373
Các hiệp ước song phương hoặc đa phương và điều kiện tương hỗ 374
Hiệp ước Montevideo, sự dàn xếp ở Vienne, Liên minh Châu Âu, GATT, Hiệp ước Châu Âu về nhân quyền và tài liệu về cuộc hội thảo Cracovie 375
Hiệp ước Montevideo 375
- Sự dàn xếp Vienne 375
- Liên minh Châu Âu 375
Công ước châu Âu về nhân quyền 377
GATT 378
Tài liệu Cracovie 379
Sự bảo hộ trên mạng Internet 379
Việc chuyển nhượng quyền 380
• *Mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền xuất bản bằng tiếng nước ngoài* 384
Những điều khoản không bắt buộc 389
Bản quyền về quyền tác giả 389
Không gian cộng đồng nói tiếng Pháp 391
Bỉ 391
Thụy Sĩ 392
Québec 394
Châu Phi 395
XV- SỰ VI PHẠM VÀ SỰ BẢO HỘ CÁC QUYỀN
Sự giả mạo và việc kiện sự giả mạo 401
Khái niệm về sự giả mạo 401
Sự sáng tác và sự diễn đạt 402
Tiểu sử 405
Yếu tố tinh thần 407
Thuật hùng biện pháp lí của những kẻ đạo văn và những người bị ăn cắp văn 408
Sự giả mạo và truyền thông đa phương tiện 410
Kĩ thuật số hóa 411
Thanh nối và métatag 412
Những cuộc thao diễn kĩ thuật 415
Việc làm giả mạo 416
Hình phạt 417
Sự vi phạm về bán lẻ 418
Sự tịch biên về đồ giả mạo 419
Việc kiện về cạnh tranh bất chính 421
NHỮNG ĐỊA CHỈ CÓ ÍCH 423
THƯ MỤC CHUNG 427
TRÍCH BỘ LUẬT VỀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ 430

CÁC LUẬT SỬ DỤNG 467
Quy tắc sử dụng về văn học nói chung 469
Luật sử dụng bản dịch một tác phẩm văn học nói chung ngày 17-3-1993 476
Luật sử dụng về minh hoạ bằng bản vẽ ngày 20-6-1978 482
Công ước về sao chép tác phẩm nghệ thuật 485
Luật sử dụng ảnh minh hoạ ngày 5-5-1993 493

Lời nói đầu

Lãnh vực công cộng, tên tác phẩm được bảo hộ, tính độc đáo của một bản phác thảo, sự sửa đổi một văn bản, việc mua các quyền truyền thông đa phương tiện, sự chuyển nhượng cho một nhà sản xuất các quyền cải biên nghe nhìn, nạn đạo văn, quyền cho mượn, quyền đối với hình ảnh, các cơ sở dữ liệu... Từ nay trở đi quyền sở hữu văn học và nghệ thuật chi phối thường xuyên nghề xuất bản. Trong vài năm gần đây phạm vi can thiệp của luật pháp mở rộng những điều khoản pháp lí và những quyết định của toà án với những kết quả quan trọng đã tăng nhiều. Một vài người thậm chí đã phải tạm gọi hiện tượng này là "luật pháp hóa nghề xuất bản".

Từ bản in đầu tiên cuốn sách này, tháng giêng 1995, qua lần soạn lại năm 1998, một số lãnh vực đã tiến triển tốt hơn: quyền cho mượn hình thành, việc "sao chép tuỳ tiện" mở rộng, các vụ xét xử về truyền thông đa phương tiện tăng nhiều, những bản án về quyền đối với hình ảnh cũng không ít, những việc làm giả và cạnh tranh bất hợp pháp bị buộc tội thì không thể kể hết, v.v...

Quyền sở hữu văn học và nghệ thuật thực sự trở thành một vấn đề ngày càng phức tạp, nó đòi hỏi phải theo kịp, nếu không phải là đi trước, các tiến bộ của công nghệ. Sự thiếu hiểu biết các luật lệ trong vấn đề này, từ nay về sau, có thể gây thiệt hại cho nhà xuất bản, và cho thấy rõ sự cần thiết của việc xuất bản mới cuốn *Quyền tác giả và hoạt động xuất bản*, được soạn lại hoàn toàn và bổ sung đầy đủ hơn thêm nhiều.

Chính bản thân các thuật ngữ đã bao hàm nhiều nghĩa. Sở hữu văn học và nghệ thuật ở Pháp thông thường được gọi là "quyền tác giả". Cơ quan lập pháp và toà án, trên thực tế, cố gắng đặt nhà xuất bản - được xem như, không biết sai hay đúng, là mạnh về kinh tế - vào vị trí yếu về pháp lí. Do vậy, sự thận trọng của nhà xuất bản phải rất cao, và những việc làm táo bạo phải được tính toán kĩ.

Vì thế, chủ định của cuốn sách này là để giúp tạo nên sự cảnh giác và có được những phản xạ kịp thời, nhưng cũng vừa để trả lời những câu hỏi nẩy sinh trong thực tế xuất bản.

Phương pháp được lựa chọn ở đây rất đơn giản: phải rõ ràng, chính xác và trước tiên phải rất thực tế. Điều đó có nghĩa là tránh những cuộc tranh luận lí thuyết về bản chất quyền tác giả của các luật gia chuyên nghiệp, việc áp dụng một sự vô hiệu tương đối hay tuyệt đối v.v... Ngược lại, các quyền và nghĩa vụ của mỗi bên phải được xác định, những cái bẫy ngầm phải được phơi bầy, những lời khuyên, những xảo thuật và những ví dụ được diễn tả lại tỉ mỉ, cũng như vậy ở đây cũng để ra nhiều mẫu hợp đồng phù hợp với một ngành nghề đầy biến động.

Lần xuất bản mới này đã được cập nhật và đặc biệt là bổ sung nhiều điểm mà phần lớn những gì thêm vào đó đã xuất hiện trong các chuyên mục pháp lí đăng tải trong Tuần san giới thiệu sách (Livres Hebdo). Người ta cũng sẽ tìm thấy ở đấy nhiều thư mục tham khảo mới nhất, những trích đoạn dài của Bộ luật sở hữu trí tuệ đã được chỉnh sửa, cũng như là toàn văn các luật sử dụng.

Nhiều mẫu hợp đồng chủ yếu mà phần lớn đã được soạn ra cho lần xuất bản mới này, cũng được kèm theo sách nhưng cũng chỉ mới là để cho có số lượng. Chúng sẽ có thể được bổ sung và trực tiếp sử dụng trong thực tế.

Các tác phẩm và qui chế của các tác phẩm được trình bày trước tiên. Vấn đề là phải xác định những tác phẩm nào được bảo hộ cũng như kiểm soát thời gian bảo hộ này, những người được hưởng lợi từ đó, các quyền phát sinh cùng những ngoại lệ họ phải chịu hoặc là do ảnh hưởng của một cuộc hôn nhân hay một sự kế thừa. Tiếp đến nhiều loại hợp đồng được bình giải (xuất bản, chuyển nhượng các quyền sao chép nghe nhìn, dịch thuật ...). Cuối cùng sách còn nghiên cứu nhiều vấn đề mà nhà xuất bản có thể gặp phải, liên quan đến dù đó là về luật pháp quốc tế hay việc làm giả. Trừ trường hợp quyền đối với hình ảnh, là vấn đề được đặc biệt triển khai trong dịp xuất bản cuốn sách lần này, những bình luận chính xác liên quan đến quyền thông tin (vu khống, xúc phạm đến đời tư v.v...) cũng như việc lưu chiểu bắt buộc đều được lồng vào trong lần xuất bản mới này, và cuốn **Luật của sách**[1] cũng hoàn toàn được soạn lại. Cuốn đó, đồng thời với công trình này, trình bày toàn bộ những vấn đề luật pháp gắn liền với nghề sách và việc xuất bản: sản xuất, phát hành/ công bố, các hiệu sách, những giúp đỡ, tiền trợ cấp công, giá bán sách, các thư viện v.v...

Mặc dù việc biên soạn cuốn sách này rất công phu, nhưng quyền tác giả là một đề tài sống động không ngừng tiến triển, nên nhà xuất bản phải cảnh giác. Ngày nay, sự tiến triển này, tùy thuộc vào khối Liên minh Châu Âu cũng như những tiến bộ công nghệ. Quyền của các tác phẩm truyền thông đa phương tiện đang hình thành. Cũng vậy, nhiều cuộc thảo luận quan trọng kéo dài từ lâu vẫn chưa dứt điểm. Hơn nữa, pháp chế đang biến đổi nên hiệu lực của nó chỉ là tương đối. Những quyết định liên quan đến cơ sở tính toán tiền thù lao cho các tác giả là một minh chứng. Vì vậy, nhà xuất bản, đứng trước mọi vấn đề dù không nghiêm trọng lắm, cũng vẫn cần tham khảo ý kiến của một chuyên gia (luật gia riêng của mình hay của một tổ chức nghiệp đoàn, luật sư v.v...). Nói rõ ra, để xuất bản thật an toàn và định giá catalô của mình không nên chỉ dựa vào hiểu biết của riêng mình về một vấn đề còn tế nhị để xử lí.

Pari, tháng bảy 2005

---

[1] Emmanuel Pierrat, Luật về sách, Nhà xuất bản Trung tâm Thư quán 2005.

I

Các tác phẩm được bảo hộ bằng quyền tác giả

Quyền tác giả bao gồm, không phân biệt, tất cả các tác phẩm văn học và nghệ thuật. Một mặt, nếu không cần phải thực hiện bất cứ một thủ tục nào thì riêng một thành phẩm vật chất được tạo ra có thể được bảo hộ bằng quyền tác giả. Mặt khác, việc bảo hộ này gắn liền với sự tồn tại của cái mà các luật gia gọi là "một sáng tạo có dạng độc đáo". Việc kết hợp các tiêu chuẩn khác nhau đó cho phép, dựa theo luật pháp và pháp chế, xây dựng một tiểu luận loại hình thái học về các tác phẩm được bảo hộ.

Không cần thủ tục đối với quyền tác giả của Pháp

Trong luật pháp của Pháp việc bảo hộ các tác phẩm tinh thần không đòi hỏi một thủ tục nào hết. Thực vậy, điều LIII-1 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ (CPI)[1] qui định "tác giả của một tác phẩm tinh thần được hưởng, về tác phẩm đó, chỉ riêng vì sáng tạo ra nó, một quyền sở hữu thiết thân độc chiếm có thể chống lại mọi quyền khác". Tác giả, và tiếp đó là nhà xuất bản của mình, sẽ được thừa nhận một quyền bảo hộ hữu hiệu mà không cần phải lưu chiểu và đăng kí gì cả. Việc không cần các thủ tục này là một khác biệt giữa quyền tác giả của Pháp so với nhiều luật của nước ngoài. Ví dụ như ở Hoa Kỳ, cho mãi đến 1989 vẫn còn hệ thống nạp bản gốc các tác phẩm làm điều kiện cho việc bảo hộ chúng. Quyền tác giả của Pháp cũng khác ở điểm này với các cơ chế bảo hộ sáng tạo tinh thần khác, như quyền nhãn mác, văn bằng, hoạ đồ và kiểu mẫu.

Một số nạp bản bắt buộc, như nạp bản lưu chiểu, vẫn còn duy trì thuộc trách nhiệm của các nhà xuất bản[2]. Nhưng việc thực hiện các thủ tục đó là hoàn toàn độc lập với việc cấp bằng bảo hộ quyền tác giả.

Cũng như vậy đối với các nạp bản (nộp tác phẩm ??? gốc) trong các hội tác giả, không đem đến thêm một quyền gì khác ngoài việc xác lập quyền tác giả[3].

---

[1] Bộ luật này được thông qua năm 1992 và về quyền tác giả là xây dựng chủ yếu từ các luật 11-3-1957 và 3-8-1985. *Phần phụ lục của sách này sẽ có những điều khoản của bộ luật liên quan đến xuất bản.*

2 Nghĩa vụ lưu chiểu được trình bày trong Luật về sách Nhà xuất bản Trung tâm thư quán xuất bản năm 1999 và được làm sáng tỏ năm 2005 đồng thời với quyển sách này.

3 Toà thượng thẩm Pari, 5-3-1990. Sách quyền tác giả, 1990, no30, tr17.

Do vậy, chỉ có việc tạo ra tác phẩm mới đem lại cho tác giả của nó sự bảo hộ. Mà, theo điều L.111-2 của CPI, "tác phẩm được xem là đã được tạo ra, không phụ thuộc vào việc công bố, mà chỉ riêng vì sự thực hiện những gì mà tác giả đã quan niệm, ngay cả chưa hoàn thành". Để cho một người sáng tạo được cấp quyền sở hữu văn học và nghệ thuật thì một dự định nảy ra trong đầu của anh ta vẫn chưa đủ, mà anh ta phải tiến hành việc thực hiện vật chất. Chỉ riêng sự cụ thể hoá ý tưởng của anh ta sẽ tạo ra điểm xuất phát của việc bảo hộ được thừa nhận bằng quyền tác giả.

Việc áp vào biểu tượng © một thời rất cần thiết ở Hoa Kì không cấp thêm một quyền nào khác, và thực tế dùng để chỉ người thực thụ các quyền cũng như là tác phẩm đã được bảo hộ[1]. Chẳng qua đó là một sự suy đoán về việc thực thụ các quyền, nhưng nó có thể bị lật lại vì chứng cớ trái ngược lại[2].

Sở hữu một ngày tháng nhất định

Chỉ mình sự vật chất hoá tác phẩm, không công bố, do đó không công khai hoá, sau này cũng có thể đặt ra những vấn đề chứng cứ về những gì liên quan đến ngày tháng sáng tạo. Thường thì rất nhiều tháng trôi qua từ lúc xuất hiện dự án một cuốn sách cho đến khi cuốn sách xuất hiện trên thị trường. Vì vậy, trên thực tế các tác giả và các nhà xuất bản đã nhờ vào những kĩ thuật sở hữu một ngày tháng nhất định của sáng tạo, để cho phép sau này xác định được ai đã thực hiện đầu tiên một tác phẩm. Các tác giả, như thế, bảo đảm được tư cách người sáng tạo, còn các nhà xuất bản tiến hành một cách chiếm hữu một dự án mà những người cạnh tranh cũng có thể có ý tưởng về nó. Điều dĩ nhiên là việc sử dụng các kỹ thuật đó chỉ có thể hình dung được kể từ khi tác phẩm được vật chất hoá.

Chính vì thế các nhà xuất bản thường nhờ cậy vào sự công bố trong sách Tuần (Sách Hebdo) để giữ lại một tên tác phẩm hay tên bộ sưu tập. Cũng vậy, người ta có thể tiến hành việc nạp bản cho một công chứng viên (ông này ghi vào các bản gốc của mình) hay cho một nhân viên toà án (ông này sẽ lập một biên bản) để sở hữu một ngày tháng nhất định.

Việc nhờ đến phong bì Soleau cũng là một sự đề phòng có ích và ít tốn kém. Phong bì này do Cục sở hữu công nghiệp quốc gia (INPI)[3] bán ra. Nó cho phép "niêm phong" các tờ sách, giới hạn về số lượng và chứng tỏ sáng tạo của họ có trước.

---

[1] W.J.Kopacz, "Các tác phẩm gốc nước ngoài và ghi copyright (copyright notice) ở Hoa Kì" Tạp chí quyền sở hữu trí tuệ, số 5, 1986, tr 19.

2 Toà thượng thẩm Paris, 7-6-1988, Sách quyền tác giả, 1988, số 8, tr 21.

3 Xem "Những địa chỉ có ích" cuối sách (tất cả các chỉ dẫn của các cơ quan kể trên đều ghi trong phụ lục này).

Việc gửi bảo đảm là kĩ thuật đơn giản và ít tốn kém nhất để sở hữu được một ngày tháng nhất định, với điều kiện tất nhiên là khi nhận không được mở ra và phải bảo quản cẩn thận để cho nhân viên toà án kiểm tra nội dung mọi bằng chứng không thể chối cãi được trong trường hợp có tranh chấp.

Còn lại là các hội thu và phân phối tiền bản quyền, mà chế độ được ấn định ở các điều L.321-1 và L.321-13 của CPI[1], ngoài việc quản lí tiền bản quyền, thu nhận và trả tiền bản quyền theo định kì, phần lớn có thể phục vụ thực hiện việc đăng ký quyền tác giả[2].

Vài trò của sự quản lí tập thể: các hội thu nhận và phân phối

Tổ chức và kiểm tra

Các hồ sơ của "sao chụp tuỳ tiện", của luật cho mượn, hay còn cả bản sao tư có sử dụng quá số lần được phép dần dần các nhà chuyên môn sách phải tìm ra những cơ chế rất riêng biệt của việc "quản lí tập thể". Những người thực hành nói về "quản lí tập thể" ở chỗ mà CPI nêu ra các "hội thu và phân phối tiền bản quyền". Đoàn kết là sức mạnh. Vậy vấn đề là tập hợp trở lại để kiểm tra tốt hơn việc khai thác các tác phẩm, cũng như là để dễ thu các tiền thù lao.

Điều L.321-7 của CPI nhắc lại rằng các hội "phải giữ sẵn cho những người sử dụng sau này danh mục đầy đủ các tác giả và các nhà soạn nhạc của Pháp và của nước ngoài mà hội đại diện". Danh mục này có thể tra cứu "ở trụ sở của hội hay, tuỳ trường hợp, trong các chi nhánh địa phương". Nó phải được "giao bản sao mà không đòi [...] một món tiền nào ngoài giá tiền của bản sao".

Chế độ của các hội đó được sắp đặt trong một chương đặc biệt của CPI. Điều L.321-1 của nó qui định rằng những thực thể đó "hợp thành dưới hình thức các hội dân sự". Nó định rõ "các hội viên phải là các tác giả, các nghệ sĩ biểu diễn, các nhà sản xuất băng ghi âm hay băng video, các chủ xuất bản hay chủ sở hữu của họ. Các hội dân sự được lập nên một cách hợp thức, có tư cách kiện ra toà để bảo vệ các quyền mà hội chịu trách nhiệm theo qui chế ". Các hội cũng có thể đốc thúc những nhân viên đi tuyên thệ đem lại "chứng cứ cụ thể mọi vi phạm các điều khoản" của CPI.

---

[1] Toàn bộ các điều khoản luật và điều lệ áp dụng được cho các hội đều được in trong phụ lục của sách này.

2 Frédérique Ridder, Quyền tác giả, quyền gần giống trong nghe nhìn, những hội thu nhận và phân phối, Dixit, 1994, Việc quản lí tập thể quyền tác giả và các quyền cận kề trong 1995 và 1996 bởi các hội thu và phân phối tiền bản quyền, báo cáo trình bày bởi Phó giám đốc công tác tư pháp của Nha giám đốc hành chính tổng hợp, Phòng sở hữu văn học và nghệ thuật, Bộ Văn hoá và Truyền thông, tháng 6-1997.

Các hội quản lí tập thể, do đó, được giao phó những quyền riêng biệt. Ngoài ra họ có thể sử dụng những số tiền rất quan trọng. Vì vậy các hội đó bắt buộc phải được Bộ Văn hoá chấp thuận. Bộ xem xét các dự án, qui chế và điều lệ chung. "Hồ sơ gửi lên bộ trưởng văn hoá" phải gồm "mọi giấy tờ chứng tỏ tư cách chuyên nghiệp của những người sáng lập cũng như tình trạng các phương tiện nhân lực, vật lực hay tài lực cho phép hội đảm bảo hiệu quả việc thu tiền bản quyền và việc khai thác danh mục của hội".

Điều L.321-3 của CPI trù liệu là "bộ trưởng có thể đưa ra toà thượng thẩm trong trường hợp mà các lí do xác thực và nghiêm trọng đối lập với thể chế (luật lệ) của một trong các hội đó. Toà đánh giá chất lượng chuyên môn của những người sáng lập các hội đó, các phương tiện nhân lực và vật lực mà các hội dự định sử dụng để đảm bảo việc thu tiền bản quyền và khai thác danh mục của họ".

Theo ngôn từ của điều L321-12, "hội thu nhận và phân phối tiền bản quyền, chuyển các kết toán hàng năm của hội lên bộ trưởng phụ trách văn hóa", và còn phải gửi, "theo yêu cầu của bộ trưởng, mọi tài liệu liên quan đến việc thu và phân phối tiền bản quyền cũng như bản sao các thỏa thuận với các bên thứ ba". Ngoài ra còn được trù liệu "ông bộ trưởng phụ trách văn hoá hay người đại diện của ông" có thể "thu thập các thông tin của từng trường hợp và tại chỗ". Cuối cùng, điều L.321-11 dự tính cả những giả thuyết cực điểm, bởi vì "đơn xin giải thể một hội thu và phân phối tiền bản quyền có thể do bộ trưởng phụ trách văn hoá nộp lên toà án" và "trong trường hợp vi phạm pháp luật, toà án có thể cấm một hội tiến hành các hoạt động thu tiền bản quyền trong một phạm vi hoạt động hay đối với một phương thức khai thác".

Việc giám sát các hội quản lí tập thể - mà sự thiếu minh bạch của họ thường là đối tượng công kích - không phải được tổ chức chỉ vì một mình lợi ích của bộ chủ quản. Điều L.321-5 của CPI, sửa đổi bởi luật 1-8-2000, qui định rằng "quyền được thông tin [...] được áp dụng cho các hội dân sự thu nhận tiền bản quyền nhưng không phải vì thế mà một hội viên không có thể nhận được tin tức về số tiền bản quyền phân phối riêng rẽ cho mọi chủ sở hữu khác cũng như cho bản thân".

Điều L.321-6 cấp quyền cho "mọi tập hợp hội viên đại diện cho ít nhất một phần mười số hội viên" được "yêu cầu toà án chỉ định cho một hoặc người chuyên gia chịu trách nhiệm trình bày báo cáo về một hay nhiều nghiệp vụ quản lí".

Chúng ta hãy nhớ lại rằng theo văn bản của điều L.321-4 thì "các hội thu và phân phối tiền bản quyền được cử ít nhất là một uỷ viên và một người dự khuyết vào các việc kế toán".

Những người tham gia trong môi trường xuất bản

Việc "quản lí tập thể" hiện nay được chia sẻ giữa nhiều bên tham gia. Giữa đám mây mù này, các hội hoạt động chống lại việc sao chụp tuỳ tiện được đặt vào một chế độ rất chuyên biệt.

Hội tiêu biểu nhất trong các hội quản lí tập thể hiển nhiên là SACEM (Hội các tác giả, nhà soạn nhạc và xuất bản âm nhạc) vừa mạnh lại vừa bị chỉ trích nhiều. Hội này liên quan đến các nhà xuất bản sách, bởi vì nó quản lí cả các quyền đối với lời các bài hát.

Nhưng môi trường sách dẫn đến liên hệ với một hội rất cổ là SACD (Hội các tác giả và nhà soạn nhạc kịch) chuyên chú ý đến danh mục các tác phẩm kịch hay hư cấu truyền hình. SCAM (Hội dân sự các tác giả truyền thông đa phương tiện) ban đầu chỉ nhằm vào các tác phẩm tài liệu. Lại còn có, trong số các hội quen thuộc nhất, ADAGP (Hội các tác giả nghệ thuật đồ hoạ và tạo hình): nó có trách nhiệm về các nghệ thuật đồ họa, tạo hình, nhiếp ảnh và cả in ti pô, hội cạnh tranh chủ yếu của nó là SPADEM đã phá sản năm 1996.

Có hai hội quản lí tập thể hoạt động đặc biệt cho lợi ích các nhà xuất bản. SCELF (Hội dân sự của xuất bản văn học Pháp, xử lí các quyền của các nhà xuất bản về các cải biên nghe nhìn của catalô của họ).

CFC (Trung tâm khai thác quyền sao chép) can thiệp cho các quyền chụp lại. Qui chế của các hội chịu trách nhiệm về "sao chép tuỳ tiện" lại còn riêng biệt hơn qui chế của các hôi quản lí tập thể khác. Điều L.122-10 của CPI, thật ra, trù liệu: "Sự công bố một tác phẩm bao hàm cả sự chuyển nhượng quyền sao chép bằng kỹ thuật in sao cho một hội [...] đã được chấp thuận về mục đích này, bởi bộ trưởng phụ trách văn hoá. Các hội được chấp thuận có thể tự mình kí mọi thỏa thuận với những người sử dụng vì mục đích quản lí quyền được nhượng đó trừ phi đối với các qui định cho phép sao lại để bán, cho thuê, quảng cáo hay khuyến mãi đúng như thoả thuận của tác giả hay các chủ sở hữu. Không có sự chỉ định của tác giả hay của chủ sở hữu cho ngày công bố của tác phẩm thì một trong các hội được chấp thuận là người được nhượng quyền này". Như vậy, việc sao chụp lại là một lãnh vực ở đó việc dựa vào quản lí tập thể là tự động và thậm chí là bắt buộc[1].

Đó là lí do mà điều L.122-12 xác định rằng "sự chấp thuận của các hội nêu trong dòng đầu của điều L.122-10 được đưa ra căn cứ vào: sự đa dạng của các hội viên; chất lượng chuyên nghiệp của các nhà lãnh đạo; các phương tiện nhân lực vật lực mà họ tính dùng đến", và cả "tính công minh của các thể thức định ra để phân

[1] Xem "Sự chụp lại".

chia các khoản tiền thu được". Và chỉ có một sắc lệnh của Hội đồng Nhà nước ấn định "các thể thức về cấp và thu hồi của chấp thuận đó", cũng như "sự lựa chọn các hội được nhượng". Thoả thuận đó phải kí lại theo từng hạn năm năm.

Còn có nhiều hội quản lí tập thể khác hoạt động trên những lĩnh vực sáng tạo văn hoá khác. Các cơ quan bảo quản và công bố các tài liệu trên các phương tiện trung gian khác nhau, nơi tiêu thụ nhạc và tác phẩm nghe nhìn thì nhiều vô kể, hoặc được các nghệ sĩ biểu diễn đồng ý, hoặc được các nhà sản xuất trao quyền.

SGDL (Hội các văn nhân) đáng kính không phải là một hội quản lí tập thể, nhưng nó dựa trên "bồn nước rửa tội" hội SOFIA (Hội các quyền lợi các tác giả văn bản của Pháp). Nó nhằm quản lí tập thể quyền lợi của các nhà sáng tạo và xuất bản văn học. Việc quản lí "quyền cho mượn", mà hội được chấp thuận chính thức từ đầu năm 2005, là "công trường" ưu tiên[1] của nó. Nó còn có tư cách quản lí các tiền công của bản sao tư, mở rộng lợi ích của các tác giả và các nhà xuất bản văn học, do Luật ngày 17-7-2001 (sửa đổi điều L.311-1 của CPI đối với các bản sao thực hiện trên những trung gian kỹ thuật số).

Còn các hội SORECOP quản lý tiền công của bản sao tư ghi âm và Copie France thì quản lí tiền công của bản sao tư nghe nhìn.

Trái lại, chúng ta quên mất SESAM, thành lập năm 1996 theo sáng kiến đáng kể là của SACEM, của SACD, của SCAM và của ADAGP mà mục đích chính thức - và vẫn là rất lí thuyết - là dùng làm cửa bán vé duy nhất cho truyền thông đa phương tiện.

Việc đăng ký tác phẩm ở một hội quản lí tập thể chẳng góp gì thêm về mặt pháp lý quyền sở hữu văn học và nghệ thuật khi có tranh chấp. Chẳng qua đó chỉ là một hành động cho phép, hoặc là quyền lợi của khuôn khổ quản lí tập thể, nhưng là bằng cớ chứng tỏ một cách có hiệu quả để xác lập quyền tác giả.

Cuối cùng, các hội đó không phải được miễn trừ các nghĩa vụ vì lợi ích chung cho sự sáng tạo văn hoá. Điều L.321 của CPI bắt buộc họ, chẳng hạn như phải sử dụng cho "việc giúp đỡ sáng tác, cho sự truyền bá của cuộc biểu diễn sinh động và cho việc đào tạo nghệ sĩ: 25 phần trăm tổng số tiền thu được từ công việc sao chép tư". Còn về "việc sử dụng các khoản tiền ấy" thì nó là đối tượng "của một bản báo cáo hàng năm của các hội thu và phân phối tiền bản quyền lên bộ trưởng phụ trách văn hoá. Uỷ viên kế toán kiểm tra các thông tin trong bản báo cáo về tính chân thực và sự phù hợp với các tài liệu kế toán của hội. Vì mục đích này, ông ta lập nên một bản báo cáo riêng".

---

[1] Xem "Quyền cho mượn".

Các tiêu chuẩn bảo hộ tác phẩm

Sự bảo hộ bằng quyền tác giả không phải được cấp không hạn chế cho mọi sáng tạo. Có hai điều kiện chủ yếu hạn chế mạnh lãnh vực bảo hộ bằng quyền tác giả.

Để được bảo hộ, tác phẩm trước tiên phải là một sáng tạo cụ thể hoá chứ không phải là một ý tưởng đơn giản. Ngoài ra, tác phẩm phải độc đáo. Cuối cùng, luật pháp loại bỏ hẳn bốn yếu tố không bao giờ được tính đến để xác định một tác phẩm là có hay không được bảo hộ: đó là thể loại, sự biểu hiện, giá trị và mục đích của tác phẩm.

Sự sáng tạo cụ thể hóa và việc loại trừ các ý tưởng

Luật pháp chỉ bảo hộ các sáng tạo cụ thể hoá thành hình thức. Điều đó có nghĩa là nó loại khỏi phạm vi bảo hộ cái ngược lại với sự sáng tạo cụ thể hóa thành hình thức: ý tưởng[1].

Ngay cả khi tác giả tiến hành thực hiện cụ thể ý tưởng của anh ta, thì cũng không phải là ý tưởng sẽ được bảo hộ, mà chính là sự sáng tạo cụ thể hoá thành hình thức được bảo hộ[2].

Do vậy, các quan toà đã đánh giá rất đúng rằng quyền tác giả không thể bảo hộ những niên bạ theo thứ tự chữ cái hay theo khu vực địa lí, nếu chúng chỉ là như thế, bởi vì chúng chỉ thuộc lĩnh vực ý tưởng[3]. Trái lại, hình thức của các niên bạ đó nếu là độc đáo thì nó có thể được bảo hộ bằng quyền tác giả[4]. Một phương pháp kế toán mới cũng không được bảo hộ bằng quyền tác giả; nhưng bài viết giới thiệu phương pháp ấy thì lại có khả năng được hưởng quyền bảo hộ[5]. Cũng như vậy, nguyên lý của một tác phẩm dùng cho những người sống với một người mắc bệnh Alzheimer bản thân nó không được bảo hộ, nếu sự biểu hiện và cấu tạo hai quyển sách cạnh tranh không có gì chung.

---

[1] R. Lindon "ý tưởng nghệ thuật cung cấp cho một người thứ ba để thực hiện" . Tuần lễ pháp lý (JCP), 1970, I, 2295, A. Beitrand "Quyền tác giả và sự bảo hộ các ý tưởng", Sách Quyền tác giả, 1990, số 30, trang 1.

2 Toà thượng thẩm Paris, 13-3-1986, *Dalloz*, 1987, Thông tin nhanh, 150, Nhận xét Claude Colombet, Isabelle Bureau, "Mánh khoé: sự chuyển từ ý tưởng sang sự biểu hiện", Tập san sở hữu trí tuệ, tập 7, số 1, tháng 10-1994, tr 51 (bài tóm tắt về luật Canada)

3 Toà thượng thẩm Paris, 18-12-1924, *Dalloz*, 1925, luật học, tr 30.

4 Toà đại phúc thẩm Paris, 24-9-1976, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, số 93, tháng 7-1977, tr 155.

5 Toà thượng thẩm Paris, 2-8-1870, Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1870, số 272.

Thật vậy, trong khi bản thân ý tưởng không bao giờ được bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật thì tất cả những gì làm nó thành hình thức cụ thể, vật chất hoá nó, có thể xứng đáng được bảo hộ.

Người ta quen nói "các ý tưởng có hành trình tự do[1]". Nó không thể bị chiếm hữu làm của riêng được. Tuy nhiên, nếu các ý tưởng không được bảo hộ bằng quyền tác giả, thì các ngành luật khác, như luật cạnh tranh phi pháp, ngày càng cho phép cấp cho chúng một mức độ bảo hộ nào đó[2].Chính vì thế mà một ý tưởng khoa học[3] hay ngay đến một kiểu sưu tập mới không có tính độc đáo[4], tất cả đều không được bảo hộ bằng quyền tác giả, vẫn có thể được bảo vệ chống lại bọn ăn cắp.

Theo pháp chế thì ít ra những kẻ này cũng phải nói ra tác phẩm họ đã sao chép[5].

Sự bảo hộ này, tuy nhiên cũng kém hiệu lực so với sự bảo hộ bằng quyền tác giả[6].

Tính độc đáo

Điều kiện của tính độc đáo không có ghi dứt khoát trong luật, nhưng chỉ được gợi ra trong hai trường hợp. Vậy nên khó mà nêu ra định nghĩa cho nó. Tuy nhiên, theo pháp luật đó là yếu tố cần thiết nhất cho sự bảo hộ bằng quyền tác giả[7].

Các toà án thường được hỏi về khái niệm này đều nhận thức rằng đó là "dấu ấn nhân cách của tác giả[8]". Vậy tính độc đáo là dấu hiệu năng lực cảm giác của tác giả, là sự thể hiện nhận thức về chủ đề, đó là những lựa chọn mà tác giả đã tiến hành không phải là do chủ đề áp đặt. Người ta cũng có thể hiểu đó là sự can thiệp của chủ quan vào việc xử lí một chủ đề. Tác giả một tập ảnh catalô và công cụ cho những chuyên gia phục chế không được pháp luật đồng ý bảo hộ bằng quyền tác giả vì lí do các đồ vật được xếp theo thứ tự và địa điểm các ảnh chụp đều có trong các tập ảnh của các hội khác[9]. Sự sáng tạo của anh ta vậy là thiếu tính độc đáo.

---

[1] Henri Desbois, Quyền tác giả ở Pháp, *Dalloz*, in lần thứ ba, 1978, số 17 và tiếp.

2 Jérôme Passa, Làm giả và cạnh tranh phi pháp, IRPI-Litec, 1997. Sylvian Durrande, "Quan hệ giữa làm giả và cạnh tranh phi pháp", *Dalloz*, 1984, Biên niên sử, 187. Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 13-4-1988, Kỉ yếu dân sự, I, số 96.

3 Toà thượng thẩm Aix-en-Provence, 13-1-1958, *Dalloz*, 1958, 142.

4 Phòng thương mại Toà phá án, 27-II-1990, *Tuần lễ pháp lí (JCP)*, 1990, II, 21545, ghi chú Frédéric Polland-Dulian.

5 Toà đại phúc thẩm Paris, 25-1-1988, Tập san quyền tác giả, số 9, 1988, tr 15. Toà đại phúc thẩm Paris, 11-2-1988, Tập san quyền tác giả, số 9, 1988, tr 17. Toà đại phúc thẩm Paris, 5-1-1983, *Tập san quốc tế quyền tác giả*, tháng4-1983, số CXVI, tr 210.

6 Để hiểu rõ hơn về cạnh tranh phi pháp, xem chương XV "Sự xâm phạm và sự bảo vệ các quyền".

7 André Lucas và Pierre Sirinelli, "Tính độc đáo trong quyền tác giả" *Tuần lễ pháp lí (JCP)*, 1993, 3681, tr 253.

8 Toà thượng thẩm Paris, 20-4-1989, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng I-1990, số CXXXXIII, 317.

9 Toà thượng thẩm Versailles, 11-2-1987, *Dalloz*, 1988, Tóm tắt, 201 nhận xét Colombet.

Tính độc đáo không phải là sự sáng tạo, cũng chẳng phải là cái mới cần phải phân biệt rõ ràng. Một tác phẩm có thể là độc đáo mà không phải là mới: vậy nó sẽ được hưởng sự bảo hộ bằng quyền tác giả ngay cả khi nó lấy lại một đề tài đã được khai thác hàng trăm lần rồi, nhưng làm theo cách của nó. Cũng như vậy một tác phẩm có thể là độc đáo mà vẫn nhờ sự đóng góp của một tác phẩm khác. Các bản dịch, cải biên... cũng thế. Khác với cái mới là khái niệm khách quan được đánh giá theo trình tự thời gian - tác phẩm mới là tác phẩm được tạo ra đầu tiên - tính độc đáo lại là một khái niệm hoàn toàn chủ quan. Ngay từ khi tác phẩm mang dấu ấn cá tính của tác giả, nó phản ánh những lựa chọn cá nhân thì nó đã được bảo hộ bằng quyền tác giả.

Về văn học, tính độc đáo nằm trong hai yếu tố: bố cục và thể hiện.

Bố cục là sự sắp xếp các chương, sự nối tiếp cốt truyện, cách khai thác đề tài, dàn bài. Những người thừa kế của Magaret Mitchell buộc tội - một cách sai lầm - Régine Deforges đã bắt chước bố cục độc đáo của *Cuốn theo chiều gió*[1].

Cách thể hiện là văn phong, sự lựa chọn các từ , các ngữ điệu của câu. Thierry Ardisson đã bị báo chí chỉ trích vì đã mượn cách thể hiện của một tác giả khác trong tiểu thuyết *Pondichéry* của ông[2].

Tính độc đáo của một cuốn sách có thể chỉ nằm trong riêng cách thể hiện hay riêng cách bố cục của nó mà thôi. Vì thế một hợp tuyển truyện hoang đường chỉ độc đáo ở bố cục của nó. Tác giả của hợp tuyển sẽ không thể đòi chiếm hữu riêng các bài đã chọn, nhưng trái lại, sẽ có thể kiện bất cứ ai lấy lại cách sắp xếp mà anh ta đã theo[3]. Ngược lại, một cách kể tiểu thuyết hoá của *Người đẹp ngủ trong rừng* sẽ là thành công ở sự thể hiện chứ không phải ở bố cục của nó.

Cuối cùng, không nên quên rằng thiếu tính độc đáo, và do đó thiếu sự bảo hộ bằng quyền tác giả, nhà xuất bản luôn có thể viện lẽ cạnh tranh phi pháp[4] để làm nản lòng bọn "sao chép". Đáng kể là chuyện xảy ra trong trường hợp một tờ báo chiếm hữu những cảnh phiên toà truyền hình đã được công bố bởi một đối thủ cạnh tranh.

---

[1] Toà thượng thẩm Versailles, 15-12-1993, *Dalloz*, Luật học, 1994, 132, ghi chép Pierre-Yves Gautier.
[2] Marie-Christine Imbault, "Ardisson làm việc chống Pivot của dây cáp", *Sách Tuần*, số 294, 22-5-1998, tr 10.
[3] Pierre Frémond "Những hợp tuyển thực hiện bằng chọn ảnh". *Sách quyền tác giả*, số 20, 1989, tr 1.
[4] Xem, Vấn ở đấy, chương XV "Sự xâm phạm và việc bảo vệ các quyền".

Những tiêu chuẩn bị loại bỏ

Mọi phán xét về giá trị, mọi xem xét về những yếu tố ngoài sự sáng tạo ra hình thức cụ thể và tính độc đáo, đều phải loại bỏ khỏi sự đánh giá về việc bảo hộ một tác phẩm bằng quyền tác giả. Điều L.112-1 của CPI, thật ra, qui định rằng đều được bảo hộ các "quyền của các tác giả trên tất cả các tác phẩm trí tuệ bất kì thể loại, hình thức biểu hiện, giá trị hay mục tiêu sử dụng".

Việc cấp quyền bảo hộ tuỳ theo thể loại cần được xoá bỏ. Một cuốn tiểu thuyết trinh thám hay khiêu dâm[1] điều có thể được hưởng một sự bảo hộ như quyển *Hội thoại của các nữ tu sĩ dòng Carmel.*

Tất cả các hình thức thể hiện đều được bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật[2]. Một diễn tấu sân khấu hay một từ điển bách khoa, một tác phẩm viết cũng như một tác phẩm nói đơn thuần (một vở kịch không xuất bản chẳng hạn) đều có cùng tư cách được bảo vệ.

Giá trị cũng không được tính vào tiêu chuẩn bảo hộ: giá trị nghệ thuật, thẩm mĩ hay văn học, "trình độ" một quyển sách đều không thể can thiệp vào[3]. Mức độ chân thật hay chất lượng thẩm mĩ của những lời viết ra trong tác phẩm thế nào cũng được, chúng đều có khả năng được bảo hộ như nhau bằng quyền tác giả.

Cuối cùng là mục tiêu sử dụng của tác phẩm, tức là cái đích (công chúng) mà tác giả nhắm tới, cũng không được xem xét. Cuốn sách được bảo hộ có thể là một sách dạy nuôi cá cảnh, một niên bạ các địa chỉ hàng thịt cũng như một bài thơ dài trừu tượng... Thực dụng hay thẩm mĩ, mọi văn bản viết đều có thể được bảo hộ.

---

[1] Phòng hình sự, Toà phá án, 6-5-1986, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt, 151, nhận xét Colombet.

2 Toà thượng thẩm Paris, *1901201913, Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1914,* 209.

3 Caroline Carreau, Giá trị và quyền tác giả, LGDJ, 1981, Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 6-3-1979, *Tuần lễ pháp lí (JCP)*, 1979, IV, 169.

II

Hệ thống loại hình các tác phẩm được bảo hộ

Các tác phẩm được bảo hộ có thể thuộc những bản chất rất khác nhau, ngay từ khi nó đáp ứng các tiêu chuẩn về hình thức và tính độc đáo[1]. Một danh sách các tác phẩm đó, tuy chưa đầy đủ, đã được cơ quan lập pháp đưa ra ở điều L.112-2 của CPI. Có thể nêu cụ thể ra đây những loại liên quan đến các nhà xuất bản.

- Sách và tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học.

- Bài nói chuyện, bài phát biểu, thuyết giáo, lời biện hộ;

- Tác phẩm đồ hoạ, hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc, bản khắc, kĩ thuật in li-tô;

- Ảnh chụp

- Tranh minh họa; bản đồ địa lí;

- Đồ án, phác thảo và tác phẩm liên quan đến địa lí, trắc địa, kiến trúc và khoa học;

- Tác phẩm đồ thị và in ti-pô.

Đó lá những tác phẩm mà người ta có thể gọi là tác phẩm gốc.

Còn điều L.112-3 của CPI lại nêu ra, về phần nó, còn có những tác phẩm gọi là phái sinh:

- Tác phẩm dịch, phóng tác, cải biên hay chuyển thể từ những tác phẩm trí tuệ được bảo hộ.

- Hợp tuyển hay tuyển tập các tác phẩm khác nhau "mà, do việc lựa chọn hay sắp xếp các đề tài tạo nên những sáng tạo trí tuệ".

Cuối cùng, các tiêu đề, cũng như các cơ sở dữ liệu, từ nay về sau, đều được bảo hộ bởi CPI trong các qui định đặc biệt.

Liệt kê này đã được bổ sung thêm nhiều, do quyết định của toà án đã tuyên bố bảo hộ nhiều sáng tạo không phải luật định nhưng lại liên quan trước hết đến các nhà xuất bản.

Dĩ nhiên nó được ghép vào các loại hình tác phẩm trí tuệ khác chưa gây ra những tranh luận trước pháp luật hay sẽ được sáng tạo.

Vậy là chúng ta có thể nhìn tổng quát về những tác phẩm được bảo hộ bởi quyền tác giả - phải nói rõ thêm một lần nữa là chưa toàn diện - khi nghiên cứu các

---

[1] Xem chương 1 "Những tác phẩm được bảo hộ bằng quyền tác giả".

điều khoản luật cũng như những đóng góp của quyết định toà án. Liệt kê chỉ cho các nhà xuất bản, trong số các sản phẩm của họ, sản phẩm nào được bảo hộ, những cũng để cho họ cảnh giác với mọi khai thác không phải lúc một tác phẩm được bảo hộ và công bố bởi một nhà xuất bản khác.

Các tác phẩm gốc

Các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học

Đứng đầu bản liệt kê bao gồm trong điều khoản L.112-2 của CPI là các "tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học".

Thực tế thì bất kì tác phẩm nào chứng tỏ được tính độc đáo đều có thể đòi hỏi bảo hộ bằng quyền tác giả. Vì vậy các toà án có thể chấp nhận sự bảo hộ bằng quyền tác giả cho các tác phẩm khác nhau như sách hướng dẫn du lịch của một thành phố[1], một chương trình cuộc đua [2], một catalô in mẫu hàng[3], những ghi chép của một nhà chính trị trong quá trình một cuộc họp[4], một danh mục[5], một lịch biểu thiên văn[6], một quyển lịch[7], văn bản mô tả một bằng sáng chế[8], các bản tường trình giao dịch chứng khoán[9], bản tóm tắt một quyết định của toà án[10], một luận án[11], một sổ hướng dẫn pha chế cốc tay[12], một bản chỉ đường[13], một sổ hướng dẫn tính tiền thù lao trong xử lí dữ liệu[14], những chuyện kì quặc[15], một sách in mẫu triển lãm[16], một tập công thức các loại[17], một sổ tay chiêm tinh học[1], một sách Kinh[2], v.v...

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 6-5-1987, *Dalloz*, 1988. Tóm tắt, 202, Nhận xét của Claude Colombet.
[2] Phòng thỉnh cầu của Toà phá án, 14-1-1885, Sirey, 1885, I, 127.
[3] Toà thượng thẩm Nancy, 18-4-1893, 2, 418.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 28-5-1986, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt, 251, Nhận xét của Claude Colombet.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 19-6-1984, *Dalloz*, 1985, Thông tin nhanh 209. Nhận xét của Claude Colombet.
[6] Phòng hình sự của Toà phá án, 27-11-1869, *Báo định kì Dalloz*, 1870, I, 186.
[7] Toà thượng thẩm Paris, 14-4-1986, *Dalloz*, 1987, Thông tin nhanh 152, Nhận xét của Claude Colombet.
[8] Toà án thương mại Paris, 17-1-1968, Báo cáo Toà án, 1968, 197/
[9] Toà án dân sự Amiens, 17-7-1941, *Dalloz tuyển tập phê bình*, 1942, 53, ghi chép Debois.
[10] Toà án dân sự của Seine, 7-5-1895, *Biên niên sử Sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1898, 303.
[11] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-6-1994, *Dalloz*. Tóm tắt, 53, Nhận xét của Claude Colombet. Toà thượng thẩm Paris, 28-4-2004, Truyền thông thương mại điện tử, 2004, trang 30, nhận xét Christophe Caron.
[12] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-1-1988, *Sách quyền tác giả số 9*, 1988, trang 14.
[13] Toà thượng thẩm Paris, 18-12-1924, Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1926, 99.
[14] Toà thượng thẩm Paris, 27-11-1975, Biên niên sử Sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1976, 110.
[15] Toà thượng thẩm Paris, 23-9-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1993, số CLVI, 224.
[16] Toà thượng thẩm Paris, 8-6-1983, *Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, 511.
[17] Toà thượng thẩm Paris, 7-5-1928, *Báo của các Toà án*, 1929, 2, 309.

• ***Các luận án đại học***

Từ một thế kỉ nay các giáo sư đại học khăng khăng muốn bảo vệ luận án của họ đến tận trước các toà án. Các nhà xuất bản đôi khi cũng đứng về phía họ.

Từ năm 1905, toà án dân sự Seine đã tán thành việc bảo hộ một luận án y học[3]. Từ bấy, tất cả các loại văn liệu đại học đã được xem xét bởi các quyết định của toà án.

Một khóa luận tiến sĩ về quản lí đã được đưa vào qui chế tác phẩm trí tuệ hưởng quyền tác giả nhờ vào một quyết định của Toà thượng thẩm Paris trong năm 1975[4]. Tác giả của khoá luận đã khởi kiện một công trình bắt chước tác phẩm của ông được công bố do việc trao giải thưởng của một xí nghiệp thuộc lãnh vực có liên quan. Vụ kiện này đã khiến cho các quan toà cùng liên kết trừng phạt xí nghiệp này vì đã xem nhẹ việc kiểm tra xác minh. Nhà xuất bản tác phẩm giả mạo đó, trái lại, đã biện hộ thành công cho sự ngay thẳng của mình...

Cũng như vậy, năm 1989[5], toà án đại phúc thẩm Paris đã nhắc lại một điều luật nói rằng một bài viết tóm tắt một luận án tiến sĩ, về mặt pháp lí, chỉ có thể tồn tại dưới sự bảo đảm bản quyền của tác giả bản gốc, tức là của người làm luận án.

Tuy nhiên, tất cả các quan sát viên được phép, đều nhấn mạnh đến những mâu thuẫn vẫn còn giữa sự chặt chẽ cần thiết của nghiên cứu khoa học và Luật sở hữu trí tuệ. Thực ra, luật này đòi hỏi một tác phẩm phải có tính độc đáo trong hình thức thể hiện để được hưởng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật. Chính vì vậy mà những ý tưởng đơn giản, những nguyên tắc, những phương pháp và các khám phá không có tư cách là đối tượng được bảo hộ. Chỉ riêng cách trình bày (văn phong dùng để bố trí sắp xếp luận văn) là được bảo hộ.

Nói cho rõ theo kiểu của Georges Koumantos, là nếu các đề bài toán có thể được bảo hộ bởi quyền tác giả[6], thì các cách giải cũng phải được bảo hộ như thế.

Vậy là tồn tại, theo như cách nói của Xavier Strubel[7] "một tình trạng không tương xứng giữa tính độc đáo thực sự nằm ở thực chất và đòi hỏi của pháp lý chỉ có yêu cầu duy nhất là làm rõ tính độc đáo hình thức".

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 11-2-1988, *Sách quyền tác giả*, số 9, 1988.
[2] Phòng thỉnh cầu Toà phá án, 7-11-1894, *Dalloz báo định kỳ*, 95, I, 153.
[3] Toà án dân sự Seine, 25-11-1905, *Biên niên sử Sở hữu công nghiệp, văn học và nghệ thuật;* 1906, tr 100.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 17-5-1975, *Tập san quốc tế Quyền tác giả*, tháng 10-1975, trang 133.
[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 18-9-1989, *Sách quyền tác giả*, tháng 11-1989, số 21, trang 18.
[6] Georges Koumantos, "Quyền tác giả về các cách giải bài toán và bài tập toán học", *Quyền tác giả*, 1969, trang 137.
[7] *Sự bảo hộ các tác phẩm khoa học trong quyền tác giả của Pháp*, Các nhà xuất bản CNRS.

Còn phải nói kĩ đến hành động cạnh tranh bất hợp pháp đối với trường hợp mà những khảo cứu khoa học bị ăn cắp không có đủ điều kiện về tính độc đáo[1]. Toà đại phúc thẩm Paris đã xử rất nghiêm khắc, trong năm 1999, một giáo sư hướng dẫn luận án, có lợi cho một trong các sinh viên của ông ta. Giáo sư này đã sử dụng cho cuốn sách của ông rất nhiều trích đoạn và bảng của các xuất bản phẩm trước đó không hề thay đổi tí nào về cách trình bày, nội dung, cách biên soạn [...] công trình của ông xuất hiện như một việc cắt dán [...] ông sao chép lại một cách hèn hạ những tài liệu được dùng không phải như một nguồn khai thác mà như là chính chất liệu của cuốn sách công bố". Các quan toà kết luận rằng "việc làm đó tạo thành một tội ăn bám".

Trong luật chung về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật chỉ có mỗi một điều rõ ràng cho phép một chủ thuê người tự cho mình quyền khai thác các công trình của người làm công ăn lương của ông ta. Đó không phải là trường hợp đối với các công chức, ngoại trừ giáo giới, mặc nhiên phải chịu nhượng những quyền "hết sức cần thiết cho việc hoàn thành công việc công cộng". Vậy đó cũng là trường hợp của nhiều nhà nghiên cứu không thể kiện cáo dễ dàng trước công lí khi các pháp luật của họ bị sao chép vô liêm sỉ".

Năm 1999, Toà đại phúc thẩm Paris đã đánh giá về việc làm giả một luận án[2] rằng "công chức, tác giả những công trình khoa học. Tuy nhiên vẫn được thừa nhận một quyền lợi chính đáng cho phép đòi hỏi sự tôn trọng các luật lệ trong các môi trường khoa học đối với việc sử dụng các công trình nghiên cứu và công bố của họ; [...] quyền lợi hợp pháp đó được bảo hộ bởi việc áp dụng [...] của bộ Luật dân sự xét xử việc làm biến tướng và ăn bám, nếu như người khác sử dụng công trình của họ mà không có lời dẫn về tác giả và tác phẩm đã được khẳng định là công bố đầu tiên.

Cuối cùng là quyền tinh thần, nó được thể hiện đáng kể bằng quyền công bố, cho phép tác giả và chủ sở hữu ngăn chặn việc công bố các văn bản chưa phát hành. Một sinh viên đã được phép sử dụng thư tín liên lạc giữa Romain và Rolland và Stephan Zweig cho luận án của mình. Toà thượng thẩm Paris năm 1973 đã tán thành với bà vợ goá của nhà văn yêu cầu xét xử một cuốn sách xuất bản mà người làm luận án đã rút ra từ những thư tín đó[3].

• *Từ điển*

Các từ điển và bách khoa toàn thư khác chiếm một phần quan trọng của thị trường sách. Do đó cần có một pháp chế phong phú và có nhiều chỉ dẫn liên quan đến sự bảo hộ cần thiết cho nó và qui chế các thành viên biên soạn.

---

[1] Xem "Vụ kiện trong cạnh tranh bất hợp pháp".
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 31-3-1999, đã nêu.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 10-5-1973, *Tuần pháp lí* (JCP) 1973, II, 17475.

Khi bị bắt quả tang về các định nghĩa các từ trong từ điển, những nhà xuất bản thô lỗ thường cố lẩn trốn sau cùng một tuyến phòng ngự: các nhà xuất bản xưa nhất của lãnh vực này không thể, dưới cái vỏ trình bày tầm thường, chiếm hữu riêng những gì thuộc vốn kiến thức chung của nhân loại. Các cấp toà án, do đó, từ lâu đã quan tâm bảo hộ các thành phần tạo nên các từ điển.

Năm 1997, toà án thương mại Paris, xét xử vụ kiện nổi tiếng *Maxidico*[1] đã cho phép nhắc lại rằng, về luật, các từ điển là những tác phẩm văn học đầy đủ và trọn vẹn. Về trường hợp này, các quan toà đã cứu xét các hành động làm giả ngay trong các danh mục, đặc biệt trong số lượng và cách chọn các mục từ: "Ví dụ ở chữ A, Maxidico đã bỏ đi 807 trong số 4899 từ bao gồm trong danh mục của *Petit Larousse illustré* và chỉ thêm vào có 42 từ".

Trái lại, vẫn trong vụ kiện *Maxidico*, các quan toà đã nhận định rằng nhiều yếu tố "mà một số đã được các nhà xuất bản khác chấp nhận, không có tính chất một việc làm giả, cũng không phải mang bản chất gây nên nhầm lẫn cho một khách mua ít kĩ tính". Cũng có nhận định như vậy về khổ sách, về các đoạn phân cách, về sự lên trang theo ba cột, về việc in chữ hoa đối với các mục từ trong danh mục các danh từ chung, về việc trình bày những quốc kỳ ở các tờ "gác" ở đầu và cuối sách, về danh sách những người được giải thưởng Nobel và huy chương Fields[2], hay hơn nữa về một tập bản đồ và về một bảng cách chia động từ với một chỉ dẫn về sự tương hợp của phân từ...

Cần nhớ thêm rằng Jean Vautrin, trước mọi vụ kiện ra toà, đã tự ý quyết định ghi vào trong *Một bước lớn đến với Chúa* những công trình của nhà ngôn ngữ học Patrick Griolet, mà công trình đáng chú ý của ông là một cuốn từ vựng tiếng Cajun nhan đề *Các từ của Louisiane*[3].

Một khó khăn khác thuộc loại đó[4] cũng ảnh hưởng đến việc bảo hộ các trang tranh minh hoạ. Mục đích của chúng thực ra là làm cho thật giống thực tế. Từ năm 1907, toà thượng thẩm Angers đã kết luận rằng những trang tranh đó không thể nào tránh khỏi giống nhau ở nhiều chỗ.

Các toà án còn luôn luôn được yêu cầu xét đến về các nhan đề. Năm 1997, toà thượng thẩm Paris đã cho rằng *Sách thông dụng bỏ túi* là một việc làm giả nhan đề

---

[1] Toà án thương mại Paris.

[2] Giải thưởng quốc tế về toán học, do nhà toán học Canada Cai Fieldings sáng lập năm 1936, dành cho các nhà toán học dưới 40 tuổi (4 năm một lần).

[3] Toà thượng thẩm Paris, 31-1-1997, *Dalloz*, Vụ kiện, 1997, tr 385, 4 Christine Ferrand, "Sự biện hộ được xem như loại hình văn học". *Sách Tuần*, số 274, 2-2-1998, tr 55, Annie Favier, "Robert thắng ở thượng thẩm chống lại LGF", *Sách Tuần*, số 235, 7-2-1997, trang 29.

[4] Cajun: một cộng đồng nhỏ dân cư gốc Pháp ở Hoa Kỳ, vẫn sử dụng một thứ tiếng Pháp cải biên.

"Sách thông dụng". Nhưng năm 1953, toà đại phúc thẩm Paris đã đánh giá nhan đề "Cái thiết yếu" là quá mang tính miêu tả để được hưởng quyền bảo hộ. Quyền này đã bị tước bỏ làm thiệt hại đến người cung khai ở toà đã viện lẽ chống lại một người cạnh tranh xuất bản cuốn *Từ điển những cái thiết yếu*[1].

Việc ăn cắp thuần tuý và đơn giản thì rất dễ dàng trừng phạt. Vì thế mà ngay từ 1998 Encyclopaedia Universalis đã buộc những kẻ làm giả phải chịu án phạt khi sao lại các CDrom một cách bán công nghiệp.

Ý thức về những đầu tư lớn phải có cho việc quan niệm và việc sản xuất một cuốn từ điển, nhà lập pháp đã từ lâu chấp nhận cho nó một qui chế đặc biệt.

Do đó có sự trù liệu là thời hạn bảo hộ quyền thừa kế đối với các tác phẩm tập thể có nhiều tập được tính cho toàn bộ tác phẩm, kể từ khi công bố thành phần cuối cùng. Tuy vậy, ít nhất việc công bố toàn bộ phải được "hoàn toàn thực hiện trong một thời hạn là hai mươi năm tính từ khi công bố một thành phần đầu tiên".

Nhưng, từ khi có Luật 27 tháng Ba 1997, điều L.123-3 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ qui định, về vấn đề thời gian bảo hộ các quyền tài sản: "Trong trường hợp mà một tác phẩm [...] tập thể được công bố theo từng kì thì kì hạn trôi qua tính từ ngày 1 tháng Giêng của năm thường tiếp sau ngày công bố của từng thành phần". Thời gian bảo hộ tất nhiên từ thời điểm đó đã được đưa từ năm mươi lên sáu mươi năm[2].

Dù là chủ đích thực của tác phẩm hay chỉ là người cộng tác, các tác giả từ điển đôi khi đều bị các nhà xuất bản coi như là những người sao chép tầm thường. Những tranh tụng kịch liệt càng chứng tỏ cái cương vị lạ lùng đó.

Thông thường thì người ta coi các từ điển là những ví dụ hoàn hảo về công trình tập thể: toà phá án vẫn còn đánh giá như thế trong năm 2004[3]. Và hiệu lực pháp lí của sự thẩm định rằng đó là công trình tập thể tước đi một cách lạ lùng mọi quyền của những người làm từ điển bách khoa âm thầm. Những vụ xét xử nhiều đến mức bất bình thường về vấn đề này không phải bao giờ cũng nhẹ tay như vậy.

Chính vì thế ngày 12 tháng Giêng năm 2000, trong một quyết định gây tiếng vang, toà thượng thẩm Paris đã thừa nhận lí lẽ của bà phụ trách bộ môn "tiếng Pháp" của một nhà xuất bản từ điển. Hợp đồng bà này kí năm 1984 về một quyển từ điển nhan đề *Từ điển nhỏ cho người bắt đầu học* thực tế đã bị hủy bỏ vì "cưỡng bức". Các quan toà đã ghi nhận rằng "do điều lệ đối với người làm công ăn lương

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 16-12-1993. *Quyền sở hữu công nghiệp - Công báo tài liệu*, 1994, III, 218, số 564.

[2] Xem chương VI "Thời hạn các quyền".

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 16-11-2004, *Tạp chí Lamy quyền phi vật chất*, 2005/3, số 78, ghi chép Agnes Maffre-Bangé.

đặt bà vào một tình thế lệ thuộc kinh tế với hội [...] bà đã buộc phải chấp nhận các kì hạn của hợp đồng mà bà đã kí ngày 21 tháng Sáu 1984, không thể nào bác bỏ những điều bà nhận thấy là trái ngược với những quyền lợi cá nhân cũng như với các điều khoản bảo hộ của quyền tác giả [...] Từ chối các thời hạn hợp đồng đó sẽ nhất thiết dẫn đến hậu quả làm cho hoàn cảnh làm công ăn lương của bà bị bấp bênh, có nguy cơ bị sa thải trong bối cảnh xã hội của những năm 1983-1984 ở doanh nghiệp như đã được chứng minh bởi nhiều trích đoạn báo chí là đúng sự thực và nghiêm trọng..."

Tuy nhiên, toà phá án đã phản đối phúc nghị và nhận định rằng "chỉ riêng việc lạm dụng một hoàn cảnh lệ thuộc kinh tế để kiếm lợi từ nỗi sợ hãi một điều xấu đe dọa trực tiếp những lợi ích chính đáng của cá nhân, có thể sự đồng ý vì cưỡng bức của bà ấy trở thành không hợp thức; trong lúc quyết định làm như thế, không nhận thấy là khi chuyển nhượng chính bà K đã bị đe dọa bởi kế hoạch cho thôi việc và người chủ sử dụng đã lợi dụng cơ hội để thuyết phục bà ấy, toà thượng thẩm đã không có được một cơ sở pháp lí cho quyết định của toà[1]".

Quyền tinh thần[2] - mà chúng ta sẽ đơn giản nhắc rằng nó không thể chuyển nhượng và là vĩnh viễn - luôn luôn là đòi hỏi của những cộng tác viên bị đối xử tồi.

Tòa đại phúc thẩm Paris, ngày 27 tháng Mười 1999[3], cũng đã kết án một nhà xuất bản từ điển quan trọng khác. Tên của tác giả đã bị xoá bỏ trong nhiều lần khai thác lại phần đóng góp của ông, cũng như lời tựa ông đã viết và cả tiểu sử của ông trong một số bản dịch. Ngoài bồi thường thiệt hại quyền lợi trên cơ sở quyền tinh thần, nhà xuất bản phải trả tiền thù lao mới cho những khai thác mới.

Cũng vậy, năm 1983, toà đại phúc thẩm Paris đã kết án một nhà xuất bản không đề tên một chuyên gia đã xem lại một tái bản của một quyển từ điển Pháp – Tây Ban Nha. Năm 1988, toà thượng thẩm Versailles đã nhắc nhở rằng một nhà nhiếp ảnh phải thấy tên mình được tôn trọng và vì vậy được in rõ ràng ngay trong một từ điển bách khoa[4].

Song, các văn bản cho phép tính toán tiền thù lao cho các tác giả từ điển thích hợp với cơ cấu riêng các sản phẩm đó.

Vì thế mà điều L.132-6 của bộ Luật sở hữu trí tuệ qui định: "Về những gì liên quan đến việt xuất bản sách để bán, tiền thù lao của tác giả có thể là đối tượng của một thù lao khoán cho lần xuất bản đầu tiên, với sự đồng ý được tác giả chính thức phát triển, trong các trường hợp sau đây: [...] hợp tuyển và từ điển bách khoa".

---

[1] *Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 3-4-2002, Dalloz, 2002, trang 1860, ghi chép Jean - Pierre Gridel.*
[2] Xem "Các quyền tinh thần".
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 27-10-1999, chưa in.
[4] Toà thượng thẩm Versailles, 20-5-1988, *Dalloz*, 1989, Tóm tắt, trang 44, Nhận xét Claude Colombet.

Cũng vậy, các tập đoàn tác giả chấp nhận sự chậm chạp và nặng nề của những đầu tư xuất bản như thế. Điều lệ về những cách sử dụng ảnh minh họa kí ngày 5 tháng Năm 1993, - giữa Nghiệp đoàn quốc gia về xuất bản (SNE) và các tổ chức nhiếp ảnh - xếp đặt "quyền cơ bản dùng để tính các phí quản lí và thuế bảo vệ" đối với "các công trình có tính chất bách khoa[1]".

Thoả thuận về vấn đề sao chép các tác phẩm nghệ thuật - kí năm 1983 giữa Hiệp hội phổ biến nghệ thuật đồ hoạ và tạo hình [2] và SNE - về mục các "định mức các thuế khoán", nêu ra các loại đặc thù của bách khoa thư và từ điển.

Tuy nhiên chúng ta khẳng định rằng AGESSA[3] thừa nhận dứt khoát là những người biên soạn các bài chủ yếu, in trong các công trình tập thể (trong đó có các bách khoa thư) đều liên quan đến qui chế của hội.

Một sách hướng dẫn về li dị, nếu được chứng minh rằng nó không phải là "sự nhặt lại đơn giản" các bài viết đang có hiệu lực mà là một bài viết dựa trên một "dàn bài cụ thể" được xem là độc đáo và vì thế được bảo hộ bằng quyền tác giả[4]. Trái lại một cuốn sổ của cổ động viên bóng đá bị từ chối mọi sự bảo hộ bằng quyền tác giả vì thiếu tính độc đáo[5], cũng như là một danh mục địa chỉ mà cả cách viết lẫn văn bản không có phần đóng góp gì ngoài các thông tin[6]. Một công việc tập hợp thông tin và sắp xếp theo niên đại không phải là một tác phẩm, và tác giả của nó được thuê làm như *"người phụ giúp thu thập tài liệu văn hoá, nghệ thuật"* cho việc xuất bản một sách catalô có lý giải không thể đòi hỏi quyền sở hữu văn học, nghệ thuật[7].

Các bài báo tất nhiên là được bảo hộ ngay từ lúc nó vượt qua giai đoạn thông tin nguyên thô đơn giản và hành văn điện báo[8]. Các bức điện công vụ, do đó, cũng có thể coi như không độc đáo, nên không có khả năng được bảo hộ bằng quyền tác giả *theo nghĩa hẹp*, nhưng chúng có thể tạo nên "một sở hữu đặc biệt có được với giá rất cao[9]".

---

[1] Xem chương "Mật mã sử dụng".
[2] Ngày nay mang tên "Hội các tác giả trong các nghệ thuật đồ hoạ và tạo hình", xem "Những địa chỉ có ích".
[3] Sách đã dẫn.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 4-6-1997, *Báo của Toà án*, 7-8 tháng Giêng 1998, trang 25.
[5] Phòng hình sự Toà phá án, 2-6-1982, *Tập san hình sự*, số138, 1982.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 16-1-1995, *Dalloz*, 1995, Thông tin nhanh, 65.
[7] Toà thượng thẩm Paris, 8-10-1997, *Những áp-phích nhỏ*, 4-2-1998, số 15, tr 24, ghi chép Caroline Mécary.
[8] Toà đại phúc thẩm Nice, 25-11-1967, *Tuần pháp lí* (JCP), II, 10532.
[9] Phòng thỉnh cầu Toà phá án, 23-5-1900, *Dalloz*, 1902, I, 405.

Những cuộc phỏng vấn[1], cũng như những bức thư[2], thường được chấp nhận có quyền tác giả.

• *Các phỏng vấn*

Có khi các nhà xuất bản muốn đăng lại một cuộc phỏng vấn do một nhân vật quan trọng dành cho một tạp chí, biên soạn lại một cuộc tranh luận đã công bố trên phát thanh hay trên truyền hình, hoặc còn muốn đặt một cuốn sách về cuộc đàm thoại đó.

Các hình thức đối thoại đó nếu có một vài biến thể bề ngoài khác nhau cũng được xem xét theo một chế độ luật pháp chung rất rõ ràng.

Những cuộc đàm thoại mà công bố đầu tiên là bài viết - chẳng hạn một cuốn sách đàm thoại soạn thảo theo quá trình trao đổi thư từ dưới dạng hỏi - đáp thì được bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học nghệ thuật.

Nhà xuất bản, về nguyên tắc, sẽ quan hệ với hai đồng tác giả tức là với người được phỏng vấn và người phỏng vấn. Nhưng nếu một trong những phần đóng góp thiếu tính độc đáo - yếu tố cần thiết cho sự bảo hộ bằng quyền tác giả, thì tác giả của phần đó sẽ không được xem như đồng tác giả.

Như vậy, người phỏng vấn là tác giả duy nhất nếu các câu trả lời cho các câu hỏi của anh ta là đặc biệt tầm thường hoặc anh ta đã hoàn toàn tạo ra hình thức thể hiện nó. Đó là điều mà toà đại phúc thẩm Paris đã xét xử, năm 1972 trong một vụ kiện giữa André Passeron và Philippe de Gaulle[3]. Toà cũng đã xem xét như thế ở trường hợp những thông tin đơn thuần do một phóng viên thu lượm trong dịp tìm hiểu một sự việc khác.

Nhiều người có thể đánh giá tương tự rằng những ý kiến phát biểu của những người được phỏng vấn thường thuộc lĩnh vực những ý tưởng thông thường mà người ta hay nói "chúng chảy tràn lan", có nghĩa là chúng không đáng được chiếm hữu.

Đôi khi chỉ một mình người được phỏng vấn có tư cách tác giả, nếu các câu hỏi là vô vị hoặc những câu chuyện thu thập không được nhà báo chỉnh sửa lại tí gì.

---

[1] Về vấn đề các phỏng vấn, xem các vấn đề đặt ra do sự sở hữu các quyền. Yves Reboul, "Chế độ pháp luật về phỏng vấn". *Tập san quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1987, số CXXXI, trang 55. Toà thượng thẩm Bordeaux, 24-5-1984, *Dalloz*, 1988, Thông tin nhanh, 285, Toà thượng thẩm Paris, 26-9-1988, Dalloz, 1988, Thông tin nhanh, 255, Toà đại phúc thẩm Paris, 24-3-1982, *Báo Toà án*, 1982, I, Tóm tắt, 99. Michel Laval, "Phỏng vấn, ở chỗ hợp lưu các quyền", *Légipress*, số 76, tháng 11-1990.

[2] Về vấn đề thư tín, xem các vấn đề về sở hữu các quyền ở chương IV. "Sở hữu các quyền", André Francon, Claude Goyard, *Những thư tín chưa in*, Economica, 1984.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-7-1972, *Dalloz*, 1972, trg 628, ghi chép Pactet.

Ngoài ra, nhà xuất bản cần phải xem xem người được phỏng vấn có thể hay không thực tế kiểm tra những câu chuyện được qui là của mình. Thực vậy, năm 1988[1] Toà án Paris đã xét xử rằng "theo nguyên tắc thực tâm cần thiết cho việc thực hiện các cam kết thì phải cấm mọi việc làm sai lạc những lời nói của người được phỏng vấn, nhằm vô tình hay hữu ý che giấu năng lực trí tuệ hay nội dung của năng lực đó nó, làm biến chất nó và đem lại cho tác giả hay nhân cách của ông ta một hình ảnh sai lệch, đáng chú ý là bằng cách lựa chọn thứ tự trình bày các chứng cớ quan trọng về các nhân vật mà năng lực cảm nhận của họ khác nhau về cùng một sự kiện.

Quyền đối với sự tôn trọng tác phẩm, vốn là một thuộc tính đạo đức của tác giả[2], lúc đó có liên quan, cũng như là các quyền gọi là quyền nhân cách; và những quyền này hoạt động có lợi, thậm chí cho những gì không có tư cách là quyền tác giả.

Vì thế trong phần lớn các trường hợp, nhà xuất bản, sẽ công bố một tác phẩm gọi là cộng tác, chi phối bởi các điều khoản L.113-2 và tiếp theo của CPI[3].

Lúc bấy giờ các đồng tác giả chia nhau quyền sở hữu của cuộc nói chuyện. Sở hữu chung này không có nghĩa là tiền thù lao của họ phải chia đều. Nhưng theo văn bản của điều L.113-3 của CPI, "các đồng tác giả phải thi hành các quyền của họ theo một thoả thuận chung. Trong trường hợp bất đồng thì việc quyết định thuộc về quyền xét xử dân sự".

Còn lại là cơ quan báo chí có thể đã công bố hoặc phát sóng từ đầu cuộc nói chuyện, sẽ là người đối thoại mà nhà xuất bản bắt buộc phải tiếp nếu các tác giả đã nhượng cho cơ quan đó toàn bộ các quyền của họ theo đúng thể thức. Thực tế thì trường hợp này rất hiếm, ngay cả khi các báo và đài truyền hình bắt đầu cho kí với các phóng viên của họ các điều khoản thích hợp và với các khách mời của họ những giấy cho phép bằng văn bản viết tay thật chi tiết[4].

Cuối cùng nếu cuộc nói chuyện diễn ra bằng lời nói giữa hai nhân vật quan trọng và sự can thiệp của một người viết lại là cần thiết thì người cùng tham gia này cũng có thể tùy theo đóng góp của mình mà đòi hỏi một cách có hiệu lực tư cách tác giả.

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 26-9-1988, *Dalloz, 1988*, Thông tin nhanh, 255.
[2] Xem "Quyền tinh thần".
[3] Xem "Các tác phẩm cộng tác".
[4] Xem "Các nhà báo".

• ***Thư tín***[1]

Việc xuất bản một cuộc trao đổi thư từ đôi khi có thể gây ra một vấn đề pháp lí nan giải, phải nhờ đến sự giúp đỡ của cả quyền tác giả *theo nghĩa hẹp* lẫn quyền thông tin.

Có một sự tin tưởng sai lầm nhưng dai dẳng ngay trong các nhà chuyên nghiệp về sách sành sỏi, là người nhận thư tín có thể cho phép công bố chúng.

Nhưng, điều L.111-3 Bộ Luật sở hữu trí tuệ nói không hề nhập nhằng rằng "Sở hữu vô hình [...] là độc lập với sở hữu vật thể vật chất. Người mua tậu được vật thể đó, không thể qua việc mua tậu mà nhận được bất kì một quyền nào dự kiến bởi bộ luật hiện nay[2] [...]".

Chỉ mình tác giả các bức thư đó – hay chủ sở hữu của nó – là người có quyền sở hữu theo luật định tài sản văn học nghệ thuật, và vì thế có quyền quyết định việc khai thác công cộng. Tất nhiên chỉ mình người đó có thể hưởng thành quả, tức là nhận các quyền tác giả.

Việc xuất bản một cuộc trao đổi thư tín chéo hay nhiều bên, tất nhiên đòi hỏi rằng có bao nhiêu tác giả các bức thư thì phải có bấy nhiêu việc cho phép.

Cũng như thế, việc cho phép tra cứu một cuộc trao đổi thư tín trong khuôn khổ làm một luận án chẳng hạn, không có giá trị là cho phép xuất bản như đã được nhấn mạnh[3].

Vậy nên cần tuyệt đối đảm bảo không những việc cho phép xuất bản xuất phát từ tác giả các bức thư hoặc từ những người thừa kế, mà còn phải biết được phạm vi chính xác của việc cho phép này.

Người chủ sở hữu vật chất của các bức thư có thể cùng lắm là lấy một loại phí tiếp cận cửa, tức là kiếm tiền về việc cho phép tìm hiểu nội dung các bức thư và bình thản sao lại chúng.

• ***Cách thức nấu nướng***

Có rất nhiều tác phẩm đưa nhà bếp vào cuộc: tuyển tập các cách thức nấu nướng, cẩm nang nghệ thuật ăn uống, những sách hay xung quanh bàn ăn một nhà văn, lời khuyên của tay sành ăn lớn và những cuốn sách khác, chưa kể những tiểu thuyết có nhân vật chính là những thực khách tài tử – từ Dodin-Bouffant đến Pepe Carvalho – mà những cuộc phiêu lưu đều được tô điểm bằng việc miêu tả các bữa chén.

---

[1] Để có thêm chi tiết, xem "Các thư tín" trong chương IV "Sự chứng chỉ các quyền".
[2] Xem "Sự độc lập của sở hữu vật chất và trí tuệ"
[3] Xem "Các luận án đại học".

Tuy nhiên các nhà xuất bản phải có ý thức rằng ngày nay những người sống trực tiếp bằng nghệ thuật ăn uống không thể tránh khỏi đòi hỏi quyền.

Giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ đầu tiên của lịch sử mô tả một nghệ thuật nấu nướng của Sicile soạn ra sáu thế kỉ trước kỉ nguyên chúng ta.

Nhưng toà đại phúc thẩm Paris, năm 1974 đã xét xử rằng các cách thức nấu nướng không có khả năng được bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học, nghệ thuật: thật ra quyền này không cho những phương pháp giống với những ý tưởng đơn giản "tự do hành trình"[1]. Quyết định này, ngoài ra, đã nhấn mạnh rằng cách thức nấu nướng thường hay vay mượn trong vốn nghệ thuật ăn uống mà nghệ thuật này lại không thể là đối tượng để chiếm hữu.

Năm 1997 cùng cấp xét xử đó đã xác định rằng những cách thức nấu nướng tự nó không tạo ra một công trình trí tuệ; nó tự phân tích thành một loạt những lời hướng dẫn, mà đấy là một kỹ năng nghề nghiệp, và kỹ năng nghề nghiệp thì không được bảo hộ[2]".

Ngược lại, việc công bố một bí mật chế tạo, một món ăn hay một thứ nước xốt chẳng hạn, có thể bị phạt.

Còn về phần văn bản của cách nấu thức nướng thì được bảo hộ nếu nó độc đáo trong cấu tạo hay trong cách diễn tả là điều đòi hỏi nhiều sáng tạo cả trong bếp núc.

Việc làm giả các phiếu nhà bếp như thế là đã được chấp nhận. Song, năm 1969, toà phá án không thừa nhận tính độc đáo đầy đủ cho những trang rời trình bày những món thịt.

Những ảnh chụp hay tranh vẽ cách chế biến nấu nướng lại thường được bảo hộ bằng quyền tác giả. Năm 1992, toà thượng thẩm Paris đã chấp nhận bảo hộ "những minh hoạ nhằm gây ấn tượng về các món ăn nấu rồi [...] có được tính độc đáo ở cách sắp xếp và cấu tạo[3]".

Cũng vậy, toà Colmar, năm 1998 đã tuyên bố có lợi cho những người tham gia vào một quyển sách về các cách trang trí bàn ăn, vì họ đưa ra cách gấp khăn ăn và trình bày các món ăn. Các quan toà đã công nhận quan điểm của các thẩm phán sơ thẩm bằng cách nêu lên rằng "theo tinh thần (của) Bộ Luật sở hữu trí tuệ, thì người có phần đóng góp cá nhân vào sự sáng tạo ra một tác phẩm trí tuệ là tác giả. Như thế đúng là trường hợp của (người) đã, bằng những cách thực hiện độc đáo của cá

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 10-7-1974, Dalloz, 1975, Tóm tắt, trang 40.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 30-9-1997, *Tập san quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1988, trang 273, ghi chú Vincent Piredda.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 27-5-1992, *Tập san quốc tế quyền tác giả*, số 154, trang 157.

nhân mình, về trang trí món ăn, góp phần vào sự sáng tạo công trình [...] và đáng kể là phần hình ảnh nhìn thấy được thể hiên bộ phận hợp thành chủ yếu của cuốn sách. Về mặt này, ở đây là một tác phẩm trí tuệ được bảo hộ [...] bởi vì quyển sách đang có tranh chấp thực ra không phải là một sự cóp nhặt đơn giản các cách nấu ăn hay trang trí bàn ăn lấy từ trong vốn nghệ thuật làm bếp, mà đưa ra những sáng tạo trang trí độc đáo cần đến trí tưởng tượng cá nhân của các tác giả".

Nhãn hàng, hộp đựng rượu và kiểu dáng các chai cũng được bảo hộ bằng quyền tác giả, quyền các hình vẽ và mẫu hay còn cả quyền nhãn hiệu nữa. Việc lấy lại cụm từ "những niềm vui nhỏ"[1] do đó cũng bị dẹp bỏ. Nhưng từ ngữ "đường tan trong miệng"[2] thì mang đặc tính chủng loại nên không thể đăng ký tư cách nhãn hiệu[3].

Nghệ thuật ăn uống, tuy nhiên, cũng như nghệ thuật làm kiểu tóc và nghệ thuật làm hoa thường không được thừa nhận hoàn toàn và đầy đủ bởi quyền tác giả. Pháp luật bổ sung sự thiếu sót này nhờ vào qui chế cấm cạnh tranh bất chính[4] ; đặc biệt để ngăn chặn các nhà xuất bản hay các nhà sản xuất lạm dụng tài năng hay danh tiếng của những đầu bếp giỏi.

Vì vậy một có hãng, "nêu ra trong nhiều cẩm nang nghệ thuật ăn uống", "đặc biệt nổi tiếng về chất lượng nấu ăn" mà "tên và nhân cách của bếp trưởng đóng một vai trò quan trọng" đã có thể viện dẫn thành công trước toà khái niệm về những thủ đoạn ăn bám..

Cũng vậy, việc qui kết một ông chủ không phải là người khởi thuỷ một món ăn từng làm ông nổi tiếng[5], đã bị xét xử là vu khống.

• *Các nhân vật*

Các quan toà cũng mở rộng sự bảo hộ bằng quyền tác giả cho tên của các nhân vật Chéri - Bibi[6], Màu cà-rốt[7], Tarzan[8] hay còn cả bà bá tước Alexandra (vợ

---

[1] "Menu plaisirs "Niềm vui nhỏ" còn gợi cho thực khách ý nghĩa "Bữa ăn khoái khẩu" (N.D).
[2] "Fondant de canard" "miếng đường tan nhanh để nhúng vào trong cà-phê hoặc rượu" còn gợi cho thực khách ý nghĩa "món vịt hầm nhừ" (N.D).
[3] Xem "Quyền nhãn mác" và "Các bức tranh vẽ và mẫu".
[4] Xem "Hành động cạnh tranh bất chính".
[5] Xem Emmanuel Pierrat, *Luật về sách*, Nhà xuất bản Trung tâm Thư quán, 2005.
[6] Toà đại phúc thẩm Seine, 2-3-1959, *Biên niên sử Sở hữu Công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1965, 66.
[7] Toà thượng thẩm Paris, 23-11-1977, *Biên niên sử Sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1979, 68.
[8] Toà đại phúc thẩm Paris, 21-1-1977, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1978, số LXLV, trang 179.

của SAS[1]) đã là cơ hội để kiện cáo - đôi khi còn cả về những nét tính cách của họ[2]. Mới nhìn qua mặt không quan trọng, thì sự bảo hộ các nhân vật này có một điểm nổi bật đặc biệt xét về các quyền phái sinh tạo nên bởi những sáng tạo nổi tiếng nhất mà thường là những sáng tạo hoạ hình: Tintin, Astérix, các Schtroumpfs, v.v...[3] Cần lưu ý rằng nhà xuất bản, và đặc biệt là nhà xuất bản truyện tranh, sẽ có thể nhờ vào quyền nhãn mác, thậm chí nhờ cả vào sự ăn bám và cạnh tranh bất hợp pháp[4]để bảo vệ các sáng tạo dễ có hậu quả tài chính nhất[5]. Thật vậy, quyền nhãn mác có được một cái lợi không thể chối cãi được so với quyền tác giả là không bị mất bản quyền, nếu đảm bảo được việc đăng kí lại nhãn hiệu. Việc lựa chọn tên một nhân vật ngày nay cũng thuộc lĩnh vực pháp lí.

Rủi ro từ phấp lí, và do đó rủi ro tài chính, có thể là lớn nếu cái tên lựa chọn trùng với tên người đang thực sự tồn tại.

Nhưng cái tên được hoan nghênh, đặc biệt trong khu vực truyện tranh thường tỏ ra là một mối lợi bất ngờ dưới hình thức những sản phẩm phái sinh đôi khi bằng cách khác còn có lợi hơn là cách bán sách.

Tên cũng như các phái sinh của nó như là tiểu từ hay biệt hiệu là một trong những thuộc tính của nhân cách. Với danh nghĩa này, nó cho phép bất cứ ai, nổi tiếng hay vô danh, chống lại sự khai thác nó.

Những chuyên gia có thẩm quyền nhận xét, theo như François Rigaux, rằng "luật học phong phú của Pháp trong chủ đề này không phải luôn luôn nhất quán và đã cho thấy trong phần lớn các trường hợp việc sử dụng tên một người đang sống, bởi tác giả một tác phẩm hư cấu đã bị xét xử là có lỗi, tác giả đã cố ý mượn tên một người mà ông quen biết để đặt tên cho một nhân vật gây khó chịu".

Các quan tòa, do vậy càng thiên về trừng phạt những bất trắc hỗn độn ngay từ khi chúng tỏ ra có thể gây hại nặng nề.

Tuy nhiên, Toà thượng thẩm Paris, ngày 30 tháng Mười 1988[6] đã cho rằng "tên họ Bidochon là miễn trừ: nó là kết quả những yếu tố xảy ra trong các cuộc tranh luận mà hồi còn là trẻ con ông Christian Binet đã biết Raymond Bidochon: rằng việc lựa chọn này như vậy không phải đơn thuần là ngẫu nhiên;

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 18-12-1990, *Dalloz*, 1993, 442.

[2] Richard Combes, "Nhân vật của nghệ thuật thứ 9: các sáng tạo nghệ thuật nổi bật", *Những áp phích nhỏ*, 19-12-1997, số152.

[3] Jean-Claude Jouret, *Tintin và kĩ thuật tuyên truyền thương mại*, Hội xuất bản Câu lạc bộ thư viện, 1991.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 1-7-2005, chưa in, số RG 05/07980.

[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 17-1-1989, *Sở hữu công nghiệp - Tập san tài liệu*, 1989, III-333. Toà đại phúc thẩm Nanterre, 6-4-1994, Báo Toà án, 4 và 5-10-1995, trang 30. Xem cả "Quyền nhãn mác".

[6] Toà thượng thẩm Paris, 30-10-1988, *Dalloz các vụ kiện*, 1999, Thông tin nhanh, trang 259.

Nhưng xét rằng ông Binet, hoạ sĩ và soạn giả kịch bản, dùng cái tên này từ tháng 10-1980 để chỉ một cặp người Pháp bình thường, lố lăng, thô lỗ mà ông vẽ biếm hoạ khi họ đụng đầu với tất cả mọi biến cố đời sống hàng ngày.

Rằng nhiều đoạn cắt ra từ báo chí viết về những cuộc tranh luận chứng tỏ rằng từ năm 1989 hai nhân vật này và con chó Kador của họ đã ít nhiều nổi tiếng và chinh phục được một số độc giả quan trọng;

Rằng cái tên Bidochon xuất hiện ở lần xuất bản năm 1994 trong từ điển tên riêng *Petit Robert* kết hợp với tên tác giả, Christian Binet;

Xét rằng cho đến ngày vụ kiện phúc thẩm khởi đầu hồi tháng 12-1996, những người cùng phe cánh Bidochon đã không thể không biết sự tồn tại của truyện tranh này; đã từng có một công chúng lớn và có tiếng vang lớn trên báo chí, rằng không đưa ra kháng nghị trong suốt nhiều năm, họ đã cho phép tác phẩm có được một sự nổi tiếng dưới cái tên gây tranh chấp và không vì thế mà trách móc tác giả, rằng sự bất động của họ cho thấy sự xâm phạm mà họ thưa kiện là có thể tha thứ;

Xét rằng thực tế không thể có được một so sánh nào giữa các nhân vật hư cấu, không chính yếu và những người chống án mà các nhân chứng trình bày trong các chứng thực của họ như là thuộc một gia đình danh giá hoà nhập vào đời sống xã hội và nghề nghiệp, được cảm mến; rằng không có một chỉ dẫn gì về nơi ở của cặp nhân vật đó, về hoàn cảnh gia đình hay về nghề nghiệp có khả năng tạo ra một sự nhầm lẫn đáng tiếc; rằng những lời chứng nhận trong các phiên xét xử không làm rõ bất kì một sự giống nhau nào, ngoại trừ sự trùng tên; rằng cái nực cười không thể chối cãi của các nhân vật mà Christian Binet đã đặt tên cho chúng, không thể làm tổn thương đến nhân phẩm và đời sống riêng tư của họ.

Xét rằng nếu ông Christian Binet đã phạm phải điều khinh suất trong lúc lựa chọn để xác định các nhân vật của mình, một cái tên mà ông ta đã biết là nó thuộc về những người thứ ba, những người cùng phía kiện của Bidochon không chứng tỏ được rằng việc sử dụng tên của họ trong các trường hợp vừa được mô tả là gây tổn hại cho họ".

Một vài vụ kiện cũng cho phép chứng minh rằng những nét tính cách của một số nhân vật cũng có khả năng bị chiếm đoạt.

Trong thực tế, lao động chung như thường xảy ra trong khu vực truyện tranh sẽ đẻ ra một công trình hợp tác, do đó sẽ là sở hữu chung của các đồng tác giả. Vì vậy người ta đã phán xét rằng một hoạ sĩ truyện tranh không thể khai thác riêng rẽ phần đóng góp của mình được[1]. Nhưng Toà phá án, ngày 6-5-1977, đã trao cho chỉ

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 6-9-1986, *Dalloz*, 1991, Tóm tắt, số 93.

một người trong số các tác giả quyền sở hữu các nhân vật và tên của chúng, gieo ra mối bất hoà về luật pháp trong lãnh vực nghệ thuật thứ 9[1].

Sự bảo hộ tên các nhân vật vậy là ngày nay đã được pháp luật công nhận. Nhưng phải có thêm sự trình toà hợp đồng cùng với tác giả mới có thể đảm bảo hơn việc chiếm dụng của nhà xuất bản.

Hai cấp toà án đã đọc lại với lí do cáo lỗi rất thành thật, loạt tác phẩm nổi tiếng của Anne và Serge Golon. Không phải tất cả các quan toà đều thích thú như nhau. Ngày 11-1-2001, Toà thượng thẩm Versailles đã xem cái danh hiệu *Angélique* "liên quan đến một nhân vật chính nhất định, hoàn toàn có thể nhận ra và về đặc tính của nó quần chúng không thể nhầm lẫn khi họ phân biệt nó ở ngày tháng tạo ra tác phẩm trong năm 1953, với những người đàn bà trẻ khác trước kia được thể hiện bằng nhân vật Angélique trong *George Dandin* của Molière hay còn cả trong bản nhạc kịch của Jacques Ibert, cho dù rằng các tác phẩm của Giono và của Robbe Grillet đã là đối tượng để đưa ra công chúng sau việc phát hành các tiểu thuyết của bà Golon[2]".

Trái lại, ngày 30-6-2000[3], Toà thượng thẩm Paris đã đánh giá rằng: "cái tên Angélique là một tên quen thuộc trên lãnh thổ Pháp, [...] nó là tên của nhiều nhân vật khác nhau trong lịch sử và đã được sử dụng trong các tác phẩm văn học; [...] trong khi lấy nó để chỉ nữ nhân vật chính của các tiểu thuyết, các tác giả không phải tốn một tí sức nào để sáng tạo, chỉ thực hiện một việc lựa chọn trong số những tên quen thuộc". Như giáo sư Christophe Caron đã nhấn mạnh "Hành trình của Angélique, Bà hầu tước các Thiên thần, trên xứ sở quyền tác tác giả sẽ còn bị quấy rầy, như đã dự kiến"...

Từ đó phải chăng nên rút ra kết luận về những cách cảm nhận và thưởng thức văn học của các quan toà và sự biến đổi của họ khác nhau giữa toà này với toà khác? Bởi vì quyết định của toà án Paris khác với pháp chế từ nay đã được khẳng định rõ về mặt này, dù nhân vật có cho hay không cho sách mang tên của mình.

Trong hợp đồng với tác giả, nhà xuất bản sẽ đặc biệt chú ý ghi rõ việc nhượng quyền về các nhân vật, nhất là nếu hợp đồng nhằm để nhân thêm những phiêu lưu của nó ra ngoài các hiệu sách, dưới hình thức những sản phẩm phái sinh (quần áo, sản phẩm mĩ nghệ, văn phòng phẩm), thậm chí những cải biên về nghe-nhìn. Như thế là hợp đồng xuất bản sẽ nhằm "quyền khai thác riêng rẽ bằng cải biên, sao chép

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 6-5-1997, *Dalloz*, 1998, trang 80.

[2] Toà thượng thẩm Versailles, 11-1-2001, *Truyền thông thương mại điện tử*, 2001, bình chú số 97, nhận xét Christophe Caron.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 30-6-2000, chưa in.

và thể hiện mọi yếu tố của tác phẩm và nhất là các nhân vật của nó trong các đặc tính hình thể, các nét tính cách và tên của chúng[1]".

Điều càng cần thiết hơn nhiều là những hợp đồng mà các nhà sản xuất muốn kí với các nhà xuất bản, thường đề cập đến "*quyền đóng lại*, tức là quyền dàn dựng và khai thác một bộ phim điện ảnh có trước bộ phim đang là đối tượng bàn đến vì nó lấy lại cùng những đề tài, những tình tiết, cùng những nhân vật như thế, v.v..." và cả "*quyền tiếp sau* hay *tiếp trước*", tức là quyền sao chép, biểu diễn và cải biên toàn bộ hay từng phần nhằm để dựng hay thuê dựng một hay nhiều tác phẩm nghe-nhìn, chúng sẽ tạo thành những tác phẩm tiếp sau hoặc tiếp trước và do đó sẽ lấy lại một số yếu tố (đáng kể là nhãn hiệu, đề tài, kịch bản, phối cảnh hay nhân vật[2]). Nói tóm lại, còn ở đấy nữa, việc bán các nhân vật sẽ chắc chắn hơn, nếu nhà xuất bản chú ý mua trước các nhân vật đó...

Cũng như thế, việc nhà xuất bản đăng kí các nhân vật với tư cách là nhãn mác là có thể được. Nhưng chỉ khi nào tác giả chấp thuận bằng hợp đồng. Sẽ là chí lí đưa vào điều khoản sau: "Tất cả mọi quyền do tác giả nhượng cho nhà xuất bản sẽ cho phép nhà xuất bản thi hành theo luật định mọi sự bảo hộ những quyền đó và những khía cạnh thích ứng thông qua các quyền sở hữu công nghiệp và nhất là quyền nhãn mác, quyền các đồ hoạ và mẫu. Về mặt này, tác giả bảo đảm với nhà xuất bản là đã không thi hành một thủ tục bảo hộ nào đối với đóng góp của mình thông qua quyền sở hữu trí tuệ".

Luật của Pháp thống kê, với danh nghĩa là những tác phẩm được bảo hộ bằng quyền tác giả, các "sách và văn bản văn học, nghệ thuật và khoa học" mà không để cho danh sách này thấu đáo, như chúng ta vừa nhận thấy. Các pháp chế khác hạn chế hơn và chỉ cho hưởng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật cho vài loại văn bản[3].

Về mặt văn bản, nhiều nước thực hiện những phân biệt tế nhị tuỳ theo thể loại tác phẩm. Chính vì thế mà các đảo Địa Trung Hải (Malte, Chypre) hay Châu Phi nam bán cầu xử lý tách biệt các tiểu sử... Hoặc còn nữa là những "truyền thuyết" làm bận lòng các nhà lập pháp Cameroun, Bờ biển Ngà và Ruanda. Nhiều nhà bình luận coi đó là công việc của những nhóm áp lực đã biết sử dụng sức ép chính trị của họ một cách có ý thức.

Nhìn qua các văn bản viết được bảo hộ trên thế giới, dầu sao chúng ta cũng có những suy nghĩ. Nếu "văn học" được ưa chuộng ở Hongrie và Liechtenstein, thì Uruguay nay đã chủ trương rõ ràng nhằm vào những "tra cứu nghề nghiệp thành

---

[1] Xem chương VIII "Hợp đồng xuất bản"
[2] Xem chương X "Các hợp đồng và công nghệ nghe nhìn".
[3] Bàn về các quyền ở các nước nói tiếng Pháp, xem chương XIV "Luật quốc tế".

văn"... Mỹ la-tinh lại rất bị ám ảnh bởi "những giấy tờ vô giá trị" bởi vì Honduras lo lắng đến những "tập công thức" và các "hợp đồng". Rumanie với các tật xấu thời Ceaucescu - đánh giá cao các "bản tường thuật". Đảo Maurice cố bám những "phán đoán" của họ, mà với các phán đoán đó, nước Pháp rất hào hiệp, không ban luật bảo hộ. Ôi trời! Malaysia đã chọn ưu đãi "thi ca".

Lung tung quá. Người ta còn thấy nhiều pháp chế đã cẩn thận nêu ra những "giác thư", những "tác phẩm thuộc về tôn giáo", các "báo cáo" hay các "hiệp ước".

Các nhà xuất bản Pháp chúng ta cứ an tâm: công ước Berne mà nhiều nước kể trên tham gia, thâu tóm "các sách dày, mỏng hoặc mọi văn bản khác". Hơn nữa, nếu một nhà nước đã muốn làm hài lòng một nhóm áp lực riêng bằng cách nêu rõ ra hết sản phẩm của họ trong các loại dứt khoát được bảo hộ, thì những qui tắc của luật quốc tế thường cho phép các nhà xuất bản nước ngoài lợi dụng được.

Các tác phẩm nói

CPI nêu tiếp nhiều tác phẩm mà hình thức công bố đầu tiên trong công chúng không phải là bản viết. Nếu muốn thương mại hoá bản ghi trên giấy thì nhà xuất bản phải mua các quyền. Những bài thuyết giáo của Lacordaire, năm 1845, đã mở đầu pháp chế về việc này[1].

Bộ luật kể ra trước tiên là "các hội nghị, các bài phát biểu, bài thuyết giáo, lời biện hộ và những công trình khác cùng tính chất". Cụm từ "cùng tính chất" này chỉ cả những tác phẩm nói khác mà ở đây chỉ là một cái nhìn đại thể không toàn diện., Xét theo - các quyết định của luật pháp, được phép đưa thêm vào, danh sách ngắn gọn này các bài giảng của các giáo sư[2] – các vụ kiện liên quan đến việc công bố các bài giảng của Roland Barthes[3] hay các cuộc thảo luận chuyên đề của Jacques Lacan[4] đều còn đó để nhắc nhở chúng ta.

• *Các bài giảng*

---

[1] Toà thượng thẩm Lyon, 17-7-1845, *Dalloz*, 1845, II, 128.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 25-9-1956, *Dalloz*, 1956, luật học, trang 633. Phillipe Allaeys, "Sự sáng tạo của luật sư", Légipresse, 2004, số 217, II, trang 149.

[3] A. Lyon-Caen, "Việc xuất bản các bài giảng của các giáo sư đại học", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1967, số LII, trang 137. Toà thượng thẩm Paris, 21-2-1984, Báo Toà án, 1984, 2, Tóm tắt, 294.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 24-11-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1993, số CLV, trang 191.

Mọi người biết rõ là các giáo sư đại học rất ham công bố đồng thời cũng rất tỉ mỉ khi họ bị đối mặt với quá trình xuất bản. Một trong số họ đã thử một giải pháp án lệ đầu tiên trong khi làm ầm ĩ ngay với chính trường đại học của ông.

Toà hành chính Versailles đã phải giải quyết, ngày 17-10-2003[1], một vụ kiện lạ lùng của "một tiến sĩ về phép đo thị lực ở Trường đại học Houston đang làm nghề này tại Anh" chống lại Trường đại học tổng hợp Paris-Sud đã không may dùng ông làm người thay thế tạm thời từ 1984 đến 2000.

Sau khi từ chức, đương sự bên kia Đại Tây Dương kiện, trong số nhiều đòi hỏi khác, là không được hưởng một hợp đồng xuất bản cho việc phân phối một bản in sao bài giảng cho sinh viên của ông ta.

Các quan toà đã nhận định rằng "nhu cầu công việc đòi hỏi chính quyền phải được trao quyền tác giả về tác phẩm trí tuệ đối với những tác phẩm mà sự sáng tạo ra là đối tượng công việc". Đặc biệt họ khẳng định là "nếu đương sự nhấn mạnh rằng chính quyền đã in bản sao bài giảng của ông ấy để cung cấp cho các sinh viên khác cùng học môn đó, thì ông cũng không chứng minh và cũng không viện dẫn được rằng việc công bố này là có mục đích cho người sử dụng ngoài các sinh viên khoa đo thị lực".

Nhưng đặc biệt là, vị giáo sư này trước đó đã cho phép xuất bản bản chép của mình và đã được hưởng một món chi trả trong mấy năm đã tăng từ 35 đến 75 bảng Anh mỗi bản, trả theo hình thức tiền lương...

Toà án vì vậy đã bác đơn yêu cầu, kể cả yêu cầu liên quan đến việc thiếu hợp đồng xuất bản đúng và hợp thể thức.

Các nhà bình luận có thẩm quyền nhất, và nhất là giáo sư (và là giáo sư dạy đại học) Christophe Caron không nghĩ rằng cách giải quyết ấy là vô lí khi xem xét đến các sự việc loại đó. Nhưng họ nhắc lại rằng việc giải quyết này thật đáng kinh ngạc đối với những luật lệ chặt chẽ mà Bộ Luật sở hữu trí tuệ buộc phải tuân theo trong mọi trường hợp.

Đã từ lâu việc đó không còn gây nghi ngờ: các giáo sư làm công việc của tác giả, theo nghĩa pháp lý của từ này, và điều này là đúng ngay cả khi họ thực hiện một chương trình theo yêu cầu của môn học họ giảng dạy, thậm chí do những chỉ thị của chính phủ.

Điều L.112-2 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ, thực ra, đã trù liệu dứt khoát rằng những tác phẩm nói, như những bài giảng bài phát biểu đều được bảo hộ. Pháp luật đã qui nhập rộng rãi sự giảng dạy. Những ví dụ về việc xét xử thường đã gây tiếng

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 11-12-1985, *Dalloz*, 1987, Thông tin nhanh, 155, nhận xét Claude Colombet.

vang lớn liên quan đến các bài giảng của Roland Barthes cũng như các cuộc thảo luận chuyên đề của Jacques Lacan. Bài giảng của giáo viên dạy động từ *Être và avoir* - người đã thiệt thòi nhiều một cách khá hợp pháp trên lãnh vực quyền lao động - đã cố thử củng cố khuynh hướng này của quyền tác giả[1].

Theo văn bản các quyết định của các cấp xét xử hành chính thì công chức phải nhượng không các quyền của họ cho những người thuê họ[2]. Tuy vậy, năm 1991, toà đại phúc thẩm Paris, trong vụ kiện Barthes, , đã cho là việc tự động trao các quyền này không thể áp dụng trong phạm vi giáo dục[3]. Nói rõ ra, và trừ điều khoản trái lại, các giáo sư giữ được đầy đủ các quyền sở hữu trí tuệ đối với những bài giảng đã đưa dạy rồi. Chính vì thế – và vẫn trừ khi các quy định của hợp đồng là trái lại – họ được tự do kí kết các hợp đồng xuất bản với các phòng nghiên cứu xuất bản khác của các trường đại học[4].

Còn vụ kiện Barthes thì nhắc nhở rằng các bài giảng thuộc về những người lên lớp, chứ không phải là của cơ quan thuê làm. Về vấn đề này, sự tranh chấp đã đối lập Michel Salzedo, em trai của Barthes và là người thừa kế duy nhất, với công ty Qui tắc cuộc chơi và ông giám đốc điều hành Bernard Henri Lévy. Vụ tranh chấp xảy ra ở một trích đoạn của bài giảng về "sự ham muốn trung lập" giảng ở Collège de France năm 1978. Ngày 20-11-1991, các quan toà đã kết án tạp chí là làm giả. Ở thượng thẩm các nhà xuất bản khăng khăng: "Chỉ một mình chính quyền được hưởng các quyền tác giả về các bài giảng đang tranh chấp, vì đây là một tác phẩm nói mà sự sáng tạo lại chính là đối tượng của công việc công giao cho Roland Barthes với tư cách của ông là công chức nhà nước, là giáo sư ở Collège de France". Nhưng toà đã nhận xét rằng lí lẽ đó là "trái ngược với thủ đoạn" của những người "không bao giờ chịu nhận sự cho phép mà họ có bổn phận phận cầu xin Collège de France, nếu họ thực sự cho rằng trường này đã được giao quyền tác giả". Các quan toà, do đó đã tách ra mọi liên quan của Collège de France. "Quả thật nên nhớ rằng sự tranh chấp chỉ đối lập các tư nhân mà thôi, rằng trách nhiệm của Roland Barthes ở Collège de France chỉ là giảng dạy cho một cử toạ có mặt trong cơ quan". Ngày 24-11-1992, Toà án Paris đã nhận định rằng "việc công bố trái phép một trích đoạn bài giảng miệng chưa phát hành của Roland Barthes, dưới một hình thức khác với quan niệm của ông", là "vi phạm sự tôn trọng tác phẩm của ông" và là "một việc làm giả".

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 27-9-2004, *Dalloz*, 2005, trang 92.

[2] Xem "Các công chức".

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 20-1-1991, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1992, trang 340, ghi chú André Kereven.

[4] Với điều kiện số phận của dự án luật đang thảo luận trong tháng 12-2005. Christophe Caron. Sự đe doạ về quyền tác giả của các giáo sư đại học, *Truyền thông thương mại điện tử*, tháng 9- 2005, nghiên cứu số 28.

Rất nhiều người tham dự trong một số công việc giáo dục, không kể đôi khi việc nghiên cứu có tính chất tập thể, không đơn giản hoá việc xác định các tác giả. Chuyện các công trình do các giáo sư ăn cắp của các sinh viên thì có đến hàng loạt, ngay cả khi trong thực tế nó ít giành được sự chú ý của các toà án. Họ cho đó là chuyện kỳ quặc thường tái diễn nhiều lần.

Chúng ta phải nhấn mạnh rằng các hợp đồng một khi được kí với các nhà xuất bản hoặc với các trường đại học, thì theo luật pháp thuần tuý đều cấm các tác giả - giáo sư bán các bản in sao hay sao chụp sách của họ. Theo cách nhìn của các toà án thì đó thực sự là những việc làm giả.

Trong số các trường hợp nổi bật nhất còn có vụ các hội thảo chuyên đề của Jacques Lacan. Sau khi ông chết, các "cuộc hội thảo" gồm các bài giảng và bài nói chuyện của ông trước nhiều công chúng khác nhau, qua hai mươi lăm năm, trong khuôn khổ của trường Freud do ông sáng lập, đã được công bố dưới cái nhan đề *Bản tốc kí*.

Bị truy tố về làm giả, Hội xuất bản đã chống chế rằng theo chính những tuyên bố của ông thì tư tưởng Lacan không thuộc về ai cả. Họ đã biện hộ ý muốn rõ ràng của họ là không bỏ qua, không phải là một tác phẩm, mà là một phương pháp tư duy. Tuy vậy ngày 11-12-1985, Toà đại phúc thẩm Paris, đã kết luận rằng "bài giảng của một giáo sư tạo thành [...] một tác phẩm trí tuệ". Vì thế, "chính bác sĩ không cho rằng các bài giảng của ông sẽ hợp thành sự công bố tác phẩm của ông và từ lâu đã từ chối xuất bản bản ghi tốc kí đúng từng chữ cuộc thảo luận chuyên đề, bởi vì nó không làm ông vừa lòng và việc chỉnh đốn sắp xếp lại các cuộc thảo luận chuyên đề đó theo ông là cả một công việc lâu dài và khó khăn".

Các học trò cũng được hưởng quyền tác giả[1]. Toà thượng thẩm Paris đã xác nhận, ngày 28-4-2004 việc làm giả một luận án tiến sĩ trong một cuốn sách bày bán ở hiệu sách[2]. Toà này cũng đã quyết định như vậy ngày 6-12-1993 về vấn đề một luận án và một khái luận[3].

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 11-12-1985, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt tr 55, Nhận xét Claude Colombet.

[2] Sách của IRPI (Viện nghiên cứu về sở hữu trí tuệ) đã xuất bản Quyền tác giả của học trò (IRPI, 2003) của Audé Estrangin, đã bình luận các quyết định đó của toà án. Đó là một vấn đề nghiên cứu sâu và lí thú, vì tác phẩm này thực tế là sự công bố một hồi kí của DEA về quyền sở hữu văn học, *nghệ thuật và công nghiệp được trình bày ở Trường đại học tổng hợp Paris II*...

[3] Toà thượng thẩm Paris, 28-4-2004, Truyền thông thương mại điện tử, 2004, số109.

Tòa đại phúc thẩm Paris đã giải quyết dứt khoát, ngày 15-3-2002[1], về vụ tranh chấp giữa một nhóm sinh viên làm luận án với giáo sư đã xuất bản không được họ cho phép một từ điển giản yếu các quan hệ quốc tế trong đó có đăng công trình của họ. Các quan toà đã nhận định "thật khó mà quan niệm rằng một tác phẩm như thế, thuộc loại ngoại - đại học, lại có thể được soạn và hoàn thành một cách hoàn toàn bình đẳng giữa một chuyên gia của vấn đề, có kinh nghiệm và đang làm nhiệm vụ giảng dạy và một nhóm giáo viên - nghiên cứu sinh trẻ [...], các nguyên đơn không thể được xem như là những người nhận thầu đơn giản đã thực hiện theo đơn đặt hàng một dịch vụ có tính chất trí tuệ thay cho một giáo sư hay một nhà xuất bản".

Cũng vậy, các diễn văn đã từ lâu và thường được các toà án đánh giá cao [2]. Về các bài diễn văn của De Gaulle và của Malraux, các toà án đã xác nhận, rằng tầm quan trọng lịch sử của một bài diễn văn không hề tước đi của nó quyền được bảo hộ đầy đủ và toàn diện.

Những cuộc tranh cãi pháp lí về phần chúng nhìn chung có thể tạo thành một tác phẩm tập thể[3].

• *Văn học dân gian*

Nhiều nhà xuất bản rút ra những gì mà họ tưởng rằng thuộc vào vốn văn hoá dân gian chung, chứ không thể chiếm làm của riêng được. Nhưng ngoài việc thể hiện nhiều truyện và thần thoại có thể được hưởng sự bảo hộ, một số quốc gia bắt đầu nhận thấy một quyền sở hữu trí tuệ về văn học dân gian có lợi cho các dân tộc.

Theo luật của Pháp, chỉ riêng việc thể hiện những yếu tố văn học dân gian có thể mở ra quyền được bảo hộ. Một bài dịch phóng túng của *Chiếc Mũ đỏ bé tí* sẽ được bảo hộ về sự thể hiện của nó cũng như một tuyển tập chưa xuất bản của Grimm. Quả vậy Bộ Luật sở hữu trí tuệ, chấp nhận vào hàng những sáng tạo được bảo hộ bằng quyền tác giả, những văn bản về mọi thể loại cũng như những "tác phẩm nói" hay cả những "tác phẩm phái sinh' như những "cải biên [...], thay đổi hay biên soạn lại các tác phẩm trí tuệ", cũng như các "hợp tuyển, hay tuyển tập các tác phẩm khác nhau mà do sự lựa chọn và sắp xếp các chất liệu, tạo thành những sáng tạo trí tuệ".

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 6-12-1993, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1995, tr 136. Xem cả "Các luận án đại học".

5- Toà đại phúc thẩm Paris, 15-3-2002, *Truyền thông thương mại điện tử*, 2002, số 68, Nhận xét Christophe Caron.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 12 Ventôse năm IX, Sirey năm X, II, 629.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 5-9-1956, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10, số XIV, tr 212. Xem cả "tác phẩm tập thể.

Tuy nhiên Toà phá án, trong năm 1962, đã nêu lên là bài hát *Uống một hớp, thật thích thú* thiếu tính độc đáo, vì các quan toà tối cao đã đánh giá tác phẩm này dựa quá nhiều theo *Uống rượu vang ngon* vốn thuộc vào văn học dân gian của Canada, Pháp và Louisiane[1].

Người ta cũng còn nhớ lại những việc kiện cáo của Jean Vautrin về *Một bước dài đến với Chúa trời*, mà khi kết thúc vụ kiện, năm 1992, Toà thượng thẩm Paris đã nhận xét rằng một nhà nghiên cứu không thể đòi hỏi chống lại một tiểu thuyết gia về quyền những "tư liệu ngôn ngữ học và văn hoá", trong trường hợp này là các câu chuyện, các bài hát và từ ngữ liên quan (cajun)[2].

Tuy nhiên một phong trào rất mạnh, xuất phát từ các nước đang phát triển cũng như những nước Anglo-Saxon, bắt đầu lên tiếng ủng hộ một sự bảo hộ thực sự văn học dân gian bằng quyền sở hữu trí tuệ.

Quả thật, các chuyên gia Châu Phi về quyền tác giả, phàn nàn, theo như giáo sư Folarin Shyllon rằng, mới đây, "hầu hết các thuộc địa cũ [...] sau khi trở thành độc lập mà nền văn hoá truyền thống và dân gian của họ chưa khi nào được bảo hộ bằng luật pháp", "đã thấy với một nỗi cay đắng ngày càng tăng, các nhà soạn nhạc ngoại quốc đến đất nước họ, nghiên cứu tỉ mỉ và, đôi khi ghi âm âm nhạc truyền thống và dân gian của họ, rồi trở về nhanh để sử dụng các nhịp điệu và hoà âm trong các bài hát thành công hay những bản giao hưởng được bảo hộ một cách hợp lệ về mặt quyền tác giả".

Cũng như vậy, các thành viên của phân ban "sở hữu trí tuệ" của *Hội luật sư Mỹ* rất có uy tín – gồm có những luật sư Mỹ – bảo vệ các "thi sĩ trữ tình của làng", "thi sĩ hát rong miền nam nước Pháp" và các "thi sĩ hát rong thời Trung cổ" khác, những người đã sáng tạo "từ những đề tài lấy trong tập quán và bám rễ rất sâu trong văn hoá của họ", nhưng "không có tiếng tăm cũng chẳng được thù lao, bảo hộ gì cả".

Những đòi hỏi như thế ngày nay nhằm vào những người buôn bán các loại tranh hoạt hình hay truyện hoang tưởng và truyện thần thoại cũng như các công bố khoa học dân tộc học và nhân chủng học đã khai thác *toàn bộ các* kết quả thu thập của họ.

Các văn bản quốc tế ngày càng chú dẫn rõ khía cạnh mới này của quyền tác giả[3]: hiệp ước Bangui năm 1977, "các quy định của Unesco – Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới" năm 1985 về việc bảo hộ các thể hiện của văn học dân gian, tuyên bố

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 23-10-1962, Kỉ yếu I, số 440.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 14-1-1992, đã nêu.
[3] Xem chương XIV "Luật quốc tế".

Mataatua về quyền sở hữu trí tuệ của các dân tộc bản địa năm 1993, v.v.. Và các mục tiêu nêu ra đó bắt đầu hình thành trong nhiều luật của các nước.

Ở Hoa Kì, ai muốn vào một khu bảo tồn của người Indien để nghiên cứu lối sống ở đấy phải nộp đơn nói rõ đối tượng và việc sử dụng sản phẩm thu thập.

Cũng vậy, ở Nigéria, pháp luật bảo hộ, từ nay về sau, "văn học dân gian" đáng kể là dưới hình thức "truyện dân gian, thơ dân gian và câu đố". Vì vậy, chỉ mình việc sử dụng riêng, "đột xuất" hay vì mục đích giáo dục mới được cho phép.

Trong một vài năm, nhiều vụ kiện liên quan đặc biệt đến những sao chép, ngay trong sách, các tranh của các nghệ sĩ thổ dân đã được xử thành công trước Toà án liên bang Australia.

Loại tu từ học mới này cũng đã gây nên những khó khăn lớn, nhất là đối với những gì liên quan đến khái niệm lĩnh vực công cộng hay cả đến sự xác định các quyền đối với các tác phẩm không phải lúc nào cũng thuộc về một người sáng tạo ra mà từ cảm hứng "của truyền thống và môi trường xã hội mà tác giả thâm nhập".

Tuy nhiên nhiều người không còn dè dặt tuyên bố rằng, "còn tồn tại về mặt quyền sở hữu trí tuệ, một khu trung gian giữa các quyền cá nhân và lĩnh vực công cộng, quốc gia hay quốc tế".

Các tác phẩm kịch, âm nhạc và nghe nhìn

"Các tác phẩm kịch hay nhạc kịch" không phải không được tính đến. Các toà án đã thêm vào đó, nhất là các kịch ngắn truyền hình (như của Stêphane Collaro[1]). Việc công bố các tác phẩm đó cũng cần phải được cho phép.

Theo đúng pháp luật còn được nối thêm vào bản liệt kê này những "tác phẩm biên đạo múa, các tiết mục và xảo thuật xiếc, kịch câm mà việc thể hiện được định hình bằng bản viết hay bằng cách khác". Cụm từ "bằng cách khác" liên quan đáng kể đến mọi phương pháp thực hiện nghe nhìn (ghi hình videô v.v...) Chỉ cần nó được định hình là nó được giữ lại dấu vết là tác phẩm đã được bảo hộ rồi. Bản sao của chúng do một nhà xuất bản thực hiện cũng cần phải được phép.

Tiếp đến là các "sáng tác âm nhạc có hay không lời", đều cần nhớ là nhà xuất bản không thể sao chép một phần hay toàn bộ một bài hát không được nhượng quyền mà lại không bị trừng phạt.

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 20-3-1987, *Tập san quyền tác giả*, 1988, số 1.

Cũng như thế với những gì liên quan đến "các tác phẩm phim ảnh và những tác phẩm khác gồm có các lớp hình ảnh động, có hoặc không có tiếng, gọi chung là tác phẩm nghe-nhìn". Việc công bố các văn bản hay hình ảnh chụp trích từ các phim, các tiết mục truyền hình hay cả những trò chơi video, do đó cần phải có phép của người có quyền.

Các tác phẩm nghệ thuật đồ thị và tạo hình

Điều L.122-2 của CPI tiếp tục liệt kê các "tác phẩm vẽ, hội hoạ, kiến trúc, điêu khắc, bản khắc, in li-tô"; rồi đến "các tác phẩm đồ hoạ và in ti-pô".

Về mặt các tác phẩm đồ hoạ thì việc lập nên một bản liệt kê cho thấu đáo là không thể được. Luật pháp, thực ra đã thừa nhận sự bảo họ bằng quyền tác giả cho những tác phẩm đa dạng như một bản đồ địa lý[1] hay một tấm bưu thiếp[2].

• *Việc in ti-pô*

Còn đối với những tác phẩm in tipô thì nó bao gồm cả các bộ chữ cũng như những trang trí (hình trang trí cuối chương, dải trang trí đầu chương v.v...), không quên sự sắp chữ (bài thơ được sắp chữ thành một hình vẽ, dấu sở hữu trên sách v v...[3]).

Nhà xuất bản cũng cần đề phòng và xin phép người có quyền sở hữu chữ in trước khi sử dụng cho công chúng. Tuy nhiên, cũng không nên quên rằng sự bảo hộ bằng quyền tác giả chỉ cấp cho những yếu tố độc đáo của chữ in. Nét gạch dọc đơn giản của chữ I hay nét gạch ngang của chữ T tất nhiên không được bảo hộ. Tác giả của bộ chữ in phải vượt ra ngoài các "đòi hỏi thuần tuý kĩ thuật", đó là thoả thuận Vienne, qui ước quốc tế riêng cho chữ in mà nước Pháp đã tuân theo từ khi nó bắt đầu có hiệu lực[4]. *Việc in lại* một tác phẩm chỉ không ràng bị buộc bởi quyền tác giả nếu cách sắp xếp là hoàn toàn độc đáo – theo nghĩa luật pháp của ngôn từ[5]. Nhưng

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 4-5-1973, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1973, số LXXVIII, tr 218.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 20-10-1961, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1963, 59.

[3] André Bertrand, "Sự bảo hộ các chữ in tipô và luật của Pháp". *Tập san quyền tác giả*, số 26, 1990, trang 1. T.Limperg, "Sự bảo hộ của luật pháp đối với chữ và các tính chất khác của nghề in". *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1972, số LXXIV, tr 87.

[4] Thật ra nó chưa được phê chuẩn bởi tất cả các nước đã kí, xem chương XIV. "Luật quốc tế". André Françon, "Thoả thuận Vienne liên quan đến sự bảo hộ các chữ in tipô và việc đăng kí quốc tế", *Quyền tác giả*, 1976, 134.

[5] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-7-1993, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1994, số CLLX, tr 316.

khi cách sắp xếp không có tính độc đáo đủ để được cho sự bảo hộ thì điều cần thiết là không được vi phạm các điều khoản chống cạnh tranh bất chính[1]. Thật vậy, người ta đã xét xử rằng xuất bản bản *in lại* một tác phẩm vẫn đang được bán của người đó đã lên trang gốc là phạm phải hành động cạnh tranh bất chính[2].

Các công trình in ti-pô được hưởng nhiều cơ chế bảo hộ, từ quyền sở hữu văn học và nghệ thuật đến quyền chống cạnh tranh bất chính. Điều này không phải không có những ảnh hưởng pháp lí đáng ngạc nhiên, nhất là về những gì thuộc về *in lại* trong phạm vi công cộng.

Điều L.112-2 bộ Luật sở hữ trí tuệ chỉ rõ "những công trình [...] in ti-pô" thuộc hàng những sáng tạo được bảo hộ bằng quyền tác giả.

Một hiệp ước quốc tế đã được Pháp phê chuẩn bằng một đạo luật ngày 10-12-1975. Đó là thoả thuận Vienne về việc bảo hộ các chữ in ti-pô, soạn thảo năm 1973 do mười một quốc gia dưới sự bảo trợ của Tổ chức thế giới về sở hữu trí tuệ (OMPI). Tuy vậy, Hiệp ước này chưa bao giờ có hiệu lực vì số nước phê chuẩn không đủ[3].

Công ước Berne nổi tiếng và không lẩn tránh được về quyền tác giả - cũng chi phối bởi OMPI – bao trùm khá rộng rãi sự sáng tạo để cho các công trình in ti-pô được hưởng lợi. Và pháp chế quốc gia của nhiều nước phương Tây, vả lại, cũng dành việc bảo hộ cho các công trình in ti-pô.

Đầu tiên phải kể đến các bộ chữ in được bảo hộ bằng quyền tác giả. Cần phải nêu lên chỉ dẫn, trong thoả thuận Vienne những "hình vẽ [...] các chữ cái và các bảng chữ cái chính thức với các phần phụ của nó như các dấu và kí hiệu chấm câu [...] các chữ số và các dấu hiệu tượng hình, như là các dấu qui ước, biểu tượng và dấu hiệu khoa học".

Các quan toà quốc gia đã chấp nhận vào những tác phẩm được bảo hộ, các cách *bố trí* chữ in có những nét nổi bật như là các bài thơ được xếp chữ thành hình vẽ hay một số dấu hiệu sở hữu sách. Nhưng những cách bố trí ít gây ấn tượng hơn cũng được bảo hộ như thường. Nó phải đáp ứng được điều kiện tính độc đáo, Toà phá án đã nhắc lại như thế năm 1993[4].

Mọi cách *bố trí* độc đáo, vậy là đều được hưởng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật và cho phép tác giả hay chủ sở hữu có quyền, chẳng hạn như chống các việc

---

[1] Xem "Hành động cạnh tranh bất chính".

[2] Phòng thương mại Toà phá án, 18-1-1982, *Biên niên sử Sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1982, 362.

[3] Xem chương XIV "Luật quốc tế".

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-7-1993, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1994, trg 316.

in lại không xin phép. Nhiều việc in lại văn bản rơi vào các lĩnh vực công cộng chỉ có thể thực hiện được với điều kiện một sự bố trí lại chữ in.

Hơn nữa, không nên quên rằng nếu thiếu điều kiện độc đáo của việc sắp chữ in, những người tạo ra nó vẫn luôn luôn có thể hoạt động trên mảnh đất cạnh tranh bất chính, như đã được nhấn mạnh ở Toà phá án năm 1982[1].

Ngoài ra, các tác phẩm in ti-pô có thể được đăng kí ở Viện quốc gia sở hữu công nghiệp[2] trong loại bản vẽ và mô hình. Cũng có thể viện đến quyền nhãn mác, nhất là khi sáng tạo ra một lô-gô sinh ra từ một bộ chữ mới[3].

Những sự bảo hộ như thế có thể đi kèm với những sự bảo hộ bằng quyền tác giả. Nó tạo ra cái lợi – hay bất lợi là không biết đến lãnh vực công cộng chừng nào việc đăng kí được làm lại.

Vậy phải đặt ra một cách chủ yếu vấn đề sở hữu thực thụ các quyền về các tác phẩm in ti-pô. Thường thường chính là nhà xuất bản được lợi vì điều đó, dưới một vài điều kiện hợp đồng, nếu sự sáng tạo đã diễn ra ngay trong nội bộ. Điều đó lại càng đúng hơn khi sự sáng tạo được thực hiện một cách tập thể[4].

ADAGP (Hội các tác giả nghệ thuật đồ hoạ và tạo hình), hội nhận và phân phối các quyền, mà các nhà xuất bản từng biết qua các biểu giá về mặt sao chép các bảng, có tư cách thu nạp cả các nghệ thuật in tipô[5].

Các "tác phẩm nghệ thuật ứng dụng" Cũng được bảo hộ. Cần phải hiểu ở đây là những bản vẽ thực dụng (đồ án, phác hoạ, mẫu quần áo v.v...)[6] cũng như mọi sáng tạo liên quan đến lãnh vực thiết kế *kiểu dáng* [7]. Thường thường các tác phẩm đó được hưởng sự bảo hộ bằng những kỹ thuật khác với quyền tác giả (quyền của bản vẽ và kiểu mẫu, chẳng hạn, cũng gồm trong Bộ Luật sở hữu trí tuệ CPI[8]).

• *Các bản vẽ và kiểu mẫu*

Việc xuất bản không chỉ liên quan đến quyền sở hữu văn học và nghệ thuật. Thật vậy, tất cả các nhà xuất bản đều nhiều hay ít quen thuộc với quyền nhãn mác. Nhưng họ không nên quên quyền các bản vẽ và kiểu mẫu, một ngành khác của

---

[1] Phòng thường mại Toà phá án, 18-1-1982, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1982, trang 150.
[2] Xem "Những địa chỉ có ích".
[3] Xem "Quyền nhãn mác" và "các bản vẽ và mô đen"
[4] Xem "Các tác phẩm tập thể"
[5] Xem "Sự quản lí tập thể"
[6] Toà thượng thẩm Paris, 3-2-1973, *Biên niên sử Sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1973, 117.
[7] Phòng thương mại Toà phá án, 4-11-1987, *Tập san quyền tác giả*, số 9, 1988, tr 25.
[8] Pierre và François Greffe, *Chuyên luận về các bản vẽ và kiểu mẫu*, xuất bản lần thứ bảy, Litec, 2003.

quyền sở hữu trí tuệ mà chế độ đã thay đổi đáng kể từ khi nó được đưa vào thực hiện.

Hội đồng Châu Âu đã cố gắng điều hoà quyền các bản vẽ và kiểu mẫu trong nội bộ Cộng đồng. Vì thế, Chỉ thị ngày 13-10-1998 đã được thông qua, chuyển sang luật của Pháp theo một Quyết định ngày 25-7-2001. Văn bản này đã kéo theo một sửa đổi lớn phần của Bộ Luật sở hữu trí tuệ liên quan đến quyền của các bản vẽ và kiểu mẫu.

Theo điều L 511-1 của CPI, sự bảo hộ dành cho "bề ngoài của sản phẩm hay một phần của sản phẩm bởi những đường viền, màu sắc, hình dáng, kết cấu hay các vật liệu". Nói rõ ra, chế độ này áp dụng cho các bản vẽ và các kiểu mẫu – nghĩa là cho những sáng tạo hai hay ba chiều – nhưng cả cho những "hiệu quả ở ngoài" của trang trí. Vậy nó cũng có thể là một hình thức mới của quyển sách hay của bìa, hay còn là một bộ chữ in[1].

Sự sáng tạo phải "mới", trong lúc về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật nó lại phải "độc đáo". Văn bản trù liệu rằng việc công bố, như nó đã nêu định nghĩa, là làm mất tính mới lạ. Tuy nhiên, cần ghi nhớ rằng ngay cả khi nó đã được "công bố", sự sáng tạo vẫn được bảo hộ bằng quyền tác giả. Hơn nữa, quyền này được miễn trừ trong một thời hạn bất khả xâm phạm là mười hai tháng kể từ ngày công bố và hết thời hạn đó bản vẽ và kiểu mẫu phải được khai trình rồi.

Song song với cái đó, sự sáng tạo phải đưa ra, theo điều L 511-4 của CPI, một "tính chất riêng" có nghĩa là "ấn tượng chung qua mắt nhìn mà nó gây nên ở một người quan sát thành thạo khác với ấn tượng gây nên bởi mọi bản vẽ hay kiểu mẫu đã được công bố".

Khác với quyền tác giả, sự bảo hộ bằng quyền bản vẽ và kiểu mẫu không thể cấp cho một sáng tạo trái với trật tự công cộng hay thuần phong mĩ tục ... Rõ ràng là, sự bảo hộ không thể thi hành đối với một "bề ngoài tuyệt đối bắt buộc phải có những đặc tính riêng do chức năng kĩ thuật của sản phẩm" theo như văn bản của điều L 511-6 của CPI.

Sự sáng tạo không phải giai đoạn cần thiết duy nhất của quá trình bảo hộ, ở đây nữa còn là trái với quyền tác giả. Để đòi hỏi quyền bản vẽ hay kiểu mẫu cần phải đăng kí nó ở Viện quốc gia sở hữu công nghiệp[2]. Tất nhiên, có một thủ tục huỷ bỏ nếu việc đăng kí đã thực hiện qua gian lận các quyền của người thứ ba v.v...

Sự bảo hộ dành cho quyền khai thác độc quyền trong thời hạn năm năm, quyền này có thể được gia hạn theo từng kì năm năm cho đến một tổng số là hai mươi lăm năm. Cần xác minh rằng từ khi Lệnh ngày 25-7-2001, các bản vẽ và kiểu

---

[1] Xem lại "Các bản in ti-pô".
[2] Xem "Những địa chỉ có ích".

mẫu đăng kí trước ngày 1-10-2001 vẫn còn được bảo hộ, không được gia hạn trong một hạn kì là hai mươi lăm năm kể từ ngày nạp bản. Những thứ có sự bảo hộ được gia hạn trước ngày 1-10-2001 cho một hạn kì mới hai mươi lăm năm (mà điều L 513-1 cũ của CPI đã cho phép), vẫn được bảo hộ cho đến hết hạn đó. Tuy nhiên, một ngoại lệ được trù tính trước rõ ràng là có lợi cho giáo dục.

Còn chế độ của "vụ tranh tụng" thì không chịu tác động của cuộc cải cách 2001. Vậy đó vẫn là một hành động làm giả.

Ngoài ra điều lệ của Cộng đồng ngày 12-12-2001 về các bản vẽ và kiểu mẫu của Cộng đồng bắt đầu có hiệu lực ngày 6-3-2002. Văn bản phân biệt rõ giữa những sáng tạo đã đăng kí rồi và những sáng tạo chưa đăng kí để cấp chế độ bảo hộ. Loại sau này tạo ra một cuộc cải cách thật sự trong Luật sở hữu trí tuệ.

Một quyền như thế là rất tiện lợi trong các quốc gia của cộng đồng ngoài nước Pháp, nơi người ta không thể viện dẫn đến sự kiêm nhiệm với quyền tác giả. Ở Pháp, thực ra điều kiện của việc bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật cổ điển có thể là khó tập hợp hơn. Vậy nên, đôi khi cần phải có một công cụ pháp lí khác, ngay cả khi thiếu một đăng kí đúng thủ tục. Sự bảo hộ lúc này được tính là ba năm kể từ khi công bố, quy định này cho phép tránh được sự cạnh tranh thiếu tế nhị.

Cũng với tư cách đó "các sáng tạo của những công nghiệp thời vụ về may mặc và trang sức" có thể được bảo hộ trong số đó điều L112-2 của CPI đưa vào "hàng may, quần áo da lông thú, quần áo lót phụ nữ, hàng thêu, thời trang, giày dép, bít-tất, găng tay, hàng da thuộc, sản xuất hàng dệt mới cao cấp hay hàng may đặc biệt, các sản phẩm của thợ làm đồ trang sức và các loại vải trang trí trong nhà ". Các trang phục trình diễn tất nhiên là được bảo hộ ngang hàng như các sáng tạo đó[1].

Pháp luật còn mở rộng sự bảo hộ bằng quyền tác giả cho hàng khăn mũ kiểu tóc[2]. Sự sao chép của một nhà xuất bản về các mặt hàng đó, do vậy, cũng phải được cho phép.

• *Các tờ giấy bạc*

Ngân hàng Pháp thiếu tiền. Vì vậy, trong dịp cho lưu hành đồng euro, đã phải tìm cách góp nhặt giấy bạc, cho đến tận cả ngành xuất bản và toà án.

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 18-10-1988, *Dalloz* 1988, Thông tin nhanh, 265.
[2] Toà thượng thẩm Aix-en - Provence, 11-6-1987, *Sách quyền tác giả*, số 1, 1988, trang 23.

Ngày 5-2-2002, Toà phá án đã kết thúc vụ kiện mà toà đã khởi tố từ gần bốn năm chống lại nhà xuất bản một tạp chí nghiên cứu tiền cổ[1].

Ngân hàng bị trả lại đơn theo thẩm quyền ngay từ quyết định đầu tiên, ngày 2-12-1998. Các quan toà thượng thẩm đã ngầm khuyên ngân hàng không nên kéo dài vụ kiện, cho ngân hàng là sai, bằng một quyết định của Toà Paris vào ngày 10-11-1999[2]. Toà phá án đã phê chuẩn việc xét xử này và đã khước từ chống án theo thể chế đặt ra.

Việc công bố gây tranh chấp bao gồm việc sao chép "các giấy bạc khác nhau của ngân hàng, cũ hoặc mới". Ngân hàng đã lo lắng và kiện trên cơ sở Bộ Luật sở hữu trí tuệ. Họ đánh giá rằng việc xuất bản số báo gây tranh cãi đó làm thành một sự vi phạm các quyền tác giả của họ. Họ nhắc lại rằng chỉ mình họ có đủ tư cách sao chép lại những tờ giấy bạc đó, theo như bộ Luật sửa đổi ngày 4-8-1993, và đòi hỏi 20.000 franc bồi thường thiệt hại.

Các quan toà đánh giá là Ngân hàng đã nhầm lẫn về văn bản: họ chỉ có thể tự đặt mình vào lãnh vực Luật hình sự *theo nghĩa hẹp*, và trong bất kì trường hợp nào, cũng không thể đấu tranh với những vũ khí của Luật sở hữu trí tuệ.

Ba cấp toà án liên tiếp, quả vậy, đã ghi nhận rằng "về luật, theo điều 36 của Bộ luật các công cụ tiền tệ và các huân huy chương, [...] việc làm nhái và làm giả các tờ giấy bạc cũng như việc vận chuyển, việc đưa lưu hành, việc chiếm giữ nhằm đưa lưu hành giấy bạc làm giả hay làm nhái đều bị trấn áp theo các điều từ 442-1 đến 442-7 của Bộ Luật hình sự". Vì vậy, "theo văn bản này, sự trừng phạt việc làm giấy bạc giả chỉ có thể truy tầm trên cơ sở các điều khoản hình sự của bộ luật này".

Vì vậy, "Ngân hàng nước Pháp không có cơ sở pháp lí để dựa vào trong các điều khoản [...] của Bộ Luật sở hữu trí tuệ để gán cho hội [...] việc gọi là làm giả giấy bạc mà ngân hàng phát hành". "Rút cục, [...] việc sao chép các giấy bạc in trong cuốn sách gây tranh cãi không vi phạm các điều khoản hình sự nêu trên". Bởi vì "không có một bản sao chép nào kể trên lại có thể gây nhầm lẫn với tờ bạc là đối tượng được sao chép khi mà mỗi một sao chép được thể hiện dưới hình thức ảnh chụp một mặt của tờ bạc đó với các kích thước không thể tách khỏi mặt nền của trang giấy in, lại rõ ràng là bé hơn tờ bạc nói trên".

Bài học trở nên rõ ràng là có thể xuất bản những tờ giấy bạc, với điều kiện không theo tỉ lệ 1/1, và cũng không được tách rời khỏi cuốn sách...

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 5-2-2002, *Dalloz*, 2002, trang 1128, ghi chú Jean-Pierre Gridel.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 10-11-1999, *Truyền thông thương mại điện tử*, 2000, bình luận số 5, nhận xét Christophe Caron.

Các giấy bạc dĩ nhiên là những tác phẩm độc đáo theo nghĩa của quyền tác giả. Về vấn đề này các quan toà sơ thẩm, đã nhấn mạnh rằng "các giấy bạc là kết quả lao động của một hoạ sĩ đồ hoạ, thường là từ việc vẽ lại khuôn mặt của một người nổi tiếng".

Nhưng "việc sử dụng chúng vì lợi ích chung và tính chất phục vụ công cộng của công tác liên quan" đặt chúng ra ngoài lãnh vực quyền tác giả.

Thật ra rất khó áp dụng các qui tắc sở hữu văn học và nghệ thuật vào các tờ bạc: sự "rơi tõm" của chúng vào lãnh vực công cộng chẳng hạn sẽ gây nguy hại cho tình trạng ổn định của nền kinh tế...

• *Các huân chương, huy hiệu, huy chương và cờ*

Việc sử dụng một vài vật phẩm, vì tính chất nghi lễ thì không cần phải xin phép, hay trả thù lao. Nhưng việc khai thác các chữ đầu, các trang trí, bài diễn văn và các lá cờ không phải vì thế mà thoát khỏi mọi ràng buộc của pháp luật.

Điều L.122-5 Bộ Luật sở hữu trí tuệ qui định "với điều kiện là phải chỉ rõ tên tác giả và nguồn gốc" thì không cần xin phép đối với "sự phổ biến, ngay cả là nguyên vẹn, qua báo chí hay truyền hình, với tư cách là thông tin thời sự các bài diễn văn dành cho công chúng trong các cuộc họp chính trị, hành chính, pháp lí hay hàn lâm cũng như các cuộc hội họp công cộng về chính trị và các nghi lễ công". Khái niệm thời sự chấm dứt với các tham vọng xuất bản dài hạn. Nói rõ ra, các diễn văn như thế có thể được tự do sao chép lại kịp thời ngay lúc đang đọc.

Các văn bản luật định bao gồm cả Hiến pháp, các hiệp ước quốc tế cũng như các luật, sắc lệnh, qui định, nghị định v.v.. - đều nằm ngoài mọi thứ quyền. Đó cũng là trường hợp những quyết định tư pháp. Tuy nhiên cần nhớ rằng bài bình luận về các văn bản luật hay những quyết định nói chung vẫn được bảo hộ bằng quyền tác giả. Từ 1896, toà dân sự Seine cho rằng một tóm tắt quyết định của toà án cũng được bảo hộ về sở hữu văn học và nghệ thuật[1].

Ngoài ra, các công chức, trừ các nhà giáo và thể theo một pháp chế cố định, phải tự động nhượng các quyền của họ cho lợi ích của những người sử dụng[2].Thông thường người ta chấp nhận rằng rằng các quyền về các bài quốc ca cũng được tác giả tự nguyện từ bỏ[3].

Trái lại, các hiệp ước quốc tế bảo hộ dứt khoát một vài biểu tượng gần như chính thức, đặc biệt như các vòng tròn Olympic hay là Chữ thập đỏ.

---

[1] Toà dân sự Seine, 7-5-1896, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp*, 1897, trg 76.
[2] Xem chương IV "Sự thực thụ các quyền".
[3] Xem chương VII "Các ngoại lệ của quyền thừa kế".

Cũng vậy, điều L.711-3 của CPI cấm đăng kí một vài kí hiệu với tư cách là nhãn mác. Điều khoản này khiến chúng ta tham khảo đến Công ước đoàn kết Paris năm 1883, nó loại trừ việc sử dụng (ngay cả từng phần) hay việc bắt chước các quốc huy, các quốc kỳ hay các biểu tượng của các quốc gia thành viên. Những kí hiệu và dấu kiểm soát và bảo đảm chính thức của các quốc gia đó cũng được xem như vật phẩm bắt chước.

Vì vậy nên vào năm 1987, những dải băng màu được sắp xếp gần giống với quốc kỳ của Burkina Faso mà giám đốc Viện Sở hữu công nghiệp quốc gia dùng để đăng ký làm nhãn mác đã không được chấp nhận. Nhưng năm 1980Tòa thượng thẩm Paris lại cho rằng, con Gà trống Gaulois không phải là biểu tượng chính thức, nên có thể dùng làm nhãn mác hợp pháp[1].

Các văn bản cũng cấm dùng những biểu tượng, dấu hiệu, kí hiệu và các tên viết tắt của các Tổ chức quốc tế mà chính các quốc gia này là thành viên. Do đó toà thượng thẩm Paris, năm 1997, đã có dịp phạt cái danh hiệu "Inter Poles tin học[2]".

Bộ luật Bắc đẩu bội tinh chi quy định chặt chẽ việc mang và sử dụng các huân, huy chương. Việc đeo các huân huy chương ngoại quốc được qui định chặt chẽ bởi Sắc lệnh 13-6-1853, v.v... Theo giai thoại chúng tôi vẫn thấy có một vi phạm "tước đoạt những ước hiệu dành cho người dân" (muốn nói đến những quần áo, đồng phục và huy chương, cũng như một những xe cộ làm theo dáng xe của quân đội và cảnh sát quốc gia) cũng như một quy tắc cầu kỳ trong các trường hợp khả nghi về trang phục của người tu hành cũng như đồng phục của nhân viên đường sắt. Pháp luật về mặt này thường là ngoại lai.

Cuốn sách *Huân chương và chống – huân chương danh dự* đã bị kiện bởi Hội các nhà quản lí huân chương tối cao Saint-Jean-de-Jérusalem do họ phản ứng với một chương liên quan đến "các huân chương của Malte là bắt chước xuất phát từ một thân cây không có rễ". Hội đã bị Toà đại phúc thẩm Paris bác đơn, năm 1984. Và Toà thượng thẩm Versailles, năm 1999 đã chấm dứt cuộc tranh cãi trái cựa này bằng cách phán quyết rằng "huân chương tối cao Saint-Jean-de-Jerusalem là tiếm đoạt huân chương tối cao quân đội và từ thiện của Saint-Jean-de-Jérusalem, của Rhodes và của Malte... Việc sử dụng biểu tượng danh nhân của Malte vậy là, lại được đặt vào tầm kiểm soát.

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 4-1-1980, Biên niên sử *Sở hữu công nghiệp, văn học và nghệ thuật*, 1980, trg 369.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 17-12-1997, *Sở hữu công nghiệp, Kỉ yếu tư liệu*, 1998, III, trg 170.

• ***Các bản đồ địa lí***

CPI cũng còn kể ra trong điều L.112-2 "những minh hoạ, những bản đồ địa lí[1]", cũng như "các đồ án, các phác hoạ và tác phẩm nghệ thuật tạo hình liên quan đến địa lí, đến việc in ti-pô, đến kiến trúc và đến khoa học". Một bản đồ vẽ theo hình chiếu Peters, đồ án một thành phố hay một "đường đi của rượu vang" hành trình đi bộ đều được các quan toà xem là những tác phẩm được bảo hộ bằng quyền tác giả[2]. Sự bảo hộ này, tất nhiên, không dành cho các dữ liệu thô, mang tính chất thông báo đơn thuần như tình trạng đường sá, nhưng cho những yếu tố đem lại tính độc đáo cho bản đồ (ký hiệu sử dụng, minh hoạ cho phép thấy rõ được số công trình kỷ niệm v.v...). Điều đó không ngăn cản một số điểm giống nhau thường thường do đề tài phải theo, nhất là nếu nhà xuất bản chứng minh được rằng mình nhất thiết đạt đến cùng một kết quả sau khi đã thực sự sử dụng một phương pháp khác, không bắt chước đối thủ cạnh tranh của mình[3]. Các nhà in hiếm khi đặt hàng những sáng tạo thực sự chưa in cho những xí nghiệp bản đồ. Để minh họa các tác phẩm lịch sử, giáo khoa hay cả du lịch nữa, họ thường khai thác các sơ đồ và hành trình đã lập trước. Việc sử dụng lại các công trình có trước đôi khi đòi hỏi những đầu tư lớn, tuy nhiên, vẫn phải được cho phép và tất nhiên là phải trả thù lao.

Cũng có một Điều lệ thực hành hợp pháp về mặt xuất bản bản đồ đã được SNE đề nghị và kí ngày 23-11-1993 với Trung tâm bản đồ của Pháp.

Những "người bán" bản đồ, như là Viện địa lí quốc gia (IGN) rõ ràng có cơ sở pháp lí để đòi các nhà xuất bản khai thác vốn tư liệu của họ. Tài sản này, tuy nhiên có thể thuộc lãnh vực công cộng theo như các qui tắc cổ điển chi phối thời hạn bảo hộ của mọi tác phẩm trí tuệ.

Khi một bản đồ chưa rơi vào lĩnh vực công cộng thì tất cả các yếu tố của nó cũng không vì thế mà đều được bảo hộ.

Đường vẽ đơn giản trên đó - đường viền của một cái hồ chẳng hạn - không thể là đối tượng của việc chiếm hữu riêng theo như qui định của quyền sở hữu trí tuệ. Hơn nữa, năm 1969, Toà phá án đã công nhận rằng một nhà xuất bản có thể tự do công bố một bản đồ giống như bản đồ của một nhà xuất bản cạnh tranh[4]: nhà xuất

---

[1] Leclerc, "Sự bảo hộ và khai thác các dữ liệu bản đồ", *Báo của Toà án*, 1993, II, học thuyết, 898.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 4-5-1973; *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1973, số LXXVIII, tr 218. Toà thượng thẩm Paris, 13-7-1989, quyết định đã nêu do André Bertrand (xem Thư tịch tổng hợp. Toà đại phúc thẩm Paris, 12-2-1979, Báo của Toà án, 1977, 79, số 38. Toà án thương mại Annecy, 2-11-1993, Dalloz, 1995, Tóm tắt bình chú, trg 54, Toà thượng thẩm Douai, 7-10-1996, Dalloz, 1997, trg 92, Nhận xét Claude Colombet.

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 16-7-1969, *Kỉ yếu dân sự*, I, số 220.

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 16-7-1969, *Tập san dân sự*, I, số 220.

bản bị nghi ngờ là làm giả đã chứng minh được rằng "bản sao" đã được thực hiện theo một phương pháp hoàn toàn khác với cách làm của đồng nghiệp, nhưng cũng tất yếu đạt được kết quả tương tự xét về mặt khoa học.

Trái lại, các màu sắc được dùng, các kí hiệu vẽ ra hay cả việc khai thác giá trị đặc biệt một số yếu tố trong không gian địa lý được thể hiện có thể làm cho bản đồ trở nên độc đáo. Những lựa chọn về cách tiến hành đã tạo ra cách vẽ bản đồ hợp với qui chế của một tác phẩm được bảo hộ bởi CPI.

Cũng như thế, năm 1989, Toà đại phúc thẩm Paris quan tâm đến một bản đồ vẽ theo hình chiếu Peters[1]: việc lần đầu tiên dùng một công thức toán học cho phép từ những số liệu thống kê, thay đổi hình dáng cuối cùng của địa hạt vẽ địa đồ vẫn được đánh giá là đầy đủ tính độc đáo để bản đồ này được bảo hộ bằng quyền tác giả. Kết quả thu được, thực ra, có thể khác về cơ bản và thậm chí bất ngờ theo những biến số và tham số được chấp nhận.

Cùng năm đó, Toà thượng thẩm Paris cũng đã nhấn mạnh tính độc đáo của một đồ án xã vì những tiêu chuẩn như sự định hướng, việc kẻ ô, việc dùng màu xanh biển, các chữ số khoanh vòng chỉ dẫn danh mục[2]". Bản đồ "con đường rượu nho" cũng được các quan toà xem như một tác phẩm được bảo hộ bằng quyền tác giả[3].

Tòa phá án[4] đã thừa nhận có lợi cho Liên hiệp những lữ hành du ngoạn đường dài và thiệt cho nhà xuất bản Franck Mercier, là những hành trình được công bố từ những đường vòng có dấu hiệu chỉ đường có thể tạo thành tác phẩm được bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật. "Việc vận dụng những tiêu chuẩn địa lí, văn hóa hay nhân văn" được cấp toà án tối cao chấp nhận là các bản vẽ sơ đồ các đường ngoại vy, các tua du lịch đang được hưởng sự bảo hộ bằng quyền tác giả.

Từ 1954, Toà thượng thẩm Lyon đã thừa nhận bảo hộ cho những âm bản chụp từ máy bay. Mặc dù đã có một quyết định của toà án gần đây[5], các chuyên gia về quyền tác giả vẫn tìm kiếm một loại hình bảo hộ có thể cấp cho những ảnh chụp qua vệ tinh trong chừng mực mà công sức đóng góp của người thực hiện tác phẩm lại trở nên rất gián tiếp trong việc thực hiện tác phẩm.

Nếu nhà xuất bản tìm đến sự giúp đỡ thực sự của một người dựng bản đồ và nhờ anh ta vẽ các bản đồ của chính mình thì nhà xuất bản trước tiên phải cảnh giác với những gì có thể cho dù là vô tình được vay mượn từ một bản đồ đã được bảo hộ.

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 27-4-1989, *Sách quyền tác giả, tháng* 5-1989, trg 13.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 13-7-1989, chưa in.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 26-3-1991, Dalloz, 1992, trg 462.
[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 30-6-1998, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1999, trang 391, nhận xét André Françon.
[5] Xem "Các hình ảnh trái đất".

Ngoài ra, người dựng bản đồ nói trên, vì có thể có tư cách tác giả thì phải được xem ngang hàng với bất cứ tác giả nào khác của lĩnh vực xuất bản, để kí giúp cho nhà xuất bản một chuyển nhượng quyền đúng thủ tục[1].

• *Các tác phẩm kiến trúc*

Kiến trúc được bảo hộ ở hai mức[2]. Một mặt, các đồ án kiến trúc được bảo hộ bằng quyền tác giả[3]. Mặt khác không được sao chép các công trình đã hoàn thành ngay cả bằng ảnh chụp, nếu không có sự đồng ý của tác giả, một khi công trình là đề tài trung tâm của hình ảnh[4]. Về phương diện này, cần lưu ý đến một quyết định của toà án buộc tội một nhà xuất bản đã công bố những bức ảnh về các trò chơi phối hợp ánh sáng được đặc biệt tạo ra để kỉ niệm một trăm năm tháp Eiffel[5]. Hiển nhiên là bản thân các trò chơi phối hợp ánh sáng này có đủ tính độc đáo để được bảo họ bằng quyền tác giả, cho nên cần phải được tác giả cho phép tái hiện.

Sự tranh cãi hiện nay về vị trí công cộng đang ở hồi kịch liệt giữa các nhà xuất bản và các chủ sở hữu bất động sản. Các chủ bất động sản, dĩ nhiên, đòi quyền hình ảnh về gia sản của họ, cũng như có thể cảnh cáo nếu các an-bum hay sách hướng dẫn du lịch in các hình ảnh này mà không được họ cho phép. Nhưng nguy cơ pháp lí cũng còn tồn tại về phía các kiến trúc sư mà người ta thường quên mất phần lớn các tác phẩm của họ đều được bảo hộ bằng quyền tác giả. Về mục này, và ngay cả khi bàn đến các công trình công cộng, các tác phẩm của họ hiếm khi "bị tước quyền".

Việc áp dụng quyền hình ảnh đối với các bất động sản có lợi cho các chủ sở hữu vật chất là một sáng tạo pháp lí tương đối mới và vẫn tiếp tục tồn tại mặc dầu các quyết định tư pháp có tính nửa vời[6]. Ngược lại trong bộ Luật sở hữu trí tuệ đã trù định rõ ràng sự lệ thuộc của các tác phẩm kiến trúc vào các quy tắc về quyền tác giả. Điều 112-2 của nó qui định rằng "các tác phẩm đồ hoạ, tranh vẽ, kiến trúc đều được xem như là những tác phẩm của trí tuệ theo tinh thần của Bộ luật này [...]".

---

[1] Xem chương VIII "Hợp đồng xuất bản".

[2] Michel Huet, Quyền của Kiến trúc, xuất bản lần thứ ba, Economica, 2001. Michel Huet, "Kiến trúc và quyền tác giả". *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1979, LXXXVIII, tr 3.

[3] Toà thượng thẩm Limoges, 3-1-1966, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1996, 292.

[4] Toà đại phúc thẩm Draguignan, 16-5-1972, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1973, số LXXVI, tr177.

[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 20-12-1989, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1990, số CXIVL, trg 146.

[6] Xem "Quyền cho hình ảnh".

Sự hưởng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật được dành cho mọi bất động sản mà tác giả chưa "rơi vào lĩnh vực công cộng", tức là phần lớn các trường hợp, tác giả chưa chết từ ít nhất bảy mươi năm. Sự bảo hộ được cấp với điều kiện đơn giản nhằm đáp ứng được điều kiện cổ điển về tính độc đáo theo đòi hỏi của CPI. Nhiều sáng tạo hiện đại đáp ứng được điều đó một cách dễ dàng. Và sự bảo hộ liên quan đến việc khôi phục các bất động sản cũng như mọi ảnh chụp hay hình vẽ của bất động sản đó.

Việc sao chép lại Géode, Tháp Louvre và các Vòm lớn khác, hay cả những sáng tạo ít nổi tiếng hơn cũng không tránh khỏi sự chi phối của một hệ thống cấp phép và tất nhiên là cả thù lao.

Đối với những gì là công trình công cộng, ít có trường hợp mà cơ quan quản lý góp vốn lại nhượng vừa cả sở hữu vật chất của bất động sản lẫn những quyền sở hữu trí tuệ gắn liền với nó. Bởi vậy trong đa số trường hợp, các nhà xuất bản, hoàn toàn phụ thuộc vào các văn phòng kiến trúc sư, để mặc cả mọi khai thác công trình của họ dưới hình thức sách, ảnh phóng lớn hay bưu ảnh. Bản âm ảnh chụp những sân vận động in ra trong dịp các sự kiện thể thao quần chúng đã là đối tượng theo kiện càng ngày càng nhiều của các kiến trúc sư. Cũng thường có những tình huống mà các kiến trúc sư giao quyền lợi của họ cho ADAGP chịu trách nhiệm thu tiền bản quyền giúp họ[1] theo định kỳ một cách công bằng.

Không nên quên rằng theo đúng văn bản của CPI "những đồ án, phác họa và các tác phẩm liên quan [...] đến kiến trúc" đều là những đối tượng được bảo hộ bằng quyền tác giả. Việc công bố chúng, cũng như một hình ảnh của công trình đã xây dựng, đều phải được cho phép.

Có một ngoại lệ duy nhất cho chế độ ít ra là hà khắc này đã được pháp luật đề xuất qua nhiều năm thử thách. Đó là trường hợp mà tác phẩm kiến trúc tranh chấp không phải là đề tài trung tâm của hình ảnh. Để được sao lại tự do, bất động sản lúc bấy giờ chỉ được là một yếu tố dùng làm trang trí chẳng hạn, cho một cuộc trình diễn công cộng. Toà phá án cũng đã nhận định ngày 4-7-1995 rằng sự sao chép không phép một tác phẩm thực sự bị chìm đi trong một toàn cảnh thì không đáng bị trách phạt[2].

Các kiến trúc sư được hưởng mọi quyền gắn liền với sở hữu văn học và nghệ thuật. Do đó họ cũng hưởng lợi của mọi thuộc tính tinh thần, đứng hàng đầu là quyền tôn trọng tên tác giả[3]. Vì vậy mọi sao chép bất động sản theo lý thuết cần

---

[1] Xem "Quản lí tập thể".
[2] Xem chương VII "Những ngoại lệ của quyền di sản".
[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 4-7-1995, *Dalloz*, 1996, Luật học, trang 4, Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-3-2005, *Dalloz*, 2005, tr1645, ghi chú Phillipe Allayeys.

phải xác định tác giả ngay trong các "tín dụng". Và Toà đại phúc thẩm Paris, năm 1970, thậm chí còn chấp nhận tên của kiến trúc sư phải được ghi, ngay cả khi tác phẩm của anh ta không đáp ứng được các điều kiện bảo hộ bằng quyền tác giả[1].

Cuối cùng hình ảnh của công trình không bị thay đổi đến mức biến tính. Nhà xuất bản cần đề phòng những thay đổi hình ảnh nhẹ nhàng thôi nhưng lại xúc phạm kiến trúc sư[2].

• *Các vườn*

Ngày 10-5-1997, Toà đại phúc thẩm Paris đã bổ sung danh sách các tác phẩm được bảo hộ trong tuyên bố bảo hộ các vườn của lâu đài[3].

Các vườn cảnh Vaux-le-Vicomte đã được vẽ và thực hiện bởi André Le Nôtre. Nhưng đầu thế kỉ XX, "vườn hoa lớn trung tâm theo hình tấm thảm thêu nằm hai bên lối đi, xuất phát từ các bậc thềm của lâu đài", chỉ còn là "những mặt cỏ đơn giản". Việc khôi phục các vườn bắt đầu từ 1875 và xong sau Chiến tranh thế giới thứ nhất đã được tiến hành trong bối cảnh đó.

Thế nhưng, theo các quan toà thì sự phục hồi này "không thể xác định là trả lại nguyên trạng trước kia cho một tổng thể, cũng không phải là phiên bản đồng nhất với những vườn cảnh ban đầu vì, không thể tìm thấy một sơ đồ, một bản vẽ nào". Họ đã ghi nhận rằng "bản vẽ chuẩn bị do thợ điêu khắc Israël Silvestre kí thay cho viên tổng giám sát Fouqet, cũng như các bản khắc thời ấy kí tên A.Pérelle hay N. de Noilly chỉ đưa ra những chỉ dẫn chung và một toàn cảnh chắc chắn là minh hoạ của thời đó, mà không thể tự nó cung cấp những hướng dẫn kĩ thuật chính xác bắt buộc phải theo" cho người phục hồi, "để người này khỏi lấy những sáng kiến cá nhân đưa vào phong cảnh mà mình phải can thiệp vào".

Các quan toà nhận định rằng "công việc của người thực hiện trên những hình thảm thêu vườn cảnh Vaux-le-Vincomte, ngay cả được đánh giá là "phục hồi" và tính chất nhập nhằng của từ này, không phải không có sáng tạo mà, trái lại, tạo thành một khuôn khổ trong đó tác động và nảy nở cả nghệ thuật, kỹ năng và sự tưởng tượng sáng tạo của anh ta, tạo cơ hội đem lại cho tác phẩm này một phong cách cá nhân đáng được bảo hộ".

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 13-11-1970, *Báo của Toà án*, 1971, I, tr 352, ghi chú R.S.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 10-5-1997, *Truyền thông thương mại điện tử*, 2002, số 112, nhận xét Christophe Caron, Giải pháp xác nhận ở Toà thượng thẩm: Toà thượng thẩm Paris, 11-2-2004, *Dalloz*, 2004, trg 1301, ghi chép Stéphanie Choisy.

[3] Xem "Các quyền tinh thần"

Tòa án đã xem xét rằng "vườn hoa thảm thêu lớn của công viên lâu đài [...], như vậy, tạo thành một sáng tạo độc đáo, chắc hẳn đã thực hiện đúng với những đòi hỏi và với những bắt buộc lịch sử về các phong cách cần phải chú ý để tiếp cận thật sát hình thảm thêu gốc như Le Nôtre, người mở đầu các vườn cảnh theo kiểu Pháp, đã có thể quan niệm ở thế kỷ XVII, nhưng thể hiện không còn phải tranh cãi cá tính tác giả, và như vậy đã đem lại cho tác phẩm một tính độc đáo nhất định xứng đáng được bảo hộ bằng quyền tác giả".

Vì thế mà một quảng cáo cho một thợ kim hoàn sao chép lại phần này của vườn cảnh không được phép của những người thừa kế của người khôi phục cho phép đã bị kết tội làm giả.

Giáo sư Christophe Caron đã bình luận quyết định này bằng cách nhấn mạnh rằng "không có một điều khoản nào không chấp nhận các vườn cảnh được bảo hộ bằng quyền tác giả". Ông khẳng định rằng "chẳng có gì ngăn cản một người phục hồi được xem như là một tác giả". Và cũng như thế, ngay nếu Toà thượng thẩm Paris đã quyết định khác đi trong phiên xử ngày 5-10-1994, đối với việc khôi phục các phim của Louis Feuillade[1].

Cuối cùng giáo sư Caron nhắc lại rằng nhiều quyết định mới đây đã chấp nhận những nhà phục hồi vào hàng tác giả. Ngày 20-11-1996, Toà thượng thẩm Paris cũng đã xử như thế đối với trường hợp một bất động sản[2]. Hội đồng Nhà nước cũng đã giải quyết như thế, ngày 14-6-1996 về chuyện các đàn oóc ở nhà thờ Strasbourg[3].

Còn Toà đại phúc thẩm Paris thì, song song với vụ kiện Vaux-le-Vicomte, đã xét xử theo chiều hướng như thế, ngày 28-5-1997, về việc phục chế các pho tượng của lâu đài Versailles[4].

• *Khảo cổ học*

Các sách về những đồ vật khảo cổ và các hang tiền sử tạo thành một thị trường xuất bản nhỏ. Thị trường này hiện nay đang gặp khó khăn vừa vì pháp chế về việc khai thác hang Chauvet vừa vì những thay đổi về lập pháp.

Ngày 26-3-2001, Toà thượng thẩm Toulouse đã công nhận một quyền hình ảnh cho các chủ sở hữu cảnh quan vùng hang Chauvet được phát hiện[1].

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 5-10-1994, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1998, trg 299, nhận xét André Kerever.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 20-11-1996, *Tuần pháp lý* (JCP) 1997, II, 22937, ghi chú Frédéric Pollaud Dulian.

[3] Hội đồng Nhà nước, 14-6-1999, *Tuần pháp lí* (JCP), II, 10209, Kết luận Combrexelle.

[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 28-5-1997, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1998, trang 329.

Chúng ta hãy nhớ lại là hang động được trang trí bằng những hình vẽ trên vách đá này đã được phát hiện bởi những nhà nghiên cứu hang động năm 1994. Các chủ đất đã bị chính quyền trưng thu và được nhận một món tiền bồi thường ban đầu là 31730 franc (tức là 4837 euro)... Món tiền này liên quan đến giá trị của riêng miếng đất, không kể đến sự tồn tại của cái hang cũng như giá trị khoa học to lớn của nó. Nhiều năm khiếu nại và tố tụng đã đưa các quan toà Toulouse đến chỗ định lại việc bồi thường lên đến gần mười ba triệu euro.

Các quan toà ghi nhận đáng kể rằng "những người bị trưng thu có thể tự mình kinh doanh những gì mà Nhà nước đang làm hiện nay, tức là thương mại hoá những hình ảnh lấy từ tài sản của họ. Họ đáng ra có thể vẫn hưởng lợi (với điều kiện là có quyền của những người phát hiện), cho làm các phim phóng sự, bán phim đó, dựng nhà bảo tàng trên một địa điểm có thể xây dựng được của xã, và ở đấy những phóng sự sẽ được chiếu cho công chúng xem để thu tiền. Ngoài ra, các khách tham quan có thể mua ở trong một gian bán hàng (vả lại, cái này đã có trong dự án của quận) những văn hoá phẩm phái sinh như bưu ảnh, sách, đồ lưu niệm, video, những đồ vật mĩ nghệ, những quần áo mô phỏng, tất cả nhờ vào những món tiền thuê béo bở trả cho chủ đất".

Tòa án Chauvet nhấn mạnh rằng các vấn đề quan trọng về sở hữu trí tuệ và quyền hình ảnh làm rắc rối chế độ pháp lí của các phát hiện khảo cổ.

Trên thực tế, các khó khăn không phát sinh từ quyền tác giả. Các nghệ sĩ *trước hết* đều vô danh, nhưng nhất là đều thật sự nằm trong lĩnh vực công cộng. Chắc chắn, quyền tinh thần là vĩnh viễn, và về lí thuyết cần phải nhận được sự đồng ý của những người thừa kế đối với mọi công bố về vách hang chưa công bố đó. Nhưng trên thực tế, không có một người bảo quản cảnh quan nào cho đến nay đã tìm gặp các chủ sở hữu được xác nhận của Lascaux.

Trái lại, các tác phẩm có thể vẽ trên các bức tường hang động đều thuộc quyền của chủ các địa điểm. Đây lại là một áp dụng của quyền hình ảnh các tài sản, tức là quyền của người sở hữu. Và cứ thế, ngay cả nếu các vụ kiện về quyền hình ảnh được một vài nhà bình luận vội vàng, cho rằng chỉ gây tai tiếng và không mấy hiệu quả trong các toà[2].

Trong trường hợp này quyền của người chủ sở hữu đã được ghi từ lâu trong Bộ Luật dân sự qui định đặc biệt là trong điều 552: "Sở hữu đất đai gồm sở hữu phía trên và sở hữu phía dưới. Chủ sở hữu có thể làm ở phía dưới tất cả các công trình

---

[1] Xem, tuy rằng từ chối bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ cho những người phát hiện ("Người phát minh") động Chauvet: Toà thượng thẩm Nimes, 30-10-2001, *Truyền thông thương mại điện tử*, 2002, bình luận số138, nhận xét Christophe Caron.

[2] Xem "Quyền cho hình ảnh".

xây dựng và đào bới, nếu anh ta cho là đúng lúc và lấy ra từ đó tất cả những sản phẩm mà những chỗ đào bới có thể cung cấp".

Ngoài ra, theo văn bản của điều 716 cũng ở bộ Luật này "của cải là tất cả những cái giấu hay đào bới được mà không ai có thể chứng minh được là sở hữu của mình, và được phát hiện nhờ tình cờ". Và luật xác định "sở hữu của cải thuộc về người nào tìm ra nó trong đất đai của mình, nếu của cải tìm được trong đất đai của người khác, thì một nửa thuộc về người tìm ra, và nửa kia thuộc chủ sở hữu đất".

Chế độ pháp lí này được điều chỉnh bởi luật ngày 27-9-1941 về những cuộc khai quật khảo cổ học, định ra, chẳng hạn các thể thức đặc biệt về chia tiền đền bù giữa người chủ địa điểm và người "phát hiện" ra của cải. Bộ Luật năm 1941 đã được sửa đổi bằng Luật ngày 17-1-2001 về khảo cổ học gọi là phòng ngừa. Nhưng cả Bộ Văn hoá cũng như cơ quan lập pháp đều không dự tính chấm dứt các quyền dành riêng này.

Vì thế, theo ý kiến phần lớn cộng đồng khoa học, nhà nghiên cứu Marie Cornu muốn cho các tác phẩm khảo cổ "không thể chiếm làm của riêng" được.

Trên thực tế, chính quyền sẽ là những người chủ duy nhất[1]. Không chắc là những người thương lượng của nhà nước được thuận lợi nhiều trong việc khai thác hình ảnh của các nhà xuất bản.

"Các tác phẩm nhiếp ảnh và những tác phẩm được thực hiện nhờ vào những kĩ thuật giống như nhiếp ảnh" đều được bảo hộ[2].

Tuy nhiên nên chú ý rằng Luật ngày 11-3-1957, "tiền bối" của CPI đòi hỏi các ảnh chụp phải có tính chất nghệ thuật hay tính chất tài liệu mới được hưởng bảo hộ bằng quyền tác giả. Luật 1957 được sửa đổi bằng Luật 3-7-1985 đã xóa bỏ các điều kiện đó. Nhưng tất cả các ảnh chụp giữa 11-3-1958 và 31-12-1985 vẫn theo chế độ đặc biệt này và do đó phải có tính chất nghệ thuật hay tính chất tài liệu để được bảo hộ. Tính chất nghệ thuật thể hiện trong việc xử lý riêng biệt về hình ảnh: góc nhìn, ánh sáng, lên khuôn hình, v.v[3]... Tuy nhiên, không thể không kéo dài các cuộc thảo luận lí thuyết để xác định xem giá trị thẩm mĩ có trội hơn khái niệm cố gắng cá nhân không[4]. Còn về tính chất tài liệu thì không thể chối cãi được rằng nó thay đổi tuỳ theo thời kì ảnh được chụp để xem xét[5]. Âm bản của lễ ban thánh thể đầu tiên

---

[1] Điều 713 Bộ Luật dân sự: "Những tài sản vô chủ thuộc về nhà nước..."

[2] Ysolde Gendreau, *Sự bảo hộ các ảnh chụp bằng quyền tác giả của Pháp, Hoa Kỳ, Anh và Canada*, LGDJ, 1994, Yves Marcellin, Ảnh chụp và luật, CEDAT, 1997.

[3] Toà thượng thẩm Aix-en-Provence, 11-6-1987, *Tập san quyền tác giả*, tháng 1-1988, tr 23.

[4] CF. André và Henri Jacques Lucas trong thư tịch học đại cương.

[5] Phòng dân sự Toà phá án, 8-1-1975, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, văn học và nghệ thuật*, 1977, tr 237.

của Benoit XVI ngày nay cho thấy một tính chất tài liệu có sức thuyết phục hơn là ba mươi năm trước đây. Hai tính chất đó – thẩm mĩ và tài liệu – tuy nhiên vẫn gây nên nhiều cuộc tranh luận trước các toà án[1]. Các tranh luận đó hiện nay ngày càng ít hơn.

Không nên lạm dụng sự tầm thường giả định của các ảnh chụp để hòng kiếm lí do không nộp tiền bản quyền cho tác giả[2]. Ngay cả những bản sao các tác phẩm hai chiều (các bản âm chụp các bức tranh chẳng hạn) ngày nay cũng có thể được xem là độc đáo và do vậy được bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật[3].

• ***Ảnh chụp các bức tranh***

Ảnh chụp các bức tranh có thể là tác phẩm với tư cách được bảo hộ bằng quyền tác giả. Đó là vụ kiện mà Toà thượng thẩm Paris xét xử có hiệu lực vụ làm giả một tập ảnh có bình chú của Picasso[4].

Tòa thượng thẩm Dijon cũng đã xét xử như vậy ngày 7-5-1996[5]. Và toà thượng thẩm Paris đã dựa theo sự xét xử đó với một quyết định có tiếng vang lớn ngày 26-9-2001.

Vụ kiện đã phần nào làm xôn xao các nhà chuyên doanh sách. Nó đã bắt đầu bằng một vụ làm giả bị tịch thu ngay giữa Phòng sách Paris, trong lần xuất bản 1996.

Vụ kiện li kì nhất ban đầu được tiến hành bởi một người mở lại hoạt động cho kho sách thương mại của nhà xuất bản Sách nghệ thuật đã xuất bản một catalô có bình chú của Picasso gồm ba mươi ba tập chứa cả thảy 16.000 bản sao tác phẩm... Sự truy tố nhằm vào Alan Wofsy, người xuất bản nghệ thuật Mỹ, đã thương phẩm hóa hai tập dành cho những thời kì rất xác định trong toàn bộ các tác phẩm của hoạ sĩ.

Những người thừa kế của Picasso và Hội nghị các bảo tàng quốc gia (RMN) đã tự phát tham gia vào vụ kiện làm giả. Nhưng ngày 8-12-1998, Toà đại phúc thẩm Paris đã yêu cầu mỗi bên trở về thẩm quyền của họ.

Ba năm sau[6], Toà thượng thẩm lại bắt đầu bằng cách tiếp tục lí lẽ của các quan toà sơ thẩm: "Nếu thực sự cấu tạo của một catalô có bình chú tác phẩm của một hoạ

---

[1] Ysolde Gendreau, sách đã dẫn.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 10-12-1992, *Báo của Toà án*, 31-12-1993, 1-1-1994, tr12.
[3] Toà thượng thẩm Dijon, 7-5-1996, *Dalloz*, 1998, 189, nhận xét Claude Colombet.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 26-9-2001, *Dalloz*, 2001, tr 3279.
[5] Toà thượng thẩm Dijon, 7-5-1996, *Báo của Toà án*, 1998, Tóm tắt, tr 154.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 26-9-2001, *Dalloz* 2001 trg 3279.

sĩ có thể tự nó tạo thành đối tượng của sự bảo hộ bằng quyền tác giả vì lí do những lựa chọn cá nhân, và nếu nó không thể chối cãi rằng catalô có bình chú [...] tác phẩm đã được nhất trí công nhận, như những tác phẩm của bảo tàng Picasso thực hiện bởi RMN, đáp ứng được các tiêu chuẩn đó, thì không chứng minh được rằng trong hoàn cảnh này hai công trình gây tranh chấp sẽ lấy lại, ngoài niên đại nào đó của một số tác phẩm của họa sĩ và của một số chủ đề gắn liền với những catalô đó, các lớp cảnh và sự thể hiện đặc thù làm cho [...] nó trở thành tác phẩm độc đáo".

Nhưng nhà xuất bản bị truy tố đã không chối cãi "rằng sự sao chép một số ảnh quan trọng có trong hai công trình đã được thực hiện bằng cách chụp sao các ảnh của các cataloo [...] Các quan toà kiểm tra ngay cả "các vết rạch" hay "vết xước" của lần xuất bản gốc [...] thì thấy là y hệt".

Vậy nhưng theo họ, "trái với việc bị lu mờ đằng sau hoạ sĩ, người chụp ảnh tác phẩm của hoạ sĩ còn tìm cái tinh hoa và qua việc lựa chọn có cân nhắc về chiếu sáng, về vật kính, tấm lọc và khuôn hình hay góc nhìn, đã bộc lộ ra trong cách thể hiện của mình cá tính riêng làm nổi bật chỗ thì một nét nhấn, nơi thì một nét tương phản hay một ấn tượng bắt nguồn từ lớp nền". Các quan toà nói thêm rằng nhà nhiếp ảnh "ngoài ra còn nhiều lần phóng đại làm nổi bật mảng của tác phẩm mà anh ta thấy đặc biệt có giá trị biểu lộ; [...] toàn bộ phương pháp đó không phải chỉ là của một thợ kĩ thuật bình thường mà những bị cáo tìm cách xếp một cách sai lầm ngang hàng với anh ta, mà lại chứng tỏ anh ta là một người sáng tạo đích thực".

Toà án đã kết luận rằng "các bức ảnh có liên quan do đó thực sự là độc đáo và được hưởng sự bảo hộ bằng quyền tác giả, việc sao chép chúng không phép là một việc làm giả".

Khẳng định này được nhấn mạnh bằng những sự trừng phạt to lớn: ngoài những biện pháp ngăn cấm là gần 1.100.000 franc bồi thường thiệt hại mà nhà xuất bản Alan Wofsy bị xử phạt.

Cũng như vậy các ảnh được chụp theo nhiều chỉ thị. Dù có chi tiết, các chỉ thị đó cũng không thể lấy đi của nhiếp ảnh gia một phần lựa chọn cho phép anh ta có tư cách theo nghĩa của CPI. Sự can thiệp của người thứ ba chẳng hạn như sắp xếp trang trí hoặc chuẩn bị những người mẫu không thay đổi gì hết[1]. Ngoài ra, đã có sự chấp nhận là tác giả một bức ảnh thì không nhất thiết phải là người bấm máy mà phải thật sự là người đã thực hiện toàn bộ việc điều chỉnh máy[2]. Quyết định này

---

Phòng dân sự Toà phá án, 12-11-1985, Dalloz, 1986, Thông tin nhanh, trg 183.

[1] Toà thượng thẩm Paris, 17-6-1988, *Dalloz*,1989, Tóm tắt có bình luận, trg 44, nhận xét Claude Colombet.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-7-1976, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1977, trg 117, nhận xét Henri Desbois.

được đưa ra đúng lúc một nhà thám hiểm đang muốn chứng minh sự tồn tại một bộ lạc ở Châu Phi đen bằng cách đứng chụp ảnh giữa các thành viên của họ: những người làm giả không thể phủ nhận tư cách tác giả của tấm ảnh chụp ... Huống chi, một nhà xuất bản không thể lấy lí do thiếu tính độc đáo trong các ảnh chụp về Paris sau khi chính mình đã viết trong bài giới thiệu rằng nhà nhiếp ảnh đã "giải mã thành phố" và "các công trình kiến trúc nổi tiếng nhất đều được lên khuôn một cách khác thường, tạo ra một cách nhìn khác[1]".

Ngay cả những ảnh chụp bằng máy tự động ngày nay cũng thường được nhận quyền bảo hộ. Chỉ còn lại mỗi một câu hỏi hình như trở thành đề tài tranh cãi, đó là các ảnh do vệ tinh chụp và tính độc đáo của chúng trong lúc đó, tính độc đáo của các ảnh chụp từ máy bay đã được định rõ[2] từ lâu.

• *Các hình ảnh của trái đất*

Ngày càng tăng xu hướng thương mại hoá các hình ảnh lấy từ vệ tinh liên quan đến các nhà xuất bản bản đồ, các công trình về quy hoạch đô thị hay/và cả về hiệu ứng nhà kính. Nhưng những số tiền đặt khổng lồ không không thể bắt buộc các quan toà phải suy nghĩ... Rồi những câu hỏi liên quan đến giới hạn chiếm hữu những dữ liệu tranh ảnh này, cũng như những cơ chế bảo hộ chúng.

Năm 1967, đã có một hiệp ước chi phối các hoạt động của các quốc gia về mặt "thăm dò và sử dụng không gian ngoại khí quyển". Văn bản đầu tiên này đã được dùng làm điểm tựa cho việc thông qua, năm 1986, "quyết định 41/65" của Liên Hiệp quốc, được dùng làm chỗ dựa cho nguyên tắc "thu thập tự do các dữ liệu" liên quan đến "việc quan sát mặt đất từ vũ trụ" hiện nay. Nhưng những người soạn thảo các văn bản này chủ yếu nhằm mục tiêu thông tin và thu thập dữ liệu thống kê, chứ không nhằm sự quảng bá thương mại đến những người thứ ba. Vậy mà, còn tồn tại sự mập mờ pháp lý lớn nhất về mặt này, như người ta đã nhận thấy khi Israël biểu thị thái độ phản đối việc bán những hình ảnh lãnh thổ của họ cho những kẻ có khả năng trở thành kẻ thù quân sự của họ. Hiện nay, một vài nhà quay phim tư đã cùng nhau chia sẻ thị trường mà hình như đã kí được những thoả thuận với các quốc gia được gọi là nhạy cảm.

Trong trường hợp các ảnh do vệ tinh chụp, sự can thiệp tăng lên của máy móc trong quá trình chụp ảnh âm bản đã từ lâu gây lúng túng cho nhiều chuyên gia luật

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 29-4-1998, chưa in.
[2] Toà thượng thẩm Lyon, 5-2-1954, *Tuần pháp lí* (JCP), 1954, I, 8564, ghi chép Plaisant.

về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật về tính độc đáo cần-thiết[1]. Một quyết định gần đây, dầu sao, cũng hình như đã chấp nhận sự bảo hộ bằng quyền tác giả[2].

Chính vì thế mà, như Annie Morenon trong luận án *"Thương mại hoá các hình ảnh vũ trụ"* đã nhận xét "các dữ liệu quan sát trái đất đang trở thành một ứng viên mới đây cho việc bảo hộ bằng quyền tác giả".

Tuy nhiên, sự sở hữu thực thụ các hình ảnh trái đất chụp từ các vệ tinh, rồi một ngày kia sẽ có một vài điều chỉnh. Việc "xử lí lại" các âm bản, thật ra, có thể đẻ ra một tác phẩm hỗn hợp (hay phái sinh)[3]. Và đó là chưa kể đến những chỉ dẫn của một số người đầu tư vào hình ảnh, đến mức họ sẽ viện lí về tư cách tác giả của các ảnh âm bản và có thể coi vệ tinh như một người trợ giúp kỹ thuật bình thường của máy ảnh[4]...

Sự xác định các hình ảnh trái đất do vệ tinh chụp cũng đặt câu hỏi về quyền đề tài của tấm ảnh. Các kiến trúc sư không còn ngại đòi hỏi quyền tác giả đối với các ảnh chụp các tác phẩm của họ. Nhưng như vậy, cũng không nên kì cục nghĩ rằng họ sẽ đòi quyền đối với những ảnh chụp thẳng đứng các công trình của họ[5]...

Luật pháp của Pháp đã có ý kiến về những ảnh chụp trên không nơi ở của các nhân vật quan trọng, nhằm ngăn chặn thái độ vi phạm đến đời sống riêng tư.

Cuộc tranh luận sẽ còn phức tạp nếu pháp luật có thể thừa nhận thêm một loại "quyền hình ảnh về phong cảnh". Thật vậy, chúng ta hãy nhớ lại đó là vụ tranh cãi về ngọn núi lửa Pariou nổi tiếng của Auvergne, trong đó các chủ sở hữu vẫn đang khiếu kiện những người khai thác hình ảnh.

• *Các ảnh chụp của phim*

Các ảnh chụp được gọi là của phim (tức là do một nhà nhiếp ảnh được mời đến chụp trong khi làm phim) ngày nay được xem như các tác phẩm có khả năng được bảo hộ[6] mặc dù một số quyết định tư pháp đang gây tranh cãi[7].

---

[1] Xem "Các tiêu chuẩn bảo hộ tác phẩm".

[2] Toà thượng thẩm Riom, 14-5-2003, *Dalloz*, 2003, Tóm tắt có bình chú, tr 2754, Nhận xét Pierre Sirinelh.

[3] Xem "Các tác phẩm hợp thành".

[4] Xem chương IV "Sự thực thụ các quyền".

[5] Xem "Những tác phẩm kiến trúc"

[6] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 3-6-1997, *Dalloz*, 1998, luật học, trang 166, ghi chú Xavier Daverat, Toà thượng thẩm Paris, 15-5-1998, chưa in, Toà thượng thẩm Paris, 15-10-2003, *Sở hữu trí tuệ*, số10, 2004, tr537, nhận xét André Lucas.

[7] Laurence Santantonios, "Ảnh của phim: sự lộn xộn các quyền", *Sách Tuần*, số 155, 7-4-1995, tr 57, Pascal Mérigeau, "Các nhà xuất bản bước bước đầu tiên để giải quyết vấn đề quyền về các ảnh của phim", *Thế giới*, 13-4-1995, tr 29, J-P-B., "Ảnh của phim: mê sảng và lộn xộn", *Phim Pháp*, số 2555, 21-4-1995.

Các ảnh chụp trong phim đã chiếm một địa vị lớn lao đối với sự tôn sùng và ký sự điện ảnh. Không có một từ điển điện ảnh nào, không có một tiểu sử diễn viên nào, chưa nói đến những tạp chí chuyên môn hay mọi chương trình truyền hình, có thể được công bố mà không được minh hoạ phong phú bằng những hình ảnh trong phim. Chế độ pháp lí về những âm bản đó không phải ít rắc rối, và những người sử dụng thiếu thận trọng các âm bản này từ lâu được xem như "bất chấp luật lệ" và đã gặp rất nhiều yêu sách chống đối.

Các ảnh của phim cơ bản được chụp trong dịp quay phim, phần lớn các yếu tố tiêu biểu của phim sẽ có khả năng biểu thị trên các hình ảnh đó: diễn viên, trang trí, những nét đặc sắc của dàn dựng cảnh sẽ có trên các âm bản đó. Những sự giống nhau giữa các ảnh phim và hình ảnh lấy ra từ phim là tất nhiên, nhưng nếu nhìn kỹ thì sẽ nhận ra rằng, thường thường, góc nhìn, vật kính, tư thế các diễn viên đã làm nổi bật lên những khác biệt đáng kể. Thường có khi nhiều cảnh không được lưu lại trong lúc dựng phim, lại hiện lên qua các ảnh chụp đó.

Ngoài ra, một vài ảnh trong số đó, được đánh giá là "ảnh quay phim", cho thấy thực hoàn cảnh diễn ra khi quay vì nó ghi lại đội làm phim giữa hai cảnh quay.

Thế mà một tấm ảnh phim là một âm bản thực hiện bởi một nhà nhiếp ảnh chuyên nghiệp trong dịp quay phim được trả công vì sản phẩm của dịp đó. Anh ta từ lâu chỉ có mỗi một nhiệm vụ là thực hiện những hình ảnh dành cho việc dựng phim trực tiếp. Trong số hàng trăm âm bản chụp được như thế, chỉ một số nhỏ thực sự được chọn để tạo thành "hoạt động xúc tiến bán hàng" cho phim, thuộc quyền tự do sử dụng của những người thứ ba đối với thời kì độc quyền đầu tiên của phim. Đối với phần lớn các việc sử dụng khác, các quyền đều ở trong tay của nhà nhiếp ảnh. Các trường hợp chụp phim (trong khi quay hay giữa hai lần quay), những ràng buộc hợp đồng giữa nhà nhiếp ảnh và người sản xuất cũng đôi khi ảnh hưởng đến sự thực thụ các quyền.

Các cuộc xét xử cũng có đánh giá rằng các nhà nhiếp ảnh không thể xem như những thợ kĩ thuật bình thường được trả lương sản xuất, trong đó anh không thể nào có sáng tạo cá nhân. Do đó, một số người đã viện dẫn vô ích rằng nhà nhiếp ảnh phim chỉ có mỗi một nhiệm vụ người thừa hành sao chép lại các ảnh phim một cách thụ động để cho những ảnh chụp của anh ta làm những điểm mốc trong lúc dựng phim. Những người khác đã nhận định rằng anh ta sẽ bằng lòng thực hiện công việc của anh ta dưới sự chỉ đạo của mộit đạo diễn, một người dựng phim hay một người điều khiển chụp ảnh v.v.. Thực tế của những cuộc quay phim cũng như pháp luật hiện nay về các ảnh đặt làm đã dễ dàng chống lại những lý lẽ yếu ớt như thế.

Bất kể một vài quyết định gây tranh cãi của toà án, nhiều quyết định của pháp luật ngày nay cho phép đàng hoàng coi những âm bản đó như những tác phẩm có khả năng được bảo hộ với tư cách là tác phẩm có quyền tác giả.

Tuy nhiên, một số âm bản thường sao chép lại theo cách hết sức giống những cảnh phim. Những người thực thụ có các quyền đối với tác phẩm nghe-nhìn với người đứng đầu của họ là người sản xuất, đều có khả năng đòi quyền đối với các hình ảnh đó. Những người đóng phim, nhân danh có quyền đối với hình ảnh cũng có thể phản đối việc công bố. Những nhà sưu tập thường vốn là những người thực thụ duy nhất trụ cột vật chất của các âm bản đó, đôi khi đòi hỏi trả tiền để được quyền tiếp cận. Cuối cùng, tác giả của một vài yếu tố được bảo hộ độc lập của phim và xác định một tính độc đáo riêng như cách trang trí, hay một tác phẩm nghệ thuật có thể phản đối một cách hợp pháp việc khai thác không phép, huống chi lại không trả tiền cho các ảnh chụp của phim.

Chính vì thế Trung tâm điện ảnh quốc gia đã được mời đến xem xét tình trạng rắc rối về pháp lí đó. Ngày 20-12-1996, báo cáo của Ollier nhan đề *Sự lưu chuyển và việc sao chép các ảnh của phim* đã thảo ra bản tường trình tình hình đề nghị đặt ra một giải pháp thương lượng giữa các nhà xuất bản, nhà sản xuất và các nhà nhiếp ảnh[1]. Sự phân tích này phù hợp với pháp chế hiện hành và do đó đề xuất hoặc là việc bàn bạc hợp đồng giữa các bên, hoặc là sự thận trọng lớn hơn liên quan vừa cả đến tính hợp pháp lẫn những bảo đảm đối với những người mặc cả các quyền về các âm bản ảnh đó.

Quyền đối với hình ảnh

Song song với quyền tác giả *theo nghĩa hẹp* còn có quyền đối với hình ảnh, nghĩa là khả năng cho một cá nhân riêng rẽ ngăn chặn *trước* việc sử dụng hình ảnh của mình. Quyền đối với hình ảnh vốn chưa được một điều khoản luật đặc biệt nào đặt ra, theo một vài nhà bình luận là dựa vào một sự giải thích pháp luật của điều 9 Bộ Luật dân sự liên quan đến việc bảo vệ đời sống riêng tư, và / hay là điều 1382 liên quan đến trách nhiệm dân sự cổ điển nhất.

---

[1] Jean-Yves Ollier, Báo cáo cho CNC, 1997, chưa in. Đấy không phải là một quyền tác giả, mà phạm vi áp dụng của nó bao trùm cả phạm vi các quyền về ảnh chụp. Khái niệm này được mở rộng: Emmanuel Pierrat, *Luật về sách*, Nhà xuất bản Trung tâm Thư quán 2005.

Quyết định đầu tiên về vấn đề này ngược lên đến tận 1858[1], nhưng chỉ từ ba mươi năm lại đây quyền này mới có một đà phát triển đặc biệt. Quyền đối với hình ảnh ngày nay được thừa nhận như một quyền gọi là tuyệt đối. Nguyên tắc toát ra từ các cuộc xét xử thực ra rất nhất trí: mỗi người được thực thụ những quyền về hình ảnh của mình và là người duy nhất có đủ tư cách cho phép sử dụng hình ảnh của mình[2]. Trên thực tế, việc công bố không được phép hình ảnh của cá nhân, không phải đợi đến lúc nó gây thiệt hại mới là bất hợp pháp. Việc sử dụng không được phép hình ảnh của người khác, theo nguyên tắc đã là đáng chê trách, ngay cả khi luật pháp mới đây đôi khi vẫn còn kém kiên quyết[3]. Mọi người, vô danh hay nổi tiếng, đều có thể chống lại việc sao chép lại hình ảnh của mình dưới bất kì hình thức nào[4]. Tuy nhiên, trên thực tế, không nên quên rằng các cuộc xét xử đôi khi thừa nhận một quyền hình ảnh giảm đi nhiều[5] cho những người mà cuộc sống nghề nghiệp phần lớn gắn với việc quảng bá trong thông tin đại chúng và vì thế, với cả việc sử dụng hình ảnh của họ (chính khách, sao điện ảnh, thể thao, v.v...) Điều nghịch lý là một khuynh hướng pháp luật khác đã được vạch ra song song, nhằm coi chính người đó vốn đã sống bằng hình ảnh của họ có tư cách theo dõi hơn, và do đó được bồi thường khá hơn[6]. Cũng như thế, mọi hình thức sử dụng hình ảnh đều có liên quan. Nguyên tắc quyền về hình ảnh có giá trị đối với một bản vẽ cũng như một tấm ảnh hay cả đến một tác phẩm nghe-nhìn dù là ở một phim hay ở một CDrom.

Nguyên tắc quyền đối với hình ảnh còn là đối tượng của các ngoại lệ. Tuy nhiên không nên quên rằng, như tất cả các ngoại lệ của một nguyên tắc pháp lí, chúng phải được lý giải rất chặt chẽ[7].

Trường hợp duy nhất có thể ngăn chặn một cách dễ dàng việc sử dụng hình ảnh là khi hình ảnh đó được chụp ở một địa điểm của tư nhân. Các toà án xem đó là một mảnh đất không được xâm phạm, mà nếu vi phạm sẽ bị một hình phạt nhất định[8]. Bộ Luật hình sự mới, vả lại, có hai điều khoản nghiêm khắc (điều 226-1 và 226-2) dành cho việc lấy hình ảnh tại một địa điểm của tư nhân và đem công bố nó. Các điều luật này phạt việc sao chép hình ảnh của một người đang ở trong một địa điểm tư nhân không được sự đồng ý, tiếng nói của một người đang ở trong một địa

---

[1] Toà dân sự Sein, 16-6-1858, *Dalloz báo định kì*, 1858, 3, 52.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 5-12-1988, *Dalloz*, 1989, Thông tin nhanh, 16.
[3] Théo Hassler, "Những tiến bộ của tự do hình ảnh của những nhân vật trong 2004", Dalloz, 2005, tr739.
[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 13-4-1989, *Tuần pháp lí* (JCP) 1989, 21219.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 20-5-1987, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt có bình luận, 384.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 19-9-1985, *Dalloz*, 1986 Tóm tắt có bình luận, 189, nhận xét Lindon.
[7] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 3-3-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1994, tr 313.
[8] Toà thượng thẩm Paris, 19-11-1986, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt có bình luận, 141, Nhận xét Lindon.

điểm tư nhân mà không được sự đồng ý, và việc đưa lên phim những lời nói và hình ảnh của một người, vẫn là không được đồng ý, nếu không phải rõ ràng đó là một cuộc dàn dựng phim, hay nếu không được nêu lên rõ ràng như thế .

Những cuộc xét xử tỏ ra khoan dung với những người chụp ảnh và những người sử dụng hình ảnh khi người ta không nhận ra người trong ảnh . Vì thế mà ảnh chụp một đám đông trong đó mọi sự nhận diện hầu như không thể được, có thể được tự do sao chép lại. Tuy thế, ngoại lệ này hình như khó giữ được đối với những gì liên quan đến một nhóm người, hoặc đối với chỉ một bộ phận của một tập hợp đông người. Ngoại lệ này được giữ lại ngược với những người tuyên bố là đã làm mẫu cho Robert Doisneau trong bức ảnh nổi tiếng của ông ta, *Nụ hôn của Toà Thị Chính*[1]. Trái lại, tế nhị hơn là hình ảnh của một nhóm người dễ dàng nhận diện, nhưng không có ai đặc biệt đứng lên trước[2]. Luật pháp ngần ngại hơn và các quyết định tuỳ thuộc nhiều vào trường hợp riêng cho từng hình ảnh. Các quan toà xử phạt dễ dàng việc sao chép và công bố, nếu hình ảnh công bố đã gây nên một sự thiệt hại ngoài việc vi phạm quyền đối với hình ảnh. Đó là trường hợp, chẳng hạn, như khi hình ảnh còn kèm theo một lời thuyết minh không phù hợp hay là đối tượng để dựng phim trở thành đối tượng của một sự lạm dụng khác. Cũng vậy, quyền đối với hình ảnh có tác dụng đầy đủ khi mà một người được chụp hình là đề tài chính của hình ảnh hay người đó được đưa lên trước bằng một dấu chỉ dẫn riêng (mũi tên, hiệu quả kính lúp v.v...).

Một bức ảnh của những người dễ nhận mặt có thể được tự do công bố, nếu như liên quan đến thời sự. Những nhà bình luận pháp lý, tuy nhiên, đánh giá rằng thời hạn mà sự châm chước này có thể có là rất ngắn, bởi vì nó gắn liền với khái niệm thời sự, phù hợp với việc xuất bản báo chí hơn là xuất bản sách[3].

"Vụ Virenque[4]" lấy tên nhà vô địch đua xe đã đạt được bản án xử phạt nhà xuất bản công bố về anh trên một an-bum chào mừng mấy tháng sau thắng lợi quan trọng nhất của anh, có thể đã chấm dứt cho ngoại lệ về tính thời sự đối với các tác phẩm đem bán. Có cả một loại quyền thực sự đối với việc lãng quên có lợi cho những người đôi khi trong những hoàn cảnh bi thảm đã biết đến những ngọn lửa thời sự. Một toà án, chẳng hạn, đã nhận định rằng một tội phạm hình sự không thể chịu đựng nhiều năm sau gánh nặng về một tội lỗi đã được trả giá[5] qua sự công bố mới hình ảnh của anh ta.

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 2-6-1993, Báo của Toà án, 13-15-II-1994, tr 18, ghi chép Pierre Fremond.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 11-2-1987, *Dalloz*, 1987, 385, Nhận xét Lindon.
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 10-9-1996, Légipresse, tháng I, II-1997, số138, III, tr 7.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-2-1988, Légipresse, tháng 6-1998, số152, I, 66. Christine Ferrand, "Virenque, vụ kiện gây sợ hãi", *Sách Tuần*, số 288, 10-4-1998, tr 4.
[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 22-11-1995, *Légipresse*, tháng 6-1996, số132, I, tr 74.

Quyền đối với hình ảnh đã thành lệ gắn liền với dòng họ các quyền nhân phẩm, có nghĩa là người thực thụ có quyền đó, về lí thuyết có thể tự do sử dụng nó. Tuy nhiên người ta đang chứng kiến sự di sản hoá của quyền đối với hình ảnh, mở rộng ra đến cả hình ảnh của các tài sản, và như vậy trong khi đã có một quyền tiếp cận có lợi cho các bảo tàng về các bộ sưu tập hay là một "quyền về đấu trường", ngày nay đã được thành luật[1], cho các nhà tổ chức các sự kiện thể thao. Một luật ngày 15-12-2004 "chứa đựng những biện pháp khác nhau liên quan đến thể thao chuyên nghiệp" có điều thứ nhất còn định khuôn khổ hơn nữa việc sử dụng hình ảnh các vận động viên thể thao. Lần này, văn bản nêu "hình ảnh tập thể của đội mà vận động viên tham gia" và cho phép các câu lạc bộ khai thác nó tự do hơn. Nói rõ ra là, không kể những thoả thuận kí riêng, là chuyện thường lệ trong môi trường đó để chuyển quyền hình ảnh của vận động viên cho người bảo trợ hay cho câu lạc bộ của anh ta, thì chỉ bắt buộc phải có quan hệ với câu lạc bộ mà thôi[2].

Những người chụp ảnh động vật, các đồ đạc hay bất động sản[3], do đó, càng phải cẩn trọng hơn[4], mặc dù có những quyết định của toà án mới đây cho thấy do những đòi hỏi như thế đã có một bước lùi [5]. Các toà án càng phạt nhiều hơn những việc sao chép như thế, và lại càng mạnh hơn khi sự xâm phạm quyền hình ảnh lại kèm theo thiệt hại rõ rệt (ví dụ, trong trường hợp mà việc công bố hình ảnh của một nhà ở kéo theo những cuộc tham quan không đúng lúc của các khách du lịch...)

Trái lại, pháp luật hiện nay không còn chấp nhận việc chuyển quyền của một người về hình ảnh của chính mình cho các người thừa kế[6], nhưng tỏ ra đặc biệt nhạy cảm đối với những gì liên quan đến những ảnh chụp xác chết. Ngày 21-12-1999, Toà phá án đã tỏ rõ ý kiến trong khuôn khổ "vụ Erignac" về việc xuất bản bức ảnh của một tỉnh trưởng bị ám sát. Toà đã thấy rằng "tấm ảnh được công bố chụp rõ ràng thân và mặt của tỉnh trưởng bị giết nằm trên mặt đường phố", hình ảnh này lúc bấy giờ là "xúc phạm đến phẩm giá con người". Các đơn của những chủ sở hữu đã được chấp nhận dễ dàng[7].

---

[1] Luật ngày 16-7-1974, sửa đổi bằng luật Bredin, số 92-653 ngày 13-7-1992, *Công báo*, 16-7-1992.

[2] Cho một ví dụ hạn chế quyền này cho hình ảnh của vận động viên thể thao: Toà đại phúc thẩm Paris (nêu lại) 8-7-2005, chưa in, số RG 05/54408.

[3] François de Grandmaison, "Quyền đối hình ảnh gắn liền với một nhà riêng". *Các quảng cáo nhỏ*, số 37, 27-3-1989, tr13.

[4] Pierre Kayser, "Hình ảnh của tài sản", *Dalloz*, 1995, Biên niên sử, tr 291, Toà đại phúc thẩm Paris, 1-4-1992, *Báo của Toà án*, 5-7/III/1995, tr 23.

[5] Hội nghị toàn thể Toà phá án, 17-5-2004, *Sở hữu trí tuệ*, số12, tháng 7-2004, tr 817.

[6] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 14-5-1999, *Dalloz*, 2000 Tóm tắt có bình luận, tr 266, nhận xét Christophe Caron.

[7] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-6-2000, *Dalloz*, 2001, Luật học, tr 885, ghi chú Jean-Pierre Gridel.

Sự đồng ý của một cá nhân cho việc sử dụng hình ảnh của anh ta, cho sự sao chép và công bố nó dưới một hình thức nào đó là điều không thể có bằng suy đoán. Các toà án đã luôn luôn nhấn mạnh điều đó: không phải vì người ta cho phép một người nhiếp ảnh chụp một tấm ảnh tức là cho phép anh ta sử dụng hình ảnh đó[1]; kể cả khi một vài quyết định có thể được suy ra các hoàn cảnh chụp các ảnh rằng người được chụp đã ngầm cho phép sử dụng hình ảnh của mình. Trách nhiệm đưa ra bằng chứng đồng ý thuộc về những người sử dụng. Chính là họ phải chứng minh rằng họ đã được phép sao lại hình ảnh của người được chụp[2]. Những nhà nhiếp ảnh và người sử dụng hình ảnh không thể viện cớ những việc sử dụng về để cho thấy người được chụp có thể chấp nhận hoặc tha thứ[3]. Trái lại ngày nay đã có sự chấp nhận đầy đủ rằng mỗi người có thể cho phép một cách có hiệu lực, khai thác một hình ảnh[4]. Do đó, nhà xuất bản chu đáo và thận trọng không còn có thể để thiếu sự cho phép từ phía những người được chụp ảnh hay từ chủ nhân của các tài sản hay động vật được chụp ảnh. Cũng không nên quên rằng những sự cho phép liên quan đến người vị thành niên đều phải có cả hai cha mẹ đồng ý[5].

Nhà xuất bản sẽ, tất nhiên, có được một quyền kháng cáo nhằm chống lại cơ quan hay nhà nhiếp ảnh đã nhượng cho nhà xuất bản các quyền về âm bản[6]. Một vụ kiện giữa nhà xuất bản Rocher và hãng Gamma đã cho thấy tầm quan trọng của sự bảo đảm mà các nhà chuyên nghiệp hình ảnh buộc phải đem đến. Nhân một vụ kiện của một người làm túi đựng máu mà tên có thể nhận ra trên sản phẩm dùng để minh hoạ một cuốn sách nói về vụ máu bị nhiễm bệnh, Toà phá án đã xem xét kĩ rằng "hãng đã biết tấm ảnh được sử dụng vào việc gì, và hãng buôn bán các ảnh chụp để xuất bản buộc phải cung cấp cho các khách hàng những ảnh chụp phù hợp với việc sử dụng dành cho chúng, đặc biệt sao cho việc sử dụng đó không có tính chất phi pháp[7]" Nhưng sự bảo đảm này có thể tỏ ra yếu ớt trong trường hợp phá sản của hãng nói trên hay tình trạng không chi trả nổi của nhà nhiếp ảnh. Nhà xuất bản sẽ phải bồi thường cho các "nạn nhân" và sẽ không thể đưa ra hoá đơn cho đối tác vỡ nợ.

Vì thế cần thiết phải hoặc là tự mình tìm hỏi những giấy phép khi có thể, hoặc là kiểm tra tính hiệu lực của các giấy phép mà nhà nhiếp ảnh coi như đã cho kí. Một

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 23-10-1985, *Báo của Toà án*, 13-14/III/1989, tr18.
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 17-10-1990, *Juris-Data*, số 02467. Toà đại phúc thẩm Paris, 17-10-1990, *Juris-Data*, số 049180.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 27-10-1983, *Juris-Data*, số 029086.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 10-11-1988, *Juris-Data*, số 026386.
[5] Xem các mẫu phía sau.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 31-10-1991, *Juris-Data*, số 024152.
[7] Toà thượng thẩm Paris, 10-12-1985, *Juris-Data*, số 027616.
Tòa thượng thẩm Paris, 25-6-1997, *Báo của Toà án*, 17-19/V/1998, số137, tr 22.

giấy phép trước tiên phải được hiểu một cách rất hạn chế . Điều đó có nghĩa là nhà xuất bản phải giới hạn vào những kiểu khai thác được người liên quan dứt khoát chỉ ra[1] và không thể viện cớ một sự ưng thuận mặc nhiên cho một việc sử dụng không được trù liệu trước rõ ràng.

• *Các mẫu giấy cho phép*

Nhiều cách giải quyết ít nhiều thoả đáng hoặc tốn kém có thể được chấp thuận bởi những người chuyên nghiệp về hình ảnh. Nhiều người sử dụng chọn cách thay đổi các hình ảnh còn nghi vấn, chẳng hạn như bằng cách che mặt những người có thể được nhận ra, bằng cách "làm mờ" các chi tiết v.v... Nhiều nhà cung cấp hình ảnh đảm bảo bán những hình ảnh gọi là "thoát khỏi các quyền". Tuy nhiên, con đường chắc chắn nhất hiện nay là kí các giấy cho phép.

Do quan tâm đem đến những giải pháp, xin đề nghị sau đây vài mẫu giấy cho phép. Mỗi một giấy cho phép tương ứng với một hoàn cảnh riêng (sử dụng hình ảnh của một người về ngoại hình, người lớn hay trẻ con, quay phim hay chụp ảnh, của một người làm công, của một người mẫu, của một động vật, của một tài sản hay của một tác phẩm). Những mẫu này đã được soạn căn cứ vào tình trạng hiện nay của quyền đối với hình ảnh và cũng cả đối với quyền sở hữu trí tuệ. Các hình thức dành cho các giấy phép này, tuy thế, vẫn không phải là chắc chắn.

Nhưng, rõ ràng cần thiết phải nêu chi tiết các phương tiện trung gian sao chép (báo chí, sách, bưu ảnh, quảng cáo, giấy có tiêu đề in ở đầu trang, con rối, trò chơi video, khăn tắm, v.v...) cũng như những phương tiện truyền thông (truyền hình, Internet, Intranet, v.v...) mong muốn. Nhằm mục đích này, xin đề nghị một mẫu điều khoản sau đây để đưa vào và thay đổi tuỳ theo các dự án.

• *Mẫu điều khoản chi tiết hoá các phương tiện trung gian*

> *"[...] – quyền sao chép, cải biên hay trình diễn bằng cách dùng mọi tỷ lệ khuôn hình, bằng đen trắng và / hay tô màu, có hoặc không âm thanh đồng bộ hoá về sau, đáng kể là kèm theo lời bình luận, một lời đối thoại hoặc một tác phẩm âm nhạc.*
>
> *- Quyền sao chép, cải biên và trình diễn các ảnh chụp dưới mọi hình thức xuất bản sách, và đáng kể là hình thức xuất bản thông thường, xuất bản loại xa xỉ (số lượng phát hành hạn chế hoặc không) xuất bản nửa xa xỉ, đóng bìa, có minh họa (và đáng kể là dưới hình thức băng hình), hình thức bình dân bỏ túi (còn gọi là phổ biến rộng) ở các câu lạc bộ, dùng cho nhà trường, phê bình hay trong một hợp tuyển.*

---

[1] Toà thượng thẩm Metz, 17-5-1991, *Juris-Data*, số 046954.

- Quyền sao chép, cải biên và trình diễn các ảnh chụp, toàn bộ hay một phần, cho mọi kiểu khai thác hiện có hoặc sắp có của các tác phẩm nghe-nhìn và đáng kể là dưới hình thức lưu trữ và phát chương trình nghe-nhìn (video cassette, đĩa video, DVD hay mọi phương tiện trung gian khác), trong mọi khổ (VHS, Super VHS...) và mọi tiêu chuẩn (Pal, Secam, NTSC...) hiện có hoặc sẽ có.

- Quyền sao chép, cải biên và trình diễn các ảnh chụp toàn bộ hay một phần, bằng mọi cách trình bày hiện có hay sẽ có và đáng kể là quảng bá bằng phương tiện truyền hình, bằng mọi phương tiện vốn có của các phương thức truyền thông đó (đáng kể là sử dụng sóng Hertg, vệ tinh, cáp, hiện hình rõ, mã hoá, miễn phí, phải trả tiền, hay thuê bao);

- Quyền sao chép toàn bộ hay theo trích đoạn các ảnh chụp trong mọi địa điểm tư nhân, công cộng hay tập hợp công chúng, đáng kể là trong các phòng chiếu bóng cũng như trong mọi thị trường, festival hay trình diễn quảng cáo.

- Quyền sao chép, cải biên và trình diễn các ảnh chụp toàn bộ hay một phần trên các báo và tạp chí, trên bưu thiếp, áp-phích, bích trương, catalô, sổ nhật kí, giá trình bày sản phẩm, các trò chơi hay dưới mọi hình thức tương tự hiện có hay sẽ có;

- Quyền sao chép, cải biên và trình diễn các ảnh chụp toàn bộ hay từng phần dưới hình thức quần áo, sản phẩm mĩ nghệ, văn phòng phẩm và dưới mọi hình thức phái sinh khác hiện có hay sẽ có.

- Quyền sao chép, cải biên và trình diễn các ảnh chụp bằng photocopy, micro các, micro phích hay micro phim, hay bằng mọi phương pháp tương tự hiện có hay sẽ có kể cả điện tử, analogic, từ tính hay kĩ thuật số;

- Quyền sao chép, cải biên và trình diễn các ảnh chụp dưới hình thức xuất bản điện tử, đặc biệt bằng CD-Rom, CD-photo, CD-I và DVD, bằng mọi mạng số (đáng kể là Internet, Intranet hay Extranet), bằng mọi phương tiện vô tuyến truyền thông (điện thoại, điện thoại di động, GPRS...) và bằng mọi kĩ thuật tin học và bằng mọi phương pháp tương tự hiện có hay sẽ có, cho việc khai thác công hay việc sử dụng tư;

- Quyền sao chép, cải biên và trình diễn các ảnh chụp ở tất cả các nước, bằng cách triển lãm, hoặc mọi phương pháp truyền bá hình ảnh, sao chép và trình diễn dưới mọi hình thức và bằng mọi phương tiện, các hoạt động truyền thông và cải biên sẽ làm như thế;

- Quyền truyền thông cho công chúng toàn bộ các sao chép, trình diễn và cải biên nêu ra trên đây bằng mọi phương tiện, bán, cho thuê, cho

mượn hay mọi phương pháp truyền thông cho công chúng hiện có hay sẽ có [...]".

Còn về thời gian thì phải xác định thật chính xác. Nên nhấn mạnh về việc sao chép một tác phẩm rằng thời gian không được quá thời gian các quyền thừa kế di sản, tức là nói chung ở Pháp là bảy mươi năm sau khi tác giả qua đời.

Các lãnh thổ, nơi các hình ảnh nói đến sẽ được sử dụng cũng phải được nêu lên, vì đã có sự xác định rằng việc sử dụng trên Internet được xem như là một việc cho phép sử dụng trên toàn thế giới.

Cuối cùng, một số trong các giấy phép đó cho phép sử dụng hình ảnh không có đền bù tài chính. Vậy nên phải xác định sự đền bù tinh thần bao gồm trong việc sử dụng đó (quảng cáo, giúp đỡ người nghèo v.v...).

Mẫu giấy cho phép sao chép và trình diễn các ảnh chụp

(người được chụp)

Tôi ký tên dưới đây HỌ TÊN trú tại ĐỊA CHỈ cho phép hội TÊN GỌI chụp ảnh tôi NGÀY, ở ĐỊA ĐIỂM, và sử dụng hình ảnh của tôi.

Vì vậy và đúng với các quy định liên quan đến quyền đối với hình ảnh và quyền đối với tên, tôi cho phép nhà xuất bản định hình, sao chép và công bố các bức ảnh chụp trong khuôn khổ giấy phép này.

Các ảnh chụp sẽ được khai thác và sử dụng trực tiếp bởi nhà xuất bản hoặc được nhượng cho những người thứ ba dưới mọi hình thức và mọi phương tiện trung gian đã được biết và chưa biết cho đến ngày hôm nay, trên toàn cầu, không có hạn chế, trong một thời gian là THỜI GIAN, toàn bộ hay trích đoạn, và đáng kể là:

(nêu chi tiết tất cả các phương tiện trung gian mong muốn).

Người được cho phép bị cấm dứt khoát không tiến hành việc khai thác các ảnh có khả năng xâm phạm đến đời tư hay thanh danh con người, hoặc sử dụng các ảnh chụp đối tượng của giấy phép này trong mọi phương tiện trung gian có tính chất dâm đãng, phân biệt chủng tộc, bài ngoại hay mọi khai thác có hại khác.

Người đó sẽ cố gắng trong mức có thể để giữ cho phía tôi một bằng chứng của mỗi lần công bố các tấm ảnh theo yêu cầu đơn giản. Người đó sẽ khuyến khích các đối tác của mình cũng làm như thế và sẽ thi hành mọi biện pháp cần thiết để thực hiện mục tiêu đó.

Tôi coi như cần thiết xác nhận rằng sự đền bù các việc sử dụng và cho mượn kể trên là lợi ích của tôi đối với CHỦ ĐỀ hay MỤC ĐÍCH CỦA QUYỂN SÁCH, đó là điều tôi thừa nhận dứt khoát.

Vì lẽ đó, tôi thừa nhận đã hoàn toàn được hưởng tất cả các quyền của tôi và tôi sẽ không đòi thêm một khoản tiền thù lao nào khác đối với việc khai thác các quyền nêu ra cho những việc sử dụng hiện nay.

Tôi đảm bảo rằng tôi không bị ràng buộc bởi một hợp đồng đặc quyền nào liên quan đến việc sử dụng hình ảnh hay tên của tôi.

Sự chọn chỗ hợp pháp sẽ do mỗi bên thực hiện ở địa chỉ xác định trong các thoả thuận hiện nay.

Đối với mọi tranh chấp nảy sinh từ cách giải thích hay thi hành những chi tiết, thì đó là thuộc quyền xét xử dứt khoát ở các toà án có thẩm quyền của THÀNH PHỐ quyết định theo luật của nước Pháp.

Làm tại ĐỊA ĐIỂM, ngày NGÀY THÁNG thành hai bản và với thực tâm.

CHỮ KÝ

Mẫu giấy cho phép sao chép và trình diễn các ảnh chụp

(người được chụp là vị thành niên)

Chúng tôi ký tên dưới đây là HỌ TÊN và HỌ TÊN trú tại ĐỊA CHỈ, cho phép hội TÊN GỌI được chụp ảnh, NGÀY, ở ĐỊA ĐIỂM con vị thành niên của chúng tôi tên là HỌ TÊN, sinh NGÀY ở ĐỊA ĐIỂM và đang trú tại ĐỊA CHỈ, và được sử dụng hình ảnh của nó.

Vì vậy và đúng với các quy định liên quan đến quyền đối với hình ảnh và quyền đối với tên, chúng tôi cho phép nhà xuất bản được định hình, sao chép và công bố các ảnh chụp trong khuôn khổ giấy phép này.

Các ảnh chụp sẽ được khai thác và sử dụng trực tiếp bởi nhà xuất bản hoặc được nhượng cho những người thứ ba dưới mọi hình thức sử dụng và mọi phương tiện trung gian đã được biết và chưa biết cho đến ngày hôm nay, trên toàn cầu, không có hạn chế, trong một thời gian là THỜI GIAN, toàn bộ hay trích đoạn, và đáng kể là:

(nêu chi tiết tất cả cácphương tiện trung gian mong muốn)

Người được cho phép bị cấm dứt khoát không tiến hành việc khai thác các ảnh có khả năng xâm phạm đến đời tư hay thanh danh con người, và/ hoặc sử dụng các ảnh, đối tượng của giấy phép này, trong tất cả các trung gian có tính chất đồi truỵ, phân biệt chủng tộc, bài ngoại hay tất cả các khai thác có hại khác.

Người đó sẽ cố gắng trong mức có thể để giữ cho phía tôi một bằng chứng cho mỗi lần công bố các tấm ảnh theo yêu cầu đơn giản. Người đó sẽ khuyến khích các đối tác của mình cũng làm như thế và sẽ thi hành mọi biện pháp cần thiết để thực hiện mục tiêu đó.

Chúng tôi coi như cần thiết xác nhận rằng sự đền bù các việc sử dụng và cho mượn kể trên là lợi ích của chúng tôi đối với CHỦ ĐỀ hay MỤC ĐÍCH của QUYỂN SÁCH, đó là điều chúng tôi thừa nhận dứt khoát.

Vì lẽ đó, chúng tôi thừa nhận đã hoàn toàn được hưởng tất cả quyền của chúng tôi và chúng tôi sẽ không đòi thêm một khoản tiền thù lao nào khác đối với việc khai thác các quyền nêu ra cho những việc sử dụng hiện nay.

Chúng tôi đảm bảo rằng chúng tôi không bị ràng buộc bởi một hợp đồng đặc quyền nào liên quan đến việc sử dụng hình ảnh hay tên của con chúng tôi.

Sự chọn chỗ hợp pháp sẽ được mỗi bên thực hiện ở địa chỉ xác định trong các thoả thuận hiện nay.

Đối với mọi tranh chấp nảy sinh từ cách giải thích hay thi hành các chi tiết, thì đó là thuộc quyền xét xử của các toà án có thẩm quyền của THÀNH PHỐ quyết định theo luật của nước Pháp.

Làm tại ĐỊA ĐIỂM, ngày NGÀY THÁNG thành hai bản với thực tâm.

CHỮ KÍ của CÁC ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP của ĐỨA TRẺ.

Mẫu giấy cho phép

(người làm công ăn lương)

TÊN GỌI
ĐỊA CHỈ

Hội TÊN GỌI có kế hoạch đưa làm dự án và khai thác một tập xuất bản phẩm trong đó có ảnh chụp những người làm công ăn lương của hội.

Do đó, hội TÊN GỌI cho phép TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH được chụp ảnh những người làm công ăn lương của hội NGÀY tại ĐỊA ĐIỂM, và được sử dụng hình ảnh của họ.

Vì vậy, và đúng với các quy định liên quan đến quyền đối với hình ảnh và quyền đối với tên, hội TÊN GỌI cho phép TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH, được xác định, sao chép và công bố các ảnh chụp trong khuôn khổ của giấy phép này.

Các ảnh chụp sẽ có thể được khai thác và sử dụng trực tiếp bởi TÊN GỌI CỦA NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH hoặc nhượng cho những người thứ ba, dưới mọi hình thức và mọi phương tiện trung gian đã được biết hoặc chưa biết cho đến ngày nay, trên toàn cầu, không có hạn chế trong một thời gian là THỜI GIAN, toàn bộ hay trích đoạn, và đáng kể là:

(nêu chi tiết tất cả cácphương tiện trung gian mong muốn)

Người được cho phép phải dứt khoát không tiến hành việc khai thác các ảnh có khả năng xâm phạm đến đời tư hay thanh danh con người, và / hoặc sử dụng các ảnh, đối tượng của giấy phép này, trong tất cả các phương tiện trung gian có tính chất dâm đãng, phân biệt chủng tộc, bài ngoại hay tất cả các khai thác có hại khác.

TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH sẽ cố gắng trong mức độ có thể giữ cho phía hội TÊN GỌI một bằng chứng cho mỗi lần công bố ảnh theo yêu cầu đơn giản. Họ sẽ khuyến khích các đối tác của họ cũng làm như thế và sẽ thi hành mọi biện pháp cần thiết để thực hiện mục tiêu đó.

Hội TÊN GỌI thấy thiết xác nhận với TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH rằng sự đền bù các việc sử dụng và cho mượn kể trên là lợi ích của họ đối với CHỦ ĐỀ hay MỤC ĐÍCH CỦA QUYỂN SÁCH, đó là điều hội TÊN GỌI thừa nhận dứt khoát.

Vì lẽ đó, hội TÊN GỌI thừa nhận hoàn toàn được hưởng tất cả các quyền của họ và sẽ không đòi thêm một khoản tiền thù lao nào khác đối với sự khai thác các quyền nêu ra ở giấy phép này.

Hội TÊN GỌI đảm bảo với TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH rằng họ có đủ hay sẽ có đủ tuỳ trường hợp tất cả những giấy phép cần thiết về phía các người làm công đã được nêu ra, kể ra hoặc được thay mặt, bằng cách ngăn chặn những người này làm trở ngại cho việc sử dụng việc chụp ảnh của TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH.

Hội TÊN GỌI chịu trách nhiệm riêng với các người thứ ba cũng như với TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH trong trường hợp không tuân thủ điều khoản này và sẽ phải đền bù cho nhà xuất bản hoặc người nhiếp ảnh toàn bộ thiệt hại do hội gây ra,vì không tôn trọng một trong những cam kết đã chấp nhận.

Vì lẽ đó, hội TÊN GỌI cam đoan với TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH chống lại các kháng cáo hay vụ kiện mà mọi người làm công có thể đưa ra với một tư cách nào đó vì họ cho rằng phải được hưởng những quyền nào đó chống lại việc chuyển nhượng được thoả thuận ở giấy phép này hoặc chống lại một điều khoản nào đó trong những điều khoản của nó.

Để đảm bảo cho phần chủ yếu nhất của mọi án phạt sau này có thể đưa ra ở đây bởi hội TÊN GỌI, còn thêm cả sự đảm bảo mọi phí tổn và phụ phí đưa ra bởi TÊN GỌI NHÀ XUẤT BẢN hay HỌ TÊN NGƯỜI NHIẾP ẢNH, trong đó gồm mọi phí tổn vụ kiện và chống kiện và thù lao của luật sư.

Sự chọn chỗ hợp pháp sẽ được mỗi bên thực hiện ở địa chỉ xác định trong thoả thuận hiện nay.

Đối với mọi tranh chấp nảy sinh từ các giải thích hay thi hành các chi tiết, thì đó là thuộc quyền xét xử dứt khoát ở các toà án có thẩm quyền của THÀNH PHỐ quyết định theo luật của nước Pháp.

Làm tại ĐỊA ĐIỂM, NGÀY THÁNG thành hai bản và với thực tâm

CHỮ KÍ.

Thư - đồng ý

Kiến trúc sư / nhà điêu khắc, v.v...

HỌ TÊN

ĐỊA CHỈ

Kính thưa HỌ TÊN,

Để tiếp tục những cuộc trao đổi giữa chúng ta, tôi xin nêu rõ những điều kiện của việc chuyển nhượng vì lợi ích của TÊN GỌI các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến tác phẩm mà ông (bà) đã hoàn thành (chỉ rõ liền đây Tác phẩm).

Theo đó ông (bà) hứa chuyển nhượng với tư cách không đặc quyền cho TÊN GỌI toàn bộ các quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến tác phẩm, và việc chuyển nhượng này là cho mọi lãnh thổ, cho mọi ngôn ngữ, cho mọi thời gian kéo dài của sở hữu văn học và nghệ thuật theo luật của Pháp cũng như của nước ngoài và các công ước quốc tế hiện nay và tương lai, kể cả những gia hạn ngẫu nhiên có thể xảy ra sau này.

Các quyền chuyển nhượng gồm toàn bộ các quyền sao chép và trình diễn Tác phẩm và nói rõ hơn là:

(nêu chi tiết tất cả các phương tiện trung gian mong muốn)

Đổi lại việc chuyển nhượng nói trên, khi ký những thoả thuận này ông (bà) sẽ nhận một món thù lao nguyên, khoán trước và dứt khoát là CHỮ SỐ euro.

Sau khi nhận món tiền này, ông (bà) sẽ thừa nhận rằng đã được trả đủ hoàn toàn mọi quyền của mình và sẽ không đòi thêm một món tiền thù lao nào khác cho các việc sử dụng nêu trên của tác phẩm.

Cuối cùng ông (bà) bảo đảm rằng Tác phẩm, đối tượng của sự chuyển nhượng này, không chứa đựng cái gì có thể phạm vào các luật hiện hành và đặc biệt hơn cả là các luật liên quan đến việc làm giả và quyền đối với hình ảnh.

Nói chung, ông (bà) bảo đảm với TÊN GỌI chống lại mọi rắc rối, yêu sách hay sự loại bỏ bất kì nào đó có thể gây hại cho việc hưởng bình yên các quyền đã được chuyển nhượng.

Những điều này đều tuân theo đúng luật của Pháp và thẩm quyền của các toà án THÀNH PHỐ.

Trân trọng đề nghị ông (bà) xác nhận sự thoả thuận của ông (bà) về những điều này bằng chữ kí của ông (bà) và trước đó có ghi "đã đọc và chấp nhận" ở trang cuối cùng, các trang trước đó cũng được ông (bà) kí tắt cẩn thận.

Chúng tôi kính gửi tới ông (bà) HỌ TÊN lời chào tốt đẹp nhất.

Làm tại ĐỊA ĐIỂM, thành hai bản, NGÀY.

CHỮ KÍ.

Mẫu giấy cho phép sao chép và trình diễn các ảnh chụp

(tài sản được chụp)

Tôi ký tên dưới đây là HỌ TÊN, trú tại ĐỊA CHỈ cho phép hội TÊN GỌI được chụp ảnh, ngày NGÀY THÁNG tại ĐỊA ĐIỂM tài sản của tôi *(mô tả các tài sản và địa chỉ có thể có đối với bất động sản)* và được sử dụng hình ảnh của nó.

Theo đó, và đúng với các qui định liên quan đến quyền đối với hình ảnh, tôi cho phép nhà xuất bản định hình, sao chép và công bố các ảnh chụp trong khuôn khổ giấy cho phép này.

Các ảnh chụp sẽ có thể được khai thác và sử dụng trực tiếp bởi nhà xuất bản hay chuyển nhượng cho những bên thứ ba dưới mọi hình thức và mọi phương tiện trung gian đã được biết và chưa biết cho đến ngày hôm nay, trên toàn cầu, không có một hạn chế nào, trong một thời gian là THỜI HẠN, toàn bộ hay trích đoạn, và đáng kể là:

(nêu chi tiết tất cả các phương tiện trung gian mong muốn)

Người được cho phép bị cấm dứt khoát không tiến hành việc khai thác các ảnh có khả năng xâm phạm đến đời tư hay thanh danh con người, hoặc sử dụng ảnh, đối tượng của giấy phép này, trong tất cả các phương tiện trung gian có tính chất dâm đãng, phân biệt chủng tộc, bài ngoại hay tất cả các khai thác có hại khác.

Người đó sẽ cố gắng trong mức có thể để giữ cho phía tôi một bằng chứng minh bạch của mỗi lần công bố các bức ảnh theo yêu cầu đơn giản. Người đó sẽ khuyến khích các đối tác của mình cũng làm như thế và sẽ thi hành mọi biện pháp cần thiết để thực hiện mục tiêu đó.

Tôi coi là cần thiết xác nhận rằng sự đền bù cho việc sử dụng và dịch vụ kể trên là lợi ích của tôi đối với ĐỀ TÀI hay MỤC ĐÍCH QUYỂN SÁCH, đó là điều tôi thừa nhận dứt khoát.

Theo đó tôi thừa nhận đã được trả đầy đủ cho các quyền của tôi, và tôi sẽ không đòi thêm một khoản tiền thù lao nào khác cho việc khai thác các quyền nêu trên.

Tôi đảm bảo rằng tôi không bị ràng buộc bởi một hợp đồng đặc quyền nào liên quan đến việc sử dụng hình ảnh tài sản của tôi.

Sự chọn chỗ hợp pháp được mỗi bên thực hiện ở địa chỉ xác định trong các giấy này.

Mọi tranh chấp nảy sinh từ cách giải thích hay thi hành các điều này đều là thuộc quyền xét xử ở các toà án có thẩm quyền của THÀNH PHỐ theo luật của nước Pháp.

Làm tại ĐỊA ĐIỂM, NGÀY thành hai bản và với thực tâm.

CHỮ KÍ của CHỦ TÀI SẢN.

Giấy cho phép sao chép và trình diễn các ảnh chụp

(con vật được chụp)

Tôi ký tên dưới đây là HỌ TÊN, trú tại ĐỊA CHỈ cho phép hội TÊN GỌI được chụp ảnh NGÀY tại ĐỊA ĐIỂM con vật của tôi (mô tả và NHẬN DẠNG CÓ THỂ CÓ - SỐ HIỆU HÌNH XĂM v.v...) và được sử dụng hình ảnh của nó.

Do đó, và đúng với các qui định liên quan đến quyền đối với hình ảnh, tôi cho phép nhà xuất bản định hình, sao chép và công bố các ảnh chụp trong khuôn khổ giấy phép này.

Các ảnh chụp sẽ có thể được khai thác và sử dụng trực tiếp bởi nhà xuất bản hay chuyển nhượng cho những bên thứ ba dưới mọi hình thức và mọi phương tiện trung gian đã được biết và chưa biết cho đến ngày hôm nay trên toàn cầu, không có một hạn chế nào trong một thời gian là THỜI HẠN toàn bộ hay trích đoạn và đáng kể là:

(nêu chi tiết tất cả các phương tiện trung gian mong muốn)

Người được cho phép bị cấm dứt khoát không tiến hành việc khai thác các ảnh có khả năng xâm phạm đến đời tư hay thanh danh con người, hoặc sử dụng ảnh, đối tượng của giấy phép này, trong tất cả các phương tiện trung gian có tính chất dâm đãng, phân biệt chủng tộc, bài ngoại, hay tất cả các khai thác có hại khác.

Người đó sẽ cố gắng trong mức có thể, để giữ cho phía tôi một bằng chứng của mỗi lần công bố các bức ảnh theo yêu cầu đơn giản. Người đó sẽ khuyến khích các đối tác của mình cũng làm như thế và sẽ thi hành mọi biện pháp cần thiết để thực hiện mục tiêu đó.

Tôi coi là cần thiết xác nhận rằng sự đền bù của các việc sử dụng và cho mượn kể trên là lợi ích của tôi đối với CHỦ ĐỀ hay MỤC ĐÍCH CỦA QUYỂN SÁCH, đó là điều tôi thừa nhận dứt khoát.

Theo đó, tôi thừa nhận đã hoàn toàn được hưởng tất cả quyền của tôi, và tôi sẽ không đòi thêm một khoản tiền thù lao nào khác đối với việc khai thác các quyền nêu ra cho những việc sử dụng hiện nay.

Tôi đảm bảo rằng tôi không bị ràng buộc bởi một hợp đồng đặc quyền nào liên quan đến việc sử dụng hình ảnh con vật của tôi.

Sự chọn chỗ hợp pháp sẽ được thực hiện mỗi bên ở địa chỉ xác định trong các thoả thuận hiện nay.

Mọi tranh chấp nẩy sinh từ cách giải thích hay thi hành các chi tiết, đều thuộc thẩm quyền xét xử dứt khoát ở các toà án có thẩm quyền của THÀNH PHỐ theo luật của nước Pháp.

Làm tại ĐỊA ĐIỂM, NGÀY THÁNG thành hai bản và với thực tâm.

CHỮ KÍ của NGƯỜI SỞ HỮU CON VẬT

Sự trừng phạt thông thường đối với các tội xâm phạm quyền đối với hình ảnh là cưỡng chế bồi thường thiệt hại, đôi khi kết hợp với việc công bố sự xét xử, và, chẳng hạn, sự bắt buộc không được sao chép hình ảnh nữa nếu không sẽ bị phạt.

Các trừng phạt kia tất nhiên sẽ nặng hơn nếu sự vi phạm quyền đối với hình ảnh lại cộng thêm một lỗi khác: xâm phạm đời tư, làm biến dạng hiện thực (chẳng hạn hình ảnh một tài sản bị cắt xén[1]), sử dụng có hại (chẳng hạn minh hoạ các bệnh tuyến vú[2] hay phát hiện các bệnh nặng[3], thuyết minh chuyển những người mẫu thành gái gọi[4], v.v...).

Những người mẫu

Hiện nay các người mẫu hành nghề trong một khuôn khổ luật pháp cực kỳ rõ ràng và càng ngày càng nghiêm khắc[5]. Nhà xuất bản muốn đưa một hoặc nhiều người đó vào việc xuất bản một quyển sách về thể dục chẳng hạn, cần phải hiểu rõ qui chế về những người đó[6]. Thật ra, người mẫu đã được định nghĩa theo Luật ngày 26-12-1969 và bổ sung bằng Luật ngày 12-7-1990 là "mọi cá nhân được giao trách nhiệm hoặc là trình bày trước công chúng, trực tiếp hoặc gián tiếp bằng sự sao chép hình ảnh của mình trên mọi phương tiện trung gian nhìn hay nghe nhìn, một sản phẩm, một dịch vụ hay một thông điệp quảng cáo, hoặc là đứng làm mẫu có hay không sử dụng bên ngoài của hình ảnh mình, ngay cả khi hoạt động này chỉ thực hiện với tư cách ngoại lệ". Ranh giới đôi khi rất hẹp giữa một người thình lình chụp được ngoài phố, nghệ sĩ biểu diễn[7] và người mẫu.

Người mẫu được hưởng một giả định về hợp đồng lao động[8]. Trái lại, theo ngôn từ của điều L.763-2 của Bộ Luật lao động, "không được xem là tiền lương: khoản tiền công trả cho người mẫu trong dịp bán hoặc khai thác về ghi âm ghi hình sự trình diễn của người mẫu do chủ hay một người sử dụng khác tổ chức, khi mà sự hiện diện hình thể của người mẫu không còn cần thiết để khai thác việc ghi âm ghi hình đó và tiền công đó không phải phụ thuộc tiền lương trả cho lao động của sự

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 15-4-1992, *Báo của Toà án*, 5-7/III/1995, tr 23.
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 23-10-1985, *Juris Data*, số 043993.
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 15-5-1991, *Juris Data*, số 045877.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 12-12-1986, *Juris Data*, số 047171.
[5] Gilles de Poix, "Qui chế người mẫu", *Légicom*, số 9, tháng 7, 8, 9-1995, trg1.
[6] François Corome, "Định nghĩa pháp lý về người mẫu", *Légicom*, số 9, tháng 7, 8, 9-1995, tr3.
[7] Định nghĩa ở điều L.762-1 Bộ Luật lao động như một người "với điều kiện có lương" góp phần mình "cho sản xuất".
[8] Điều L.763-1 Bộ Luật lao động và các thông tư của Bộ Lao động ngày 4-6-1993, DRT số 93-17, và ngày 2-1-1995, DRT số 95-2.

trình diễn của anh ta, mà trái lại là phụ thuộc vào kết quả bán hàng hay của việc khai thác ghi âm ghi hình đó". Vậy cần phải dự kiến một khoản tiền công thành hai phần, một phần để đền bù cho sự trình diễn, phần kia nhằm vào việc chuyển nhượng các quyền.

Khi công việc biểu diễn mà nhà xuất bản yêu cầu trở thành quan trọng, nghĩa là nó vượt quá việc chụp ảnh đơn giản của một nhà nhiếp ảnh, thì nên là kí một hợp đồng thực sự về lao động với người được chụp ảnh trong đó bao gồm thêm cả một sự chuyển nhượng quyền hợp lệ.

Mẫu đề nghị sau đây gồm những điều khoản tối thiểu cho loại cam kết này.

Thư thoả thuận cam kết của người mẫu

Kính thưa Bà, Ông

Để tiếp tục việc trao đổi của chúng ta, chúng tôi xin nói rõ những điều kiện cam kết của bà / ông với tư cách là người mẫu, với nhà xuất bản HỌ TÊN chủ NHÀ XUẤT BẢN, để thực hiện các ảnh chụp dành cho minh hoạ tác phẩm tạm thời có tên TÊN SÁCH.

Điều 1- Đối tượng hợp đồng

Bà/ ông sẽ thực hiện, nhân danh nhà xuất bản HỌ TÊN CHỦ NHÀ XUẤT BẢN, xét đến các chỉ thị tổng quát hay đặc biệt sẽ được cho bà/ ông biết do TÊN MỘT NGƯỜI LÀM CÔNG CỦA NHÀ XUẤT BẢN và do chính tôi một cuộc biểu diễn người mẫu gồm SỐ buổi chụp ảnh theo các thể thức định rõ sau đây.

Bà/ ông được phân công chủ yếu như sau:

(Mô tả các cuộc biểu diễn được yêu cầu)

Bà/ông báo cho biết là về thể chất đủ khả năng thực hiện các pô ảnh nêu trong thoả thuận này, mà bà/ông thừa nhận đã biết dứt khoát.

Điều 2- Tiền thù lao

Đổi lại việc thực hiện các biểu diễn này, bà/ông sẽ nhận một món tiền công nguyên, khoán trước là SỐ euro, nó sẽ được đóng cho bà/ông NGÀY THÁNG.

Đổi lại sự chuyển nhượng, như dự kiến ở điều 5 của thoả thuận này, các quyền nhân phẩm (đáng kể là quyền cho hình ảnh) và các quyền có thể có của sở hữu trí tuệ thuộc về cuộc biểu diễn này, bà/ông sẽ thu một món tiền thù lao nguyên, khoán trước là SỐ TIỀN, sẽ được trả cho bà/ông NGÀY.

Điều 3- Địa điểm và việc tiến hành biểu diễn

Việc biểu diễn này tiến hành ở ĐỊA CHỈ XƯỞNG CHỤP ẢNH, sẽ thực hiện theo lịch sau:

(chỉ ngày giờ các buổi chụp hoặc báo trước rằng lịch dự kiến trong khoảng ngày nào đến ngày nào, sẽ được xác định theo thoả thuận chung kèm theo).

Mọi buổi chụp không dự kiến trong các thoả thuận này có thể được yêu cầu tuỳ theo thể thức lịch sẽ được xác định theo thoả thuận chung. Mỗi buổi chụp thêm sẽ được tính công cho bà/ ông theo mức giá sau: TỔNG SỐ TIỀN.

Điều 4 - Các nghĩa vụ khác nhau

Bà/ông cam kết trong khi tiến hành biểu diễn

(với giả thiết là các buổi chụp sẽ liên tiếp)

- Dành mọi hoạt động nghề nghiệp và mọi quan tâm của bà/ông cho nhà xuất bản HỌ TÊN CHỦ NHÀ XUẤT BẢN, việc tiến hành các hoạt động nghề nghiệp của bà/ông được trả công hay không do bà/ông hay các bên thứ ba chịu, đều bị cấm nếu không được nhà xuất bản HỌ TÊN CHỦ NHÀ XUẤT BẢN đồng ý.

- Chấp hành điều lệ bên trong địa điểm nơi bà/ông sẽ tiến hành biểu diễn, tất cả các chỉ dẫn và điều cấm đoán riêng về lao động dành cho bà/ông, cũng như, ngay cả sau khi kết thúc hợp đồng này, giữ kín hoàn toàn về những gì liên quan đến các hoạt động của nhà xuất bản TÊN CHỦ XUẤT BẢN và nơi tiến hành biểu diễn;

- Bà/ông xuất hiện ở địa điểm của mỗi buổi chụp ảnh, đầu tóc, ngoại hình thích hợp và có đủ các đạo cụ cần thiết của nghề nghiệp (và đáng kể là *mô tả quần áo mặc trong các buổi).*

Bà/ông cho biết chính xác và thành thật những yếu tố sau đây liên quan đến trọng lượng, chiều cao, số đo, màu tóc, màu mắt, *bổ sung có thể có*, các yếu tố đó dứt khoát được coi là quyết định cho việc kí kết các thoả thuận này:

(nêu rõ các đặc điểm hình thể của người mẫu)

Điều 5- Chuyển nhượng các quyền

Bà/ông dứt khoát nhượng với tư cách là độc quyền cho HỌ TÊN CHỦ NHÀ XUẤT BẢN toàn bộ các quyền nhân thân (quyền cho hình ảnh là chủ yếu) và các quyền có thể có về sở hữu trí tuệ liên quan đến các ảnh chụp trong khuôn khổ hợp đồng này, và điều đó là cho mọi lãnh thổ trên toàn cầu trong **THỜI GIAN.**

Các quyền đó sẽ được khai thác trực tiếp hay chuyển nhượng bởi nhà xuất bản HỌ TÊN CHỦ NHÀ XUẤT BẢN, là bao gồm toàn bộ các quyền sao chép và trình diễn, đáng kể là:

- Quyền sao chép dưới đủ hình thức xuất bản sách, và đáng kể là xuất bản thường hay xa xỉ (số lượng phát hành hạn chế hay không hạn chế), bán xa xỉ, đóng bìa, bình dân, bỏ túi (còn gọi là công bố rộng rãi) ở các câu lạc bộ, cho nhà trường, cho phê bình hay cho hợp tuyển;

- Quyền sao chép toàn bộ hay từng phần trên các báo, xuất bản phẩm định kỳ, bằng bưu thiếp, áp-phích, bích trương lớn, catalô, sổ nhật kí, giá trình bày trong cửa hàng, trò chơi hay mọi hình thức tương tự hiện có hay sẽ có;

- Quyền sao chép toàn bộ hay từng phần dưới hình thức quần áo, đồ mĩ nghệ vật liệu bằng giấy và dưới mọi hình thức phái sinh hiện có hay sẽ có;

- Quyền sao chép và trình diễn bằng photocopy, micro các, micro phích hay micro phim, hoặc mọi phương thức tương tự hiện có hay sẽ có, dù là điện tử, phân tích, từ tính hay kĩ thuật số;

- Quyền sao chép, trình diễn và cải biên dưới hình thức xuất bản điện tử, đặc biệt bằng CDrom, CD-1, CD-photo và DVD, theo mạng kĩ thuật số (đáng kể là internet, điện thoại cố định, điện thoại di động) hay bằng mọi phương thức tương tự đang có hay sẽ có.

- Quyền truyền thông cho công chúng ở tất cả các nước bằng cách triển lãm, trình diễn sân khấu, múa hay âm nhạc, nhạc kịch hay mọi phương pháp phổ biến lời, âm thanh, hình ảnh, và sao chép và trình diễn dưới mọi hình thức và mọi phương tiện, các truyền thông và cải biên sẽ được thực hiện như thế.

- Quyền cải biên, trình diễn và sao chép toàn bộ hay từng phần cho điện ảnh, truyền hình và, nói chung, mọi cách khai thác hiện có hay sẽ có của các tác phẩm nghe-nhìn, và đáng kể là dưới hình thức phim dương, video cassette, đĩa video hay chương trình nghe-nhìn.

- Quyền trình diễn và sao chép toàn bộ hay từng phần bằng mọi phương thức trình diễn hiện có hay sẽ có, và đáng kể là chiếu công cộng và phát truyền hình bằng mọi phương tiện hiện có hay sẽ có, và đáng kể là bằng cáp, bằng đường sóng điện từ Hertz, vệ tinh và các truyền tải ở nơi công cộng và tư nhân của tác phẩm truyền đi;

- Quyền truyền thông cho công chúng toàn bộ các sao chép, trình diễn và cải biên nêu trên đây bằng mọi phương tiện, bán, cho thuê, cho mượn hay mọi phương pháp truyền thông cho công chúng hiện có hay sẽ có.

Đối với mỗi việc sử dụng thực hiện từ các ảnh chụp in ra, nhà xuất bản Họ tên chủ xuất bản HỌ TÊN CHỦ XUẤT BẢN cam kết không làm biến chất hình ảnh của bà/ông gây thiệt hại cho bà/ông. Tuy nhiên nhà xuất bản sẽ không thể xem như chịu trách nhiệm về những thiếu sót gây nên bởi các bên thứ ba mà nhà xuất bản đã nhượng quyền sử dụng cho.

Điều 6- Bảo đảm

Bà/ông đảm bảo không dính líu đến một hợp đồng khung cam kết làm người mẫu hay một sự uỷ nhiệm được quyền liên quan đến hoạt động người mẫu của bà/ông.

Bà/ông đảm bảo dứt khoát rằng mình có đầy đủ quyền và tư cách để thoả thuận nhượng các quyền cho hợp đồng này, và các quyền đó không vì bất kì một lẽ gì đã được nhượng, cầm cố, chịu nghĩa vụ về tài chính cũng không theo một cách nào đó, bị lệ thuộc vào các bên thứ ba.

Điều 7- Huỷ bỏ hợp đồng

Trong trường hợp không thể thực thi một trong các điều khoản nêu ra trên đây, hợp đồng này sẽ đương nhiên có thể bị huỷ bỏ, thiệt hại do bên thiếu sót, sau khi có yêu cầu thực hiện cam kết bằng thư bảo đảm, với giấy báo là thư đã nhận được, mà vẫn không có kết quả trong ngày thứ mười lăm từ khi nhận thư, phải chịu. Nếu hợp đồng bị huỷ bỏ thì những khoản tiền cấp cho biểu diễn đã tiến hành cho đến ngày huỷ bỏ sẽ được nhận ở nhà xuất bản HỌ TÊN CHỦ XUẤT BẢN với điều kiện là qui định của nó vẫn như đã dự kiến ở điều 2 của hợp đồng này.

Điều 8- Cấp thẩm quyền

Nếu cần thì đối với mọi tranh chấp nảy sinh từ sự giải thích hay thi hành hợp đồng này và các phụ lục của nó sẽ thuộc thẩm quyền xét xử tại các toà án có thẩm quyền của Paris.

Bà/ông vui lòng xác nhận sự đồng ý của mình vào hợp đồng này bằng cách ghi "đã đọc và chấp nhận" và kí vào trang cuối cùng, các trang trước đó cũng được bà/ông kí tắt cẩn thận.

Chúng tôi xin gửi tới bà/ông lời chào tốt đẹp nhất.

Làm tại ĐỊA ĐIỂM thành hai bản NGÀY.

Các tác phẩm phái sinh

Điều L.112-3 của CPI hoàn toàn dành cho những gì liên quan đến các tác phẩm gọi là phái sinh: "Các tác giả dịch thuật cải biên, chuyển thể hay phóng tác các tác phẩm trí tuệ được hưởng quyền bảo hộ đặt ra bởi bộ luật này không gây phương hại đến các quyền của tác giả tác phẩm gốc. Cũng như vậy với các tác giả hợp tuyển, hay tập tác phẩm hoặc các dữ liệu khác nhau, như những cơ sở khảo cứu, mà với cách lựa chọn và sắp xếp nội dung, tạo thành những sáng tạo trí tuệ".

Vậy thì gọi là "phái sinh" tất cả các tác phẩm vay mượn ở một tác phẩm hiện có. Sự vay mượn đó có thể là ở sự biểu hiện (đó là trường hợp của các hợp tuyển) hoặc ở cách bố cục (trong các cải biến...) hay ở cả hai cùng một lúc (trong dịch thuật...).

Ngay từ khi sự vay mượn chủ yếu dựa vào một tác phẩm có trước thì tác giả và nhà xuất bản của tác phẩm phái sinh cần phải chú ý đến mặt pháp lí. Dù tầm quan trọng là thế nào thì họ cũng luôn luôn phải có giấy cho phép của người thực thụ có các quyền của tác phẩm gốc.

Vì vậy, một sự tóm tắt hay một sự rút ngắn đều là nhờ vào tác phẩm xuất phát[1]. Một bài báo bình thường tóm tắt một luận án tiến sĩ cũng không thể vượt ra khỏi luật lệ này[2].

Nguồn gốc sự lúng túng đối với các nhà chuyên nghiệp là ở chỗ các cải biên - có thể thực hiện dưới cùng một hình thức (sách sang sách) hay dưới những hình thức khác nhau (chuyển từ sách sang điện ảnh hay, từ nay về sau, bằng "tiểu thuyết hóa" từ điện ảnh sang sách). Vấn đề là phải biết ranh giới giữa bản in thứ n. một đề tài vĩnh cửu và việc cải biên thực tế của một tác phẩm hiện có[3]. Trong dịp bộ phim *Những người khách* chẳng hạn, người ta đã lí luận rằng những yếu tố như là việc chuyển đổi trong thời gian của các nhân vật và sự thiếu thích nghi của chúng với thời đại trong đó chúng phải tiến triển là không được bảo hộ bằng quyền tác giả[1] Cũng vậy, Toà thượng thẩm Paris đã nhận định rằng François Sagan, viết tiểu thuyết *Con chó nằm xuống báo mồi* của bà, vốn dựa theo một truyện ngắn của Jean Hougron nhan đề là *Người đàn bà già nua* song không phải là rút từ đó ra một tác phẩm cải biên, bởi vì chỉ có cùng một điểm xuất phát mà thôi[4].

---

[1] Toà dân sự Seine, 29-11-1865, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp nghệ thuật và văn học*, 1866, 77.
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 18-9-1988, *Tập san quyền tác giả*, số 1, 1989, tr 18.
[3] Xem "Việc làm giả và vụ án làm giả".
[4] Vụ kiện do R.Dumas kể, tr 138 (xem Thư mục chung).

Tất cả các tác phẩm phái sinh, ngoài ra, cũng không mắc nợ một tác phẩm khác về mặt di sản. Có hai hoàn cảnh thường gặp. Hoặc là tác phẩm gốc đã ở vào lĩnh vực công cộng - chẳng hạn trường hợp một hợp tuyển truyện hoang đường. Hoặc là những ngoại lệ đã được luật pháp đề ra miễn không phải xin phép[1]: một hợp tuyển hạn chế trong những đoạn trích tác phẩm rất ngắn có thể được hưởng quyền trích dẫn[2]. Cũng vậy, các bài điểm báo[3], nếu chúng đáp ứng được một vài điều kiện, cũng có thể được miễn xin phép.

Điều đó không có nghĩa là mọi việc đề phòng đều vô ích. Dù gặp loại hình nào thì tác giả của một tác phẩm phái sinh sẽ chú ý tôn trọng quyền tinh thần của tác giả tác phẩm gốc[4]. Một bản dịch tối có thể xem là xúc phạm đến sự tôn trọng cần có đối với tác phẩm gốc[5]. Hơn nữa, với những gì liên quan đến các tác phẩm mắc nợ với một tác phẩm khác, mà với các tác phẩm đó cần phải thương lượng một giấy cho phép, thì đôi khi đã có trù liệu theo hợp đồng là phải để tác phẩm phái sinh chịu sự kiểm duyệt của tác giả tác phẩm gốc[6].

Mọi tác phẩm phái sinh, trái lại, đều được bảo hộ như là: hợp tuyển[7], cải biên[8], dịch thuật[9], v.v...[10] Trước sự đa dạng của các tác phẩm phái sinh, thường rất khó xác định những tác phẩm nào thực sự được bảo hộ bằng quyền tác giả. Ở đây nữa - và quy tắc này có giá trị với tất cả những gì liên quan đến quyền tác giả - đó là điều kiện tính độc đáo là quyết định[11]. Luật pháp đã có thể thêm vào liệt kê của điều L.112-3 của CPI vốn cũng không toàn diện, những tác phẩm cũng đa dạng như một tuyển chọn các tài liệu quảng cáo, một sự cập nhật (ghi chép và các tờ rời thêm vào), một sự sửa đổi v.v... Chính vì thế mà một tập tài liệu tranh ảnh về xe ô-tô đã có thể được xem như một tác phẩm văn học và nghệ thuật[12]. Một cải biên của một

---

[1] Xem chương VII "Các ngoại lệ đối với quyền di sản".
[2] Toà thượng thẩm Paris, 16-12-1983, *Báo cáo Toà án*, 1984, I, Tóm tắt, 48.
[3] Xem "Các bài điểm báo".
[4] Xem "Các quyền tinh thần", Toà đại phúc thẩm Paris, 8-3-1968, *Dalloz*, 1968, 742.
[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-12-1976, *Tập san quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1978, số XVC, trang 160.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 15-6-1949, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1949, tr 311.
[7] P. Frémond, "Các hợp tuyển thực hiện bằng tuyển chọn ảnh chụp" *Tập san quyền tác giả*, 1954, số II, trang 3.
[8] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 9-2-1994, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1994, số CLXI, trg 335, ghi chép Pierre-Yves Gautier.
[9] Toà thượng thẩm Paris, 10-5-1995, *Báo của Toà án*, 15-16-III-1998, tr 17.
[10] Toà đại phúc thẩm Lyon, 16-2-1961, Báo của Toà án, 1961, I, 264. Toà phúc thẩm Paris, 3-11-1933, Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1939, 287, Toà đại phúc thẩm Seine, 31-3-1966, *Dalloz*, 1966, Tóm tắt, 97, Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 11-2-1970, *Dalloz*, 1970, 227.
[11] Xem "Các tiêu chuẩn bảo hộ các tác phẩm".
[12] Toà thượng thẩm Paris, 10-5-1982, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1983, 242.

tác phẩm thuộc lĩnh vực công cộng do vậy cũng đến lượt nó được bảo hộ. Tuy nhiên, các quan toà đã nhận định rằng việc bỏ đi các đoạn mô tả của một tiểu thuyết được coi như một tác phẩm xuất phát - không thể cho ra đời một tác phẩm phái sinh độc đáo[1].

Các bản dịch

Không còn phải nghi ngờ là một bản dịch được bảo hộ kể từ khi nó không chỉ là một việc chuyển thô theo từng từ hay một công việc kỹ thuật thuần tuý như một cái máy có thể làm. Việc xắp xếp thành hai quyển sách một bản dịch của thánh Thomas, do vậy, có thể được các quan toà thừa nhận là độc đáo, bởi vì việc đó được áp đặt bởi kết cấu của tác phẩm ban đầu[2].

Đôi khi cũng nên, và dù sao cũng có ích, nhắc lại rằng, theo văn bản của CPI và của một pháp chế từ nay trở đi bất biến, các dịch giả được hưởng một qui chế pháp lí rất rõ ràng. Nhà xuất bản, nếu không biết hoặc lơ là, quên đi tình trạng luật pháp đó, sẽ phải hứng chịu những thất bại nghiêm trọng và đắt giá.

Điều L.112-3 của CPI qui định dứt khoát rằng "các tác giả bản dịch [...] các tác phẩm trí tuệ được hưởng sự bảo hộ qui định bởi bộ luật này không làm thiệt hại đến các quyền của tác giả tác phẩm gốc".

Sự bảo hộ này bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật có thể mở rộng cho tới cả tên đề do người dịch lựa chọn, nếu người này đã có bằng chứng về tính độc đáo. Trong một vụ kiện nổi tiếng, xử năm 1952, Toà án thương mại Paris đã kết tội Gibert Jeune đã lấy lại không phép từ ngữ "Các Đỉnh Cao của Gió Hú" trên một băng quảng cáo để bán nhanh kho sách của cuốn tiểu thuyết nổi tiếng. Các quan toà đã nhấn mạnh rằng bản dịch được bán ở đại lộ Saint-Michel không được in nguyên lại dưới nhan đề đó: tên sách đó thực ra không phải là một sự chuyển sao đơn giản sang tiếng Pháp của *Wuthering Heights* mà thật sự là một sáng tạo thuộc về một người dịch khác[3].

Đối mặt với sự thừa nhận của pháp luật về vai trò của các dịch giả, Nghiệp đoàn xuất bản quốc gia đã kí kết ngày 17-3-1993 một điều lệ sử dụng liên quan đến việc dịch thuật văn học nói chung, với Hội Nhà văn, Hội Dịch giả văn học của Pháp và Hội dịch giả của Pháp[4].

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 7-6-1982, *Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, số 97, ghi chép Claude Colombet.
[2] Toà thượng thẩm Grenoble, 1-12-1981, *Báo của Toà án*, 1982, Tóm tắt, 100.
[3] Toà án thương mại Seine, 26-6-1952, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1952, 60.
[4] Xem chương "Điều lệ sử dụng".

Tổng hội an ninh xã hội của các tác giả (AGESSA)[1] vốn chặt chẽ cũng tự mình thừa nhận rằng các dịch giả tác phẩm văn học và khoa học được hưởng một chế độ riêng của các tác giả.

Thù lao của dịch giả, trái lại, có thể, trong một số giới hạn, vi phạm nguyên tắc pháp lí gọi là "tỉ lệ với thu nhập của việc khai thác tác phẩm" được cụ thể hóa bằng nghĩa vụ phải đóng cho các tác giả một số phần trăm trên giá bán. Quả vậy, điều L.132-6 của CPI dự kiến theo ngoại lệ, rằng "về những gì liên quan đến xuất bản sách để bán", có thể có "việc trả thù lao khoán đối với lần xuất bản đầu tiên, với thỏa thuận được nói ra rõ ràng [...] theo yêu cầu của dịch giả đối với các bản dịch.

Còn về quyền đối với sự tôn trọng tác phẩm, thì nó được áp dụng có lợi cho người dịch, nhưng đôi khi cũng có hại cho anh ta[2].

Tòa thượng thẩm Paris đã nhắc nhở, chẳng hạn, năm 1988, rằng không có một sự thay đổi nào đối với văn bản là có thể được, nếu không có sự đồng ý của dịch giả[3]. Chỉ còn mỗi một khả năng đối với nhà xuất bản là dự kiến rõ ràng trong hợp đồng dịch một điều khoản định rõ những tiêu chuẩn theo đó có thể từ chối bản dịch. Cũng vậy, có thể thận trọng hơn ở cả bên này hay bên kia là nêu lên những chi tiết về thủ tục phải theo nếu bản dịch cần được xem lại.

Nhưng dịch giả đang làm việc với một tác phẩm gọi là "gốc", lại không phải chịu sự kiểm soát của nhà văn và của những người đại diện nhà văn ít hơn là của nhà xuất bản và những nhân viên của họ. Vì thế, đã có sự phán xét rằng công bố một bản dịch tồi là vi phạm quyền tinh thần và có thể vì đó mà bị trừng phạt[4].

Lại cũng có thể được thừa nhận một cách có hiệu lực rằng hợp đồng cần đặt ra nghĩa vụ bản dịch đưa trình tác giả gốc: mọi yếu kém sẽ có thể bị phân tích như một xâm phạm đối với quyền tinh thần này[5].

Dịch giả cũng hưởng quyền về sự tôn trọng tên mình. Từ 1969, Toà thượng thẩm Paris, ngoài ra, cũng đã cho rằng trích dẫn một bản dịch phải kèm theo tên của dịch giả ngoài tên của tác giả gốc[6].

Cũng cấp toà án này ngày 20-1-1997 đã đưa ra một quyết định đặc biệt nghiêm khắc trong vụ kiện giữa một nhà xuất bản với một nữ dịch giả, tuy thế, đã

---

[1] Xem "Các địa chỉ có ích".
[2] Xem "Các quyền tinh thần".
[3] Toà thượng thẩm Paris, 8-12-1988, *Dalloz*, 1990, Tóm tắt có bình luận, trang 1953, Nhận xét Claude Colombet.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-12-1976, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng-1978, trang 160.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 13-2-1995, *Dalloz*, 1995, Tóm tắt có bình luận trang 288, nhận xét Claude Colombet. Xem chương XI "Hợp đồng dịch thuật"
[6] Xem "Các quyền tinh thần"

phải đeo đuổi gần mười ba năm vụ tranh chấp. Nhà xuất bản bị phạt vì đã để tên nữ dịch giả chỉ trên một trang tên sách và "chữ nhỏ". Các quan toà đã nêu lên rằng "không thể phủ nhận rằng nhà xuất bản có trách nhiệm phải tôn trọng tên của dịch giả, phải dành cho dịch giả một sự quan tâm hàng đầu để một mặt làm cho độc giả chú ý một cách chính đáng đến người đã khiến cho một tác phẩm nước ngoài được công bố đến họ, mặt khác để cho dịch giả được biết đến trong giới xuất bản, và để dịch giả có được những điều kiện tốt hơn trong thực hiện chức năng của mình".

Các thông tin, truyền thông đa phương tiện và cơ sở dữ liệu

Các thông tin thô không được bảo hộ khi chỉ là đơn thuần như vậy[1]. Nhưng có những kĩ thuật pháp lí khác cho phép một vài hình thức sở hữu nhất định.

Các thông tin thô

Từ 1924, Toà thượng thẩm Paris, trong vụ kiện nổi tiếng Didot – Bottin đã nhận định như thế này "những tên, địa chỉ và các chỉ dẫn khác nhau bao gồm trong một niên bạ như của Didot-Bottin đều thuộc sự hiểu biết thông thường và thuộc về [...] lãnh vực công cộng[2]".

Lại cũng theo hướng này mà ngày 21-2-2001, Toà thượng thẩm Paris đã bác đơn hai cá nhân "có cơ sở để đòi hỏi tư cách tác giả vì công việc của họ làm đã sắp xếp công trình nghiên cứu của họ và trình bày công trình đó theo từng đề tài, mỗi đề tài có một lời nói đầu với mục đích giới thiệu những người mà họ để cho phát biểu[3]".

Tuy nhiên các quan toà đã xác định rằng "nếu như có thể thừa nhận cho họ một quyền tác giả về các lời nói thu thập mà họ "viết lại" hoặc diễn tả theo một phương pháp riêng, thì họ cũng không thể tự nhận lấy một quyền tác giả nào đó trên thông tin thô mà những lời nói đó chứa đựng; [...] trong lời nói đầu của tác phẩm của họ, Jean-Michel Decugis và Aziz Zemouri khi nói lên ý định của họ cũng tự họ nhấn mạnh không hề nhập nhằng rằng họ muốn để cho những người không bao giờ nói hoặc rất hiếm khi nói được nói ra lời và thuật lại thô nguyên như khi lời nói được phát ra. Thế mà, [...] như kết quả rút ra từ việc so sánh các đoạn văn bị lên

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 27-11-1975, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1976, 110.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 18-12-1924, Dalloz, 1925, Luật học, tr 30.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 21-2-2001, *Truyền thông thương mại điện tử*, 2001, Bình luận số 75, nhận xét Christophe Caron.

án [...] thì sự vay mượn bị chê trách trên thực tế chỉ dựa trên thông tin thô như khi nó được đưa ra, và về thông tin đó Jean-Michel Decugis và Aziz Zemouri không có quyền lấy làm của riêng [...]. Thực ra, họ không thể đòi hỏi một cách có hiệu lực bất kì một quyền tác giả nào đối với những lời nói của những người được phỏng vấn, thuật lại trong dấu ngoặc kép, hoặc đối với những gì họ đã trình bày trong cách bình luận riêng của họ, dưới hình thức những lời nói thuật lại, mà không chứng tỏ được rằng họ đã tiến hành viết lại một cách sáng tạo và riêng biệt là điều dù sao cũng lại ngược với mục đích đeo đuổi và khẳng định trong chính lời nói đầu của họ. [...] Jean-Michel Decugis và Aziz Zemouri không thể đòi đặc quyền về những vật liệu và yếu tố văn hoá sử dụng bởi Chimo cho sáng tác tiểu thuyết của ông, lời than phiền việc làm giả mà họ đưa ra về điểm này bị bác bỏ".

Trái lại cũng có thể theo đuổi thông qua cạnh tranh bất chính (hay còn bằng các kĩ thuật pháp lí khác như sự làm phong phú thêm không có lí do) để che đậy một phần tình trạng thiếu sự bảo hộ bằng quyền tác giả[1].

Nhưng, nhất là Luật 1-7-1998 đã cho phép thiết lập trong luật của Pháp một quyền thực sự về cái mà các nhà luật học gọi là "các cơ sở dữ liệu[2]".

Cuối cùng, sự hiện hữu một hợp đồng không thể chối cãi có thể cho thấy một kĩ thuật hữu hiệu chống việc ăn cắp thông tin này. Ngày 17-10-2000, Toà phá án đã bác đơn chống án của nhà xuất bản *Voici*[3]. Báo đã đăng một bài có các dữ liệu liên quan đến công chúa xứ Galles. Mà, theo các quan tòa, "bài báo có tranh chấp không phải là kết quả tìm tòi cá nhân, mà là lấy lại tin tức trong tác phẩm sắp xuất bản của M. Morton" và có nhan đề *Diana - Cuộc đời mới của cô* (Diana-Her new life). Các quan toà đã kết tội tuần báo, bằng nhận định: "Sai lầm của hội Prisma presse đối với những người thực thụ có quyền quyền xuất bản tác phẩm, là đã công bố những thông tin lấy trong một tác phẩm mà nhà xuất bản sắp phát hành, lấy mất của việc xuất bản này một phần tính độc đáo và lợi nhuận". Nói rõ ra, hai nhà xuất bản – một của Anh, một của Pháp – có thể kiện bên thứ ba mà đại diện là tờ báo về bản hợp đồng gắn bó họ với nhau.

Cũng vậy một sự sưu tập thuần tuý và đơn giản các dữ liệu không bao hàm một sự lựa chọn nào của chủ tác phẩm, không thể đòi sự bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật[4]. Luật pháp đã từ chối mọi bảo hộ bằng quyền tác giả cho một bộ các bản cửu chương. Mỗi công trình chỉ là sự tập hợp máy móc hay góp nhặt tin đơn giản không cần phải lựa chọn hay trình bày riêng, sẽ không thể đòi

---

[1] Xem "Vụ kiện về cạnh tranh bất chính".
[2] Xem "Các cơ sở dữ liệu".
[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 17-10-2000, *Dalloz*, 2001, tr952.
[4] Toà phá án, 8-12-1987, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1988, số CXXXVI, tr 140.

được bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ cổ điển. Đáng kể là đã có sự xét xử như thế trong vụ kiện "Microfor / *Le Monde*", trừng phạt việc lấy lại y nguyên các bài báo[1], không có đóng góp độc đáo gì. Tuy nhiên, nhà xuất bản không được quên rằng ở đấy nữa, sự bảo hộ chéo về cạnh tranh phi pháp (hay còn bằng những kĩ thuật pháp lí như sự làm phong phú thêm không có lí do) để giảm nhẹ một phần tình trạng không được bảo hộ bằng quyền tác giả. Về tư cách này, luật pháp càng ngày càng hướng đến một hình thức chiếm hữu thông tin[2].

Còn những dữ liệu công cộng thì chúng kéo theo những vụ việc ngày càng lớn và sự khai thác chúng từ nay gây ra những vụ kiện chống chính quyền trên cơ sở lạm dụng địa vị chi phối[3].

Các dữ liệu công cộng

Charles-Henry Dubail đã công bố, trong tập sách *Légicom* dành cho những biên giới mới của quyền tác giả, một nghiên cứu rất xác đáng về quyền sở hữu các dữ liệu công cộng[4]. Ông đã xem xét dự luật về xã hội thông tin, trong đó vạch ra những xáo trộn lớn sẽ xảy đến, vì lí do một sự thay đổi của Luật 17-7-1978 về việc tiếp cận các dữ liệu công cộng.

Văn bản dựa trên nguyên tắc là "các dữ liệu số hoá, thu thập được hay phát ra bởi các nhân viên công quyền trong thực thi việc công cũng như tư đảm nhận một nhiệm vụ như vậy đều thuộc quyền sử dụng của mọi người có yêu cầu".

Văn bản xác định rằng "việc sử dụng các dữ liệu được tự do, với điều kiện chúng không bị biến dạng và nguồn gốc của chúng phải được nêu rõ và tuỳ điều kiện, phải tôn trọng các quyền sở hữu trí tuệ". Thuật ngữ này nhắc đến các quyền tác giả mà các nhân viên công quyền có thể đòi hỏi. Một uỷ ban chuyên trách của Hội đồng cao cấp Sở hữu văn học và nghệ thuật đã mất một thời gian để nghiên cứu vấn đề này.

Văn bản còn qui định "việc để cho mọi người sử dụng có thể cho thu một thứ lệ phí gồm khoản đóng khoán vào các chi phí thiết lập, bảo quản và cập nhật cho việc thu thập và xử lí". Ngoài ra, "khi quyền sử dụng các dữ liệu [...] là yêu cầu có mục đích thương mại, thì nó lại tuỳ thuộc vào việc kí một thoả thuận giữa cơ quan có quyền giữ các dữ liệu và người có nhu cầu. Thoả thuận này có thể dự kiến, ngoài

---

[1] Toà phá án, 9-11-1983, *Tuần lễ pháp lí* (JCP) 1984, II, 20189, ghi chép André Françon.

[2] Pierre Catala, "Sự sở hữu thông tin", *Quyền đối với bản in kĩ thuật số*, PUF, 1998.

[3] "Việc xuất bản niên bạ và sự lạm dụng địa vị chi phối, France Telécom bị phạt 20 triệu franc tiền phạt" *Quyền giám định*, tháng 12-1997, tr 374. Maurice Ronai, *Dữ liệu công cộng: nhập, phổ biến, thương mại hoá*. Văn khố Pháp, "Hồ sơ thời sự thế giới"/ 1-11-1996, số 773-774. Phòng thương mại Toà phá án, 12-12-1995, *Quyền tin học và các télécom*, 1994, số14, 18, ghi chép Jean-Michel Bruguière.

[4] Charles-Henri Dubail, "Từ các dữ liệu công cộng đến quyền sở hữu bấp bênh", *Légicom*, số 25, 2001/2, tr 17.

lệ phí, một khoản tiền tính vào các nguồn lợi rút ra từ kinh doanh thương mại". Những cuộc tranh luận về "việc đặt ra và áp dụng thoả thuận" đều được đưa đến Hội đồng cho phép tiếp cận các tài liệu hành chính (CADA)[1] thành lập năm 1978.

Luật phân biệt các "dữ liệu cần thiết" tức là những dữ liệu "có thể sử dụng và phát lại miễn phí, kể cả vì mục đích thương mại, với điều kiện các dữ liệu đó không bị xuyên tạc và nguồn gốc của chúng phải được nêu rõ". Đó là vấn đề của "toàn bộ các biên bản và quyết định của Nhà nước hoặc của một trong các cơ quan hành chính, có nghĩa vụ công bố [...] cũng như các tài liệu phụ lục", các thông tin về tổ chức và hoạt động của các công sở", hay cả đến "những báo cáo hay nghiên cứu về các nhiệm vụ, tổ chức và hoạt động của các công sở".

Chỉ có một ranh giới thực sự được đặt ra cho việc khai thác các dữ liệu đó: những dữ liệu có tính chất cá nhân chỉ có thể là đối tượng xử lí thông tin khi có sự tôn trọng các qui tắc được đặt ra do Luật [...] ngày 6-1-1978 liên quan đến tin học các tập tin được xử lí theo lệnh và đến các quyền tự do", những dữ liệu này cũng là đối tượng của những thay đổi lập pháp trong khuôn khổ hài hòa Châu Âu[2]...

Charles-Henry Dubail nhắc đến "một đề tài đã được tranh luận rất lâu là về rủi ro của sự cạnh tranh bất chính có thể dẫn đến thương mại hoá các dữ liệu do chính quyền chịu trách nhiệm đưa ra". Ông tiếc rằng dự luật không đề cập vấn đề này, vì đặt nó vào khu vực thẩm quyền của Hội đồng tiếp cận các tài liệu hành chính. Một biện pháp như thế sẽ bổ sung một cách có ích cho việc phác thảo một khung pháp lí tạo ra bởi Thông tư 20-3-1998, liên quan đến hoạt động xuất bản của chính quyền và các công sở của Nhà nước[3].

Các công trình nảy sinh từ các kĩ thuật truyền thông đa phương tiện cũng được bảo hộ với tư cách như những tác phẩm khác bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật[4]. Nhiều vụ kiện nổi tiếng đã cho phép tin chắc điều đó[5]. Các trang trình bày các phong cảnh cũng có khả năng được bảo hộ[6].

---

[1] Xem "Các địa chỉ có ích".

[2] Xem Emmanuel Pierrat, *Luật về sách*, Nhà xuất bản Trung tâm thư quán, 2005.

[3] Xem *Luật về sách*, sách đã dẫn.

[4] Alain Bensoussan, *Truyền thông đa phương tiện và Quyền, Cẩm nang Hướng dẫn*, Xuất bản lần thứ hai, Hermès, 1998, Jérôme Huet, "Văn hoá nào trong "Không gian điều khiển học" và Luật trí tuệ nào cho "văn hoá điều khiển học này?", Dalloz, 1998, Thời luận, tr185. Jacques-Louis Colombani, "Sở hữu trí tuệ và Internet: tiến tới một luật xa lộ cho thông tin", Những quảng cáo nhỏ, 12-3-1997, số 31, tr 5. Amaud Boudier, "Truyền thông đa phương tiện và quyền", *Utile*, tháng 4-1996, tr 10. Nancy E.Muenchiger, "Luật của Pháp về truyền thông đa phương tiện và viễn thông". Báo của Toà án 3-4-IV-1996, tr 14. Michel Vivant, "Thế giới điều khiển học: luật và các quyền về mạng", *Tuần pháp lí* (JCP), 23-10-1996, học thuyết, 3969, tr 401.

[5] Xem "Việc làm giả và truyền thông đa phương tiện".

[6] Toà án thương mại Paris, 9-2-1998, *Tạp chí Lamy Quyền các vụ kinh doanh*, tháng 5-1998, số 5, tr27.

Và ngay bây giờ người ta đã lí luận rằng "bản chất phương tiện trung gian của truyền thông đa phương tiện" không hề được miễn trừ việc tuân theo các điều qui định của pháp luật[1].

Các cơ sở dữ liệu[2]

Luật 1-7-1998, từ nay đưa vào Bộ Luật sở hữu trí tuệ trong chương *đặc trách* đã đặt ra một cơ chế bảo hộ tăng cường có lợi cho những người sản xuất các cơ sở dữ liệu.

Từ nhiều năm nay, pháp luật đã có một sự thừa nhận ngày một lớn hơn về các cơ sở dữ liệu, dù rằng Toà án của các nước Cộng đồng châu Âu, từ cuối năm 2004 chỉ mới thừa nhận những đầu tư vốn thực sự[3]. Vì vậy, các toà án thường xếp các cơ sở dữ liệu vào hàng các tác phẩm có khả năng được bảo hộ bằng quyền tác giả. Mỗi nhà xuất bản cho ra các cơ sở dữ liệu, tuy nhiên, phải chứng minh tính độc đáo ở sản phẩm của mình để đạt tới một quyền chính thức về sở hữu văn học và nghệ thuật.

Luật 18-12-1996[4] đã sửa đổi Bộ Luật sở hữu trí tuệ để bao gồm những tập dữ liệu và làm cho mềm dẻo hơn các tiêu chuẩn bảo hộ. Những những sưu tập đơn giản, dù đôi khi cần đến những đầu tư lớn, còn phải nhờ đến những cơ chế pháp luật khác ít hiệu quả hơn như vụ kiện về cạnh tranh bất chính để truy tố bọn sao cóp và những bạn nghề thiếu tế nhị khác.

Đến lúc này khi thông tin tự mình tạo ra một của cải riêng thì các chính quyền Cộng đồng mới quyết định lấp kẽ hở pháp lí này. Một Chỉ thị ngày 11-3-1996, do vậy, đã đặt ra một quyền thật sự về các cơ sở dữ liệu. Về mặt lý thuyết chính Chỉ thị này phải được áp dụng trong luật của Pháp ngày 1-1-1998[5]. Luật 1-7-1998[6] đã được Quốc hội thông qua dứt khoát ngày 16-6-1998[7] và từ nay được đưa vào Bộ Luật sở hữu trí tuệ, mở ra một mục mới nhan đề "quyền của người sản xuất những cơ sở dữ liệu" và có thêm các điều từ L.341-1 đến L.343-4.

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 29-4-1998, chưa in.

[2] Nói kĩ hơn, xem *Luật về sách*, sách đã dẫn.

[3] Pierre Catala, "Tài sản của thông tin" trong *Quyền có thể chống lại kĩ thuật số*, PUF, 1998. Nathalie Mallet – Poujol, "Chiếm hữu thông tin: ảo tưởng vĩnh cửu" Dalloz, 30-10-1997, Biên niên sử, tr 330.

[4] Luật số 96-1106 ngày 18-12-1996.

[5] Emmanuel Derieux "Cơ sở dữ liệu và quyền đối với thông tin", *Những áp-phích nhỏ*, 18-2-1998, số 21, trg11. David Martin, "Chỉ thị 95/46/CE (bảo hộ các dữ liệu) và việc chuyển nó vào luật của Pháp", *Báo của Toà án*, 15-16-V-1998, trang 73. Emmanuel Pierrat, "Luật mới về các dữ liệu giữa sự chậm trễ và sự có hiệu lực trở về trước", Sách Tuần, số 282, 27-2-1998, tr 46.

[6] Luật số 98-536 ngày 1-7-1998, Công báo, 2-7-1998, tr 10075.

[7] Quốc hội, văn bản thông qua số161, pháp điển hoá các điều từ L.341-1 đến L.343-4 của CPI.

Luật của Pháp từ nay trở đi định nghĩa cơ sở dữ liệu là "một tập các công trình, các dữ liệu hay những yếu tố độc lập, được xếp đặt một cách có hệ thống hay có phương pháp và cá nhân có thể tiếp cận bằng những phương tiện điện tử hay bằng mọi phương tiện khác".

Sự đổi mới to lớn là ở chỗ đặt ra một luật mới, về mặt pháp lí rất khác với luật cạnh tranh bất chính và các thủ đoạn ăn bám, nhằm để bảo vệ người sản xuất cơ sở dữ liệu chống lại sự chiếm hữu của một bên thứ ba đối với các kết quả thu được nhờ có sự đầu tư đưa ra để thu thập và tập hợp nội dung của cơ sở và tránh một sự lạm dụng của một kẻ cạnh tranh hay một người sử dụng.

Những qui định mới của điều L.342-1 của CPI đặt ra một quyền cho phép cấm khai thác "bằng việc chuyển thường xuyên hay tạm thời toàn bộ hay một phần quan trọng về chất lượng hay số lượng của nội dung một cơ sở dữ liệu sang một trung gian khác bằng mọi phương tiện và dưới mọi hình thức". Điều L.342-1 cũng còn dự kiến khả năng cấm "việc sử dụng lại bằng cách đưa ra cho công chúng sử dụng toàn bộ hay một phần về chất lượng hay số lượng của nội dung cơ sở dữ liệu, bằng bất kể hình thức nào".

Theo bản tường trình các lí do của luật[1], thì quyền này được đặt ra "chống việc chiếm hữu, bởi một bên thứ ba, những kết quả có được nhờ sự đầu tư đưa ra để thu thập và tập hợp nội dung cơ sở dữ liệu" và nhằm "tránh một sự lạm dụng của một kẻ cạnh tranh hay một người sử dụng". Trong chính văn bản luật cũng có nêu rõ rằng "các quyền đó có thể được chuyển hay nhượng lại hoặc làm đối tượng cho một giấy phép" (điều L.342-2 của CPI)[2].

Các nghị sĩ thêm vào một khả năng cấm những khai thác hay tái sử dụng lặp đi lặp lại và có hệ thống những phần quan trọng về chất lượng hay số lượng "khi việc làm thực tế rõ ràng vượt quá những điều kiện sử dụng bình thường". (Điều L. 342 – 2 của CPI)[3].

Tất nhiên khái niệm "phần quan trọng về chất lượng hay số lượng" của nội dung cơ sở dữ liệu là cơ hội cho những ý đồ pháp lí hay cho việc phân ranh giới.

Cần nhấn mạnh rằng chỉ riêng nội dung của cơ sở là được bảo hộ: những thông tin thô nguyên không phải luôn luôn bị chiếm hữu. Những người bình luận về chỉ thị đã ghi nhận rằng "các phần mềm sử dụng để hình thành quan niệm và vận

---

[1] Dự luật số 383 trình bày ở Quốc hội, 28-10-1997.

[2] Sự "Bảo hộ các cơ sở dữ liệu: không có truyền kế các quyền cho người dùng", *Giám định*, tháng 4-1998, tr 88.

hành cơ sở thì không được trao các quyền dành cho cơ sở, mà vẫn bị chi phối bởi riêng quyền của chúng[1]".

Cũng thế, "sự bảo hộ này là độc lập và tác động không hại gì đến các luật thuộc quyền tác giả hay quyền khác đối với cơ sở dữ liệu hoặc một trong những yếu tố cấu thành của nó" (điều L.341-1 của CPI).

Người thực thụ có các quyền là "người sản xuất" cơ sở, nghĩa là người khởi xướng và nhận lấy mạo hiểm đầu tư tài chính, vật lực, nhân lực quan trọng cần thiết cho sự tạo lập, sự kiểm tra hay cho sự trình bày nội dung một cơ sở dữ liệu (điều L.341-1 của CPI). Vậy chỉ "sự đầu tư quan trọng" tạo ra tiêu chuẩn bảo hộ, ngược lại với các tiêu chuẩn cổ điển của quyền sở hữu văn học và nghệ thuật loại trừ mọi tầm quan trọng của công việc hay của sự nỗ lực, và, trái lại gắn liền với sự sáng tạo[2].

Ngoài ra, cũng cần ghi nhận rằng thiếu sự chuyển giao tự động các quyền của nhân viên về lợi ích của chủ như đã dự kiến ban đầu trong dự án lập pháp mới đáng kể là vì những yêu cầu cấp bách đưa ra từ các tổ chức nghề nghiệp[3]. Các hợp đồng lao động kí kết bởi những người sản xuất các cơ sở dữ liệu sẽ nhất thiết bao hàm một điều khoản nhượng các quyền nhằm vào sở hữu văn học và nghệ thuật chính thức cũng như quyền *đặc thù*.

Cuối cùng, các "điều luật cần thiết để tiếp cận nội dung một cơ sở dữ liệu điện tử cho các nhu cầu và trong các giới hạn sử dụng dự kiến trong hợp đồng" đã trở lại với các ngoại lệ của các quyền sở hữu trí tuệ nhắm tới trong điều L.122-5 của CPI.

Cũng vậy, điều L.342-3 của bộ luật dự kiến một ngoại lệ thực sự cho luật *đặc thù* bằng cách cho phép "người có sự tiếp cận hợp pháp khai thác hay sử dụng lại một phần được đánh giá là không quan trọng về chất lượng hay số lượng của nội dung cơ sở dữ liệu đó". Nhà lập pháp đã thận trọng xác định rằng "Mọi điều khoản trái lại đều vô hiệu".

Có một ngoại lệ khác – hình như không thuộc công cộng, bởi vì những điều khoản trái lại đều không bị cấm – cho "việc khai thác vì những mục đích tư một phần quan trọng về số lượng hay chất lượng của nội dung một cơ sở dữ liệu không phải điện tử với điều kiện là tôn trọng các quyền tác giả hay các quyền tương tự đối với các tác phẩm hay yếu tố sáp nhập vào trong cơ sở dữ liệu".

---

[1] Frédéric Pollaud-Dulian. "Những nhận xét ngắn về Chỉ thị ngày 11-3-1996 liên quan đến sự bảo hộ pháp lí các cơ sở dữ liệu". Dalloz các vụ kiện, 1996, số18, tr 539.
Xem "Các tiêu chuẩn bảo hộ tác phẩm".

[2] "Sự bảo hộ các cơ sở dữ liệu: không có chuyển giao các quyền cho người chủ". *Giám định*, tháng 4-1998, tr 88.

[3] Xem "Hợp đồng lao động".

Ở đây nữa, những chú giải pháp lí có tác dụng tốt để xác định mức độ của khái niệm "phần quan trọng về chất lượng và về số lượng".

Cuối cùng, Chỉ thị đã nhận định khả năng vận dụng những ngoại lệ như việc sử dụng tư hay cho giáo dục và nghiên cứu khoa học (điều 9 và 61), những gì mà những người soạn ra các điều khoản luật bên trong không muốn giữ lại.

Cơ quan lập pháp của Pháp không nói gì đến các thuộc tính tinh thần của tác giả cơ sở dữ liệu. Vậy, nên nghĩ rằng nếu những thuộc tính này được bảo hộ bằng quyền tác giả thì quyền tinh thần sẽ được áp dụng ở những phương diện cổ điển của nó (tôn trọng tác phẩm, tôn trọng tên, công bố, thu hồi hay sửa chữa)[1]. Quyền *đặc thù* có khuynh hướng áp dụng trùng với quyền tác giả, nhưng cũng thay cho quyền tác giả không có một qui định nào về điểm ấy.

Quyền mới này kéo dài mười lăm năm kể từ ngày 1 tháng Giêng của năm tiếp theo ngày hoàn thành cơ sở dữ liệu. Lời dẫn trong đoạn đầu tiên của điều mới L.342-5 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ, cho "sự hoàn thành" cơ sở dữ liệu là điểm xuất phát các quyền, cũng sẽ không kéo theo một vài sự phỏng đoán và tranh luận về các phương tiện để chứng tỏ một ngày tháng như thế.

Nhưng cơ quan lập pháp còn dự kiến rằng "khi một cơ sở dữ liệu đã là đối tượng được đặt vào quyền sử dụng công cộng trước khi hết hạn thời kì nêu ở đoạn trước, thì các quyền hết hạn mười lăm năm sau ngày 1 tháng Giêng của năm lịch thường tiếp sau năm của lần đầu tiên đưa ra sử dụng công cộng".

Ngoài ra, khi có "một đầu tư mới quan trọng" thì sự bảo hộ sẽ hết hạn mười lăm năm sau ngày 1 tháng Giêng của năm lịch thường tiếp sau năm của đầu tư mới này.

Khái niệm đầu tư quan trọng – và sự mù mờ là đặc điểm của nó – cũng gây nên những tranh luận pháp lí mà giải pháp là thời gian kéo dài một thời hạn bảo hộ đầu tiên tương đối ngắn.

Theo ngôn từ của các điều khoản tạm thời, một sự áp dụng có hiệu lực về trước, được cấp cho các cơ sở dữ liệu lập ra từ 1-1-1983. Sự bảo hộ, lúc bấy giờ là mười lăm năm, tính từ ngày 1-1-1999.

Điều L.332-4 của CPI đã được xem lại để cho những người sản xuất các cơ sở dữ liệu có thể được hưởng thủ tục cổ điển tịch biên – hàng giả, và đáng kể là sự tịch biên thực.

Một điều mới L.343-4 cũng của bộ luật này còn cho phép "các nhận xét của các nhân viên đã tuyên thệ được chỉ định bởi những tổ chức nghề nghiệp và người sản xuất". Các nhân viên này cũng, theo như kiểu cổ điển, "được chấp thuận bởi bộ

---

[1] Xem "Các quyền tinh thần".

trưởng Văn hoá trong những điều kiện giống như các điều kiện dự kiến cho những nhân viên nêu ở điều L.331-2".

Việc nhờ đến các cảnh sát trưởng để tiến hành một sự tịch biên - mô tả các cơ sở dữ liệu làm giả, "tịch biên mô tả có thể cụ thể hoá bằng một bản sao" cũng được đặt ra (điều L.332-4 của CPI).

Chỉ còn lại cái khó nhất để chứng minh rằng người cạnh tranh đã lập ra cơ sở dữ liệu của anh ta một cách bất chính. Lại phải nhờ đến cũng những ngón khéo như thế để chứng minh thực tế các vay mượn, đặc biệt bằng cách xác định và so sánh các sai sót giữa hai cơ sở.

Những sự trừng phạt hình sự có thể lên tới ba năm tù và 300.000 euro tiền phạt (điều L.343-1 của CPI) và những pháp nhân có thể bị tuyên án chịu trách nhiệm hình sự (điều L.343-2 của CPI). Những hình phạt mà các pháp nhân phải chịu có thể là từ phạt tiền đến bị cấm hoạt động "trong hành nghề hoặc trong dịp mà việc hành nghề đó vi phạm pháp luật".

Trong trường hợp tái phạm, các hình phạt sẽ gấp đôi (điều L.343-3 của CPI) và "các tội phạm, ngoài ra, còn có thể bị tước mất tối đa là một thời gian năm năm không được bầu cử và ứng cử đối với các toà án thương mại, các phòng thương mại và công nghiệp và phòng nghề nghiệp cũng như với các Hội đồng hoà giải lao động".

Nhiều người phấn khích vì những điều khoản mới đó đi ngược lại những nguyên tắc chi phối luật của Pháp về sở hữu trí tuệ và đặc biệt là luật "tự do khai thác các yếu tố thuộc lãnh vực công cộng, nhất là các "ý tưởng[1]"".

Một thời gian sau khi biểu quyết luật, các cấp toà án phải quyết định về những vụ tranh tụng từng được đưa ra dưới điều kiện những văn bản (pháp luật) cũ bắt đầu chứng tỏ tính quả quyết của mình.

Vì thế toà thượng thẩm Douai đã xử được kiện, ngày 22-10-1998, cho nhà xuất bản Bách khoa thư Thuế quan chuyên khai tác Biểu thuế quan thực dụng của Pháp. những kẻ sao cóp đã không thể nào giải thích có lí với quan toà là vì sự tình cờ đặc biệt nào đó họ đã lặp lại trong việc xuất bản của họ những sai lầm về in ấn như sau.

Ngày 28-12-1998, đến lượt toà đại phúc thẩm Lyon lại kết án một hội xuất bản các hệ thống dữ liệu tham khảo từ xa, phải đóng mười triệu franc bồi thường

---

[1] Frédéric Pollaud Dulian "Nhận xét ngắn về Chỉ thị ngày 11-3-1996 về sự bảo hộ pháp lí các cơ sở dữ liệu"; *Dalloz vụ kiện*, 1996, trg539. Xem "Các chỉ tiêu bảo hộ".

thiệt hại cho Nhà xuất bản Lập pháp[1]. Nhà xuất bản Lập pháp thực tế đã "tập hợp và tóm tắt trong *Từ điển thường xuyên* gần 400 qui ước tập thể theo một sự trình bày đề tài độc đáo ". Việc xây dựng "công trình này [...] công bố bắt đầu từ những qui ước tập thể đăng trong *Công báo*, nhưng cũng chuyển biến theo các văn bản sửa đổi hợp đồng khác nhau hay những thoả thuận kí giữa các đối tác xã hội [2] trong khuôn khổ các thoả thuận ban đầu, cũng như những qui ước tập thể không đăng trong Công báo", đã cần đến sự can thiệp, "trong năm năm" của một "nhóm chuyên gia luật". Để xác minh các quyền của mình, nhà xuất bản bị cướp, đã phải bỏ ra một món tiền đầu tư "lên đến 21 triệu franc", sự "sáng lập những dịch vụ Internet và Minitel [...] đang thực hiện đã chiếm một đầu tư 3,7 triệu franc".

Quyết định vang dội nhất là quyết định của Toà án thương mại Paris, ngày 18-6-1999, trong vụ kiện liên quan đến France Telecom[3]. Hãng này "cần được xem như một nhà sản xuất niên bạ điện thoại mà họ khai thác, và [...] cứ tính đến số tiền đầu tư rất lớn để tạo lập ra nó, cũng đủ biết niên bạ của họ là một cơ sở dữ liệu được bảo hộ bởi Luật 1-7-1998". Các quan toà đã phạt các hội xuất bản của dịch vụ "3617 ANNU" bởi vì "rõ ràng là do những yếu tố được cung cấp, các bị cáo đánh giá rằng sẽ là đơn giản hơn và nhất là ít tốn kém hơn nếu vận dụng một cách làm ăn tương tự như là "ăn cướp" và lợi dụng, với giá rẻ, những đầu tư được thực hiện như thế của France Telecom, mà không tìm cách đề nghị với hãng này một hợp đồng khả thi về thương mại để tiến hành hoạt động của họ trong những điều kiện bình thường". Vậy là những kẻ làm giả đã viện cớ vô ích về địa vị ưu thế của France Telecom và đã bị kết án phải đóng bồi thường thiệt hại một trăm triệu franc cho France Telecom.

Trái lại, Toà thượng thẩm Paris, cùng ngày 18-6-1999[4], trong một quyết định đã xem xét về một tranh chấp giữa nhóm Moniteur và Observatoire về thị trường công cộng: "không còn nghi ngờ gì nữa, việc đăng quảng cáo trên một tạp chí là bắt nguồn từ sự chú ý của công chúng mà tạp chí đó có được từ nhiều thập kỉ trong lĩnh vực chuyên nghiệp xây dựng và công chính [...], nhóm nhà báo không xác minh được những đầu tư quan trọng trong việc sở hữu, kiểm tra và trình bày [...], không chứng minh đã có chi phí khuyến mãi cho những người quảng cáo, không kiểm tra các quảng cáo, vậy họ không thể tự nhận giá trị của một công việc hình thức hoá

---

[1] Phán xét khẳng định điểm này trong phúc nghị của Toà thượng thẩm Lyon, phạt hội xuất bản phối hợp thông tin tinl học phải nộp sáu triệu franc: Toà thượng thẩm Lyon, 22-6-2000, Légipresse, 2000, Luật học, tr171.

[2] Ở Pháp hiện nay, từ "đối tác xã hội" chỉ các đại diện của giới chủ và của các công đoàn, hoặc giữa ban lãnh đạo và công nhân viên một xí nghiệp, coi như hai bên trong một cuộc thương lượng

[3] Toà án thương mại Paris, 18-6-1999, *Dalloz*, 2000, tr105.

[4] Frédéric Pollaud. Dullian, "Nhận xét ngắn về Chỉ thị ngày 11-3-1996 về sự bảo hộ pháp lí các cơ sở dữ liệu", *Dalloz vụ kiện* 1996, tr 539. Xem "Các chỉ tiêu bảo hộ".

tốn kém". Toà đã kết luận rằng: "tất cả dẫn đến thực tế là phải đánh giá sự công bố các quảng cáo, ngay cả khi nó đòi hỏi phải có những chi phí cũng không phải là đối tượng một sự đầu tư – huống chi là một đầu tư quan trọng – mà trái lại, là nhờ vào sự thu phí đăng lên báo, một hoạt độnặot nó đã có lợi và bổ ích". Vì vậy nhóm nhà báo không thể đòi hỏi một cách có hiệu lực tiền lãi của những văn bản mới.

Các nhan đề

CPI dành điều L.112-4 cho nhan đề tác phẩm

Bộ luật này qui định "nhan đề một tác phẩm trí tuệ, ngay từ khi nó có tính chất độc đáo, là được bảo hộ như chính tác phẩm". Các nhan đề cũng có thể được hưởng một sự bảo hộ cổ điển bằng quyền tác giả, với điều kiện phải độc đáo[1]. Cần hiểu ở đây rằng nhan đề độc đáo được bảo hộ, dù cho tác phẩm gắn liền với nhan đề đó có được bảo hộ hay không. Sự bảo hộ các nhan đề như vậy có thể là hoàn toàn độc lập với sự bảo hộ các tác phẩm mà nó chỉ tên.

Để đánh giá tính độc đáo của một nhan đề, quan toà sẽ phải căn cứ vào ngày nó được tạo ra. Cần phải đặt vào bối cảnh của sự sáng tạo ra nhan đề và tự hỏi xem nó có phải độc đáo ở ngày đó không[2].

Tuy nhiên, sự đánh giá tính độc đáo của một nhan đề còn là một công việc không chắc chắn. Sự xem xét của pháp chế còn phân vân.

Chẳng hạn đã được nhận định là độc đáo: *Jojo kinh khủng*[3], *Nhà giam những con điên*[4], *Cây Cúc gai*[5], *Chiếc lồng sáo*[6], *Paris không thân*[7], *Ông già Noël là rác rưởi*[8], *Những con cá và những con người*[9], *Có Rififi trong loài người*[10], *Tarzan*[11], *Paris tên tội ác*[12].

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 18-6-1999, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-2000, tr 316.
[2] F.Valancogne, *Nhan đề tiểu thuyết, báo và phim: sự bảo hộ nó*, Sirey, 1963.
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 17-5-1987, *Sách quyền tác giả*, 1988, số1, tr.14.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 20-5-1972, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng 1-1973, số LXXV, tr 144.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 1-3-1984, *Dalloz*, 1986, Thông tin nhanh, 184, Nhận xét Claude Colombet.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 25-9-1989, *Dalloz*, 1989, Thông tin nhanh, 264.
[7] Toà thượng thẩm Lyon, 5-8-1979, Biên niên sử sở hữu công nghiệp nghệ thuật và văn học, 1981, 136.
[8] Toà đại phúc thẩm Paris, 7-5-1987, *Sách quyền tác giả*, số 1, 1988, tr 14.
[9] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-9-1986, *Tạp chí quyền sở hữu trí tuệ, số 8, 1986, tr 101.*
[10] Toà đại phúc thẩm Seine, 15-2-1960, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, 1960, số XXX, tr131.
[11] Toà thượng thẩm Paris, 3-2-1988, *Dalloz*, 1989, Tóm tắt, 43, nhận xét Claude Colombet.
[12] Toà đại phúc thẩm Paris, 21-1-1977, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng1-1978, số VC, tr 179.

Và tính độc đáo bị từ chối ở: *Băng nhóm ở Bonnot*[1], *Được cuộc*[2], *Kinh thánh của Jérusalem*[3], *Đao phủ trẻ con*[4], *Nhẹ thôi giọng trầm*[5], *Ngọn lửa*[6], *Mồn của tình yêu*[7], *Khách sạn quyến rũ*,[8]*Những sói con, Đồ án Lyon*[9], *Danh mục các cửa hàng lớn và trung tâm mua bán*[10], *Lục địa thứ sáu*[11], *Những người giết cớm*[12], *Những lữ đoàn Hổ*[13], *Những người đã khuất thân yêu ấy*[14].

Ngay cả khi một nhan đề không được bảo hộ bằng quyền tác giả - do nó không có tính độc đáo hoặc nó đã rơi vào lĩnh vực công cộng - thì nó cũng không phải là không được bảo hộ. Nó có thể được hưởng lợi ở các luật lệ về cạnh tranh bất chính. Điều 112-4 của CPI, ở đoạn văn thứ hai, cấp cho nó dứt khoát sự bảo hộ này: "Ngay cả khi tác phẩm không được bảo hộ theo văn bản của các điều L.123-1 đến L.123-3[15], không ai có thể dùng nhan đề đó để cá nhân hoá một tác phẩm cùng loại, trong những điều kiện có khả năng gây nhầm lẫn". Vấn đề là để tránh những việc sử dụng lừa đảo các nhan đề không được bảo hộ bằng quyền tác giả.

Vì soạn thảo sai, điều L.112-4 của CPI vẫn để người ta hiểu: chỉ những nhan đề trước kia đã được bảo hộ bằng quyền tác giả, thì khi rơi vào lĩnh vực công cộng mới có khả năng được bảo hộ với tư cách chống cạnh tranh bất chính. Thực tế, pháp luật tỏ ra rất hào hiệp và cấp bảo hộ tương tự cho tất cả các nhan đề. *Cậu bé Missel của Jérusalem*[16] hay *Cuộcphiêu lưu lớn của Concorde* đều đã có thể được hưởng một sự bảo hộ thông qua Luật về cạnh tranh bất chính.

Cũng vậy, để ngăn rủi ra nhầm lẫn, luật pháp hình như đã định ra yêu sách hai tác phẩm phải thuộc cùng thể loại. Nhưng từ ngữ "thể loại" được hiểu trong một

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 24-4-1976, Tập san tam cá nguyệt quyền thương mại, 1977, 122, nhận xét Henri Desbois.
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-5-1987, Tập san quốc tế quyền tác giả, tháng 10-1989, số CXXX, tr 213.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 8-7-1986, Dalloz, 1987, Tóm tắt, 1952, nhận xét Claude Colombet.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 6-4-1962, Tuần pháp lí (JCP), 1962, IV, 118.
[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 15-6-1972, Tập san quốc tế quyền tác giả, tháng 10-1972, số LXXV, tr 144.
[6] Toà dân sự Seine, 10-1-1928, Báo của Toà án, 1928, I, 324.
[7] Toà phá án,2-2-1937, Dalloz, 1938, I, 97, nhận xét Henri Desbois
[8] Toà Thượng thẩm Pari,12-I-1990, Dalloz 1990. Thông tin nhanh, 47
[9] Toà thượng thẩm Paris, 20-11-1970, Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1970, 243.
[10] Toà thượng thẩm Paris, 13-11-1970, Biên niên sử sở hữu công nghiệp nghệ thuật và văn học 1970, 243.
[11] Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 13-12-1978. Tập san quốc tế quyền tác giả, tháng 7-1970, số CI, 126.
[12] Toà đại phúc thẩm Paris, 27-5-1982, Dalloz, 1983, *Thông tin nhanh*, 510, nhận xét Claude Colombet.
[13] Toà đại phúc thẩm Paris, 11-12-1996, *Légipresse*, tháng 11-1997, số 146, I, 131.
[14] Toà thượng thẩm Paris, 2-10-1996, *Légipresse*, tháng 12-1997, I, 148.
[15] Nghĩa là nếu tác phẩm đã rơi vào lãnh vực công cộng.
[16] Toà thượng thẩm Paris, 8-7-1986, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt, 152, nhận xét Claude Colombet.

nghĩa rộng bởi vì một cuốn phim hay một quyển sách có thể thuộc về một loại theo cách nhìn của luật học. Có thể tham khảo ở phiên xử về cuốn phim *Những liên kết nguy hiểm của Roger Vadim* rút ra từ một tác phẩm nổi tiếng của Choderlos de Laclos. Các quan toà đã ủng hộ SGDL lo lắng về nguy cơ nhầm lẫn trước mắt công chúng giữa hai tác phẩm không có quan hệ gì lớn với nhau[1].

Tuy thế, trong khi một phần lớn giới luật học công nhận nghĩa rộng của từ ngữ "thể loại" thì một vài quan toà đã cho là phim và truyện tranh hoạt hình không thuộc vào cùng thể loại[2], cũng như là một tập san bán ở hiệu sách và những tác phẩm thực sự của thư viện[3].

Cuối cùng và hầu hết, nhà lập pháp chỉ chấp nhận bảo hộ các nhan đề thông qua luật chống cạnh tranh bất chính trong chừng mực có nguy cơ nhầm lẫn. Nguy cơ này có thể đương nhiên xảy đến với một người tiêu dùng trung bình tưởng rằng mình đang tiếp xúc với những tác phẩm của cùng một tác giả hay, ít ra cũng là những tác phẩm có quan hệ họ hàng với nhau. Đó là một yêu sách cổ điển của Luật về cạnh tranh bất chính. Nhan đề *Trò chơi tàn sát,* như vậy cũng có thể được dùng cho hai tác phẩm riêng biệt, mà không có một nhầm lẫn nào có thể xảy ra[4]. Cũng vậy, một truyện trinh thám hay một phim hài, do không gây nhầm lẫn giữa hai cách trình bày chủ đề – một nghiêm túc, một hài hước – nên cả hai đều có thể lấy nhan đề *Nhẹ thôi giọng trầm*[5]. Một toà thượng thẩm còn cho rằng đặt cùng nhan đề cho hai tác phẩm trình bày một đề tài tương tự *Gầy đi vì thấp calo* cũng không kéo theo nguy cơ nhầm lẫn trong công chúng. Sự đặt tên này đã được xem là thuộc đặc tính chung của loại tác phẩm này, những người mua không thể lẫn lộn hai nhan đề được[6].

Cần phải công nhận rằng toàn bộ chế độ bảo hộ các nhan đề bằng quyền tác giả cũng như bằng luật về cạnh tranh bất chính còn rất đáng phê phán trong việc áp dụng của nó. Các quyết định của toà án dù chú trọng nhiều đến tính độc đáo hoặc khái niệm về thể loại và sự nhầm lẫn, vẫn thường đáng nghi ngờ vì cần phải nhận thức thật thận trọng. Chúng bộc lộ những mâu thuẫn và khác biệt. Tất nhiên nhà xuất bản phải tuỳ ý tiến hành nạp bản mác của nhan đề một cuốn sách hay một

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 11-6-1980, *Biên niên sử Sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1981, 168.*

[2] Phòng dân sự Toà phá án, 6-12-1966, *Tam cá nguyệt san luật thương mại,* 1967, 505, nhận xét Henri Desbois.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 24-10-1973, *Tập san quốc tế quyền tac giả,* tháng 4-1974, số LXXX, tr102.

[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-5-1998, chưa in.

Jeu de massacre: Trò chơi trong các chợ phiên, trong đó người ta ném các con búp-bê lật đật bằng các viên đạn bằng bột cám. (N.D).

[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 14-12-1970, *Tam cá nguyệt san luật thương mại, 1972,* 379, nhận xét Henri Desbois.

[6] Toà đại phúc thẩm Paris, 15-6-1972, *Tập san quốc tế quyền tác giả,* tháng 1-1973, số LXXV, tr 151.

tuyển tập[1] với điều kiện đáng kể là mác đó không phải là mô tả. Thật ra một mác bị coi như không có giá trị khi nó chỉ được tạo ra bằng một từ ngữ đơn thuần là mô tả không ngăn cản được mọi người cạnh tranh đặt tên sản phẩm của mình bằng từ ngữ chung đó. "Cái cần thiết" đã bị coi là một mác mô tả và người thực thụ có nó đã thấy mác của mình là vô hiệu ngày mà anh ta trông thấy một nhà xuất bản cạnh tranh[2] công bố một *Từ điển những điều cần thiết*. Trái lại, *Những điều cần thiết bỏ túi* bị xem như là làm giả mác "*Những điều cần thiết*[3]".

Mỗi tuần lễ, các nhà xuất bản công bố trên những trang cuối cùng của Sách Hebdo (Sách trong tuần), những nhan đề giữ lại cho các "tuyển tập mới" hay các "tác phẩm tương lai". Tuy không có bảo đảm chắc chắn gì về luật pháp đơn thuần nhưng những quảng cáo như thế cũng thực sự có một giá trị pháp lí quan trọng.

Chúng ta hãy nhớ lại, theo điều L.111-1 của CPI, "tác giả của một tác phẩm trí tuệ được hưởng trên tác phẩm đó, chỉ do việc sáng tạo của anh ta, một quyền tài sản vô hình độc chiếm và có thể chống lại mọi quyền khác".

Điều đó có nghĩa là trong luật của quốc gia Pháp không cần thực hiện bất kì một thủ tục nào (nạp bản, đăng kí, công bố, v.v...) để được hưởng sự bảo hộ bằng quyền tác giả. Tuy nhiên, như thế không phải là trường hợp của một số luật pháp nước ngoài và ngay cả của luật nước Pháp về mặt nhãn mác hay bằng cấp. Việc sáng tạo một nhan đề, như vậy, về mặt lí thuyết tự nó đã đủ để được cấp quyền sở hữu văn học và nghệ thuật; và tác phẩm được coi là sáng tạo theo văn bản của điều L.111-2 của bộ luật này, "một cách độc lập với việc công bố, chỉ do việc hiện điều đã được quan niệm kể cả chưa hoàn thành".

Cuối cùng nên nhớ rằng việc áp kí hiệu © ở Pháp chỉ đơn thuần là một thông tin, chỉ rõ ý tốt của nhà xuất bản, chứ không phải là được cấp một quyền gì đặc biệt. Cũng thế, một vài thủ tục như nộp lưu chiểu là những nghĩa vụ của các nhà xuất bản, chứ không phải họ được cấp bất cứ quyền lợi gì.

Thực tế là một khi nhan đề đã được xác định, nhà xuất bản gặp phải vấn đề chứng cứ: có sự chênh lệch giữa thời điểm nhan đề được tìm ra và thời điểm công bố nó trùng hợp ít hay nhiều với việc xuất hiện ở hiệu sách. Các nhà xuất bản phải quan tâm đến việc chiếm hữu được cái mà các nhà chuyên môn gọi là một ngày tháng nhất định.

---

[1] Xem "Những sáng tạo của các nhà xuất bản", Asim Singh, "Quyền tác giả trên nhan đề một tác phẩm trí tuệ nước ngoài với tư cách là quyền có trước theo ý nghĩa của điều L.711-4 của Bộ luật sở hữu trí tuệ", *Tập san quyền sở hữu trí tuệ*, số 84, tháng 2-1998, trang 15.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 16-12-1993, Sở hữu công nghiệp - Công báo tài liệu, 1994, III, 218, số 564.

[3] Christine Ferrand, "Lời biện hộ với tư cách một thể loại văn học", *Sách Tuần*, số 274, 2-1-1998, tr 55, Annie Favier, "Robert được kiện ở thượng thẩm chống lại LGF". *Sách Tuần*, số 235, 7-2-1997, tr 29.

Sự công bố một danh mục giữ lại nhan đề là một phương tiện hữu hiệu để chứng tỏ sự có trước, và càng tốt hơn nếu nó được kèm thêm một quảng cáo mà những kỹ thuật khác cũng hoàn toàn có hiệu lực về mặt lý thuyết không chấp nhận. Thật vậy, cũng có thể sử dụng phong bì Soleau, đề ra bởi Viện quốc gia sở hữu công nghiệp hoặc là gửi cho chính viện đó một thư bảo đảm. Ngón khéo này rất đỡ tốn kém, nhưng nhất thiết là phong bì chỉ được mở ra trước nhân viên toà án trong trường hợp có tranh chấp. Các hội thu và phân phối tiền bản quyền - nổi tiếng nhất là "các hội quản lí tập thể" – hay chính cả Hội Nhà văn (SGDL)[1] vào sổ các nạp bản tác phẩm và do đó cả các nhan đề. Cuối cùng là trực tiếp nhờ đến biên bản của nhân viên toà án hay là các bản gốc của một công chứng viên, việc này tốn kém hơn, nhưng hiệu lực thì cũng chỉ ngang như các kĩ thuật đơn giản khác.

Tuy nhiên, nhà xuất bản không bao giờ tránh hết được mọi bất ngờ xấu xảy ra dưới hình thức một vụ kiện chống lại mình.

Thực ra không có một bộ phiếu trung tâm thu nhặt tất cả các từ ngữ không thể sử dụng. Nguồn thu nhập thông tin tự động của Electre theo như các cơ sở dữ liệu hiện có là những chỉ dẫn tốt, nhưng không thể bảo đảm rằng các nhan đề thăm dò trước lại không phải là của một tác phẩm đã bán hết từ rất lâu rồi. Hay nó lại không phải là của một cuốn phim, của một bài hát...

Tốt nhất là luôn luôn nhớ trong đầu các ngôn từ của điều L.112-4 của CPI qui định chủ yếu rằng "Nhan đề một tác phẩm trí tuệ, ngay từ khi nó có tính độc đáo là đã được bảo hộ như chính tác phẩm" nhưng, ngoài ra, "không ai có thể, ngay cả nếu tác phẩm không được bảo hộ, [...] sử dụng nhan đề đó để cá nhân hoá cho một tác phẩm cùng thể loại, trong những điều kiện có khả năng gây ra nhầm lẫn". Khái niệm "thể loại" là hết sức rộng trong tinh thần của các toà án, họ có thể xếp dưới một lá cờ những sản phẩm văn hoá bề ngoài hoàn toàn khác nhau.

Rủi ro, do vậy, rất là lớn khi thấy xuất hiện một yêu sách bất ngờ. Ngay cả một nhãn mác, một bảng hiệu hay cả đến một tên gọi trong xã hội có từ trước cũng có thể gây rắc rối.

Việc công bố để giữ lại nhan đề nhiều tháng trước khi đưa nó ra lưu hành, như vậy ít ra cũng cho phép đánh giá thiện chí của người thực hiện. Hơn nữa, nó có ưu điểm lớn là phát động được những phản ứng của những người thực thụ có thể có các quyền có trước, lúc bấy giờ họ sẽ không ngần ngại tự giới thiệu mình. Có người sẽ phản đối mọi việc sử dụng các từ ngữ gây tranh chấp, có người đòi hỏi một đền bù tài chính. Những người khác nữa sẽ chỉ yêu cầu là việc sử dụng chỉ giới hạn trong

---

[1] Xem "Sự quản lý tập thể".

một vài loại hình tác phẩm hoặc chỉ thay đổi nhẹ nhàng để tránh cho các chủ hiệu sách giao đặt hàng khỏi nhầm lẫn.

Những sáng tạo của các nhà xuất bản

Các nhà xuất bản tất nhiên là có quyền trên những sáng tạo của họ, ngoài những quyền mà họ có bên cạnh các nhà văn, các nhà minh hoạ v.v...

Trước hết, vấn đề là những quyền thực sự về tài sản văn học và nghệ thuật tất nhiên là bao trùm lên mọi yếu tố độc đáo trong công việc của họ. Vì vậy một nhan đề của một tuyển tập[1], một cách sắp chữ in[2], ma-ket[3] của bìa, v.v... trong chừng mực chúng độc đáo và được tạo ra trong nhà xuất bản thì có thể được xem là những tác phẩm được bảo hộ bằng quyền tác giả mà người thực thụ có quyền gốc là nhà xuất bản[4].

Các bìa sách

Ngày nay các hiệu sách ảo sao chụp lại trên Internet bề ngoài của mỗi tác phẩm mà họ đưa ra bán. Các "hiệu sách điều khiển học" đó đặt lại các câu hỏi, đặc biệt là ở các nhà xuất bản, về quyền có thể áp dụng cho các bìa sách, mà một số thuộc vào những sáng tạo nghệ thuật thực sự và một số khác thuộc vào các khía cạnh nhỏ đơn giản của tiếp thị sách.

Các toà án càng ngày càng thiên về việc cấp cho các bìa sách một sự bảo hộ độc lập bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật. Từ 1983, trước yêu cầu của Opta, Toà thượng thẩm Paris đã kết án Hiệu sách Champs-Élysées[5]. Hiệu sách này đã kiện về sự tầm thường của các bìa sách bắt chước, nhưng theo các quan toà thì đã không chứng tỏ được rằng "chính những yếu tố đó trước kia chưa bao giờ được sắp xếp thành một tổng thể và theo một cách như nhau". Năm 1992, cũng toà án đó đã phạt Rivages làm giả một "bìa sách trong đó nổi bật lên trên nền trắng những chữ thường và chữ hoa đặt trong bóng có xen kẽ nhau màu lục, xám, đen và đỏ làm cho quyển sách được trình bày một cách độc đáo đáng được bảo hộ" mà không cần "sự trình bày này là cần thiết nếu xét đến nội dung tác phẩm[6]". Việc kết án các *Sổ tay*

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 30-3-1979, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1979, số CII, tr 169.
[2] Xem "Việc in ti-pô".
[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 4-3-1986, *Công báo dân sự*, I, số 54.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 14-1-1983, *Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, 510, nhận xét Claude Colombet.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 14-1-1983, *Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, 510, nhận xét Claude Colombet.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 21-10-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1994, tr 350, nhận xét André Kerever.

giả của Elena Ceaucescu, xử năm 1990 vì bắt chước Pléiade, còn chứng tỏ hiệu lực của một sự bảo hộ như thế chống lại ngay một bài văn[1] nhại.

Các ma-ket cũng nên có tính độc đáo để được bảo hộ bằng quyền tác giả *theo nghĩa hẹp*[2]. Nhưng Luật chống cạnh tranh bất chính cũng cho phép truy tố thành công những kẻ bắt chước, dù đó là những kẻ sao lại tầm thường hay phỏng theo đơn giản. Những rủi ro nhầm lẫn xảy ra với tỉ lệ càng cao đối với người tiêu thụ trung bình, nên những sự khác nhau giữa các bìa sách, ngay cả là thô kệch trước con mắt của những nhà chuyên nghiệp cũng đã bị các quan toà quên đi[3].

Cuối cùng, quyền nhãn mác còn phải tăng cường bảo hộ cho một số hệ thống hiển thị dữ liệu trên truyền hình. Kĩ thuật pháp lí này cho phép các nạp bản của những sáng tạo đồ hoạ được cái lợi là không bị rơi vào lĩnh vực công cộng nếu đều đặn thực hiện việc nạp bản tại Viện sở hữu công nghiệp quốc gia. Nhiều nhà xuất bản không hề bị nhầm lẫn về chuyện này, và đăng kí lưu chiểu ở đấy các ma-ket cũng như nhan đề các bộ sách mới của họ[4].

Các bìa sách do vậy, cũng thường được hưởng bảo hộ. Với tư cách này các bìa sách không có thể, về lí thuyết, được sao chép vào trong một catalô "VPC" trên một định vị của Internet hay ngay cả trên một cuộc phát truyền hình mà không được nhà xuất bản cho phép. Những lí lẽ về đẩy mạnh bán sách, ngay cả khi có lợi gián tiếp cho nhà xuất bản đều vô hiệu trước pháp luật. Còn về ngoại lệ cho các trích dẫn thì lại thường xuyên bị bác bỏ trong các vụ xử ở các trường hợp khá tương tự. Để so sánh, chúng ta nhấn mạnh rằng những việc sao chép các tác phẩm nghệ thuật trong các catalô được bán ra công chúng đều bị trừng phạt cho đến mức phải chấp nhận một điều khoản lập pháp riêng trong năm 1997.

Thường thì bìa sách được thực hiện trong nhà xuất bản, nó được liệt vào một công trình gọi là tập thể mà chế độ pháp luật sẽ rất thuận lợi cho nhà xuất bản.

Tuy nhiên, không nên quên rằng tất cả những lí lẽ đó chỉ có giá trị nếu nhà xuất bản thực sự có được các quyền trên các tác phẩm mà họ định sử dụng để thực hiện các bìa sách. Người làm ma-ket, cũng như người nhiếp ảnh và người minh hoạ thực ra là những tác giả được hưởng toàn phần mà những quyền của họ chỉ được chuyển nhượng cho nhà xuất bản trong giới hạn của những điều ghi dứt khoát trong hợp đồng của họ. Cũng vậy, khi nhà xuất bản có dịp bán các quyền của một trong số các tác phẩm của mình cho một công trình cải biên nghe nhìn, thì họ không được

---

[1] Xem "Văn nhại, sự mô phỏng và biến hoạ".
[2] Xem "Các tiêu chuẩn bảo hộ tác phẩm"
[3] Xem chương VII "Những ngoại lệ cho quyền tài sản".
[4] Xem "Quyền nhãn mác".

quên thương lượng với người sản xuất về quyền hạn sao chép ở bìa sách một ảnh chụp hay áp-phích của phim.

Quyền tinh thần[1] buộc nhà xuất bản bắt phải đề tên tất cả những người sáng tạo ở "trang thứ tư" của bìa sách hay ít ra ở các trang bên trong sách. Cũng vậy, các tác phẩm có trước được sử dụng ở trang đầu của bìa sách cũng không thể bị "tô màu" biến đổi hay là đặt lại mà không có giấy phép hợp thức của tác giả.

Các ma-ket

Luật pháp càng ngày càng thừa nhận thêm sự tồn tại của sở hữu văn học và nghệ thuật trên các ma-két và các cách đặt trang, dù là của sách hay của tạp chí.

Tòa thượng thẩm Paris, ngày 6-9-2000, đã phải cắt chia cho hai nhà xuất bản quan trọng công bố của cùng một tác giả những tác phẩm có tên đề, một quyển là *Câu chuyện lẫy lừng của chú đom đóm*, còn quyển kia là *Sự trở về lẫy lừng của một chú sâu quá sáng chói*...

Các quan toà kết luận về vấn đề này là nhà xuất bản thứ nhất không thể ngăn cản (tác giả) rút ra từ nguồn cảm hứng của mình để thực hiện một đoạn đời thứ hai của nhân vật con sâu nhỏ mà anh ta đã sáng tạo ra; [...] kịch bản của tác phẩm thứ hai không chứa đựng những sự giống nhau khác với sự giống nhau do bản chất nhân vật". Nhưng lại có một "tuy nhiên" liên quan đến việc đặt trang của hai cuốn sách: "tác giả đã không thể lấy lại giống hệt, mặc dù ý muốn của anh ta là tạo ra một "loạt", ma-két của cuốn sách đã in [...]; nếu khổ giấy [...] có thể giữ lại, thì sự bố trí các yếu tố khác nhau của bìa (nhan đề, băng-đô, màu sắc) trong cách phân bố cũ là sự lấy lại trái phép cuốn sách thứ nhất và điều đó chứng tỏ việc làm giả".

Các quan toà, do vậy, đi tới thừa nhận cho các nhà xuất bản quyền sở hữu văn học thực sự bất lợi cho những kẻ lợi dụng nhỏ đi bòn rút hết nhà này đến nhà khác.

Tòa án đó đã nhấn mạnh trong quyết định ngày 9-10-1995[2]: "Trong trường hợp ấy, một hội - đã được một thầy thuốc giao cho tìm ý tưởng, thực hiện và công bố một tờ báo định kì bằng tiếng Anh chuyên dành cho các vấn đề dược lí tế bào, và thầy thuốc này sau số ra mắt gọi là "n°O", lại đặt cho một nhà xuất bản khác – thì (có thể khẳng định) hội này đã có một tác phẩm độc đáo và có cơ sở pháp lí để đòi hỏi sự bảo hộ ngay từ khi, bằng cách chọn kiểu chữ in nhan đề, các màu sắc và bố trí, bằng cách trình bày ở trang bìa một ảnh chụp chính giữa phóng to, bằng cách sắp xếp các bài báo, và sử dụng một lề rộng một phần ba trang, "hoa râm", ghi dẫn

---

[1] Xem "Các quyền tinh thần".
[2] Toà thượng thẩm Paris, 9-10-1995, *Dalloz* vụ kiện, 1995, 227.

đề mục, bằng việc đặt ra một logo đặc trưng [...] lặp lại trên đầu bài báo, thì hội đó đã cho tạp chí một bộ mặt đặc trưng".

Các vụ xử càng ngày càng chú ý kĩ hơn, như các nhà chuyên nghiệp in sách, đến những sự bắt chước làm nhái các ma-két.

Tòa thượng thẩm Aix-en-Provence, chẳng hạn, đã nhận định ngày 18-6-2001 rằng "hai tờ báo đó thuộc vào một khu vực xuất bản báo chí có dồi dào các nhan đề, đều có thể đem lại cho một người quan sát không thuộc các lứa tuổi mà chúng nhằm vào cảm tưởng về tính đơn điệu; [...] tuy nhiên, sự kiểm tra sơ qua hai lần xuất bản cũng thấy bộc lộ những sự giống nhau không thể chối cãi được trong ma-két và việc đánh số trang các chuyên mục lựa chọn" ("tóm tắt tương tự trong cách trình bày ở hai tờ báo, sự giống hệt nhau hoàn toàn qua mắt nhìn *với những thay đổi cần thiết* về "con gấu"), "các tiêu đề có nội dung biên tập giống nhau gọi tên trong hai trường hợp. "Star news" (tiết mục tin chính – N.D) v.v...).

Toà án suy luận từ đó rằng những điểm giống nhau thuộc về sự xâm phạm quyền tác giả, chứ không phải vốn chung của thể loại.

Ngày 6 tháng 12 tiếp theo, Toà đại phúc thẩm Paris phạt luôn cả một hội nhằm đẩy mạnh bán ra rượu vang bằng cách làm giả... *Télérama*: "Việc bị cáo lấy lại toàn bộ các yếu tố đặc biệt trong cách trình bày hình thức ở tờ báo của nguyên đơn (trình bày đặc trưng các đề mục, dấu phân biệt chỉ rõ ý kiến của ban biên tập dưới hình thức những biếm hoạ, cách in, bảng danh sách những bài phê bình phim hàng tháng...) trong một quyển sách quảng cáo nhỏ, dĩ nhiên là có động cơ tạo ra một sự nhầm lẫn". Các quan toà đã đặc biệt bác bỏ lí lẽ về việc làm nhái mà kẻ làm giả định đưa ra để bào chữa.

Vấn đề thường là ở các tác phẩm tập thể, điều cho phép người thực thụ sở hữu các quyền là do một pháp nhân. Về phương diện này, nhà xuất bản thường thường được cấp trực tiếp các quyền trên tất cả các tác phẩm được công bố tại đó, như là một từ điển bách khoa[1].

Tác giả một cuốn tiểu thuyết, do đấy không thể giành lấy công việc của nhà xuất bản, ngay cả khi chủ xuất bản này là tác giả. Anh ta sẽ không thể cung cấp không có phép cho một nhà xuất bản khác sự sắp chữ in, brô-mua[2] hay cả đến âm bản ảnh chụp[3].

---

[1] Xem "Các tác phẩm tập thể".
[2] Trong ấn loát: bản in khắc ảnh hay in bài qua phim ảnh trên giấy có chất brô - mua
[3] Toà thượng thẩm Paris, 9-11-1988, *Sách quyền tác giả*, số 15, 1989, tr 13.

Cũng vậy, các sách – chủ đề của Robert Morel hay của Mặt Trời Đen được xem như có bảo hộ bằng quyền tác giả vì hình thức.

Còn nhiều kiểu trình bày tác phẩm không được cấp quyền tác giả vì thiếu tính độc đáo. Các toà án thực ra không thống nhất cho các bộ sưu tập, chẳng hạn được hưởng sự bảo hộ như thế. Bộ sưu tập tự bản thân nó, do vậy, đã ít khi được đánh giá là tác phẩm văn học và nghệ thuật theo nghĩa của Bộ Luật sở hữu trí tuệ[1]. Nói riêng, các quan toà không đồng ý cấp cho các nhà xuất bản các quyền trên khổ giấy[2] của các xuất bản phẩm của họ, ngay cả khi họ chứng tỏ thực sự cách mạng. Đó là do Luật chống cạnh tranh bất chính mà các sáng tạo được bảo hộ, và nhà xuất bản có sáng tạo có thể được hưởng một sự bảo hộ của pháp lí tương đối hữu hiệu[3] tuy rằng có kém so với sự bảo hộ bằng quyền tác giả.

Đó là trường hợp các trình bày gọi là Triliber đã đặt đối lập nhau hai nhà xuất bản sách giáo khoa nổi tiếng trong những năm 1980[4]. Luật chống cạnh tranh bất chính, ngoài ra, được áp dụng trong phần lớn các trường hợp mà quyền tác giả không thể viện dẫn: các kiểu sắp chữ in không được bảo hộ...

Quyền nhãn mác

Cuối cùng, quyền nhãn mác không phải để tăng cường sự bảo hộ cho các nhà xuất bản. Nhãn mác của một nhà xuất bản, dù có thấy rõ hay không, vẫn luôn luôn được bảo hộ bằng một nạp bản ở TNPI. Quyền này có ưu thế hơn quyền tác giả là nó không biết đến lĩnh vực công cộng khi mà các nạp bản được thực hiện lại trong từng kì hạn. Cũng vậy, nó còn bảo hộ các nhan đề của một bộ sưu tập hay một tác phẩm[5].

Còn về tên thương mại, nó đã đặt ra, trong mấy năm gần đây những vấn đề riêng biệt, đáng kể là khi tên thương mại lại là tên họ của người sáng lập một hội buôn và người sáng lập lại rút ra khỏi hội. Hai vụ kiện vang dội liên quan đến Mazenod[6] và Bordas[7] đã cho phép thấy rõ ràng rằng vì thiếu điều khoản đặc biệt

---

[1] Phòng thương mại Toà phá án, 27-2-1990, *Tuần pháp lí* (JCP), II, 21545, ghi chép Frédéric Pollaud-Dulian.

[2] Toà thượng thẩm Lyon, 11-1-1979, *Công báo sở hữu công nghiệp*, 1989, III,153.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 31-10-1972, *Báo của Toà án*, 18-20-III-1973, nhận xét Mouzon. Xem "Vụ kiện về cạnh tranh phi pháp".

[4] Toà thượng thẩm Paris, 25-6-1986, *Công báo sở hữu công nghiệp*, số 400, III-380.

[5] Về tất cả các điểm này, xem Emmanuel Pierrat, Luật sách, đã dẫn.

[6] Toà thượng thẩm Paris, 17-10-1988 và Toà thượng thẩm Paris, 8-11-1984, nêu ra đặc biệt trong Eric Campura, "Tên họ và tên gọi xã hội", thời sự điều lệ và kinh tế của xí nghiệp, số 22, tháng 12-1995.

[7] Phòng thương mại Toà phá án, 12-3-1985, Tuần pháp lí (JCP), 1985, II, 20400, kết luận M.Montainer, ghi chú phê bình Georges Bonet.

trong điều lệ của hội, nên hội vẫn có thể giữ tên người sáng lập sau khi người này ra đi. Trong khi sáng lập hội mà không có những điều khoản riêng về chuyện tên mình, người thành lập đã tiến hành một kiểu chuyển nhượng ngầm có lợi cho hội. Và đôi khi rất khó cho người sáng lập, sau đó, có thể bước vào một hoạt động cạnh tranh dưới cái tên đó[1].

[1] Claude Colombet "Tên và các tài sản vô hình" *Dalloz*, 1989, Sử biên niên, tr 31, Yves Reboul, "Tên họ, tên thương mại và nhãn mác", Sách quyền tác giả, 1990, tr 28. Grégoire Loiseau, "Các hợp đồng sử dụng tên" Tuần pháp lí (JCP) Sách quyền của xí nghiệp, 30-4-1998, số 2, tr 19. Toà thượng thẩm Paris, 15-12-2004, *Dalloz*, 2005, tr 772, nhận xét Philippe Allaeys.

III

Các quyền được cấp bởi sở hữu văn học và nghệ thuật

Sở hữu văn học và nghệ thuật dành cho những người được hưởng hai loại đặc quyền rất khác nhau.

Người ta có thể xác định một mặt là các quyền tài sản còn gọi là các quyền kinh tế, mặt khác là các quyền tinh thần thông thường được chỉ theo phân loại bằng thuật ngữ "quyền tinh thần". Mỗi thứ trong những họ hàng các quyền đó phụ thuộc vào một bản chất riêng và có những tính chất riêng của nó.

Các quyền tài sản

Các quyền tài sản là một độc quyền khai thác dành cho người thực thụ có quyền tác giả. Người thực thụ gốc về nguyên tắc, là tác giả, nhưng các quyền của anh ta có thể được chuyển cho một nhà xuất bản, cho những người thừa kế của anh ta, v.v...[1]

Đối với những gì liên quan đến việc xuất bản văn học[2], các quyền tài sản của tác giả gồm có hai thuộc tính lớn: quyền trình diễn và quyền sao chép, điều L.122-1 của CPI qui định rằng "quyền khai thác của tác giả bao gồm quyền trình diễn và quyền sao chép".

Định nghĩa quyền trình diễn và quyền sao chép

CPI đưa ra những định nghĩa về quyền trình diễn và quyền sao chép.

Theo điều L.122-2, "Việc trình diễn là sự truyền đạt tác phẩm tới công chúng bằng một phương pháp thực hiện nào đấy [...]. Cũng điều ấy đưa ra tiếp vài ví dụ các phương pháp truyền thông như: đọc lại trước công chúng, trình diễn kịch, chiếu phim, truyền hình v.v... Sự phổ biến một cải biên điện ảnh, một cuộc diễn múa, con rối hay kịch câm rút ra từ tác phẩm văn học, việc đọc công cộng một tiểu thuyết, một cuộc trình chiếu cải biên nghe nhìn cũng qui vào quyền trình diễn.

---

[1] *Xem chương IV "Sự thực thụ các quyền"*

[2] Thực ra, ngoài những quyền trình diễn và sao chép, còn có một quyền tiếp theo riêng cho các cuộc bán ra công chúng các tác phẩm nghệ thuật và còn bị từ chối trong các bản viết tay trong luật của Pháp.

Khác với "sự sao chép", có thể phân tích là mọi sản phẩm vật chất rút ra từ tác phẩm, thế tức là gần như trong nghĩa trình diễn sân khấu – "dịch vụ" trong thuật ngữ thương mại – ta phải hiểu "sự trình diễn" pháp lí.

Thật vậy, theo văn bản điều L.122-3 của CPI, "sự sao chép gồm có sự định hình cụ thể của tác phẩm bằng mọi phương pháp tiến hành cho phép truyền đạt đến công chúng một cách gián tiếp". Danh sách liệt kê gồm có in ấn, điêu khắc, nhiếp ảnh, ghi âm, ghi hình, v.v... Mọi việc thương mại hoá tác phẩm mà người mua có thể mang đi như một quyển sách, một cassette nghe-nhìn từ sự cải biên nghe nhìn một cuốn tiểu thuyết, một tranh vẽ minh hoạ một cảnh của câu chuyện, đều bao gồm trong các việc sao chép tác phẩm. Thương mại hoá tác phẩm chữ nổi là sao chép[1].

Các khái niệm về sao chép và biểu diễn được áp dụng cho dù điều kiện khai thác các quyền ấy như thế nào: tính chất miễn phí hay thương mại hóa[2], sao chép một bản hay sản xuất hàng loạt[3], v.v...

Các khái niệm về quyền biểu diễn và quyền sao chép, cũng như định nghĩa của chúng, dĩ nhiên, ngày nay bị đưa ra tranh cãi bởi vì chúng không đáp ứng những bước tiến lên của công nghệ: ranh giới xoá đi giữa hai quyền, và hiện giờ luật pháp đang khá vất vả để xác định xem việc đưa lên mạng một tác phẩm là sử dụng quyền biểu diễn hay quyền sao chép. Tuy nhiên các khái niệm đó vẫn là những công cụ pháp lí không thể xoay hướng được, bởi vì chúng đã được ghi dứt khoát trong toàn bộ các văn bản về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật. Sự tham khảo các quyền sao chép và biểu diễn là rất cần thiết trong một hợp đồng như hợp đồng xuất bản.

• *Quyền triển lãm*

Các thư viện thường hay đón nhận các triển lãm. Còn các hiệu sách thường treo trong tủ kính hoặc trên tường một số chân dung các nhà văn. Cho nên, hai quyết định tư pháp có tiếng vang lớn nghiêm khắc có cơ chấm dứt loại biểu hiện này.

Thư viện Paris đã bị trừng phạt nặng nề theo hai quyết định của Toà phá án đồng thời ngày 6-11-2002[4]. Cơ quan đó bị truy tố vì đã sử dụng trong khuôn khổ một cuộc triển lãm, các ảnh của hai nhà nhiếp ảnh mà không hề xin phép họ trước.

---

[1] Toà án tiểu hình Seine, 16-5-1925, *Dalloz tuần báo*, 1925, 422.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 24-2-1931, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1931, 171.*

[3] Toà thượng thẩm Paris, 21-1-1963, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1963, 13235, ghi chú Delpech.

[4] Ở thượng thẩm, xem Toà thượng thẩm Paris, 20-9-2000, *Sở hữu trí tuệ*, số 1, 2001, tr 64, nhận xét Pierre Sirinelli.

Vậy là lần đầu tiên một quyền thực sự về triển lãm được dứt khoát thừa nhận, có lợi cho các nhà sáng tạo. Cho tới những năm gần đây, những nhà bình luận có thẩm quyền nhất, thực sự đã đưa ra tranh cãi về sự tồn tại một quyền như thế. Và tất cả các nhà chuyên nghiệp văn hoá đều nhất trí cho rằng chỉ một mình catalô triển lãm, cũng như mọi sản phẩm xuất bản, là cần phải có được sự đồng ý của tác giả và cần phải được trả tiền công.

Nhờ sự hỗ trợ của lập trường mới đó, Toà thượng thẩm Paris đã dựa vào các điều L.122-1 và L.122-2 của CPI dự kiến rằng mọi tác giả có thể cho phép hay phản đối trình diễn công cộng tác phẩm của mình; điều đó ngấm ngầm bao gồm, theo các quan tòa, cả quyền triển lãm ra công chúng.

Chúng ta nên xác định rằng mục đích theo đuổi của người triển lãm, dù là văn hoá, giáo dục hay trực tiếp buôn bán, về luật pháp đơn thuần, đều không quan trọng: các quan toà đã ghi nhận, ở một trong hai vụ án đó rằng "độc lập với sự thất bại của triển lãm dù chỉ thu được tiền 3094 vé vào cửa và bán hạn chế catalô triển lãm (648 bản trên số lượng phát hành 2000) thiệt hại về tài sản cho tác giả [...] ước tính đến số tiền là 60.000 franc (tức là 9147 euro)"...

Ngoài ra, toà án đã nhận định rằng thêm vào sự vi phạm các quyền kinh tế, Thư viện Paris đã xâm phạm hai lần quyền tinh thần của nhà nhiếp ảnh. Tên của tác giả không được ghi và các tác phẩm của anh ta đã được trưng bày trong một khổ ảnh mà anh ta không chấp thuận...

Vậy mà, sở hữu vật chất, về lí thuyết lại độc lập với sở hữu trí tuệ[1]. Và dựa vào án lệ mới các toà án rồi đây có lẽ sẽ buộc các cơ quan văn hoá phải mua được rõ ràng quyền triển lãm các bộ sưu tập của họ. Một khi các tác phẩm được đưa vào các bộ sưu tập công cộng, sẽ cần phải trả công cho các tác giả và những chủ sở hữu, đáng kể là các nhà xuất bản, để có thể trưng bày cho mọi người xem.

Một số nước, chẳng hạn như Bồ Đào Nha đã dự kiến rằng việc mua sở hữu vật chất một tác phẩm để triển lãm là ngầm kéo theo quyền trưng bày tác phẩm đó, trừ điều khoản ngược lại. Trái lại, một vài nền lập pháp khác thừa nhận dứt khoát quyền triển lãm. Từ Hội nghệ thuật tạo hình quốc tế (AIAP) đến Hiệp hội quốc tế các hội tác giả và nhà soạn nhạc (CISAC), nhiều tập đoàn quốc tế cũng biện hộ theo hướng đó. Những cuộc thảo luận nội bộ ở Tổ chức toàn cầu về sở hữu trí tuệ (OMPI) và ở Unesco –quản lí hai công ước quốc tế lớn về quyền tác giả - đã bộc lộ nhiều bất đồng giữa các nước thành viên hiện nay ngăn cản đi đến một lập trường rõ ràng.

---

[1] Xem "Sự độc lập của các sở hữu vật chất và trí tuệ".

Ở Pháp, các tranh luận quốc hội đi trước việc thông qua Luật 3-7-1985 (sửa đổi Luật 11-3-1957 về sở hữu văn học và nghệ thuật, sáp nhập vào CPI) đã nêu lên sự công nhận quyền triển lãm. Bộ Văn hoá đã phản đối, với lí do là sự nhìn nhận như vậy sẽ làm nặng thêm chi phí của các tập thể công cộng. Cuộc thảo luận, do vậy, đã được thận trọng dập đi nhanh chóng; và văn bản cuối cùng vẫn còn là mơ hồ và để dành lời nói cuối cùng cho một cách giải thích qua việc xét xử của toà án.

Toà phá án đã hợp thức hóa các pháp chế, mở đầu bởi Toà thượng thẩm Paris, về quyền triển lãm ở thư viện[1]. Trong hai quyết định đưa ra, Toà phá án, thực ra, đã không giảm nhẹ lập trường và đã bác bỏ các khiếu nại đưa lên. Toà đã ghi nhận rằng nhà nhiếp ảnh "đưa các âm bản ảnh chụp các tác phẩm liên quan cho hai nhà sưu tập chỉ để dùng vào một việc riêng, khác với việc dùng đã bị phê phán ở Thư viện - Paris". Toà đã kết luận rằng "Việc triển lãm ra công chúng một tác phẩm nhiếp ảnh là một việc truyền thông [...] và, do đó, đòi hỏi phải được tác giả đồng ý trước".

Các tính chất của các quyền tài sản

Khuynh hướng của các quyền tài sản là cho phép tác giả hưởng lợi trên tác phẩm của mình. Các quyền đó thực ra có thể chuyển nhượng: chúng có thể là đối tượng giao dịch thương mại với một nhà xuất bản, một nhà sản xuất điện ảnh, ghi âm hay tất cả những người tham dự khác. Người được chuyển nhượng có một sở hữu đích thực trên các quyền đó và sẽ có thể, dưới một vài điều kiện nào đó, đến lượt mình lại tiến hành những chuyển nhượng mới.

Sự sở hữu của những quyền tài sản, tuy nhiên cũng chịu một gò bó quan trọng: thời hạn của nó bị giới hạn trong thời gian. Hết một thời kì nhất định thì tác phẩm rơi vào cái mà người ta gọi chung là "lĩnh vực công cộng[2]".

Cuối cùng, cũng nên nêu rõ, ở đề mục các điều khoản của CPI bao gồm trong chương về các quyền tài sản, điều L.122-9 gợi ra trường hợp lạm dụng rõ rệt của các người thừa kế các quyền tài sản[3].

Các quyền tinh thần

Chúng là đối tượng một chương quan trọng của CPI trải ra từ điều L.121-1 đến điều L.121-9. Toàn bộ chương này do sai lầm bởi một việc soạn thảo thiếu sót và

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 6-11-2002, *Truyền thông thương mại điện tử*, 2003, no2, nhận xét Christophe Caron.
[2] Xem Chương VI "Thời hạn các quyền".
[3] Xem "Quyền tác giả và sự thừa kế".

vụng về, theo cách nhìn của luật pháp và lí thuyết, cần phải khái quát hoá các kết luận[1]. Chính vì thế có những tính chất mà luật pháp gắn cho một vài quyền tinh thần, lại áp dụng được trong thực tế, cho toàn bộ các quyền tinh thần: quyền công bố, quyền tôn trọng tên và tư cách, quyền tôn trọng tác phẩm, quyền lấy lại hay sửa đổi.

Quyền công bố

Quyền công bố được ghi trong CPI ở điều L.121-2

Điều này xác định rằng tác giả "quyết định phương thức công bố và đặt ra những điều kiện cho nó". Quyền công bố là quyền mà theo nó, tác giả là người duy nhất quyết định tác phẩm của mình có hay không được đưa ra công chúng. Ngay cả khi anh ta đã kí hợp đồng và chịu trách nhiệm giao bản thảo, các toà án cũng không thể ép anh ta về chuyện đó nếu anh ta từ chối[2]. Các quan toà sẽ đòi anh ta đóng cho nhà xuất bản một món tiền bồi thường, nhưng không có trường hợp nào bắt buộc phải giao tác phẩm.

Cũng như vậy, ngay cả người đã chiếm hữu được trung gian vật chất của một tác phẩm cũng chỉ có thể công bố tác phẩm với sự đồng ý của tác giả. Như thế là người chủ sở hữu của một bức tranh hay một bản thảo có thể bị cấm đưa công bố tác phẩm của mình[3].

Còn về "điều kiện" của "cách thức" công bố, mà theo luật, tác giả vẫn làm chủ, thì vấn đề đơn giản là thuộc quyền tác giả tự do định đoạt tác phẩm của mình sẽ không được công bố mà chỉ được diễn, hoặc được đọc mà không được diễn, v.v...

Việc công bố cần được sự đồng ý của tất cả các đồng tác giả[4] của một tác phẩm[5]. Điều L.121-9, cuối cùng, mang đến một số chi tiết rõ ràng về các quan hệ giữa quyền công bố và hôn nhân[6].

Thuộc tính này của quyền tinh thần không nên coi nhẹ. Toà phá án ngày 25-2-1997[7] đã xét xử rằng sự sản xuất phim ảnh của một bản thảo chưa in, về mặt pháp

---

[1] Frédéric Pollaud – Dullian, "Quyền tinh thần ở Pháp qua pháp chế mới đây", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1990, số CVL, tr 127.
[2] Phòng dân sự Toà phá án, 14-3-1990, *Sirey*, 1900, I, 489.
[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-1-1969, *Dalloz*, 1969, 476.
[4] Xem "Các tác phẩm hợp tác"
[5] Toà thượng thẩm Paris, 26-9-1988, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1990, I, 3433, ghi chép Bernard Edelman.
[6] Xem "Quyền tác giả và các chế độ tài hôn nhân".
[7] Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 25-2-1997, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, số CLXXIII, 7-1997, tr 287.

luật, là sự công bố tác phẩm, và vì vậy là một sự vi phạm quyền tinh thần... Và Toà đại phúc thẩm Paris đã nhắc nhở, ngày 21-9-1994[1], rằng một giấy phép tra cứu các tài liệu lưu trữ chưa in không cho phép nhà nghiên cứu được công bố ra hiệu sách tác phẩm được tìm ra.

Quyền công bố bao trùm đến cả các điều kiện công bố. Vì thế, một tác giả có thể viện dẫn quyền tinh thần này để từ chối sự khai thác trên một số phương tiện trung gian. Ngày 13-2-1981, Toà thượng thẩm Paris đã xét xử về những chân dung chụp Jean Anouilh, rằng dù nhà nhiếp ảnh "đã cho phép Paris - Match công bố năm ảnh liên quan trong tạp chí của mình, song anh ta chưa hề cho phép TF1 công bố trên truyền hình".

Cũng vậy, Toà thượng thẩm Paris buộc phải xét xử một sự việc về xuất bản kì cục, ngày 18-11-1998: "M.O..., nhà báo, đã đưa, hồi tháng 3-1995, cho ban biên tập của "Petit Futé" (Cậu bé ranh mãnh – N.D) một bài báo viết về châu thổ sông Mê-Kông dành để công bố trong Country Guide (Hướng dẫn du lịch miền quê – N.D) nói về Việt Nam [...] Bài báo này đã được đăng trong mục "Thư độc giả" [...], không trả thù lao. Đáng nói là trong lá thư ngày 25 tháng Ba, 1995, nhà báo phản đối việc công bố bài viết của mình dưới hình thức thư bạn đọc lại đến sau khi cuốn sách hướng dẫn du lịch được xuất bản [...] Công bố bài báo trong những điều kiện đó bằng cách coi tác phẩm của một nhà báo chuyên nghiệp như đóng góp miễn phí của một khách du lịch tài tử vào nội dung sách hướng dẫn", là một sự xâm phạm quyền công bố của tác giả.

Vĩnh cửu như mọi quyền tinh thần[2], và do đó, vượt qua biên giới của khu vực công cộng, quyền công bố có thể truyền lại được bằng con đường thừa kế. Theo ngôn từ của điều L.121-2 của CPI, "sau khi tác giả chết thì quyền công bố các tác phẩm di cảo được thực hiện suốt cả đời họ bởi một hay nhiều người thi hành di chúc do tác giả chỉ định. Nếu không có những người này, hoặc sau khi họ chết, và trừ khi có ý muốn ngược lại của tác giả, quyền này được thi hành theo thứ tự sau: bởi các hậu duệ, bởi vợ hoặc chồng không bị xét xử đi đến phán quyết có hiệu lực của toà án về ly hôn hoặc không có cuộc hôn nhân khác, bởi những người thừa kế ngoài những hậu duệ được nhận toàn bộ hay một phần di sản, bởi những người được chỉ định nhận toàn bộ di sản hoặc những người được tặng toàn bộ các tài sản sẽ có"... Nói tóm lại, luôn luôn có người để dự phòng[3].

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 21-9-1994, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, 1-1995, số CLXIII, tr 253.
[2] Xem "Tính chất các quyền tinh thần".
[3] Xem "Quyền tác giả và sự thừa kế".

• ***Những tác phẩm chưa in***

Ngoài ra, việc thực hiện *hậu tử* (sau khi chết) quyền công bố, đã làm nảy sinh một vài vụ kiện về pháp lí - văn học vang dội.

Điều L.121-3 của CPI, thật ra, xem xét các "trường hợp lạm dụng trong việc sử dụng hay không sử dụng quyền công bố về phía các đại diện của tác giả quá cố".

Toà thượng thẩm Paris, ngày 24-11-1992[1], đã xử phạt việc xuất bản các bài giảng của Rolland Barthes. Các nhóm chuyên đề của Jacques Lacan cũng đã được xem xét bởi Toà đại phúc thẩm Paris ngày 11-12-1985[2].

Gần đây hơn, ngày 24-10-2005[3], Toà phá án đã kết thúc vụ kiện Antonin Artaud. Các quan toà cao cấp đã bác đơn của cháu nhà sáng tạo nhằm ngăn cấm nhà xuất bản Gallimard ấn hành tập thứ 26 trong toàn tập của ông. Họ đã nhận định rằng "quyền công bố hậu tử không phải tuyệt đối và phải được thực hiện phục vụ tác phẩm, phù hợp vơi tư cách và ý muốn của tác giả như đã được biểu hiện và nói ra khi ông còn sống; [...] trong trường hợp này, việc xuất bản toàn tập tác phẩm của Antonin Artaud, theo ý muốn của tác giả và được thực hiện với sự ưng thuận của những người thừa kế, đã được tiếp tục từ khi nhà thơ qua đời, đúng theo ý muốn của ông truyền đạt ra công chúng, trong sự tôn trọng quyền tinh thần của ông để truyền bá một tư tưởng mà nhà thơ cho rằng mình có sứ mệnh trao lại".

Đến lượt mình, ngày 24-1-2001, Toà thượng thẩm Toulouse đã bác đơn các chủ sở hữu quyền tác giả của một nhà văn Tây Ban Nha định phản đối việc xuất bản ở Pháp một tiểu thuyết mà tác giả lúc còn sống đã cho phép dịch[4].

Gần đây Toà phá án đã nhận định: vì không nói rõ ý muốn của mình, nhà thám hiểm François Balzan không lưu tâm đến việc công bố các bài viết của mình sau khi chết[5].

Các tác phẩm chưa in thường là những vốn trong ngăn kéo và đôi khi là những kiệt tác đích thực mà người ta tưởng đã mất đi vĩnh viễn. Tất cả gợi lên những đam mê lớn về văn học, tài chính hay khoa học và những đam mê này có thể phải động đến lĩnh vực tư pháp. Luật về các tác phẩm di cảo thật ra rất phức tạp, nhưng lại rất khất khe do dự kiến của CPI cũng như là do pháp luật xem xét lại liên tục.

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 24-11-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, 1-1993, số CLV, tr 191.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 11-12-1985, Dalloz, 1987, Tóm tắt có bình luận, 155, nhận xét Claude Colombet.

[3] *Phòng dân sự thứ nhất*, Toà phá án, 24-10-2000, Dalloz, 2001, tr 918, ghi chép Christophe Caron.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 20-1-2001, *Truyền thông thương mại điện tử*, 2001, số 71, nhận xét Christophe Caron.

[5] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 4-11-2004, *Dalloz*, tr 3223, nhận xét Philippe Allaeys.

Theo văn bản của điều L.123-4 của CPI, "quyền khai các tác phẩm di cảo thuộc về các chủ sở hữu quyền tác giả nếu tác phẩm được công bố trong thời gian *[bảo hộ, tức là nói chung, trong ít nhất bảy mươi năm kể từ ngày tác giả qua đời*]. Nếu việc công bố thực hiện khi kết thúc kì hạn này, quyền khai thác đó thuộc về các chủ sở hữu của tác phẩm, do thừa kế hay với các danh nghĩa khác những người đó thực hiện hay cho thực hiện việc công bố[1]".

Đối với nhà văn chưa rơi vào lĩnh vực công cộng thì chỉ những chủ sở hữu mới được thu tiền bản quyền; trái lại, đối với những gì là bản thảo viết tay giấu đi và công bố sau thời hạn hợp pháp của sự bảo hộ thì các quyền di sản thuộc về chủ sở hữu tài sản vật chất của tác phẩm chưa in. Vấn đề đó là một ngoại lệ của nguyên tắc độc lập giữa các tài sản vô hình và tài sản vật chất.

Trong trường hợp thứ hai, "thời hạn độc quyền là hai mươi lăm năm kể từ ngày 1 tháng Giêng của năm lịch thường tiếp sau ngày công bố". Nhưng lạm dụng quyền thì bị phạt đối với những người chờ cho thời hạn bảo hộ hợp pháp hết rồi mới công bố tài sản của tác giả để hưởng lợi tiền bản quyền hai mươi lăm năm. Hơn nữa, năm 1990, Toà thượng thẩm Paris đã cho là người thực hiện công bố một tác phẩm chưa in không được đòi đề tên mình trên mỗi bản sao của tác phẩm chưa in đó[2].

Ngoài ra còn nhiều câu hỏi được đặt ra trước sự gia tăng các tình trạng khác nhau (phác thảo, bản nháp v.v...) của cùng một văn bản, thậm chí của nhiều bản chép tay liên tiếp; chưa kể là, rồi đây, các nhà văn không còn trải qua giai đoạn viết tay (sáng tạo ngay trên Underwood hay e-Mac của họ) sẽ kéo theo nhiều xung đột mới. Một quyết định của Toà phá án năm 1993 đưa ra về một tác phẩm chưa in của Jules Verne, đã giải quyết có lợi cho người sở hữu bản gốc viết tay, chứ không phải cho bản chép lại[3].

Ở chỗ khác, Toà đại phúc thẩm Paris, lại mới xử, năm 1989, rằng các thư viện cũng thật sự là người thực thụ có các quyền trên các bản thảo viết tay chưa in mà họ là chủ sở hữu. Một Sắc lệnh ngày 20-2-1809 - vẫn chính thức có hiệu lực - đã xác định điều đó trước khi cơ quan lập pháp hiện nay thông qua luật, lợi cho mọi người bảo quản", dù đó là các cơ quan tra cứu và nghiên cứu hay những người ham sách hiếm.

Điều L.123-4 của CPI xác định: "Các tác phẩm di cảo phải là đối tượng của việc xuất bản tách biệt, trừ trường hợp chúng chỉ là một đoạn của một tác phẩm đã được xuất bản trước đó. Chúng chỉ ghép liền với các tác phẩm của cùng một tác giả

---

[1] Xem "Quyền tác giả và thừa kế".
[2] Toà thượng thẩm Paris, 22-11-1990, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1991, tr 129.
[3] Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 9-11-1993, Dalloz, *1994*, luật học, tr 115, ghi chép André Francon.

đã được in trước nếu các chủ sở hữu quyền tác giả còn được hưởng quyền khai thác trên các tác phẩm đó". Sự cấm đoán đó là do sợ rằng một số nhà sưu tập bản thảo tiến hành việc trộn lẫn lừa đảo giữa hai phần để chiếm đoạt bất hợp pháp các quyền trên đối với các tác phẩm đã rơi vào lĩnh vực công cộng.

Kinh nghiệm với các nhà xuất bản thận trọng muốn tập hợp các tác phẩm chưa in là có được sự thoả thuận của cả người sở hữu bản thảo viết tay và của cả chủ sở hữu quyền tác giả. Bởi vì, dù sao thì những người này vẫn giữ một quyền tinh thần trên toàn bộ tác phẩm, một quyền không biết đến lĩnh vực công cộng, bởi vì nó có thể truyền lại vĩnh viễn.

Cuối cùng chính là quyền công bố cũng ngăn cản cả việc trích dẫn đơn giản từ những tác phẩm chưa in mà không được cho phép rõ ràng.

Quyền được tôn trọng tên và tư cách

Điều L.121-1 cấp cho tác giả "quyền được tôn trọng tên và tư cách của mình". Vấn đề là, đối với tác giả, quyền được thấy tên mình ghi trên tác phẩm, được thừa nhận công khai là tác giả. Anh ta có một quyền đích thực là tư cách sáng tác bao trùm lên tất cả các biểu hiện khai thác tác phẩm của mình. Chẳng hạn, một nhà xuất bản đã bị phạt vì không ghi tên một chuyên gia đã đọc lại văn bản tái bản một quyển từ điển Pháp - Tây Ban Nha[1].

Còn về "tư cách", thì nó gồm ở một số nhan đề mà tác giả có thể chính đáng đòi phải ghi: "Thuộc Viện Hàn lâm Pháp", "thành viên Hội Á Châu của Calcutta" (đối với công trình của một nhà nghiên cứu văn hoá và ngôn ngữ Ấn Độ), "giải thưởng Nobel về văn học", v.v[2]... Đòi hỏi này được đặt vào những giới hạn hợp lí, nếu không sẽ bị coi là lạm dụng quyền trước pháp luật,. Tác giả không thể nhất nhất cố đòi ghi tất cả, và bất cứ cái gì. Về mặt này, nên tham khảo các cách sử dụng hiện hành.

Tên và tuỳ trường hợp tư cách tác giả sẽ được ghi không chỉ trên sách mà còn cả ở mọi tài liệu xúc tiến việc bán hàng hay quảng cáo[3]. Một catalô phải đề tên người soạn kịch bản của một truyện tranh hoạt hình bên cạnh tên người vẽ[4]. Những áp phích đề cao giá trị một cuốn sách hướng dẫn du lịch Paris và dành cho mạng quảng cáo tàu điện ngầm đã phải được thay đổi thế nào để cho tên các tác giả có thể ghi vào đó. Cũng thế, một nhà xuất bản bị kết án năm 1951 vì đã ấn hành một tờ

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 28-6-1983, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng10-1983, số CXVIII.
[2] Toà dân sự Seine, 2-4-1951, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1951, 317. Toà đại phúc thẩm Paris, 6-12-1976, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1978, số XVC, tr 160.
[3] Toà dân sự Seine, 20-2-1922, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1922, 229.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 7-4-1998, Dalloz, 1998, 134, nhận xét Claude Colombet.

phụ đính quảng cáo chỉ với một ghi chú: "do tác giả *Lịch sử Paris*[1]". Nhà xuất bản đó đã bị xét xử: "bản chất của trung gian truyền thông đa phương tiện" không được miễn trừ việc tôn trọng các qui định của pháp luật, dù cho những người vội vàng quên lãng điều đó trước sự phát triển của những công nghệ mới[2] không thích.

Cần phải lưu ý rằng mỗi lần tác giả bị sao chép trái phép như kiểu người ta gọi thông thường là "đạo văn[3]" thì anh ta có thể kiện kẻ gian trên cơ sở luật chống làm giả.

Dĩ nhiên, nhà xuất bản không được quên rằng quyền tinh thần này không những áp dụng cho tác giả văn bản, mà còn cho cả tác giả các ảnh chụp và minh hoạ, dù vị trí của nó trong sách, kích cỡ và số lượng của nó thế nào. Xung đột xảy ra rất nhiều về mặt nhiếp ảnh. Mỗi một sao chép phải thực sự được kèm theo tên của nhà nhiếp ảnh[4] chứ không phải chỉ một mình tên hãng. Việc nêu lên "D.R" là phải huỷ bỏ hoàn toàn: nó không những xúc phạm đến quyền được tôn trọng tên mà thường dùng làm áo khoác che cho những việc làm giả[5] thực sự. "Tín nhiệm" chỉ có thể là tập thể nếu nó cho phép qui tác phẩm[6] về chính xác cho từng nhà nhiếp ảnh. Luật lệ cần thiết phải qui từng tấm ảnh về cho tác giả của nó được áp dụng cả trong trường hợp một tác phẩm tập thể[7] như trong một từ điển bách khoa hay một tạp chí. Ngoài ra các tác giả của những tác phẩm được chụp cũng có thể bắt phải ghi tên họ bên cạnh tên của nhà nhiếp ảnh. Một kiến trúc sư cũng có tư cách được tôn trọng tên, ngay cả khi tác phẩm của anh ta không nhất thiết phải được bảo hộ bằng quyền tác giả theo đúng nghĩa của nó[8].

Trái lại, người đã tiến hành việc công bố một tác phẩm di cảo chưa in của một tác giả không thể đòi hỏi ghi tên mình vào mỗi một bản sao chép[9].

• *Những "người da đen"*[10]

Còn "người da đen", nếu là tác giả thực sự của văn bản, hay là một trong những đồng tác giả thì anh ta luôn luôn có khả năng biểu lộ vai trò của mình và đòi

---

[1] Toà thương mại Seine, 2-4-1951, Dalloz, 1951, 343.
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 29-4-1998, chưa in, Sophie Dangu, "Có nên gnhĩ lại về quyền tinh thần?" Tập san Lamy quyền của tin học, số 74, tháng 10-1995, tr 7.
[3] Xem "Việc làm giả và vụ kiện làm giả".
[4] Toà thượng thẩm Versailles, 20-5-1988, Dalloz, 1989, Tóm tắt có bình luận, 44, nhận xét Claude Colombet.
* D.R. (droit au respect du nom) = quyền được tôn trọng tên (chú thích của N.D)
[5] Xem chương XV "Sự xâm phạm và sự bảo hộ các quyền".
[6] Toà thượng thẩm Paris, 18-2-1988, *Tập san quyền tác giả*, tháng 5-1988, tr 23, Toà đại phúc thẩm Paris, 29-4-1988, chưa in.
[7] Xem "Các tác phẩm tập thể".
[8] Toà đại phúc thẩm Paris, 13-11-1970, Báo của Toà án, 1971, I, 352.
[9] Toà thượng thẩm Paris, 22-11-1990, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1991, II, 21736, ghi chép Gautreau.
[10] Nègre = Người cộng tác bí mật của nhà văn nổi tiếng. (Chúng tôi không dịch từ này theo nghĩa đó, mà vẫn để nguyên như tác giả "người da đen". – N.D.).

hỏi ghi tên mình với tư cách là tác giả[1]. Hiệu lực của quyền tinh thần – trong trường hợp ấy là quyền được tôn trọng tên - là ở chỗ mọi lí do khác đều đặt xuống hàng thứ cấp. Thật là hão huyền đối với một nhà xuất bản nếu tin rằng cứ có một hợp đồng kí với "cộng tác viên kín đáo" - tức là hợp đồng thuê làm việc - , ngay cả có điều khoản buộc anh ta không được lộ diện, là có thể ngăn người cộng tác đó bộc lộ căn cước, và anh ta sẽ không được cấp các quyền đã được thừa nhận cho anh ta với tư cách là quyền sở hữu văn học và nghệ thuật[2]. Người cộng tác càng dễ dàng đưa ra chứng cứ khi nhà xuất bản sẽ phải trả cho anh ta những quyền tác giả đích thực. Và tác giả "giả", tức là người đứng tên một mình trên quyển sách, không thể trách cứ hợp thức nhà xuất bản là đã ghi tên người cộng tác với tư cách là đồng tác giả[3].

Năm 1858, Maquet đã bị thua kiện trong một vụ xét xử nổi tiếng ở toà thượng thẩm nhằm làm cho người ta thừa nhận tư cách sáng tạo của anh ta ở nhiều tiểu thuyết của Alexandre Dumas[4]. Từ bấy giờ án lệ đã tiến triển mạnh có lợi cho những "cộng tác viên kín đáo" và ngày nay toà án không chấp nhận hiệu lực của các điều khoản hợp đồng theo đó người cộng tác từ chối ghi tên họ lên quyển sách.

Điều L.113-1 của CPI qui định rằng "tư cách tác giả thuộc về người hoặc những người mà dưới tên của họ, tác phẩm được công bố, trừ phi có chứng cứ ngược lại". Người cộng tác kín đáo, như vậy, phải chứng tỏ vai trò của mình trong quá trình sáng tạo. Những người bà con của một tác phẩm có thể đã ít nhiều giúp anh ta trong công việc như vậy, đôi khi cũng có khuynh hướng muốn ra khỏi bóng tối. Những người thừa kế của Julia Daudet, vợ Alphonse[5], cũng như bà quả phụ của người sáng tạo ra OSS117 Jean Bruce[6], đã cố thử đưa ra một đòi hỏi loại đó nhưng không được. Những người viết lại, cũng như những người sửa chữa hay những người ấn loát đều bị từ chối về tư cách đồng tác giả. Nhưng nhờ có căn cứ của các bản thảo nhiều người nhúng tay vào các thư từ trao đổi, của giấy trả tiền và nhất là hợp đồng kí với nhà xuất bản, việc vươn ra khỏi bóng tối của người cộng tác kín đáo bằng con đường pháp lí sẽ dễ dàng hơn.

Ngoài ra những thất bại cay đắng gần đây của một vài việc kí kết đã chứng minh rằng việc nhờ cậy vào một "chuyên viên tư liệu" không phải là không rủi ro với những gì liên quan đến việc đạo văn có thể có, mà chuyên viên này do ác ý hay

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 31-1-1989, *Tập san quyền tác giả*, số 16, tr 13, Christophe Caron, "Những cộng tác viên kín đáo và quyền tác giả", *Đời sống tư pháp*, 24-1-1994, tr 7.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 10-6-1986, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt có bình luận, 154, nhận xét Claude Colombet.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 11-2-1987, *Juris-Data*, số 21812.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 14-11-1859, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1859, 390.

[5] Toà thượng thẩm Paris, 9-6-1964, *Tuần pháp lí (JCP)* 1965, II, 1417, ghi chép André Francon.

[6] Toà đại phúc thẩm Paris, 8-3-1985, *Tạp chí quyền sở hữu trí tuệ*, số 1, 1985, tr 155.

do "mặc kệ mọi chuyện" đã đưa vào trong bản sao chép của anh ta. Mặc dù về lí thuyết vẫn có một sự đảm bảo theo hợp đồng, nhà xuất bản sẽ khó mà quay trở lại chính thức phản bác một chỗ dựa như thế của việc xuất bản. Bởi vì thường người da đen sẽ có thể chê trách lại nhà xuất bản, vừa về mặt vi phạm quyền được tôn trọng tên vừa về mặt không trả tiền công tỉ lệ với thu nhập đẻ ra từ tác phẩm.

Giải pháp duy nhất tất nhiên là phải đưa tên người da đen lên sách (tệ ra cũng phải dưới công thức "với sự cộng tác của" và để cho anh ta được hưởng một tỉ lệ quan trọng trên sách bán ra.

Cũng có thể dự kiến trong hợp đồng rằng một người da đen nhất định nào đó sẽ cùng làm việc với tác giả chính thức: thực ra đã có trường hợp Toà xử là tác giả chính thức đó, lúc bấy giờ không thể nào thay cộng tác viên của mình bằng người da đen đã được chỉ trong hợp đồng thuê mướn.

Cuối cùng cũng nên ghi nhớ rằng lời buộc tội là đã nhờ cậy vào sự phục vụ của một người cộng tác đã bị xem như vu khống trong dịp xuất bản cuốn sách của Simone Signoret *Nỗi nhớ nước không còn như xưa*[1].

• *Các bút danh, biệt hiệu*

Quyền được tôn trọng tên không hề buộc tác giả phải có sự rõ ràng hoàn toàn. Tác giả có thể giữ sự vô danh hay công bố tác phẩm dưới biệt hiệu. Nhưng khi tác giả không có ý muốn trái lại trong quá trình hình thành phát triển thì không thể đòi hỏi xét xử cấp tốc để bỏ tên mình trong công trình tập thể ở trường hợp mà định hướng của công trình không còn phù hợp với anh ta nữa[2].

Trái lại, nhà xuất bản không thể nêu tên thực của tác giả muốn giấu mặt dưới một biệt hiệu. Trong trường hợp nhà xuất bản để lộ, tác giả sẽ có thể dễ dàng được Toà án cho chấm dứt hợp đồng một cách bất lợi cho nhà xuất bản[3]. Tuy nhiên tác giả và nhà xuất bản phải có ý thức về những hậu quả pháp lý quan trọng của sự xét xử về vô danh hay biệt danh[4].

Dù là biệt hiệu hay tên họ khai sinh, việc lựa chọn bút danh cũng có thể trở thành một vấn đề tư pháp. Một vụ xét xử khá ngạc nhiên đã chứng tỏ điều đó.

Luật ngày 6 Quả nguyệt năm II cấm mọi công dân mang các tên và họ khác với tên họ trong giấy khai sinh. Nhưng việc sử dụng một biệt hiệu trong khuôn khổ của một hoạt động văn học hay nghệ thuật thì được cho phép, với điều kiện là

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 5-4-1979, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1979, số CII, 140.
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 26-11-1996, *Légipresse*, tháng 4-1997, tr 34.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 5-7-1979, Dalloz, 1981, Tóm tắt có bình luận, 84, nhận xét Claude Colombet.
[4] Xem chương VI "Thời hạn các quyền".

không xâm phạm các quyền của người khác. Khi đã được đặt ra, biệt hiệu đem lại cho người mang nó một quyền gần giống với quyền mà mỗi người được sở hữu trên tên họ khai sinh của mình. Nhưng ở chỗ này, cách phản ứng trước sự cạnh tranh là điều thiết yếu.

Trong dịp xuất bản một tiểu thuyết dưới biệt hiệu là Lec, Toà thượng thẩm Paris, ngày 8-7-1949, cho rằng " chấp nhận được khi nào một biệt danh được phổ biến trong công chúng và gắn liền với việc sử dụng lâu dài cho người đã chọn nó, người thứ ba có tên họ như biệt danh hiện nay không thể bắt bỏ nó đi được, nhất là cái tên họ này đã làm nên tiếng tăm của người đã đặt ra nó và đã trong nhiều năm rồi nó không phải là đối tượng của một yêu sách nào, hay của một sự phản đối nào". Trong trường hợp này, Le Lec khởi tố Lec, nhưng chính ông ta đã từ bỏ tên của chính mình. Các quan toà đã nêu rõ thế này: "nếu Le Lec, sau khi xuất bản dưới tên mình ba quyển thơ từ 1924 đến 1928, đã cho ra một tiểu thuyết trong năm 1927 và một quyển khác năm 1929, [...] thì về sau Le Lec đã chọn biệt hiệu Yann Le Coeur và đã chuyên sáng tác những tiểu thuyết dân gian".

Vụ án tế nhị nhất đã được Toà đại phúc thẩm Paris giải quyết dứt điểm ngày 7-12-1955 giữa hai Bernard Frank: "Poulailler, nhà văn được biết dưới biệt hiệu Bernard Frank đã [...] kiện Bernard Frank cũng là nhà văn, đòi ông này phải bị cưỡng chế không được dùng tên của ông để công bố bất kì tác phẩm nào, bất kì bài báo nào hay để đọc bất kì diễn văn nào trước công chúng".

Các quan toà bèn bắt đầu xem xét Bernard Frank thứ nhất: "Poulailler, trước làm sĩ quan hàng hải thương mại, rồi trong thời kỳ chiến tranh phục vụ trong hải quân, từ năm 1920 chuyên tâm vào văn học dưới biệt hiệu Bernard Frank, tạo thành bằng tên thường gọi của ông với tên thường gọi của một người họ hàng cũng là thuỷ thủ như ông, [...] ông đã công bố ở nhiều nhà xuất bản và đáng kể là ở Flammarion những tác phẩm phần lớn gồm những truyện du lịch và các chuyến mạo hiểm trên biển, [...] ông cũng tiến hành hoạt động diễn thuyết". "Tháng Ba 1953, nhà xuất bản Bàn Tròn đã phát hành dưới tên Bernard Frank một quyển sách nhan đề *Địa lí phổ thông*".

Họ liền tiến hành một sự so sánh văn học táo bạo: "Nếu đôi khi các quan toà có thể đi đến bắt buộc một cá nhân trong khi tiến hành hoạt động văn học hay nghệ thuật phải thêm vào tên mình một đặc điểm để tránh mọi tổn hại cho người trước đó, dưới cái tên ấy được dùng như một biệt hiệu, đã đạt được tiếng tăm thực sự, thì một biện pháp như thế trong trường hợp này không thể biện bạch được [...] quả vậy, nên nêu lên sự khác biệt tuổi tác hơn 40 năm giữa hai nhà văn; [...] từ khi bắt đầu sự nghiệp, Poulailler chủ yếu chuyên tâm vào một thể loại văn học mà cuộc đời trước đó và những chuyến đi đã đặc biệt chuẩn bị cho ông. [...] trong các sách, cũng như trong các bài nói chuyện của mình, ông chủ yếu gắn bó với việc ca ngợi

các kì công của hàng hải và đặc biệt là của hải quân Pháp. [...] Bernard Frank, trái lại, bước vào đời sống văn học dưới sự bảo trợ của Jean-Paul Sartre; [...] các sách của anh là những nghiên cứu về đời sống hiện đại luận giải theo tinh thần khác hẳn với tác phẩm của đối thủ. [...] các tác phẩm của anh phản ánh những quan niệm triết học, chính trị và văn học hoàn toàn đối lập với những quan niệm cơ bản trong các tác phẩm của nguyên đơn. [...] do đó, mặc dù tên để trùng nhau trên bìa các sách của hai tác giả, nhưng các nguy cơ nhầm lẫn trong công chúng chắc chắn là rất nhỏ".

Cuối cùng, những trục trặc trong cuộc sống vợ chồng đôi khi cũng không phù hợp với việc lựa chọn bút danh. Ngày 10-2-1981, Toà đại phúc thẩm Paris đã cấm một nữ kí giả tiếp tục công bố các sách về những "vợ của những kẻ thù công cộng" bằng cách sử dụng tên của người chồng cũ. Các quan Toà đã nhấn mạnh rằng "dù sao với tư cách nhà văn, Isabelle Dumas đã được nhận cái quyền dùng tên của đồng bọn của Wangel, bà ấy không phải vì thế mà vượt qua các giới hạn đặt ra cho việc thực thi các quyền pháp nhân của người khác, [...] không thể chối cãi được rằng tên của các nguyên đơn đã bị lạm dụng bởi bị đơn, nhiều lần để lẫn vào việc gợi lên một cách tự mãn và ồn ào cuộc sống của bọn tội phạm hình sự".

• *Việc trích dẫn nguồn gốc*

Việc trích dẫn nguồn gốc cũng là một "bắt buộc" mà nếu quên đi có thể trực tiếp đụng phải quyền được tôn trọng tên. Thật có ích và cũng thật khó khi làm một công trình xuất phát từ một chủ đề mà các học giả ta không thể bỏ qua được đã khai thác toàn bộ. Việc nhờ vào quyền trích dẫn là đặc biệt có thể. Nhưng luật lệ chủ yếu vẫn là luật trích dẫn nguồn gốc.

Điều L.122-5 của CPI[1] cho phép trích dẫn. Quyền trích dẫn cho phép vay mượn vài từ, kể cả vài dòng. Nhưng đó là trong điều kiện trích dẫn phải chỉ rõ tác giả được sao chép lại. Sự sao chép chỉ có giá trị "với điều kiện là phải chỉ rõ ràng tên của tác giả và nguồn gốc". Như Roland de Chaudenay xác định trong *Những kẻ đạo văn, quyển từ điển mới*, "chỉ sự vay mượn lén lút là sự đạo văn[2]".

Khi sự trích dẫn không được "ghi nguồn" một cách đúng đắn, thì những khởi tố thường xảy ra trên lãnh vực làm giả.

Nhưng cũng có khi tác phẩm hay công trình sao chép lại như thế không đủ điều kiện để bảo hộ bằng quyền tác giả. Lúc đó có thể kiện về cạnh tranh bất chính

---

[1] Xem chương VII "Các ngoại lệ ở quyền di sản".
[2] Xem Thư tịch học đại cương.

bằng cách chỉ ra "sự ăn bám[1]". Trên lĩnh vực này, tội đã thú đôi khi được hoàn toàn tha thứ.

Toà thượng thẩm Paris đã xét xử, trong một vụ kiện vang dội, ngày 14-1-1992[2], rằng "không thể trách cứ anh ta vì không trích dẫn nguồn gốc ngay từ lần xuất bản đầu tiên quyển tiểu thuyết, về tác giả một tác phẩm viễn tưởng không buộc phải cho biết những yếu tố nuôi dưỡng trí tưởng tượng của mình". Nhưng Jean Vautrin đã nói trong dịp trao giải thưởng: "Tôi xin cảm ơn Patrick Griolet mà công việc thận trọng và kiên trì của ông đã giúp tôi đem lại cho các nhân vật của cuốn sách này chân lí cảm xúc loé sáng từ ngôn ngữ và những bài hát Cadjin. Các tác phẩm *Từ ngữ của Louisianne và người Cadjin và Créole ở Louisiane* tạo thành một bức ảnh cốt yếu và sinh động của ngành ngôn ngữ này trong tiếng Pháp, không có nó tiểu thuyết không ra đời được". Tuyên bố này được ghi lại trong các lần xuất bản sau của cuốn tiểu thuyết.

Vì thế các quan toà đã đánh giá rằng: "không những không làm thiệt hại gì cho Patrick Griolet, mà việc xuất bản cuốn tiểu thuyết của Jean Vautrin và lời cảm ơn công khai đối với ông ta nhân dịp nhận giải thưởng Goncourt cũng như các bản in sau đó đã làm tăng thêm danh tiếng các tác phẩm của ông ta".

Cũng như thế trong vụ kiện chống một người tên là Le Clech, đã kí tên một bài báo đăng trong *Niên bạ của mười nghìn người Breton,* của Berruer, tác giả cuốn sách *Những người Breton di trú.* Trong một quyết định đề ngày 19-2-1987[3], Toà thượng thẩm Paris bắt đầu nêu lên rằng "Le Clech, suốt nhiều thập kỉ tiến hành những nghiên cứu về sự di trú của người Breton và một công việc tỉ mỉ của nhà sử học đã khiến ông có được những kiến thức vững chắc về đề tài; [...] trái lại, chẳng có gì trong các sự việc trước của Berruer, trừ một bà mẹ người Breton, chứng tỏ ông có đủ tư cách để viết một cuốn lịch sử người Breton di trú". Các quan toà kết luận về việc đó rằng: "trong chừng mực mà các đoạn khác nhau [...] chỉ có thể viết được nhờ những vay mượn trong các bài báo in rải rác của Le Clech, rõ ràng là Berruer có nghĩa vụ phải nêu tên của Le Clech để làm cho rõ sự đóng góp đáng kể của ông này đem lại sự hiểu biết những sự kiện tường thuật trong *Những người Breton di trú".*

Cũng cần kể thêm một cách thích đáng đến Roland de Chaudenay về chuyện lá thư của Henry de Montherlant gửi cho một độc giả trẻ. Độc giả này đã lục ra trong *Port-Royal* một câu "ngầm" của Bossuet. Montherlant thú nhận đã làm một thử nghiệm và kết luận về sự chú ý của học giả độc nhất này: "Anh bạn thấy đấy, đối với các tác giả Pháp thì tất cả mọi khó khăn về sáng tác văn học đã được giải

---

[1] Xem "Vụ án về cạnh tranh bất chính".
[2] Toà thượng thẩm Paris, 14-1-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả,* tháng 4 – 1992, tr 198.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 19-2-1987, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả,* tháng 10-1987, tr 201.

quyết cả rồi, bởi vì từ nay về sau, đến ngày mà họ chẳng còn gì để nói nữa thì chỉ cần vay mượn thật nhiều ở những người đi trước, mà hầu như hoàn toàn không bị phạt". Chính Rolland de Chaudenay đã trích dẫn đến Nicolas Mullenders.

Sự chiếm đoạt tên, nghĩa là hành động của một tác giả công khai tự nhận về mình một tác phẩm không phải của mình, không thuộc vào Luật quyền tác giả mà thuộc vào những ngành khác của Luật hình sự. Trường hợp này chỉ được vận dụng vào sự chiếm đoạt thực sự chứ không phải như việc sử dụng một người cộng tác kín đáo.

Cuối cùng, làm biến dạng tên của tác giả cũng có khả năng là mắc sai phạm[1].

Quyền được tôn trọng tác phẩm

Điều L.121-1 của CPI dự kiến cả quyền được tôn trọng của tác phẩm. Trong thực tế, đó là một trong các quyền tinh thần bị xâm phạm nhiều nhất, bởi vì rất hay có xung đột với các nhu cầu thiết yếu của nghề xuất bản. Luật này cấm nhà xuất bản về mọi hành động có thể xâm phạm đến tác phẩm mà họ công bố. Và sự tôn trọng mà nhà xuất bản phải giữ đối với tác phẩm, theo cách nhìn của luật pháp, lại biểu hiện dưới nhiều hình thức đặc biệt[2].

Chính vì thế, trước tiên là không thể nào có vấn đề nhà xuất bản, không được tác giả đồng ý vẫn tiến hành bắt tay xoá bỏ, thay đổi, làm biến chất, hay phụ thêm vào bản văn: chẳng hạn nhà xuất bản không được bỏ đi các đoạn[3], viết lại nhan đề các chương cũng không được xen vào những lời đối đáp[4]. Cũng vậy, pháp luật đã nhận định là nhà xuất bản không được tự ý thay đổi thứ tự các chương, thêm vào những minh hoạ[5], một lời nói đầu[6], thay đổi một danh mục tác phẩm[7] hay còn cả việc xúc tiến bán hàng mà không có sự đồng ý của tác giả[8].

Ở đây nữa, cũng như với các quyền tinh thần khác, nhà xuất bản không phải chỉ bằng lòng với thái độ cẩn thận đối với tác giả quyển sách mà thôi, họ còn phải lo cho không làm hư hại tác phẩm sao chép ở bìa[9] hay ở những trang phía trong bằng cách chỉ sao chép các phần trích, bằng cách "tô màu" hoặc bỏ đi các yếu tố

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 9-3-1994, chưa in.

[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 6-7-1965, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1965, số IIIL, tr 221. Toà thượng thẩm Versailles, 8-8-1981, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1981, số CX, tr 201.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 6-6-1979, Dalloz, 1981, Thông tin nhanh, 85, nhận xét Claude Colombet.

[4] M.Fabiani, "Quyền tác giả về sự toàn vẹn của tác phẩm", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1964, số XL, tr 79.

[5] Toà thượng thẩm Lyon, 25-6-1847, *Dalloz*, 1847, 2, 152.

[6] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-11-1987, *Dalloz*, 1989, Tóm tắt có bình luận, 46, Nhận xét Claude Colombet.

[7] Toà đại thượng thẩm Paris, 6-12-1976, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1978, số VC, tr160.

[8] Toà đại phúc thẩm Paris, 10-11-1971, *Dalloz*, 1972, Tóm tắt có bình luận, 147.

[9] Xem "Các nêu dẫn và phân tích".

của một ảnh chụp. Họ không bao giờ được quên rằng người minh hoạ hay người chụp ảnh cũng là tác giả, cần phải được họ thoả thuận trước khi tiến hành mọi thao tác có thể xâm phạm đến sự toàn vẹn của tác phẩm của họ. Việc đặt lại khuôn hình[1], sao chép ngược lại, cách "tô màu[2]", định khung, đều là xâm phạm quyền được tôn trọng của tác phẩm. dù cho bản chất và kích cỡ những thứ này là thế nào.

Nhà xuất bản không được tước bỏ đi như thế các đoạn có tính chất phân biệt chủng tộc nếu tác giả từ chối[3]. Lúc bấy giờ họ chỉ có thể yêu cầu pháp luật huỷ bỏ hợp đồng.

Nói rộng ra, luật pháp đã chấp nhận rằng nhà xuất bản không được phỉ báng tác phẩm và tác giả đã được đưa vào catalô của mình. Nhà xuất bản phải tránh công kích các quan niệm của tác giả, cho dù là thế nào[4].

Hơn nữa, sự tôn trọng mà nhà xuất bản phải giữ đối với tác phẩm không chỉ đơn thuần là vật chất và giới hạn trong việc cấm những sự sửa đổi và thêm thắt khác. Sự tôn trọng đó còn phải thể hiện đối với tinh thần của tác phẩm. Nhà xuất bản sẽ không thể tự ý in một vở bi kịch trong một tập các vở hài kịch, xuất bản dưới một hình thức không đúng thoả thuận trong hợp đồng hay còn tiến hành việc xuất bản những phần trích làm biến tính tác phẩm, ngay cả khi nguyên tắc của việc cắt phân đã được tác giả cho phép[5].

• *Các cải biên nghe-nhìn*

Sự xâm phạm đến quyền được tôn trọng của tác phẩm hay xuất hiện trong dịp cải biên một tác phẩm, chẳng hạn như từ một tiểu thuyết thành phim[6]. Ở đấy nữa, tinh thần của tác phẩm gốc phải được người cải biên tôn trọng. Cần phải tìm ra một khoảng cách đúng giữa sự thay đổi cần thiết của tác phẩm do cải biên và sự tôn trọng dự kiến theo luật định. Nếu thiếu những điều khoản rõ ràng trong hợp đồng (các điều khoản này có nhiều hạn chế[7]), trường hợp xảy ra tranh chấp, thì quyền xem xét tác phẩm có được tôn trọng hay không thuộc về các quan toà.

Để giảm bớt mọi xâm phạm quyền được tôn trọng tác phẩm, một số nhà văn không ngần ngại đòi hỏi một điều khoản tôn trọng đôi khi rất tỉ mỉ trong hợp đồng

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 11-6-1990, *Dalloz*, 1990, Thông tin nhanh, 191, Toà đại phúc thẩm Paris, 30-4-1997, *Báo của Toà án*, 17-18-V-1998, số137, tr 22.

[2] Toà thượng thẩm Versailles, 19-12-1994, *Dalloz*, 1995, Thông tin nhanh, 65.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 7-6-1982,*Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, 97, nhận xét Claude Colombet.

[4] Sách đã dẫn.

[5] Toà thượng thẩm Paris, 10-10-1957, *Báo của Toà án, 1958, I, 27.*

[6] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-5-1994, *Dalloz*, 1995, Tóm tắt có bình luận, 285.

[7] Toà đại phúc thẩm Seine, 27-5-1959, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1959, số XX, tr 149.

cải biên[1]. Về vấn đề này nên nêu ra một loại ngoại lệ hợp pháp cho phép một bên thứ ba kết thúc tác phẩm của một nhà văn giả định tự mình viết kịch bản cải biên từ tiểu thuyết của mình. Thật vậy, theo điều L.121-6 của CPI, liên quan đến các tác giả tác phẩm nghe-nhìn (mà về tư cách, luật pháp xem là tác giả của tiểu thuyết cải biên), "nếu một trong những tác giả từ chối hoàn thành phần đóng góp vào tác phẩm nghe-nhìn hoặc thấy không có khả năng hoàn thành phần đóng góp này trong trường hợp bất khả kháng, thì anh ta không thể phản đối việc dùng phần đóng góp đã thực hiện, vào việc hoàn thành tác phẩm. Anh ta sẽ có tư cách tác giả về phần đóng góp đó, và được hưởng các quyền từ đó mà có".

Việc chọn Alain Delon đưa lên truyền hình đóng vai nhân vật cực tả nguyên gốc là tưởng tượng của Jean-Claude Izzo, đã gây ra một cuộc tranh luận rất gay gắt giữa những người am hiểu[2]. Cuộc tranh luận này chỉ là một biểu hiện mới của sự xung đột còn cổ điển hơn, nó luôn luôn đối lập quyền tinh thần của các nhà văn và chính bản chất của cải biên...

Sự tranh chấp có thể nảy sinh về những chỗ cắt đi trong tình tiết về việc chuyển sang bối cảnh khác với quan niệm của tiểu thuyết gia, v.v... Quyển *Hội thoại của các nữ tu sĩ dòng Carmel* là một trường hợp tiêu biểu về vấn đề này. Các quan toà của Toà phá án năm 1966 đã kết luận[3]về tự do của người cải biên trong khi nhắc nhở không được làm biến chất quyển sách... Quyền tinh thần là vĩnh viễn và không biết đến lĩnh vực công cộng. Cũng năm 1966, toà án đó lại quan tâm đến yêu cầu của Hội Nhà văn về cải biên cho điện ảnh từ cuốn sách *Các quan hệ nguy hiểm*[4].

Tiền đặt vào hoạt động nghe-nhìn và những hậu quả tài chính lớn của mọi tranh chấp khiến người ta phải thận trọng. Sự dàn xếp trước trong hợp đồng các khó khăn có thể có là giải pháp tốt nhất.

Điều chắc chắn là, quyền tinh thần "gắn liền" với nhân thân tác giả, và vì vậy, về lí thuyết, không thể chuyển nhượng theo hợp đồng. Tuy nhiên, vẫn có thể dàn xếp được, như là Toà thượng thẩm Paris đã nhấn mạnh, năm 1970, trong việc cải biên của Fantômas với Louis de Funès[5].

Như vậy thường có qui định rằng "người sản xuất sẽ có quyền đem đến cho tiểu thuyết mọi sửa đổi mà anh ta nhận thấy có ích cho các nhu cầu cải biên điện ảnh". Nhưng đồng thời cũng khẳng định rằng "trong trường hợp các thay đổi, thêm vào, bớt đi đó không được tác giả tán thành, thì tác giả có quyền cấm người sản

---

[1] Xem "Mẫu hợp đồng nhượng các quyền cải biên nghe nhìn".
[2] Toà thượng thẩm Paris, 28-5-1974, *Dalloz*, 1974, tr 685
[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 22-11-1966, *Dalloz*, 1967, tr 485, ghi chép Henri Desbois.
[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 6-12-1966, *Tam cá nguyệt san luật dân sự*, 1967, tr 505, nhận xét Henri Desbois.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 23-11-1970, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1971, trg74.

xuất hay các chủ sở hữu của anh ta ghi tên tác giả và nhà xuất bản trên quảng cáo và trong đoạn phim giới thiệu, nhưng tác giả sẽ không có một trường hợp nào ngăn cản được việc phát hành và khai thác bộ phim".

Đôi khi còn dự kiến quyền hạn của tác giả và các chủ sở hữu là được cho xem kịch bản, thậm chí cả tên của nhà soạn kịch bản và toàn bộ các diễn viên trong phim. Một đặc quyền như vậy chỉ đạt được nhờ một tương quan lực lượng vào một lần nhà xuất bản, do thành công của tác giả, gây áp lực lên quá trình thương lượng.

Cũng vậy, nhiều người bắt bẻ về việc ghi trên đoạn phim giới thiệu người làm phim và các cộng sự, và sẽ không thích phần quảng cáo – tốt hoặc xấu – của một số phim. Vì thế mà khán giả ngây thơ và đôi khi là độc giả tự hỏi về ý nghĩa của bảng giới thiệu dài dòng gồm nào là "rút ra từ", nào là "theo ý tưởng của", nào là "cải biên tự do"...

CPI đưa vào điều L.113-7 tác giả của một tác phẩm "nguyên gốc" còn được bảo hộ, có trước tác phẩm nghe nhìn, vào với các tác giả của tác phẩm mới[1]. Nói rõ ra là người đã đứng tên quyển sách phái sinh ra phim, về mặt luật pháp có qui chế là đồng tác giả của cuốn phim đó.

Hơn nữa, CPI xem như các đồng tác giả khác đặc biệt bên cạnh người dựng phim, là "tác giả kịch bản", "tác giả cải biên" và "tác giả lời thoại".

Thế nhưng, các nhà sản xuất thường yêu cầu các nhà văn tham gia viết phim cải biên từ tiểu thuyết của chính họ. Vấn đề ở đây là tìm đến tài năng, hoặc tìm đến sự yên ổn...

Điện ảnh là một cỗ máy rất lớn vừa nhờ vào những đầu tư quan trọng vừa nhờ có số đông người can dự đã thành công trong việc xoá bỏ quyền tinh thần truyền thống của những người đã không cưỡng nổi trước những quyến rũ hay trước những tấm séc của nó.

Điều khoản đôi khi đưa vào trong các hợp đồng xuất bản cho phép nhà xuất bản tuỳ ý thay đổi hay làm biến chất, tất nhiên là chưa từng có. Chỉ cần đối chiếu với các điều khoản luật về hợp đồng xuất bản để thấy rõ rằng "nhà xuất bản không thể đưa vào bất kì một thay đổi nào nếu không có giấy cho phép của tác giả". Sự cho phép này phải xảy đến sau khi đã kí hợp đồng, khi tác giả đã có khả năng đánh giá tầm quan trọng của sự sửa đổi được đề nghị. Và chính nguyên tắc không thể nhượng các quyền tinh thần[2] khẳng định sự cấm đoán này. Ở lĩnh vực này, nhà xuất bản thực sự ở địa vị yếu về pháp luật.

---

[1] Xem "Các tác phẩm hợp tác".
[2] Xem "Tính chất các quyền tinh thần".

Tuy vậy, trong trường hợp các công trình khoa học, thực hành, tham khảo thường dùng, v.v... luôn có những sự sửa đổi do việc cập nhật, đều được dự kiến trong hợp đồng và châm chước bằng quyền sử dụng. Luật pháp cũng chấp nhận dễ dàng hơn những sửa đổi do nhà xuất bản đưa vào một tác phẩm tập thể để đảm bảo sự đồng nhất[1].

Các kỹ thuật số thực chất là đả động mạnh đến một quyền tinh thần như vậy: ngày nay người ta muốn dùng kĩ thuật số để sửa lại một hình ảnh, thay đổi nó theo ý muốn. Tuy nhiên, các toà án không chấp nhận việc làm suy yếu quyền tôn trọng tác phẩm. Nhà xuất bản sẽ không thể viện dẫn tính đặc thù của truyền thông đa phương tiện để tự cho phép mình thực hiện đủ thứ biến chất[2]. Họ càng cần phải cẩn thận cảnh giác rằng từ khi ra Luật 3-7-1985 cũng đã có những quyền tinh thần lợi cho các nghệ sĩ biểu diễn (tôn trọng việc trình diễn, tôn trọng tên và chất lượng).

Quyền lấy lại hay nghĩ lại

Cuối cùng, điều L.121-4 của CPI cấp cho tác giả một đặc quyền thực sự khác biệt với luật chung. Đó là vấn đề "quyền lấy lại hay nghĩ lại[3]". Nhờ có quyền này tác giả có thể huỷ bỏ việc công bố tác phẩm của mình. Bất kể mọi cam kết trong hợp đồng, tác giả có thể lấy lại bản thảo và nếu tác phẩm đã được công bố rồi thì có thể đình chỉ không cho bán[4]. Quyền thái quá này tất nhiên là được đặt trong khuôn khổ rất chặt: một mặt tác giả phải chịu bồi thường mọi thiệt hại cho nhà xuất bản, mặt khác trong trường hợp tác giả huỷ bỏ quyết định của mình thì anh ta phải đưa lại tác phẩm cho chính nhà xuất bản đó trước khi đưa cho các nhà xuất bản khác với đúng những điều kiện đã kí kết trước đó[5]. Tác giả chỉ được thi hành đặc quyền này một cách đặc biệt quá mức so với luật chung vì lí do thuần tuý là tinh thần. Trong bất kì một trường hợp nào, các lí do về tiền bạc cũng không thể can thiệp vào[6]. Nếu anh ta có thể dựa vào những lo lắng tinh thần để thi hành quyền lấy lại hay nghĩ lại của mình, anh ta không thể vin vào việc thù lao quá thấp.

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 14-6-1897, Juris-Data, số 0240242. Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 8-10-1980, Dalloz, 1981, Thông tin nhanh, 86, nhận xét Claude Colombet. Phòng dân sự thứ nhất. Toà phá án, 16-12-1986, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1987, số CXXIX, tr 183.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 29-4-1998, chưa in Sophie Dangu, "Truyền thông đa phương tiện: cần nghĩ lại quyền tinh thần", *Tập san Lamy luật tin học*, số 74, tháng 10-1995, André Lucas, "Quyền tác giả trong thời kĩ thuật số", Pasitif, tháng 5-1997, số 435, tr 80.

[3] A. Iomasco, "Quyền nghĩ lại của tác giả", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1975, số LXXXIII, tr 21.

[4] Phòng xã hội Toà phá án, 8-5-1980, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1981, số CVII, tr 148.

[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 27-10-1969, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1970, số LXIII, tr 235.

[6] Phòng dân sự Toà phá án, 14-5-1991, Tuần lễ pháp lí (JCP), II, 21760, ghi chép Frédéric Polland-Dulian.

Vụ kiện Cioran lên Toà án Paris là do người thừa hành di chúc của nhà văn Roumanie chống nhà xuất bản Herne. Sự xung đột xung quanh một văn bản thời thanh niên mà tác giả từ bỏ đã đưa ra ánh sáng quyền lấy lại hay nghĩ lại.

Tính chất các quyền tinh thần

Các quyền tinh thần có một vài tính chất khiến cho các quyền này mạnh hơn các quyền di sản. Đoạn văn thứ hai của điều L-121-1 phát biểu trước tiên rằng quyền tinh thần gắn liền với cá nhân của tác giả. Điều đó có nghĩa là nó không thể chuyển khi tác giả còn sống. Cũng điều đó đã khẳng định thêm rằng các quyền tinh thần là không thể chuyển nhượng. Tác giả không thể bị tước mất quyền đó bằng bất cứ cách gì.

Tác giả lại cũng không thể chuyển nhượng các quyền đó: mọi điều khoản trái ngược ghi vào hợp đồng đều vô hiệu[1]. Trái lại luật của Hoa Kì cho phép và còn khuyến khích sự chuyển nhượng quyền tinh thần của tác giả cho người cùng kí kết. Tuy vậy, các nhà xuất bản Pháp không mắc lừa. Ngay cả khi tác giả Hoa Kì đồng ý, một cách tương đối tự do cho một vài thay đổi trong tác phẩm của mình ở Hoa Kì, anh ta vẫn có quyền đòi hỏi rút lại ý muốn của mình đối với những gì liên quan đến xuất bản của Pháp. Vấn đề ở đây chỉ là một sự chuyển đổi sang môi trường văn học của nguyên tắc nêu ra bởi Toà phá án trong việc "tô màu" bộ phim của John Huston *Rừng rậm rải nhựa (The Asphalt Jungle)*. Những nhà dựng phim Mỹ đã tự do "tô màu" bộ phim. Nhưng Angelica Huston, người thừa kế của nhà dựng phim đã có thể cấm chiếu ở Pháp cuốn phim mới làm này[2].

Trái lại, CPI thêm rằng các quyền tinh thần có thể truyền lại cho những người thừa kế vì cái chết. Ngoài ra CPI chỉ ra các quy tắc chuyển giao phải theo trong trường hợp thừa kế theo di chúc. Hơn nữa, điều L.121-1 của bộ luật này qui định rằng "việc sử dụng này có thể được giao cho một người thứ ba theo như các điều khoản thừa kế". Vấn đề ở đây là trường hợp của người thi hành thừa kế[3].

Ngoài ra, tác giả không thể từ bỏ các quyền tinh thần của mình. Không có điều khoản nào có thể làm anh ta từ bỏ thực hiện các quyền tinh thần. Lúc sống, chỉ một mình tác giả là có thể được xem là có khả năng đánh giá các điều kiện tinh thần phải đi kèm theo sự công bố sáng tạo của mình. Điều đó có nghĩa là các quyền tinh thần phải loại trừ khỏi những tài sản đặt trong phạm vi đề cập của chế độ hôn nhân cũng như khỏi tất cả các sự phân chia do kết quả của việc li hôn[4].

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 14-6-1950, *Báo của Toà án*, 1950, 2, 78. Toà thượng thẩm Paris, 15-12-2004, "Barbelivien". *Truyền thông thương mại điện tử*, 2005, tr 45, nhận xét Christophe Caron.

[2] Toà thượng thẩm Versailles, 19-12-1994, *Dalloz*, 1995, Thông tin nhanh, 65.

[3] Xem "Những người thi hành thừa kế".

[4] Xem "Quyền tác giả và chế độ tài sản vợ chồng".

Dĩ nhiên là các quyền tinh thần của tác giả không thể bị tước đi. Điều L.121-1 của CPI khẳng định tiếp theo rằng các quyền tinh thần cũng là vĩnh viễn. Thật vậy, chúng có thể thực hiện sau khi tác giả chết và sau khi hết hạn các quyền thừa kế gắn với tác phẩm. Các quyền đó thực sự là vĩnh viễn[1]. Chính vì thế mà những người thừa kế của Victor Hugo đã có thể, trong năm 1964 (lúc đó tác phẩm đã rơi vào lĩnh vực công cộng từ nhiều năm rồi) can thiệp chống lại một lần xuất bản cuốn *Những người khốn khổ* được trình bày dưới dạng rút ngắn ở mức tạm ổn[2]. Cũng như vậy, họ đã có thể yêu cầu trừng phạt "phần tiếp" của tác phẩm đó trong năm 2004[3].

Các quyền tinh thần không thể mất hiệu lực. Do vậy, chúng không thể chịu số phận của các quyền khác, do lơ là có thể trở thành tài sản của người khác sau một số năm. Chúng không thể làm đối tượng cho một thời gian hiệu lực được sở hữu. Ngay cả khi một sự xâm phạm đã được tha thứ trong nhiều năm, người thực thụ có các quyền tinh thần vẫn luôn luôn có quyền can thiệp để bắt nó phải chấm dứt.

Cuối cùng, các quyền tinh thần được xem là gần như tiên quyết: tác giả có thể thực thi nó gần như tự do. Tuy nhiên, cũng như quyền lấy lại hay nghĩ lại không thể lấy tiền làm cơ sở, những sự lạm dụng và những hành động chi phối bởi ý muốn chọc tức không thể tránh khỏi những sự truy tố trước pháp luật[4].

---

[1] B. d'Ormesson – Kersaint, "Sự bảo hộ các tác phẩm thuộc lĩnh vực công cộng". *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1983, số CXVI, tr 73.

[2] Toà đại phúc thẩm Seine, 15-5-1964, *Dalloz*, 1964, 746, nhận xét Henri Desbois.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 31-3-2004, *Dalloz*, 2004, luật học, tr 2023.

[4] Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 5-6-1984, *Dalloz*, 1985, Thông tin nhanh, 312, nhận xét Claude Colombet. Xem "Quyền tinh thần và sự lạm dụng hiển nhiên của các đại diện tác giả quá cố". Xavier Agostinelli "Các ranh giới cho quyền tinh thần của tác giả". *Tập san nghiên cứu pháp luật*, 1993, Thời luận, tr 97. Frédéric Polland-Dulian, "Sự lạm dụng quyền và quyền tinh thần", Dalloz, 1993, Thời luận, tr 97.

IV

Sự thực thụ các quyền

Vấn đề ở đây là biết ai nguyên lai sở hữu các quyền trên một tác phẩm. Người thực thụ ban đầu này về sau có thể thực hiện một việc chuyển nhượng chỉ các quyền tài sản mà thôi, còn các quyền tinh thần không thể chuyển nhượng được, mà chỉ có thể truyền kế vì cái chết[1].

Một vài nguyên tắc cơ bản chi phối sự thực thụ các quyền sở hữu văn học và nghệ thuật. Chúng cũng được áp dụng vào một số hoàn cảnh đặc biệt dự kiến bởi cơ quan lập pháp và thường xuyên được pháp chế xem xét.

Các nguyên tắc căn bản

Theo luật của Pháp thì trước tiên tác giả là người thực thụ ban đầu của các quyền sở hữu văn học và nghệ thuật đối với tác phẩm của mình. Vả lại, luật của Pháp gọi là "quyền... tác giả", trong lúc luật của các nước Anglo-Saxon, ít thuận lợi cho những người sáng tạo, dựa trên một hệ thống copyright. Vậy theo luật chung thì ngay từ đầu tác giả được cấp mọi quyền trên tác phẩm của mình. Điều L111-1 của CPI (tức là điều đầu tiên của bộ luật) thừa nhận nguyên tắc này: "Tác giả của một tác phẩm trí tuệ được hưởng trên tác phẩm đó, chỉ riêng vì công việc sáng tạo của mình, một quyền sở hữu tài sản vô hình duy nhất và chống lại được với mọi quyền khác".

Nguyên tắc cốt yếu thứ hai về mặt thực thụ các quyền là chỉ một cá nhân cụ thể là tác giả mà thôi. Một cá nhân tinh thần - hội, hiệp hội, v.v... rõ ràng không thể có tư cách tác giả[2], ngay cả khi nó có thể dưới những điều kiện nào đấy[3], được nhượng toàn bộ các quyền tài sản. Tuy nhiên, vẫn có một ngoại lệ liên quan đến những tác phẩm gọi là tập thể, mà sự thực thụ các quyền có thể khởi thuỷ qui thuộc vào một cá nhân tinh thần[4].

---

[1] Xem "Các quyền tinh thần" và Chương V "Quyền tác giả, các chế độ tài sản và sự thừa kế".

2 Pierre Frémond, "Các quyền tác giả của một cá nhân tinh thần" Tập san quyền tác giả, 1989, số 13, tr 6. Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 17-3-1982, *Tuần lễ pháp lí* (JCP) 1983, II, 20054, ghi chép Plaisant.

3 Xem "Giải thích theo nghĩa hẹp những chuyển nhượng".

4 Xem "Những tác phẩm tập thể". Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 17-3-1982, *Tuần lễ pháp lí* (JCP) 1983, ghi chép Plaisant.

Sự suy đoán về tư cách tác giả

Các nhà in cần đặc biệt chú ý đến những tên in trên bìa một cuốn sách (từ trang đầu đến trang thứ tư, qua cả các phần gập lại) cũng như ở trong sách (trang nhan đề, trang copyright, danh sách những người được tham khảo và được "cảm ơn"...)

Những việc ghi tên người thực sự có - hoặc không - tham gia vào việc soạn ra cuốn sách, chẳng phải không có hậu quả pháp lý: hậu quả này đôi khi cũng phiền toái cho sự thực thụ các quyền.

Điều L.113-1 của CPI qui định rằng "trừ khi có chứng cứ ngược lại tư cách tác giả thuộc về người hoặc những người mà dưới tên của họ tác phẩm được công bố". Cá nhân có tên được đề trên một tác phẩm, do đó, trở thành người thực thụ trước hết các quyền sở hữu văn học và nghệ thuật.

Chế độ áp dụng được cho việc xuất bản như vậy, chẳng có gì giống với trường hợp tác phẩm nghe-nhìn mà cơ quan lập pháp đã kê ra một danh sách rõ ràng các tác giả được suy đoán[1]: "người dựng phim", "tác giả cải biên", "tác giả lời thoại", "tác giả các bài nhạc có hoặc không lời đặc biệt sáng tác cho phim" v.v... Nói rõ ra, tên một nhân vật được đặt nhập nhằng trên bìa một quyển sách, nhưng anh ta lại không viết lấy được một dòng nào trong quyển sách đó, cũng cho phép anh ta có ác ý đòi hỏi một phần tiền bản quyền tác giả.

Cũng vậy, người ta đã xét xử rằng việc ghi trên trang nhan đề tên của những người nấu bếp được thuê làm các món ăn dành để minh hoạ một quyển sách nấu ăn, có giá trị đối với họ thuộc hàng đồng tác giả bên cạnh người soạn các bài và người nhiếp ảnh[2]. Một nghệ sĩ điêu khắc cũng được một cấp toà án thừa nhận tư cách đồng tác giả của một quyển sách dành cho nghệ thuật hư ảo của điêu khắc mà trình độ chuyên môn của anh ta được đánh giá là đóng vai trò cố vấn.

Các vấn đề có thể xuất hiện khi mà thay cho lời cảm ơn, nhà văn và nhà xuất bản đã có sơ suất ghi là "với sự cộng tác (đáng mến) của". Nguy cơ đối với sự khinh suất ấy là đánh giá đó là tác phẩm hợp tác[3]. Bởi chưng, điều L.113-3 của CPI chỉ rõ đặc biệt là "tác phẩm hợp tác là sở hữu chung của các đồng tác giả".

Và mọi người đều biết rằng tình bạn đâu phải là trường cửu; tình cảm đó có thể suy biến nhanh chóng thành một ý muốn điên cuồng về mặt tư pháp, để nhận được một phần thành quả của việc bán sách của những người mà ta từng yêu mến và ủng hộ.

---

[1] Xem "Các tác phẩm nghe nhìn".
[2] Toà thượng thẩm Paris, 21-11-1994, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1995, trang 381.
[3] Xem "Các tác phẩm hợp tác"

Cũng vậy, đôi khi những "người cộng tác kín đáo[1]" hay những người được phỏng vấn – họ là những tác giả đúng nghĩa theo luật pháp – chống lại: lúc đó họ có thể dễ dàng sử dụng sự ghi nhận phần "đóng góp" để bộc lộ sự cay đắng[2] của họ trước pháp luật.

Nhiều nhà xuất bản tìm cách đánh giá những tác phẩm do nhiều người viết là những tác phẩm tập thể chứ không phải là tác phẩm hợp tác[3]. Chúng ta hãy nhớ lại rằng điều L.113-5 của CPI nói rõ: "Trừ chứng cứ ngược lại, tác phẩm tập thể là sở hữu của cá nhân cụ thể, hay tinh thần mà dưới tên của người đó nó được công bố. Người đó được cấp các quyền tác giả".

Nhưng theo văn bản của điều L.113-2 bộ luật này thì "gọi là tập thể tức là tác phẩm được tạo ra do sáng kiến của một cá nhân cụ thể hay tinh thần đã in, xuất bản và công bố nó dưới sự chỉ đạo và tên của người đó [...]". Vậy cần phải đặc biệt thận trọng về "bảng giới thiệu người tham gia" của sách và nhất là về việc ghi "dưới sự chỉ đạo của".

Việc áp vào kí hiệu © – việc này còn cần thiết ở Hoa Kỳ cho tới mấy năm gần đây – không được cấp một quyền nào theo tư cách là quyền cả. Nói chính xác, kí hiệu chữ đầu này cho phép trong thực tế chỉ ra người thực thụ các quyền và nhắc nhở rằng tác phẩm được bảo hộ[4]. Vậy, vấn đề xấu nhất cũng là một sự suy đoán, nó có thể bị lật ngược bởi chứng cứ trái lại, như đã được nhắc nhở ở toà thượng thẩm Paris năm 1993[5].

Hợp đồng lao động

Theo đoạn cuối của điều L.111-1 của CPI, "sự hiện hữu hay kí kết một hợp đồng thuê làm việc, hay phục vụ bởi một tác giả một tác phẩm trí tuệ không hề mang theo một sự vi phạm nào đối với việc hưởng quyền được công nhận ở đoạn thứ nhất[6]".

Bộ luật vốn từ đầu rất rõ ràng: ngay cả khi tác giả dính líu bởi một hợp đồng lao động hay một hợp đồng công trình – "hợp đồng thuê làm việc hay dịch vụ" – thì anh ta vẫn giữ được toàn bộ các quyền tác giả[7]. Một xí nghiệp thực phẩm nông

---

[1] Xem "Những người "da đen""

[2] Xem Christophe Caron, "Những "người da đen" và quyền tác giả" *Đời sống tư pháp*, 24-1-1994, tr 7.

[3] Xem "Các tác phẩm tập thể".

[4] Xem "Các tiêu chuẩn bảo hộ tác phẩm".

[5] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 24-11-1993, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1984, tr 134.

[6] Tức là vào sự hưởng thụ của tác giả về các quyền sở hữu văn học và nghệ thuật.

[7] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 16-12-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1993, số CLXVI, tr 193, ghi chép Pierre Sirinelli.

nghiệp sẽ không thể, chẳng hạn như đòi các quyền trên quyển tiểu thuyết viết bởi những nhà nghiên cứu mà nó sử dụng.

Pháp chế, tuy vậy, thừa nhận cấp các quyền tác giả cho người chủ thuê, nếu tập hợp được một số điều kiện.

Điều đầu tiên của các điều kiện đó là sự hiện hữu trong hợp đồng lao động, một điều khoản ghi rõ sự chuyển nhượng tự động các quyền tác giả có lợi cho chủ thuê[1].

Trong lĩnh vực này không có suy đoán về chuyển nhượng[2], hay chuyển nhượng ngầm ngoài một sự khai thác đầu tiên được hiểu rõ ràng như hàm ý giữa hai bên: thiếu điều khoản chuyển nhượng, một nhà xuất bản tạp chí sẽ có tư cách công bố một lần đầu công trình của một biên tập viên, nhưng không có một trường hợp nào được quyền sử dụng lại. Có những quyết định tư pháp cũ hoặc tách biệt và càng ngày càng bị chống đối, đã chấp nhận những chuyển nhượng ngầm. Không nên bị đánh lừa về tầm quan trọng của các quyết định không chắc chắn đó của các toà án: việc chuyển nhượng các quyền theo qui tắc chung là lệ thuộc vào việc ghi rõ ràng và chi tiết trong hợp đồng lao động[3].

Nhà xuất bản sẽ có thể dựa theo điều khoản sau đây:

Điều số – Sở hữu vật chất và tinh thần của các kết quả thực hiện của người làm công

Người làm công nhượng cho chủ thuê, trong khuôn khổ hợp đồng lao động này, sở hữu vật chất và tinh thần của các tác phẩm mà anh ta tuỳ trường hợp phải thực hiện cho chủ thuê.

Với tư cách này, anh ta một mặt nhượng lại cho chủ thuê sở hữu vật chất các nguyên bản (những bản viết tay, ký họa, Ektachrome, phim đảo ảnh, các tập tin kỹ thuật số) của các kết quả thực hiện của mình.

Mặt khác, người làm công nhượng lại dứt khoát và với tư cách độc quyền, và lần lượt theo sự thực hiện toàn bộ các quyền sở hữu tài sản trí tuệ thuộc phần các kết quả thực hiện của anh ta trên mọi lãnh thổ của toàn thế giới và cho mọi thời gian kéo dài của quyền sở hữu văn học và nghệ thuật theo luật pháp của Pháp, cũng như của nước ngoài và các công ước quốc tế, hiện thời và tương lai, kể cả các gia hạn có thể có về sau cho thời hạn này. Được hiểu dứt khoát là sự chuyển nhượng này sẽ còn kéo dài ra ngoài việc kết thúc hợp đồng này, bất chấp nguyên nhân nào.

---

[1] Phòng hình sự Toà phá án, 11-4-1975, *Dalloz*, 1975, 759, ghi chép. Henri Desbois.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 30-6-1982, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1982, số CXIV, trang 193.

[3] Xem "Giải thích hạn chế các sự chuyển nhượng".

Các quyền đó sẽ được khai thác trực tiếp hay chuyển nhượng, bởi chủ thuê không phải trao đổi với người làm công và bao gồm toàn bộ các quyền sao chép, biểu diễn, gồm có:

- Quyền sao chép dưới mọi hình thức xuất bản sách và đáng kể là hình thức thông thường, sang trọng (số lượng phát hành hạn chế hoặc không) nửa sang trọng, đóng bìa, có minh họa, bình dân, bỏ túi (còn gọi là phổ biến rộng) ở câu lạc bộ, cho nhà trường, để phê bình hay hợp tuyển.

- Quyền sao chép toàn bộ hay từng phần trong các báo và ấn phẩm định kỳ bằng bưu thiếp, áp-phích, bích trương, catalô, sổ nhật kí, giá bày sản phẩm, đồ chơi dưới mọi hình thức giống như hiện có và sẽ có;

- Quyền sao chép toàn bộ hay từng phần dưới hình thức quần áo, sản phẩm mĩ nghệ để bày trong tủ, các dụng cụ văn phòng phẩm và dưới mọi hình thức phái sinh khác hiện có hay sẽ có;

- Quyền sao chép và trình diễn bằng photocopy, microcac, microphich hay microphim, chụp lại, sao kĩ thuật số dùng riêng, hoặc bằng mọi phương thức tương tự hiện có hay sẽ có dù là điện tử, analôgic, từ tính hay kĩ thuật số;

- Quyền sao chép, trình diễn và cải biên dưới hình thức xuất bản điện tử, nói riêng bằng CDrom, CD-1, CD-photo, DVD và bằng mạng số đáng kể là Internet, điện thoại cố định, di động hay bằng mọi phương pháp thực hiện khác đang có hay sẽ có;

- Quyền truyền đạt tới công chúng, ở mọi nước bằng triển lãm, biểu diễn sân khấu, biên đạo múa hay âm nhạc, hát thính phòng hay mọi cách thức phổ biến lời, âm và hình ảnh, sao chép và trình diễn dưới mọi hình thức và phương tiện, những sự truyền đạt và cải biên sẽ được làm như thế;

- Quyền cải biên, trình diễn và sao chép toàn bộ hay từng phần cho điện ảnh, truyền hình và nói chung, mọi phương thức khai thác hiện có hay sẽ có của các tác phẩm nghe-nhìn và đáng kể là dưới hình thức phim dương, đĩa video, video cassette hay hệ thống lưu trữ chương trình nghe-nhìn khác;

- Quyền trình diễn và sao chép, kể cả cho các cải biên, toàn bộ hay một phần bằng mọi cách thức trình diễn hiện có hoặc sẽ có, và đáng kể là chiếu công cộng và truyền hình bằng mọi phương tiện hiện có hay sẽ có và đáng kể là bằng cáp, đường Hertz, vệ tinh và truyền đến nơi công cộng hay tư nhân, tác phẩm truyền hình;

- Quyền truyền đạt đến công chúng toàn bộ các sao chép, trình diễn và cải biên nêu trên bằng mọi phương tiện, bán, cho thuê, cho mượn hay mọi cách thức truyền đạt tới công chúng hiện có hay sẽ có.

Với mỗi việc sử dụng được thực hiện từ những công việc của người làm công, chủ thuê cam kết chỉ rõ tên người làm công. Chủ thuê, tuy nhiên không buộc phải

có trách nhiệm về những thiếu sót do các bên thứ ba mà ông ta sẽ nhượng hay cùng nhượng một quyền sử dụng.

Khó khăn gắn liền với việc cấm nhượng toàn bộ tác phẩm. Một trong những khó khăn quan trọng nằm trong lời văn chính xác của các điều khoản tương lai. Điều L.131-1 của CPI, qui định rằng "sự nhượng toàn bộ các tác phẩm tương lai là vô hiệu", cái đó, cho đến nay, bắt buộc phải có mẹo soạn ra những điều khoản mà theo ngôn từ của chúng thì "sự chuyển nhượng diễn ra dần dà theo với sự sáng tạo tác phẩm"...

Sự xét xử có thẩm quyền nhất hiện nay vẫn chưa quan tâm đến tính hiệu lực của công thức đó. Vì vậy, càng ngày càng có nhiều tranh cãi về khả năng bố trí điểm này của CPI cho trường hợp đặc biệt của các tác giả làm công ăn lương.

Cố vấn Nhà nước Raphael Hadas - Lebel, đã nộp một báo cáo về đề tài này ngày 5-12-2002, và đã được trình bày lên Hội đồng tối cao của Luật sở hữu văn học và nghệ thuật[1]. Tuy vậy, tác giả báo cáo đã có nhiều băn khoăn đối với việc lật ngược quyết định của luật hiện nay, bởi vì điều đó dẫn đến phá bỏ các nguyên tắc quan trọng trong nhận thức của Pháp về quyền tác giả. Ông chỉ gợi ra một vài hướng tìm tòi liên quan đến hoàn cảnh các nhà báo.

Ngoài khó khăn có thể có đó, các toà án chấp nhận đầy đủ loại điều khoản này. Toà phá án cũng đã nhận định ngày 3-4-2002[2] về hợp đồng của một nữ trưởng bộ môn "tiếng Pháp" của một nhà xuất bản từ điển, là không thể bị huỷ bỏ vì nguyên do "ép buộc". Các quan toà đã khẳng định rằng "chỉ riêng sự khai thác lạm dụng hoàn cảnh lệ thuộc kinh tế để trục lợi, về sự sợ hãi một chuyện xấu đe doạ trực tiếp quyền lợi chính đáng của cá nhân đã, có thể làm cho sự thoả thuận của bà ấy trở thành không hợp thức vì sự cưỡng bức".

Hơn nữa điều cần thiết là tác phẩm của người làm công tương ứng với loại hình hoạt động của chủ thuê, được các hội định nghĩa một cách tổng quát là đối tượng xã hội - mô tả trong điều lệ của hội[3]. Tác giả là người đã tạo ra tác phẩm, nhưng chỉ giữ được trên tác phẩm đó các quyền tinh thần[4] (quyền được tôn trọng tên, quyền được tôn trọng tác phẩm v.v...), vì các quyền tài sản đã tự động qui thuộc về người chủ thuê. Nếu hợp đồng lao động chứa đựng điều khoản thích hợp, người nghiên cứu về thực phẩm nông nghiệp có thể mất các quyền sao chép và trình

---

[1] Site Internet: <https//www.culture.gouv.fr/cspla/cr051202.pdf>.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 21-2-1984, *Báo của Toà án*, 1984, 2, 294.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 20-4-1989, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1990, số CXXXIII, xem 317. Xem "Các quyền tinh thần".
4 Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 27-5-1986, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng 4-1987, số CXXVIII, trang 62.

diễn ở một bài viết, về sự đột biến của các mầm thóc có tính chất quyết định đối với việc nghiên cứu. Tiền công lúc bấy giờ được xem như giá trị đổi lại của sự chuyển nhượng.

Nhà xuất bản không nên quên rằng nhiều người làm công không làm các công việc đòi hỏi những cố gắng sáng tạo thực sự. Nhưng họ không phải là không có tư cách tác giả của các hình ảnh, hay các bài văn mà họ có thể tạo ra trong khuôn khổ hoạt động thông thường của họ. Vậy họ cũng như những người vẽ đồ hoạ, hay các soạn giả có chức vị khác liên quan đến việc nhượng các quyền sở hữu văn học và nghệ thuật.

Tuy vậy, không nên quên rằng, nếu họ đòi hỏi từ nay về sau phải có các điều khoản nhượng các quyền tác giả trong các hợp đồng lao động, các toà án vẫn có những quyết định thường trái ngược nhau về mức độ giải quyết chính xác của các điều khoản ấy. Họ duy trì tình trạng mù mờ lớn nhất về những gì liên quan đến thời hạn nhượng các quyền tác giả thi hành trong khuôn khổ một hợp đồng lao động, đặc biệt là về tính trường cửu của sự chuyển nhượng các quyền sau khi kết thúc hợp đồng lao động[1].

Còn các công chức, theo pháp chế hành chính, thì họ phải chịu nhượng không các quyền của họ cho người thuê[2]. Có những dự luật nhằm sửa đổi chế độ đặc biệt này. Trái lại đó không phải là trường hợp về giáo dục[3]. Thực tế một tác phẩm sáng tạo trong khuôn khổ một hợp đồng lao động thường có dạng một tác phẩm tập thể. Chế định của tác phẩm tập thể bấy giờ lại đặc biệt ít thoả mãn các tác giả, bởi vì nó có thể từ chối quyền tinh thần của họ[4].

Các nhà báo

Quyền tác giả của các nhà báo cũng đặt dưới một chế độ đặc biệt gần giống với chế độ cho những người làm công ăn lương khác. Vấn đề hay gặp nhất là việc công bố lần thứ hai một bài báo trên một xuất bản phẩm định kì khác, trong một cuốn sách hay trên Internet. Lúc bấy giờ đẻ ra vấn đề là ai, nhà báo hay là cơ quan báo chí sử dụng anh ta, là người thực thụ các quyền đối với bài báo đó.

---

1 Toà đại phúc thẩm Paris, 22-6-1988, *Dalloz*, 1990, Tóm tắt có bình luận, 50, nhận xét Claude Colombet, Thông báo của Hội đồng Nhà nước "Ofratème", số 309-721, 21-11-1972, *Báo của Toà án*, 1978, học thuyết, trang 50, nhận xét Pierre Frémond.

2 Toà đại phúc thẩm Paris, 20-11-1991, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1992, số CLI, trang 340.

3 Xem "Các tác phẩm tập thể" và "Các quyền tinh thần".

4

Điều L.121-8 của CPI qui định đối với những gì liên quan đến "các bài báo và diễn văn", là chỉ một mình tác giả có "quyền tập hợp chúng thành tập và công bố chúng hay cho phép xuất bản dưới hình thức này". Và điều luật ấy xác định ở đoạn hai rằng "đối với tất cả các tác phẩm công bố như thế trên một tờ báo hay tập xuất bản phẩm định kì, tác giả giữ nguyên, trừ qui định ngược lại, quyền cho sao chép và khai thác nó dưới bất kì hình thức nào, miễn là sự sao chép hoặc sự khai thác này không có tính chất cạnh tranh với tờ báo hay tập xuất bản phẩm định kì đó". Mặt khác, Bộ Luật Lao động nhận định trong điều L.761-9 rằng "quyền cho đăng trên nhiều tờ báo hay xuất bản phẩm định kì các bài báo những tác phẩm văn học hay nghệ thuật, mà những người nêu ở điều L.761-21 là tác giả, bắt buộc lệ thuộc vào một thoả thuận rõ ràng xác định những điều kiện trong đó việc sao chép được cho phép"[2]. Sự công bố lần thứ hai một bài báo, bất kì hình thức công bố là thế nào, do vậy được đặt vào một điều kiện thiết yếu trước tiên: xem xét lại các điều khoản hợp đồng chi phối các quan hệ giữa cơ quan báo chí và nhà báo, xem nhà báo là người làm công ăn lương hay được trả công theo từng việc. Hợp đồng nói chung chỉ ra việc thực thụ các quyền của bài báo đã công bố. Điều khoản này phải hiện hữu trong chính hợp đồng và không thể chỉ gồm có một điều của nội qui xí nghiệp. Nếu thiếu điều khoản riêng, nhà báo được tự do nhượng một lần thứ hai bài báo của mình cho một nhà xuất bản báo hoặc sách khác. Và nhà xuất bản thứ nhất chỉ có thể công bố lại bài báo khi được tác giả cho phép[3].

Lần xuất bản thứ hai này, tuy thế, sẽ không đem ra cạnh tranh với lần xuất bản đầu tiên. Địa điểm, thời điểm và hình thức của lần xuất bản thứ hai đều phải được tính đến. Vì thế, nếu sự cạnh tranh xảy ra thực sự giữa hai tờ báo khoa học cùng một thứ tiếng, phát hành cách nhau vài tháng, thì nó lại ít có khả năng xảy ra giữa tờ báo hàng ngày Perche và nguyệt san Sao Paulo... Sự cạnh tranh đó lại ít rõ rệt giữa một xuất bản phẩm định kì bán ở quầy báo và một cuốn sách.

Chế độ này cũng có giá trị đối với các nhà nhiếp ảnh và các nhà minh họa. Nói chung lại, vậy là có thể kết luận rằng một nhà báo sẽ tự do cho công bố lại các bài báo của mình, trừ điều khoản ngược lại và với điều kiện không gây hại cho nhà xuất bản đầu tiên.

Tin tức cuối cùng của Alsace, cũng như nhiều cơ quan báo chí của Pháp và của nước ngoài[4], đã có kinh nghiệm về việc đó. Nhờ có cánh tay sắt của tư pháp, tờ báo, quả thực đã phải thương lượng với các nghiệp đoàn nhà báo về quyền đưa lên Internet các bài báo ban đầu vốn dành cho một cách khai thác cổ điển hơn.

---

[1] Tức là những nhà báo chuyên nghiệp.
[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 12-4-2005, *Dalloz*, 2005, tr 1286, nhận xét Jeanne Daleau.
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-1-1973, *Báo của Toà án*, 1973, I, 412.
[4] Toà thượng thẩm Bruxelles, 28-10-1997, *Giám định*, tháng 5-1998, tr 154, bình luận Lilti.

Sự độc lập giữa các sở hữu vật chất và tinh thần

Điều L.111-3 của CPI phát biểu:

"Quyền sở hữu tài sản vô hình định nghĩa ở điều L.111-1 là độc lập với quyền sở hữu vật thể, vật chất. Người sở hữu vật thể đó không được cấp, do việc có sở hữu đó, một quyền nào ghi trong bộ luật này, trừ các trường hợp được ghi trong các điều khoản của các đoạn hai và ba của điều L.123-4[1]. Các quyền đó vẫn tồn tại trong pháp nhân của tác giả hay các chủ sở hữu, tuy họ sẽ không thể đòi người sở hữu vật thể, vật chất đưa cho họ vật thể ấy để họ thực thi các quyền đó. Nhưng trong trường hợp lạm dụng rõ rệt của chủ tài sản ngăn cản việc thực thi quyền công bố, toà đại phúc thẩm có thể dùng mọi biện pháp thích hợp, đúng với các qui định của điều L.121-3[2]".

Vậy là nguyên tắc đã rõ: quyền sở hữu vật chất về trung gian của một tác phẩm (bản thảo viết tay, tập tin xử lí theo lệnh, Ektachrome, bức vẽ, v.v...) không giữ được gì của sở hữu các quyền tác giả. Sự sở hữu vật chất các Ektachrome cho phép cùng lắm dẫn đến cuộc tranh cãi về tác giả các tấm ảnh, một suy đoán hiển nhiên cho phép chứng cứ trái lại.

Còn với các nhà bảo tàng đòi hỏi chi trả trong trường hợp sao chép các tác phẩm mà họ giữ, thì địa vị thế mạnh của họ chỉ đứng vững nhờ một chiến thuật pháp lý. Các bảo tàng thực ra chỉ sở hữu tài sản vật chất của các tác phẩm và do đó không được bắt trả tiền cho một quyền thực sự về sao chép[3]. Thực tế số tiền trả cho họ chỉ là để đổi lại quyền tiếp cận tác phẩm.

Ngoại lệ duy nhất của nguyên tắc độc lập giữa sở hữu vật chất và sở hữu trí tuệ, như được chỉ rõ trong điều L.111-3 của CPI, liên quan đến qui chế các tác phẩm di cảo[4].

Ngược lại, sự nhượng các quyền khai thác, cần có sự bố trí trung gian vật chất, sẽ không kéo theo trừ khi có qui định trong hợp đồng rõ ràng, sự chuyển nhượng trung gian vật chất này, dù là bản thảo[5] hay Ektachrome[6]. Do đó trong thực tế nhà xuất bản cần chú ý khi không có điều khoản trái lại, chẳng hạn, như phục hồi các ảnh nguyên gốc cho nhà nhiếp ảnh.

---

[1] Tức là các điều khoản liên quan đến các tác phẩm di cảo công bố hơn bảy mươi năm sau khi tác giả chết.

[2] Xem chương V "Quyền tác giả, chế độ tài sản vợ chồng và sự thừa kế".

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 25-1-2005, *Dalloz*, 2005, trg 956, nhận xét Phillippe Allaeys.

[4] Xem "Các tác phẩm di cảo" và "các tác phẩm chưa in".

[5] Xem Chương VIII "Hợp đồng xuất bản'.

[6] Toà thượng thẩm Paris, 26-3-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1993, số CLXVI, trang 218.

Nguyên tắc này có những hiệu quả quan trọng đến chế độ của các tác phẩm gọi là đặt làm[1], cũng như đến chế độ các thư tín. Các tài liệu lưu trữ và các tác phẩm di cảo cũng là một trường hợp đặc biệt.

Các tác phẩm đặt làm

Theo nghĩa pháp lý của ngôn từ, tác phẩm đặt làm là tác phẩm mà một nhà duy mĩ yêu cầu một tác giả thực hiện nhằm mục đích bảo tồn sở hữu vật chất. Vấn đề không phải là việc đặt làm của một nhà xuất bản với một tác giả được thể hiện theo pháp lý bởi một hợp đồng xuất bản[2].

Nguyên tắc thiết yếu này của quyền tác giả là sự độc lập của quyền sở hữu trí tuệ đối với quyền sở hữu vật chất, được áp dụng với các tác phẩm đặt làm. Như thế, sự chuyển nhượng một bức tranh đặt làm cho một người khác ở bất kì một trường hợp nào cũng không kéo theo việc chuyển các quyền tác giả sang cho người đặt làm tác phẩm. Tuy nhiên, sơ đồ sẽ rắc rối khi người đặt làm có những chỉ dẫn rõ ràng cho việc đặt làm. Người này lúc đó có thể được xem như là tác giả của tác phẩm[3]. Trong thực tế, giả thiết này ít khi gặp, ngay cả khi các tranh chấp xuất hiện, đáng kể là trong lĩnh vực nhiếp ảnh. Thật vậy, các hội, các nhà mĩ học công nghiệp hay nhà xuất bản nhờ đến những người nhiếp ảnh vì mục đích sử dụng ảnh chụp của họ trong một bìa sách, một catalô, một quảng cáo, v.v... trong thương mại. Các nhà "đặt làm" đó thường có xu hướng cung cấp những chỉ dẫn khá nghiêm khắc cho công việc thực hiện và đôi khi vì thế đã đi đến chỗ tự phong là tác giả hay đồng tác giả với tác phẩm của nhà nhiếp ảnh. Nhưng các toà án hầu như luôn luôn thừa nhận nhà nhiếp ảnh là tác giả duy nhất[4], ngay cả khi chủ đề được áp đặt cho anh ta với nhiều chi tiết. Thật ra, với nhà nhiếp ảnh là tự động về ánh sáng, chọn phim hay vật kính, thực hiện việc sáng tạo, đủ để được cấp các quyền tác giả.

Cũng như việc chủ nhà xuất bản sẽ rất khó khăn xuất hiện như đồng tác giả của một ảnh chụp ở trang bìa mà anh ta thuê làm, anh ta cũng không thể tự nhận là đồng tác giả của bản thảo mà anh ta sẽ yêu cầu rất cụ thể với một nhà văn.

Các thư tín

Nguyên tắc độc lập của các sở hữu vật chất và trí tuệ cũng thường tạo ra một sự tin tưởng sai lầm, khá phổ biến một cách lạ lùng rằng người nhận các thư tín có các quyền tinh thần trên các thư tín đó. Thực tế chỉ mỗi mình tác giả của các thư tín

---

[1] Xem "Các tác phẩm đặt làm".
[2] Xem Chương VIII "Hợp đồng xuất bản"
[3] Phòng dân sự Toà phá án, 13-11-1973, *Dalloz*, 1974, nhận xét Claude Colombet.
[4] Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 12-11-1985, *Dalloz*, 1986, Thông tin nhanh, 183.

đó mới là người thực thụ các quyền. Sự sở hữu vật chất các lá thư không cho phép đưa ra công khai - các bức thư giữ tính chất bí mật - và càng không kèm theo các quyền khai thác[1].

Cần thiết phải có được giấy cho phép của người thực thụ các quyền trí tuệ trên công trình này, người thực thụ, nói chung là tác giả hay những người thừa kế của tác giả.

Tốt nhất là nhớ kĩ ví dụ của người làm luận án tiến sĩ được phép sử dụng thư từ của Romain Rolland gửi Stefan Zweig cho luận án của mình đã tưởng rằng được phép rút ra từ đó để viết một quyển sách. Tác phẩm đã nhanh chóng bị đưa ra toà theo yêu cầu của goá phụ của Romain Rolland[2]. Toà án đã có thể xem xét thế này: "Giá như tốt hơn là năm 1969, bà quả phụ khẳng định lại với tác giả luận án, sự phản đối của bà đối với mọi công bố, một vụ phản đối chắc chắn bà đã đưa ra nếu như không đọc thì cũng đã lướt xem luận án gây tranh chấp, lại còn cả chuyện tiến sĩ, thậm chí nếu có thể, năm 1954, lầm lẫn về tầm quan trọng của giấy phép cấp cho việc biên soạn luận án được đánh máy, đã có nghĩa vụ xin bà quả phụ một giấy đồng ý không lập lờ, trước khi ông cho xuất bản tác phẩm và đảm bảo cho nó được công bố rộng rãi".

Có một sự tiết chế tất nhiên đối với việc công bố một "tài liệu" riêng tư như là thư tín. Việc công bố không thể thiệt hại cho tác giả các bức thư cũng như cho người nhận hay còn cho các bên thứ ba của những người trao đổi thư từ, như những lời vu khống, chửi rủa, hay thường là những lời xúc phạm đến đời tư.

Về các lá thư của George Sand đã có sự xét xử như thế "tác giả đã tạo ra một giá trị mà mình có thể sử dụng có lợi cho mình vào lúc thích hợp, miễn là sự công bố đó không phương hại đến thanh danh và quyền lợi của người nhận[3]".

Những bài viết của Romain Rolland cũng bắt nguồn từ một xung đột không hay gì cho nhà xuất bản Simon Kra... Nhà xuất bản này kiếm được 5 lá thư[4] mà họ đem bán bằng cách sao chép lại những trích đoạn trong catalô. Những "xét rằng" của toà án thật là hùng hồn vừa về những gì liên quan đến quyền tác giả cũng như về quyền thông tin: "Xét rằng người nhận thư có thể chuyển sở hữu yếu tố vật chất của tài sản, nhưng không phải do đó mà người nhận có quyền sử dụng theo ý muốn yếu tố trí tuệ, tức là ý tưởng của tác giả và sự thể hiện ý tưởng đó; xét rằng chỉ mình tác giả có thể cho phép công bố thư, dù thư có bí mật hay không; xét rằng thực ra ở trường hợp thứ nhất, giữa người gửi và người nhận có một loại thoả hiệp ngầm mà

---

[1] André Françon, Claude Goyard, *Các thư tín chưa in*, Economica, 1984, Toà thượng thẩm Paris, 16-2-1945, *Dalloz*, 1945, 259.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 10-5-1973, *Tuần pháp lí (JCP), 1973, II, 17475.*

[3] Toà án dân sự Seine, 11-3-1897, *Dalloz định kì*, 1898, II, 358.

[4] Toà án dân sự Seine, 27-11-1928, *Dalloz tuần báo*, 1928, trang 616.

một trong hai người trong số họ không thể phá vỡ nếu không được người kia đồng ý; xét rằng, hơn nữa, vì những lí do đạo đức, không nên phó mặc trước sự hiểm độc của mọi người những bí mật của các gia đình hay những đánh giá của các cá nhân khi các đánh giá đó có tính cách tuyệt đối cá nhân và rằng việc công bố chúng có tính chất gây hại, xét rằng cách giải quyết không thể nào khác ở những gì liên quan đến những lá thư không bí mật đưa vào tranh luận; xét rằng tác giả phát triển ở đó các lí thuyết văn học và xã hội của mình, rằng đã sáng tạo trong các bài viết một giá trị trí tuệ, tác giả là chủ sở hữu của quyền sao chép các bức thư khi ông ta thấy thích hợp".

Người sở hữu vật chất các lá thư cùng lắm là sẽ có thể thực thi một loại quyền tiếp cận, tức là kiếm tiền về quyền cho tìm hiểu một cách khách quan và chép lại. Thực ra, luật dự kiến rằng sẽ không thể đòi hỏi "người chủ sở hữu vật thể vật chất trao cho [tác giả và các chủ sở hữu] quyền sử dụng vật thể kia để thi hành" các quyền. "Tuy vậy, trong trường hợp lạm dụng rõ rệt của chủ sở hữu ngăn cản việc thực hiện quyền công bố, toà đại phúc thẩm có thể dùng mọi biện pháp thích hợp", nghĩa là ra lệnh phải chấm dứt việc ngăn giữ này[1].

Các lưu trữ

Các lưu trữ biểu thị một trường hợp đặc biệt.

Nét đặc thù chính nằm trong chế độ riêng cho các lưu trữ công cộng mà sự thực thụ thuộc về chính quyền. Luật 3-11-1979 bị bãi bỏ quyết định ngày 20-2-2004[2], đã xác định chế độ đó.

Sự tra cứu các lưu trữ được đặt vào những kì hạn thay đổi rất lớn tuỳ theo tính chất của tài liệu. Thời hạn nguyên tắc là ba mươi năm sau ngày tài liệu được lưu trữ.

Nhiều văn bản riêng đề ra những thời hạn và cách thức tra cứu phức tạp trong các vấn đề khác nhau: thông tin về các hiệp hội, về nền dân chủ, về các cuộc bầu cử, hộ tịch, quốc phòng chế độ thuế khoá v.v...

Cũng vậy, một Nghị định năm 1998[3] trước đó đã có một thông tư riêng - dự kiến, chẳng hạn các điều kiện mở kho lưu trữ công liên quan đến thời kì 1940-1945.

---

[1] Điều L.11-3 của CPI.

[2] Lệnh số 2004-178 ngày 20-2-2004.

[3] *Công báo*, 25, 26-V-1998, Thông tư 2-10-1997 liên quan đến việc mở cửa các lưu trữ công cộng thời kì 1940-1945, *Légipresse*, tháng 12-1997, số147, IV-125, Olivier Biffaud, "Một thông tư của Thủ tướng nhằm làm dễ dãng việc tiếp cận các lưu trữ Vichy" *Le Monde*, 4-10-1997, tr 7, Rafael Rivais, "*Chính phủ đề nghị mở rộng cửa cho các lưu trữ công*", *Le Monde*, 19-20-I-1997, tr 7, Béatrice Vallaeys, "Douste muốn xúc tiến mở cửa cho các lưu trữ", *Giải phóng*, 5-12-1996 tr 32 Nicolas Weill "Lịch sử các lưu trữ" Le Monde 23-12-1994 phụ trương "Thế giới sách", tr V, Nghị định 13-5-1998 liên quan đến việc mở các kho lưu trữ công liên quan đến thời kì 1940-1945.

Các hồ sơ của nhiều tổ chức (của Tổ chức quốc tế những người tị nạn ở văn phòng Pétain) do đó, được tự do tra cứu mặc dù kì hạn đặc biệt là sáu mươi năm, nhưng trừ các hồ sơ thanh lọc.

Những tài liệu được tự do truyền thông trước khi đưa vào lưu trữ tuy thế vẫn được tự do tra cứu.

Những vi phạm luật đều có thể xảy ra, theo văn bản của Sắc lệnh ngày 3-12-1979. Lúc đó Ban Giám đốc Lưu trữ quốc gia sẽ quyết định.

Song song, Luật 17-7-1978 đặt ra nguyên tắc tiếp cận đối với các tài liệu hành chính, được định nghĩa là những tài liệu xuất phát từ chính quyền hay gắn liền với hoạt động của chính quyền. Một hội đồng đặc biệt, hội đồng tiếp cận các tài liệu hành chính (CADA)[1], đã được thành lập để giải quyết, ngay trước những giai đoạn thực sự gây tranh chấp, những xung đột liên quan đến việc tiếp cận các tài liệu đó.

Các lưu trữ công, tuỳ theo chúng gắn liền trực tiếp hay không với nhiệm vụ phục vụ công cộng, thường thường thuộc lĩnh vực công cộng[2]. Cho nên chúng có thể được công bố trong phạm vi mà việc tiếp cận, và như vậy, việc phổ biến chúng được cho phép. Tuy nhiên điều 10 của Luật ngày 17-7-1978 về tiếp cận cho các tài liệu hành chính, cấm khai thác thương mại hoá.

Đối với những gì liên quan đến các tài liệu ngoài chính quyền, nhưng được các cấp hành chính giữ lại thì Sắc lệnh ngày 20-2-1809 chỉ rằng những bản viết tay của các thư viện và của các công sở khác không thể được in ra, cũng không thể được công bố nếu không có giấy phép của Bộ Nội vụ hay Bộ Ngoại giao; Sắc lệnh đó vẫn chính thức có hiệu lực. Tầm quan trọng của nó, tuy nhiên, lại hoàn toàn trái ngược với các luật lệ hiện thời về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật cấp cho tác giả hay các chủ sở hữu thực thụ các quyền[3], trừ trường hợp riêng của các tác phẩm di cảo. Cơ quan Lưu trữ của Pháp đã bị lên án vì đã cho phép công bố các văn bản đã được nạp bản[4] chỉ để cho lưu trữ. Cũng vậy, nhiều cơ quan giữ các lưu trữ văn học hay lịch sử có thể để cho các chuyên viên tiếp cận tự do mà không vì thế cho phép khai thác kết quả các nghiên cứu, kể cả trong các xuất bản phẩm khoa học.

---

[1] Xem "Địa chỉ có ích".
[2] Xem "Các công chức".
[3] Xem "Các nguyên tắc căn bản".
[4] Toà phá án, 15-1-1969, *Tuần lễ pháp lý (JCP)*, 1969, 11, 16119.

Các tác phẩm di cảo[1]

Điều L.123-4 của CPI qui định:

Quyền khai thác các tác phẩm di cảo thuộc các chủ sở hữu của các tác giả nếu tác phẩm được công bố trong quá trình thời kì dự kiến ở điều L.123-1[2]. Nếu việc công bố được thực hiện khi đã kết thúc thời kì này, thì các chủ sở hữu của tác phẩm theo thừa kế hay thuộc các tư cách khác, sẽ giữ quyền thực hiện hay cho thực hiện việc công bố. Các tác phẩm di cảo phải là đối tượng của một xuất bản phẩm tách rời, trừ trường hợp chúng chỉ gồm một đoạn của một tác phẩm đã xuất bản trước đó. Chúng chỉ có thể gắn vào với các tác phẩm của cùng tác giả đã được xuất bản trước đó, khi những chủ sở hữu của tác giả còn có quyền khai thác trên những tác phẩm này".

Hai hoàn cảnh sẽ xuất hiện: hoặc là tác giả chưa rơi vào lĩnh vực công cộng, và ở trường hợp này, các quyền tác giả trên tác phẩm chưa in thuộc về những người thừa kế của tác giả; hoặc là thời hạn được bảo hộ theo luật đã kết thúc và người chủ sở hữu vật chất của tác phẩm chưa in – tức là của bản thảo – trở thành người thực thụ các quyền tác giả[3].

Các thư viện, do vậy, là người thực thụ các quyền khai thác của nhiều bản thảo chưa in mà các thư viện đó là chủ sở hữu[4].

Vấn đề ở đây chỉ là sự áp dụng điều L.123-4 của CPI, chứ không phải Sắc lệnh 20-2-1809, vẫn chính thức có hiệu lực[5].

Dĩ nhiên là một số người sẽ có khuynh hướng giữ bí mật các tác phẩm chưa in trong một ít thời gian để hưởng các quyền tác giả sở thuộc. Tuy nhiên họ phải tính đến sự đe doạ lạm dụng quyền nếu sự công bố tiếp theo quá gần với thời điểm mà tác giả rơi vào lĩnh vực công cộng.

Các quyền của chủ sở hữu bản thảo gốc vượt trội hơn các quyền của chủ sở hữu bản sao. Một *phúc nghị* của Toà phá án, về một tác phẩm chưa in của Jules Verne đã nhắc lại điều đó bằng cách phê phán quyết định của một toà thượng thẩm đã đi theo hướng ngược lại, và công bằng mà nói là rất đáng chê trách[6].

---

[1] Xem "Những tác phẩm chưa in".

[2] Tức là trong thời hạn bảo hộ tương đương với bảy mươi năm sau khi chết; xem chương VI "Thời hạn các quyền".

[3] Xem chương VI "Thời hạn các quyền" và "Những tác phẩm chưa in".

[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 26-1-1989, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1989, số CXXXXII, tr 348, ghi chú Pierre-Yves Gautier.

[5] Xem "Các lưu trữ".

[6] Về việc hoãn xét xử, toà thượng thẩm Amiens, 1-4-1996, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, số 173, tháng 7-1997, tr 298.

Trái lại, khi bản thảo gốc đã mất và có nhiều bản sao thì hình như chủ sở hữu các bản sao nào công bố tác phẩm đầu tiên sẽ trở thành người thực thụ các quyền tác giả. Trường hợp chưa xảy ra trước tòa, nhưng sự sinh sôi các bản sao của bản thảo do sự tiến bộ kỹ thuật photocopy và sự xuất hiện các máy in nối với một máy tính, nhất định một ngày kia sẽ đưa các toà án đến chỗ phải tỏ rõ chính kiến.

Trong mọi trường hợp, nhà xuất bản không nên quên rằng quyền công bố, thuộc tính tinh thần của tác giả, và do đó các chủ sở hữu của tác giả, luôn luôn đứng hàng đầu[1]. Vậy cần phải chắc chắn được sự đồng ý của những người có quyền đó, ngay cả khi họ không có tư cách nhận khoản lợi tài chính bù lại[2].

Còn việc cấm gộp tác phẩm chưa in vào với các tác phẩm đã công bố thì được giải thích là do nhà lập pháp sợ các chủ sở hữu các bản thảo chiếm hữu không đúng phép, hay cố tình kéo dài các quyền đối với một vài tác phẩm đã công bố bằng cách tiến hành một sự pha trộn lừa bịp. Ví dụ, trong khi công bố toàn văn một tác phẩm đã bị cắt xén trước đó, họ có thể để cho người ta tin rằng toàn bộ văn bản vẫn còn được bảo hộ. Trong thực tế, hoặc là các chủ sở hữu còn tồn tại, và nhà xuất bản sẽ ký hợp đồng với họ để tiến hành tập hợp lại các tác phẩm; hoặc là không còn ai có khả năng cho thực thi để hưởng quyền tinh thần hay can thiệp và nhà xuất bản sẽ không gặp phải những khó khăn đặc biệt, với điều kiện là phân biệt rõ những phần chưa in với phần còn lại của văn bản.

Các tác phẩm vô danh hay có bút danh

Việc xuất bản một tác phẩm dưới bút danh (nên hiểu là do ý muốn tác giả là che giấu, chứ không phải là chọn một cái tên mượn không đánh lừa được ai) hay là vô danh cũng kéo theo một số hậu quả pháp lý không phải là không quan trọng[3].

Nếu một tác giả chọn cách giữ vô danh hay là lấy một bút danh, thì lúc đó nhà xuất bản được xem như người được tác giả uỷ quyền. Nhà xuất bản – hay người đại lý văn học – sẽ là người đối thoại duy nhất về pháp lý (và tất nhiên về văn học) đối với những gì liên quan đến tác phẩm được xuất bản vô danh hay dưới bút danh. Nhà xuất bản, do vậy có quyền ký hợp đồng nhân danh tác giả, và như vậy, ngay cả đối với những hợp đồng mà họ hoàn toàn xa lạ.

Nếu bút danh lựa chọn quá rõ ràng, tác phẩm sẽ được xem như một tác phẩm bình thường, điều đó đặc biệt hàm nghĩa không có người được uỷ quyền và một thời

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-1-1969, *Dalloz*, 1969, 476. Toà đại phúc thẩm Paris, 21-9-1994, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1995, số CLXIII, trang 253.

[2] Xem "Quyền công bố" và "Quyền tác giả và các thừa kế".

[3] Xem "Quyền được tôn trọng tên và tư cách" và chương VI "Thời hạn các quyền".

hạn bình thường của các quyền tài sản. Vì thế, người ta đã xét xử rằng *Mười một nghìn chiếc gậy* là rõ ràng thuộc về Guillaume Apollinaire[1].

Tác giả sở hữu trên bút danh của mình một quyền thực sự được tôn trọng tên[2], cho phép can thiệp qua trung gian của nhà xuất bản của mình, chống lại những người xâm phạm[3]. Cũng vậy tác giả có thể cấm mọi việc chiếm đoạt bút danh của mình, theo như Nadar đã kiện em trai ra toà để ngăn cấm em không được lấy tên là Nadar trẻ.

Cuối cùng, nếu hai tác giả cùng giấu tên dưới một bút danh duy nhất, thì bút danh đó chỉ có thể được một người dùng nếu người kia đồng ý. Thực ra thường hay có việc đó ở những tác phẩm cộng tác[4].

Các tác phẩm do nhiều người sáng tạo

Trong nhiều hoàn cảnh, tác phẩm không phải là kết quả của một người sáng tạo duy nhất. Chế độ thực thụ các quyền, do vậy cũng chịu ảnh hưởng. Luật pháp phân biệt ba loại tác phẩm cần đến ít nhất có sự can thiệp của hai người để tạo ra nó: các tác phẩm cộng tác, các tác phẩm tập thể và các tác phẩm *hợp thành*. Còn các tác phẩm được sáng tạo bởi một máy tính hay nhờ một chiếc máy thì chúng đã gợi lên một vài câu hỏi ở các chuyên gia quyền tác giả.

Các tác phẩm cộng tác

Điều L.113-2 của CPI phát biểu ở đoạn thứ nhất.

"Tác phẩm được gọi là cộng tác là tác phẩm mà sự sáng tạo ra nó cần đến nhiều cá nhân thực tế".

Như vậy vấn đề là một tác phẩm được sáng tạo bởi hai tác giả hay nhiều hơn. Sự đóng góp tương ứng của họ có thể cùng tính chất (mỗi người viết một phần của tác phẩm) hay hoàn toàn khác biệt (một nhà viết kịch bản và một hoạ sĩ trong trường hợp một truyện tranh hoạt hình[5]). Để áp dụng chế định này, các tác giả không cần phải thực sự cùng làm việc với nhau[6]. Tác phẩm cộng tác, do vậy, là một tình trạng rất thông thường trong giới xuất bản.

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 9-7-1980, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1980, số CVI, tr 147.
[2] Xem "Quyền được tôn trọng tên".
[3] Toà thượng thẩm Paris, 26-3-1990, *Dalloz*, 1990, Thông tin nhanh, 109.
[4] Xem "Tác phẩm cộng tác". Toà thượng thẩm Paris, 22-10-1921, *Quyền tác giả*, 1923, 19.
[5] Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 19-12-1983, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1984, 64.
[6] Toà đại phúc thẩm Nanterre, 6-3-1991, *Sách quyền tác giả*, tháng 4-1991tr 19.

Nhà xuất bản cần phải đề phòng, chẳng hạn, hậu quả của các minh hoạ: sách nếu được minh hoạ nhiều, có thể trở thành một tác phẩm cộng tác giữa tác giả văn bản và tác giả các hình vẽ hay ảnh chụp[1]. Do đó một nghệ sĩ điêu khắc được thừa nhận trước toà án về tư cách đồng tác giả của một quyển sách dành cho nghệ thuật hư ảo của điêu khắc mà đối với nghệ thuật này anh ta được đánh giá là giữ vai trò cố vấn. Trái lại, bà quả phụ của Jean Bruce khẳng định đã giục chồng viết các cuộc phiêu lưu của *OSS 117* và đã đọc lại bản thảo trước khi đem đến cho nhà xuất bản, nhưng cũng không được cấp đặc quyền là đồng tác giả[2]. Những người thừa kế của Julia Daudet, vợ của Alphonse, đã cố đưa ra một đòi hỏi loại ấy[3] nhưng không được. Nhiều vợ chồng nhà văn – thường là nổi tiếng - đã là đồng tác giả được pháp lý thừa nhận, dù cách làm việc của họ như thế nào: Souvestre và Allain (mỗi người lần lượt viết các chương về những cuộc phiêu lưu của Fantômas), Boileau – Narcejac, v.v... Một tác phẩm có thể được xem là cộng tác ngay cả khi một tác giả viết một mình hầu hết các chương và càng có thể như thế, nếu nhà xuất bản đề hai tên trên bìa sách[4].

Những "người cộng tác kín đáo" có khả năng được thừa nhận thuộc qui chế đồng tác giả[5] và đòi hỏi ghi tên của họ[6] cũng như tiền công đúng tỉ lệ[7].

Các cuộc phỏng vấn thuộc một trường hợp đặc biệt[8]: trước tiên các đồng tác giả là người được phỏng vấn và người phỏng vấn. Tuy thế, nếu một trong những phần tham gia thiếu tính độc đáo, nghĩa là yếu tố cần thiết để được bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật[9], tác giả của nó sẽ không được xem là đồng tác giả. Như vậy đó sẽ không phải một tác phẩm cộng tác. Người phỏng vấn là tác giả duy nhất nếu các câu trả lời cho câu hỏi của anh ta đều đặc biệt tầm thường hoặc nếu anh ta đã thể hiện lại hoàn toàn. Đôi khi, lại chỉ mình người được phỏng vấn được hưởng tư cách tác giả nếu các câu hỏi tầm thường và những lời nói ghi chép không hề được nhà báo gia công lại; đó cũng thường là trường hợp nếu người được

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 10-5-1993, *Báo của Toà án*, 31-12-1993 và 1-1-1994, tr 14.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 8-3-1985, *Tạp chí sở hữu trí tuệ*, số 1, 1985, tr 155.

[3] Toà đại phúc thẩm Seine, 25-3-1963, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1963, số XXXVII, tr 156.

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 2-4-1996, *Đời sống tư pháp*, 25-8-1996, tr 8.

[5] Toà thượng thẩm Paris, 10-6-1986, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt có bình luận, 153, nhận xét Claude Colombet, Toà thượng thẩm Bordeau, 24-5-1984, *Dalloz*, 1986, Thông tin nhanh, 181, nhận xét Claude Colombet, Christophe Caron, "Những "người da đen" và quyền tác giả", *Đời sống tư pháp, 24-1-1994, tr 7, Xem "những người da đen"*.

[6] Xem "Quyền được tôn trọng tên" và chương VI "Thời hạn các quyền".

[7] Xem "Tiền công tác giả".

[8] Yves Reboul, "Chế độ pháp lý của phỏng vấn", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1987, số CXXXI, tr 55. Toà đại phúc thẩm Paris, 24-3-1982, Báo của Toà án 24-3-1982 tr 15. Toà thượng thẩm Paris 24-10-1988, *Dalloz*, 1988 Thông tin nhanh 285, Toà thượng thẩm Paris 26-9-1988, Dalloz 1988. Thông tin nhanh, 255, Michel Laval, "Phỏng vấn, ở chỗ hội lưu các quyền", *Légipresse*, số 76, tháng 11-1990, Xem "Các phỏng vấn".

[9] Xem "Tính độc đáo".

phỏng vấn đồng ý bản thảo. Cuối cùng, các cuộc phỏng vấn không được lẫn lộn với các câu chuyện rút ra từ hàng loạt cuộc nói chuyện[1].

Ngoài ra, sẽ là hão huyền đối với một nhà xuất bản nếu tin rằng việc ghi lên bộ sách một người chủ biên (chỉ đạo) thực sự là loại bỏ khả năng đánh giá tác phẩm là công trình cộng tác[2].

Các đồng tác giả chia quyền sở hữu tài sản của tác phẩm: điều L.113-3 của CPI qui định rằng "tác phẩm cộng tác là sở hữu chung của các đồng tác giả". Nhưng họ cũng chia phần bằng nhau việc thực thi các quyền trên tác phẩm chung[3]. Sở hữu chung không có nghĩa là tiền trả công phải bằng nhau. Thường là tác giả kịch bản của một tranh truyện hoạt hình nhận được một tỉ lệ tiền công thấp hơn của hoạ sĩ. Cũng thường như vậy ở trường hợp một quyển sách đàm luận giữa một nhà báo và một nhân vật quan trọng. Ngoài ra, "các đồng tác giả phải thực thi các quyền của họ theo một sự đồng thuận. Trong trường hợp bất đồng thì toà án dân sự chế định". (điều L.113-3- của CPI). Việc xét xử dân sự này ngày nay là do toà đại phúc thẩm[4].

Trong trường hợp vụ kiện chống các bên thứ ba thì cần phải có tất cả các đồng tác giả tham gia, nếu sự đóng góp của họ không thể tách rời[5]. Họ sẽ phải là những nguyên đơn trong vụ kiện hoặc là "người được lôi kéo" bởi người đã quyết định đưa ra toà[6]. Chỉ riêng sự bảo vệ quyền tinh thần, quyền rất mực tiên quyết, hình như theo một số vụ xét xử, đã thoát khỏi nghĩa vụ hành động với số nhiều người[7].

Tuy nhiên ngay cả khi quyền sở hữu của tác phẩm đã hết hạn với mọi tác giả, mỗi người vẫn là chủ đối với phần đóng góp nếu phần đóng góp này là của cá nhân. Theo điều L.113-3- của CPI, "khi đóng góp từng người của các đồng tác giả thuộc về các loại khác nhau, mỗi một người có thể, trừ qui ước trái lại, khai thác riêng rẽ phần đóng góp cá nhân nhưng không gây hại cho việc khai thác tác phẩm chung". Vậy nếu không có điều khoản hợp đồng nào cấm đoán từng đồng tác giả khai thác riêng rẽ về sau, thì họ có thể tự do thực hiện việc đó chỉ với một điều kiện là không

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-7-1972, *Dalloz*, 1972, 628, ghi chép Pactet.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 21-11-1991, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1995, số CLXIV, trang 381.

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 2-4-1996, *Báo của Toà án*, 15-17-VI-1997.

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 30-1-1985, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1985, số CXXVI, trang 143.

[5] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 10-5-1995, *Dalloz*, 1996, luật học, trang 114. Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 4-10-1988, *Dalloz*, 1989, Tóm tắt có bình luận, 50, nhận xét Claude Colombet.

[6] Agnès Robin, "Vụ kiện của các đồng tác giả của một tác phẩm cộng tác". *Sở hữu trí tuệ*, số 16, tháng 7-2005.

[7] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-5-1989. *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1990, số CXXXXIII, trang 353.

[5]. Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 6-5-1997, *Dalloz*, 1998, trang 80.

cạnh tranh với tác phẩm chính. Trên thực tế, một công trình viết liên kết sẽ chỉ cho phép rất hãn hữu một sự khai thác tách biệt. Đã có lần toà án xét xử rằng một hoạ sĩ truyện tranh hoạt hình không được khai thác riêng rẽ phần đóng góp của mình. Nhưng có những quyết định trái lại của Toà phá án năm 1997, cấp cho chỉ một trong các tác giả, quyền sở hữu các nhân vật và tên của chúng. Cũng phúc nghị này đã cho phép xét xử rằng hoạ sĩ là người chủ duy nhất của các bản vẽ gốc vì anh ta là người thực hiện.

Các tác phẩm nghe-nhìn

Có một số điều khoản đặc biệt liên quan đến các tác phẩm phát thanh và truyền hình. Theo các điều L.113-7 và L.113-8 của CPI, thì các tác giả kịch bản, cải biên lời thoại và của tác phẩm gốc (như chẳng hạn cuốn sách mà phim được rút ra từ đó – và tác giả cuốn sách đó có hay không tham gia vào việc cải biên) đều là đồng tác giả của tác phẩm. Tuy nhiên, chỉ cần chứng tỏ rằng ngoài tư cách chính thức, họ chẳng mang đến một yếu tố độc đáo nào cho tác phẩm thì tư cách đồng tác giả của họ bị từ chối.

Angélique cũng không thôi làm rắc rối các toà án. Sau các xung đột giữa các tác giả và nhà xuất bản gốc hay cả những tranh chấp gắn liền với sự bảo hộ nhan đề, thì lần này nhà soạn nhạc các phim cải biên từ loạt sách ăn khách nhất đã có mặt giữa trận đấu tranh pháp lý, làm dấy lên vấn đề các mối quan hệ giữa tiểu thuyết và nhạc phim.

Angélique khó mà yên ổn được với cái tên. Barley d'Aurevilly và *Các con quỷ* của mình đã gây nên không ít vụ kiện hơn loạt sách ký tên Anne và Serge Golon. Ngày 14-1-2003, Toà phá án đã quan tâm đến[1] trường hợp một nhà soạn nhạc chống lại những đòi hỏi của vợ nhà văn một cách thắng lợi: "Các đĩa và cassette trình diễn những sáng tác nhạc của M.Magne minh hoạ các phim điện ảnh cải biên các tiểu thuyết *Angélique,* đã được ấn hành và phân phối sau". Vậy nhưng, "Bà Goloubinoff, đồng tác giả với chồng quá cố của bà ở loại tiểu thuyết gốc, và hội Archarge quốc tế, người được nhượng các quyền di sản trên loạt truyện này đã khẳng định rằng những bìa bọc các băng ghi âm thương mại hoá mang các nhan đề mượn của tác phẩm văn học vừa ở việc dùng các tên của Angélique, cũng như của các nhân vật khác vừa dựa vào cả cách biểu lộ ý nghĩ, hoàn cảnh hay tình cảm".

Các nguyên đơn viện lý rằng một cách khai thác sáng tác của họ như vậy đã không được cho phép, với lý do là sự khai thác đó không được nêu trong các hợp

---

[1] Phòng thứ nhất Toà phá án, 14-1-2003, *Dalloz,* 2003, trang 1088, ghi chép Samuel Becquet.

đồng chuyển nhượng liên quan đến phim. Các quan toà đã cho rằng lời khiển trách làm giả của họ là sai lầm.

Các quan toà của Toà phá án đã nhận định rằng "tác giả một bản nhạc viết cho phim có thể, tiến hành khai thác độc lập tác phẩm của riêng mình, không xâm phạm đến tác phẩm chung". Hơn nữa, toà còn ghi nhận rằng "không có qui định theo hướng này trong chứng thư cải biên, các tác giả của tác phẩm gốc không thể trách anh ta về các nhan đề tất yếu phải có quan hệ với tác phẩm gốc, cũng không thể trong khi khai thác riêng rẽ, đòi hỏi với anh ta một món tiền công".

Các tác phẩm hợp thành

Tác phẩm hợp thành thường được gọi là "tác phẩm phái sinh" – khái niệm để khỏi nhầm với khái niệm quyền phái sinh – tác phẩm hợp thành, nêu ở điều L.113-2 của CPI được định nghĩa là "một tác phẩm mới được ghép vào với một tác phẩm có trước mà không có sự cộng tác của tác giả tác phẩm có trước này". Sự sáp nhập này được hiểu theo nghĩa rộng nhất và có thể có những hình thức khác nhau nhất. Chẳng hạn có thể là xen một bài thơ vào một vở kịch hay là một tranh điêu khắc chụp thành một tấm ảnh. Vở kịch và tấm ảnh chụp là những tác phẩm phái sinh, trong lúc đó, bức tranh khắc và bài thơ phải được coi là những tác phẩm có trước. Các hợp tuyển hay cả các tác phẩm dịch đều là những ví dụ về tác phẩm hợp thành, bởi vì chúng được bảo hộ theo tư cách của chúng trong lúc vẫn phải dựa vào những tác phẩm có trước[1].

Theo văn bản của điều L.113-4 của CPI, "tác phẩm hợp thành là sở hữu của tác giả đã thực hiện nó, trừ những quyền tác giả của tác phẩm có trước". Chỉ một mình tác giả thứ hai, tác giả của tác phẩm hợp thành, chứ không phải của tác phẩm có trước là người thực thụ các quyền của tác phẩm hợp thành. Nhưng anh ta phải được bảo đảm có khả năng sử dụng tác phẩm có trước. Tác phẩm này có thể đã rơi vào lĩnh vực công cộng, trường hợp đó thì việc đề phòng duy nhất là tránh nhạo báng quyền tinh thần của tác giả thứ nhất[2], hoặc các quyền tài sản vẫn còn hiệu lực thì sẽ cần phải xin phép người thực thụ các quyền của tác phẩm có trước.

Chính vì thế mà một người chụp ảnh muốn định hình một toà nhà hay một bức điêu khắc và khai thác thương mại các ảnh đó thì phải xin giấy cho phép của kiến trúc sư hay nhà điêu khắc, chỉ trừ trường hợp quá vụn vặt[3]. Giấy cho phép thường phải được trả tiền hoặc theo tỉ lệ hoặc trả khoán gọn một lần[4].

---

[1] Phòng dân sự Toà phá án, 14-11-1973, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1974, số LXXX, tr 66.
[2] Xem "Quyền tôn trọng tác phẩm" Toà thượng thẩm Paris, 10-3-1970, *Dalloz*, 171, 114.
[3] Xem "Việc sao chép các tác phẩm trình bày ở nơi công cộng".
[4] Xem "Tiền công tác giả".

Cuối cùng, "*Vụ án Paris không thân thiết*", đề tài cho thời luận pháp lý trong nhiều năm, đã cho phép Toà phá án làm sáng rõ một điểm quan trọng: sự hiện hữu một tác phẩm hợp thành không ngăn cản tác giả có trước vẫn tiếp tục và ngay cả lấy lại việc khai thác tác phẩm của mình[1].

Các tác phẩm tập thể

Tác phẩm tập thể được định nghĩa theo Điều L.113-2 của CPI là "tác phẩm được sáng tạo theo sáng kiến của một cá nhân cụ thể hay cá nhân tinh thần, cá nhân này xuất bản và công bố nó dưới sự chỉ đạo dưới cái tên của anh ta và trong đó đóng góp cá nhân của nhiều tác giả tham gia vào việc tạo dựng tác phẩm hoà lẫn vào toàn bộ tác phẩm được quan niệm nhằm vào cái toàn bộ này, nên không thể cấp cho mỗi người đó một quyền riêng rẽ trên toàn bộ tác phẩm đã được thực hiện[2]".

Người ta có thể thống kê một cách vội vàng vào tư cách tác phẩm tập thể và trừ các trường hợp đặc biệt, các từ điển bách khoa[3], các từ điển[4], các báo[5] và phần lớn các tác phẩm có đề công thức "dưới sự chỉ đạo của". Một truyện tranh hoạt hình, chỉ đạo và sáng tạo bởi nhiều tác giả, cũng được một toà án[6] đánh giá là tác phẩm tập thể. Cũng vậy, trong việc biên soạn *Sách dạy thể thao thuyền buồm* của Glénan, có một người đóng vai trò quyết định vào sách này đã được đánh giá là tác phẩm tập thể (người có sáng kiến cũng là chủ trung tâm thuyền buồm[7]).

Tuy nhiên, pháp luật cũng càng ngày càng bối rối về những gì liên quan đến các tiêu chuẩn cho phép xác định một tác phẩm có phải là tập thể hay không[8], và ngày càng có khuynh hướng phủ nhận cách đánh giá như thế, thực sự là có lợi cho các nhà xuất bản[9]. Tốt hơn nên tránh cái công thức "với sự cộng tác của" nếu người

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 10-3-1993, *Báo của Toà án*, 8-10-VIII-1993, 189, trang 21. Toà thượng thẩm Paris, 25-1-1995, *Dalloz*, 1995, Thông tin nhanh, 55, nhận xét Claude Colombet.

[2] Phòng dân sự Toà phá án, 17-5-1978, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, 1979, trg 159, d'Ormesson – Kersaint, "Sự bảo hộ các tác phẩm thuộc lĩnh vực công cộng", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1983, số CXVI, tr 73.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 4-1-1971, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1971, số LXX, trang 146.

[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 17-5-1984, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1984, số CXXII, trang 214, Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 16-11-2004, "Petit Robert", *Tạp chí Lamy quyền phi vật chất*, 2005/3, tr 8, ghi chép Angès Maffre-Baugé.

[5] Toà thượng thẩm Paris, 2-6-1981, *Báo của Toà án*, 1982, I, 22, ghi chép Plaisant.

[6] Toà thượng thẩm Paris, 6-3-1981, *Dalloz*, 1982, Thông tin nhanh, 46, nhận xét Claude Colombet.

[7] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 1-7-1970, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1970, 223.

[8] Xem phân tích của các giáo sư André và Henri-Jacques Lucas (xem Thư mục tổng hợp). Christophe Caron, "*Hội diễn* đối chiếu với việc đánh giá tác phẩm tập thể", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-2001, trang 3.

[9] Jean Cedras, "Sự đánh giá các tác phẩm tập thể trong pháp chế hiện nay", Hội luật học Pháp vì sự bảo hộ quốc tế quyền tác giả, kì họp 31-3-1995.

ta muốn giữ lại cách đánh giá là tác phẩm tập thể. Cũng vậy, các điều khoản hợp đồng tạo thành những chỉ số quan trọng, ngay cả vẫn có thể có[1] chứng cứ trái ngược.

Theo giáo sư Sirinelli, hai điều kiện cần thiết cần phải được hợp lại để người ta có thể nói đến tác phẩm tập thể: Sự tồn tại một người điều phối và việc không thể chia nhau tư cách tác giả của toàn bộ tác phẩm giữa tất cả những người tham gia, điều trái với tác phẩm cộng tác.

Điều L.113-5 của CPI nhấn mạnh rằng "tác phẩm tập thể, trừ chứng cứ trái lại, là sở hữu của cá nhân cụ thể hay cá nhân tinh thần mà dưới tên của cá nhân đó, nó được công bố. Cá nhân này được cấp các quyền tác giả". Đó là điều giải thích rằng một pháp nhân tinh thần (một hội) có thể – chỉ trong trường hợp này mà thôi – là người thực thụ (ngay từ khi tạo ra tác phẩm) các quyền tác giả[2]. Chỉ người điều phối công là thực thụ có các quyền tác giả. Ngoài ra người điều phối làm công ăn lương đã chỉ đạo tác phẩm tập thể thay cho hội xuất bản, không thể đòi hỏi một tiền công theo tỉ lệ của tác phẩm[3]. Nhà xuất bản, do đó sẽ có thể thi hành các quyền, và đáng kể là quyết định các điều kiện khai thác tác phẩm. Nhưng mỗi người tham gia vẫn là người thực thụ có các quyền trên phần đóng góp của mình, trong chừng mực mà phần đóng góp đó được xác minh là của cá nhân mình[4]. Mỗi người giữ ngang như nhau quyền tinh thần trên phần đóng góp của mình. Vì thế, nhà nhiếp ảnh cần thấy tên mình được tôn trọng và do vậy được ghi rõ ràng, ngay cả ở trong từ điển bách khoa[5].

Tuy nhiên, pháp nhân tinh thần vẫn đặc biệt là người thực thụ quyền tinh thần[6]. Trong thực tế, cái lợi của việc đánh giá pháp lí này là rất hạn chế.

Không nên quên rằng các loại tác phẩm khác nhau được sáng tạo bởi nhiều người, có thể phối hợp với nhau. Đáng kể là có những tác phẩm hợp thành cộng tác nghĩa là: vừa là tác phẩm hợp thành vừa là tác phẩm cộng tác, những tác phẩm trong đó hai tác giả sáp nhập vào trong sáng tạo chung của họ một tác phẩm có trước[7].

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 12-12-1989, *Sách quyền tác giả*, số 25, 1990, tr 16.

[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 17-3-1982, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1983, II, 20054, ghi chép Plaisant.

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 18-10-1994, *Légipresse*, số 116, III, tr168.

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 20-12-1982, *Tam cá nguyệt san quyền thương mại*, 1983, 430, nhận xét André Françon.

[5] Toà thượng thẩm Versailles, 20-5-1988, *Dalloz*, 1989, Tóm tắt có bình luận, 44, nhận xét Claude Colombet.

[6] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 28-12-1993, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1994, số CLXI, tr 303.

[7] Toà thượng thẩm Paris, 6-12-1993, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1994, số CLXI, tr 382.

Các tác phẩm sáng tạo bằng máy hay máy tính

Một số người đã có thể vội vàng nghĩ rằng sự xuất hiện của các máy và máy tính trong lĩnh vực sáng tạo văn học hay nghệ thuật, không có cá nhân cụ thể tham gia, sẽ làm tiêu tan mọi sự bảo hộ các tác phẩm đó bằng quyền tác giả[1]. Các ảnh do vệ tinh chụp chẳng hạn vẫn tiếp tục là đề tài thảo luận của các chuyên gia quyền sở hữu văn học và nghệ thuật[2].

Mặc dầu các tiến bộ của tin học và các công nghệ mới, hình như rất khó chấp nhận một mình chiếc máy sáng tạo hoàn toàn, nghĩa là không có lệnh bên ngoài. Cần phải có ai đó khởi xướng, lập ra một số tối thiểu các chỉ dẫn. Chính người đó được xem là tác giả và sẽ trở thành người thực thụ nguyên gốc các quyền. Đôi khi, chính người sáng tạo ra chương trình có thể được công nhận là tác giả, nếu anh ta cho phép đưa vào tác phẩm cuối cùng những yếu tố độc đáo; lúc bấy giờ người ta chứng kiến sự ra đời một tác phẩm hợp thành[3].

Ngược lại, việc nhờ vào máy móc không lấy đi một tí gì tư cách tác giả của người sử dụng máy, trong khi vẫn chứng tỏ tính độc đáo trong việc sáng tạo một tác phẩm văn học và nghệ thuật.

Mẹo lừa về các tác phẩm gọi là "thoát khỏi các quyền"

Đối mặt với các bí ẩn của sở hữu văn học và nghệ thuật của Pháp, một số nhà cung cấp đề xuất những DVD hình ảnh được thông báo là "thoát khỏi các quyền". Cái đó chẳng có ý nghĩa gì về mặt pháp lý ở phía bên này của Đại Tây Dương.

Các DVD gọi là "thoát khỏi các quyền" nói chung "nhạc nền, hoặc với xuất bản và báo viết, thì gồm một bộ chủ đề minh hoạ (mặt trời lặn, động vật...) tức là không có giấy phép đặc biệt và không phải đóng tiền công. Vậy nhưng, nếu một thực tế như vậy là hợp pháp theo luật của Mỹ thì quan niệm của lục địa về quyền tác giả lại đối lập: việc sử dụng các hình ảnh như thế ở Âu Châu tỏ ra rất mơ hồ về mặt pháp lý.

Chính vì vậy mà nguyên tắc thù lao theo tỉ lệ – có nghĩa là cụ thể theo phần trăm – vẫn có ưu thế hơn trong mọi quan hệ giữa một tác giả và người ký hợp đồng

---

[1] Piatti và Gaubiac "Sự sáng tạo nghệ thuật giúp đỡ bởi máy tính". *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1983, số CXVIII, tr 108, Risset, "Các vấn đề quyền tác giả xuất phát từ việc sử dụng máy tính cho việc sáng tạo tác phẩm". *Quyền tác giả*, 1979, tr 244, Andre Bertrand, "Các sáng tạo" "được hỗ trợ" hay "sinh ra" bởi máy tính *Sách quyền tác giả*, số 24, 1990, tr 1.

[2] Xem "Các hình ảnh trái đất".

[3] Xem "Các tác phẩm hợp thành".

với anh ta[1]. Các điều L.131-4 và L.132-5 của CPI, thật ra, qui định việc đó một cách dứt khoát như thế. Tuy nhiên, bộ luật dự kiến một vài ngoại lệ hãn hữu. Nhưng cũng như đối với mọi vi phạm vào một nguyên tắc tư pháp, các ngoại lệ về tiền công theo tỉ lệ của các tác giả đều được pháp luật giải thích rất hạn chế.

Các khai thác miễn phí – hay nói đúng hơn là không có các thu nhập nảy sinh trực tiếp từ việc bán ra công chúng -, như có thể xảy ra trên Internet, dĩ nhiên là cho phép một tiền công khoán. Luật pháp thực ra chưa bao giờ coi các không gian quảng cáo như những khoản thu để phải tính các tỷ lệ phần trăm.

Ngoài ra, Điều L.132-6 của CPI xác định các ngoại lệ đặc biệt cho "xuất bản hiệu sách"[2]. Vì thế mà tiền nhuận bút của tác giả có thể là đối tượng của một "tiền công trả khoán [...] trong các trường hợp sau: [...] minh hoạ một tác phẩm [...]".

Điều luật nầy còn xác định thêm "cũng có thể thuộc đối tượng một việc tính công khoán, là những chuyển nhượng các quyền cho hoặc bởi một người hay một doanh nghiệp đặt ở nước ngoài".

Nhưng các khả năng trả tiền công theo khoán chỉ có giá trị "đối với lần xuất bản đầu tiên, với sự đồng ý dứt khoát của tác giả". Hơn nữa, những khái niệm cổ điển về thiệt hại cho một bên và về những gì xảy ra do không dự kiến (có trong Bộ Luật dân sự) được áp dụng về mặt hợp đồng xuất bản và cho phép chuyển sang vụ kiện kinh tế. Điều đó có thể được, theo văn bản của Điều L.131-5 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ, mỗi lần "tác giả phải chịu một thiệt hại nhiều hơn bảy phần mười hai" so với những gì tác giả có thể nhận được theo thường lệ, nếu tiền công tỷ lệ với các thu nhập.

Trái lại, Điều L.131-4 của Bộ Luật Sở hữu trí tuệ nêu ở đoạn cuối trường hợp chuyển đổi tiền công theo tỷ lệ thành tiền công khoán, và điều này là đối với tất cả các hợp đồng. Nó chỉ có thể xảy ra "theo yêu cầu của tác giả" với một thời hạn "nhất định" (có nghĩa là hạn chế), và đối với những "hợp đồng đang có hiệu lực", nói cách khác là đã kí rồi... Tóm lại, trên thực tế, các ví dụ chuyển đổi "thành công" không nhiều. Cuối cùng, nếu nhà xuất bản lựa chọn tỷ lệ phần trăm vì lý do an toàn, thì phần trăm này không được rẻ mạt, các vụ xử đã làm lộ chân tướng những gian lận thực sự trước pháp luật.

---

[1] Xem "Tiền công tác giả".
[2] Có thể hiểu là xuất bản để đem ra bán.

V

Quyền tác giả, các chế độ tài sản vợ chồng và thừa kế

Sự sở hữu văn học và nghệ thuật, như toàn bộ quyền, không phải là không mảy may bị ảnh hưởng trước những biến cố quan trọng có thể tác động đến tác giả. Hôn nhân và cái chết của tác giả có những hậu quả quan trọng đối với chế độ các quyền dựa trên các tác phẩm của tác giả. Về phía mình, nhà xuất bản đôi khi phải đề phòng các hậu quả đó.

Quyền tài sản và các chế độ tài sản vợ chồng

Từ khi bộ Luật sở hữu văn học và nghệ thuật năm 1957, (tiền thân của CPI) bắt đầu có hiệu lực, ngày 12-3-1958, chỉ riêng một số thu nhập khai thác chịu tác động bởi Luật các chế độ tài sản vợ chồng[1].

Điều L.121-9 của CPI hoàn toàn rõ ràng về điểm này:

"Dưới mọi chế độ tài sản vợ chồng và tình trạng gần như vô hiệu của mọi điều khoản trái ngược đưa vào hợp đồng hôn nhân, quyền công bố tác phẩm, định đoạt các điều kiện khai thác và bảo vệ sự toàn vẹn của nó chỉ thuộc về riêng người chồng hay người vợ là tác giả hoặc người chồng hay người vợ được giao những quyền đó. Quyền này không thể đưa làm của hồi môn, cũng không được chiếm bởi sở hữu chung hay bởi một hội mua tậu.

"Những sản phẩm tài chính đến từ việc khai thác một tác phẩm trí tuệ hay từ sự chuyển nhượng toàn bộ hay từng phần của quyền khai thác được đặt dưới quyền chung của các chế độ tài sản vợ chồng, khi chúng được sở hữu trong thời gian hôn nhân; cũng như là tiền tiết kiệm của các chủ nhân đó.

"Các quy định nêu ở đoạn trên không áp dụng nếu cuộc hôn nhân được tổ chức trước ngày 12-3-1958.

"Các điều khoản pháp lý liên quan đến sự đóng góp của hai vợ chồng vào các chi phí nội trợ đều được áp dụng cho các sản phẩm tài chính nêu ở đoạn hai của điều luật này".

---

[1] Về các quyết định của toà án đối với các thể chế trước, xem: Toà phá án, 25-6-1902, *Dalloz*, 1903, 1, 5, Kết luận Baudoin, ghi chép Colin, Toà phá án, 14-5-1945, *Dalloz*, 1945, 285, ghi chép Henri Desbois.

Xét cho đủ lẽ, tác giả là chủ các quyền tinh thần và chủ để thương lượng, cũng như để quyết định việc khai thác tác phẩm của mình nghĩa là có các quyền sao chép và trình diễn. Hôn nhân chỉ tác động ở những thu nhập rút ra từ việc khai thác. Và còn nữa, các quy định liên quan đến các quyền di sản nằm trong Điều L.121-9 chỉ áp dụng cho các chế độ của sở hữu chung. Một cuộc hôn nhân kí kết dưới thể chế tách biệt tài sản không ảnh hưởng gì đến số phận các quyền tác giả, dù là quyền tinh thần hay quyền tài sản.

Những thu nhập chịu tác động là những thu nhập nhận được trong thời gian hôn nhân, từ những tác phẩm sáng tạo ra trước và trong hôn nhân.

Khi li hôn, tác giả được tự do tiến hành chuyển nhượng các quyền khai thác sẽ tới. Như vậy, tác giả có thể trao các khoản tiền bản quyền cho người vợ hoặc chồng cũ[1].

Đối với những cuộc hôn nhân tổ chức trước 1958, tất cả các tác phẩm ra đời sau 1958 đều theo chế độ nói trên. Trái lại, nếu các tác phẩm ra đời trước 1958, độc quyền khai thác là chung cho cả hai vợ chồng, nếu họ kết hôn dưới chế độ tài sản chung về các đồ đạc và những gì mua tậu chung; trong lúc đó thì, dưới chế độ tài sản chung hạn chế ở những gì mua tậu chung, độc quyền khai thác chỉ chung nhau đối với các tác phẩm sáng tác trong khi kết hôn.

Các tác phẩm đó, tuy nhiên, chỉ thuộc vào tài sản chung nếu chúng được công bố. Trong trường hợp trái lại, nghĩa là khi tác giả không cho rằng chúng đáng được đưa ra cho công chúng, các tác phẩm vẫn là của cải riêng của tác giả[2]. Quyền tinh thần, ở đây nữa, có thể theo một số phận khác với số phận của quyền gia sản và, do đó, thuộc vào một mình tác giả[3].

Còn trung gian vật chất của tác phẩm với tư cách như thế – bản thảo – thì số phận của nó, từ khi có luật 1957, vẫn không được xác định.

Cuối cùng, câu hỏi đã được đặt ra là nếu một người đàn bà đã li hôn có thể giữ lại bút danh bằng tên họ của chồng cũ hay không. Câu trả lời hình như là khẳng định[4].

Quyền tác giả và những thừa kế

Ở đây nữa, điều quan trọng là phân biệt các quyền tinh thần với các quyền tài sản[5]. Các quyền tinh thần tuân theo một chế độ có thể vi phạm đến luật chung về

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 18-10-1989, *Dalloz*, Thông tin nhanh, 277.
[2] Toà Orléans (do Toà phá án trả về), 18-2-1959, *Tuần lễ pháp lí (JCP)* 1959, II, 1114, ghi chép Weil.
[3] Phòng dân sự Toà phá án, 14-5-1945, *Dalloz*, 1945, 285, ghi chép Henri Desbois.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 16-2-1981, *Dalloz*, 1981, luật học, 444, ghi chép Lindon.
[5] Xem "Các quyền tài sản" và "Các quyền tinh thần".

thừa kế, khi mà sự truyền kế các quyền sao chép và trình diễn nằm trong một sơ đồ pháp lý rất cổ điển.

Tuy nhiên, trong một chừng mực nào đấy, luật pháp thống nhất thừa nhận cho hai loại quyền một sự kiểm tra tư pháp về những lạm dụng mà các chủ sở hữu[1] có thể mắc phải đối với các quyền này.

Sự thừa kế các quyền tinh thần

Việc truyền kế các quyền tinh thần là sự quan tâm của nhiều điều luật CPI, những điều mà nếu thiếu logic và thiếu rõ ràng thì vẫn tiếp tục làm bối rối các cấp toà án và các chuyên gia quyền tác giả. Bộ luật thực hiện một sự phân biệt giữa các quyền tinh thần khác nhau.

Vì thế mà các quyền được tôn trọng, dù là tôn trọng tác phẩm hay tôn trọng tên và tác giả đều gần giống với quyền thừa kế cổ điển nhất. Điều 121-1 của CPI nhấn mạnh ở đoạn cuối rằng "[quyền được tôn trọng tên của tác giả, và tác phẩm của ông ta] là có thể truyền kế, vì cái chết, cho những người thừa kế của tác giả" và "việc thực thi có thể dành cho một người thứ ba theo như các điều khoản di chúc[2]".

Quyền rút lại và nghĩ lại hình như bị loại bỏ ra khỏi mọi kế truyền. Thật ra nó đáp ứng một hoàn cảnh và một trạng thái tinh thần quá riêng biệt, nên không thể được thi hành do một ai ngoài chính tác giả. Nhưng một quyết định của toà án đã chấp nhận việc thi hành nó bởi một người thừa kế, nếu mong muốn sử dụng quyền đó như vậy đã được "phát biểu rõ ràng bởi tác giả trước khi chết". Vậy vấn đề ở đây không phải là một sự thừa kế mà là một việc thực hiện hành động không thể làm được vì cái chết.

Trường hợp ít chính thống nhất so với luật chung về thừa kế, là quyền công bố. Thật ra, Điều L.121-2 của CPI phát biểu trong đoạn[3] của nó:

> "Sau khi chết, quyền công bố các tác phẩm di cảo của tác giả được thực hiện bởi một hoặc nhiều người thừa kế do tác giả chỉ định trong suốt đời họ. Khi không có những người này, hoặc sau khi họ chết, và trừ phi ý muốn ngược lại của tác giả, quyền này được thi hành theo thứ tự sau: bởi con cháu, bởi vợ hoặc chồng không bị xét xử li hôn có hiệu lực hoặc không có kết hôn mới, bởi những người thừa kế không phải là con cháu được nhận toàn bộ hay từng phần của thừa kế, và bởi những người thừa kế toàn bộ hay người được tặng toàn bộ của cải sẽ có".

---

[1] Xem Christophe Carron, *Lạm dụng quyền và quyền tác giả*, IRPI. Litec, 1998.

[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 17-12-1996, *Các áp-phích nhỏ*, số 67, tr 29, ghi chép Xavier Daverat.

[3] Đáng kể là Desbois (xem Thư tịch tổng hợp).

Trong điều này, văn bản luật chỉ nhằm tới quyền công bố, và không ghi các quyền tinh thần khác của tác giả. Tuy nhiên, một vài nhà bình luận, muốn mở rộng phạm vi và đưa vào lĩnh vực áp dụng cả các thuộc tính tinh thần của tác giả như quyền được tôn trọng và quyền lấy lại hay nghĩ lại[1]. Án lệ đã cho rằng họ sai, và đã khẳng định rằng các luật lệ về truyền kế đặc biệt ở Điều L.121-2 chỉ gồm một mình quyền công bố[2].

Sự thừa kế quyền công bố, do vậy phải được thực hiện trước tiên là cho lợi ích của người được giao quyền thi hành di chúc[3]. Nếu không có chỉ định người thi hành di chúc hay là khi người này chết, và trừ trường hợp tác giả qui định khác, thì những con cháu của tác giả sẽ thực hiện quyền công bố. Nếu không có con cháu thì sẽ là vợ hoặc chồng (trừ khi đã có án li dị với tác giả). Nếu không có vợ hoặc chồng thì các người thừa kế khác sẽ được nhận quyền công bố. Cuối cùng, nếu không có các người thừa kế khác, thì những người nhận di tặng thi hành quyền công bố.

Từ nay về sau đã có sự xác định rõ rằng vợ chồng và những con cháu được hưởng lợi về quy định này, dù họ có hay không từ bỏ việc thừa kế, không phải là trường hợp của những người khác do pháp luật chỉ định. Những người này phải là đã từng chấp nhận thừa kế để thi hành quyền công bố. Chúng ta nên nhớ rằng tác giả có thể qui định khác trong di chúc của mình.

Một vụ kiện liên quan đến việc chuyển quyền công bố của Robert Gilbert Lecomte đã cho phép định rõ rằng một khi các quyền đó đã được chuyển giao, và ngoại trừ trường hợp đặc biệt của người thi hành di chúc, người được thừa kế có thể chuyển các quyền đó cho... ai tuỳ ý muốn[4]. Tuy vậy, pháp chế vẫn ít đồng nhất về vấn đề này và những bất đồng xuất hiện đây đó[5].

Mặc dù các chế độ khác nhau đó, những người thực hành nhất trí nhận xét rằng trong thực tế các rủi ro về sự sai lệch trong việc truyền kế các quyền tinh thần của một tác giả là rất ít.

Những người thi hành di chúc

Dĩ nhiên là tuỳ ý tác giả chuyển cho một người thi hành di chúc các quyền được tôn trọng ngoài trường hợp quyền công bố đã được CPI nêu rõ ràng[6].

---

[1] Đáng kể là Desbois (xem thư tịch tổng hợp).

2 Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 11-1-1989, *Dalloz*, 1989, án lệ, 308.

3 Xem ở dưới.

4 Toà đại phúc thẩm Reims, 9-1-1969, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1969, số LXII, tr153.

5 Toà thượng thẩm Paris, 14-6-1972, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1973, 262, nhận xét Desbois. Toà thượng thẩm Paris, 17-12-1986, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1987, số CXXXII, tr 66.

[6] Toà phá án, 26-2-1920, Sirey, 1920, 1, 203.

Khung pháp lí chung liên quan đến những người thi hành di chúc được vạch rõ trong các điều 1025 và 1034 của Bộ Luật Dân sự, nằm trong phần (của Bộ luật) liên quan đến thừa kế. Các điều luật nhằm đặc biệt hơn vào người thi hành di chúc được hiểu theo nghĩa truyền thống là "người được chỉ định bởi người làm di chúc để đảm bảo thi hành những ý nguyện cuối cùng của mình, mà người được chỉ định này có thể được giao cả quyền thừa kế tức thì trong một ngày và một năm". Khuynh hướng của các điều này cũng áp dụng cho mọi hoàn cảnh khác, trong đó có một người thi hành di chúc can thiệp.

Lí thuyết thống nhất nhận định rằng nhiều điều luật đều được soạn thảo khá rộng để vừa giải quyết các quy định về di sản cũng như ngoại - di sản (tức là kể cả quyền tinh thần của tác giả).

Như thế có thể rút ra một vài bài học để soi sáng vị thế một người thi hành di chúc về một tác phẩm văn học.

Chú giải của các điều 1025 và tiếp theo của Bộ Luật dân sự thể hiện đặc biệt rằng người thi hành di chúc là người được uỷ quyền của người chết, chứ không phải là đại diện của những người thừa kế hay là người nhận di tặng. Cái đó có nghĩa là giấy uỷ quyền của anh ta là không thể đổi lại được. Không phải là người uỷ quyền (người chết), cũng không phải các chủ sở hữu của người chết có thể huỷ bỏ một giấy uỷ quyền như thế.

Nhưng người thi hành di chúc không thể do đó mà hành động độc lập với những chủ sở hữu của người chết. Những người này có thể đòi hỏi bãi bỏ người thi hành di chúc trước toà án, nếu anh ta có những hành động tham ô hay vì sự cẩu thả nghiêm trọng, làm hại đến quyền lợi của họ. Tất nhiên, cũng như thế nếu người thi hành di chúc không tôn trọng những chỉ dẫn của người làm di chúc. Thường thì nên dựa vào các thông lệ của nhà xuất bản. Lí thuyết, ở các tác giả có uy tín của nhà xuất bản, là một sự điều hành của "người cha tốt trong gia đình" (khái niệm cổ điển của Luật dân sự) sẽ không thể chê trách đối với người thi hành di chúc. Vậy người thi hành di chúc không thể chê trách là người thận trọng và sáng suốt. Sự khai thác tác phẩm không đầy đủ (hạn chế sự tiếp cận của công chúng), hay ngược lại, quá rộng và không kiểm soát, có thể bị chê trách trước các toà án. Những trường hợp khác của hình thái tranh chấp có thể hình dung: chọn phải một nhà xuất bản rõ ràng không còn có khả năng trả nợ, nhượng miễn phí quyền khai thác tác phẩm, v.v...

Tác giả chỉ định người thi hành di chúc trong di chúc của mình và kèm vào nhiệm vụ của người thi hành di chúc mọi loại thể thức và điều hợp. Người thi hành di chúc chỉ có thể chịu trách nhiệm một số nhất định các quyền tinh thần cũng như tất cả những gì có thể truyền kế. Trách nhiệm của anh ta có thể bị hạn chế ở một số tác phẩm. Vậy là, có thể một tác giả có nhiều người thi hành di chúc, mỗi người

chịu trách nhiệm một phần chuyên biệt của các tác phẩm. Cũng vậy, nhiều người thi hành di chúc có thể được giao cùng một trách nhiệm như nhau, và họ phải đồng thuận để đưa ra các quyết định. Người thi hành di chúc có thể là một cá nhân cụ thể hoặc là một pháp nhân tinh thần (cơ sở được tác giả lập nên hiệp hội, hội tác giả, v.v...). Nếu không có gì đặc biệt được tác giả dự kiến, thì khi người thi hành di chúc chết, các thuộc tính tinh thần mà người đó quản lí sẽ trở về gia đình của tác giả. Bằng bất cứ cách gì các thuộc tính tinh thần của tác giả cũng không thể chuyển theo sự thừa kế của chính người thi hành. Trái lại, tác giả có thể dự kiến rằng khi người thi hành di chúc chết, một người thi hành di chúc khác sẽ nối tiếp công việc.

Xét cho đủ lẽ, không nên quên rằng người thi hành di chúc không thể hành động trên các quyền nhân phẩm (vinh dự, đời tư, v.v....) không thuộc quyền tác giả.

Có thể phỏng theo mẫu sau đây về di chúc chỉ định người thi hành di chúc.

Di chúc này phải làm hoàn toàn bằng tay. Những bản sao dành cho những người thừa kế cũng phải viết tay và gồm toàn văn để tránh những vấn đề có thể xảy ra sau này. Các trang phải được kí tắt ở bên lề và đánh số đúng cách không gây mập mờ: 1/3, 2/3, 3/3... Nhất là không được quên ghi ngày tháng và kí đúng chữ kí thông thường nhất. Cuối cùng, trung gian vật chất thì tuỳ thích, nhưng tốt hơn cả là dùng giấy nguyên không có ghi một dấu gì.

Mẫu di chúc chỉ định người thi hành di chúc

(NƠI), (NGÀY THÁNG)

Đây là di chúc của tôi (nếu cần có thể ghi: "nó bổ sung hay huỷ bỏ các điều khoản di chúc đặt tại luật sư tên)".

Tôi là (TÊN), thể chất và tinh thần khoẻ mạnh, chỉ định người thi hành di chúc (TÊN) ở tại (ĐỊA CHỈ) mà tôi giao cho việc thi hành các thuộc tính của quyền tinh thần của tôi, và người này, đến lượt mình, có thể chỉ định người kế tục của mình.

Do đó, tôi giao cho (TÊN) trách nhiệm hoặc, nếu vắng mặt, (TÊN) đưa ra những quyết định liên quan đến tác phẩm của tôi và vì vậy quyết định công bố, cho trình diễn hay sao chép tác phẩm của tôi vào thời gian và theo các thể thức mà (TÊN) hoặc, nếu vắng mặt, (TÊN) cho là phù hợp.

Làm thành (SỐ LƯỢNG) bản đều là bản gốc như nhau, mà một bản được đưa cho (TÊN), một bản khác cho (TÊN), v.v... vào (NGÀY, THÁNG), tại (NƠI).

(CHỮ KÍ)

Các quyền tinh thần và sự lạm dụng hiển nhiên của những người đại diện cho cố tác giả

Nhưng luật pháp không chịu giải quyết sự truyền kế các quyền tinh thần, và cũng can thiệp để kiểm soát cách sử dụng mà những người thừa kế các quyền đó đã tiến hành.

Do đó, điều L121-3 của CPI quy định:

"Trong trường hợp lạm dụng hiển nhiên việc sử dụng hay không sử dụng quyền công bố về phía các đại diện của tác giả quá cố nêu ở Điều L.121-2, toà đại phúc thẩm có thể ra lệnh dùng mọi biện pháp thích hợp. Cũng như vậy nếu có tranh chấp giữa các đại diện nói trên, nếu không có chủ sở hữu được biết, hoặc trong trường hợp thiếu vắng hay không người thừa kế.

"Tòa án có thể được Bộ trưởng Văn hoá giao cho xét xử".

Sự "lạm dụng hiển nhiên" mà điều luật nêu lên chỉ ra một mâu thuẫn giữa cái người ta có thể nghĩ là nguyện vọng của cố tác giả và cách xử sự của người được giao thi hành các quyền tinh thần của tác giả. Tính từ "hiển nhiên" chỉ rằng tên nguyên tố không có sự nghi ngờ về nguyện vọng của tác giả: nguyện vọng này phải bộc lộ rõ ràng, dù cho cách biểu hiện đó là thế nào (thư tín, tuyên bố, di chúc v.v...). Vấn đề là trong thực tế có những điểm thường rất gây tranh chấp, vì tác giả ít khi bộc lộ ý muốn một cách rõ ràng[1].

Những lạm dụng thường liên quan đến quyền công bố[2]. Thông thường người ta đoán rằng tác giả mong muốn thấy tác phẩm của mình toả ảnh hưởng thật nhiều và đặc biệt muốn tác phẩm di cảo[3] của mình được công bố. Chính thế mà Gallimard đã có thể một thời, xuất bản lại toàn tập tác phẩm của Artaud, mặc dù sự phản đối của người thừa kế liên quan, trước khi Toà phá án thay đổi lập trường này[4]... Ngược lại sự lạm dụng công bố sẽ phải được chứng minh trước toà bởi bên nguyên. Nguyên đơn phải chứng minh được rằng tác giả đã không muốn công bố một tác phẩm như thế, vẫn chưa in trước khi chết. Một ví dụ cổ điển là việc một tác giả cấm không cho công bố tác phẩm khiêu dâm của mình, việc cấm đoán này được đặt ra cho những người được chịu trách nhiệm thi hành quyền tinh thần của tác giả. Ngược lại, phải tránh những lí do về luân lí thuần tuý (theo nghĩa thông thường của từ)[5].

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 28-2-1989, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1989, số CXXXXI, tr 257.

[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 25-5-2005, *Dalloz*, tr 1698, nhận xét Jeanne Daleau.

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 3-11-2004, *Dalloz*, trg.3223, nhận xét Philippe Allacys; *Sở hữu trí tuệ*, số 14, tháng 4-2005, tr 172, nhận xét Pierre Sirinelli.

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 24-10-2000, *Dalloz*, án lệ, tr 918, ghi chép Christophe Caron.

[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 9-1-1969, *Báo của Toà án*, 1969, I, 257, ghi chép Sarrante.

Loại lạm dụng thứ hai có thể xảy ra là biểu lộ sự thiếu tôn trọng đối với tác phẩm (thiếu tôn trọng tên tác giả chẳng hạn).

Đó là trường hợp một lần xuất bản cẩu thả (ví dụ: giấy xấu, bán ép qua thư từ, nhà xuất bản bị nghi ngờ về những ấn phẩm khác, minh hoạ đồi truỵ). Đó cũng là tình thế một nhà xuất bản hoàn toàn thụ động trước những xâm phạm gây ra bởi một bên thứ ba.

Ở đây, người ta có thể thấy rằng các thuộc tính tinh thần khác nhau không chịu chung một số phận như nhau, bởi vì luật pháp đề ra chỉ một quyền công bố. Các chuyên gia quyền tác giả hỏi nhau không biết có thể mở rộng phạm vi điều khoản này sang các quyền tinh thần khác được không - tức là chủ yếu cho các quyền được tôn trọng tác phẩm, tên và nhân phẩm tác giả.

Nhưng không nên quên rằng Toà phá án đã từ chối Hội Nhà văn kiện về sự thiếu tôn trọng tác phẩm chống lại việc cải biên *Những liên hệ nguy hiểm* của Roger Vadim trong những năm 1960[1]... Sự mở rộng khái niệm về lạm dụng này còn qui về những lí thuyết đơn giản.

Những người thừa kế của tác giả dĩ nhiên là có thể có ưu thế về một vụ kiện như vậy; mà bộ trưởng Văn hoá cũng thế. Nhất là, việc sử dụng cụm từ "đáng kể là" mở cửa cho quyền thừa kế tức thì với tất cả những ai, theo công thức pháp lí dành cho, có "quyền lợi hợp pháp để kiện". Vấn đề là rất có thể viện kiểm sát (khả năng rất lí thuyết), một hội tác giả (nếu điều này có nêu trong các qui chế), các thành viên gia đình, một hội những người bạn tác giả (ngay cả khi trường hợp này đã bị từ chối trước toà trong vụ về Robert-Gilbert Lecomte[2]) hay ngay cả các bạn của tác giả. Vì thế mà Claude Gallimard đã được quyền kiện chống lại việc công bố các tác phẩm chưa in của Montherlant[3]. Trung tâm sách quốc gia, về lí thuyết, có thể hoạt động trên lĩnh vực này khi những người thừa kế chết hết[4].

Quan toà, trong dịp này, sẽ nói lên những điều cấm, những xoá bỏ hay ngay cả việc bắt buộc phải công bố văn bản trong tình trạng thế nào. Hơn nữa, khi không có chủ sở hữu được biết (nghĩa là không còn ai trong số những người chỉ ra ở Điều L.121-2) ở trường hợp không có người thừa kế (không có người có quyền thừa kế) hay là khuyết trống (không có người thừa kế nào đòi hỏi việc thừa kế) thì quan toà có thể thực sự làm nhiệm vụ một người thực thụ quyền tinh thần; đoạn cuối Điều L.121-3 cho phép toà làm việc đó.

---

[1] Phòng dân sự Toà phá án, 6-12-1966, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1967, 505, nhận xét Desbois.

[2] Toà đại phúc thẩm Reims, 9-1-1969, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, 1969, số LXII, tr 153.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 1-12-1982, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1983, số CXV, tr 165, ghi chép Pierre-Yves Gautier.

[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 15-4-1964, *Báo của Toà án*, 1964, 2, 23.

Cuối cùng, điều L.111-3 của CPI dự kiến việc áp dụng cùng các quy định như thế trong trường hợp người chủ sở hữu một tác phẩm chưa in cản trở trái phép mọi công bố[1].

Sự thừa kế các quyền di sản

Các quyền di sản (quyền sao chép và quyền trình diễn), về phần chúng, theo một sự truyền kế rất cổ điển không đòi hỏi ở đây một bình luận đặc biệt nào. Người thừa kế phải nhận sự thừa kế để được hưởng các quyền đó. Có thể có những qui ước vị phân và Nhà nước có thể lấy lại sự thừa kế của một tác giả trong trường hợp không có người thừa kế. Chỉ nên nhấn mạnh rằng cái chết của tác giả không hề thay đổi gì các hợp đồng mà ông ta đã có thể kí trong sinh thời: chỉ người được hưởng những khoản tiền do nhà xuất bản đóng là thay đổi.

Chỉ có mỗi quyền nối tiếp không liên quan tới các nhà xuất bản bởi vì nó chỉ liên quan đến các việc bán công cộng các tác phẩm nghệ thuật, theo một chế độ cho phép xâm phạm quyền thông thường về thừa kế.

Các quyền di sản và sự lạm dụng hiển nhiên của những người đại diện cho cố tác giả

Năm 1958, ngành lập pháp cũng đã đưa vào việc kiểm tra tư pháp các lạm dụng liên quan đến các quyền khai thác chính là nhắc lại việc kiểm tra hiện có với quyền công bố. Điều L.122-9 của CPI dự kiến "trong trường hợp lạm dụng hiển nhiên trong việc sử dụng hay không sử dụng các quyền khai thác về phía những đại diện của cố tác giả nêu ở Điều L.121-2, toà đại phúc thẩm có thể ra lệnh mọi biện pháp thích hợp. Cũng như vậy, nếu có tranh chấp giữa những người đại diện đó, nếu không có những người thừa kế được biết hay trong trường hợp khuyết trống hay không có người thừa kế. Toà án có thể được bộ trưởng Văn hoá giao xét xử".

Việc kiểm tra pháp lí các lạm dụng phải kéo theo các nhận xét như những nhận xét đã nêu về quyền công bố[2]. Điều khoản này tương đối mới, rõ ràng là thuận lợi cho các nhà xuất bản, đáng kể là trong trường hợp tranh chấp, khuyết trống, v.v... Nhà xuất bản, như vậy, về lí thuyết có một vũ khí chống lại người thừa kế làm đình trệ khi tái bản.

---

[1] Xem "Sự độc lập của các sở hữu vật chất và tinh thần".
[2] Xem ở trên.

Cuối cùng, điều L.123-6 của CPI bố trí cho người vợ hoặc chồng còn sống được hưởng hoa lợi.

> "Trong thời kỳ nêu ở Điều L.123-1[1], người vợ hoặc chồng còn sống mà đã không bị xét xử li hôn có hiệu lực, dù chế độ tài sản vợ chồng là thế nào, và độc lập với các quyền hoa lợi nằm trong Điều 756 đến 757-3 và 764 đến 766 của Bộ luật dân sự[2] về các tài sản khác của thừa kế, được hưởng hoa lợi từ quyền khai thác mà tác giả không có được. Tuy nhiên, nếu tác giả để lại những người thừa kế bắt buộc, thì quyền hoa lợi đó được thu về nguồn lợi của những người thừa kế theo các tỉ lệ và sự phân biệt đặt ra bởi các Điều 913 và 914 của Bộ Luật dân sự[3]. Quyền này bị chấm dứt ở trường hợp người vợ hoặc chồng đó có hôn nhân mới."

Không nên quên rằng quyền khai thác gồm, ngoài việc nhận các khoản tiền trả, còn có cả sự quản lí các quyền di sản (tức là quyền được có những quyết định liên quan đến việc khai thác tác phẩm).

Nhưng điều này chỉ được áp dụng, nếu tác giả không truyền lại các quyền khai thác trong di chúc. Hơn nữa, như chính điều luật đã xác định việc đó, nó không thể bị lấn quyền sang phần của những người thừa kế bắt buộc.

---

[1] Tức là thời hạn tồn tại của các quyền di sản, theo luật chung là đến bảy mươi năm sau khi tác giả chết. Xem chương VI "Thời hạn các quyền".

[2] Tức là quyền hoa lợi bố trí bởi luật chung về thừa kế.

[3] Điều 913 Bộ Luật dân sự qui định rằng "những quà hậu, dù do hành động của những người sống, hoặc bằng di chúc, không thể vượt quá một nửa các tài sản của người lập di chúc, nếu người đó chỉ để lại ba hoặc nhiều con hơn; mà không có phân biệt giữa con đẻ và con ngoài giá thú".

VI

Thời hạn các quyền

Trong lúc theo luật của Pháp, quyền sở hữu tài sản, trên một mảnh đất chẳng hạn, có thể truyền từ thừa kế này sang thừa kế khác, thì quyền sở hữu văn học và nghệ thuật có cái mà người ta cùng gọi là "lãnh vực công cộng[1]". Vấn đề cho thấy đây là một ngoại lệ đáng chú ý của luật sở hữu tài sản, là quyền tác giả. Quyền tác giả phân biệt với mọi hình thức sở hữu tài sản khác, đáng kể là ở chỗ quyền sở hữu này có giới hạn trong thời gian.

Nhưng giới hạn này chỉ liên quan đến các quyền tài sản và không có một trường hợp nào liên quan đến các quyền tinh thần mà người ta đã thấy là vĩnh viễn và không bao giờ rơi vào "lĩnh vực công cộng[2]".

Thời hạn về nguyên tắc

Thời hạn về nguyên tắc, tức là thời hạn được dành để áp dụng, trừ ngoại lệ, có giới hạn ở điều L.123-1 của CPI:

> "Tác giả được hưởng suốt đời độc quyền khai thác tác phẩm của mình dưới bất kì hình thức nào và lấy ra từ việc khai thác đó một lợi ích về tài chính. Khi tác giả chết, quyền này kéo dài, có lợi cho các chủ sở hữu của tác giả trong năm lịch thường đang diễn ra và bảy mươi năm tiếp theo".

Như vậy trước hết, sự bảo hộ được cấp cho đến ngày 31- tháng Mười hai của năm kỉ niệm lần thứ bảy mươi ngày mất của tác giả.

Không có một sự chiếu cố nào do tác giả đã có một thời gian không đòi hỏi hưởng quyền của mình[3]. Trái lại, về chuyện *Những tinh hoa của nỗi đau*, đã có sự xét xử rằng không phải vì một tác giả đã bị tước đi một thời kì khai thác tác phẩm, do tác phẩm bị cấm, mà có thể đòi hỏi giới hạn ngày mà tác phẩm được cho phép bán lại trên thị trường[4].

---

[1] Xem Stéphanie Choisy, *Lĩnh vực công cộng và quyền tác giả*, IRPI-Litee, 2002.

[2] Xem "Tính chất các quyền tinh thần", Blanche d'Ormesson - Kersaint, "Sự bảo hộ các tác phẩm thuộc lĩnh vực công cộng", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1983, số CXVI, tr 73, Frédéric Pollaud-Dulian, "Thời hạn quyền tác giả", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1998, số 176, tr 83.

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 13-11-1973, *Thông báo dân sự*, I, số 302.

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 5-7-1967, *Báo của Toà án*, 2, 209.

Mặt khác nên ghi nhớ rằng lập pháp về các cơ sở dữ liệu[1], được đưa vào CPI, dự kiến quyền chuyên biệt (có thể kiêm với quyền tác giả cổ điển) hết hạn mười lăm năm sau khi hoàn thành cơ sở (Điều L.342-5 của CPI).

Kéo dài thời hạn bảo hộ bằng Luật 27-3-1997

Thời hạn về nguyên tắc trước kia là năm mươi năm sau khi tác giả chết đã được sửa đổi theo một chỉ thị của Cộng đồng Châu Âu ngày 29-10-1993[2], dự kiến bắt đầu có hiệu lực chậm nhất ngày 1-7-1995. Tuy thế, nó cũng đã được chuyển vị ở Pháp thành luật quốc gia chậm đi hai năm, bằng Luật 27-3-1997, hiện nay sáp nhập vào CPI[3].

Theo như các điều khoản mới, sự "phục sinh" các quyền dựa trên các tác giả ở Pháp đã rơi vào lĩnh vực công cộng, chỉ có lợi cho các tác phẩm còn được bảo hộ ở ít nhất một quốc gia của Liên minh Châu Âu cho đến ngày 1-7-1995 - chứ không phải đến ngày 1-1-1995 như đã công bố nhầm hồi đầu trên Công báo[4].

Điều đó, trong thực tế, tương đương với bảo hộ lại trên lãnh thổ Pháp, các tác giả đã bước vào lãnh vực công cộng trong mấy năm vừa qua.

Các nhà xuất bản đã được hưởng lợi một năm khoan hồng được cơ quan lập pháp dự kiến rằng để hợp thức hoá hoàn cảnh của họ bằng hợp đồng với các chủ sở hữu liên đới. Nhưng chỉ có thể truy cứu trách nhiệm hình sự của những ai đề ra trong catalô của họ những tác phẩm "rời bỏ" lĩnh vực công cộng, đối với những hành động phạm phải sau khi công bố luật, vì luật hình sự không thể có hiệu lực trở về trước.

Ngoài ra, một qui định chuyển tiếp riêng cho hợp đồng xuất bản đã được thông qua, bởi vì sự gia hạn hình như chỉ lợi cho những ai đã đi trước quy định chuyển tiếp này bằng các dự kiến các điều khoản nhằm không những vào "tất cả thời hạn các quyền sở hữu văn học và nghệ thuật" mà cả các "gia hạn có thể có được đưa vào đấy. Các chủ sở hữu quyền tác giả thấy bỗng nhiên được cấp hai mươi năm bảo hộ bổ sung, thực ra, phải đề nghị ưu tiên cho nhà xuất bản cũ về cái lợi của

---

[1] Xem "Thông tin, truyền thông đa phương tiện và cơ sở dữ liệu".

[2] Chỉ thị CE no93/98 ngày 29-10-1993, *Công báo Cộng đồng Châu Âu*, 24-11-1993, tr 290.

[3] Luật số 97-28 ngày 27-3-1997, André Françon, "Bình luận luật 27-3-1997", *Légipresse*, số 141, tháng 5-1997, IV, 45. Laurence Tellier - Loniewski và Marion Depadt, "Việc chuyển các chỉ thị "thời hạn" và "vệ tinh và cáp": cái sắp thay đổi trong thực tế", *Báo của Toà án*, 18-20-I-1998, tr 29. Florence-Marie Piriou, "Thời hạn luật mới của bảo hộ", *Tiểu phẩm nhiều kì của Hội nhà văn, số*1, 1998, tr 9, Emmanuel Pierrat, "Những khó khăn trong việc áp dụng các luật lệ mới trên thời hạn các quyền tác giả", *Tuần báo sách, số* 291, 1-5-1998, tr 5.

[4] Đính chính đăng trong *Công báo*, ngày 3-7-1997.

sự gia hạn này với những điều kiện hợp đồng như cũ, trước khi có thể chuyển sang các nhà xuất bản khác... Sự trừng phạt về việc không tôn trọng loại quyền ưu đãi này là sự vô hiệu của việc chuyển nhượng trái phép.

Không nên quên rằng các sáng tác âm nhạc, có hoặc không lời, đã được bảo hộ từ 1985 trong một thời gian bảy mươi năm sau khi tác giả chết. Ngay cả khi luật pháp không phát biểu về vấn đề này, thì hình như với một tác phẩm cộng tác giữa một nhạc sĩ và một người đặt lời, công việc của người đặt lời được bảo hộ sau khi chết, đến nay vẫn là chuyện bình thường, tức năm mươi năm[1].

Còn lại là khả năng cáo buộc chỉ thị 1993, chính nó lại là nguồn gốc của Luật 27 tháng 3 năm 1997. Văn bản này, mà các hệ quả thực tế ở Pháp có lợi nhất là cho các tác giả Tây Ban Nha, Áo và Đức, trái ngược với Hiệp ước Rome, và đặc biệt là với nguyên tắc không phân biệt giữa các quốc gia Cộng đồng. Sự khác nhau này đã là nguyên cớ phúc nghị về sở hữu văn học và nghệ thuật trong vụ kiện Phil. Collins do Toà án của Cộng đồng Châu Âu xét xử[2] năm 1993. Chính dựa vào phúc nghị này mà ngày nay người ta yêu cầu một sự phục hồi các quyền trên những tác phẩm của các tác giả chết từ dưới bảy mươi năm.

Những người thừa kế của tác giả, được thay thế bằng các hội tác giả và các chủ sở hữu, lo lắng không được hưởng khoản lợi, đã bắt đầu sử dụng cách giải thích khả dĩ này và doạ các nhà xuất bản bằng những đòn pháp lí tồi tệ nhất. Ở đây nữa, không ai có thể khẳng định giữ được sự thật tối cao; và chọn cách thương lượng và trả tiền chỉ là một biện pháp hoà giải, nhưng cũng không bảo đảm một tí gì cho nhà xuất bản về một độc quyền thực sự. Chắc chắn là sẽ phải chờ những kết luận rút ra từ Bruxelles - toà này do được cảnh báo về cách soạn thảo kém cỏi của chính mình, sẽ mở lại hồ sơ - hoặc một nhà xuất bản bị lên án chấp nhận tiếp tục một cuộc tranh cãi dài hơi. Để xét xử, thì thủ tục tố tụng phải đưa lên tận Toà án Luxembourg.

Hiện giờ, những quyết định đưa ra về vấn đề này đều lạc hướng.

Tính toán thời hạn các quyền tài sản đã là việc đau đầu cho các nhà xuất bản, trước khi những xáo lộn do Luật 27-3-1997 đưa sự bảo hộ về nguyên tắc lên bảy mươi năm sau khi tác giả chết. Những cuộc xét xử gần đây tiến hành dưới tác động của luật này không giúp làm sáng tỏ tình hình.

Toà đại phúc thẩm Paris, lần đầu tiên năm 2001 đã quan tâm đến mớ bòng bong này trong dịp một tranh chấp giữa Hội tác giả các nghệ thuật đồ hoạ và tạo

---

[1] Ý kiến này đáng kể là của các giáo sư André và Henri-Jacques Lucas (xem Thư tịch đại cương).

[2] Vụ kiện Phil Collin C/Imtrat, C-92/92 và Patricia Im-und Export, Kraul c/EMI Electrola, C-326-92, *Toà án Cộng đồng Châu Âu, Tập, 1993-1, tr 5145. Xem cả vụ kiện La Bohême: Toà án Cộng đồng* Châu Âu, vụ C-360/00, 6-6-2002, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 2002, tr 676, nhận xét André Françon); Frédéric Pollaud-Dullian, "Sử dụng đúng nguyên tắc cộng đồng về không phân biệt về quyền sở hữu trí tuệ – về vụ kiện La Bohême", Sở hữu trí tuệ, số 6, tháng 1-2003, tr 24.

hình (ADAGP) và nhà xuất bản Hazan về chuyện sao chép các tác phẩm của Claude Monet[1]. Mất từ 1926, Monet được xem như thuộc vào lĩnh vực công cộng từ lâu, ngay cả các tác phẩm đã được hưởng những gia hạn nổi tiếng vì chiến tranh.

Nhưng ADAGP viện dẫn khoản lợi của việc kéo dài thời hạn bảo hộ và do đó đã gán cho nhà xuất bản là làm giả. Hội đã đòi khoản tiền được lợi của thời hạn bảo hộ, có được theo luật của Đức, đến bảy mươi năm sau khi tác giả chết.

Nhà xuất bản biện hộ cho sự duy trì trong lĩnh vực công cộng bằng cách nêu lên công ước Berne[2], vẫn chi phối quyền tác giả của một trăm nước. Quả thực, công ước này dự kiến rằng thời hạn của các quyền được ấn định bởi luật của nước ở đó người ta đòi hỏi sự bảo hộ. Nhưng thời hạn bảo hộ này không được vượt quá thời hạn bảo hộ của nước chính gốc, chỉ trừ nếu luật của quốc gia nơi có đòi hỏi sự bảo hộ lại quyết định một cách khác. Đó là nguyên tắc gọi là so sánh các kì hạn.

Nói rõ ra, Monet không thể được bảo hộ trên lãnh thổ Đức, bởi vì ông ta đã trở về với lĩnh vực công cộng ở trên lãnh thổ nguyên gốc rồi. Vậy ông không thể được bảo hộ ở bất cứ nơi nào khi bản chỉ thị bắt đầu có hiệu lực và do đó không thể trở lại được bảo hộ. Vậy mà Toà đại phúc thẩm Paris đã loại bỏ kiểu tu từ cổ điển này về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật: "Chẳng qua đây là một luật lệ không bắt buộc; [...] thật ra, khi Công ước đặt ra một chế độ bảo hộ tối thiểu đã dành một giả thiết rằng ngành lập pháp của quốc gia nơi có đòi hỏi bảo hộ "quyết định khác đi...".

Luật của Đức ngày 9-9-1965, thật ra cũng đã sửa đổi ngày 23-6-1995 để tính đến khi chỉ thị bắt đầu có hiệu lực. Điều 120 của nó qui định rằng "đều được xem như những người thuộc quốc tịch Đức [...] tất cả những người thuộc quốc tịch của một nước khác thành viên của Liên minh Châu Âu hay một quốc gia tham gia trong hiệp ước về không gian kinh tế Châu Âu".

Quyết định gây ngạc nhiên này đã được kèm trước bằng một dấu hiệu đầu tiên đáng lo ngại bởi vì cùng khóa quan toà của Toà đại phúc thẩm Paris, ngày 2-5-2001 đã giải quyết theo hướng này về các tác phẩm của Albert Londres, mất năm 1932[3].

Các quyết định này, bị chỉ trích nhiều, các nhà xuất bản liên quan đưa lên thượng thẩm. Năm 2002, Toà thượng thẩm đã khẳng định, một bản án liên quan đến Albert Londres[4].

Trái lại, việc giải quyết ngày 16-1-2004[5] về chuyện Monet lại rõ ràng khác, ngay cả việc giải quyết này vẫn còn mập mờ không những đối với người không am

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 27-6-2001, *Légipresse*, 2002, III, tr 8, ghi chép Emmanuel Pierrat.
[2] Xem chương XIV "Luật quốc tế".
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 2-5-2001, *Sở hữu trí tuệ*, số 4, tháng 7-2002, tr 62, nhận xét André Lucas.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 25-9-2002, *Sở hữu trí tuệ*, số 6, tháng 1-2003, tr 48, nhận xét André Lucas.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 16-1-2004, Légipresse, 2004, số 210, III, tr 55, ghi chép Stéphanie Choisy; *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 2004, tr 479, nhận xét Frédéric Pollaud-Dulian.

hiểu mà ngay cả đối với các chuyên gia. Nói rõ ra, các quan toà thượng thẩm tỏ ra chống lại việc kiêm thụ các gia hạn chiến tranh với việc kéo dài thời hạn bảo hộ. Bởi vì, không chỉ những người thừa kế của Monet đã được lợi bắt đầu từ 1977, nhưng sự dồn chất các gia hạn sẽ đi ngược lại nguyên tắc hài hoà của cộng đồng. Còn lại là xem khuynh hướng pháp chế đối với một tác giả chưa bao giờ được hưởng những gia hạn chiến tranh nổi tiếng đó.

Sự kéo dài các quyền tác giả cho đến bảy mươi năm sau khi tác giả chết cũng đã được thông qua ở Hoa Kì. Nó đã là đối tượng của những cuộc tranh luận trước các phiên toà thượng thẩm. Cuộc tranh cãi đã đặc biệt sôi nổi, những người chống đối việc kéo dài thời hạn, tố cáo điều theo họ là kết quả của kiểu vận động hành lang khéo léo của những người thực thụ các quyền trên tác phẩm của Walt Disney. Không có sự kéo dài đó, Mickey sẽ bị đe doạ sắp sửa rơi vào lĩnh vực công cộng...

Từ nay về sau lại đến lượt những người thực thụ các quyền gọi là "cận kề" - liên quan đến không phải các tác phẩm mà việc trình diễn tác phẩm, đáng kể là trình diễn âm nhạc - tạo ra những đòi hỏi nhằm mục đích kéo dài các quyền của họ. Ở đấy nữa, việc vận động hành lang đã bắt đầu, lần này thì trên đề tài sự phân biệt giữa nghệ sĩ biểu diễn và tác giả... Các quyền kề cận, thật ra, rơi vào lĩnh vực công cộng là năm mươi năm bắt đầu từ "cuộc trình diễn đối với những nghệ sĩ trình diễn", từ "việc định hình đầu tiên của một lớp [...] đối với những người sản xuất phim" và "buổi truyền thông đầu tiên ra công chúng [...] đối với các công việc truyền thông nghe nhìn". Các nhà xuất bản các sản phẩm truyền thông đa phương tiện tiêu thụ những nhạc phẩm vừa mới "thoát khỏi các quyền" đều nằm trong tầm ngắm ở Châu Âu cũng như ở Hoa Kì.

Sự kéo dài tiếp các luật lệ riêng cho các tác phẩm di cảo vô danh, có bút danh, tập thể hay cộng tác.

Nhiều luật lệ riêng biệt ở Pháp còn vi phạm thời hạn bảy mươi năm sau khi tác giả chết.

Các tác phẩm cộng tác được bảo hộ trong thời hạn bảy mươi năm sau khi người cộng tác cuối cùng chết (Điều L.123-2 của CPI). Chỉ thị của Cộng đồng cũng chấp nhận thể chế đó (bằng cách thay năm mươi năm sang bảy mươi năm). Sự bảo hộ này có lợi cho các chủ sở hữu các quyền của hai tác giả. Đối với các chủ sở hữu của một cộng tác viên đã rơi vào lĩnh vực công cộng, dĩ nhiên sự bảo hộ chỉ đặt vào tác phẩm cộng tác.

Một đoạn hai đã được Luật 27-3-1997 thêm vào điều L.123-2 của CPI qui định: "Đối với những tác phẩm nghe nhìn, năm lịch thường được lấy làm căn cứ là năm mất của người sống lại cuối cùng trong những cộng tác viên sau đây: tác giả kịch bản, tác giả lời thoại, tác giả âm nhạc có hoặc không lời đặc biệt sáng tác cho tác phẩm, người dựng phim chính". Cái chết của tác giả tác phẩm gốc, được nêu

trong danh sách các đồng tác giả được xem là của tác phẩm nghe-nhìn, như đã được giới hạn ở điều L113-7 của CPI, hình như đã bị ngành lập pháp năm 1997 gạt đi. Đối với các tác phẩm tập thể, cũng như đối với các tác phẩm vô danh hay có bút danh thì, trái lại, sẽ là một thời hạn bảy mươi năm kể từ ngày 1 tháng Giêng của năm xuất bản. Và Điều L.123-3 xác định "Trong trường hợp một tác phẩm có bút danh, vô danh hay tập thể được xuất bản từng kỳ thời hạn để tính là từ ngày 1 tháng Giêng của năm lịch thường tiếp theo ngày xuất bản từng yếu tố". Luật 27-3-1997, tuy nhiên, đã bãi bỏ đoạn xác định về mặt này rằng: "Tuy vậy, nếu việc xuất bản đã hoàn toàn xong trong một kì hạn hai mươi năm kể từ khi xuất bản một yếu tố đầu tiên, thời hạn của độc quyền đối với toàn bộ tác phẩm chỉ kết thúc khi hết năm thứ năm mươi tiếp sau năm xuất bản yếu tố cuối cùng". Điều khoản này liên quan trước hết đến các từ điển bách khoa hay các công trình loại *Lịch sử của* ... xuất bản thành nhiều tập. Nhà xuất bản, vì vậy, cho đến nay đã rất quan tâm suy nghĩ đến những hậu quả hạn chế rất lớn khả năng việc đầu tư lại dài hạn đối với các công trình nghiên cứu cơ bản... Về điểm này các cấp xử của Cộng đồng đã đơn giản hoá luật lệ và chỉ chấp nhận sự bảo hộ bảy mươi năm cho từng yếu tố và dần dần theo sự xuất bản yếu tố đó.

Điều L.123-3 của CPI xác định rằng "ngày xuất bản được xác định bằng mọi cách thức của chứng cứ của luật chung và đáng kể bằng nộp lưu chiểu".

Đối với những gì liên quan đến tác phẩm vô danh hay có bút danh, cũng nên nhớ rằng nếu bút danh rõ ràng đến mức là căn cước thực của tác giả không gây nghi ngờ gì (San Antonio đối với Frédéric Dard, chẳng hạn), tác phẩm được một thời hạn bảo hộ đúng với thời hạn bảo hộ của chế độ chung[1].

Các tác phẩm di cảo theo chế độ bình thường của thời hạn bảy mươi năm kể từ ngày mất của tác giả và có lợi cho các chủ sở hữu quyền tác giả, trừ khi xuất bản sau lúc hết hạn bảo hộ các quyền tác giả. Trong trường hợp này "Thời hạn độc quyền là hai mươi lăm năm kể từ ngày 1 tháng Giêng của năm lịch thường tiếp theo năm xuất bản" và quyền khai thác "thuộc về các chủ sở hữu, theo thừa kế hay thuộc các tư cách khác của tác phẩm, thực hiện hay cho thực hiện việc xuất bản[2]".

Những gia hạn vì chiến tranh

Các cuộc chiến tranh không phải là không ảnh hưởng đến thời hạn bảo hộ bằng quyền tác giả của Pháp (luật của Bỉ cũng có những điều khoản tương tự). Để bù cho việc không thể khai thác đúng đắn một tác phẩm trong thời chiến tranh,

---

[1] Xem "Các tác phẩm vô danh hay có bút danh".
[2] Xem "Các tác phẩm di cảo".

Điều L.123-9 của CPI gia hạn một thời gian bằng thời gian trôi qua giữa ngày "13-9-1939 và 1-1-1948, đối với tất cả các tác phẩm xuất bản trước ngày này và không rơi vào lĩnh vực công cộng vào ngày 13-8-1941". Tổng cộng lại, nên thêm tám năm và một trăm hai mươi ngày cho thời hạn bảo hộ tác phẩm liên quan.

Còn về Chiến tranh thế giới thứ nhất, nên tham khảo một Luật ngày 3-2-1919, mà các quy định đã được luật hóa dưới điều L.123-8 của CPI. Nó kéo dài sáu năm và một trăm năm mươi hai ngày thời hạn bảo hộ các tác phẩm công bố giữa 2-8-1914 và kết thúc của năm tiếp theo ngày kí hiệp ước hoà bình (tức là ngày 31-12-1919[1]) và các tác phẩm đó không "rơi vào lĩnh vực công cộng ngày 3-2-1919".

Việc gộp dồn hai thứ gia hạn dĩ nhiên là có thể được đối với những tác phẩm công bố trước Chiến tranh thế giới thứ nhất[2]. Nhưng dĩ nhiên sự gộp dồn này sẽ được áp dụng ngày càng ít hơn. Ngoài ra, vụ xét xử Monet lại đặt vấn đề cáo giác một phần ngay chính nguyên tắc[3].

Điều L.123-10 cũng qui định rằng một gia hạn đặc biệt ba mươi năm được thêm vào thời hạn bảo hộ khi giấy khai tử chứng tỏ rằng tác giả "hi sinh vì nước Pháp". Một nghị định của bộ trưởng Văn hoá có thể có tác dụng như vậy, nếu giấy khai tử không được lập cũng không được sao lại ở nước Pháp.

Cần lưu ý rằng luật pháp cuối cùng đã làm lợi cho nhà xuất bản bằng những gia hạn đó khi các hợp đồng lập ra trước lúc thông qua những gia hạn đó chỉ tham khảo thời hạn các quyền sở hữu văn học và nghệ thuật.

Về lí thuyết, các gia hạn không được lợi cho các tác phẩm di cảo[4] chưa in. Luật pháp hình như hơi không chắc chắn về điểm này[5].

Hơn nữa, thiếu hẳn tham khảo những gia hạn đặc biệt là một trong các khó khăn chủ yếu do luật 27-3-1997 gây ra cho việc kéo dài thời hạn các quyền. Ở đấy còn phải chú giải nhiều, và ngày nay không ai có khả năng khẳng định chắc chắn liệu các gia hạn gắn liền với chiến tranh và các hậu quả của chúng nó còn tồn tại trong các luật lệ mới không[6].

---

[1] Luật pháp đôi khi đã chỉ những ngày khác để tham khảo, như ngày 28-6-1919, ngày hiệp ước, hay 24-10-1919, ngày ngừng toàn bộ chiến sự. Về tranh luận này, xem Colombet, tr 285 (xem Thư mục đại cương. Toà thượng thẩm Paris, 10-3-1970, *Dalloz*, 1971, 114, Toà thượng thẩm Paris, 5-12-1956, *Dalloz*, 1958, ghi chép Henri Desbois, Toà thượng thẩm Versailles, 5-3-1984, *Dalloz*, 1986, Thông tin nhanh, 187, nhận xét Claude Colombet.

[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 21-6-1961, Thông báo dân sự, I, số 332.

[3] Xem "Sự kéo dài thời hạn bảo hộ bởi luật 27-3-1997".

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-4-1986, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1986, tr 146.

[5] Toà thượng thẩm Paris, 10-3-1970, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1970, số LXV, tr 139.

[6] SNE đã nhận định đáng kể rằng các gia hạn đều gồm trong thời hạn mới là bảy mươi năm sau khi tác giả chết.

VII

Những ngoại lệ của các quyền di sản

Về nguyên tắc, mọi tác phẩm đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc để được bảo hộ bằng quyền tác giả chỉ có thể được sao chép hay trình diễn toàn bộ hoặc từng phần, nếu có giấy phép của người thực thụ các quyền đối với tác phẩm. Nguyên tắc này, tuy nhiên, chịu khá nhiều ngoại lệ do luật định. Luật pháp, được tăng cường bằng những án lệ, bộc lộ những kẽ hở thực sự trong quyền tác giả, cho phép các bên thứ ba, với một vài điều kiện, tiến hành dưới một hình thức này hay hình thức khác, việc khai thác tác phẩm được bảo hộ.

Điều L.122-5 của CPI kể ra những ngoại lệ của các quyền di sản, tức là những hoàn cảnh trong đó các bên thứ ba có thể bỏ qua mọi giấy phép của người thực thụ các quyền: trình diễn tư, sao chép tư, trích dẫn, phân tích, điểm báo, diễn văn công và chính trị, văn bản luật quyết định tư pháp và quốc ca, văn nhái, mô phỏng và biếm họa. Từ 1998, các "việc làm cần thiết để tiếp cận nội dung một cơ sở dữ liệu điện tử vì các nhu cầu và trong những phạm vi sử dụng được dự kiến trong hợp đồng" đã được thêm vào bảng liệt kê này[1].

Chỉ thị của Cộng đồng Châu Âu về quyền tác giả đề ngày 22-6-2001 (chính thức được gọi là Chỉ thị Châu Âu "về quyền tác giả và các quyền cận kề trong xã hội thông tin") phải được chuyển đổi thành luật của quốc gia Pháp trong tháng 1-2006.

Vấn đề khởi thuỷ là khẳng định lại việc áp dụng các luật lệ cổ điển làm cho chúng thích hợp. Phạm vi đã dần dần được mở rộng, theo yêu cầu của các nhóm gây sức ép, đến nhiều điểm va chạm hiện nay của quyền tác giả, dù các điểm đó có đưa hay không lên kĩ thuật số.

Ở trong Chỉ thị rất rộng và mơ hồ này, nhiều biện pháp đã để cho tuỳ ý các Quốc gia thành viên: các biện pháp đó chủ yếu dành cho các ngoại lệ có thể có đối với chế độ chặt chẽ của sở hữu văn học và nghệ thuật.

Chỉ thị đề cập dần dần từng ngoại lệ cổ điển của quyền tác giả bao gồm đặc biệt trong CPI. Nó để cho mỗi quốc gia quyền sửa đổi, nhưng cũng cả phát triển thêm các ngoại lệ mới với một số ngoại lệ thì "không đụng chạm gì" và với những ngoại lệ khác lại có những hậu quả rất quan trọng.

---

[1] Xem những sự phát triển đặc biệt trong "Các cơ sở dữ liệu".

Phần này của văn bản cũng đã gây nên những lo lắng mãnh liệt ở nhiều nhà chuyên môn về văn hoá và, do đó, đã có một làn sóng ồ ạt của những người vận động hành lang ở Bruxelles.

Tiền dự luật của Pháp ngày 12-11-2003 không dứt khoát chỉ tính đến trường hợp những "con người thực tế yếu về tâm thần, khiếm thính hay khiếm thị".

Nhưng theo kiểu nói tiên đoán của giáo sư Sirinelli, "các yêu cầu sẽ nảy sinh bởi vì nhiều người sử dụng sẽ đọc hai mươi ngoại lệ để ra trong văn bản của chỉ thị như trẻ con nhìn chòng chọc vào một catalô đồ chơi lúc sắp đến Noël".

Môi trường nghiên cứu và giáo dục đã công kích các lập trường của Thủ tướng như thế. Hội Nhà văn đã phản ứng mãnh liệt bằng cách nhắc rằng những ngoại lệ được yêu cầu sẽ trưng dụng "tiền công chính đáng" trước tiên của các tác giả, trong đó có các nhà nghiên cứu.

Còn những cán bộ thư viện, ngay cả khi luật cho mượn chưa có hiệu lực[1], thì họ đã chất vấn các nghị sĩ từng trình các câu hỏi bằng văn bản viết lên bộ trưởng Văn hoá. Trong mấy tuần lễ, cuộc tranh luận lại nổ ra nhiều hơn nữa. Các vấn đề tranh luận đều rất cơ bản đối với từng người trong nhiều "phe phái" có những quyền lợi đôi khi thật khác thường.

Bây giờ thì hãy dừng lại ở các văn bản thật sự đã được biểu quyết, về luật, tất cả các ngoại lệ của một nguyên tắc đều được hiểu theo nghĩa hạn chế. Sự giải thích của các toà án về các ngoại lệ đó, do vậy, rất cương quyết đối với ai muốn lợi dụng chúng. Nhà xuất bản cần ghi nhớ những hạn chế hiện nay, dù là người sử dụng hay là "nạn nhân" của những ngoại lệ đó.

Những trình diễn tư

Những cuộc trình diễn muốn được tổ chức không cần xin giấy phép, theo luật, thì phải "miễn phí và chỉ duy nhất ở trong phạm vi gia đình".

Sự miễn phí, do đó, là điều kiện đầu tiên: điều đó có nghĩa là không những không được để người xem trả tiền, mà còn là không được rút ra từ cuộc trình diễn đó bất cứ một lợi ích gì - do bán các chương trình, bán giải khát v.v... Hơn nữa, người nào tổ chức cuộc trình diễn một vở kịch, một cuộc ngâm thơ v.v..., nếu không có giấy phép của người thực thụ quyền tác giả, phải bảo đảm rằng cuộc trình diễn này không những là miễn phí mà còn hoàn toàn là tư nhân[2]. Luật đòi hỏi công

---

[1] Xem "Quyền cho mượn".
[2] Toà án tiểu hình Paris, 24-1-1984, *Báo của Toà án*, 1984, I, 240, ghi chép Marchi.

chúng có mặt chỉ giới hạn cho riêng các thành viên của "câu lạc bộ gia đình"[1]: thành viên của cùng gia đình, các bạn thân, người thân v.v... Đặc biệt đã có xét xử rằng các hội viên của một hiệp hội hay những khách mời của một lễ hội các bà hội trưởng Hội Từ thiện không thuộc khuôn khổ "câu lạc bộ gia đình". Nếu cuộc trình diễn gộp được hai điều kiện đó, nhà xuất bản thực thụ các quyền di sản trên một tác phẩm không thể phản đối.

Các sao chép tư

Luật cũng cho phép, với tư cách ngoại lệ, "các sao chép hoàn toàn dành cho việc sử dụng riêng của người sao chép chứ không dành cho việc sử dụng tập thể".

Định nghĩa "người sao chép" đã gây nên một án lệ nổi tiếng đáng kể là trong các vụ án "Rannougraphie[2]" và "CNRS[3]". Người sao chép, theo các toà án, là người chủ của máy sao chụp. Các quyết định đó dĩ nhiên là nhằm ngăn cản các hoạt động của các cửa hàng photocopy và các thư viện tự tiện cho phép dùng máy của họ để sao chép các tác phẩm với số lượng lớn. Ở Bỉ các toà án đã áp dụng lôgíc đó trên qui mô lớn bằng cách kết tội trên cơ sở cạnh tranh bất chính một người cho thuê sách do thời hạn cho thuê quá ngắn đã buộc khách hàng phải photocopy.

Mặt khác, điều L.122-5 của CPI cấm mọi "việc sử dụng tập thể" các bản sao. Lần này, chính là các xí nghiệp và các trường học đứng vào hàng đầu. Cũng vậy, giáo sư Colombet nhấn mạnh rất có lí rằng việc sao chép nhiều bản dành cho các thành viên của một hội có thể lúc đầu được xem là những sao chép tư nhưng lại tạo thành trên thực tế, một "việc sử dụng tập thể[4]".

Còn cuộc tranh luận trên *peer to peer* (từng nhóm ngang hàng giống nhau) và các kĩ thuật khác cho phép trao đổi với nhau qua đường dây nối mạng các bộ phiếu chứa những tác phẩm được bảo hộ, theo một án lệ nghiêm chỉnh nhất thì đây không phải là bất kì trường hợp nào của những bản sao chép tư nữa.

Bản sao chép tư thực sự, ngoại lệ của quyền sao chép, do vậy, chỉ là một trường hợp rất hiếm trong thực tế, bởi vì chỉ mình người chủ máy có thể sử dụng bản sao đã thực hiện được. Hơn nữa, thực tế là không thể tiến hành một cuộc kiểm tra thực sự tất cả các máy photocopy. Để giải quyết tình trạng này, một thứ thuế sao chụp đã được đưa vào trong luật tài chính cho năm 1976[5] ấn định là ba phần trăm thu trên các máy sao chụp sản xuất hay ngoại nhập ở Pháp. Các khoản thu của thuế

---

[1] Toà thượng thẩm Grenoble, 28-2-1968, *Dalloz*, 1968, Tóm tắt, 10. Toà phúc thẩm Reims, 26-10-1960, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1961, 89, nhận xét Henri Desbois.

[2] Toà phá án, 7-3-1984, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1984, số CXXI, tr 151.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 28-1-1974, *Dalloz*, 1974, 337.

[4] Xem Thư tịch tổng hợp.

[5] Luật tài chính cho 1976, *Công báo*, 31-12-1975, tr 13567.

này được đóng vào cho Trung tâm Sách quốc gia và dùng để tài trợ cho sách đặt hàng của các thư viện.

Sự thiếu hụt thu nhập rất quan trọng đối với các nhà xuất bản, đáng kể là các nhà xuất bản khoa học và kỹ thuật.

Sau khi loại bỏ một dự thảo thuế ngoại ngạch trực tiếp đụng đến các nhà trường trung học và đại học, một hệ thống thuế nộp định kì do thiết chế chủ sở hữu máy photocopy được đưa vào vận dụng dần dần thuận lợi nhờ việc thiết lập một cơ chế quản lí tập thể.

"Việc sao chép kĩ thuật số tư" ngày nay cũng được đặt ra như thế bằng cách đó, có lợi cho các nhà chuyên nghiệp sách.

Bản sao kĩ thuật số tư

"Bản sao kĩ thuật số tư" là một thuật ngữ khó hiểu. Tuy nhiên nó chỉ một điểm của quyền hiện nay đang tranh cãi mà những can thiệp về tài chính sẽ quyết định cho việc xuất bản tương lai.

Các nhà xuất bản sách đã dửng dưng nhìn công nghiệp âm nhạc run lên trước những cuộc tấn công của các site MP3, Napster và các Gnutella khác. Nhưng chính ngày nay các văn bản lại được dùng làm mục tiêu cho những túi tiền giao dịch khổng lồ trên Internet. Đã lâu rồi, độc giả - internet muốn đọc miễn phí các tác phẩm họ thích qua các bản sao truyền từ xa với số lượng lớn (hay nói đúng hơn theo kiểu bấm chuột). Tháng Tám năm 2000[1], *Nhà xuất bản Weekly* báo động các nhà xuất bản và các hiệu sách dưới nhan đề: "Napster: It's not just for music". (Napster: đó không phải cho âm nhạc – N.D).

Bởi vì những cách tránh đỡ bằng kĩ thuật – dù là các thủ pháp nhận dạng tác phẩm, ghi dấu ấn, mã hóa - đều không thể nào ngăn cản các sao chép kĩ thuật số ăn cắp. Hiệu lực của các kĩ thuật đó sẽ được tăng cường nếu một quyền về sao chép kĩ thuật số tư nhân được xác lập. Các luật lệ hiện nay về sở hữu văn học và nghệ thuật phải tiến triển mạnh theo hướng này.

Thật vậy, chúng ta hãy nhớ lại điều đó[2], điều L.122-5 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ dự kiến việc không thể cấm "những sao chép chỉ dành để dùng cho tư nhân người sao chép và không dành cho việc sử dụng tập thể". Nhưng những phương tiện trung gian mới vượt xa loại ăn cướp "truyền thống" hiện nay đang hoạt động thành nếp quen thuộc.

Những người thực thụ các quyền trên các tác phẩm âm nhạc và nghe nhìn đã từ lâu hiểu nguy cơ này. Luật ngày 30-7-1985 đã dự kiến đặt ra một hệ thống bổ

---

[1] Andrew R. Albanese, "Napster: It's not just for music" *Publisher's Weekly*, 21-8-2000.
[2] Xem "Các sao chép tư".

khuyết vào sao chép tư nhân có lợi cho những người thực thụ. Các hội quản lý tập thể của các khu vực văn hoá, do vậy, đã nhận được một quyền đền bù vào các sao chép tư nhân thực hiện bằng những trung gian tương tự như khoản các cát xét nghe hoặc nhìn. Trong thực tế, vấn đề là một khoản khoán thuế kinh doanh mà các nhà chế tạo và nhập khẩu các phương tiện trung gian còn để trắng phải trả. Ban đặc trách được cơ quan lập pháp giao cho xác định các trung gian cần phải đền bù tài chính vì những sao chép tư đã không hợp lại từ 1986. Vậy mà ngày nay, các sao chép lại là kĩ thuật số, bởi vì chúng được thực hiện trên DVD, thậm chí trực tiếp trên các máy tính. Ban này, vậy là, lại bắt đầu vào việc và đã làm bản tường trình về sự mở rộng các luật lệ đền bù tới các nhà xuất bản các trung gian ghi sổ lại được. Sau đó, tháng 6-2005, Ban này đã đề nghị áp dụng những luật lệ về sao chép tư nhân kĩ thuật số trên các trung gian sáp nhập (đĩa cứng và cả các mã khóa USB).

Tuy nhiên nó không đánh vào các tổng đài truyền thông (các loại "cổ điển", những nơi cung cấp đầu vào cho các nhà kinh doanh ADSL hay "dây thòng lọng" cải tiến hàng ngày các mạng và củng cố chắc chắn hơn các cuộc nạp vào từ xa hoặc là việc phổ biến các bản sao kĩ thuật số tư nhân của các tác phẩm được bảo hộ.

Không phải chỉ có điều cấp thiết là phải đề hồ sơ mở rộng tới toàn bộ kỹ thuật số mà, ngoài ra, nó không loại trừ các tác giả và các nhà xuất bản của tác phẩm viết ra khỏi tình huống kinh tế mới này. Những đánh giá đầu tiên, quả thật đã cho thấy phần của văn viết ở một tối thiểu là 10% các trao đổi số. Và các hội nghe nhìn và âm nhạc những thành phần duy nhất ảnh hưởng mạnh đến ban này đều cho thấy không tán thành "chia bánh" với các nhà văn.

Vậy từ nay về sau các nhà xuất bản phải nhằm vào quyền đối với việc sao chép số tư nhân trong các hợp đồng của họ. Chỉ với bằng giá này mới có thể lập nên một hội quản lí tập thể chung cho các tác giả và các nhà xuất bản văn viết, hội sẽ là một trong những công cụ tài chính có tính trường cửu chung.

Vì vậy, giữa mùa hè, và giữa một "luật có các quy định khác nhau thuộc xã hội, giáo dục và văn hoá" đề ngày 17-7-2001[1] - một trong những luật nổi tiếng "DDOSEC"có nội dung pha tạp cuối mùa họp Quốc hội – là thành công của việc vận động hành lang đặc biệt do SOFIA tiến hành (Hội quyền lợi của các tác giả viết văn)[2].

Điều 15 của Luật 17-7-2001 đã được quan niệm cho những người am hiểu. Nó qui định đáng kể rằng "điều L.311-1 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ được bổ sung bởi một đoạn soạn thảo như thế này: "Tiền thù lao này cũng phải trả cho các tác giả và nhà xuất bản của các tác phẩm định hình trên mọi phương tiện trung gian khác, với tư cách là sự sao chép của họ đã thực hiện, trong những điều kiện dự kiến ở đoạn hai của điều L.122-5, trên một trung gian ghi số"...

---

[1] Christophe Caron, "Những triển vọng mới của tiền thù lao đối với sao chép tư nhân", *Truyền thông thương mại điện tử*, 2001, số 109, tr 17.

[2] Xem "Sự quản lí tập thể" và "Các địa chỉ có ích".

Nói rõ ra, cái đó có nghĩa là các nhà xuất bản và tác giả sách phải được nhận một phần lãi mà các nhà sản xuất và nhập khẩu các trung gian ghi còn để trắng đã thu tiền với tư cách là sao chép tư nhân.

Quản lí tập thể việc sao chụp lại

Luật ngày 3-1-1995 quan hệ đến việc quản lí tập thể quyền sao chép bằng sao chụp lại, về mặt lí thuyết, đã chấm dứt những năm pháp lý tìm tòi không ổn định[1]. Văn bản này, chuyển vị vào CPI, chỉ liên quan đến những việc sử dụng gọi là tập thể, mà định nghĩa luật học của nó tuy nhiên lại rất rộng. Điều 122-10 của CPI, ở đoạn hai từ nay đưa ra một định nghĩa về sao chụp là "một việc sao chép dưới dạng chép trên giấy hay một phương tiện trung gian được kĩ thuật nhiếp ảnh sử dụng hoặc có hiệu quả tương đương cho phép đọc trực tiếp".

Ngoài ra, cũng chính điều này qui định rằng việc công bố một tác phẩm mang theo sự chuyển nhượng quyền sao chép bằng chụp lại cho một hội quản lí tập thể, chỉ mình hội này có đủ tư cách kí những qui ước với người sử dụng với điều kiện được đồng ý của chủ sở hữu. Những người thực thụ các quyền trên một quyển sách, do đó, từ nay sẽ không còn lựa chọn: sự chuyển nhượng tự động này cho lợi ích một hội quản lí tập thể có tư cách công, tức là nó không chịu các điều khoản hợp đồng ngược lại. Sự chuyển nhượng này áp dụng cho tất cả các tác phẩm đã công bố: nó không thể có hiệu lực trở về trước, nhưng nó liên quan tới tất cả những gì đã công bố khi luật bắt đầu có hiệu lực và tất cả những gì được công bố từ đó. Theo văn bản của một Sắc lệnh ngày 14-4-1995[2], tác giả hay *chủ sở hữu* một tác phẩm đã được công bố (trước ngày Sắc lệnh có hiệu lực, tức là trước ngày 19-4-1995), cho đến 16-4-1996, có thể chọn một hội quản lí tập thể. Nếu không chọn được thì sự chuyển nhượng được thực hiện có lợi cho hội có tính chất đại diện nhất..., điều đó thực tế là chỉ nói đến Trung tâm khai thác quyền sao chép của Pháp (CFC, Trung tâm Copyright của Pháp cũ). Một nghị định ngày 7-4-1997, đổi mới năm 2004, đi đến xác nhận rằng CFC và SEAM (liên quan đến các nhà xuất bản âm nhạc) là có tư cách những người nhận chuyển nhượng quyền sao chụp[3].

---

[1] Luật 95-4 ngày 3-1-1995, *Công báo*, 4-1-1995, tr 120. Hồ sơ về "Sự sao chụp lại, quản lí tập thể quyền sao chép", Légicom, số 7, quí một 1995, *Quyền sao chép và việc sử dụng theo đúng luật, những biên bản của hội nghị tổ chức ngày 21-11-1995*, Các tập đoàn công nghệ tin học của Pháp, 1995, André Lucas, "Nhìn bao quát luật số 95-4 ngày 3-1-1995 liên hệ đến việc quản lí tập thể quyền sao chép và sao chụp" *Tuần pháp lí (JCP)* tháng 2-1995, số 6.

[2] Sắc lệnh số 95-406 ngày 14-4-1995, *Công báo*, 19-4-1995, tr 6098, thành luật ở các điều R.322-1 đến 322-4 của CPI.

[3] Công báo, 15-4-1997, tr 5712, chuẩn y nhắc lại bởi các nghị định 17 và 26-7-2001, *Công báo*, 25-7-2001, tr 11992 và 31-7-2001, tr 12331. Toàn bộ các điều khoản lập pháp và qui định áp dụng được cho các hội này được ghi thành phụ lục của sách này trong các điều CPI.

Các cơ quan đó thương lượng theo từng trường hợp các thuế phải đóng và đưa tiền lại cho các nhà xuất bản. Chẳng hạn có một hệ thống thuế trả định kì đã quen thuộc với những người sử dụng "toàn cảnh báo chí". Đối với các "sao chụp dịch vụ" tiền thuế nộp thay đổi tuỳ theo tốc độ các máy copy và khoảng cách xa của một site đại học. CFC cũng đã gửi cho khoảng mười hai nghìn trường học một hợp đồng mẫu trong tháng Sáu 1997, với một mức phí cho từng học sinh tuỳ theo số bản photo các tác phẩm được bảo hộ[1]. Một hợp đồng mẫu khác phỏng theo đó đã được dự kiến cho các trường đại học. Tuy nhiên, về phương diện này, nên nhớ rằng biên bản hội nghị 1993 kí với Bộ Giáo dục với một ngân sách là sáu mươi bảy triệu franc đã chưa bao giờ có hiệu lực[2]. Song song với đó, thường xuyên có một đề xuất luật nhằm cho phép "những trình diễn miễn phí các đoạn trích báo chí hay tác phẩm cho những mục đích sư phạm trong phạm vi các nhà trường[3]".

Những qui ước kí giữa CFC và những "người photocopy" không cho phép những người này sao chép quá 10% các tác phẩm. Ngoài ra, về lí thuyết, "các bản sao chép mà người cùng hợp đồng thực hiện phải nêu ra phần tham khảo thư mục của tác phẩm, và không bao giờ xoá mờ ghi chú của nhà xuất bản trên các trang sao chép lại[4]".

Các số liệu thống kê và các cuộc thăm dò, cho phép sự phân bổ giữa các nhà xuất bản. Tuy nhiên việc một nhà xuất bản đóng góp tiền phải nộp cho CFC vẫn không ngăn cản CFC khởi tố trực tiếp các người sao chép. Hơn nữa, các công việc chuẩn bị cho Luật 1995, như các bình luận đã được công bố[5], cho phép khẳng định rằng những quy định mới này không liên quan đến kỹ thuật số. Thuật ngữ "đọc trực tiếp" thật ra hình như loại bỏ sự can thiệp của máy móc.

Các quyết định của toà án càng ngày càng nghiêm khắc đối với những người coi là "người sao chép tuỳ tiện"[6]. Toà thượng thẩm Paris đã xử phạt một phòng nghiên cứu photocopy dịch vụ tự do, ngày 25-6-1997, và bắt trả hai mươi ngàn franc cho CFC[7] với tư cách là người được uỷ quyền của nhà xuất bản Kĩ thuật và

---

[1] Christine Ferrand, "CFC đề nghị một qui ước với bộ Giáo dục", Sách Hebdo, số 252, 6-6-1997, tr 34.
[2] Christine Ferrand, "Bộ Giáo dục quên CFC", *Sách tuần*, số 6, tháng 2-1998, tr 4.
[3] Đề án luật số 3025, ghi ở Văn phòng Quốc hội ngày 10-10-1996.
[4] Điều V-2 hợp đồng mẫu của CFC cho cung cấp bản sao chép các tác phẩm được bảo hộ.
[5] Christophe Caron và Savier Linant của Bellefonds, "Bình luận Luật 3-1-1995, thông suốt sắc lệnh ngày 14-4-1995", trong hồ sơ về "Sự sao chụp, quản lí tập thể của quyền sao chép", *Légicom*, số 7, quí I-1995, tr 2 đến 21.
[6] Toà đại phúc thẩm Paris, 30-6-2004, *Sở hữu trí tuệ*, tháng 1-2005, tr 53, nhận xét André Lucas, Toà thượng thẩm Paris, 24-3-2004, Légipresse, 2004, III, 129, ghi chép Gilles Vercken, Toà thượng thẩm Toulouse, 26-5-1997, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1998, số CLXXV, tr 323. Toà án thương Paris, 27-6-1995, CFC thông tin, số 12, tháng 11-1995, tr 3, Toà đại phúc thẩm Aix-en-Provence, 20501996, Légipresse, tháng Bảy - Tám 1996, số 133, I, 84.
[7] Phúc nghị bình luận trong *Expertises*, tháng 11-1997, tr 335.

của Dalloz, sau khi loại bỏ ngoại lệ là sao chép tư nhân. Các quan toà đã xem trường hợp ấy không phải là một sinh viên luật sao chép tư mà là một hội sao chụp. toà đã nêu lên rằng tờ quảng cáo báo cho khách hàng biết rằng các bản photocopy được thực hiện theo trách nhiệm riêng của họ là vô hiệu về mặt pháp lý.

Cho mượn công cộng trả tiền[1]

Với gần bảy triệu độc giả đăng kí trong các thư viện, việc cho mượn sách cũng trở thành một việc làm có ý nghĩa và do đó có ý nghĩa pháp lý.

Vì thế một chỉ thị của Cộng đồng ngày 19-11-1992 trên thực tế nhằm tạo một luật thực sự ngăn cấm một bên thứ ba cho thuê hay cho mượn và, trái lại, tạo ra một luật cho phép cho mượn có trả tiền[2]. Văn bản phân biệt việc cho thuê được hiểu là một thao tác với mục đích sinh lợi, trong lúc đó thì cho mượn là việc một cơ quan cho công chúng mượn không vì mục đích sinh lợi; văn bản cũng nêu ra các loại hình thư viện khác nhau: của xí nghiệp, của cơ quan nghiên cứu, của trường học... Việc cho thuê sách, cũng như cho mượn sách, bất kì trường hợp nào cũng không được phục vụ cho một cuộc trình diễn công cộng. Cuối cùng, sự bảo hộ quyền tinh thần cũng được nhắc đến trong chỉ thị "Những người cho thuê, cho mượn, mượn hay lấy một tác phẩm" không được phép có một sửa đổi, cắt xén hay thêm thắt nào. Việc cho mượn trả tiền đã gây ra những tranh luận hăng hái giữa các cán bộ thư viện, các hiệu sách và người xuất bản. Một người trung gian, Jean-Marie Borzeixe, đã được bộ trưởng Văn hoá Catherine Trautmann bổ nhiệm ngày 5-12-1997, có nhiệm vụ viết một báo cáo ngày 30-6-1998[3].

Thay thế cho việc chuyển vị chỉ thị, Luật số 2003. 517 ngày 18-6-2003 đưa vào một chương mới trong Quyển I của CPI, nhan đề "Tiền thù lao với danh nghĩa cho mượn ở thư viện". Theo điều L.133-1, "khi một tác phẩm đã là đối tượng của hợp đồng xuất bản để công bố và phổ biến dưới dạng sách, tác giả không thể phản đối việc cho mượn sách của thư viện với công chúng", đổi lại việc đó "việc cho mượn này mở ra quyền nhận thù lao có lợi cho tác giả".

Như thế, theo như quyền sao chụp, quyền cho mượn được đặt dưới một hệ thống giấy phép hợp pháp thuộc trách nhiệm một hay nhiều hội quản lí tập thể. Vì

---

[1] Christophe Allêaum, "Luật cho mượn công cộng (ở Pháp và nước ngoài), *Sở hữu trí tuệ*, số 12, tháng 7-2004, tr 718.

[2] Chỉ thị số 92/100/CEE ngày 19-11-1992. *Công báo của Cộng đồng Châu Âu*, 27-11-1992, số 346, tr 61. Antoine Gaudemar, "Một trăm cái cho mượn cho một cái bán ra", *Giải phóng*, 16-3-1995, thư mục Sách, tr V. Laurence Santantonios, số 109, 25-3-1994, tr 82. Laurence Santantonioss, "Luật cho mượn động viên nghề nghiệp, Sách tuần, số 73, 21-5-1998, tr 29, Catherine Bédarida, "Các cán bộ thư viện bảo vệ việc cho mượn miễn phí" Le Monde, 21-4-1995, tr 30.

[3] *Sách Hebdo*, số 274, 2-1-1998, tr 41.

chủ đích này SOFIA đã được Bộ Văn hóa đồng ý theo nghị định ngày 7-3-2005[1] cho thu và phân phối các tiền trả theo danh nghĩa cho mượn ở thư viện.

Liên quan đến việc thu các tiền trả định kì đó, điều L.133-3 của CPI chỉ rằng chúng gồm hai phần. "Phần thứ nhất do Nhà nước chịu, dựa trên một đóng góp khoán tính theo từng người sử dụng đăng kí ở các thư viện đón công chúng để cho mượn, trừ các thư viện trường học. Một sắc lệnh ấn định số tiền của đóng góp này".

Chính là Sắc lệnh số 2004-921 ngày 31-8-2004[2] ấn định sự đóng góp do Nhà nước chịu là một euro mỗi người đăng kí ở các thư viện các cơ quan công sở có tính chất khoa học, văn hoá và chuyên nghiệp, và là 1,50 euro mỗi người đăng kí ở các thư viện khác (sự đóng góp này được giảm một nửa trong năm đầu tiên).

Phần thứ hai của tiền trả từ việc cho mượn công cộng "là dựa trên giá bán ngoài thuế của các sách mua về, đối với [các] thư viện đón công chúng để cho mượn".

Điều L.133-4 xác định các thể thức phân bổ các số tiền đó: "1o - Phần thứ nhất được chia thành các phần đều nhau giữa các tác giả và nhà xuất bản của họ tuỳ theo số bản sách mua từng năm cho các thư viện đón công chúng để cho mượn, 3 luật số 81-766 ngày 10-8-1981 (tuỳ thuộc vào giá sách[3]), được xác định trên cơ sở các thông tin mà những người đó và người cung cấp chuyển cho hội hay các (hội quản lí tập thể được chấp thuận)".

"2° Phần thứ hai, không được quá một nửa tổng số, được dành cho nghĩa vụ, một phần đóng góp lương hưu bổ sung bởi những người nêu ở đoạn hai của điều L.382-12 của Bộ Luật An ninh xã hội".

Còn Sắc lệnh thứ hai, số 2004-920[4] ngày 31-8-2004, thì xác định rõ các điều kiện chấp thuận của các hội quản lí tập thể được dành cho quản lí quyền cho mượn và định nghĩa các thư viện liên quan đến giấy phép hợp pháp này. Điều R.133-1 kể ra như thế này:

> "1° Các thư viện của các đơn vị lãnh thổ [...];"
>
> 2° Các thư viện của các công sở có tính chất khoa học, văn hoá và chuyên nghiệp và các cơ quan công lập của giáo dục đại học thuộc Bộ Đại học".
>
> 3° Các thư viện của các Uỷ ban xí nghiệp;"
>
> 4° Mọi thư viện hay tổ chức khác dành một vốn tư liệu cho công chúng sử dụng, mà phần quá nửa các đầu sách mua trong năm là dành cho một hoạt động cho mượn có tổ chức. Có lợi cho người sử dụng đăng kí cá nhân hay tập thể".

---

1 Công báo, 12-3-2005, tr 4201.

2 Công báo, 2-9-2004, tr 15610.

3 Cần biết: bởi một hiệp hội tạo điều kiện dễ dàng cho việc mua sách giáo khoa của các thành viên hoặc cho các nhu cầu của hiệp hội, loại trừ để bán lại, bởi Nhà nước, một đơn vị lãnh thổ hay một trường học.

4 Công báo, 2-9-2004, tr 15609.

Cuối cùng chúng ta nên nhớ rằng chính do nghị định chính phủ mà số người sử dụng đăng kí ở các thư viện cho mượn và số tiền của phần tiền thù lao thuộc trách nhiệm Nhà nước đã được ấn định cho năm 2003[1] và 2004[2].

Các trích dẫn và phân tích

"Các phân tích và trích dẫn ngắn chứng tỏ có tính chất phê bình, tranh luận, giáo dục, khoa học hay thông tin của tác phẩm chứa đựng chúng" cũng là những ngoại lệ hợp pháp cho các quyền sao chép và trình diễn.

Điều kiện đầu tiên theo CPI để cho một trích dẫn thoát ra khỏi quyền sao chép là mục đích riêng mà nó tìm cách đạt đến: phê bình, tranh luận, giáo dục, khoa học hay thông tin. Với nghĩa này, việc sao chép các trích dẫn được để mở.

Nhưng trích dẫn phải "ngắn".

Sự vắn tắt này được đánh giá không phải chỉ so với tác phẩm xuất phát (không nên sao chép một phần quá quan trọng của tác phẩm được trích dẫn[3]), nhưng so với tác phẩm nhằm tới (không thể tạo ra một tác phẩm của mình chỉ bằng các trích dẫn). Vì vậy mà khoảng ba mươi trích dẫn gộp lại trong một cuốn sách nhỏ sẽ bị xem như là làm giả, trong lúc chính những trích dẫn đó đưa vào một công trình nghiên cứu gồm một nghìn trang sẽ được hưởng ngoại lệ hợp pháp. André Passeron đã biết được điều đó bằng kinh nghiệm của chính mình trong vụ xét xử của toà án vì đã sao chép ba trăm bốn mươi ba trích dẫn trong cuốn sách của ông về de Gaulle và chỉ biên soạn duy nhất đoạn mở đầu cuốn sách của ông ta gồm những trích dẫn đó[4]. Tiêu chuẩn chủ yếu là tiêu chuẩn cạnh tranh giữa tác phẩm nêu dẫn và tác phẩm được trích dẫn. Ở bất kì trường hợp nào, tác phẩm đầu tức tác phẩm trích dẫn cũng không thay thế cho tác phẩm thứ hai, tức là tác phẩm được trích dẫn[5].

Do vậy cũng không thể, chẳng hạn như, trích dẫn hai câu thơ đầy đủ của một haiku[6] hoặc làm một bài haiku bằng ba dòng trích từ một cuốn tiểu thuyết. Vụ kiện nổi tiếng "Microfor/Le Monde" đã cho phép xét xử rằng không có ngoại lệ cho trích dẫn khi không có một đóng góp độc đáo nào được thể hiện trong mớ cóp nhặt các tác phẩm[7].

---

[1] Nghị định ngày 31-8-2004, *Công báo*, 2-9-2004, tr 37.
[2] Nghị định ngày 21-12-2004, *Công báo*, 8-1-2005, tr 25.
[3] Toà đại phúc thẩm Seine, 17-6-1964, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1964, 3787.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-7-1972, Dalloz, 1972, 628, ghi chép Pactet.
[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 1-12-1982, Báo của Toà án, 22-2-1983, tr 12. Toà thượng thẩm Paris, 17-3-1970 Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng 10-1970, số LXVII, tr 179.
[6] Haiku: thơ ba câu, 17 câm tiết của Nhật (N.D).
[7] Xem thêm. Toà phá án, 9-11-1983, Tuần pháp lí (JCP) 1984, II, 20189, ghi chép André Francon.

Dù thế nào cũng không có một ba-rem rõ ràng cho phép xác định chắc chắn cái gì thuộc quyền trích dẫn và cái gì là làm giả. Lionel Bochurberrg nhấn mạnh rằng luật của Mỹ, về phương diện này công nhận khái niệm sử dụng trung thực (fair use)[1].

Một vụ kiện giữa một bên là bà vợ goá của Maurice Sand và Calmann Lévy với một bên là Nhà xuất bản Havard và tác giả của nó là Paul Mariéton, xung quanh một cuốn sách nhan đề *Một chuyện tình, George Sand và A. de Musset,* tài liệu chưa in, những lá thư của Musset, đã cho phép phán xét "trong việc đánh giá các vấn đề động chạm đến các quyền đáng tôn trọng nhất của phê bình lịch sử hay văn học, nên có một sự khoan hồng rộng rãi nhất và sự khoan hồng đó rất cần cho các toà án cũng như cho chính các nhà văn; Vì rằng một *Chuyện tình* là một tác phẩm cá nhân và phê bình; rằng Mariéton, tự đặt cho mình công việc nghiên cứu và phân tích các quan hệ đã có giữa George Sand và Alfred de Musset từ tháng Sáu 1833 đến tháng Ba 1835, chắc hẳn đã đưa nhiều trích dẫn ở những lá thư của George Sand; nhưng những trích đoạn nhằm chỉ rõ tình cảm thân thiết của những người yêu, đối với ông có thể coi như rất cần thiết do ngay tính chất tác phẩm của ông chủ yếu là so sánh các đoạn đó với rất nhiều thư từ chưa in của Alfred de Musset [...] chứ không phải là sao chép các đoạn đó, phần lớn đã được công bố rồi với sự chấp thuận của các nguyên đơn[2].

Giải pháp này vẫn còn là chuyện thời sự, nhất là về tiểu sử. Chẳng hạn về chuyện tiểu sử của Saint- Exupéry vấn đề đã có sự phán xét: "Tuy nhiên, chuyện chính đáng và bình thường là người viết tiểu sử rút ra từ trong các tác phẩm của nhân vật của mình, nhà văn, những thông tin tài liệu cần thiết để minh hoạ các giai đoạn cuộc đời của người đó mà người viết tiểu sử muốn nắm lấy "rất nhiều mặt" và "mâu thuẫn", nhưng cũng để nuôi dưỡng suy nghĩ của mình và bênh vực sự chứng minh của mình, vì thế sao chép lại, thậm chí nhiều lần, những đoạn của một số tác phẩm, rằng các trích dẫn tất nhiên là làm phong phú tiểu sử gây tranh luận và đưa lại cho anh ta hứng thú và lập luận vững vàng, tuy nhiên không phải là cơ sở duy nhất; do đó chúng không thể là những trích dẫn lạm dụng so với độ dài của tác phẩm tranh cãi và các độ dài của những tác phẩm tham khảo, cũng như so với sự đa dạng của các tác phẩm tham khảo đó[3]".

Ngoại lệ trích dẫn cần phải có một điều kiện khác, vả lại là ngầm ẩn trong luật bởi vì đây là việc tôn trọng quyền tinh thần của tác giả[4]. Khi người ta sử dụng một trích dẫn, thì thật ra phải tôn trọng tinh thần của tác phẩm từ đó rút ra trích dẫn này

---

[1] Lionel Bochurberg, Quyền trích dẫn, Masson, 1994.
[2] Toà dân sự Seine, 11-3-1897, Dalloz báo định kì, 1898, II, tr 358.
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 21-9-1994, chưa in.
[4] Xem "Quyền tôn trọng tác phẩm".

(không được làm biến tính) nhưng còn cả hình thức của nó v.v... Dĩ nhiên riêng những việc làm biến tính là đáng chê trách, nghĩa là chúng có khuynh hướng tạo ra cái nhìn sai về tác phẩm được trích dẫn[1]. Cũng vậy, người trích dẫn không được quên ghi nguồn trích dẫn - dứt khoát đó là một nghĩa vụ luật định xuất phát từ quyền được tôn trọng tên tác giả của tác phẩm được trích dẫn[2]. Luật này cũng áp dụng cả cho tên của người dịch[3].

Về mặt lí thuyết thì cấm nêu dẫn một tài liệu chưa in mà không được phép, bởi vì quyền công bố thuộc tác giả hoặc, trường hợp tác giả chết, thì thuộc người thực thụ các quyền tinh thần[4]. Đó là một luật ít được tôn trọng trên thực tế, và các tác giả hay lợi dụng tính chất chưa công bố của tài liệu để trích dẫn một đoạn tương đối dài mà họ coi như những mẩu ngắn... trước mắt những người thực thụ các quyền tinh thần. Cũng vậy, không nên nghĩ rằng tác giả cho lưu chuyển vài ba bản của văn bản tức là thực sự công bố nó[5].

Những trích dẫn các tác phẩm không phải là chữ viết

Còn với những tác phẩm gọi là "nghệ thuật", thì trường hợp của chúng thường thường được đưa ra toà và ngày nay dường như như bất lợi[6] cho chúng, mặc dù có những quyết định rải rác thiên về hướng ngược lại[7]. Việc sao chép chi tiết một bức vẽ hay một tấm ảnh chụp cần phải xin giấy phép bởi vì thực sự động đến quyền tinh thần của tác giả. Việc sao chép tác phẩm trên toàn bộ và ở một kích thước rất nhỏ không được án lệ xem như trích dẫn, mà là sao chép đơn thuần. Các toà án cấm việc đó khi không có giấy phép[8]. Vậy là theo án lệ mới nhất không thể, khẳng định là đã có một quyền trích dẫn nghệ thuật ngay cả khi các tác phẩm kiến trúc đã được hưởng một chế độ mềm dẻo hơn[9].

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-6-1986, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1986, số CXXVII, tr 161.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 11-2-1988, *Sách quyền tác giả*, số 9 1988, tr 17. Toà đại phúc thẩm Paris, 5-1-1983, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng 4-1983, số CXVI, tr 210.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 26-4-1969, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 978, nhận xét Desbois.

[4] Phòng dân sự thứ hai Toà phá án, 8-7-1981, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1982, số CXIII, trg145, xem "Các tác phẩm chưa in".

[5] Toà phá án, 26-2-1919, *Sirey*, 1920, I. 203.

[6] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 25-1-2005, *Dalloz*, tr 956, nhận xét Philippe Allaeys.

[7] Toà thượng thẩm Paris, 2-2-22005, *Truyền thông thương mại điện tử*, số 79, nhận xét Christophe Caron.

[8] Toà đại phúc thẩm Paris, 30-9-1983, *Dalloz*, 1984, Thông tin nhanh, 290, nhận xét Claude Colombet, Đại hội toàn thể Toà phá án, 5-9-1993, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1994, II, 22201, ghi chép André Fraçon, Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, *Dalloz các vụ án*, 1998, tr 30.

[9] Xem "Việc sao chép các tác phẩm trưng bày ở nơi công cộng". Didier Jean-Pierre, "Trích dẫn ngắn các tác phẩm nghệ thuật với quyền tác giả", *Dalloz*, 1995, Thời luận, tr 40.

Chỉ riêng các catalô bán các tác phẩm nghệ thuật được hưởng từ 1997 một ngoại lệ pháp lí nêu ở điều R.122-12 của CPI[1].

Catalô bán của Breton, dày đến bảy tập có hộp bìa cứng, đã nhắc lại rằng ranh giới đôi khi rất bé giữa catalô bán và quyển sách đẹp về nghệ thuật. Vậy mà chế độ tư pháp áp dụng cho các sao chép tác phẩm đồ hoạ hay tạo hình thay đổi đáng kể tuỳ theo hoàn cảnh.

Danh sách theo luật định các ngoại lệ cho các quyền gia sản đã được bổ sung khi có Luật 27-3-1997. Từ nay ngành lập pháp xem là có thể được tự do khai thác "các sao chép nguyên vẹn hoặc từng phần các tác phẩm đồ hoạ hay tạo hình dành để trình bày trong catalô của một cuộc bán do toà án quyết định thực hiện ở Pháp đối với các bản đưa ra cho công chúng sử dụng trước cuộc bán với mục đích duy nhất là mô tả các tác phẩm nghệ thuật được đưa ra bán".

Những điều khoản đó đã được thông qua sau những cuộc đấu tranh tư pháp cả trước Toà phá án và trước Pháp đình của Cộng đồng Châu Âu với sự đối lập nhau giữa các chủ sở hữu của các nghệ sĩ với những nhân viên bán đấu giá và những người đồng xuất bản của họ.

Điều R.122-12 của CPI đưa ra ngày 23-12-1997, xác định rằng "catalô bán các tác phẩm nghệ thuật đồ hoạ hay tạo hình được hiểu là một danh sách có minh họa hoặc không, công bố trước một cuộc bán đấu giá công cộng, mô tả để thông tin cho những người có khả năng mua, các tác phẩm sẽ được đưa ra trong quá trình bán, cũng như các điều kiện bán được phát miễn phí hoặc có thu tiền cho mọi người có yêu cầu với quan chức tư pháp hay hành chính tiến hành việc bán".

Mặt khác, theo văn bản của chị thị nổi tiếng của Châu Âu ngày 22-5-2001, về các ngoại lệ, các quốc gia có thể quyết định rằng các tác phẩm thoát khỏi về quyền "khi đó là một việc sử dụng nhằm báo tin các cuộc triển lãm công cộng hay các cuộc bán tác phẩm nghệ thuật trong chừng mực cần thiết để xúc tiến sự kiện nói đến, loại trừ mọi việc sử dụng thương mại khác".

Nhưng ở Pháp, tầm quan trọng của văn bản lập pháp năm 1997 đã được hạn chế nhiều bởi Luật 10-7-2000 về qui chế các cuộc bán đấu giá công cộng tự nguyện các động sản.

Ngày nay một nhà xuất bản cổ điển không thể ngập sâu trong một ngoại lệ như thế, hơn nữa pháp luật gần đây nhất lại càng hạn chế hơn phạm vi của nó. Ngày 21-3-2003[2], Toà đại phúc thẩm Paris đã nhận định về vấn đề những xem xét quan trọng tác phẩm của Hergé, rằng "chỉ mình các cuộc bán bằng con đường tư pháp, chứ không phải toàn bộ các cuộc bán công cộng" là được miễn thuế. Và còn nữa,

---

[1] Sắc lệnh số 97-1316 ngày 23-12-1997 về việc áp dụng mục d của điều L.122-5 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ, *Công báo*, 31-12-1997, tr 19463.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 21-3-2003, Truyền thông thương mại điện tử, 2003, số 45, nhận xét Christophe Caron.

ngoại lệ chỉ có thể áp dụng, nếu cuộc bán do một quan chức hành chính hay tư pháp, chứ không phải bất kì trường hợp nào cũng do một công ty thương mại điều khiển.

Mặt khác, hãy nhớ lại là người chụp ảnh đã thực hiện phim chụp tác phẩm nghệ thuật không thể bị tước mất các quyền của anh ta. Nếu tác phẩm dành để bán có thể được sao chép không cần xin giấy phép, và không cần phải trả tiền, còn các ảnh chụp rút từ tác phẩm thì không thế.

Bởi vì ngay các sao chép tác phẩm theo hai kích thước (các bản chụp tranh hay bản thảo chẳng hạn) đều được xem là được bảo hộ[1]. Đó là điều mà Toà thượng thẩm đã nhắc nhở một cách có hiệu lực ngày 26-9-2001, trong vụ làm giả catalô lời lý giải của Picasso: "Không hề bị lu mờ đi đằng sau hoạ sĩ, người nhiếp ảnh tác phẩm của hoạ sĩ đã tìm cái tinh hoa của nó và qua việc lựa chọn tự do ánh sáng, vật kính, các tấm lọc, khuôn hình, hay góc nhìn, đã bộc lộ trong sự hình dung của anh ta về tác phẩm, cá tính của mình bằng cách làm nổi bật ở chỗ này một nét, chỗ kia một tương phản hay một ấn tượng đến từ phương tiện trung gian[2]". Các quan toà nói thêm rằng nhà nhiếp ảnh "ngoài ra đã nhiều lần có những phóng đại làm nổi bật một phần của tác phẩm mà anh ta thấy là đặc biệt biểu cảm; [...] phương pháp tiến hành chung đó đâu có phải là của một thợ kĩ thuật tầm thường như các bị cáo đã lầm tưởng, trái lại đã cho thấy rõ là một người sáng tạo thực sự".

Tòa đã kết luận rằng "Do đó các ảnh chụp liên quan có tính độc đáo và được hưởng sự bảo hộ bằng quyền tác giả, sự sao chép không có giấy phép là một việc làm giả".

Nếu cuộc đấu tranh về các trích dẫn nghệ thuật (tạo hình và đồ hoạ) hình như tiếp tục, ta cũng nên tính đến cuộc đấu tranh về các trích dẫn tác phẩm nghe-nhìn và âm nhạc[3]. Thật vậy, sự xuất hiện xuất bản điện tử lại làm dấy lên một cuộc tranh cãi mà các toà án sẽ nhất định phải giải quyết theo chiều hướng bất lợi cho quyền trích dẫn. Không nên quên rằng Toà phá án chủ trương coi quyền trích dẫn chỉ có thể thực thi về mặt văn học. Các nhà xuất bản CD-rom, CD-I và các DVD khác, do vậy, phải chú ý để khỏi mắc lừa và trả lại các quyền sở thuộc cho các trích dẫn tác phẩm (phim, âm nhạc v.v...) mà họ sử dụng[4].

Các "phân tích" cũng được luật pháp cho phép, ở bất kì một trường hợp nào cũng không thể là những bản thu ngắn của tác phẩm... Một lần nữa, vấn đề là phải

---

[1] Xem "Các ảnh chụp tranh".

[2] Toà thượng thẩm Paris, 26-9-2001, *Dalloz*, 2001, Thời sự pháp lí, tr 3279.

[3] Lionel Bochurberg, "Quyền trích dẫn về nghe nhìn", *Báo của Toà án*, 27-28-X-1995, tr 2.

[4] Một vài mưu toan bộc lộ theo hướng mở ra quyền trích dẫn trong trường hợp cụ thể này: xem "GII đề nghị một hiến chương cho quyền trích dẫn quảng cáo". Expertises, tháng Giêng 1998, tr 411.

tránh cho sự phân tích lại thay thế tác phẩm gốc và để cho người ta khỏi phải đọc bản gốc[1].

Nhiều nhà xuất bản từ nay trở đi là nạn nhân của một hình thức ăn cắp mới trên Internet. Nhiều site viện dẫn sai lầm quyền trích dẫn để sao chép nhiều trích đoạn lớn của các tác phẩm được bảo hộ và khẳng định như thế là thoát khỏi việc xin phép cần thiết và một khoản tiền đóng.

Những site Internet sao chép nhiều trích đoạn các tác phẩm được bảo hộ bằng cách viện dẫn quyền trích dẫn. Các tác giả được giới thiệu thành công nhất là những người mà các bài viết đã là những đoạn ngắn và hấp dẫn dưới hình thức các trích đoạn: tư tưởng, châm ngôn, công thức v.v... Đứng hàng đầu có Coluche, Desproges, Saint-Exupéry hay cả Amélie Nothomb.

Việc khai thác trên Internet cạnh tranh thực sự với việc xuất bản sách bán ở hiệu. Một trong những anh chàng điều khiển học tí hon ranh mãnh đó thậm chí còn đòi một "cử toạ rất rộng" và báo 260.000 cuộc thăm trong một tháng. Nhịp độ này đã có thể đạt được mới hơn một năm tồn tại.

Trên thực tế, toàn bộ không phải là kết quả vô tư của việc đọc của một người đam mê, nhưng là một "cổng vào của sản phẩm văn hoá", mà "chiến lược nhiều lối vào" của nó nhằm cả vào các máy tính cổ điển cũng như các palms.

Các site đó thực tế gần hơn với cái mà CPI cũng chỉ ra trong số các ngoại lệ hợp pháp dưới thuật ngữ "điểm báo". Sự áp dụng loại pháp lý này tất nhiên được giới hạn cho các trích đoạn tác phẩm công bố trên báo chí chứ không phải trên các sách bán ở hiệu sách. Chúng ta hãy nhớ là Trung tâm khai thác quyền sao chép của Pháp đã kí nhiều thoả thuận liên quan đến các cuộc điểm và duyệt toàn cảnh báo chí mà các xí nghiệp sản xuất cho những người làm công sử dụng.

Ở đấy nữa, các site gây tranh cãi không thể viện cớ về ngoại lệ hợp pháp dành cho các bài điểm báo.

Hơn nữa, dù là các trích dẫn hay các bài điểm báo được luật pháp cho phép hay không thì tất cả các sao chép tác phẩm đều phải đúng với quyền tinh thần mà các tác giả luôn luôn được hưởng. Trong các thuộc tính của quyền tinh thần có quyền được tôn trọng tên và quyền được tôn trọng tác phẩm.

Điều đó có nghĩa trước tiên là việc trích dẫn phải "nêu nguồn" tác giả được trích dẫn. Ngày 26-4-1969, Toà thượng thẩm Paris đã nhấn mạnh rằng luật lệ này cũng áp dụng cả cho tên của dịch giả[2].

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-4-1968, *Dalloz*, 1968, 740.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 27-3-1982, *Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, 97, nhận xét Claude Colombet.

Mặt khác, việc trích dẫn không được làm biến chất hình thức cũng như tinh thần của tác phẩm được trích dẫn; đó là điều rất trái ngược với nguyên tắc của trích dẫn.

Các bài điểm báo

Các bài điểm báo và cơ sở dữ liệu khác với các trích dẫn và phân tích. Vấn đề không còn là ghép một đoạn trích văn bản vào một văn bản khác tổng quát hơn, nhưng là đặt cạnh nhau những trích đoạn của những tác phẩm khác nhau. Về nguyên tắc, không có bài viết tổng quát nào lại thâu tóm được những trích đoạn sắp xếp như thế. Ngoại lệ pháp luật chỉ liên quan đến những điểm báo, nhưng chỉ có các cấp toà án xét xử mới coi trường hợp các cơ sở dữ liệu cũng giống như thế[1].

Luật không đặt ra một điều kiện đặc biệt nào cho các sao chép trong khuôn khổ các bài điểm báo. Trái lại, các toà xét xử có khuynh hướng coi chúng chỉ có thể là việc làm của các cơ quan báo chí và của các nhà báo. Các pháp đình và các toà án, thực ra, nhận định rằng các bài điểm báo này, nếu muốn được hưởng ngoại lệ pháp lí, thì phải được gộp vào một tập hợp đưa ra cho công chúng và không thể ở bất kì một trường hợp nào tạo thành một sản phẩm đích thực. Những hạn chế đó liên quan đến mọi điểm báo: thông tin tài chính – một hội bán cho các xí nghiệp một sưu tập các trang tài chính của các tờ báo khác nhau đã bị kết tội làm giả - dự đoán cá cược, xã luận chính trị v.v...

Thực tế, hoặc là việc điểm báo sát nhập vào một tập hợp của các thông tin khác – và nói chung chỉ là một tập các trích dẫn – hoặc là được trình bày dưới dạng một công cụ làm việc độc lập thực sự, theo như phần lớn các ngân hàng dữ liệu – và người đưa ra nó phải mắc nợ về mặt pháp lí đối với các tác giả mà mình đã vay mượn[2].

Những nhận xét về quyền tinh thần liên quan đến các trích dẫn đều có thể chuyển vị vào các bài điểm báo và ngân hàng dữ liệu chẳng hạn không nên quên nêu tên tác giả...).

Các diễn văn chính thức và chính trị

Cũng có quy định cho phép các sao chép "với tư cách là thông tin, thời sự, các diễn văn dành cho công chúng, đọc trong các hội nghị chính trị, hành chính, tư pháp hay hàn lâm cũng như trong các cuộc họp thuộc loại chính trị và các lễ hội chính thức".

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 6-7-1972, *Dalloz*, 1972, 628, ghi chép Pactet.
[2] Toà đại phúc thẩm Seine, 30-6-1966, *Dalloz*, 1967, 223.

Tất cả các văn bản đó có thể được sao chép toàn bộ, nhưng chỉ cho một thời kì hạn chế phù hợp với "thời sự". Các cấp toà án hoàn toàn tự do nhận định một sự sao chép có thuộc vào thời sự hay không. Diễn văn của một tân hội viên cảng Conti có thể sao chép tự do trong Le Monde mấy ngày sau khi đọc, trái lại, một nhà xuất bản muốn đưa nó vào một cuốn sách thì sẽ phải xin giấy phép[1].

Các văn bản pháp luật, các quyết định tư pháp và các quốc ca

Một số loại văn bản, do tính chất đặc biệt của chúng được xem như cho tự do sao chép và trình diễn, cho một thời kì không hạn chế (trái với những diễn văn chính thức và chính trị).

Đầu tiên đó là các văn bản pháp lý, dù là: hiến pháp, luật, điều lệ, sắc lệnh, nghị định v.v... Các quyết định tư pháp cũng thuộc chế độ[3] như thế. Cũng vậy, các bài quốc ca đều hoàn toàn được miễn yêu sách về quyền gia sản của các tác giả.

Bài văn bắt chước, tác phẩm phỏng theo và biếm hoạ

Văn bắt chước, tác phẩm phỏng theo và biếm hoạ là ba ngoại lệ đáng kể đối với các quyền sao chép và trình diễn.

Theo truyền thống, người ta coi văn bắt chước gắn với thể loại âm nhạc, bài phỏng theo với văn học và biếm họa với nghệ thuật đồ hoạ. Cả ba đều là bắt chước một tác phẩm.

Văn bắt chước, biếm hoạ, và văn phỏng theo đều được cho phép "tính đến luật lệ của thể loại". Các luật lệ của thể loại, qua quá trình các vụ án đã được định nghĩa trong các quyết định của toà án[2].

Một mặt, mục đích của người làm văn bắt chước được đặt lên hàng đầu làm vui mà không tìm cách làm hại. Dụng tâm làm hại, theo các toà án, khiến cho sự sao chép đáng chê trách. Chỉ riêng tính chất ngây thơ con trẻ của văn bắt chước hay của biếm hoạ là được chấp nhận[3]. Và các toà án có khuynh hướng xem xét trạng thái tinh thần của người tìm cách chế giễu: tuyên bố trước và sau khi anh ta làm, về nạn nhân của bài văn bắt chước hay của biếm hoạ, v.v...[4]

Mặt khác, độc giả cũng phải hiểu rằng mình cũng có vấn đề phải giải quyết với một bài văn bắt chước hay một biếm hoạ. Tác giả hay nhà xuất bản, do đó, phải chú ý ngăn cản mọi khả năng nhầm lẫn trong công chúng. Nguy cơ nhầm lẫn luôn

---

[1] Emmanuel Pierrat, "Văn bắt chước, văn phỏng theo và biếm họa: sự kết thúc một thể loại?" Sách Hebdo, số 277, 23-1-1998, tr 53, Frédéric Fiechter – Boulvard, "Biếm họa: nhị nguyên hay nhất nguyên", *Tam cá nguyệt san luật dân sự*, tháng I-III-1997, tr 67.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 17-10-1980, *Dalloz*, 1982, Tóm tắt, 42, nhận xét, Claude Colombet.

[3] Toà thượng thẩm Bruxelles, 18-6-1978, *Báo của Toà án*, 1978, tr 619.

[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 25-9-1997, chưa in.

xảy ra nhiều hơn với một người tiêu dùng trung bình, vậy không nên cho rằng những sự khác nhau, hiển nhiên trước mắt các nhà chuyên nghiệp sách là có thể không bị chỉ trích. Một cuộc xét xử, phạt những sự giống nhau giữa *Thế giới của Sophie* và *Thế giới của Anne-Sophie*, đã nhận định thế này: "Vì rằng người mua đã ngay lập tức có cảm tưởng là đứng trước tác phẩm đầu; rằng người mua vẫn không hết nhầm lẫn nhờ tên của một nhà xuất bản khác với Le Seuil cũng không phải nhờ tên Les Jalons mà sự nổi tiếng của nó không đến mức làm người mua liên hệ ngay đến các bài văn bắt chước mà nhà xuất bản này đã thực hiện trong quá khứ; rằng, để đạt được điều đó, thì người mua phải bị kích thích trí tò mò đúng mức vì lời ghi ở bìa bốn - điều này không rõ – anh ta mở cuốn sách ra đọc lời văn của phần bìa gập phía trong cho đến lúc đó vẫn bị che giấu, rồi chú ý ngay đến văn bản của tác phẩm kể cả những lời cảm ơn; rằng bắt buộc phải nhận xét đó không phải là thói quen của một người mua một tiểu thuyết thành công lớn, bị hấp dẫn bởi quảng cáo xung quanh tác phẩm đó và chỉ chú ý vừa phải đến nội dung sách".

Toà thượng thẩm Paris, quá mệt mỏi đã chế định theo hướng như thế, ngày 17-1-2003[1] bằng cách xem xét rằng "thiếu thủ pháp hài hước trong nhan đề và bìa, so với tác phẩm đầu thì không thể tránh khỏi nguy cơ nhầm lẫn giữa hai tác phẩm cho người tiêu dùng [...] những thứ ghi kì cục trên trang đầu không đủ rõ để thấy được chức năng hài hước của chúng và việc ghi tên hội Les Jalons không thể được toàn thể công chúng liên hệ ngay đến các tác phẩm văn bắt chước mà hội đã thực hiện trước đó".

Hai luật lệ của thể loại phải tôn trọng là ý định làm vui không gây hại và không gây nhầm lẫn.

Tuy vậy, trong mấy năm, một vài vụ kiện vang dội cũng đã đưa ra xét xử những kẻ gây rối trong giới xuất bản. Họ đã biết bằng kinh nghiệm của họ rằng những văn bắt chước bán chạy nhất hay những sưu tập nổi tiếng từ nay sẽ có vị trí thực sự trong hàng các sách bị cấm ở Pháp mỗi năm. Cần nhắc lại rằng bìa của một quyển sách hay của một bộ sưu tập thường được các toà án coi như một tác phẩm được bảo hộ theo nghĩa của CPI[2]. Ma-ket ngày nay cũng được hưởng một sự bảo hộ theo như nhan đề hay nội dung sách. Ngoài ra, với giả thiết là một bộ sưu tập không đủ điều kiện độc đáo cần thiết để hưởng sự bảo hộ bằng quyền tác giả theo nghĩa hẹp, thì người xuất bản vẫn có thể viện dẫn luật cạnh tranh bất hợp pháp để làm nản lòng những kẻ bắt chước tìm cách đưa sản phẩm của mình ra chế giễu[3].

Vậy mà, cũng như mọi ngoại lệ của một nguyên tắc pháp lí trong trường hợp này là độc quyền khai thác được CPI cấp cho một tác phẩm gốc cho tác giả và nhà

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 17-1-2003, *Sở hữu trí tuệ*, no7, tháng 4-2003, trg.169, nhận xét André Lucas.
[2] Xem "Các sáng tạo của các nhà xuất bản".
[3] Xem "Vụ án về cạnh tranh phi pháp".

xuất bản của nó – văn bắt chước, văn phỏng theo hay biếm hoạ đều được hiểu rất hẹp trong các cuộc xét xử. Trong năm 1990, Nhà xuất bản Gallimard đã đạt được một bản án về *Hồi kí của Elena Ceaucescu*, vì quyển sách này đã công khai nhạo báng "Thư viện danh nhân" bằng cách làm giả maket.

Không nên quên rằng, về lí thuyết, không có một ngoại lệ nào cho văn bắt chước về mặt nhãn mác. Vì thế mà *Que sais je?* giả (Tôi biết gì? – N.D) của Karl Zéro công bố năm 1991 đã bị cấm theo yêu cầu của PUF. Những nhà bình luận chuyên môn, tuy nhiên, nhận định rằng một số kẽ hở pháp lý bắt đầu hé mở về điểm này[1].

Tuy nhiên, năm 2003, Toà thượng thẩm Paris[2] đã ra một loạt quyết định trong đó toà thừa nhận khả năng bắt chước các nhãn hiệu đã trình tòa. Ngày 30-4-2003, toà đã bênh vực những người mở đầu site Jeboycottedanone.com tố giác chính sách xã hội của hãng khổng lồ chế biến thực phẩm nông sản. Các quan toà đã ghi nhận đáng kể rằng "việc viện dẫn đến cái nhãn mác được nhằm tới là cần thiết để giải thích tính chất chiến lược hay tranh cãi của chiến dịch, vì càng cần như thế khi các sản phẩm không hề được nhắm tới mà cũng không bị phỉ báng".

Nói tóm lại văn bắt chước được CPI cho phép ngày nay rất khó công bố. Trái lại, bắt chước một nhãn mác, bị trừng phạt đơn thuần về luật thì càng ngày càng ít bị trừng phạt bởi các cấp toà án. Phải chăng đó là một ví dụ về "văn bắt chước của tư pháp" hay là một sự "lật ngược các xu thế"?

Cuối cùng, nhà xuất bản và tác giả biếm hoạ gọi là "của báo chí" thường hay bị đưa ra toà trên cơ sở không có quyền tác giả, nhưng lại có quyền báo chí[3].

Việc sao chép các tác phẩm bày ở nơi công cộng

Đây là một sáng tạo về án lệ vì luật không hề có một ngoại lệ như thế[4]. Các tác phẩm bày ở một nơi công cộng có thể thuộc về kiến trúc cũng như nghệ thuật tạo hình và đồ hoạ (điêu khắc, tranh tường[5]...).

Các cấp toà án đòi hỏi chỉ một điều kiện để cho việc sao chép chúng không xin phép - đặc biệt bằng chụp ảnh – là không đáng chê trách: tác phẩm được sao chép không phải là chủ đề chính của sao chép. Thực tế điều đó đòi hỏi tác phẩm

---

[1] Emmanuel Baid và Stéphane Colombet "Văn bắt chước nhãn mác: tiến tới một sự xói mòn tính chất tuyệt đối của các dấu hiệu đặc trưng". *Dalloz*, 1998, Thời luận, tr 227.

[2] *Toà thượng thẩm Paris, 30-4-2003, Dalloz, 2003,* tr 1760 và 2685, nhận xét Sylviane Durrande

[3] Xem về vấn đề đặc biệt này, Emmanuel Pierrat. *Luật về sách*, đã dẫn.

[4] Xem C. Colombet, tr 239 (xem Thư tịch đại cương).

[5] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 4-7-1995, Légicom, số 8, tr 159, ghi chép Christophe Caron.

được sao chép chỉ là phần phụ của một chủ đề khác: lễ hội[1], toàn cảnh[2] v.v... và tác phẩm được bảo hộ là một trong những chủ đề đó.

Vì thế việc sao chép Géode là chủ đề trung tâm của một bưu thiếp được xem là làm giả[3]. Trong khi việc sao chép nó trong cái nhìn toàn cảnh của quận XIX Paris được tự do thừa nhận.

Sự xuất hiện với tư cách phụ

Nhiều lần Toà phá án đã phát biểu ý kiến mấy năm gần đây về "sự xuất hiện" bí ẩn "với tư cách phụ". Biệt ngữ này không chỉ một hiện tượng bè phái cũng không phải là một vụ kiện về ma tuý. Đó là khái niệm về sở hữu văn học và nghệ thuật liên quan trực tiếp đến chế độ pháp lý của các bìa sách.

Mọi sự sao chép tác phẩm được bảo hộ cần phải có giấy phép. Nhưng pháp chế đã dần dần phát triển một lí thuyết gọi là "sự xuất hiện với tư cách phụ" về chuyện các tác phẩm đặt ở những nơi công cộng: đồ điêu khắc, tranh nề, đài nước, nghệ thuật quanh cột trụ v.v... Không cần phải có hợp đồng nào, nếu tác phẩm được sao chép không phải là chủ đề chính của hình ảnh, mà chỉ một trong số các yếu tố hiện ra trong hình ảnh. Cũng như thế, chẳng hạn, trường hợp một ảnh chụp từ trên không một thành phố, trong đó sẽ không tránh khỏi xuất hiện ở đây đó một vài tác phẩm kiến trúc còn được bảo hộ bằng quyền tác giả.

Cho tới nay, sự vi phạm chế độ chặt chẽ của sở hữu văn học và nghệ thuật thực tế vẫn rất hạn chế.

Vả lại, ngày 12-12-2006[4], Toà phá án đã nhắc nhở rất cương quyết các giới hạn đó, Toà án cấp cao xem xét tỉ mỉ trường hợp các quảng cáo Barilla, mà Gérard Depardieu đã chuẩn bị đưa lên màn ảnh từ lâu.

Những chiếc ghế có kí tên Mallet-Stevens hiện lên trong các tiết mục quảng cáo nghe-nhìn. Vấn đề đặt ra cho các quan toà là phải biết liệu sự xuất hiện như thế có cần phải xin phép và thậm chí có phải trả tiền hay không. Công nghiệp chế biến thực phẩm nông sản biện hộ rằng các tác phẩm "chỉ xuất hiện từng phần và trong bóng tối". Nhưng toà đã nhận xét rằng "nếu các chiếc ghế xuất hiện rất nhanh, thì sự có mặt của chúng lại là cố ý và lặp lại, không còn thể xem chúng là phụ, đến mức đấy là một sự trình diễn các tác phẩm tạo thành sự làm giả[5]".

---

[1] Toà dân sự Mirecourt, 10-7-1924, *Dalloz tuần báo*, 1924, 680.
[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 4-7-1995, *Báo của Toà án*, 15-16-III-1996, tr 18.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 23-10-1990, *Tuần lễ pháp lí (JCP)*, 1991, II, 21682, ghi chép André Lucas.
[4] Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 12-12-2000, *Dalloz*, 2001, tr 1530, ghi chép Emmanuel Dreyer.
[5] Để lấy một ví dụ về ngoại lệ còn giữ lại, xem: Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-3-2005, "Chỗ đất phì nhiêu", *Dalloz*, 2005, tr 1645, ghi chép Philippe Allaeys.

Tóm lại, cuộc thi đấu Barilla/Mallet - Stevens nhắc lại rằng ranh giới đôi khi rất khó vạch giữa sự xuất hiện phải trả phí và sự xuất hiện theo tư cách phụ. Vậy nên trong thực tế mỗi người sẽ đi đến kết luận là thà lập thêm một hợp đồng, còn hơn là mong tiến hành xét xử về mặt này.

Nhưng ngày 12-6-2001[1], cũng phòng đó của Toà phá án đã đột ngột chuyển hướng lập trường, lần này theo hướng có lợi cho các nhà xuất bản. Thật vậy, các quan toà đã bác bỏ dứt khoát các yêu sách của hội Campagne chống lại các nhà xuất bản Atlas. Hãng nhiếp ảnh trách cứ "việc sử dụng bìa của một tác phẩm trên đó có ảnh chụp phong cảnh trong một phim quảng cáo [...], trong lúc một trình bày tác phẩm như thế là một sự sao chép và một trình diễn không có phép, vì chỉ một mình quyền sao chép trên bìa sách đã được chuyển nhượng". Các quan toà nhận định rằng "sự xuất hiện tấm ảnh trên phim là phụ so với chủ đề là sự trình bày quảng cáo sản phẩm".

Giờ đây, đó quả là một bứt phá ngoạn mục, nhưng rất riêng biệt vì vậy phải chào đón một cách thận trọng. Ở đấy nữa, hoàn cảnh lí tưởng cho nhà xuất bản là được hưởng một hợp đồng hợp lệ với người minh hoạ, người làm ma-ket, người nhiếp ảnh hoặc hãng; hợp đồng đó phải có sự chuyển nhượng các quyền khai thác đủ rộng, nghĩa là nó cho phép thực hiện đủ loại xúc tiến bán hàng với cái bìa: trang quảng cáo trên báo, vật liệu của "PLV", site Internet...

Mặt khác chúng ta nên nhớ rằng bản thân các nhà xuất bản thường viện đến các tấm bìa không đủ những điều kiện cần thiết cho sở hữu văn học và nghệ thuật, thì việc dùng lại của một người cạnh tranh không tế nhị phải luôn luôn bị trừng phạt trên cơ sở cạnh tranh bất chính.

Sự sao chép một bìa sách không thể được tiến hành, nếu không được nhà xuất bản đồng ý. Sự thực pháp lý này từ nay rất rõ đã được nhấn mạnh lại với việc xuất hiện của các hiệu sách trên mạng, rất ham các vi-nhét ở đó người ta thường phân biệt các trang đầu bìa sách.

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 12-6-2001, *Dalloz*, 2001, tr 2517, nhận xét Jeanne Daleau.

VIII

Hợp đồng xuất bản

Hợp đồng xuất bản có một quy chế đặc biệt trong các hợp đồng liên quan đến quyền tác giả mà người xuất bản thường phải thương lượng. Cơ quan lập pháp bận tâm đến sự bảo hộ các tác giả, thật ra, đã chú ý hạn chế sự tự do hợp đồng của các nhà xuất bản và đã đặt phạm vi việc kí một hợp đồng xuất bản trong rất nhiều điều kiện[1]. CPI dành hẳn một phần cho các luật lệ chuyên về hợp đồng xuất bản. Ngoài ra, toàn bộ việc lập pháp này đã được giải thích và xếp đặt chế độ. Kết quả là ngày nay hợp đồng xuất bản đi theo một chế độ rất vi phạm luật chung về hợp đồng, chế độ mà nhà xuất bản phải lo thận trọng tuân theo cho khỏi bị mất lợi về chữ kí của tác giả[2].

Định nghĩa hợp đồng xuất bản

Theo điều L.132-1 của CPI:

> "Hợp đồng xuất bản là hợp đồng mà theo đó tác giả của một tác phẩm trí tuệ hay *các chủ sở hữu* của tác giả, chuyển nhượng với những điều kiện nhất định cho một người gọi là nhà xuất bản, quyền sản xuất hay cho sản xuất với số lượng nhiều các bản tác phẩm, và chịu trách nhiệm công bố và phát hành".

Định nghĩa này là quan trọng vì nó cho phép biết chính xác chế độ hợp đồng xuất bản áp dụng cho những hợp đồng nào[3]. Hợp đồng này là một hợp đồng đặc biệt ép buộc, một số nhà xuất bản rất thèm muốn những món lãi mà không gặp điều

---

[1] André Francon, "Sự tự do hợp đồng trong lĩnh vực quyền tác giả", Dallo., 1976, Thời luận, tr 55. Pierre – Yves Gautier, "Người nhượng quyền miễn cưỡng: nghiên cứu về hợp đồng đồng ép buộc trong sở hữu trí tuệ". *Dalloz, các vụ án,* 1995, số 6, tr 123, J-P. Bouard "Tiến triển của những quyền được công nhận cho tác giả và người xuất bản của mình: tiến tới một sự chuyển dịch trọng tâm của xuất bản". *Truyền thông thương mại điện tử,* 2004, thời luận, số 9, Philippe Allayes, Olivier Bustin, Jean-Hyacinthe de Mitry, "Tự do hợp đồng có tồn tại trong quyền tác giả không?". Légipresse, 2003, II, trg117.

[2] Gui Debord, *Các hợp đồng,* Thời gian của nó, 1995.

[3] N. Stojanovic, "Hợp đồng xuất bản", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả,* tháng 1-1967, số LII, tr 79. Florence-Marie Piriou "Các hợp đồng xuất bản trong môi trường của tính hiện đại", *Báo của Hội nhà văn,* số 1, 1998, tr 15.

bất tiện. Vì việc đó, họ kí với các tác giả của họ những hợp đồng xuất bản không mang tên hợp đồng. Các hợp đồng đó có thể được các quan toà đánh giá lại thành hợp đồng xuất bản, sẽ bị huỷ bỏ có hại cho nhà xuất bản, nếu chúng không đáp ứng được những đòi hỏi pháp lí của một hợp đồng xuất bản.

Định nghĩa theo pháp luật cũng cho phép phân biệt loại hợp đồng này với những hợp đồng được soạn thảo rất tự do.

Hợp đồng xuất bản khác biệt đáng kể với hợp đồng chuyển nhượng quyền sao chép bình thường trong đó người được nhượng không cam kết công bố hay phát hành[1].

Một hợp đồng gọi là "đặt làm" có thể bao hàm những thực tế pháp lí rất khác biệt theo những người đàm phán. Như các nhà luật học hiểu, thì nó không phải là một hợp đồng xuất bản[2]. Hợp đồng đặt làm loại bỏ mọi việc nhượng quyền sao chép, bởi vì nó chỉ nhắm vào đối tượng vật chất. Mặt khác, hợp đồng đặt làm, như cách hiểu của một số nhà chuyên nghiệp xuất bản, thì có thể có hai loại hợp đồng rất khác nhau:

- Một sự lựa chọn đơn giản về chuyển nhượng quyền sao chép được tác giả đồng ý với nhà xuất bản.

- Một hợp đồng xuất bản thực sự, kí trước khi viết bản thảo và gồm một số yêu cầu của nhà xuất bản đối với văn bản chờ đợi.

Vẫn có thể một nhà xuất bản trả tiền công cho một tác giả - điều này không tương ứng với việc trả theo tháng khoản tiền trả dần, nhưng lúc đó một hợp đồng lao động không thể lẫn lộn với một hợp đồng xuất bản.

Cũng vậy, khi một văn bản được phổ biến trong một xí nghiệp hay chỉ trong một mạng lưới thương mại duy nhất của nó, thì điều đó không thể ở trong khuôn khổ một hợp đồng xuất bản. Thiếu sự phổ biến thực sự trong công chúng tức là làm cho nó thành một hợp đồng thuê việc.

Dĩ nhiên là những hợp đồng chuyển nhượng các quyền cải biên nghe nhìn, mua hay bán các quyền không đáp ứng đúng định nghĩa pháp lý của hợp đồng xuất bản và có những tham số riêng nếu không phải là hợp pháp thì ít nhất cũng là hợp với việc xét xử.

Cuối cùng CPI gợi ý một hợp đồng tính vào tác giả và một hợp đồng tính chi phí một nửa, hai loại này khác biệt rõ rệt với hợp đồng xuất bản[3].

---

[1] Phòng xã hội Toà phá án, 14-6-1978, *Công báo dân sự*, xem no470. Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 12-11-1980, *Công báo dân sự*, I, số 288.

[2] Xem "Hợp đồng đặt làm".

[3] Xem chương IX "Hợp đồng tác giả góp tiền và hợp đồng chia lời".

Sự chấp thuận của tác giả đối với hợp đồng xuất bản

Luật pháp mô tả chính xác những điều kiện ràng buộc việc kí mọi hợp đồng xuất bản. Và các toà án đặt một tầm quan trọng đặc biệt vào các điều kiện đó. Điều L.132-7 của CPI qui định: "Sự chấp thuận cá nhân bằng văn bản viết của tác giả là điều bắt buộc.

"Không kể đến những quy định chi phối các hợp đồng ký với những người vị thành niên có người thành niên quản lý tài sản, sự chấp thuận vẫn phải bắt buộc khi một tác giả không đủ quyền về mặt pháp lý, trừ khi tác giả đó bất lực về thể chất để chấp thuận. "Các quy định của đoạn trên không thể áp dụng được khi hợp đồng xuất bản được kí bởi các *chủ sở hữu quyền tác giả*".

Hai điều kiện chủ yếu nổi bật lên trong điều khoản này: sự thoả thuận cá nhân của tác giả và thoả thuận bằng văn bản viết.

Đòi hỏi một thoả thuận cá nhân đến mức áp dụng cả cho những người mà Bộ Luật dân sự phủ nhận theo truyền thống khả năng của họ tự kí hợp đồng: những vị thành niên, những người thành niên giám hộ, quản tài hay dưới sự bảo hộ của pháp luật. Nhưng không nên quên rằng tác giả nào không có quyền về pháp lý, thì người đại diện hợp pháp của anh ta phải cho ý kiến chấp thuận. Thiếu một trong hai sự chấp thuận đó là đủ đặt người xuất bản trước khả năng huỷ bỏ hợp đồng.

Trong mọi giả thiết, một tác phẩm được công bố thiếu sự chấp thuận cá nhân của tác giả sẽ được pháp luật cho là làm giả. Chỉ có hai trường hợp cho phép người xuất bản được miễn sự thoả thuận cá nhân của tác giả. Thứ nhất, đó là do sự bất lực thể chất của tác giả không đưa ra thoả thuận được: thiếu theo nghĩa pháp lý của thuật ngữ là ghi nhận của toà án về sự biến mất của một cá nhân - đó là một minh chứng đầy đủ. Thứ hai, khi tác giả chết, dĩ nhiên là các chủ sở hữu của tác giả có quyền kí với tư cách cá nhân, nhưng cũng có thể để một người được uỷ quyền đại diện cho mình.

Sự thoả thuận trong hợp đồng xuất bản phải bằng văn bản[1]

Đây là một thủ tục về bằng chứng, hẳn là rất quan trọng, nhưng không ảnh hưởng một tí gì đến giá trị pháp lí của hợp đồng[2]. Vì thế, điều L.131-2 của CPI xác định rằng "các hợp đồng trình diễn, xuất bản và sản xuất nghe-nhìn định nghĩa

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 29-4-1987, *Tập san quyền tác giả*, tháng 1-1988, tr 13.

[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 20-11-1979, *Dalloz*, 1981, Thông tin nhanh, 86, nhận xét Claude Colombet.

chính thức ở đấy đều phải ghi nhận bằng văn bản. Các giấy cho phép thực hiện miễn phí cũng vậy. Trong tất cả các trường hợp khác, các điều khoản của các điều 1341 đến 1348 của Bộ Luật dân sự[1] đều có thể áp dụng được".

Điều L.131-3 của CPI, ở đoạn hai, làm cho mềm dẻo hơn đòi hỏi việc lập hợp đồng xuất bản bằng văn bản viết: "Khi các điều kiện đặc biệt đòi hỏi, hợp đồng có thể kí kết một cách hợp thức bằng trao đổi điện tín, với điều kiện là lĩnh vực khai thác các quyền được chuyển nhượng phải giới hạn đúng với văn bản đoạn đầu của điều này[2]". Ngoài các điện tín, các bản sao truyền và thư của tác giả (nhưng không phải của người xuất bản) ngày nay đều được các toà án chấp nhận[3].

Khi thiếu văn bản viết, nhà xuất bản có cơ không có khả năng chứng tỏ rằng đã hợp đồng với tác giả[4]. Không có một kiểu chứng cứ nào về mặt lí thuyết có thể được chấp nhận có lợi cho nhà xuất bản sự làm chứng, suy đoán (như việc trao bản thảo), v.v..., và không một tình tiết đặc biệt nào sẽ có lợi cho nhà xuất bản (người uỷ quyền của tác giả, tác giả bất lực về thể chất nên không ký được....[5]). Như thế, một nhà xuất bản, do không thể chứng minh là đã có hợp đồng về một quyển sách đàm luận với một người được giải thưởng Nobel, chỉ có thể chống lại một đồng nghiệp bằng luật cạnh tranh bất chính, chứ không phải bằng luật làm giả[6]. Tuy nhiên, các quan toà đã thừa nhận một bản viết không phải là điều bắt buộc khi chính tác giả lại là người lãnh đạo của nhà xuất bản gia đình[7].

Trên thực tế, luật pháp đòi hỏi thoả thuận chỉ là để bảo vệ chính tác giả. Nếu nhà xuất bản chỉ có thể chứng minh hợp đồng xuất bản bằng một văn bản viết, thì tác giả lại có thể tự do chứng tỏ sự hiện hữu của một hợp đồng nhờ vào các bằng chứng và các phương tiện chứng cứ khác. Tác giả chỉ phải theo chế độ độc nhất của điều L.110-3 Bộ Luật thương mại khẳng định nguyên tắc tự do về chứng cứ chống lại mọi nhà buôn (trong trường hợp này là nhà xuất bản)[8].

Cuối cùng, hợp đồng xuất bản bằng văn bản không được khác với các đề nghị ban đầu đưa ra với tác giả, và trên cơ sở các đề nghị đó tác giả đã chấp nhận kí hợp

---

[1] Các điều liên quan đến những khả năng bằng cứ khác với văn bản viết.
[2] Đoạn liên quan đến những quyền được chuyển nhượng và phạm vi khai thác, xem ở dưới.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 16-12-1988, *Tập san quyền tác giả*, tháng 7-81989, tr 22.
[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 6-11-1979, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1980, IV, 25. Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 20-11-1979, Công báo dân sự, I, số 289.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 10-5-1973 (chưa in) (trích dẫn bởi Colombet, trg.317 và Desbois, số 519, tr 57, xem (Thư tịch đại cương).
[6] Toà án thương mại Paris, 17-6-1994, *Tuần pháp lí (JCP)*, 14-12-1994, số 50, 22348, tr 425, ghi chép Daniel Bécout.
[7] Phòng thương mại Toà phá án, 20-1-1980, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1981, II, 19619.
[8] Toà đại phúc thẩm Paris, 28-2-1973, Tam cá nguyệt san luật thương mại, 1875, 99, Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 1-7-1970, Dalloz, 1970, 734, Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 12-4-1976, Công báo dân sự, I, số 123.

đồng[1]. Cũng vậy hợp đồng xuất bản có thể được giải thích nhờ vào các thư từ tiếp theo[2]. Thư từ có thể dễ dàng bổ sung các thời hạn hợp đồng hay cả đến sửa đổi chúng.

Nhà xuất bản không bao giờ được quên là về chuyện hợp đồng xuất bản, phần chủ yếu của lập pháp và pháp chế đã được xây dựng trên quyền lợi của các tác giả. Thiếu một hợp đồng bằng văn bản viết, việc công bố sẽ được đánh giá là làm giả[3].

Nội dung hợp đồng xuất bản

Hợp đồng xuất bản ngày nay, do có nhiều quy định luật và một pháp chế ngày càng phong phú và có yêu cầu cao, phải đáp ứng khá nhiều điều kiện ngay trong nội dung và trong việc áp dụng. Sau đây chúng tôi lựa chọn, tập hợp các điều kiện đó và phân tích các vấn đề chúng đặt ra thành bốn nhóm:

- Các quyền được chuyển nhượng và phạm vi khai thác;
- Quyền ưu tiên;
- Nghĩa vụ của tác giả;
- Nghĩa vụ của nhà xuất bản (trừ tiền thù lao tác giả và việc trình sổ sách kế toán là đối tượng của một sự triển khai đặc biệt)[4].

Các quyền được chuyển nhượng và phạm vi khai thác

Người điều luật của CPi dẫn đến điều mà những người thực hành quyền tác giả gọi là "phạm vi khai thác các quyền được chuyển nhượng". Phạm vi này cần phải được xác định dứt khoát và thật ra, điều cần thiết cho mọi hợp đồng xuất bản là phải xác định thật kĩ những tham số của việc chuyển nhượng các quyền là đối tượng của hợp đồng. Quả vậy, một nguyên tắc quan trọng, bao quát sự chuyển nhượng các quyền tác giả: chỉ chuyển nhượng các quyền ghi rõ trong hợp đồng.

Điều L.122-7 chỉ ra trước hết ở các đoạn hai, ba và bốn:

"Sự chuyển nhượng quyền trình diễn không mang theo sự chuyển nhượng quyền sao chép.

"Sự chuyển nhượng quyền sao chép không mang theo sự chuyển nhượng quyền trình diễn.

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 16-2-1986, *Dalloz*, 1987, Thông tin nhanh, 157, nhận xét Claude Colombet.

[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 18-2-1986, *Dalloz*, 1987, Tóm tắt, 157, nhận xét Claude Combet.

[3] Toà đại phúc thẩm Toulouse, 11-1-1996, *Sách tuần*, số 190, tháng 2-1996, tr 79.

[4] Xem "Tiền thù lao của tác giả và sự trình sổ sách kế toán".

"Khi một hợp đồng bao gồm sự chuyển nhượng hoàn toàn một trong hai quyền nêu trong điều này, thì phạm vi của nó được giới hạn ở các phương thức khai thác dự kiến trong hợp đồng".

Và đoạn thứ nhất của điều L.131-4 của CPI xác định:

"Tác giả có thể chuyển nhượng toàn bộ hay từng phần các quyền trên tác phẩm của mình [...]"

Vậy cần phải bắt đầu chỉ ra những quyền nào của quyền tài sản được chuyển nhượng (quyền sao chép, quyền trình diễn), biết rằng nếu hợp đồng chỉ nói đến một mình quyền sao chép, thì nhà xuất bản sẽ không được nhận một món tiền nào trong trường hợp sử dụng cho sân khấu (cải biên kịch, đọc trước công chúng, v.v...) của tác phẩm mà nhà xuất bản đã công bố. Do vậy, trong các hợp đồng xuất bản thường thấy chuyển nhượng cả hai quyền: quyền trình diễn và quyền sao chép[1].

Điều L.131-3 đoạn 1 của cùng bộ luật ấy cho phép xác định tốt hơn những gì phải ghi vào trong mọi hợp đồng xuất bản:

"Sự truyền lại các quyền của tác giả lệ thuộc vào điều kiện là mỗi quyền trong những quyền được chuyển nhượng là đối tượng được ghi phân biệt rõ trong điều luật chuyển nhượng, và lĩnh vực khai thác các quyền chuyển nhượng được giới hạn rõ vừa về phạm vi và địa chỉ nhận, vừa về địa điểm và thời hạn".

Điều L.131-7 thêm:

"Trong trường hợp chuyển nhượng từng phần, người có quyền kế tục thay thế cho tác giả trong việc thực hành các quyền được chuyển nhượng trong những điều kiện, những giới hạn và với thời hạn dự kiến trong hợp đồng và chịu trách nhiệm báo cáo".

Nhà xuất bản phải hiểu ở đây là dù trường hợp giả thiết ra sao (chuyển nhượng chỉ một quyền tài sản hay hai...) thì nhà xuất bản cũng cần định rõ phạm vi khai thác những quyền được chuyển nhượng. "Phạm vi" chỉ các cách thức khai thác dự tính[2]. Do đó, vấn đề là hình dung được mọi việc sử dụng có thể có và có thể hình dung ra về tác phẩm: loại bỏ túi, cho câu lạc bộ, in minh hoạ, thành tập, bằng chữ to, cải biên âm nhạc, dịch, khuyến mãi v.v... Việc xét xử hết sức chặt chẽ về điểm này và cho rằng tất cả những gì không được nhượng thì dứt khoát thuộc sở hữu của tác giả. Vì thế một nhà xuất bản đã kí cho một lần xuất bản thành nhiều lần giao sản phẩm không thể tung tác phẩm ra dưới dạng những quyển mỏng dễ đóng bìa cứng[3]; như thế thực ra là phát hành thành một tập duy nhất - điều mà tác giả không đồng ý cho phép. Còn về phần người xuất bản đã xử lí thành một tập thì anh ta lại

---

[1] Fernay, "Sự chuyển nhượng và hợp đồng xuất bản". *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1958, số XIX, tr 257.

[2] Xem mục 4 của hợp đồng mẫu.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 10-12-1908, *Sirey*, 1909, 2, II.

không có một trường hợp nào được quyền công bố thành nhiều lần xuất bản[1]. Cũng vậy, nhà xuất bản không thể chuyển nhượng các quyền cho một câu lạc bộ, nếu không có một văn bản nào cho phép chứng nhận là đã được tác giả đồng ý[2]. Tuy nhiên, tuỳ theo những trường hợp đặc biệt, người ta đã xét xử rằng nhà xuất bản đã có thể chuyển nhượng một cách có hiệu lực các quyền khác mà không có giấy phép chính thức của tác giả[3]. Một hợp đồng xuất bản các bài hát không hề cho phép việc công bố các khúc nhạc độc tấu đệm vào[4] trừ điều khoản ngược lại. Một người xuất bản không thể chuyển nhượng một nhãn mác rút ra từ nhan đề của một trong những tiểu thuyết mà anh ta xuất bản.

Nếu hợp đồng chỉ kí cho một khổ giấy nhất định, nhà xuất bản không được phép ấn hành theo một khổ khác[5]. Ngược lại tác giả đã chuyển nhượng theo một khổ sách nhất định có thể chuyển nhượng, một cách có hiệu lực, các quyền trên chính tác phẩm đó cho một nhà xuất bản khác theo một cách khai thác khác; vì thế người ta đã xét xử rằng một tác giả đã chuyển nhượng, một cách có hiệu lực, cho một nhà xuất bản, các quyền trên một tập gồm những hình vẽ và bài văn và chuyển nhượng cho một nhà xuất bản khác chỉ những hình vẽ thôi, trong một khổ và trên một thứ giấy khác[6].

Nguyên tắc phân ranh giới này của việc chuyển nhượng, do vậy, chỉ nói đến những gì đã được chuyển nhượng rõ rệt, cũng được áp dụng cho toàn bộ những hợp đồng kí với tác giả (hợp đồng dịch, v.v...) và đặc biệt, cho những hợp đồng sản xuất nghe-nhìn[7]. Các hệ quả đôi khi có thể rất nặng nề đối với một nhà xuất bản.

Vì vậy một nhà xuất bản đã mua được của nhà sản xuất bộ *Chúng ta đã rất yêu quí cuộc Cách mạng,* các quyền cải biên văn học và đã có thể từ đó rút ra một quyển sách. Thế nhưng, Daniel Cohn-Bendit, Tác giả của bài thoại không hề chuyển nhượng quyền cải biên văn học cho nhà sản xuất, nên sự chuyển nhượng về sau giữa nhà sản xuất và nhà xuất bản đã bị huỷ bỏ trước toà[8].

Chỉ các quyền cải biên nghe nhìn phải là đối tượng của một hợp đồng riêng biệt[9]. Vấn đề còn lại bây giờ là phải biết đưa các cách thức xuất bản điện tử vào đâu, tức là truyền thông đa phương tiện, có thể thuộc vào hợp đồng này hay hợp đồng kia tuỳ theo loại hình sản phẩm. Thiếu pháp chế[10] thì hình như giờ đây việc

---

[1] Toà dân sự Seine, 25-5-1882, *Báo của Toà án,* 26-5-1882.
[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 26-1-1994, *Công báo dân sự,* I, số 34.
[3] Toà đại phúc thẩm 5-2-1977, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả,* tháng 1-1978, tr 190.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 12-5-1952, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học,* 1952, 311.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 13-7-1864, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp nghệ thuật và văn học,* 1864, 326.
[6] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 3-3-1983, *Công báo dân sự,* số98.
[7] Xem chương X "Các hợp đồng và nghe nhìn".
[8] Toà thượng thẩm Paris, 19-12-1991, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả,* tháng 4-1993, tr 206.
[9] Xem ở dưới "Mẫu hợp đồng nhượng các quyền cải biên nghe nhìn".
[10] Xem ở dưới "Các hợp đồng liên quan đến truyền thông đa phương tiện".

đưa các cách thức đó vào hợp đồng xuất bản cũng như vào hợp đồng cải biên nghe-nhìn vẫn là chuyện đúng đắn.

Nhưng đôi khi lại khó dự kiến được các cách thức khai thác trong một hợp đồng nhằm áp dụng trong nhiều thập niên. Tương lai của việc xuất bản đang được vẽ ra hàng ngày theo với những bước tiến công nghệ. Chính đó là điều lập pháp đã cố cứu vãn trong điều L.131-6 của CPI:

> "Điều khoản của một chuyển nhượng nhằm cấp quyền khai thác tác phẩm dưới một hình thức không thể dự kiến được hoặc không được dự kiến trong ngày làm hợp đồng cần phải rõ ràng và qui định một sự tham dự tương ứng vào những lợi nhuận khai thác".

Nhà xuất bản, do vậy, được phép dự tính trong hợp đồng xuất bản rằng tác phẩm sẽ được khai thác theo những cách thức đã bị bỏ sót không ghi vào hoặc sẽ được tìm ra. Mặt trái của sự tự do này là phải dự kiến, tiền thù lao của tác giả không cần mọi tính toán về lợi nhuận. Từ việc đó, dần dần trong các hợp đồng kí cho tất cả thời hạn của quyền tác giả thừa kế, có dự kiến đến sự xuất hiện của những cách thức khai thác mới, người ta tìm thấy một điều khoản sửa đổi thuộc loại: "ở mọi lúc, sau khi hết hạn (số) năm tính từ ngày kí hợp đồng này, mỗi bên đều chú ý hợp lí đến khả năng chấp nhận mọi yêu cầu của đối tác nhằm để thương lượng lại các điều kiện phù hợp hơn với thực tiễn về xuất bản[1]".

"Nơi đến" nhằm vào công chúng (sử dụng công hay tư...) cũng như phương thức sử dụng (cho mượn, bán v.v...) Khi hợp đồng hạn chế nơi đến của tác phẩm, tức là khi tác giả không muốn chuyển nhượng một số khả năng sử dụng của tác phẩm, thì tốt nhất là dùng một hệ thống điều khoản - nhãn để báo trước cho người mua và người dùng sách. Nhãn này thường nằm ở mặt sau trang bìa. Nó cho phép chẳng hạn như cấm cho mượn công cộng hoặc cho thuê tác phẩm vì thói quen ở Pháp vẫn là tự do cho mượn cho đến khi đưa ra Luật ngày 18-6-2003[2]. Kĩ thuật này cũng có thể nói lên một vài sự cấm đoán, như cấm bán lại một tác phẩm phân phát miễn phí. Cũng thuộc ý tưởng loại đó, các toà án đã kết án nặng nề những người mua các bản sách dành cho việc huỷ toàn bộ theo giá giấy để đưa lại vào lưu hành.

Việc ghi "thời hạn" của chuyển nhượng cũng quan trọng, vì các cấp toà án coi không có một hợp đồng nào được kí mà không có thời hạn xác định[3]. Các toà án tuyệt đối không chấp nhận việc thiếu ghi một thời hạn cho việc chuyển nhượng tương đương với thời hạn của sở hữu văn học và nghệ thuật.

---

[1] Ví dụ điều khoản nêu bởi Charles Clark trong *Công báo quyền tác giả*, 1993, số 3, tr 17.

[2] Xem "Cho mượn công cộng trả tiền".

[3] Xem điều 3 của hợp đồng mẫu. Toà đại phúc thẩm Paris, 20-3-1974, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1974, số LXXXI, tr 138. Toà thượng thẩm Paris, 28-11-1984, *Dalloz*, 1985, Thông tin nhanh, 316, nhận xét Claude Colombet.

Với giả thiết là hợp đồng sẽ có hiệu lực "cho tất cả thời hạn của sở hữu văn học và nghệ thuật", không nên bỏ sót dự kiến các thay đổi về lập pháp. Thật vậy, theo Robert Plaisant, mọi việc kéo dài quyền tác giả do cơ quan lập pháp chỉ có lợi cho tác giả, trừ điều khoản trái lại, chứ không phải cho nhà xuất bản[1].

Nhiều quyết định của tư pháp liên quan đến nhiếp ảnh, mà đối với nhiếp ảnh các hợp đồng nói chung ngắn gọn bởi chúng thường chỉ gồm những chứng từ của người chụp ảnh. Sự công bố các tấm ảnh trong một catalo hay trong lần xuất bản có niên hiệu không có giá trị cho năm sau. Người ta đã xét xử rằng việc chuyển các quyền trên ảnh chụp không kéo theo sự chuyển nhượng các lời bình đi kèm[2].

Còn "địa điểm", cũng cần xác định, thì không đòi hỏi chú giải gì cả, nếu đó không phải là đối với Liên minh Châu Âu. Thực ra có một sự chênh lệch giữa thực hành hợp đồng chia các lãnh thổ khai thác, và luật của Cộng đồng đặt ra nguyên tắc tự do lưu thông tài sản và hàng hóa[3]. Hội đồng Bruxelles và Pháp đình của Cộng đồng châu Âu đã đưa ra nhiều quyết định liên quan đến các quyền sở hữu trí tuệ[4]. Nguyên tắc là từ nay tác giả và nhà xuất bản không thể cấm lưu thông trong Cộng đồng các bản sách đã được đưa ra thị trường với sự thoả thuận của họ. Và chỉ mình Luật Lang về giá thống nhất không hề liên quan đến quyền tác giả nhưng đòi hỏi một cách xử lí tương đương giữa các cuốn sách, cho phép một số hạn chế về việc đưa các tác phẩm vào Pháp[5].

Trái lại, những bản sách sản xuất ở một nước nơi tác phẩm đã rơi vào lĩnh vực công cộng thì không thể đưa vào Pháp, nếu ở đó tác phẩm còn được bảo hộ[6]. Cũng vậy, tự do lưu hành không liên quan đến các bản sách đến từ những nước không phải là thành viên.

Để lấy lại một công thức tuyệt vời được khai mào[7], hợp đồng xuất bản phải trả lời được các câu hỏi sau: Cái gì? Thế nào? Cho ai? Cho cái gì? Khi nào? Ở đâu? Không nên quên rằng sự xác định này về các quyền được chuyển nhượng và địa bàn khai thác chúng là cần thiết trong mọi hợp đồng xuất bản, dù hợp đồng này dự kiến trả thù lao khoán một lần hay theo tỉ lệ.

Nhà xuất bản phải luôn ý thức rằng tất cả những gì không được chuyển nhượng rõ ràng trong hợp đồng đều được tác giả bảo toàn, và vi phạm luật này tức

---

[1] Xem thư tịch đại cương.
[2] Toà thượng thẩm Grenoble, 18-10-1994, *Juris-Data*, số 047876.
[3] F. Gotzen, "Lưu thông tự do các sản phẩm được cấp bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ trong án lệ của Pháp đình Cộng đồng Châu Âu" *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1985, 467.
[4] Về điểm chính xác này, xem riêng Frédéric Pollaud-Dulian, *Luật về mục đích sử dụng nơi đến. Số phận của bản sách về mặt quyền tác giả*, LGDJ, 1989.
[5] Về vấn đề này, xem Emmanuel Pierrat, *Luật về sách*, đã dẫn.
[6] Xem chương VI "Thời hạn các quyền".
[7] Xem Thư tịch đại cương.

là chuốc lấy một việc làm giả. Các điều khoản kiểu "mọi quyền đều được chuyển nhượng" với tư cách này, nói chung là đều vô hiệu lực trước các cấp toà án[1].

Quyền ưu tiên

Theo chính văn bản của điều L.131-2 của CPI:

"Sự chuyển nhượng toàn bộ các tác phẩm tương lai là vô hiệu".

Vậy không được phép chuyển nhượng trước tất cả sản phẩm sẽ có của một tác giả. Vì thế đã bị huỷ một hợp đồng trong đó người cộng tác viên kín đáo[2] cam kết viết lại các bản tự truyện mà nhà xuất bản giao cho anh ta phải làm[3].

Tuy nhiên các nhà xuất bản thường hay đưa vào hợp đồng đồng xuất bản một quyền ưu tiên về các tác phẩm tương lai của tác giả[4]. Điều L.132-4 cũng của bộ luật đó, quả thật, đã cho phép một quyền ưu tiên vừa giới hạn rất rõ việc tự do soạn ra những điều khoản:

> "Sự qui định trong đó tác giả cam kết cấp một quyền ưu tiên cho một nhà xuất bản để xuất bản những tác phẩm tương lai của những thể loại xác định rõ ràng là hợp lệ". "Quyền này được giới hạn cho mỗi thể loại ở năm tác phẩm mới kể từ ngày kí hợp đồng xuất bản cho tác phẩm đầu tiên hay cho sự sản xuất phim của tác giả thực hiện trong một thời hạn năm năm kể từ ngày đó.
>
> "Nhà xuất bản phải thi hành quyền đã được thừa nhận cho mình bằng cách cho tác giả biết quyết định của nhà xuất bản bằng văn bản viết trong thời hạn ba tháng kể từ ngày tác giả giao từng bảo thảo nhất định.
>
> "Khi nhà xuất bản được hưởng quyền ưu tiên từ chối liên tiếp hai tác phẩm mới mà tác giả giới thiệu trong thể loại ấn định trong hợp đồng, tác giả có thể lấy lại ngay lập tức và có toàn quyền tự do về các tác phẩm mà mình sẽ sản xuất thuộc thể loại này. Tuy nhiên, nếu tác giả đã nhận tiền tạm ứng cho các tác phẩm tương lai của mình từ nhà xuất bản thứ nhất thì phải hoàn trả lại trước đã".

Đòi hỏi đầu tiên của cơ quan lập pháp, do vậy, là phải xác định thể loại các tác phẩm là đối tượng của quyền ưu tiên. Các toà án thừa nhận, chẳng hạn, sự tham khảo các thể loại "truyện tranh", "tiểu thuyết", "kịch bản", "nhạc kịch", "lời bài hát", hay còn cả "tiểu luận" trong chừng mực mà tác giả nổi tiếng về một loại tiểu

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 23-4-1971, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1971, 1017, nhận xét Henri Desbois.
[2] Từ người cộng tác kín đáo.
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 8-7-1972, *Dalloz*, 1972, 62, kết luận Cabanne.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 1-7-1971, *Báo của Toà án*, 1971, I, 203.

luận riêng – tác phẩm lịch sử chẳng hạn[1]. Ngày 27-3-1998, Toà thượng thẩm Paris đã xét xử đúng với những qui định luật pháp về điều khoản mà Christian Signol cam kết vì lợi ích của Robert Laffont về những "tiểu thuyết hay truyện làm thành những tác phẩm hư cấu". Trái lại, các toà án từ chối dứt khoát những chọn lựa chung chung, mơ hồ như là "tác phẩm của tác giả[2]", "tác phẩm văn xuôi[3]", "tác phẩm cùng thể loại", đặc biệt nếu lời dẫn giải này lại không kèm theo nhan đề của tác phẩm[4]. Cũng vậy, quyết định xét xử đã xóa bỏ "khoa học nhân văn" vì thể loại này theo nó bao trùm cả y học, lịch sử, địa lý, văn học, triết học hoặc là khoa học xã hội thực sự[5]. Điều quan trọng là ghi nhớ rằng điều khoản quyền ưu tiên có thể chỉ một thể loại tác phẩm khác với thể loại của tác phẩm mà hợp đồng nói đến.

Các chuyên gia quyền tác giả vẫn băn khoăn về hai điểm, không được luật xác định, và pháp chế đã không nói ra một cách thoả đáng:

Trước tiên một vấn đề đặt ra là phải biết có thể có một thoả ước duy nhất giữa một nhà xuất bản và một tác giả không, hay là họ được phép kí nhiều hợp đồng song song cho năm tiểu thuyết, năm tập thơ, năm tiểu luận v.v... Hiểu đúng từng chữ, hình như luật thừa nhận tăng thêm nhiều quyền ưu tiên. Năm 1979, Toà phúc thẩm Paris, đã theo quan điểm này, trong một quyết định bị chỉ trích mạnh, mà theo đó các quan toà đã chấp nhận sự cùng tồn tại của ba quyền ưu tiên mà mỗi quyền ưu tiên lại dành cho đến năm tác phẩm. Tuy nhiên những người thực hành và lí thuyết vẫn nghi ngờ về hiệu lực của một cách làm như vậy[6].

Câu hỏi thứ hai là về số lượng tác phẩm đặt trong phạm vi quyền ưu tiên. Thật ra, đối với một số người, quyền ưu tiên gồm tác phẩm là đối tượng của hợp đồng trong đó có điều khoản về quyền ưu tiên: nếu tác phẩm đối tượng hợp đồng đã ra đời rồi, thì quyền sẽ đặt vào tối đa là bốn tác phẩm khác (tất cả năm tác phẩm, kể cả tác phẩm làm đối tượng hợp đồng). Một số người khác trái lại cho rằng, trong một hoàn cảnh tương tự quyền (bao gồm năm tác phẩm sẽ có) (thế là cả thảy sáu, tính cả tác phẩm đối tượng hợp đồng[7]). Vì thận trọng chỉ nên giữ năm tác phẩm, trong đó có cả tác phẩm đối tượng hợp đồng.

Mọi người và đứng đầu là những toà án, trái lại đồng ý rằng không thể đưa một điều khoản về quyền ưu tiên vào mỗi hợp đồng mới[8], cũng không thể đưa vào

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 23-4-1971, *Tam cá nguyệt san luật thương mại, 1971, 1017, nhận xét Henri Desbois*..

[2] Toà thượng thẩm Paris, 8-7-1972, 62, kết luận Cabanne.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 1-7-1971, Báo của Toà án, 1971, I, 203.

[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 7-3-1986, 1976, Dalloz, 1988, Tóm tắt, 208, nhận xét Claude Colombet.

[5] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 5-2-1980, *Báo của Toà án*, 1980, 2, Tóm tắt, 357.

[6] Toà thượng thẩm Paris, 5-7- 1979, Dalloz, 1980, 550, Kết luận Lévy.

[7] Toà thượng thẩm Paris 30-6-1975, *Tam cá nguyệt san luật thương mại 1976, 511, nhận xét Henri Desbois.*

[8] Toà thượng thẩm Paris, 29-1-1991, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1991, số CXXXXI, trang 219, ghi chép Pierre-Yves Gautier.

hợp đồng thứ nhất, một điều khoản tự động nhắc lại, quyền ưu tiên trừ khi bãi bỏ. Trong những trường hợp giả thiết như trên, tác giả sẽ không bao giờ thực sự tách rời nhà xuất bản của mình[1].

Cũng vậy, cần phải thương lượng một hợp đồng mới cho mỗi tác phẩm mới được hưởng quyền ưu tiên. Quyền này, trên thực tế chỉ là một loại lựa chọn do nhà xuất bản giữ lại, nó không bắt buộc tác giả phải kí đúng với các điều kiện như hợp đồng có điều khoản về quyền ưu tiên.

Về phía mình, tác giả không thể rũ bỏ thoả thuận bằng cách gửi đến những bản thảo không thể công bố được[2] – nhất là quá khích động – cũng không thể đành đề nghị một việc đơn giản là viết lại một trong những cuốn sách trước đó của mình[3]. Nếu tác giả không tôn trọng quyền ưu tiên, nhà xuất bản bị thiệt hại có thể được đền bù thiệt hại. Cần nhớ rằng nhà xuất bản không thể tự cho mình quyền từ chối quá hai bản thảo[4].

Còn nhà xuất bản cạnh tranh mà tác giả có quan hệ, dĩ nhiên là họ không có quyền nào về tác phẩm đang nói đến[5] và sẽ có thể bị khởi tố với tư cách này. Hơn nữa, nếu họ biết quyền ưu tiên mà tác giả đã vi phạm, họ cũng có thể coi như chịu trách nhiệm và cũng phải bồi thường thiệt hại.

Ngoài ra, mọi nhà xuất bản phải biết rằng sự huỷ bỏ hợp đồng xuất bản kéo theo cả sự huỷ bỏ quyền ưu tiên có ghi trong hợp đồng đó[6].

Vụ kiện Shansa năm 2003 không phải là vụ kiện đầu tiên hai hợp đồng nhằm vào cùng một quyển sách và đã dẫn đến việc cấm trong vụ xử tạm tiếp theo là sự dàn xếp giữa hai nhà xuất bản[7]. Nhưng chẳng bao giờ có gì là mới ở Saint-Germain-des-Prés. "Vụ kiện hợp đồng kép" đã từng xảy ra, thật nực cười về những lộn xộn... trong năm 1931, với các nhân vật chủ chốt là Jean Giono, Gallimard và Grasset.

Henry Muller đã làm việc lâu năm bên cạnh Bernard Grasset. Ông nhắc lại trong *Ba bước lùi* (đăng trong La Talbe ronde năm 1952 và in lại trong tập La Petite Vermillon[8]) vụ kiện hợp đồng kép của Jean Giono. Người viết tiểu sử của tiểu thuyết gia của Manosque, Pierre Citron (Giono 1895-1970, Le Seuil, 1990) đã kể lại chi tiết vụ tranh chấp.

Năm 1928, Jean Giono thoả thuận với Grasset sẽ cho ra ba tiểu thuyết. Bốn tháng sau ông ta liên hệ với Gallimard: lần này là năm tiểu thuyết, hơn cả số dành cho Grasset.

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris,, 3-1-1979, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1979, số CI, trang 153.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 22-1-1992, *Dalloz*, 1993, Tóm tắt 93, nhận xét Claude Colombet.
[3] Toà thượng thẩm , 22-1-1992, *Dalloz*, 1995, luật học, 128, ghi chép Hélène Gaumont-Prat.
[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 15-12-1975, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng 7-1976, số LXXXIX, tr 129.
[5] Toà thượng thẩm Angers, 3-5-1950, *Dalloz*, 1950, 585.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 24-11-1987, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng 1-1988, số CXXXV, tr 96.
[7] Alain Salles, "Albin Michel và Grasset giữ hoà về vấn đề ShanSa", Le Monde, 21-229/2003, tr 22.
[8] Henry Muller, Ba bước lùi, La Talle ronde, 1952, tr 87-88.

Nhưng năm 1930, ông ấy lại kí mới với Grasset về ba quyển sách! Và mười ngày sau ký với Gallimard về ba tiểu thuyết được xem như thay cho năm cuốn đã hứa hai năm trước.

Và tất nhiên, những khoản tiền trả góp là rất đáng kể, bởi vì mỗi nhà xuất bản nộp cho ông ấy 1.500 franc mỗi tháng. Ở đây tập hợp tất cả mọi điều kiện của một cảnh hỗn độn pháp lí - văn học thật ngoạn mục.

Năm 1931, dông tố được báo hiệu với *Đàn gia súc lớn*. Tạp chí Europe công bố khá nhiều trong tác phẩm đó. "Chiến sự" bắt đầu khi cần phải chỉ ra trong tạp chí nhà xuất bản nào giữ bản quyền của tiểu thuyết đó. Henri Poulaille lúc bấy giờ là trưởng phòng báo chí ở Grasset, đã cảnh báo Giono: "Đó là một vụ kiện mà triển vọng chỉ có cậu sẽ thua kiện".

Giono viết cho ông ấy để giữ danh dự: "Mình đã kí, mà không đọc lại, tại nhà Grasset, vì tin nhau, và họ đã thêm vào: "những cuốn sách sắp tới". Trong lúc kí mình có yêu cầu Brun (trưởng phòng văn học của Grasset) bỏ "sắp tới" đi. Ông ấy đã bảo với mình: cái này không quan trọng, người ta sẽ thu xếp xong cả. Chính vì lời khẳng định đó của Brun mà mình đã kí ở chỗ khác".

Sau đó Giono liền hỏi ông Brun : "Tôi đã nói với ông - rất rụt rè, tôi nhận thế - "hãy để tôi tự do mỗi năm đưa một quyển cho nơi khác". Ông đã bảo tôi là được. Tôi biết, ông Brun ạ, tôi đã phải nhấn mạnh và nói với ông tất cả, và giải thích với ông tất cả, và không để cái gì mập mờ".

Tình hình trở nên phức tạp. Khi đến Paris, Giono tránh gặp Bernard Grasset, khẳng định rằng chỉ đi qua rất vội, không trả lời ông ấy nữa, v.v... Mãi về sau Pierre Citron sẽ chứng minh những sắp xếp nhỏ của Giono cho phù hợp với nhật kí của ông cũng như là ngày tháng thực sự của chuyến đi và tình trạng khó xử của ông.

Tác giả cuối cùng vặn lại Poulaille: "Thôi được, không còn có Giono nữa, nếu ông muốn thế! Thà vậy còn hơn đem sức voi của các ông cựa quậy để nghiền nát một con bọ chét. Tôi đã viết cho Brun hôm qua: Ông đã quá có thói quen sống ở giữa những kẻ quỉ quyệt và những kẻ tinh quái. Cũng có cả những thằng đần nữa. Tôi cũng ở trong số đó. Tất cả là thế. Nhưng miễn là người ta không lên án tôi là quỉ quyệt, cũng không phải là chính trị, cũng chẳng phải là ngoại giao". Và ông thú nhận nửa vời: "Tôi không viết. tôi như người chết, tôi vô hình".

Đến lượt Poulaille trả lời, vừa la mắng, vừa động viên Giono: "Và cậu tưởng rằng những lời lừa đảo của cậu - bán hàng cho hai người buôn cùng một lúc - không gây ấn tương cho tôi à".

Bởi vì Brun kiên trì. Ông cố nhiều lần thuyết phục Giono để ông này gửi cho ông bản sao các hợp đồng với Gallimard: "Ông đang tự đặt mình vào một hoàn cảnh rất nghiêm trọng vừa về mặt dân sự lẫn tiểu hình. Tôi sẽ cố ngăn việc nộp đơn kiện về lừa đảo".

Bị tấn công, Giono "doạ" ngừng viết và trở về làm một nhân viên ngân hàng.

Sau nhiều tuần thương lượng, người ta đã đi đến thoả thuận. Cuối cùng, hai nhà xuất bản đồng ý với nhau theo Pierre Citron, Giono từ chối, không "đến thảo luận vấn đề".

Sẽ không có đồng xuất bản, nhưng lại là một sự chia phần "chẵn-lẻ" lạ lùng: Gallimard giành được quyển sách tranh chấp, các truyện ngắn cùng với những tiểu thuyết số 1, 3, 5, 7 và 9 sẽ ra đời, trong khi Grasset sẽ xuất bản các quyển số 2, 4 và 6 thêm vào là các tiểu luận. Giono cuối cùng chấp nhận và ngoài ra, phải cam kết là sẽ không công bố ở bất cứ một người cạnh tranh nào khác. Ở các nhà xuất bản thì chứng hoang tưởng là điều bắt buộc.

Các bạn của Giono khuyên ông không nên thừa nhận thoả thuận giữa hai nhà xuất bản. Nhưng Brun lại viết thư: "Tôi xin lỗi đã giữ im lặng từ hai ba tháng khi xảy ra sự xung đột của chúng ta [...] Tôi không ngờ là có một hành động như vậy, bởi vì Giono thân mến ạ, anh đã đi quá đà đấy [...] Tôi sẽ gửi cho anh một kết toán ngay sau khi chúng ta kí xong các hợp đồng. Tôi sẽ gửi cho anh một tờ séc 7.000 franc chứ không phải là 5.000 franc như anh yêu cầu. Đấy, bây giờ anh đang đứng trên số phận của anh, điều mà nhiều nhà văn thèm muốn, và anh hãy thừa nhận giữa chúng ta, với nhau, rằng chúng ta đã là những người tử tế".

Thể thức tỏ ra khó áp dụng, nhất là thời Giải phóng: thái độ của các nhà xuất bản cũng như của nhà văn trong thời kỳ Chiếm đóng đã thêm vào mớ bòng bong. Nhà văn tham khảo ý kiến các luật sư Jacques Isorui rồi Maurice Garcon để đánh đổ các hợp đồng. Đồng thời, Giono báo cho Gallimard và Grasset nhiều tác phẩm chưa in thực tế chỉ là những dự án xa vời.

Năm 1948, Gallimard xuất bản *Một ông vua không vui chơi*. Nhà xuất bản lợi dụng dịp này để báo trước *Noé* cũng của "cùng tác giả". Chán quá, người ta phát hiện *Noé* cũng đồng thời ra đời ở La Table ronde. Sự ồn ào lại bắt đầu.

Những nghĩa vụ của tác giả

Mặc dù tạo nhiều thuận lợi cho tác giả, nhưng lập pháp và pháp chế liên quan đến hợp đồng xuất bản đều cố gắng đặt ra cho tác giả một số nghĩa vụ. Tuy vậy, các nhà bình luận nhận định rằng các toà án có khuynh hướng không tỏ ra quá nghiêm khắc đối với các tác giả bằng cách chấp nhận dễ dàng và có lợi cho họ lý do cáo lỗi hợp pháp (trường hợp bất khả kháng, việc do một bên thứ ba, trường hợp tình cờ) mà trong thực tế là bệnh tật, bị mất cắp bản thảo v.v..

Việc giao bản thảo đúng thời hạn tất nhiên là nhiệm vụ chủ yếu của tác giả. Điều L.132-9 trong các đoạn một và hai rất rõ ràng về điểm này:

"Tác giả phải để cho nhà xuất bản có khả năng sản xuất và công bố các bản của tác phẩm.

"Tác giả phải giao cho nhà xuất bản, trong thời hạn dự kiến trên hợp đồng đối tượng của xuất bản trong một hình thức cho phép việc sản xuất bình thường".

Nếu không có một điều kiện đặc biệt nào về trình bày (đánh máy, đĩa từ tin học v.v...) không dự kiến trong hợp đồng[1] thì tác giả tối thiểu phải đưa một bản thảo dễ đọc[2]. Nhà xuất bản cần chú ý chỉ rõ trong hợp đồng các đặc điểm của bản thảo họ mong muốn: số tờ (tất nhiên là chỉ rõ số chữ theo từng tờ), các yếu tố khác nhau (lời tựa, ghi chú, bảng, bản đồ v.v...) Nếu tác phẩm cần có các minh hoạ hay các tài liệu, tác giả cần giao chúng theo bản thảo của mình và chỉ rõ vị trí của chúng. Nhà xuất bản cần chú ý đưa vào hợp đồng nhiều điểm chỉ rõ về chất lượng của tác phẩm chờ đợi: tinh thần văn bản, công chúng nhắm tới v.v... Có thể đòi hỏi tác giả phải tiến hành những sửa đổi cần thiết để làm cho bản thảo phù hợp với hợp đồng. Thật vậy, việc không thể sửa đổi bản thảo nếu tác giả không cho phép có thể đặt nhà xuất bản vào một trong những tình thế đáng buồn nhất, nếu bản thảo không đáp ứng được sự mong đợi của nhà xuất bản[3].

Có thể dự kiến trong hợp đồng rằng một người viết thuê ẩn danh sẽ cùng làm việc với tác giả. Lúc bấy giờ tác giả không thể thay người viết thuê của mình vào người được chỉ định theo hợp đồng[4].

Thời hạn giao bản thảo, tốt nhất là nên dự kiến trong hợp đồng - rất ít khi được các cấp toà án coi là cấp thiết. Thật thế họ thường tránh né đằng sau các thói quen nghề nghiệp, theo đó sự chậm trễ của các tác giả là một phần trong những bất ngờ của nghề xuất bản. Nếu chín tháng chậm trễ chẳng hạn được xem là đủ để các quan toà tuyên bố sự huỷ bỏ hợp đồng do sai lầm của tác giả[5], thì trái lại, một sự chậm trễ mấy tuần lễ chỉ có thể chấp nhận là lí do chính đáng để cắt đứt nếu tác phẩm gắn liền với thời sự hoặc, hơn nữa, nếu sự cạnh tranh diễn ra tích cực trên cùng một chủ đề. Vì thế, Fayard đã đòi được chấm dứt hợp đồng xuất bản một tài liệu về cuộc cách mạng Bồ Đào Nha dự kiến cho mùa hè 1974 vì lí do chậm trễ một tháng về phía tác giả.

Tuy vậy, một sự chậm trễ có thể được bào chữa và tha thứ cho tác giả về trách nhiệm đối với nhà xuất bản : bệnh tật, những hoàn cảnh mới và bất ngờ trong chủ đề nghiên cứu v.v... Toà thượng thẩm Paris đã có thể coi sự chậm trễ một năm không phải là một lí do giải quyết xét theo thời hạn tác giả nhận được trước đó, xét theo sự quen biết cũ giữa hai bên và việc nhà xuất bản[6] thiếu thúc bách tác giả.

---

[1] Xem điều 6 của hợp đồng mẫu.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 14-3-1985, chưa in.
[3] Xem ở dưới.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 17-6-1977, *Báo của Toà án*, 1977, I, Tóm tắt 211.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 25-2-1987, *Dalloz*, 1988, Tóm tắt có bình luận, 208, nhận xét Claude Colombet, Toà thượng thẩm Toulouse, 2-3-1987, *Juris-Data*, số 043321.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 30-10-1996, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1997, tr 209.

Cũng như vậy, sự chậm trễ còn được bào chữa và tha thứ khi nhà xuất bản tự mình bố trí lại lịch giao hàng và in ấn[1].

Có thể đưa vào hợp đồng một điều khoản hình phạt, theo đó tác giả cam kết phải nộp lại cho nhà xuất bản một khoản tiền nào đó trong trường hợp chậm giao bản thảo. Tuy nhiên cách làm này, đúng theo luật chung về các hợp đồng thì quan toà có thể xem xét lại số tiền dự kiến đó có quá mức (hoặc không đủ). Đó là trường hợp nếu sự chậm trễ ấy không thay đổi gì triển vọng bán ra của tác phẩm.

Nếu không có ngày giao bản thảo ghi vào hợp đồng, các quan toà bèn dựa vào khái niệm dao động về "thời hạn hợp lí", vẫn còn tồn tại trong các thói quen nghề nghiệp[2].

Cuối cùng, cái chết của tác giả trước khi giao bản thảo kéo theo sự huỷ bỏ hợp đồng về phần còn lại chưa làm xong, trừ thoả thuận với những chủ sở hữu của tác giả (điều L.132-17 đoạn 4 của CPI). điều đó nghĩa là tất cả bản thảo làm xong phải được những người này trao cho nhà xuất bản. Trên thực tế, nếu bản thảo gần hoàn chỉnh thì nhà xuất bản, với sự đồng ý của các chủ sở hữu của tác giả, nhờ một người thứ ba hoàn thành nốt.

Các hợp đồng xuất bản thường có một điều khoản buộc tác giả phải đọc lại các bản in thử, phải sửa và kí vào bông cho in[3].

Các toà án thừa nhận rằng, nếu tác giả từ chối một cách hoàn toàn vô căn cứ không kí vào phiếu cho in, thì nhà xuất bản có thể không cần chữ kí đó; hơn nữa thiếu việc tác giả duyệt lại các bản in thử cũng được chấp nhận[4]. Nhà xuất bản vẫn có thể bỏ qua phiếu cho in, nếu họ chứng tỏ được bằng cách khác sự đồng ý của tác giả về việc cho in[5]. Một cấp toà án thậm chí đã thừa nhận rằng nếu không có thiệt hại gì gây nên cho tác giả, thì nhà xuất bản có thể dễ dàng bỏ qua phiếu cho in của tác giả và việc này, phải đặt trong chừng mực các quan hệ tín nhiệm lâu năm giữa nhà xuất bản và tác giả[6].

Nhưng về nguyên tắc, ngay cả khi không ghi việc tác giả đọc các bản in thử trong hợp đồng, luật không bắt buộc dứt khoát điều đó, các toà án vẫn coi như nhà xuất bản phải phục tùng tác giả[7]. Nhà xuất bản phải để cho tác giả có khả năng

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 13-2-1995, *Dalloz*, 1995, Tóm tắt có bình luận, 288.
[2] Toà thượng thẩm Alger, 2-6-1951, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp nghệ thuật và văn học*, 1951, 312.
[3] Xem điều 7 của hợp đồng mẫu.
[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 12-10-1977, *Công báo dân sự*, I, số 363. Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 4-10-1961, *Công báo dân sự*, I, số 341.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 6-3-1959, *Dalloz*, 1959, 109.
[6] Toà đại phúc thẩm Paris, 10-10-1971, *Tuần pháp lí (JCP)*, IV, 182.
[7] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 4-10-1961, *Công báo dân sự*, số 341.

chữa lại các bản in thử và cấp một "phiếu cho in" thực sự: nếu không, các toà án sẽ phát hiện đó là một sự xâm phạm nghiêm trọng các quyền tinh thần của tác giả[1].

Tác giả luôn luôn có thể tiến hành các sửa đổi trên các bản in thử, với điều kiện là những sửa đổi này là hợp lí[2]. Trái lại, tác giả không thể đổ trách nhiệm cho nhà xuất bản về những sai sót trong tác phẩm của mình mà mình đã có khả năng sửa chữa[3]. Và các cấp toà án đôi khi đã xem là tác giả có trách nhiệm thực sự về điều này bằng cách coi tác giả phải chịu các chi phí sửa chữa và thời sự hoá không có sự đóng góp của anh ta[4].

Ngoài ra, tác giả của một công trình khoa học và kĩ thuật thường hay phụ thuộc vào một hợp đồng phải thực hiện cập nhật hoá đều đặn. Các điều khoản thường thường dự kiến rằng nếu tác giả từ chối điều đó thì tiền nhuận bút của anh ta sẽ giảm bớt[5].

Tiến hành những sửa đổi như thế mà không tính trước trong hợp đồng xuất bản ban đầu có thể là một việc đau đầu thực sự về tư pháp.

Điều L.132-11 của CPI qui định rằng "nhà xuất bản không thể, nếu không có giấy phép của tác giả, đưa vào tác phẩm bất kì một sửa đổi nào[6]".

Vậy mà, nguyên tắc này lại được các cấp toà án hiểu rất chặt chẽ. Ngày 10-10-1997, Toà thượng thẩm Paris đã, đúng với một pháp chế cố định, xử phạt một nhà xuất bản tiến hành công bố một tác phẩm không xin giấy phép dứt khoát bằng văn bản viết của tác giả.

Tuy nhiên, các quan toà chấp nhận theo truyền thống rằng nhà xuất bản có thể đề xướng chữa các lỗi chính tả và cú pháp, cũng như những sai lầm hiển nhiên...

Ngoài ra, như một lý thuyết có uy tín nhất đã nêu ra rất đúng đắn, những tác phẩm khoa học hay nhà trường có một chế định đặc biệt, bởi vì chúng được dành để công bố đều đặn, ngay cả nếu vì thế không khỏi có một sự xâm phạm đến tính toàn vẹn của văn bản đầu tiên. Cho nên, với các tác phẩm mà sự cập nhật là điều kiện thành công, nếu tác giả chủ trương chống lại kiểu sửa đổi đó tức là thiếu thực tâm với hợp đồng.

Hơn nữa, không nên quên rằng, theo văn bản của CPI, nhà xuất bản có nhiệm vụ khai thác thường xuyên và liên tục các tác phẩm mà nó ấn hành. Chính là nhiệm

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 13-2-1995, *Dalloz*, 1995, Tóm tắt có bình luận, 288, Toà thượng thẩm Angers, 22-10-1938, *Báo của Toà án*, 1939, I, 144.

[2] Toà án dân sự Seine, 15-7-1874, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp nghệ thuật và văn học*, 1875, 184.

[3] *Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 12-10-1977, Công báo dân sự, I, số 363.*

[4] Toà thượng thẩm Aix-en-Provence, 24-4-1984, *Công báo phúc nghị Aix*, 1984, I, số I, tr 4.

[5] Xem phụ lục cho hợp đồng mẫu.

[6] Xem "Các quyền tinh thần".

vụ đảm bảo tính trường cửu của tác phẩm minh chứng rằng họ có thể cho cập nhật tác phẩm.

Tiếp đến vấn đề đặt ra là, nếu sự cập nhật đã được chấp nhận, thì tác giả phải tự mình tiến hành việc đó. Nhưng nhiều chuyên gia cho rằng vì thiếu qui định dứt khoát trong hợp đồng xuất bản, nên không phải là như thế. Theo họ, kiểu công việc này không có trong phần quản lí của hợp đồng xuất bản kí ban đầu.

Dầu sao, tác giả phải được báo cho biết và được tạo khả năng, nếu anh ta muốn, tự tiến hành việc cập nhật hoá quyển sách của mình. Chỉ khi anh ta từ chối việc làm này nhà xuất bản mới nhờ đến một người thứ ba.

Tóm lại, nếu để cho các quan toà trả lời cho sự tranh luận gai góc này thì thà thận trọng giải quyết vấn đề ngay từ đầu bằng cách đưa vào hợp đồng một điều khoản tổ chức một qui trình đặc biệt cho việc công bố kịp thời. Điều khoản có thể dự kiến rằng "tác giả cam kết là khi có yêu cầu của nhà xuất bản, sẽ đưa những thay đổi cần thiết vào tác phẩm để cho nó giữ được tính thời sự hay sự phù hợp với đối tượng của nó, và không phải vì việc này mà tăng thêm các quyền. Các sửa đổi này phải được thực hiện mà vẫn đồng thời tôn trọng ở mức cao nhất có thể kết cấu của việc lên trang sách. Nếu tác giả không có khả năng tự thực hiện việc công bố kịp thời này thì nhà xuất bản cùng thoả thuận với tác giả hay với các chủ sở hữu đưa việc này cho một người thứ ba mà tiền thù lao sẽ khấu trừ vào các quyền của tác giả hay các chủ sở hữu theo như hợp đồng hiện nay.

Còn lại là trường hợp can thiệp của một người thứ ba để giải quyết chế định của nó. Lúc đó nên phân biệt giữa sự can thiệp nhẹ nhàng và sự làm lại. Trường hợp thứ nhất, như giáo sư Desbois đã nhắc lại là trường hợp "hầu như không có gì khác cuốn sách tiếp tục được công bố trong tình trạng những phần phụ thêm vào được tách rời khỏi văn bản ban đầu, và tác giả của bản cập nhật phải bằng lòng tập hợp các thông tin, không phát biểu ý kiến riêng[1]".

Trái lại, một quyết định phúc thẩm của Toà phá án ngày 24-10-1995[2] đã thừa nhận tư cách tác giả cho "chỉ một người đã không tự giới hạn trong việc cập nhật đơn giản, mà đã có cố gắng làm lại, về sự trình bày chung và cách diễn đạt, các thông tin được tập hợp lại thành những đầu đề mới với những bài trình bày phong phú mang dấu ấn cá nhân của tác giả của chúng".

Các quan toà đã đánh giá như vậy công trình của tác phẩm hợp thành, bởi vì nó "được trình bày như một tác phẩm mới mà tác giả là người bảo đảm việc cập nhật, trong đó được sáp nhập tác phẩm có trước của người sáng lập, không có sự cộng tác của người đó".

---

[1] Xem Thư tịch đại cương.

[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 24-10-1995, *Dalloz*, Thông tin nhanh , tr 243.

Tác giả của tác phẩm hợp thành này cần được xem như một người sáng tạo toàn phần, và do vậy cũng được hưởng những quyền tinh thần và tài sản trên tác phẩm của mình. Như thế, sự làm lại sẽ được thấy rõ bởi sự trình bày: tác phẩm sẽ tiếp tục được đặt dưới sự bảo trợ của tác giả cũ, nhưng, trên bìa sách tên của người đóng góp được đặt ở chỗ xứng đáng.

Tất nhiên, nên kí kết với tác giả thứ hai này một hợp đồng đúng thể thức, hợp đồng này sẽ dự kiến trường hợp sự công bố cập nhật mới.

CPI qui định trong điều L.132-8:

"Tác giả phải bảo đảm cho nhà xuất bản việc sử dụng yên ổn quyền được nhượng theo đặc quyền, trừ giao ước ngược lại.

"Tác giả được tôn trọng về quyền này và được bảo hộ chống lại mọi xâm phạm có thể xảy đến".

Vậy là tác giả vẫn được chuyển nhượng các quyền của mình, trừ khi hợp đồng qui định khác đi, với tư cách độc quyền. Dù cho hình thức khai thác đã chuyển nhượng là thế nào, tác giả cũng không thể, trừ điều khoản ngược lại, tiến hành hoặc cho một nhà xuất bản tiến hành khai thác theo một hình thức như thế[1]. Vì vậy, một tác giả đã nhượng quyền công bố bằng xuất bản thông thường và giữ lại cho mình sự công bố theo từng chương, không thể nhượng cho một người thứ ba quyền công bố tác phẩm của mình thành hai chương mà thôi. Tuy nhiên cũng cần nhắc lại việc xét xử ngày xưa (1847 và 1871...) đã cho phép Balzac cấp giấy phép cho một nhà xuất bản công bố "toàn tập" của ông với chỉ một điều kiện là cho nhà xuất bản thứ nhất dự phần chia lãi[2]. Về lí thuyết, nhà xuất bản thứ hai kí hợp đồng về cùng một quyển sách với một tác giả đãng trí, là có nguy cơ bị buộc tội là làm giả[3].

Các tác giả chuyên môn một chủ đề đôi khi có khuynh hướng kí hợp đồng với nhiều nhà xuất bản khác nhau. Các toà án nhận xét rằng vấn đề là phải tìm đúng chỗ giữa việc xử lí chủ đề đặc biệt của tác giả và sự công bố thuần tuý và đơn giản của cùng một quyển sách ở nhiều nhà xuất bản[4]. Một tác giả sách dạy tiếng Anh đã bị buộc tội rất đúng là đã công bố hai tác phẩm có liên quan chặt chẽ với nhau (thậm chí tự ý phê bình quyển thứ nhất trong quyển thứ hai!)[5]. Cũng vậy một tác giả không được đi trước cả việc sách của mình được bán hết và cho tiến hành tái bản ở một nhà xuất bản khác. Luật chỉ cho phép điều đó trong trường hợp thật sự hết

---

[1] Toà thượng thẩm Angers, 3-5-1950, *Dalloz*, 1950, 585.

[2] Toà án thương mại Seine, 24-2-1847, *Dalloz định kì*, 47, 3, 69.

[3] Toà Angers, 3-5-1950, *Dalloz*, 1950, 584, Toà đại phúc thẩm Seine, 7-5-1963, *Báo của Toà án*, 1963, 2, 298.

[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 3-3-1982, *Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, 98, nhận xét Claude Colombet.

[5] Toà thượng thẩm Paris, 26-9-1978, *Dalloz*, 1980, 147, ghi chép Plaisant.

sách[1]. Nhưng tác giả luôn giữ được quyền làm lại, nếu không phải là chính tác phẩm đó thì ít ra cũng là tác phẩm cùng loại với điều kiện là dành quyền ưu tiên cho nhà xuất bản của mình.

Tuy nhiên, có thể đưa vào một điều khoản không cạnh tranh trong hợp đồng[2].

Theo điều L.132-8 của CPI, ngoài sự độc quyền, tác giả dành cho nhà xuất bản một bảo đảm không bị gạt bỏ vì một sự nhượng quyền từ trước và sự bảo đảm không có sai sót che giấu. Những sự bảo đảm này thường được chỉ rõ và cải tiến trong các hợp đồng xuất bản[3].

Sự bảo đảm không bị gạt bỏ trước hết bảo vệ nhà xuất bản chống lại những thủ đoạn của chính tác giả: làm giả một tác phẩm hiện có[4], vi phạm báo chí, thông tin sai lầm và nguy hiểm[5], v.v... Tác giả sẽ chịu trách nhiệm về những hành động của mình và sẽ phải bồi thường cho nhà xuất bản trong trường hợp sai lầm. Còn nhà xuất bản, nếu là thực tâm - chẳng hạn như không biết là có chuyện làm giả - thì sẽ tránh khỏi trách nhiệm[6]. Tuy thế, hợp đồng không thể bao gồm điều khoản dứt khoát trút hết cho tác giả toàn bộ các truy tố hình sự.

Sự bảo đảm không bị gạt bỏ cũng cho phép nhà xuất bản phòng ngừa phần nào chống lại những việc làm giả tác phẩm của người thứ ba. Tác giả lúc bấy giờ tự mình hành động chống bọn làm giả.

Tác giả phải bảo đảm với nhà xuất bản chống sai sót che giấu đi. Chính vì thế mà một tác giả đã bị kết án vì không báo cho nhà xuất bản về một sự dàn xếp với những bên thứ ba, theo đó tác giả đã cam kết không công bố một số thông tin[7].

Cuối cùng, việc xét xử đã nêu bật một vài nghĩa vụ thực tâm không bao gồm trong CPI, nhưng luật chung về các hợp đồng đặt ra cho tác giả: đặc biệt ngay cả khi không có điều khoản này trong hợp đồng, tác giả cũng phải tham gia xúc tiến thương mại ủng hộ nhà xuất bản chống những công kích có thể có.

Những nghĩa vụ của nhà xuất bản

Lập pháp và pháp chế liên quan đến các hợp đồng xuất bản rất đặc biệt, có tính chất cưỡng bức đối với các nhà xuất bản. Ngay cả khi hợp đồng xuất bản được sử dụng không ghi mọi nghĩa vụ của nhà xuất bản, thì nhà xuất bản cũng không được quên các nghĩa vụ đó. Qui chế pháp luật về hợp đồng xuất bản đặc biệt dành

---

[1] Xem ở dưới.
[2] Xem phụ lục của hợp đồng mẫu.
[3] Xem điều 5 của hợp đồng mẫu.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 8-5-1969, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7, 1969, số LXI, 120.
[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 28-5-1986, *Tam cá nguyệt san luật dân sự*, 1987, 552, nhận xét Huet.
[6] Toà đại phúc thẩm Paris, 22-12-1972, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1973, số LXXVI, 197.
[7] Toà thượng thẩm Paris, 21-2-1988, *Sách quyền tác giả*, tháng 6-1988, tr 19.

để bảo vệ tác giả, mọi thiếu sót của nhà xuất bản với nghĩa vụ của họ có nguy cơ bị trừng phạt nặng nề trước pháp luật.

Nghĩa vụ đầu tiên của nhà xuất bản gồm trong định nghĩa của chính luật pháp về hợp đồng xuất bản: "Sản xuất hay cho sản xuất, buộc phải [...] đảm bảo công bố và phổ biến[1]".

Điều L.132-11 của CPI, trong đoạn thứ nhất xác định các điều kiện của sản xuất: "Nhà xuất bản được xem như thực hiện hay cho thực hiện việc sản xuất theo những điều kiện, trong hình thức và theo các kiểu biểu hiện dự kiến trong hợp đồng [...]" Các hợp đồng xuất bản thường thường khá ngắn gọn và chỉ nói đến xuất bản thông thường.

Bình thường chúng cũng chứa đựng một điều khoản bảo đảm rằng tác giả biết rõ dáng vẻ thông thường các sản phẩm của nhà xuất bản và để cho nhà xuất bản tự do quyết định khổ giấy, cách trình bày, giá bán v.v...[2] Và dù rằng không có dự kiến gì trong hợp đồng, tức là không có một điều khoản nào nói rõ cho nhà xuất bản về sự lựa chọn giá, khổ sách hay cách trình bày, nhưng nhà xuất bản cũng có quyền tự mình quyết định. Tuy nhiên nếu giá bán được định quá cao thì tác giả có thể chấm dứt hợp đồng[3].

Nhà xuất bản phải tôn trọng hình thức dự kiến và không được chia ra nhiều tập một tác phẩm được dự kiến chỉ một tập[4].

Theo hợp đồng, nhà xuất bản thường được xem như phải công bố trong một thời hạn nào đấy, ngay cả khi có dự kiến là nhà xuất bản được chủ động về ngày phát hành, thậm chí có một điều khoản đặc biệt nêu lên những khó khăn của phát hành gắn liền với các đặc điểm của tác phẩm[5]. Người ta đã xét xử rằng một sự bất đồng giữa các đồng tác giả sẽ miễn cho nhà xuất bản khỏi phải công bố tác phẩm theo thời hạn dự kiến trong hợp đồng. Nhưng nếu hợp đồng không đặt ra một thời hạn nào cho công bố, thì tốt hơn cả là tham khảo đoạn bốn của điều L.132-11 của CPI qui định rằng "nếu không có giao ước đặc biệt nào, thì nhà xuất bản phải thực hiện việc xuất bản trong một thời hạn ấn định theo thói quen nghề nghiệp[6]". Việc phát hành một "quyển lịch sử nghệ thuật" thành hai tập sẽ chiếm một thời gian lâu hơn là một cuốn tiểu thuyết ngắn (với nó một thời hạn là tám tháng tính từ ngày trao

---

[1] Xem ở trên "Định nghĩa hợp đồng xuất bản".
[2] Xem điều 8 hợp đồng mẫu. Toà thượng thẩm Paris, 9-8-1871, Biên niên sử sở hữu công nghiệp nghệ thuật và văn học, 1871, 93.
[3] Toà án Paris, 27-11-1976, *Dalloz*, 1977, Thông tin nhanh, 280.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 5-6-1987. Tập san quyền tác giả, tháng 1-1988, tr 14.
[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 14-11-1973, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1974, số LXXX, tr 111.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 12-2-2003, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-2003, tr 307, nhận xét André Kerever

bản thảo hình như được nhất trí chấp nhận ở cơ quan tư pháp là hợp lí[1]). Các quan tòa, theo như điều luật đó, cũng đã có khuynh hướng đánh giá rằng thời hạn đó phải tương đối ngắn nếu đó là một quyển sách có tính thời sự vì nó có nguy cơ nhanh chóng trở thành lạc hậu so với thời gian[2].

Đoạn hai của điều L.132-17 của CPI thêm rằng "sự huỷ bỏ hợp đồng là đương nhiên một khi, theo đòi hỏi của tác giả đã thoả thuận cho gia hạn suốt thời gian thích hợp mà nhà xuất bản vẫn không tiến hành công bố tác phẩm". Thường tốt hơn cả là thời hạn sau khi tác giả đòi hỏi được dự kiến trong hợp đồng xuất bản[3]. Tất nhiên là có thể thêm vào việc huỷ bỏ này cả khoản bồi thường thiệt hại. Vả lại, một toà án đã cho là sự thiệt hại này càng tăng khi tác giả có thể hy vọng một giải thưởng văn học. Tốt nhất là nhà xuất bản nên dự kiến trong hợp đồng một sự bồi thường trả khoán để tránh khỏi một bản án đôi khi là nặng nề và các án phí nhất thiết phải chịu do sự huỷ bỏ sai lầm đó[4]. Ngay cả khi không kí một hợp đồng xuất bản nào cả, nhưng nhà xuất bản cũng sẽ có thể bị xử phạt là làm thiệt hại cho tác giả, nếu họ duy trì trong nhiều năm ảo tưởng của tác giả là sẽ được xuất bản trong một thời hạn không chóng thì chầy[5]. Tuy nhiên, nhà xuất bản có thể không xuất bản, nếu biết rõ ràng là tác phẩm thế nào cũng sẽ bị cấm vì vu khống, xúc phạm đời tư, hay gây thương tổn đến thuần phong mĩ tục[6]. Nhưng nhà xuất bản không thể từ chối xuất bản, do không đóng một khoản phụ cấp đã được dự trù nhưng không nêu trong hợp đồng coi như một điều kiện xuất bản tác phẩm[7].

Cũng vậy, nhà xuất bản đã cam kết xuất bản nhiều tập của cùng một tác phẩm không thể đơn phương ngừng xuất bản do thất bại của tập thứ nhất[8].

Sau khi công bố chính thức, và theo văn bản của điều L.132-12 của CPI, "nhà xuất bản được xem như đảm bảo cho tác phẩm một sự khai thác thường xuyên liên tục và một sự phát hành thương mại đúng với những thói quen nghề nghiệp".

Vì không có sự khai thác thường xuyên này, nhà xuất bản đứng trước nguy cơ huỷ bỏ hợp đồng có hại cho họ đó là điều tác giả sẽ giành được trước pháp luật[9]. Một vụ xét xử đã xem xét rằng không có một sự thương mại hoá thực tế nào xảy ra kể từ lúc tác phẩm chỉ có sẵn theo đặt hàng và chỉ được biết là công bố nhờ các tờ

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 15-6-1983, *Dalloz*, Thông tin nhanh, 513, nhận xét Claude Colombet.
[2] Toà án dân sự Seine, 4-12- 1991, *Biên niên sở hữu công nghiệp nghệ thuật và văn học, 1912, 984.*
[3] Xem điều 13 hợp đồng mẫu.
[4] Xem toàn bộ các điểm này ở điều 8 hợp đồng mẫu.
[5] Tòa thượng thẩm Paris, 3-7-1956, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1957, số XIV, 210.
[6] Xem ở dưới về cấm nhà xuất bản sửa đổi văn bản và *Luật về sách* Phòng thỉnh cầu, Toà phá án, 25-10-1909, *Dalloz. định kỳ*, 1911, I, 423.
[7] Toà thượng thẩm Paris, 25-9-1987, Juris Data, số 025680
[8] Toà thượng thẩm Paris, 18-11-1986, Juris Data, số 28717.
[9] Toà thượng thẩm Paris, 7-5-1985, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1985, số CXXV, tr 166.

phụ đính trong những tạp chí riêng của nhà xuất bản. Việc xét xử ở trong mọi trường hợp vẫn khá nghiêm khắc đối với những gì liên quan đến sự công bố và xúc tiến tác phẩm và trái với những gì luật chỉ ra có khuynh hướng không tham khảo đến thực tiễn nghề nghiệp[1]. Một vụ kiện nổi tiếng, đối lập Montherlant với Grasset trong những năm 1950, cho phép biết được các toà án chờ đợi gì ở các nhà xuất bản: trong trường hợp ấy, các toà án quan tâm đến số lượng phát hành khởi điểm, các lần in lại tình trạng dự trữ và bán, đã so sánh với các nhà xuất bản khác, và đã mở rộng so sánh đó tới quảng cáo và xúc tiến bán hàng ở các hiệu sách và trên báo chí[2]. Theo việc xét xử gần đây nhất, nếu không có một hình thức quảng cáo nào được dự kiến trong hợp đồng thì nhà xuất bản phải tiến hành quảng cáo phù hợp với loại tác phẩm, nghĩa là ít nhất cũng phải gửi đến những cơ quan báo chí hay đưa nhan đề vào trong catalô của mình[3]. Tuy nhiên, nhà xuất bản có thể ngăn lại một chiến dịch quảng cáo vô ích và quá tốn kém[4].

Ngoài việc phải công bố tác phẩm, nhà xuất bản phải lo cho sách khi nào cũng có đủ. Điều L.132-17 của CPI, đoạn hai và ba dự tính sự huỷ bỏ tự động hợp đồng xuất bản, nếu nhà xuất bản không tiến hành "in lại trong trường hợp hết sách".

"Đợt xuất bản được xem như hết nếu như hai đơn đặt giao hàng sách đến nhà xuất bản không thoả mãn được trong vòng ba tháng".

Nhà xuất bản có thể thu xếp quy định này bằng một điều khoản cho phép mình một số thời hạn để in lại[5] và dự kiến một thủ tục cần được tôn trọng một khi tác giả không hài lòng hay sốt ruột (ví dụ như gửi thư bảo đảm nói buộc phải thực hiện cam kết với giấy báo đã nhận). Trong trường hợp huỷ bỏ toàn bộ bản in một cuốn sách thì tốt nhất là nên giữ lại một số bản vừa đủ có thể đáp ứng những đơn đặt hàng phụ, và nhờ đó, có thể giữ được tiền lãi của hợp đồng xuất bản để dự trữ những khai thác mới, có thể có đôi khi không ngờ tới (chuyển nhượng để cải biên nghe-nhìn, dịch thuật, v.v...) Trái lại trước hết là trái phép nếu một nhà xuất bản dự kiến một điều khoản cho phép mình rút bớt một nhan đề sách khỏi catalô với quyền đưa lại vào sau[6]. Nhà xuất bản không thể viện lẽ một pháp chế mới, lâm thời, liên quan đến đề tài xử lí để từ chối một việc tái bản khi sách đã hết từ hơn một năm[1].

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 12-9-1990, *Dalloz*, 1991, Tóm tắt có bình luận, 97, nhận xét Claude Colombet.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 8-7-1953, Dalloz, 197.

[3] Toà án dân sự Seine, 31-3-1952, *Dalloz*, 1952, 429, Toà thượng thẩm Paris, 15-6-1983, *Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, 513, nhận xét Claude Colombet, Toà thượng thẩm Paris, 14-5-1997, *Dalloz*, 1998, tr 194.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 17-11-1986, *Juris Data*, số 28716.

[5] Xem mục 13, hợp đồng mẫu.

[6] Xem Claude Colombet bình luận: Toà đại phúc thẩm Paris, 3-1-1968, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1970, 130 nhận xét Henri Desbois.

Còn về số bản phát hành thì điều 132-10 của CPI xác định:

"Hợp đồng xuất bản phải chỉ rõ số lượng tối thiểu các bản lần phát hành đầu tiên. Tuy thế, trách nhiệm này không áp dụng cho các hợp đồng dự kiến một món tiền bản quyền tác giả tối thiểu do nhà xuất bản bảo đảm[2]". Theo thói quen, nhà xuất bản là chủ động trong mọi việc phát hành phụ và tác giả không thể bắt ép việc đó được[3]. Tuy nhiên, một toà án đã xem như nhà xuất bản có lỗi, do từ chối tái bản chỉ vì một mục đích duy nhất là làm hại tác giả[4]. Nếu việc xuất bản hạn chế ở một số lượng phát hành nào đó thì các bản in thêm sẽ là những bản làm giả[5]. Theo Robert Plaisant, chỉ có trường hợp bị tàn phá trong một vụ cháy thì mới được vượt quá số lượng bản in tối đa[6].

Theo những nguyên tắc chủ yếu nêu trong CPI, tất nhiên là nhà xuất bản phải lo tôn trọng quyền tinh thần của tác giả[7]. CPI trong đoạn nói về hợp đồng xuất bản, và việc xét xử dành cho nó đã làm rõ một số điều về đòi hỏi cơ bản này.

Theo điều L.132-11, đoạn 2, "nếu không có giấy cho phép bằng văn bản viết, nhà xuất bản không được đưa vào tác phẩm một sự sửa đổi nào cả[8]". Nhà xuất bản phải giữ các nhan đề các chương, không được thêm vào lời nói đầu (và càng không được nếu lời nói đầu đó bất lợi cho tác giả - chẳng hạn chỉ trích thái độ chính trị của tác giả[9]), cũng không được xuất bản thành ba tập mà đáng lẽ là hai. Nếu nhan đề trong hợp đồng không ghi là "tạm thời", nhà xuất bản sẽ phải thuận theo[10], trừ phi tác giả cho phép sửa đổi. Nhà xuất bản lại cũng bị cấm nếu không hỏi ý kiến tác giả, sử dụng lại một lời tựa để đưa nó thành một phần quan trọng trong một tác phẩm mới. Nhà xuất bản sẽ không được tự mình sửa đổi tác phẩm vì mục đích tránh bị lên án là phân biệt chủng tộc (trái lại, có thể, trong trường hợp nhất định, từ chối xuất bản[11]). Không có một lí do nào, ngay cả đến lí do tốt nhất, xác nhận sự sửa đổi một tác phẩm mà không có thoả thuận bằng văn bản viết của tác giả. Và nhiều nhà

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 11-6-1997, *Dalloz*, Tóm tắt có bình luận, 193, nhận xét Claude Colombet.
[2] Xem điều 9, hợp đồng mẫu.
[3] Xem ở trên: trường hợp hết sách.
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 10-11-1983, *Dalloz*, 1985, Tóm tắt có bình luận, 316, nhận xét Claude Colombet. Toà thượng thẩm Paris, 12-2-1980, *Dalloz*, 1982, Thông tin nhanh, 47, nhận xét Claude Colombet.
[5] Toà thượng thẩm Paris, 15-1-1839, *Báo của Toà án*, 16-1-1839.
[6] Xem thư tịch đại cương.
[7] Xem "Các quyền tinh thần".
[8] Toà Paris, 14-6-1950, *Báo của Toà án*, 1950, 2, 78. Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 28-5-1963. *Dalloz*, 1963, 677.
[9] Toà thượng thẩm Paris, 7-6-1982, *Dalloz*, 1983, Thông tin nhanh, 97, nhận xét Claude Colombet.
[10] Toà án thương mại Seine, 16-9-1958, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1858, 464.
[11] Xem ở trên. Toà thượng thẩm Paris, 7-6-1982, chưa in.

thực hành quyền tác giả, phù hợp với pháp chế, thoả thuận với nhau là có thể xóa bỏ một điều khoản chung theo đó tác giả chấp nhận trước mọi sửa đổi của tác phẩm. Một điều khoản như thế nằm trong hợp đồng của L'Herne với Pierre Guyotat, đã kéo theo cả sự huỷ bỏ toàn bộ hợp đồng. Trái lại, nhà xuất bản lại có lỗi khi không tiến hành sửa chữa nhiều lỗi chính tả do tác giả để lại[1]. Thật ra đó là một nghĩa vụ được ghi một cách tự nhiên vào vai trò của nhà xuất bản.

Luật về lỗi in sai chưa có chính thức ngay cả về văn bản luật và xét xử thì đã có rất nhiều.

Các hợp đồng xuất bản thường chứa đựng một điều khoản buộc tác giả phải đọc lại bản in thử, sửa chữa và kí vào phiếu cho in[2].

Về nguyên tắc, ngay cả khi không ghi gì về các bản in thử trong hợp đồng - luật không bắt buộc dứt khoát - các toà án cũng xem như nhà xuất bản chịu trách nhiệm đưa chúng cho tác giả.

Tuy nhiên, các quan toà thừa nhận rằng nếu tác giả từ chối một cách hoàn toàn vô căn cứ, kí vào phiếu cho in thì nhà xuất bản sẽ có thể bỏ qua chữ kí của tác giả. Toà phá án, ngày 12-10-1977[3] đã xét xử rằng tác giả có thể bị xử phạt nếu không giao lại các bản in thử đã chữa. Ngày 24-4-1984[4], Toà thượng thẩm Aix-en-Provence đã cho rằng tác giả có trách nhiệm về các phí sửa chữa và cập nhật hóa được thực hiện không có sự cộng tác của anh ta.

Nhà xuất bản vẫn có thể bỏ qua phiếu cho in, nếu chứng tỏ bằng một cách khác sự đồng ý cho in của tác giả. Ngày 10-10-1971[5], Toà đại phúc thẩm Paris đã thừa nhận rằng nếu không làm hại gì cho tác giả, nhà xuất bản có thể bỏ qua dễ dàng phiếu cho in, trong chừng mực mà sự tin cậy đã sẵn có từ nhiều năm giữa nhà xuất bản và tác giả.

Tác giả vẫn có thể tiến hành những thay đổi trên các bản in thử với điều kiện những thay đổi này là hợp lí. Trái lại, tác giả không thể bắt nhà xuất bản chịu trách nhiệm về những khiếm khuyết trong tác phẩm mà mình có khả năng sửa chữa, như đã được nhấn mạnh thêm trong quyết định ngày 12-101977.

Ngoài ra, một điều khoản chung trong đó tác giả chấp nhận trước mọi sự sửa đổi trong tác phẩm của mình, có thể huỷ bỏ[6].

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 4-2-1988, *Dalloz*, 1989, Tóm tắt có bình luận, 49, nhận xét Claude Colombet.

[2] Xem "những nghĩa vụ của tác giả"

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 12-10-1977, Dalloz, 1978, Thông tin nhanh, trang 68.

[4] Toà thượng thẩm Aix-en-Provence, 24-4-1984, *Các quyết định dân sự và thương mại của Toà thượng thẩm Aix-en-Provence*, 1984, số 1, tr 4.

[5] Toà đại phúc thẩm Paris, 10-10-1971, *Tuần pháp lí (JCP)*, 1971, IV, 182.

[6] Xem "Các quyền tinh thần"

Trái lại Toà thượng thẩm Paris đã nhận định ngày 4-2-1988[1], rằng nhà xuất bản có lỗi khi nó không sửa các lỗi chính tả do tác giả để lại trong tác phẩm. Thực ra vấn đề là một nghĩa vụ được đặt một cách tự nhiên vào vai trò của nhà xuất bản. Trong trường hợp này, nhà xuất bản công bố theo ý tác giả - luôn luôn có nghĩa vụ cố vấn. Với tư cách này, nhà xuất bản cần phải chỉ cho tác giả sự cần thiết phải gia công hơn nữa cho bản thảo của mình, cũng như là gợi ý rõ ràng phải chữa các lỗi chính tả.

Huống chi, ngày 9-3-1994, Toà đại phúc thẩm Paris[2] đã chỉ trích một nhà xuất bản làm sai lệch tên của tác giả trên tác phẩm. Những người thứ ba - tức là những người không phải là tác giả, cũng không phải nhà xuất bản - không thể để bị chê trách vì vác lỗi sai, thậm chí lỗi to, và các sai sót khác. Ngày 19-4-1989, Toà đại phúc thẩm Paris[3], lại quan tâm đến một tiểu sử nhà văn: "Xét rằng nếu các nguyên đơn [quả phụ và con gái] đều phàn nàn về một số lớn sai lầm mà [người viết tiểu sử] đã phạm phải trong tác phẩm của mình, vì lẽ đó họ buộc tội việc đã để quan hệ yêu đương [...] vào năm 1927 đến 1929 và vì nghiên cứu đề tài về thiên văn đã cho rằng [đối tượng] sinh ra lúc bốn giờ sáng; tuy nhiên họ không xác định được các ngày giờ đó là không chính xác, và dù sao cũng không nói rõ được thiệt hại gì sẽ đến với họ vì những sai lầm được viện dẫn".

Tuy vậy, trách nhiệm của nhà xuất bản có thể được cam kết trong trường hợp các chỗ bỏ sót hay thông tin sai nằm trong một niên bạ hay một cẩm nang hướng dẫn du lịch làm hại cho những người thứ ba, chẳng hạn như bị quấy rầy bởi những yêu cầu giữ chỗ.

Cuối cùng, một số chữ in sai có thể là có lợi, có thể là nguy hại. Thật vậy, những lỗi chung ở hai tác phẩm cho phép các quan toà có đủ bằng chứng phê phán các nhà xuất bản thiếu thận trọng đã vay mượn công trình của đồng nghiệp. Vì thế Toà thượng thẩm Douai đã xử thắng kiện, ngày 22-10-1998, cho nhà xuất bản Bách khoa thư Hải quan, nhà xuất bản này khai thác Biểu thuế quan thực dụng của Pháp. Những kẻ sao cóp đã không thể nào giải thích cho các quan toà do sự tình cờ đặc biệt nào mà họ đã lặp lại trong xuất bản phẩm của họ cùng những lỗi sai chính tả như thế.

Các toà án cũng bác bỏ các điều khoản để cho nhà xuất bản quyền nhận định là bản thảo có công bố được hay không. Ở đấy nữa, chính toàn bộ hợp đồng là vô hiệu chứ không phải chỉ một mình điều khoản gây tranh chấp. Việc xét xử đã không thể giải quyết được điểm này, thế mà nhiều nhà xuất bản vẫn còn sử dụng những hợp đồng rất dễ bị huỷ bỏ có hại cho riêng họ vì bị xem là "chỉ do một bên[4]".

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 4-2-1988, *Dalloz*, 1989, Tóm tắt có bình luận, tr 49.
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 9-3-1994, chưa in.
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 19-4-1989, chưa in.
[4] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 29-6-1971, *Công báo dân sự*, I, số 219.

Nhà xuất bản của một bộ sách nhỏ có uy tín đã bị lên án vì bỏ từ chối công bố một lời tựa và chú thích dị bản đã được đặt cho một giáo sư đại học: hợp đồng để cho nhà xuất bản tự do từ chối bản thảo, mà không có một điều khoản nào dự kiến chi tiết công việc phải làm[1]. Nhà xuất bản do đó sẽ phải rất chú ý soạn ra một điều khoản mô tả chính xác những gì được chờ đợi ở tác giả. Điều khoản này có thể dễ dàng được chi tiết hoá trong một phụ lục của hợp đồng, sẽ ghi rõ tất cả những gì dễ dàng dự kiến: minh hoạ, số lượng trang tối thiểu và tối đa, công chúng nhằm tới, tinh thần của văn bản v.v... Những điều ghi rõ ràng đó sẽ cho phép huỷ bỏ hợp đồng có hại cho tác giả trong trường hợp không thi hành đúng cam kết. Nếu bản thảo tỏ ra thực sự không công bố được - không công phu, không "ra văn", không cấu trúc v.v..., nhà xuất bản sẽ có thể huỷ bỏ hợp đồng trước toà[2]. Đối với các sách giáo khoa cũng vậy, nếu không phù hợp với chương trình hay về mặt khoa học, chuyên luận không đáp ứng được những đòi hỏi mong đợi. Đánh giá về sự bất lực của tác giả trong mọi trường hợp sẽ dành cho các quan toà.

Hợp đồng đặt bản thảo phải được soạn thật chặt chẽ. Các nhà xuất bản đều biết nó phải được ghi nhận bằng văn bản viết, và, theo lí thuyết, phải được kí trước khi ra sách. Nếu không tác giả có thể tìm đi nơi khác.

Tất cả khó khăn nổi lên khi nhà xuất bản muốn được đảm bảo về việc giao bản thảo mà tuy vậy, họ hiểu là có thể từ chối.

Hợp đồng đặt làm, theo như một số nhà chuyên nghiệp xuất bản hiểu có thể chỉ ra hai loại khác nhau;

- Một lựa chọn đơn giản về chuyển nhượng quyền sao chép, do tác giả đồng ý với nhà xuất bản, kèm theo một hợp đồng xuất bản sẽ có hiệu lực khi bắt đầu chọn;

- Một hợp đồng xuất bản đích thực, kí trước khi viết bản thảo và gồm một số yêu cầu nhất định của nhà xuất bản về văn bản chờ đợi.

Nhưng án lệ xác nhận các điều khoản, dù hình thức thế nào, để cho nhà xuất bản quyền đơn phương đánh giá bản thảo có thể công bố được hay không.

Nếu không có những xác định đầy đủ trong hợp đồng thì hợp đồng sẽ bị xem như tuỳ một bên.

Cho nên, điều 1170 của Bộ Luật dân sự qui định rằng "điều kiện "tuỳ một bên" là điều kiện làm cho sự thi hành giao ước lệ thuộc vào một sự kiện mà sự kiện đó lại thuộc quyền của một trong hai bên hợp đồng để cho xảy ra hay ngăn cản".

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 8-4-1987, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1987, số CXXXIII, trang 202.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 8-10-1976, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1977, số LXXXXIII, trang 171.

Và điều 1174 cũng của bộ luật đó xác định rằng "mọi nghĩa vụ là vô hiệu nếu như nó được hợp đồng trong một điều kiện "tuỳ một bên" về phía người có nghĩa vụ".

Thêm vào chế định pháp lí đó có giá trị cho mọi hợp đồng là những đặc thù pháp lí đi kèm hợp đồng xuất bản và làm cho các lựa chọn và các cơ chế khác của hợp đồng đặt làm đều rất hiếm nghèo. Ngày 25-4-1989[1], Toà thượng thẩm chỉ trích, nhà xuất bản đã đặt quyển sách về Oshima. Hợp đồng xuất bản có một điều khoản theo đó nhà xuất bản giành quyền đánh giá bản thảo có "phù hợp với công chúng và với mục đích nhắm tới" hay không. Đối với toà, "cam kết [...] bị lệ thuộc vào điều kiện hoàn toàn tuỳ một bên và do đó phải xem là vô hiệu"; "Hình như tính chất và phạm vi các đặc quyền bỏ mặc cho nhà xuất bản hoàn toàn định đoạt tác phẩm".

Toà đại phúc thẩm Paris, ngày 20-12-1989, đã rất hùng hồn khi phê phán về các điều khoản "tuỳ một bên". Nhà xuất bản của một bộ sách nhỏ biện hộ về việc từ chối in một tác phẩm phê bình của Marivaux, vì "điều khoản ghi vào trong hợp đồng đặt [...] mà theo văn bản của nó là "một quyền tác giả trả khoán [...] cho việc chuyển nhượng quyền công bố sẽ được đóng cho ông ngay khi chấp nhận bản thảo" cho phép nhà xuất bản được từ chối bản thảo này, hiệu lực cuối cùng của việc đặt làm lệ thuộc vào sự chấp thuận tác phẩm của hội đã chuyển nó tới".

Vả lại, các quan toà nêu lên rằng "ngoài sự chỉ định duy nhất các yếu tố cần có trong bản thảo đặt làm", nhà xuất bản "không xác định đã đưa ra" cho tác giả "- không có trong hợp đồng đặt làm cũng không có trong một giấy viết sau – những chỉ dẫn chính xác về công việc và những chỉ dẫn rõ ràng về những gì họ mong muốn để cho việc trình bày và nội dung của bản thảo đặt phù hợp với tinh thần của bộ sách [...] vừa về nội dung lẫn hình thức, và hơn nữa là hội này không thể không biết rằng [tác giả] chưa bao giờ làm một công việc như thế và cộng tác lần đầu tiên với bộ sách này, điều không ngăn cản [nhà xuất bản] thông báo ngay trước khi đọc bản thảo trong catalô [...] ở mục "sắp xuất bản" và tác phẩm liên quan của Marivaux với lời ghi : "Tựa của bà X" mà cứ thế tiếp tục hoạt động một cách khinh suất" (thôi hết) pằng!

Theo các quan toà, "thuật ngữ" "vụng về" được dùng bởi một hội xuất bản văn học không phải là không hiểu nghĩa các từ chứng tỏ trong trường hợp này sự trách móc nhẹ nhàng đối với lời nói đầu đã được soạn thảo [...] và ít ra cũng tạo thành tính chất không thể huỷ việc bán, mà một vài chỗ chỉnh sửa đơn giản có thể chữa được [...] Việc từ chối một bản thảo đã được giao đều đặn [...] như vậy xuất hiện về phía hội [...] với tư cách là xuất bản chuyên nghiệp không thể gán cho tác giả hậu quả của những thiếu sót của chính hội và của sự khinh suất cực kỳ mà hội đem đối xử với tác giả, đó là một sự từ chối hoàn toàn độc đoán và hiển nhiên là lạm dụng".

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 25-4-1989, *Dalloz*, 1990, Tóm tắt, tr 58, nhận xét Claude Colombet.

Cuối cùng, trừ thoả thuận ngược lại [nhà xuất bản], phải ghi rõ trên từng bản danh sách tên, bút danh hay mác của tác giả" (điều L.132-11 của CPI)[1]. Nhà xuất bản không được nêu tên chính của tác giả nếu hợp đồng dự kiến dùng bút danh[2].

Điều L.132-9, ở đoạn cuối xác định số phận của bản thảo với tư cách một đối tượng vật chất: "[...] trừ thoả thuận ngược lại hay những bất lực thuộc kĩ thuật, đối tượng của việc xuất bản do tác giả cung cấp là sở hữu của anh ta. Nhà xuất bản chịu trách nhiệm về nó trong thời hạn một năm sau khi hoàn thành sản xuất". Và nhà xuất bản, tất nhiên có thể giữ bản thảo trong cả thời gian cần thiết để sản xuất tác phẩm[3].

Xét cho đủ lẽ, nhà xuất bản là chủ sở hữu bản sắp in đã thực hiện cho tác phẩm, và các quan toà nhận định rằng tác giả không được đòi hỏi bản sắp chữ đó cho một lần xuất bản mới ở một nhà xuất bản khác[4]. Đối với các phim của minh hoạ tất nhiên cũng thế.

Nhà xuất bản phải trả lại bản thảo không giữ lại gì, trừ khi có điều khoản ngược lại, chẳng hạn ghép vào một bức thư trao đổi trước khi kí hợp đồng giữa tác giả và nhà xuất bản[5]. Điều khoản này không thể là một thông cáo đơn giản trên báo chí[6], và nhà xuất bản chậm trễ trong việc trả lại bản thảo không giữ lại, có thể bị cứu xét trách nhiệm trước pháp luật[7].

Sự tiến triển của kĩ thuật số dần dần làm cho lỗi thời khái niệm trung gian vật chất nguyên gốc của các tác phẩm, dù là văn bản hay minh hoạ.

Nhưng quyền và các tác giả bị từ chối vẫn luôn biến những thứ ấy thành đặt cược tài chính đôi khi gây rất nhiều hậu quả cho các nhà xuất bản.

Điều L.111-3 của CPI qui định rằng "sở hữu vô hình [...] là độc lập với sở hữu đối tượng vật chất. Người chiếm hữu vật đó không vì sự chiếm hữu đó, mà được cấp một quyền nào nêu lên ở bộ luật này [...][8]".

Văn bản còn dự kiến rằng "các quyền đó tồn tại ở cá nhân tác giả và những người có quyền sở hữu của tác giả, họ sẽ không đòi hỏi người sở hữu đối tượng vật

---

[1] Toà phá án, 11-1-1905, *Dalloz*, định kì, 1905, I, 300.
[2] Toà thượng thẩm Paris, 5-7-1979, *Dalloz*, Thông tin nhanh, 84, nhận xét Claude Colombet.
[3] Toà thượng thẩm Paris, 12-2-1980, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1981, số CVII, 152.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 9-11-1988, *Dalloz*, 1990, Tóm tắt có bình luận, 57, nhận xét Claude Colombet.
[5] Toà dân sự Seine, 21-2-1923, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1923, 328.
[6] Toà thượng thẩm Paris, 15-6-1971, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1971, số LXX, 143.
[7] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 20-61961, *Biên niên sử sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học*, 1964, 294.
[8] Xem "Sự độc lập của các quyền vật chất và vô hình".

chất trao cho họ quyền sử dụng đối tượng đó để thực thi các quyền nói trên. Tuy vậy, trong trường hợp có sự lạm dụng rõ ràng của người sở hữu ngăn cấm việc thực thi các quyền công bố, thì toà thượng thẩm có thể dùng mọi biện pháp thích hợp [...]".

Nguyên tắc đã rõ: sự sở hữu vật chất đối với phương tiện trung gian một tác phẩm (bản thảo, Ektachrome, tranh lụa, v.v...) không mang theo một tí gì về quyền tác giả. Trái lại, trừ quy định hợp đồng dứt khoát việc chuyển nhượng các quyền không kéo theo sự chuyển nhượng trung gian vật chất.

Tòa thượng thẩm Paris đã nhắc lại, năm 1980[1], rằng nhà xuất bản tất nhiên có thể giữ bản thảo suốt trong thời gian cần thiết để sản xuất tác phẩm.

Năm 1997, Toà phá án đã cấp cho một mình hoạ sĩ quyền sở hữu vật chất các bức vẽ gốc một truyện tranh[2].

Trong trường hợp mất bản thảo, nhà xuất bản có thể bị cứu xét trách nhiệm trước pháp luật. Nhưng sự truyền bá các kĩ thuật, tin học cũng như in sao, đã kìm bớt số tiền bồi thường thiệt hại được cấp cho "người có triển vọng trở thành nhà văn", đặc biệt gây bất bình vì sự từ chối phải chịu trách nhiệm.

Chế độ của các bản gốc được dự kiến với nhiều chi tiết trong Bộ Luật sử dụng về mặt minh hoạ nhiếp ảnh kí ngày 5-5-1993, giữa Nghiệp đoàn xuất bản quốc gia và các tổ chức chính của các nhiếp ảnh gia. Người ta cũng đã dự tính như thế này: "nhà nhiếp ảnh hay người được uỷ quyền chuyển cho nhà xuất bản, để lựa chọn, các tài liệu ảnh chụp trong thời hạn ba tháng tăng lên đến sáu tháng đối với các tài liệu đã dùng, trừ thỏa thuận riêng biệt. Ngoài các thời hạn đó, nhà nhiếp ảnh hay người được uỷ nhiệm sẽ phải viết giấy đòi trả lại tài liệu trước khi lập hoá đơn các quyền giữ lại[3]".

Cũng vậy, văn bản qui định "khi các tài liệu cơ bản bị mất hoặc hỏng, tức là đã được nhà xuất bản hoàn lại nhưng không dùng được, thì chúng là đối tượng của một khoản trợ cấp đền bù thiệt hại. Đối với các tài liệu gốc [...] sự trợ cấp đền bù này tương ứng với giá trị chỉ ra trong bảng kê hợp đồng. Nếu không có một sự xác định như thế trong bảng kê hợp đồng, món trợ cấp này sẽ được ấn định bằng năm lần quyền cơ bản".

Đối với những hư hỏng, "nhà nhiếp ảnh hay người được uỷ nhiệm không được khiếu nại hay đòi hỏi đền bù đưa ra sau thời hạn hai tuần lễ kể từ khi nhận các tài liệu do nhà xuất bản trả lại".

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 12-2-1980, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1981, tr 152.
[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 6-5-1997, *Dalloz*, 1998, tr 80.
[3] Xem "Luật sử dụng" ở cuối sách.

Cuối cùng, "nhà nhiếp ảnh hay người được uỷ nhiệm có một thời hạn sáu tháng kể từ khi gửi các chứng cứ để đòi lại nhà xuất bản các tài liệu đã không được hoàn lại, nếu không, sau này sẽ không đòi được nhà xuất bản bồi thường những ảnh bị mất".

Vậy là thời hạn khiếu nại không giống như những thời hạn dự kiến của CPI. Nhà xuất bản tham khảo Luật sử dụng sẽ đề phòng việc đó. Càng liên quan đến một loại tác giả, nhà xuất bản lại càng gắn bó với các quyền của mình.

Cuối cùng, nhà xuất bản không dành một độc quyền nào cho một trong những tác giả của mình, trừ điều khoản ngược lại, và có thể công bố song song tác phẩm của một tác giả khác trên một đề tài đồng nhất. Năm 1970, nhà xuất bản Ideset calendes đã xuất bản, về thời kỳ xanh của Picasso, tác phẩm của một tác giả khác với tác giả mà nhà xuất bản này đã ký trước đó. Các quan toà không chê trách việc xuất bản này cũng cùng một đề tài, nhưng lại phê phán là không xuất bản tác phẩm đã dự kiến lúc đầu[1].

Tuy nhiên, một nhà xuất bản không thể không bị khiển trách khi xuất bản một cuốn sách phê bình về một trong những tác giả của mình[2].

Hợp đồng với nhiều tác giả

Ngoài sự phân biệt dai dẳng giữa tác phẩm cộng tác và tác phẩm tập thể, phần đông tác giả cần suy nghĩ cho nhà xuất bản về công thức đề nghị ký một hay nhiều hợp đồng.

Chúng ta hãy nhớ lại rằng CPI phân biệt ba loại sáng tạo có thể là kết quả của nhiều tác giả: các tác phẩm cộng tác, các tác phẩm tập thể và các tác phẩm hợp thành[3]. Hoàn cảnh sau cùng này bao gồm các tác phẩm gọi là phái sinh hay phụ, được tạo ra từ một tác phẩm đầu có trước (chẳng hạn như các cải biên, các tác phẩm dịch, các hợp tuyển, v.v...). Khi đã trực tiếp cần đến nhiều tác giả, và yêu cầu họ đóng góp những gì chưa hề công bố thì có một sự phân đôi giữa tác phẩm cộng tác và tác phẩm tập thể.

Điều L.113-2 của CPI chỉ nêu lên rằng "tác phẩm nào mà sự sáng tạo ra nó phải có nhiều cá nhân cụ thể góp sức vào, gọi là tác phẩm cộng tác. Sự đóng góp tương ứng của các cộng tác viên có thể là cùng tính chất (một tiểu thuyết do hai người viết như Fantomas), có phân biệt (một cuốn sách đàm luận) hay hoàn toàn

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 5-1-1970, Dalloz, 1970, 1970, trang 1981, ghi chép Breton.
[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 15-2-1984, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng 4-1984, số CXX, trang 178.
[3] Xem chương IV "Sự thực thụ các quyền"

khác nhau (một tác phẩm kết hợp một nhà thơ và một hoạ sĩ minh hoạ). Không cần phải các tác giả cùng nhau làm việc để cho kết quả tập hợp của họ được đánh giá là tác phẩm cộng tác.

Điều L.113-2 của CPI định nghĩa tác phẩm tập thể "là tác phẩm tạo ra theo sáng kiến một cá nhân cụ thể hay tinh thần đã in ấn, công bố và phát hành nó dưới sự chỉ đạo và tên của người đó, và trong tác phẩm có sự đóng góp cá nhân của các tác giả khác nhau tham gia vào sự hình thành tác phẩm, tạo ra một toàn thể, tác phẩm được quan niệm để phục vụ cho cái toàn thể này mà vẫn không thể cấp cho từng người một quyền riêng biệt trên toàn thể được thực hiện". Là chuyện cổ điển đấy, nhưng đôi khi là đánh lừa, nếu cho rằng một từ điển hay bách khoa thư vốn trước hết là những tác phẩm tập thể.

Sự đánh giá tác phẩm là tập thể hay là cộng tác không tự động trùng khớp vào loại sách nào. Chứng cứ ngược lại vẫn luôn có thể có.

Alain Girardet, hồi đó, với tư cách là chủ tịch Phòng ba của Toà đại phúc thẩm Paris (toà này xét xử phần lớn các vụ kiện về xuất bản) đã nhắc đến trong một số báo Légicom[1] rằng "quan toà cần tránh viện lý do về thực tế kinh tế, để chấp nhận quá dễ dàng việc đánh giá là tác phẩm tập thể mỗi khi một pháp nhân tinh thần đành phải xác nhận là không thể kể chi tiết sự đóng góp của các cộng tác viên trong việc hoàn thành tác phẩm. Khái niệm tác phẩm tập thể do vậy thật khó mà sử dụng bởi vì người ta không thể suy luận theo loại tác phẩm, theo thể loại tác phẩm".

Tuy vậy, các tiêu chuẩn được chấp nhận qua việc xét xử, đôi khi cũng khó xác định ranh giới. Bởi vì định nghĩa của cơ quan lập pháp về tác phẩm tập thể, thật ra, ít nhất cũng là khó hiểu. Theo truyền thống hai điều kiện thiết yếu chi phối việc đánh giá này là: có một người điều phối và trái với tác phẩm cộng tác, không thể chia tư cách tác giả của toàn bộ tác phẩm giữa tất cả những người tham gia.

Chính là các từ điển và từ vựng càng ngày càng đưa việc xét xử đến chỗ chia tách giữa hai tiêu chuẩn.

Như thế, Toà đại phúc thẩm Paris đã đánh giá ngày 15-3-2002, một *Từ vựng các quan hệ quốc tế*[2] là tác phẩm cộng tác.

Trong vụ kiện này, năm người làm luận án tiến sĩ đã soạn tác phẩm dưới sự bảo trợ của giáo sư của họ. Các quan toà đã nhận định một cách chắc chắn rằng : "nếu như khó quan niệm một tác phẩm thuộc loại ngoại - đại học như thế lại có thể được chuẩn bị và thực hiện một cách hoàn toàn bình đẳng giữa một chuyên viên về

---

[1] Alain Girardet, "Khái niệm tác phẩm tập thể trong án lệ" *Légicom*, số 29, 203/I, trang 35.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 15-3-2002. Truyền thông thương mại điện tử, bình luận số 68, nhận xét Christophe Caron.

vấn đề đó, có kinh nghiệm và đang làm nhiệm vụ dạy học và một nhóm những giáo viên nghiên cứu trẻ tuổi mà *Từ vựng các quan hệ quốc tế* là một trong những xuất bản đầu tiên của họ, thì cuốn sách lại càng không thể hình dung chính xác vì đây là một công trình sư phạm và đại học, sự sáng tạo này đã được thực hiện theo "kim tự tháp" và "theo thứ bậc", phương thức cộng tác này không tương hợp với các thông lệ sơ đẳng nhất và với những cách làm ở đại học thường được chấp nhận". Và các quan toà còn thêm : "Các nguyên đơn, các học giả và nghiên cứu sinh tiến sĩ cao cấp, không thể bị đánh đồng với những người thầu lại tầm thường đã thực hiện theo đặt hàng một công việc có tính chất trí tuệ thay cho một giáo sư hay một nhà xuất bản..."

Việc đánh giá tác phẩm cộng tác hay tác phẩm tập thể ngày nay được xác định ở việc xét xử trong quá trình "các vụ kiện về từ điển". Nhưng dù cho quy chế thế nào thì hợp đồng với nhiều tác giả cần cảnh giác lớn.

Super-Major đã trải qua những biến diễn tư pháp lâu dài dẫn Toà phá án cuối cùng quan tâm hẳn đến trường hợp của nó, ngày 3-4-2002[1]. Các quan toà đã khẳng định rằng quyển từ điển tranh chấp là một tác phẩm tập thể thật sự, trong phạm vi mà "được công bố dưới tên của hội, (nó) được coi là có [...] sự đóng góp của Bà K. cho các quan niệm và sự chỉ đạo công trình gắn liền với các phân cấp trách nhiệm trong hợp đồng lao động [...] hoà vào toàn bộ hoạt động của nhiều tác giả hay cộng tác viên họp lại trong một nhóm do bà thúc đẩy, mà không thể trao cho từng người một quyền riêng biệt đối với sáng tạo đã được thực hiện".

Cũng vậy, Toà thượng thẩm Paris đã xem xét thể chế của các Robert, trong một quyết định ngày 21-5-2002[2]. Các quan toà đã kết luận rằng "với tư cách là chủ tịch hội Nouveau Littré, Paul Pobert đã có sáng kiến về công trình này; [...] hội này đã cho phép biên soạn rồi phổ biến các tác phẩm ; [...] vì vậy, mặc dù quyển từ điển được công bố dưới tên Paul Robert, các yếu tố đó dẫn đến việc *Petit Robert* được đánh giá là tác phẩm tập thể [...] bởi Paul Robert đồng thời cộng tác với tác phẩm này và với *Grand Robert* mà bắt đầu từ đó quyển từ điển thứ hai được thực hiện".

Toà nhắc lại rằng "việc xác định tư cách tác giả của một tác phẩm được bảo hộ phụ thuộc duy nhất vào luật pháp" và toà khẳng định rằng "đối với việc đánh giá là tác phẩm tập thể, các quyền tác giả sở thuộc vào *Petit Robert* cần được tuyên bố là sinh ra tất cả từ hội Từ điển Le Robert đã thực hiện và công bố nó".

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất, toà phá án, 3-4-2002, *Dalloz*, tr 1551, nhận xét Fenne Daleau.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 21-5-2002, Tạp chí quốc tế quyền tác giả, 2003, trang 358; kèm theo một quyết định cũng cùng hướng của Toà phá án: phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 16-11-2004, Tập san Lamy Luật bất động sản, 2005/3, trang 8, ghi chép Agnès Maffre - Baugé.

Dù quy chế của tác phẩm là thế nào, cũng nên tập hợp các tác giả vào trong cùng một tài liệu hợp đồng. Như thế, ít ra về mặt tâm lý, họ cảm thấy gắn bó với nhà xuất bản. Trong trường hợp chẳng hạn, một quyển sách do hai tác giả thực hiện hai phần khác nhau, thì cần tránh tình thế vì một người không giao phần của mình đúng ngày khiến người kia có thể viện lẽ là đã nộp bản của mình và không hiểu tại sao sách chậm phát hành, v.v...

Cũng sẽ lại như thế trong giả thiết một trong các đồng tác giả thực ra là người viết thuê ẩn danh của người kia.

Tuy nhiên như thường thấy thì người ta không mong công bố cho một người, tiền công lại của người khác. Lúc bấy giờ chẳng có giải pháp nào khác là lập những hợp đồng riêng rẽ.

Mặt khác, một quyết định do Toà phá án đưa ra ngày 3-4-2001 cho rằng sự huỷ hợp đồng của một trong các đồng tác giả kéo theo sự huỷ bỏ hợp đồng của người khác vì lý do các hợp đồng phụ thuộc lẫn nhau[1].

Tuy nhiên, ngay cả trong trường hợp tác phẩm cộng tác, sở hữu của toàn bộ tác phẩm thuộc vào tất cả các tác giả, mỗi người là chủ của phần đóng góp của mình nếu như phần đó có thể cá nhân hoá được. Theo điều L.113-3 của CPI, "nếu sự đóng góp của mỗi người trong số các đồng tác giả thuộc về những thể loại khác nhau, trừ thoả thuận ngược lại, thì mỗi người có thể khai thác riêng rẽ phần đóng góp cá nhân, nhưng không gây tổn hại cho việc khai thác tác phẩm chung". Vậy, nếu không có điều khoản hợp đồng nào cấm mỗi người trong số đồng tác giả khai thác riêng rẽ về sau thì họ sẽ tự do thực hiện việc đó, với điều kiện duy nhất là sự cạnh tranh không nhằm vào tác phẩm chính. Trong thực tế một công trình viết phối hợp chung sẽ ít khi cho phép khai thác tách riêng rẽ. Ngày 2-12-1997, Toà phá án đã xét xử rằng một hoạ sĩ tranh truyện hoạt hình không được khai thác riêng phần đóng góp của mình.

Trong khuôn khổ một công trình khoa học hay kĩ thuật do chỉ một người viết thì cần đưa ra một điều khoản[2]. Soạn thảo ra điều này thường rất phức tạp, và càng phức tạp hơn khi phải hình dung sự có mặt của nhiều đồng tác giả ban đầu.

Các tác giả xưa nay vẫn chủ trương cùng nhau chính mình thực hiện việc cập nhật ngay cả khi lập trường đó đôi lúc không được các chuyên gia quyền tác giả chấp nhận nếu điều đó không được dự kiến rõ ràng trong hợp đồng ban đầu.

Dầu sao, các tác giả cần được báo trước và tạo khả năng để nếu họ muốn, tự họ tiến hành việc cập nhật sách của họ. Chỉ trừ khi một trong hai bên từ chối, thì nhà xuất bản sẽ phải yêu cầu người phụ tá cũ của mình hoàn thành mọi công việc hoặc nhờ đến một người thứ ba.

---

[1] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 3-4-2001, *Tuần lễ pháp lí* (JCP) 2001, IV, 2001.
[2] Xem "Việc cập nhật hoá".

Thận trọng hơn cả tất nhiên là giải quyết vấn đề từ đầu bằng cách đưa vào hợp đồng một điều khoản về thực hiện thủ tục đặc biệt cho việc cập nhật hoá, cho sự bỏ cuộc và nhất là cho hậu quả đối với phân chia tiền thù lao sẽ có.

Tiền nhuận bút của tác giả và sự khai trình sổ sách

Tiền công của tác giả là một điểm nhạy cảm của hợp đồng xuất bản. Thiếu sót về việc trả nhuận bút, thực ra, có thể kéo theo sự vô hiệu[1]. Và không phải vì một tác phẩm không được bảo hộ bằng quyền tác giả mà người sáng tạo ra nó không có quyền được trả công[2]. Về phương diện này Robert Plaisant cho biết một quyết định theo đó một bản thảo không có tính độc đáo cần phải được trả thù lao thay cho các quyên tác giả đích thực[3]. Tòa án đã xét xử là nhà xuất bản phải tiếp tục đóng các khoản tiền tạm ứng đã hứa với tác giả, ngay cả khi cả hai sẽ có kiện cáo[4].

Hai yếu tố chủ yếu cần xem xét về tiền thù lao của tác giả. Một mặt, nguyên tắc tiền công theo tỉ lệ cần được áp dụng trong đa số các trường hợp. Mặt khác, việc xét xử gần đây nhất xác định khái niệm cơ sở để tính tiền công tỷ lệ và khiển trách nặng một số điều khoản mà hiện nay người ta thấy trong các hợp đồng được các nhà xuất bản sử dụng.

Nguyên tắc tiền thù lao, theo tỉ lệ

Tỉ lệ, tức là được trả theo phần trăm, chứ không phải khoán nằm trong nguyên tắc chủ yếu của tiền thù lao tác giả. Điều 132-5 của CPI nêu :

"Hợp đồng có thể dự kiến hoặc là một thù lao tỉ lệ với các sản phẩm khai thác, hoặc trong các trường hợp dự kiến ở các điều L.131-4 và L.132-6, một thù lao khoán trước". Điều L.131-4 liên quan đến nhiều kiểu hợp đồng, trong đó có hợp đồng xuất bản, quy định :

"Việc tác giả chuyển nhượng các quyền của mình trên một tác phẩm [...] phải bao hàm có lợi cho tác giả, sự chia phần theo tỉ lệ tăng các số tiền thu từ việc bán hay khai thác sản phẩm.

"Tuy nhiên tiền thù lao tác giả có thể định giá theo khoán trong các trường hợp sau đây:

---

[1] *Toà đại phúc thẩm Paris, 25-2-1988, Sách quyền tác giả, 1988, số 9, trang 19*
[2] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 24-1-1978, Công báo dân sự I, số 38.
[3] Juris Classeur, tập 330, trang 24.
[4] Toà thượng thẩm Paris, 20-5-1981, *Báo của Toà án*, 1982, Tóm tắt.

"1^0 Cơ sở tính toán của chia phần theo tỷ lệ không thể xác định một cách thực tế;

"2^0 Không có các phương tiện kiểm tra việc áp dụng chia phần;

"3^0 Chi phí về các công việc tính toán và kiểm tra quá lớn với các kết quả cần đạt;

"4^0 Tính chất hay các điều kiện khai thác không thể áp dụng với quy tắc thù lao theo tỷ lệ, hoặc vì sự đóng góp của tác giả không phải là một trong những yếu tố chủ yếu trong sáng tạo trí tuệ của tác phẩm, hoặc vì việc sử dụng tác phẩm chỉ có tính chất phụ so với đối tượng khai thác;

"5^0 Trong trường hợp chuyển nhượng các quyền về một phần mềm ;

"6^0 Trong các trường hợp khác dự kiến ở bộ luật này [...]."

Do việc soạn thảo, nếu không phải là mù mờ thì ít nhất cũng vụng về, điều luật này bắt đầu bằng cách đặt nguyên tắc tiền thù lao (nhuận bút) theo tỉ lệ với các khoản thu về bán hàng, chỉ ra ở đây quyền sao chép và khai thác, tức nhằm cả quyền trình diễn. Do đó, tác giả sẽ có khả năng nhận được một số phần trăm trên từng kiểu khai thác tác phẩm. Nhà xuất bản cần nhớ kĩ rằng toàn bộ hợp đồng sẽ bị tuyên bố là vô hiệu vì thiếu một khoản thù lao theo tỷ lệ.

Còn về những trường hợp có thể trả thù lao khoán trước được nêu ở điều 131-4 thì chỉ mình điều 4^0 liên quan trực tiếp đến các nhà xuất bản . Thật vậy, do "cơ sở tính toán" không thể xác định được (1^0), cần hiểu những hoàn cảnh mà người ta không đo được sự quan tâm của công chúng đến tác phẩm. Điều này thoạt đầu không liên quan đến việc xuất bản. Cũng như thế đối với "việc thiếu phương tiện kiểm tra việc áp dụng chia phần" (2^0) mà thí dụ cổ điển là máy hát tự động ở hiệu cà-phê. Giá quá đắt của "công việc tính toán (3^0) cũng không làm các nhà xuất bản quan tâm. Trái lại, việc không thể áp dụng luật vì lẽ "tính chất" hay các "điều kiện khai thác (4^0) đáp ứng các hoàn cảnh thường gặp của các nhà xuất bản. Đó là những tác phẩm tập thể, những bài tựa hay những bài báo của một tạp chí.

Điều L.132-6 liên quan duy nhất đến hợp đồng xuất bản :

"Liên quan đến việc xuất bản sách bán ở hiệu thì tiền thù lao tác giả có thể là đối tượng của một việc trả công khoán trong lần xuất bản đầu tiên, với sự thoả thuận được tác giả chính thức nói ra trong những trường hợp sau :

"1^0 Công trình khoa học hay kĩ thuật ;

"2^0 Hợp tuyển và bách khoa thư;

"3^0 Lời tựa, dẫn giải, lời nói đầu, trình bày;

"4^0 Minh hoạ tác phẩm;

"5^0 Xuất bản xa xỉ với số lượng phát hành hạn chế;

"6^0 Sách cầu kinh;

"7^0 Theo yêu cầu của dịch giả đối với các tác phẩm dịch;

"8^0 Xuất bản bình dân giá rẻ;

"9^0 An-bum giá rẻ cho trẻ con.

"Còn có thể là đối tượng của tiền trả khoán : sự chuyển nhượng các quyền cho hay bởi một người hoặc một xí nghiệp ở nước ngoài

"Đối với những tác phẩm trí tuệ công bố trên báo và sưu tập định kỳ mọi loại, và bởi các hãng báo chí thì tiền thù lao tác giả gắn liền với xí nghiệp thông tin bằng một hợp đồng thuê công trình hay dịch vụ, cũng có thể ấn định theo trả khoán.

Đọc qua người ta cũng thấy do sự thiếu chính xác của điều luật này, các cấp toà án sẽ có một giới hạn ngoài lề quan trọng trong khi giải thích. Như thế, định nghĩa từ ngữ "giá rẻ", được ghi lại hai lần trong điều đó của CPI, hình như không dễ mà đánh giá. Vẫn chẳng khó khăn gì để quan niệm một khoản tiền thù lao khoán trong các trường hợp như của một từ điển bách khoa[1], nếu như nó ... không phải do chỉ một tác giả biên soạn... Ngay cả tác giả của một tác phẩm có trước sáp nhập vào một tác phẩm tập thể[2] vẫn có thể được nhận một thù lao theo tỉ lệ[3].

Nhất là nên chú ý các khả năng trả thù lao khoán đó cho tác giả chỉ áp dụng cho lần xuất bản đầu tiên.

Điều L.131-4 ở đoạn cuối dự kiến thêm khả năng chuyển đổi một khoản tiền thù lao theo tỷ lệ thành tiền thù lao khoán cho tất cả các hợp đồng :

"Cũng là hợp pháp nếu theo yêu cầu của tác giả, giữa các bên có sự chuyển đổi các quyền do các hợp đồng đang có hiệu lực thành tiền trả khoán hàng năm trong thời hạn được xác định giữa các bên".

Sự chuyển sang trả khoán này chỉ liên quan đến các hợp đồng đã có hiệu lực. Do vậy nó chỉ có thể can thiệp vào sau một thời gian đủ để cho tác giả có thể suy xét về tầm quan trọng những thu nhập của mình. Cũng nên chú ý rằng sự chuyển đổi này không thể là vĩnh viễn được, thời hạn áp dụng của nó cần được "định rõ".

Dù lý do của tiền trả khoán là thế nào, thì việc xem xét lại món tiền được trả cũng vẫn có thể được. Điều L.131-5 của CPI, thật vậy, có quy định :

"Trong trường hợp chuyển nhượng khai thác nếu tác giả phải chịu một thiệt hại hơn bảy phần mười hai gây ra do sự thiệt hại về tiền nong hay do sự dự kiến không đầy đủ các sản phẩm của công trình, thì tác giả sẽ có thể đòi xem xét lại các điều kiện giá cả của hợp đồng.

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 10-7-1974, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1975, số LXXXV, trang 187.
[2] Xem "Các tác phẩm do nhiều người sáng tạo".
[3] Toà thượng thẩm Paris, 10-3-1970, *Dalloz*, 1971, 114.

"Yêu cầu này chỉ có thể đưa ra trong trường hợp tác phẩm đã được chuyển nhượng với một món tiền thù lao trả khoán".

"Sự thiệt hại sẽ được ước lượng qua việc xem xét toàn bộ sự khai thác của người được chuyển nhượng đối với các tác phẩm của tác giả tự cho là mình bị tổn hại".

Sự thiệt hại về tiền nong và sự không dự kiến trước là những khái niệm cổ điển về luật của Pháp, được áp dụng trong hợp đồng xuất bản[1]. Ở đây, tác giả cần chứng minh rằng mình đã bị thiệt hại ít nhất là bảy phần mười hai (tức là con số theo truyền thống được giữ lại trong Bộ Luật dân sự) của tiền thù lao mà anh ta có thể chờ đợi một cách hợp pháp[2]. Tất nhiên là có thể được tham khảo thói quen nghề nghiệp về việc này. Tác giả cũng có thể dựa trên kinh nghiệm về sau để đòi một khoản tiền thù lao khác nếu việc bán sách cao hơn so với những gì hình dung ban đầu (trường hợp không dự kiến trước)[3].

Việc xét xử cho rằng quy định này bớt đi đáng kể những cái lợi cho nhà xuất bản do việc trả thù lao khoán và liên quan đến mọi loại khoán. Nó cũng được áp dụng tốt cho một hợp đồng dự kiến một khoản tiền nhất định cho tất cả công trình được bán không tham khảo đến giá bán, mà cả cho hợp đồng nêu một món tiền tổng thể phải trả.

Mặt khác hình như có thể dự kiến những khoản tiền phải nộp chỉ từ một ngưỡng nào đó để đạt tới[4], trừ khi cái ngưỡng này là hão huyền (chẳng hạn như, ngoài cả số phát hành đầu tiên) hoặc nặng tính giả thiết[5]. Còn về tỷ lệ phần trăm thì nó không thể quá nực cười, các quan toà có thể phát hiện ở đấy một sự gian lận luật pháp[6].

Tuy nhiên cũng cần nêu lên rằng các vụ kiện trên cơ sở tính chất tỷ lệ tiền trả định kỳ cho tác giả được cho là vô hiệu tương đối : thời gian hiệu lực, do vậy, là năm năm, như Toà phá án đã xét xử trong một vụ tranh chấp giữa Françoise Sagan với nhà xuất bản Flamimarion[7]... Tuy vậy, nguyên tắc này đã gây nên tranh luận trong các chuyên gia quyền tác giả cũng như các cấp toà án khác.

---

[1] Mathyssens, "Xử phạt về sự thiệt hại trong các hợp đồng liên quan đến quyền tác giả", *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1959, số XXIII, trang 73. Pierre Yves Gautien "Hợp đồng bị đảo lộn : về việc không thể dự kiến trước về quyền các sở hữu nghệt thuật", *Dalloz*, 1990, Thời luận, trang 130.

[2] Toà thượng thẩm Versailles, 9-6-1986, *Dalloz*, 1987, Thông tin nhanh, 156, nhận xét Claude Colombet.

[3] . Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 30-10-1967, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 4-1968, số LVII, 109.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 6-12-1969, *Tuần pháp lý (JCP)*, 1971, 11, 16796.

[5] Toà thượng thẩm Paris, 6-12-1969, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1992, số CLI, trang 209.

[6] Toà đại phúc thẩm Paris, 16-5-1969, *Dalloz*, 1969, 630.

[7] Toà phá án, 11-2-1997, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 7-1997, số CLXXIII, trang 279.

Cuối cùng, người ta thường hay dự kiến trong hợp đồng xuất bản một món bồi thường thiệt hại trả khoán cho tác giả trong trường hợp huỷ bỏ hợp đồng do lỗi của nhà xuất bản. Cách làm này tránh được những chuyện bất ngờ của các quan toà đôi khi ít biết được tổng số tiền ít ỏi đang sử dụng của nhà xuất bản và có khuynh hướng phạt nặng các nhà xuất bản[1]. Tiền bồi thường trả khoán này có thể dễ dàng thành món tiền nợ trả góp.

Sự miễn phí

Internet đã đem lại cho thị hiếu ngày nay khái niệm miễn phí các phần mềm mà mọi người có thể sử dụng không phải nộp tiền bản quyền tác giả là thí dụ rõ ràng nhất. Việc chuyển nhượng với tư cách miễn phí cũng là một thói quen cũ trong việc xuất bản. Nhưng các tác giả chỉ có thể từ bỏ các quyền di sản của họ theo những điều kiện luật pháp nghiêm khắc.

Việc xuất bản vẫn luôn chuộng các tác giả từ bỏ mọi ý định về tiền thù lao. Những công trình nổi tiếng là rất khó đã ra đời như thế. Trong các trường hợp khác, một "nguyên do chính đáng" được đặt lên trước. Còn đôi khi không có một khoản đóng tiền nào đền bù cho những đóng góp khiêm tốn hay những tài liệu cung cấp.

Điều L.122-7 của CPI xác định rất đúng rằng "quyền trình diễn và quyền sao chép có thể được chuyển nhượng với tư cách miễn phí hay phải trả tiền". Nhưng điều L.131-4 cũng của CPI lại quy định rằng "việc tác giả chuyển nhượng các quyền đối với tác phẩm của mình [...] phải bao hàm có lợi cho tác giả việc chia phần theo tỷ lệ những thu nhập từ việc bán hay khai thác".

Tóm lại, dựa vào tính thiếu chính xác đó của luật, các quan toà chỉ thừa nhận việc chuyển nhượng miễn phí với những đề phòng lớn về pháp lý...

Những quan toà không khoan nhượng nhất cho rằng chỉ có sự can thiệp của một công chứng viên mới hợp thức hoá một hành động miễn phí. Năm 1987, Toà thượng thẩm Versailles[2] đã nhận định rằng việc từ bỏ quyền tác giả có lợi cho một hội được phân tích về mặt pháp lý là một sự cho tặng. Mà, "văn bản ký tư không có thị thực đó là tính hào phóng đơn thuần và đơn giản không có sai lầm gì về phương diện chính thức".

Nói chung, luật pháp không hề công nhận các cam kết không kéo theo sự đền bù. Nói rõ ra, sự chuyển nhượng có thể là miễn phí, nếu các lý do của sự miễn phí đó được ghi rõ trong hợp đồng. Nhà xuất bản do vậy phải xác nhận rằng tác giả

---

[1] Xem các điều 8, 11 và 13 hợp đồng mẫu.

[2] Toà thượng thẩm Versailles, 20-1-1987, *Dalloz*, 1988, Tóm tắt có bình luận, trang 208, nhận xét C. Colombet.

nhượng bản quyền với mục đích giúp đỡ nhân đạo, để xúc tiến hình ảnh của một giáo huấn, v.v...

Do đó mà quy chế của hợp đồng chuyển nhượng các quyền cải biên nghe-nhìn đã phải tuân theo các quan toà. Thực tế đã khiến cho việc ký thoả thuận đó với nhà văn hầu như có hệ thống để không kèm theo một sự đền bù tài chính tức thời nào.

Ngày 12-9-1990, toà thượng thẩm Paris[1] đã nhận định rằng nguyên do - theo nghĩa pháp lý của từ - của việc tác giả ký hợp đồng là ở quảng cáo có được do việc xuất bản cuốn sách.

Các cuộc chuyển nhượng với tư cách miễn phí không thoát khỏi các luật lệ của sở hữu văn học và nghệ thuật về sự cần thiết phải thật chi tiết.

Ngày 23-1-2001, Toà phá án đã huỷ bỏ một chuyển nhượng các quyền tác giả thoả thuận giữa Picasso và nhà xuất bản Cercle d'art[2]. Thật ra, nghệ sĩ đã soạn một tài liệu nói rõ : "Tôi là Pablo Picasso [...], tuyên bố di tặng các quyền của tôi cho nhà xuất bản Cercle d'art [...] cho việc sao chép các bức vẽ của công trình Toros". Cấp toà án tối cao này đã nhấn mạnh "Tính vô hiệu của hành động gây tranh cãi được gọi là nhượng quyền tác giả này, trên cơ sở những quy định có tính chất mệnh lệnh của điều L.131-3 của Bộ Luật sở hữu trí tuệ [...] không quy định một điều khoản nào về thời hạn và phạm vi các quyền được nhượng".

Ngày 29-4-1998, Toà thượng thẩm Paris cũng xét xử như thế về nhà sáng tạo Kenzo, ông này đã thông báo công khai rằng ông "biếu cho người Paris sáng tạo của ông". Toà đã bác bỏ một "lời tuyên bố được ký tên" như thế do một hội nêu ra để bào chữa.

Cuối cùng, cái "0%" của các quyền cũng thường được thi hành và thường bị phê phán. Bởi vì nếu luật và việc xét xử thừa nhận khả năng chuyển nhượng một tác phẩm với danh nghĩa miễn phí, thì nó lại có những đề phòng lớn kèm theo việc phạm vào nguyên tắc trả thù lao tác giả.

Trước tiên, cái tỷ lệ 0% thật sự đã bị cấm chỉ. Bởi vì nó nguỵ trang một việc xuất bản theo hạch toán mà không nêu tên mình.

Ngày 30-11-1999, Toà đại phúc thẩm Paris[3] đã xem xét kỹ cái 0% nổi tiếng, do Harmattan đóng cho tới 1000 bản được bán. Các quan toà đã nêu bật rằng"dĩ nhiên, tác giả được phép nhượng các quyền tác phẩm của mình với tư cách miễn phí, nhưng quy định này phải được sự thoả thuận của tác giả, chứ không phải nhập

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 12-9-1990, *Dalloz*, 1991, Tóm tắt có bình luận, số 97.

[2] Phòng dân sự thứ nhất, Toà phá án, 23-1-2001, Truyền thông thương mại điện tử, 2001, bình luận số 34, nhận xét Christophe Caron.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 30-11-1999, Truyền thông thương mại điện tử, 2001, bình luận số 87, nhận xét Christophe Caron.

xuất bản sẽ hiểu rằng mình chi tiêu nhiều vào món ăn trên thế gian hơn là vào món ăn tinh thần.

Tất nhiên là sự quản lý thuế có thể động chạm đến việc xác định các "phí", nếu như các món tiền nhà xuất bản đóng cho tác giả có dáng dấp của tiền nhuận bút nguỵ trang.

Nhưng các phí được ghi trong hợp đồng của tác giả không bắt buộc phải là những lời hứa về những đêm say sưa và những chuyến du lịch tính vào các nhà xuất bản. Về sách minh hoạ, có khi nhà xuất bản có thể khấu tưừ chính đáng vào tiền bản quyền tác giả những khoản đóng cho những người nắm giữ tranh ảnh ("hình ảnh thời đại" từ các hãng, tác phẩm nghệ thuật do các bảo tàng quản lý, các bản đồ địa lý lấy thẳng từ Học viện địa lý quốc gia, v.v...).

Cũng thế, thường có quy định rằng " trong trường hợp mà những sửa chữa trên bản in thử vượt quá mười phần trăm chi phí biên soạn, thì phần thêm đó tác giả phải chịu và số tiền đó sẽ khấu trừ vào các quyền của tác giả". Điều khoản này không chỉ là thông dụng mà còn hợp pháp nữa.

Toà thượng thẩm Aix-en-Provence cũng đã khẳng định ngày 24-4-1984 rằng tác giả phải chịu trách nhiệm các chi phí về sửa chữa và về việc cập nhật hoá được thực hiện không có mình tham gia[1].

Tuy nhiên, từ nhiều năm nay, án lệ cương quyết cấm rút khỏi cơ sở tính toán tiền thù lao tác giả một số phí giả định mà nhà xuất bản sẽ chịu. Cũng như vậy đối với "mật hiệu", một hình thức bệnh phổi xưa vẫn còn được thấy trong các con đường của Saint. Germain-des-Prés[2].

Còn về tiền thù lao của luật sư chịu trách nhiệm đọc lại bản thảo "có vấn đề" thì nhà xuất bản phải chịu. Tuy nhiên, tác giả có thể phải trả án phí (tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại và các hoá đơn khác của luật sư) tốn kém để bảo vệ cuốn sách bị buộc tội là đạo văn, xâm phạm đời tư, hay vu khống.

Việc khai trình sổ sách

Việc khai trình sổ sách là một nghĩa vụ quan trọng của nhà xuất bản3. Điều L.232 – 13 của CPI qui định về mục đích này:

"Nhà xuất bản phải báo cáo sổ sách kế toán".

---

[1] Toà thượng thẩm Aix-en-Provence, 24-4-1984, Quyết định sử dân sự và thương mại của toà thượng thẩm Aix-en-Provence, 1984, số 1, tr 4.

[2] Xem "Cơ sở tính tiền thù lao".

[3] Phòng thương mại Toà phá án, 27 -4-1968 trích dẫn Plaisant trong Fuisin. Classeur, tập 330, tr 26 (xem Thư tịch tổng hợp).

Vì không có những thể thức riêng biệt dự kiến trong hợp đồng, tác giả sẽ có thể đòi hỏi ít nhất mỗi năm một lần nhà xuất bản phải làm một bản kê số lượng các bản sách sản xuất đang sử dụng, nói rõ ngày tháng và tầm quan trọng của các số lượng phát hành, và số lượng bản dự trữ.

"Ngoại trừ thói quen hoặc những thoả thuận ngược lại, bản kê đó cũng sẽ ghi cả số lượng nhà xuất bản đã bán ra, số lượng bản không dùng được hoặc phải huỷ vì trường hợp ngẫu nhiên hay bất khả kháng, cũng như là số tiền định kì còn nợ hoặc đã trả cho tác giả".

Và Điều L. 132 – 14 thêm:

"Nhà xuất bản phải cung cấp cho tác giả mọi chứng cứ xác nhận sự tính toán là chính xác.

Nếu nhà xuất bản không cung cấp đủ những chứng cứ cần thiết, quan toà sẽ bắt buộc phải làm".

Nên bố trí các nghĩa vụ đó trong một hợp đồng xuất bản như luật đã cho phép dứt khoát[1] ("trừ thoả thuận ngược lại"). Nếu không có pháp chế, thì nên cẩn thận tránh những điều khoản không chắc chắn về tính hợp pháp, theo đó việc khai trình sổ sách chỉ được làm khi bắt đầu một ngưỡng bán ra nào đó. Nghĩa vụ báo cáo kế toán, thực ra, áp dụng cho mọi hợp đồng xuất bản, dù tiền thù lao được dự kiến là khoán hay theo tỉ lệ[2], bởi vì nó là một đặc quyền tinh thần. Nghĩa vụ đó hình như cũng buộc phải đặt ra nếu tác giả không đòi hỏi dứt khoát[3].

Việc thiếu khai trình sổ sách kế toán có thể bị phạt huỷ bỏ hợp đồng có hại cho nhà xuất bản[4]. Dĩ nhiên là sự khai trình sổ sách kế toán gian lận sẽ có những hậu quả nghiêm trọng không chỉ về dân sự – như là huỷ bỏ hợp đồng có hại cho nhà xuất bản[5] - mà cả hình sự nữa.

Người ta cũng đã xét xử nhà xuất bản phải thanh toán dần tiền thù lao cho một giám định viên chịu trách nhiệm kiểm tra lại[6]. Sự khai trình sổ sách kế toán phải nhằm, chẳng hạn những lần bản phụ cho nhà xuất bản nước ngoài[7]. Các tính toán, thực ra bao trùm cả những khai thác ở nước ngoài, nhà xuất bản của Pháp phải thông tin đầy đủ cho tác giả.

---

[1] Xem điều 16 Hợp đồng mẫu.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 5-3-1920. *Biên niên sử sở hữu công nghiệp và văn học nghệ thuật*, 1920, 184, Toà dân sự Seine, 18-5-920, Báo của Toà án, 1920, 2, 63

[3] Toà thượng thẩm Paris, 23-9-1993, *Báo của Toà án*, 5-7-VI-1994, trang 20.

[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 22-5-1992, chưa in.

[5] Toà thượng thẩm Paris, 1-6-1994, *Dalloz, 1994, thụng tin nhanh 210.*

[6] Toà thượng thẩm Paris, 28-9-1988, số 10, trang 20.

[7] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 9-2- 1994, *Báo của Toà án*, 27 -28 tháng 1-1995, trang 14. Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 24-11-1993 Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng 7-1994, trang 293.

Theo như các nghĩa vụ nêu ở điều L.132 – 13 đã kể trên, bản kê kế toán phải đại khái như mẫu sau:

Các bản đã sản xuất: *Ngày và số phát hành*

Các bản dự trữ: *Số lượng*

Các bản đã bán: *Số lượng*

Các bản không dùng được hay đã huỷ: *Số lượng*

Các khoản đang nợ: *Số tiền nguyên Euro*

Tính trước của AGESSA: *Tỉ suất % số tiền Euro.*

CSG: *Tỉ suất %/ cơ sở tiền thù lao số tiền Euro*

TVA: *Tỉ suất % số tiền Euro.*

An ninh xã hội của các tác giả

Từ 1977, các tác giả có nghĩa vụ gia nhập vào một qui chế chung về An ninh xã hội trong tầng lớp người làm công hưởng lương[1]. Hai hiệp hội chuyên lo liệu việc đó. Một mặt là Hội các Nghệ sĩ đảm bảo quản lí các quyền của tác giả nghệ thuật đồ hoạ và tạo hình. Những người khác (đáng kể là các nhà văn, nhà nhiếp ảnh) thuộc vào Hiệp hội quản lí an ninh xã hội của các tác giả (AGESSA)[2].

Tất cả những tác giả cư trú và đóng thuế tại Pháp và đã thu tiền bản quyền ít nhất bằng chín trăm lần tiền thù lao trung bình của SMIC trong năm lịch thường cuối cùng theo giấy chứng nhận, đều gia nhập vào đấy. Ở đấy tác giả cần chứng tỏ cho một hội đồng rằng anh ta, tuy nhiên, đã tiến hành một hoạt động như thế trong hai năm cuối cùng. Hoàn cảnh của mỗi một tác giả được xem lại hàng năm và vẫn có thể có việc xoá khỏi danh sách khi các tiền bản quyền nhận được của tác giả trong năm năm liền thấp hơn chín trăm lần giá trị tiền thù lao trung bình của SMIC.

Các điều khoản đó liên quan trước hết đến các nhà văn, nhưng còn có cả những người viết bài tựa và người dẫn giải cũng như những người chuyên viết các bài xã luận công bố trong các tác phẩm tập thể (từ điển bách khoa...) các dịch giả văn học và khoa học, các tác giả hợp tuyển (chứ không phải những đoạn cóp nhặt tầm thường). Nhưng còn có thể kết nạp vào đó cả những người viết lại cũng như chủ biên các tác phẩm, có thể được xem là các đồng tác giả thực thụ một hợp đồng xuất bản".

Trái lại, phải dứt khoát loại ra khỏi chế độ những chủ biên văn học, tư vấn văn học, những người "người biên tập các công trình hoặc nghiên cứu mà tác phẩm

---

[1] Mục VIII của sách III của Bộ luật an ninh xã hội (điều L. 382 -1 và R. 382 -1 và tiếp theo).
[2] Xem "Những địa chỉ có ích".

không in ra hoặc chỉ phổ biến hạn chế cho một công chúng được chọn trước", "những người được hưởng học bổng, trợ cấp, một tài trợ cho sáng tác, một tiền thù lao nhận được trong khuôn khổ một giao ước lưu lại của nhà văn kiểu dân" những cán bộ tư liệu, độc giả, những người viết lại khi "đóng góp sáng tạo" của họ chỉ hạn chế ở chỗ "thể hiện bằng hình thức các văn bản" và họ không chứng minh là được hưởng qui chế đồng biên tập, người chữa bài, các cố vấn, nhà văn thường xuyên tham gia vào các hoạt động giáo dục của các nhóm viết văn, của các hội nghị và các cuộc thảo luận, ngoại trừ trường hợp các hội nghị và thảo luận đó là đối tượng để chuẩn bị cho việc công bố (ví dụ như biên bản hội thảo). Cũng nên chú ý rằng An ninh xã hội của các nhà nhiếp ảnh vẫn còn là một trường hợp rất đặc biệt.

Những tiền đóng góp cho bệnh tật, sinh đẻ, chết và goá bụa cũng như những đóng góp xã hội chung(CSG), đóng góp để hoãn nợ xã hội (CRDS) đều được giữ lại từ nguồn ở nhà xuất bản. Nó áp dụng cho tất cả các tác giả chuyên nghiệp hay không chuyên nghiệp.

Các tác giả có thể xuất trình một giấy chứng nhận do AGESSA lập để không phải chịu vào dự khấu này, vì AGESSA có trách nhiệm trực tiếp thu tiền đóng góp ở các tác giả liên quan.

Còn về đóng góp bảo hiểm tuổi già thì đó là bắt buộc đối với mọi tác giả "chuyên nghiệp", tức là không góp theo mức trần của an ninh xã hội với tư cách một hoạt động khác.

Cuối cùng, nên nhắc lại rằng các nhà xuất bản phải đóng một phần gọi là để cho "những người phát hành" tác phẩm, đặt vào toàn bộ các khoản tiền mà họ đóng. Một phần của sự đóng góp này dùng cho công tác xã hội mà AGESSA phải bảo đảm cho những người gia nhập không may mắn nhất.

Thuế giá trị gia tăng đối với các quyền tác giả[1]

Theo như việc hoà đồng thuế của Cộng đồng Châu Âu, các tác giả chịu thuế giá trị gia tăng theo tỉ lệ giảm là 5,5% (tỉ lệ này là 2,10% cho Guadeloupe, Martinique và Réunion)[2].

Tuy vậy, sẽ có miễn trừ khi tác giả thu được dưới ba mươi bảy nghìn bốn trăm Euro trong cả năm. Cũng như thế, thuế giá trị gia tăng không liên quan đến các tác

---

[1] Về thuế của khu vực sách, xem *Luật về sách*.

[2] Xem về điểm thống nhất này Frédéric Morant, "Chế độ thuế cho các quyền tác giả"*Légicom*, số 14, 1997, trang55. Emmanuel Pierrat. "Nói rõ về thuế giá trị gia tăng" *Show magazine*, số 281,18-5-1992, trang 31.

giả được trả lương đối với phần lương họ nhận với tư cách hợp đồng lao động. Nhưng nếu họ nhận được ngoài các quyền tác giả đích thực, thì họ thuộc phạm vi áp dụng thuế giá trị gia tăng. Còn những người chủ sở hữu quyền tác giả, họ cũng phải tuân theo.

Thuế giá trị gia tăng cũng liên quan cả đến các phần bù lại sự chuyển nhượng các quyền cũng như việc bán trực tiếp những bản sách của tác phẩm do chính tác giả thực hiện (chỉ "tác giả - người xuất bản" cũng như nhà xuất bản gọi thay cho tác giả).

Các tác giả ngoại quốc phải chỉ định một đại diện thuế trên lãnh thổ Pháp. Nếu không thực hiện các thủ tục đó, thì chính nhà xuất bản phải chịu thuế giá trị gia tăng.

Biện pháp giữ lại do các nhà xuất bản chịu trách nhiệm đã được đặt ra, và buộc họ phải tuyên bố một khoản khấu trừ khoán thay cho các tác giả của họ là 0,8% cho nước Pháp chính quốc và 0,4% cho Guadeloupe, Martinique và Réunion. Các tỉ lệ của thuế giá trị gia tăng để áp dụng, do đó, trên thực tế là 4,7% và 1,7%. Tuy nhiên, tác giả bao giờ cũng vẫn có thể từ chối biện pháp khấu trừ này.

Một hợp đồng mẫu

Tất nhiên là nhà xuất bản phải thay đổi nhiều hợp đồng xuất bản xuất phát từ các cơ sở mà pháp luật và pháp chế đã đặt ra. Hợp đồng mẫu sau đây được soạn ra để đáp ứng tốt hơn cho những mong đợi của nhà xuất bản văn học tổng hợp, cũng có thể được thay đổi theo các mục tiêu nhằm tới Hợp đồng xuất bản về một tác phẩm minh hoạ sẽ phải chỉ rõ ai, tác giả hay nhà xuất bản, phải chọn các minh hoạ và thương lượng các quyền,vv...Cũng cần đặc bệt thận trọng về số lượng, khổ giấy, vv... của các minh hoạ. Cũng vậy, trong trường hợp tác phẩm cộng tác, nhà xuất bản phải chú ý dự kiến một điều khoản chỉ rõ sự phân chia tiền thù lao giữa các tác giả (trong phần còn lại của hợp đồng theo cách gọi chung là "tác giả"). Trong khuôn khổ một tác phẩm khoa học hay kỹ thuật, một điều khoản về cập nhật hoá thường là cần thiết[1].

Hợp đồng được gọi trong thực tế là hợp đồng "mua văn bản cho một tác phẩm tập thể" vẫn phải tôn trọng các đòi hỏi của một hợp đồng xuất bản cổ điển, Nhà xuất bản, do đó, không thể bằng lòng với một hợp đồng không tôn trọng các đòi hỏi của luật pháp.

Một vài điều khoản nằm trong các hợp đồng đôi khi chỉ là những lời nhắc lại các nghĩa vụ của nhà xuất bản đối với pháp luật – chẳng hạn như nghĩa vụ tôn trọng

---

[1] Xem phụ lục của hợp đồng mẫu.

quyền tinh thần. Tuy vậy, không nên quên tầm quan trọng của các nghĩa vụ đó về mặt tâm lí trong thương lượng, nó cho phép nhà xuất bản thuyết phục người hợp đồng với mình và để cho anh ta dễ dàng chấp nhận một vài điều khoản khác.

Chúng ta nhắc lại thêm một lần nữa cách ứng xử tốt nhất là phải mô tả thật chi tiết về bản thảo chờ đợi ở các tác giả[1].

Nhiều luật sử dụng được soạn ra do: Nghiệp đoàn xuất bản quốc gia (SNE) và các cấp đại diện của các tác giả[2]. Cũng hệt như các ba-rem chuyên nghiệp, các luật sư sử dụng chúng chỉ có thể là những chỉ dẫn, chứ không phải là những quyền lực bắt buộc[3] thực sự; nhưng những luật đó thường tạo ra những cơ sở tốt để soạn thảo một hợp đồng cân đối và phù hợp với lập pháp[4].

"Luật sử dụng giữa các nhà văn và nhà xuất bản văn học ngày 15-12-1980" đã được xác nhận vào ngày 5-6-1981 bởi Hội đồng thường trực các nhà văn, tập đoàn các nhà xuất bản văn học và SNE. Hội đồng chuyên điều hành "toàn bộ các vấn đề đặt ra do các quan hệ hợp đồng giữa các tác giả và các nhà xuất bản văn học tổng hợp". Nó cũng đề cập đáng kể đến khái niệm xuất bản phụ, cũng như là sự xúc tiến bán hàng và quảng cáo tác phẩm[5].

SNE kí kết ngày 17-3-1993 một luật mới về sử dụng liên quan đến dịch thuật văn học nói chung, với Hội nhà văn Pháp, Hội các dịch giả văn học của Pháp và Hội các dịch giả của Pháp.

Còn có một "Qui ước về sao chép tác phẩm nghệ thuật" thương lượng giữa ADAGP và SNE và một "Luật sử dụng về minh hoạ bằng hình vẽ", áp dụng bởi SNE và Nghiệp đoàn quốc gia các hoạ sĩ minh hoạ. Hai luật này đã lần lượt được kí ngày 1-3-1983 và ngày 20-6-1978.

Cuối cùng, "Luật sử dụng về minh hoạ nhiếp ảnh đã được soạn thảo do những nghiệp đoàn các nhà nhiếp ảnh và các hãng báo ảnh. Văn bản luật này bắt đầu có ngày 5-5-1993. Nó đề cập đến các nguồn tranh chấp từ nay trở về trước như là quyền của những người được chụp ảnh hay cả đến những trường hợp mất và hỏng nguyên liệu. Hội liên hiệp các nhà nhiếp ảnh sáng tạo (LIPC) là những người đầu tiên kí luật này, công bố mỗi năm những ba-rem giá trị thuần tuý chỉ dẫn hết sức chi tiết.

---

[1] Xem "Luật sử dụng" ở cuối sách.

[2] Sẽ có trong phụ lục của sách này văn bản của năm luật sử dụng chính liên quan đến việc xuất bản. Cũng còn phải ghi nhớ Luật các thực hành pháp lý về xuất bản bản đồ đề xuất bởi SNE và kí ngày 23-11-1993 với Trung tâm bản đồ của Pháp.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 8-9-1993, *Báo của Toà án*, 5-7-1994, trang 19, Christophe Caron, "Các sử dụng và thực hành nghề nghiệp về quyền tác giả", *Sở hữu trí tuệ*, số 7, tháng 4-2003, trang 127.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 9-12-1992, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả, tháng* 4 -1994, số CLX, trang 228.

[5] Georges. Olivier Chateaureynaud, " Cho một mẫu hợp đồng mới tức là cho một luật sử dụng mới". Nhật báo của Hội Nhà văn, số 1, 1998, trang 6.

Mẫu hợp đồng xuất bản

Giữa những người kí tên dưới đây

Họ tên:
Địa chỉ:

Dưới đây gọi là "tác giả" và

Nhà xuất bản Tên:
mệnh danh hội
hình thức hội và số vốn
danh bạ ở Sổ thương mại và ở các hội
địa chỉ trụ sở hội
Họ tên người đại diện hợp pháp
Dưới đây gọi là "chủ xuất bản"

ĐÃ ĐƯỢC THOẢ THUẬN NHƯ SAU

Điều 1. Phần đóng góp của tác giả

Tác giả nhượng cho chủ xuất bản, người nhận cho cá nhân mình và các chủ sở hữu của mình, trong các kì hạn của các điều khoản nêu sau đây, đặc quyền khai thác các quyền tài sản, dưới mọi hình thức, bằng mọi thứ tiếng ở tất cả các nước, đối với công trình do anh ta sáng tác, sau đây được mệnh danh là tác phẩm có nhan đề tạm thời là:

Nhan đề

Điều 2. Phần đóng góp của chủ xuất bản:

Về phía mình, chủ xuất bản cam kết đảm bảo bằng chi phí của mình việc in ấn và phát hành công trình đó để bán theo việc xuất bản thông thường và bằng việc phổ biến cho công chúng cố gắng đem lại những bên thứ ba có khả năng quan tâm, những điều kiện thuận lợi cho sự khai thác tác phẩm dưới mọi hình thức.

Điều 3. Thời hạn chuyển nhượng

Sự chuyển nhượng này được thoả thuận là có hiệu lực ở mọi nơi, đối với tất cả các nước và mọi ngôn ngữ và trong tất cả thời gian sẽ kéo dài quyền sở hữu văn học của tác giả và của những chủ sở hữu quyền của tác giả, theo chế pháp của Pháp cũng như của nước ngoài và theo các giao ước quốc tế hiện nay hay tương lai, kể cả những gia hạn tạm thời có thể có cho thời hạn này.

Điều 4. Phạm vi chuyển nhượng

Xét vì rủi ro của chủ xuất bản trong khi bảo đảm như đã cam kết việc công bố công trình bằng xuất bản thông thường theo những điều kiện dự kiến trong hợp đồng này, nhận

định rằng một công bố như vậy có khả năng đem lại một trường khai thác rộng hơn, và nhằm những lợi ích mà sự thống nhất quản lí có thể mang cho, tác giả chuyển nhượng dứt khoát cho chủ xuất bản, ngoài quyền xuất bản, là tất cả các quyền tài sản về cải biên, sao chép và trình diễn sở thuộc vào tác phẩm mô tả ở điều này, tuy nhiên, ngoại trừ các quyền cải biên nghe-nhìn là đối tượng của một bản hợp đồng viết trên một tài liệu riêng biệt.

Sự chuyển nhượng này bao hàm cho chủ xuất bản quyền khai thác trực tiếp hoặc nhường đáng kể là các quyền sao chép và trình diễn sau đây:

- Quyền sao chép tác phẩm bằng tiếng Pháp dưới mọi hình thức xuất bản: thông thường, sang trọng (phát hành hạn chế hoặc không hạn chế) nửa sang trọng, đóng bìa, có minh hoạ, bình dân, loại nhỏ (còn gọi là công bố rộng), cho câu lạc bộ, bằng chữ to, cho nhà trường, phê bình hay trong hợp tuyển;

- Quyền dịch thuật tác phẩm sang mọi thứ tiếng ở mọi nước và sao chép dưới mọi hình thức xuất bản những bản dịch sẽ được thực hiện như thế;

- Quyền sao chép tác phẩm toàn phần hay từng phần, trước hoặc sau xuất bản thành tập, trên các báo và xuất bản phẩm định kỳ, thành từng chương hồi hoặc từng tập, quyền cải biên và sao chép nó thành tóm tắt hay cô đúc;

- Quyền cải biên tác phẩm và sao chép thành hình vẽ hay ảnh chụp và đặc biệt dưới hình thức truyện tranh hay tiểu thuyết - ảnh;

- Quyền cải biên tác phẩm cho mọi loại thu thanh và sao chép nó cũng như các cải biên từ đó, nhờ vào mọi phương pháp sao chép âm thanh analôgic hay kĩ thuật số, và đặc biệt bằng đĩa nhựa vinil hay compact và bằng băng từ;

- Quyền cải biên tác phẩm cho thể loại sân khấu (kịch hay nhạc kịch) hay cho nghệ thuật múa, cho phát thanh và âm nhạc, và sao chép dưới mọi hình thức và bằng mọi phương tiện, những cải biên sẽ được thực hiện như thế;

- Quyền sao chép tác phẩm bằng photocopy, micro các, micro phich hay micro phim hay mọi cách thức tương tự hiện có hoặc sẽ có dù là điện tử, analôgic, từ tính hay kĩ thuật số;

- Quyền sao chép tác phẩm và cải biên dưới hình thức xuất bản điện tử, đặc biệt bằng CDrom, CD-photo, CD-1, DVD và trên các mạng số, và đặc biệt là Internet, mạng điện thoại cố định hay di động, hay bằng mọi phương thức, tương tự đang có hay sẽ có;

- Quyền sao chép toàn bộ hay từng phần tác phẩm và các yếu tố của nó (nhan đề, minh hoạ, tên nhân vật, văn bản) dưới dạng quần áo, sản phẩm mĩ nghệ bày tủ, dụng cụ văn phòng, và dưới mọi hình thức phái sinh khác đang có hay sẽ có;

- Quyền sao chép toàn bộ hay từng phần tác phẩm và các yếu tốc ủa nó (nhan đề, minh hoạ, tên nhân vật, văn bản) dưới dạng quần áo, sản phẩm mĩ nghệ bày tủ, nguyên liệu giấy, và dưới mọi hình thức phái sinh khác đang có hay sắp có;

- Quyền cho đọc hay kể tác phẩm trước công chúng;

- Quyền truyền thông ra công chúng tác phẩm hay những cải biên của nó bằng mọi ngôn ngữ và ở tất cả các nước bằng con đường trình diễn kịch, biên đạo múa hay âm nhạc, phổ nhạc hay mọi phương thức truyền bá lời, tiếng và hình ảnh, đặc biệt bằng mạng số, tuy

Điều 12. Bán hạ giá và huỷ bỏ toàn bộ

Bắt đầu từ hai năm sau khi đem bán tác phẩm, nếu thấy dự trữ quá số bản sách cần thiết để đáp ứng các yêu cầu tiêu thụ bình thường, bất kỳ lúc nào chủ xuất bản cũng có thể giải quyết những bản thừa hoặc cũng bằng cách huỷ bỏ toàn bộ, hoặc bằng cách bán hạ giá với giá có thể. Hợp đồng này không phải vì thế mà bị huỷ bỏ. Trong trường hợp huỷ bỏ toàn bộ các bản còn mới hoặc đem bán hạ giá, chủ xuất bản sẽ phải báo cho tác giả biết ý định của mình bằng thư bảo đảm có giấy báo đã nhận được trước một tháng. Tác giả sẽ, trong hai mươi ngày sau khi được thông báo về bán hạ giá, báo cho chủ xuất bản bằng thư bảo đảm có giấy báo đã nhận được, nếu tác giả muốn mua lại các bản sách với một giá không thấp hơn giá hạ đó. Tác giả sẽ có thể tiếp tục khai thác tác phẩm với những rủi ro và lợi ích đặc quyền, tất nhiên là trước khi thương mại hoá tác giả phải xoá mọi ghi chú hiện có của chủ xuất bản khỏi bìa và các trang nhan đề và trang copyright của tất cả các bản.

Tiền bán sách hạ giá sẽ thuộc về chủ xuất bản, nếu các bản sách được bán hạ ít hơn hai mươi lăm phần trăm (25%) của giá bán ra công chúng ngoài thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp ngược lại, tác giả sẽ nhận tiền bản quyền của mình tính theo tỉ lệ tối thiểu dự kiến ở điều 14 của hợp đồng này, trên số tiền bán hạ giá.

Chủ xuất bản sẽ làm cho tác giả một giấy chứng nhận huỷ bỏ toàn bộ hay bán ra chỉ rõ số bản sách tổng cộng huỷ bỏ hay bán hạ giá. Bất cứ lúc nào, chủ xuất bản cũng có thể cho phá huỷ các bản sách hỏng hoặc ngả màu không phải báo cho tác giả biết, chỉ cần trách nhiệm giữ lại chứng cứ.

Trong trường hợp thanh lí hoàn toàn kho sách bằng huỷ bỏ toàn bộ hay bằng bán hạ giá, chủ xuất bản sẽ phải báo cho tác giả biết về ý định của mình bằng thư bảo đảm với giấy báo đã nhận được. Trong hai mươi ngày sau khi được báo về cách thanh lí, tác giả sẽ phải viết thư bảo đảm với giấy báo đã nhận được cho chủ xuất bản, nếu muốn mua lại các bản sách với giá không thấp hơn giá bán cho người mua hạ giá và trong trường hợp huỷ bỏ toàn bộ thì với giá thành các bản sách. Tác giả cũng có thể tiếp tục khai thác tác phẩm với rủi ro và lợi ích đặc quyền, tất nhiên là trước mọi thương mại hoá, phải xoá mọi ghi chú đang có của Nhà xuất bản khỏi trang bìa các trang nhan đề và trang copyryght của tát cả các bản sách.

Trong trường hợp thanh lí hoàn toàn, chủ xuất bản sẽ phải đưa cho tác giả một giấy chứng nhận.

Tiền bán sách hạ giá sẽ thuộc về chủ xuất bản nếu các bản sách được bán hạ dưới hai mươi lăm phần trăm (25%) của giá bán ra công chúng ngoài thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp ngược lại tác giả sẽ nhận các khoản tiền bản quyền của mình tính theo tỉ lệ tối thiểu dự kiến ở điều 14 của luật này trên số tiền bán cho người mua sách hạ giá.

Nếu chủ xuất bản không tiến hành in lại trong thời hạn một năm sau khi thanh lí hoàn toàn sách dự trữ, tác giả có quyền gửi thư bảo đảm với giấy báo đã nhận, là phải tiến hành in

lại trong sáu tháng, trừ hoàn cảnh đặc biệt là do lí do cho việc kéo dài thêm kì hạn này. Nếu không in lại trong thời hạn sáu tháng thì hợp đồng này sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ. Tác giả vẫn có thể phản đối những việc chuyển nhượng đã được chủ xuất bản thoả thuận với các bên thứ ba theo như điều 4 của hợp đồng này trước khi thanh lí.

Chủ xuất bản sẽ trao cho tác giả một giấy chứng nhận huỷ bỏ toàn bộ hay bán ra.

Điều 13 . Mất quyền khai thác

Ngoài các trường hợp dự kiến ở các điều 11 và 12 hợp đồng này, chủ xuất bản sẽ mất hưởng lợi quyền khai thác các quyền tài sản của tác giả đã được chuyển nhượng trong hợp đồng này trong hai trường hợp sau:

- Trong trường hợp không công bố trong thời hạn mười tám tháng kể từ ngày nhận đủ bản thảo, trừ trường hợp bất khả kháng chứng minh phải có một thời hạn bổ sung. Trong trường hợp sự bất lực của chủ xuất bản không có căn cứ, đương nhiên hợp đồng này bị huỷ bỏ. Ngoài ra, với tư cách là đền bù thiệt hại khoán và dứt khoát và loại trừ mọi khoản bồi thường khác, tác giả sẽ giữ những số tiền đã nhận dưới hình thức tiền trả góp dự kiến ở điều 14 của hợp đồng này. Trong trường hợp tác giả không nhận trước tiền trả góp tính vào thù lao của mình thì một số tiền là *số tiền* sẽ được đóng với tư cách bồi thường thiệt hại.

- Trong trường hợp chủ xuất bản khước từ đảm bảo cho tác phẩm sự khai thác thường xuyên liên tục - giả định xem như được thực hiện nếu tất cả số lượng bản sách các lần xuất bản mà chủ xuất bản tiến hành đều hết và nếu sau khai báo và sau khi tác giả gửi thư đảm bảo có giấy báo đã nhận được mà chủ xuất bản để trôi qua một năm không tiến hành in lại - trong giả định này, hợp đồng sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ. Tác giả vẫn có thể phản đối những chuyển nhượng đã được chủ xuất bản thoả thuận với các bên thứ ba theo như điều 4 của hợp đồng này trước khi tác giả thúc giục khai thác thường xuyên liên tục. Chủ xuất bản sẽ được thoát khỏi mọi đóng góp bồi thường cho tác giả.

Điều 14. Tiền thù lao tác giả

Coi là giá chuyển nhượng xuất bản theo thoả thuận trên đây, tác giả sẽ nhận các khoản tiền bản quyền sau tính trên giá bán các bản sách ra công chúng:

- Tỉ lệ % các bản đóng bìa mỏng của xuất bản thông thường;

- Phần trăm luỹ tiến có thể có;

- Những xuất bản khác do chủ xuất bản trực tiếp tìm cách khai thác.

Mọi khai thác khác của tác phẩm do chủ xuất bản thực hiện sẽ được tính tiền thù lao cho tác giả như các điều khoản dự kiến ở điều 4 của hợp đồng này. Nó cũng sẽ là như thế đối với mọi khai thác do một bên khác không phải chủ xuất bản thực hiện.

Mặt khác, Bộ Luật sở hữu trí tuệ dự kiến một khoản tiền trả về sao chụp, các bên thoả thuận dứt khoát về hạn của hợp đồng này, về chia khoản tiền đó mỗi bên một nửa vì lẽ thiệt

thời chung của họ do việc sử dụng tư của các kĩ thuật sao chép. Chủ xuất bản sẽ thay mặt tác giả trong mọi thương lượng liên quan đến quyền được trả tiền đối với sao chép tư và đến quyền cho mượn và đóng góp cho tác giả khoản tiền công đã thoả thuận.

Điều 15 – Cơ sở tính thù lao của tác giả.

Thù lao quy định ở điều 14 của hợp đồng này chỉ áp dụng cho các bản sách được bán. Nó không áp dụng vào:

- Các bản sách của tác giả nêu ở điều 10 của hợp đồng này;

- Các bản sách phát miễn phí hay giảm giá (50% giá bán hay dưới nữa) để xúc tiến thương mại: dịch vụ báo chí mà số lượng sẽ không thấp hơn *số lượng*, gửi biếu các nhân vật cần quan tâm.

- Các bản dành nộp lưu chiểu hay gửi đi làm bằng chứng;

- Các bản sách huỷ bỏ;

- Các bản sách bị phá huỷ, hư hỏng hay mất đi nêu ở điều 11 của hợp đồng này.

Các hiệu sách có quyền lấy lại những bản sách gửi đi để quảng cáo, các khoản tiền liên quan đến việc bán các bản sách để quảng cáo - không phải để trả lại - đều được tính vào cho tác giả trong thời hạn mười tám tháng tiếp sau ngày công bố tác phẩm hay mọi việc đưa làm quảng cáo mới về sau.

Điều 16 – Các tính toán

Toàn bộ tiền công của tác giả theo như điều 14 của hợp đồng này cũng như những số tiền phải trả theo tư cách của điều 4 của hợp đồng này sẽ là đối tượng của một quyết toán hàng năm vào ngày 31 tháng 12. Trong ba tháng tiếp theo của ngày quyết toán, chủ xuất bản sẽ đưa cho tác giả, cùng với những bản kê kế toán, một bản thống kê ghi số lượng các bản sách dự trữ. Bản thống kê này sẽ ghi cả những bản sách do chủ xuất bản bán ra những bản không dùng được và rút khỏi lưu thông thương mại và những bản bị phá huỷ, hư hỏng hay mất đi như đã được nêu trong điều 11 của hợp đồng này.

Tiền bán hạ giá sẽ được trả cho tác giả bắt đầu từ ngày 1 tháng Tư tiếp theo. Tuy nhiên, chủ xuất bản không phải gửi những bản kê kế toán, bản thống kê các bản sách cho tác giả nếu tác phẩm đã được công bố từ dưới sáu tháng. Tuy nhiên, một tác phẩm phát hành giữa 1 tháng Bảy và 31 tháng Mười hai sẽ là đối tượng của quyết toán thứ nhất đặc biệt đến ngày 30 tháng Sáu của năm sau.

Điều 17 – Những người có quyền

Hợp đồng này, trong toàn bộ sự nguyên vẹn của nó, đáng kể là đối với những gì liên quan đến quyền ưu tiên có thể có ghi trong điều *số* dính dáng tới những người thừa kế và tất cả những người có quyền của tác giả, trong chừng mực có thể, họ sẽ phải uỷ quyền cho một người đại diện chung cho họ trước chủ xuất bản.

Điều 18 – Huỷ bỏ và giải quyết hợp đồng xuất bản

Sự huỷ bỏ tư pháp hay đương nhiên, hay việc giải tán hợp đồng chuyển nhượng các quyền cải biên nghe-nhìn kí *ngày* giữa tác giả và chủ xuất bản sẽ không kéo theo bất cứ điều gì của hợp đồng này.

Điều 19 – Cấp thẩm quyền và luật có thể áp dụng

Đối với mọi tranh chấp nảy sinh từ cách giải thích hay thi hành hợp đồng này thì việc giải quyết là áp dụng luật pháp của Pháp và phân cấp rõ ràng việc xét xử cho các toà án có thẩm quyền của **địa điểm**.

Làm tại **địa điểm** *thành hai bản, ngày* **ngày**

Tác giả Chủ xuất bản

Các điều khoản không bắt buộc

Điều số – Quyền ưu tiên

Tác giả dành cho chủ xuất bản một quyền ưu tiên đối với các tác phẩm định công bố trong tương lai, hoặc là dưới tên hay bút danh của tác giả, riêng biệt hay là cộng tác. Quyền ưu tiên này áp dụng cho các tác phẩm theo thể loại nhất định sau: **thể loại**

Quyền này được giới hạn ở **số lượng (bốn là tối đa)** các tác phẩm mới kể từ ngày kí hợp đồng này và không gồm tác phẩm là đối tượng của hợp đồng này.

Mỗi một tác phẩm được tính trong quyền ưu tiên này sẽ là đối tượng của một hợp đồng sẽ nêu lên con số các tác phẩm tương lai mà tác giả quan hệ với chủ xuất bản. Việc chuyển nhượng mỗi tác phẩm mà chủ xuất bản sẽ chấp nhận xuất bản sẽ được chi phối bởi toàn bộ các điều khoản, trách nhiệm và điều kiện của hợp đồng này và sẽ có giá trị cả với mọi hình thức khai thác dự kiến trong hợp đồng này.

Chủ xuất bản sẽ có một thời hạn là ba tháng kể từ ngày được giao một bản thảo dễ đọc trong hình thức hoàn chỉnh và có thể công bố được để cho biết quyết định của mình. Có qui định dứt khoát là mỗi "tác phẩm" được các bên hiểu là những văn bản gốc ít nhất hai trăm trang đánh máy gồm một nghìn tám trăm từ mỗi trang; những bài báo, những sách nhỏ và tác phẩm tạm thời còn phải xem lại, giao cho chủ xuất bản, không thể tính vào các tác phẩm dự kiến trên đây. Mặt khác có sự xác định là trong trường hợp được giới thiệu đồng thời hay nhiều tác phẩm của cùng một tác giả, chủ xuất bản sẽ tự mình định thời hạn thực hiện của mỗi lần xuất bản theo thói quen nghề nghiệp và lợi ích chung của cả các bên.

Khi chủ xuất bản được hưởng quyền ưu tiên, từ chối liên tiếp hai tác phẩm mới được tác giả giới thiệu trong những thể loại đã được xác định ở hợp đồng và dưới cùng một tên kí, tác giả sẽ đương nhiên lập tức được tự do. Tuy nhiên, nếu đã nhận tiền tạm ứng của chủ xuất bản để tính vào thù lao, tác giả sẽ phải hoàn lại trước những khoản tạm ứng đó.

Một bản sao các bản thảo, ngay cả khi bị từ chối, sẽ được chủ xuất bản giữ lại để làm bằng chứng.

Điều số - Các tác phẩm có trước

Trong trường hợp tác giả cấp các quyền của một vài tác phẩm đã công bố ở các nhà xuất bản khác trước khi kí hợp đồng này thì tác giả cam kết là chuyển nhượng cho chủ xuất bản theo ưu tiên, và ưu đãi.

Điều số- Tiền trả góp

Toàn bộ các số tiền nợ tác giả với tư cách các điều 4 và 14, thì nó sẽ được chủ xuất bản sẽ trả trước là: *số tiền.*

Cái gọi là tiền trả góp sẽ được đưa vào tiền nợ trong kết toán của tác giả. Tuy nhiên, cái khoản trả góp đó cũng được xem là một đảm bảo tối thiểu cho tác giả. Do vậy nó dứt khoát thuộc về tác giả, trừ khi tác giả bất lực không giao được bản thảo hoàn chỉnh trong những hình thức và thời hạn qui định ở điều 6 của hợp đồng này.

Điều số – Chi phí do tác giả thực hiện

Chủ xuất bản sẽ bù cho tác giả cho đến *số tiền,* và nhận lại các chứng từ liên quan, là chi phí tác giả phải thực hiện để viết tác phẩm.

Điều số – Cạnh tranh

Tác giả cam kết, kể từ ngày kí hợp đồng này, không tham gia vào biên soạn các tác phẩm tương tự xác định ở các nhà xuất bản khác, cũng như không đảm bảo với họ các nhiệm vụ cố vấn với các sách tương tự, trên lãnh thổ Pháp và trong *số lượng năm.* Tác giả cũng cam kết như vậy với một quyển sách cạnh tranh trực tiếp với tác phẩm trong thời gian khai thác tác phẩm này.

Điều số – Cập nhật hoá các lần xuất bản mới

Tác giả cam kết, theo yêu cầu của chủ xuất bản, thực hiện những sửa đổi cần thiết cho tác phẩm để nó giữ được tính thời sự hay cho nó phù hợp với đối tượng của nó, và điều này không làm tăng thêm các khoản tiền bản quyền.

Các sửa đổi sẽ phải được thực hiện bằng cách tôn trọng tối đa kết cấu của việc đặt trang.

Nếu tác giả không có khả năng tự mình thực hiện việc cập nhật hoá này thì với thoả thuận của tác giả, hay các người có quyền, chủ xuất bản có thể đặt cho một bên thứ ba làm, mà tiền thù lao sẽ khấu vào tiền bản quyền của tác giả theo như hợp đồng này.

Sự chuyển nhượng hợp đồng xuất bản

Sự chuyển nhượng hợp đồng xuất bản cũng như chính hợp đồng phải đáp ứng được một số đòi hỏi do pháp luật và việc xét xử đặt ra. Cũng như tác giả không thể tự do nhường hợp đồng của mình cho một tác giả khác đến thay thế mình, một chủ xuất bản khác không thể thế chân vào chủ xuất bản đã kí kết hợp đồng mà không có sự thoả thuận của tác giả[1].

Theo đoạn đầu của điều L.132 – 16 của CPI:

"Chủ xuất bản không thể chuyển với tư cách miễn phí hay phải trả tiền, hay bằng cách đóng góp vào hội, lợi nhuận của hợp đồng xuất bản cho những bên thứ ba, độc lập với vốn thương mại của mình, mà không được phép trrước của tác giả."

Hợp đồng xuất bản cũng như hợp đồng nhượng các quyền sao chép nghe-nhìn, thật vậy, là một hợp đồng được kí kết vì người , tức là vì đặc tính, các phẩm chất riêng biệt của những người hợp đồng. Do đó về lí thuyết, mỗi nhà văn, mỗi nhà nhiếp ảnh phải cho ý kiến đồng ý cá nhân và sáng suốt về việc chuyển nhượng các hợp đồng gắn liền họ với chủ xuất bản của họ.

Một hợp đồng xuất bản ký với một hội, không thể chuyển nhượng cho một nhà xuất bản của cùng tập đoàn nếu không có sự đồng ý chính thức của tác giả. Cũng thế, người ta đã xét xử rằng hợp đồng xuất bản không thể do "tập đoàn xuất bản" ký: một ghi nhận như thế có nghĩa là né tránh qui tắc về sự cần thiết phải có sự đồng ý của tác giả trong việc chuyển nhượng hợp đồng cho một nhà xuất bản nào đó trong tập đoàn[2].

Chủ xuất bản càng không thể đưa vào hợp đồng xuất bản một điều khoản theo đó tác giả từ bỏ không thực hiện mọi chống đối việc chuyển nhượng này[3], trừ trường hợp rất đặc biệt là tác phẩm vô danh[4].

Khả năng duy nhất về chuyển nhượng hợp đồng do chủ xuất bản, mà không phải báo cáo với tác giả, là sự chuyển nhượng vốn thương mại của chủ xuất bản[5]. Sự chuyển nhượng này có thể xảy ra hoặc không trong khuôn khổ một vụ phá sản[6].

---

[1] Toà đại phúc thẩm Paris, 22-5 – 1987, *Tập san quyền tác giả tháng* 1-1988, trang 13. Christophe Famin, "Sự chuyển nhượng hợp đồng và sự đồng ý của người chịu chuyển nhượng", Dalloz, 1095, Thời luận, trang 131. Toà đại phúc thẩm Paris, 22-5-1987, *Tập san quyền tác giả, tháng 1-1988, trang 13* – Emmanuel Piennat, "Các hợp đồng của tác giả sẽ trở thành cái gì trong trường hợp nhượng một nhà xuất bản?", *Sách tuần*, số 295, 29 -5 -1998, trang 38.

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 7-5-1986. *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1987, số CXXXI, trang 252.

[3] Toà đại phúc thẩm Paris, 24-3-1975, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 10-1975, số LXXXV, trang191.

[4] Toà đại phúc thẩm Seine, 27-10-1969, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, 1970, số LXIII, 231, Toà thượng thẩm Paris, 28-10-1982, Dalloz, 1983, Thông tin nhanh , 514, nhận xét Claude Colombet.

[5] Xem ở dưới.

[6] Toà thượng thẩm Paris, 28-10-1982, *Tạp chí quốc tế quyền tác giả*, tháng 1-1983, số CXV, trang 142.

Tuy nhiên cơ quan lập pháp đã dự kiến ở các đoạn 2 và 3 của điều L. 132 – 16 của CPI:

"Trong trường hợp chuyển nhượng vốn thương mại, nếu việc chuyển nhượng này tự nó gây tổn hại đến lợi ích vật chất hay tinh thần của tác giả thì tác giả có cơ sở pháp lí để có cách sửa chữa kể cả bằng con đường huỷ bỏ hợp đồng.

> "Khi vốn thương mại của việc xuất bản được khai thác trong hội hay phụ thuộc vào một phần-không-được-chia, thì sự phân cấp vốn cho một trong những người góp vốn cũ hay cho một trong những người cùng-góp-phần- không-được chia theo đúng việc thanh lí hay việc chia phần thì dù trong trường hợp nào cũng không được xem như một chuyển nhượng".

Do vậy tác giả vẫn có thể chống lại việc chuyển nhượng hợp đồng của mình ngay cả trong dịp một chuyển nhượng do chủ xuất bản từ ban đầu của cả một nhóm tác giả. Tuy nhiên, các quan toà xem xét rất khắt khe những phản bác của các tác giả và đòi hỏi họ chứng minh thực sự về thiệt hại nặng nề mà họ sẽ phải chịu trong trường hợp "chuyển".

Nhưng tác giả vẫn có thể làm một việc đơn giản là cho xuất hiện trong hợp đồng một điều khoản theo đó hợp đồng này sẽ không bị chuyển nhượng cùng với vốn thương mại.

Sự phá sản của chủ xuất bản

Sự phục hồi hay sự giải thể của chủ xuất bản – sự phá sản theo thuật ngữ cổ - đều được trình bày tỉ mỉ trong CPI và do đó cũng gây ra ý kiến bình luận. Điều L. 132 -15 qui định:

> "Sự phục hồi tư pháp của chủ xuất bản không kéo theo việc huỷ bỏ hợp đồng.
>
> "Nếu hoạt động được tiếp tục bằng việc áp dụng các điều 31 và các điều sau của bộ Luật số 85-98 ngày 25-1-1985 liên quan đến sự phục hồi và thanh lí tư pháp các xí nghiệp, tất cả mọi nghĩa vụ của chủ xuất bản đối với tác giả đều được tôn trọng.
>
> "Trong trường hợp nhượng xí nghiệp in do áp dụng các điều 81 và các điều tiếp sau của bộ luật số 85-98 ngày 25-1-1985 kể trên, người mua chịu các nghĩa vụ của người nhượng quyền.
>
> "Nếu hoạt động của xí nghiệp đã ngừng từ hơn ba tháng hay khi sự thanh lí tư pháp đã được tuyên bố, tác giả có thể đòi huỷ bỏ hợp đồng.
>
> "Người thanh lí chỉ có thể tiến hành bán hạ giá các bản sách đã sản xuất và chỉ có thể giải quyết các bản sách đó trong những điều kiện dự

kiến ở các điều 155 và 156 của bộ luật ngay sau khi đã báo cho tác giả biết ý định của mình bằng thư bảo đảm với giấy báo đã nhận được.

"Tác giả được quyền ưu tiên mua tất cả hay một phần các bản sách. Không có sự đồng thuận thì giá mua lại đó sẽ được ấn định theo ý kiến của chuyên gia."

Trong trường hợp phá sản của chủ xuất bản và sự chuyển nhượng tiếp theo catalo của anh ta, tác giả vẫn có thể chống lại việc chuyển nhượng hợp đồng của mình, nếu ở đây nữa, tác giả chứng minh rằng việc đó thiệt hại nặng đến lợi ích của mình[1].

Cuối cùng cũng cần nêu lên rằng Toà đại phúc thẩm Paris đã chấp thuận cho một tác giả khi huỷ bỏ hợp đồng ngay cả khi hội chưa có được sự phục hồi tư pháp một cách chính thức; tuy nó đã ngừng mọi hoạt động từ hơn ba tháng và chưa nêu lí do[2].

Còn về những bản sách thì có thể được bán trong khuôn khổ một cuộc phá sản, như thường diễn ra trong trường hợp những chủ nợ bình thường tịch biên ngoài mọi thủ tục tập thể[3].

Tuy nhiên, theo văn bản của điều L.138-8, các tác giả cũng như những người làm công được cấp một đặc quyền đòi nợ đối với chủ xuất bản phá sản[4]. Đặc quyền này có thể được thực hiện cho ba năm cuối cùng nợ tiền công.

Còn về sự phục hồi tư pháp của chủ xuất bản, thì nó không kéo theo việc huỷ bỏ hợp đồng. Như vậy, chỉ "khi hoạt động của xí nghiệp đã ngừng từ hơn ba tháng hay khi việc thanh lí tư pháp được tuyên bố" thì tác giả sẽ có thể đòi huỷ bỏ hợp đồng xuất bản và hợp đồng chuyển nhượng các quyền cải biên nghe-nhìn.

Chấm dứt hợp đồng xuất bản

Hợp đồng xuất bản có thể kết thúc bằng nhiều cách.

Dĩ nhiên nó có thể được giải quyết hay bị huỷ bỏ, như được chỉ ra trong nhiều điều luật của CPI và các qui định đặc biệt của hợp đồng. Trong một số trường hợp, sự huỷ bỏ này sẽ là tự động vì các điều khoản đặc biệt trừng phạt các thủ đoạn của

---

[1] Xem "Việc chuyển nhượng hợp đồng xuất bản"

[2] Toà đại phúc thẩm Paris, 3-9-1997, Tạp chí quốc tế Quyền tác giả, tháng 1-1998, số CLXXIV, trang 255.

[3] Toà phá án, 25-3-1909 *trích dẫn bởi Plaisant trong Furis, Class tập 330, trang 25.*

[4] P. Frémond, "Đặc quyền hợp pháp của các tác giả và chủ sở hữu của họ", *Sách quyền tác giả*, số 6, 1988, trang 11.

chủ xuất bản hay của tác giả[1]. Các điều khoản huỷ bỏ đương nhiên đó có thể dự kiến rằng tất cả các hợp đồng về tác phẩm kí giữa chủ xuất bản với các bên thứ ba sẽ tiếp tục có hiệu lực. Trong tất cả các trường hợp khác, sự huỷ bỏ đó sẽ bị một trong các bên kiện ra toà. Chủ xuất bản không có khả năng tiến hành khai thác cuốn sách nữa, dù là để giải quyết số sách dự trữ sẵn có.

Tác giả cũng có thể rơi vào lĩnh vực công cộng. Hợp đồng lúc đó tự nó chấm dứt. Hợp đồng cũng có thể đã được kí kết với thời hạn được xác định. CPI xem xét khả năng này trong điều L. 132 -11 ở đoạn cuối:

> "Trong trường hợp hợp đồng có thời hạn nhất định, các quyền của người được chuyển nhượng đương nhiên chấm dứt khi hết thời hạn mà không cần đòi hỏi báo bằng thư bảo đảm. "Tuy nhiên sau sự chấm dứt này ba năm, chủ xuất bản có thể tiến hành bán ra với giá bình thường các bản sách còn lại trong kho, nếu tác giả không thích mua các bản sách đó với giá do các chuyên gia ấn định vì không có thoả thuận hoà giải, mà khả năng này được thừa nhận cho chủ xuất bản thứ nhất lại không cấm tác giả tiến hành một xuất bản mới trong thời hạn ba mươi tháng.

Người ta đã xét xử rằng nếu chủ xuất bản tiếp tục khai thác bất kể yêu cầu mua lại do tác giả đưa ra, thì toàn bộ tiền lãi phải trao cho tác giả[2].

Hợp đồng cũng chấm dứt, theo đoạn đầu của điều L.132 -17 của CPI, trong trường hợp huỷ toàn bộ kho dự trữ:

> "Hợp đồng xuất bản kết thúc, độc lập với các trường hợp được dự kiến ở luật chung hay ở các điều khoản trên, khi chủ xuất bản tiến hành phá huỷ toàn bộ các bản sách".

Ngày kì hạn của hợp đồng trong trường hợp này sẽ phải phù hợp với việc huỷ toàn bộ, tuy nhiên vẫn có thể chậm lại bằng một điều khoản đặc biệt[3]. Chủ xuất bản, tuy nhiên, không được mắc lừa: không thể có một sự tiếp tục thuê ngầm hợp đồng nào về mặt hợp đồng xuất bản khi nó đã đến hết hạn[4].

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 16-2-1912, *Báo của Toà án, 1912 , II, 13.*
[2] Toà phá án, 26-2-1919, *Sirey, 1920, I, 203.*
[3] Xem điều 12 Hợp đồng mẫu.
[4] Toà án thương mại Seine, 19-1-1921, *Báo của Toà án,* 1 và 2-VI-1921

IX

Hợp đồng tác giả chịu kinh phí khoán cho nhà xuất bản Hợp đồng chia phần kinh phí và tiền lãi

Hai loại hợp đồng đôi khi gần giống hợp đồng xuất bản: thiếu minh bạch trong thực hành, những lại khác rõ rệt về luật và ở ngoài các qui tắc mô tả ở chương trước. Đó là hợp đồng tác giả chịu kinh phí khoán cho nhà xuất bản và hợp đồng chia phần kinh phí và tiền lãi mà một số tổ chức đứng ra tố cáo gay gắt, đặc biệt là khi các chủ xuất bản định che giấu bản chất thật[1].

Hợp đồng tác giả chịu kinh phí khoán cho nhà xuất bản

Theo điều L.132 -2 của CPI:

Theo nghĩa của điều L.132 -1 thì hợp đồng gọi là tác giả chịu kinh phí khoán cho nhà xuất bản không phải là một hợp đồng xuất bản.

"Theo một hợp đồng như thế, tác giả hay những người có quyền của tác giả đóng cho chủ xuất bản một số tiền theo thoả thuận để giao cho chủ xuất bản sản xuất nhiều bản tác phẩm theo hình thức và các cách biểu hiện trong hợp đồng, và đảm bảo công bố và phát hành. "Hợp đồng này một việc thuê làm chi phối bằng giao ước, các thông lệ và các quy định của các điều 1787 và các điều tiếp theo của Bộ Luật dân sự".

Vậy là luật rất rõ ràng: hợp đồng xuất bản và hợp đồng tác giả chịu kinh phí không thể lẫn lộn[2]. Hợp đồng tác giả chịu kinh phí trong bất kì trường hợp nào cũng không phải là một sự chuyển nhượng các quyền mà chỉ là một việc thuê làm đơn giản, quan hệ giữa một người nhận làm (chủ xuất bản) và một chủ công trình (tác giả), sau đó tác giả vẫn là chủ sở hữu các bản sách in ra[3].

---

[1] Ví dụ Hội đồng các tác giả đấu tranh chống lại sự chiếm đoạt tiền vốn của xuất bản (Calere), mà Cose Calere đã kế tục.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 18-11-1966, *Biên niên sở hữu công nghiệp, nghệ thuật văn học,* 1967, 93, G. Bertaux, "tác giả chịu kinh phí và ... việc xuất bản", *Báo của Toà án,* 1984, I. Học thuyết, 55.

[3] Toà thượng thẩm Paris, 14-4-1977, *Báo của Toà án,* 1977, 2, 706. Toà thượng thẩm Paris, 15-6-1983, Dalloz, 1983, thông tin nhanh, 513, nhận xét Clande Colombet.

Việc nêu lên điều L.132-2 của CPI đủ để mang theo sự đánh giá hợp đồng tác giả chịu kinh phí trong trường hợp tác giả phản đối, thậm chí cả sự đánh giá lại hoàn toàn hợp đồng nhà xuất bản chịu kinh phí[1]. Nhiều vụ xét xử do Calere mở đầu, rồi đến Cose Calore[2] kế tục, đã chỉ trích mạnh mẽ các chủ xuất bản ít thận trọng tìm cách lừa gạt các tác giả đang tìm cách xuất bản, bằng cách đem lời hứa hẹn một hợp đồng do nhà xuất bản chịu kinh phí làm hoa mắt họ với những quảng cáo bịp bợm hay những hợp đồng lắt léo[3].

Chủ xuất bản, ngay cả khi tác giả chịu kinh phí vẫn phải có nghĩa vụ cố vấn. Người ta đã xét xử rằng chủ xuất bản phải chỉ cho tác giả cần phải gia công thêm cho bản thảo, bằng cách thêm vào một bản mục lục cần thiết[4] hay gợi ý kiên quyết phải chữa các lỗi chính tả[5].

Còn đối với các hợp đồng xuất bản giả định được đề ra với tiền thù lao tỷ lệ là 0%, thì chúng được xem như những hợp đồng tác giả chịu kinh phí trá hình và phải bị trừng phạt trước pháp luật[6].

Cuối cùng, chủ xuất bản của tác phẩm do tác giả chịu kinh phí có thể bị dính líu trách nhiệm của mình, đặc biệt trong trường hợp làm giả, ngay cả nếu anh ta vẫn có thể gọi tác giả ra để bảo đảm[7].

Hợp đồng chia phần kinh phí và tiền lãi

CIP cũng định nghĩa hợp đồng chia phần kinh phí và tiền lãi trong điều L. 132-3:

"Theo nghĩa của điều L. 132-1 thì hợp đồng gọi là chia phần kinh phí tiền lãi không phải là một hợp đồng xuất bản.

"Theo một hợp đồng như thế, tác giả hay những người có quyền của tác giả giao cho một chủ xuất bản sản xuất nhiều bản sách của tác phẩm với chi phí của mình bản sách của tác phẩm theo hình thức và các kiểu biểu hiện được xác định trong hợp đồng, và bảo đảm việc phát hành và công bố, với cam kết trong hợp đồng là chia các lợi nhuận và thua lỗ theo tỉ lệ được dự kiến.

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, 15-6-1983, *Tam cá nguyệt san luật thương mại*, 1984, 679 nhận xét Françon.
[2] Xem "Những địa chỉ có ích".
[3] Toà đại phúc thẩm Paris, Phòng thứ nhất, 24-5-2000, số RG 99/ 1042 (chưa in).
[4] Toà đại phúc thẩm Paris, 21-5-1980, *Báo của toà án*, 1981, I, Tóm tắt, 100.
[5] Toà thượng thẩm, 4-2-1988, Dalloz, 1989, Tóm tắt có bình luận, 49, nhận xét Claude Colombet.
[6] Xem "Tiền thù lao của tác giả".
[7] Toà thượng thẩm Paris, 18-11-1966, *Báo của Toà án*, 1967, I, 225.

"Hợp đồng này tạo ra một hội chia phần tham dự. Nó được chi phối theo các điều khoản dự kiến ở các điều 1871 và tiếp theo của Bộ Luật dân sự bằng giao ước và các thông lệ trong điều kiện những qui định dự kiến ở các điều 1871 và tiếp theo của Bộ Luật dân sự.

Việc xuất bản chia phần kinh phí và tiền lãi do đó về mặt pháp lí là một hội chia phần tham dự, một kiểu như hội phát sinh trong dịp đồng xuất bản[1]. Hội này không có tư cách tinh thần và mỗi hội viên bằng lòng đưa vào một phần đóng góp tiền nong, vật chất hay bằng lao động.

Với tư cách này, không đòi hỏi một hợp đồng bằng văn bản viết[2], ngay cả khi hợp đồng này được người ta khuyến khích nên làm trong mọi trường hợp giả thiết; chẳng qua nó chỉ có ưu điểm là chứng tỏ sự cam kết của từng người[3].

---

[1] Toà án dân sự Seine, 26 -6-1912, *Báo của Toà án*, 1912, 2, 267.Toà phá án, 25 -3- 1901, *Biên niên sở hữu công nghiệp văn học và nghệ thuật*, 1901, 228.

[2] Xem chương VIII " Hợp đồng xuất bản".

[3] Toà thượng thẩm Paris, 12-7-1984, chưa in, trích dẫn trong *Bộ Luật sở hữu trí tuệ. Dalloz, 2005, trang 147, ghi chú 8 dưới điều* L.132-2.

X

Hợp đồng về nghe-nhìn

Hợp đồng ký kết giữa tác giả và nhà xuất bản

Từ năm 1957, luật pháp đòi hỏi việc nhượng quyền cải biên tác phẩm sang loại hình nghe - nhìn phải có hợp đồng riêng ký kết giữa tác giả và người xuất bản, ngoài hợp đồng xuất bản chính. Không phải vì thế mà cơ quan lập pháp cho rằng cần thiết phải hạn chế tự do của các bên ký kết bằng những gò bó như đối với hợp đồng xuất bản. Chỉ có đoạn 3 và 4 thuộc điều khoản L.131-3 của CPI ghi:

> "Việc chuyển nhượng quyền cải biên tác phẩm sang loại hình nghe - nhìn phải có hợp đồng thành văn khác ngoài hợp đồng xuất bản tác phẩm in chính.
>
> "Người hưởng quyền chuyển nhượng cam kết trong bản hợp đồng đó là sẽ tìm cách khai thác quyền được chuyển nhượng theo thông lệ chuyên nghiệp và khi cải biên, sẽ trả cho tác giả số tiền tính theo tỷ lệ thu nhập".

Nhà lập pháp tách riêng việc chuyển thể sang loại hình nghe - nhìn với việc xuất bản là có ý làm cho tác giả có ý thức về tầm quan trọng đang tăng lên của quyền cải biên đó. Do đó cần làm hai bản hợp đồng riêng, và thoạt nhìn thì dường như hai hợp đồng không liên quan đến nhau: nếu một bản được ký kết hoặc bị huỷ thì bản kia vẫn không bị huỷ.

Nhà xuất bản phải "tìm cách khai thác". Điều đó không có nghĩa là cam kết tìm ra cách làm mà theo cách nói của các luật gia, đây là nghĩa vụ về phương tiện, ngược với nghĩa vụ về kết quả, buộc người xuất bản phải tìm ra người sản xuất[1].

Nhiều nguyên tắc nêu trong CPI và được xem xét trong chương nói về hợp đồng xuất bản vẫn có giá trị đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền cải biên sang loại hình nghe - nhìn: cấm chuyển nhượng toàn bộ các tác phẩm sau này (điều L.131-1 của CPI), cần nêu riêng các quyền đã được chuyển nhượng và phạm vi khai thác những quyền đó (tầm cỡ, mục đích, địa điểm và thời gian, điều L.131-3), *tiền nhuận bút* tính theo tỷ lệ (L.131-4), thiệt hại và điều bất ngờ (L.131-5), khả năng dự kiến các phương thức khai thác chưa ai biết (L.131-6), ưu đãi tác giả về thanh toán

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, ngày 18-4-1991. *Tạp chí quốc tế về quyền tác giả*, tháng 7 năm 1991, số CLXXI.

tiền (L.131-8)[1]. Sau khi có quyết định về mặt pháp lý xác định rõ cơ sở để tính nhuận bút tính theo tỷ lệ ghi trong hợp đồng xuất bản[2], nên thận trọng sao cho: hợp đồng chuyển nhượng quyền cải biên sang loại hình nghe - nhìn tuân theo pháp chế. Vì thế mà, cả ở đây nữa, tốt hơn là nên đề cập đến tỷ lệ phần trăm trên số tiền TTC coi như *trả nhuận bút* cho tác giả, dù phải giảm bớt tỷ lệ phần trăm đó.

Về cải biên sang loại hình nghe - nhìn, nhà xuất bản phải thận trọng, nhất là đừng xâm phạm đến quyền của tác giả về mặt tinh thần. Quyền tác giả đối với sự tôn trọng tác phẩm của mình dễ bị việc cải biên xâm phạm. Mọi điều khoản trong hợp đồng chuyển nhượng quyền cải biên sang loại hình nghe - nhìn, theo đó tác giả để cho người cải biên hoàn toàn tự do làm theo ý mình, đều là bất hợp pháp bởi vì nó tương đương với việc tác giả từ bỏ quyền tinh thần của mình[3].

---

[1] Về toàn bộ các điểm này, xem chương VIII "Hợp đồng xuất bản".
[2] Xem "Chế độ nhuận bút".
[3] Xem "Các quyền tinh thần".

Mẫu hợp đồng chuyển nhượng quyền cải biên sang loại hình nghe nhìn[1]

Giữa những người ký kết dưới đây:

- Họ tên
- Địa chỉ

Dưới đây gọi là "tác giả", một bên và nhà xuất bản *tên*

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký trong sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở hội
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người xuất bản",** bên kia

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU:

Điều 1- Phần đóng góp của tác giả

Tác giả chuyển nhượng với tư cách độc quyền cho **người xuất bản**, là người nhận cho bản thân và những người có quyền của người này, những quyền cải biên sang loại hình nghe - nhìn cuốn sách dưới đây gọi là "tác phẩm", theo những điều quy định dưới đây, bằng, tất cả các thứ tiếng và ở tất cả các nước.

Tên đặt tạm thời:

..... tên sách

là đối tượng của hợp đồng xuất bản ký với người xuất bản.

Điều 2- Thời gian chuyển nhượng

Sự chuyển nhượng này có hiệu lực ở mọi nơi, mọi nước, mọi thứ tiếng và trong suốt thời gian quyền sở hữu tác phẩm văn học của tác giả và những *người có quyền*, theo *nền pháp chế* nước Pháp cũng như các nước khác và theo các công ước quốc tế hiện nay hoặc sau này, kể cả những thời gian gia hạn có thể thêm vào thời gian trên.

---

[1] Cả ở đây nữa, các tỷ lệ phần trăm nói đến chỉ có tính chỉ dẫn. Do đó mà có thể sửa đổi với điều kiện chúng không bị giảm bớt và gây thiệt hại cho tác giả một cách có thể bị coi là lạm dụng. Xem ở trên.

Điều 3- Phạm vi chuyển nhượng

Tác giả dứt khoát chuyển nhượng cho nhà xuất bản mọi quyền cải biên toàn bộ hoặc một phần tác phẩm sang tác phẩm nghe - nhìn đủ mọi loại bao gồm hoạt hình nói hay câm, và toàn bộ các quyền sao chép và trình diễn liên quan đến những cải biên này.

Sự chuyển nhượng này bao gồm quyền khai thác trực tiếp hoặc, đáng kể là chuyển nhượng những quyền sau đây:

- Quyền chuyển toàn bộ hoặc từng phần tác phẩm sang tất cả các thứ tiếng để dùng cho điện ảnh, truyền hình và nói chung, bằng mọi phương thức khai thác các tác phẩm nghe - nhìn hiện có hoặc sẽ có;

- Quyền sao chép toàn bộ hoặc từng phần các tác phẩm cải biên này trên các phương tiện trung gian hiện có hoặc sẽ có, phim, băng từ, đĩa video, DVD, CDR, CD-I hoặc bằng mọi cách sao chép nghe - nhìn hiện có và sẽ có

- Quyền phổ biến các bản sao chép trên đây cho công chúng bằng mọi cách, bán, cho thuê, cho mượn hoặc bằng các cách thức thông tin cho công chúng hiện có hoặc sẽ có.

- Quyền trình diễn toàn bộ hoặc từng phần các tác phẩm chuyển thể này bằng mọi cách thức hiện có hoặc sẽ có và nhất là: mạng kỹ thuật số (đặc biệt là Internet, điện thoại cố định và di động), trình chiếu trước công chúng và truyền hình, bằng mọi cách hiện có hoặc sẽ có và nhất là qua cáp, sóng Hertz, vệ tinh, truyền hình kỹ thuật số và truyền tác phẩm truyền hình đến nơi công cộng hoặc tư nhân;

- Quyền khai thác riêng rẽ bằng cải biên, sao chép và trình diễn các phần của tác phẩm, và nhất là các nhân vật trong đó (đặc điểm hình thể, nét đặc sắc về tính cách, tên, v.v...) và tên tác phẩm, với điều kiện tôn trọng quyền tinh thần của tác giả.

Người xuất bản được nhượng các quyền nói trên sẽ tìm mọi phương tiện có thể của mình, vì lợi ích cao nhất của các bên ký kết và theo thông lệ chuyên môn, để khai thác các quyền đó một cách trực tiếp, hoặc giao phó cho một bên thứ ba, bằng hợp đồng và đặc biệt là giấy uỷ nhiệm về cải biên hoặc sản xuất nghe - nhìn, trách nhiệm khai thác những quyền đó dưới sự giám sát của mình. Chỉ riêng **người xuất bản** có quyền cho phép hoặc chuyển nhượng khi cần thiết với điều kiện thực thi quyền tinh thần của tác giả và quyền trích dẫn. Trong trường hợp **người xuất bản** cho là đúng lúc để tự mình khai thác một số quyền nói trên, thì người đó trả tác giả *tiền nhuận bút* theo tỷ lệ số tiền thu nhập, và theo thoả thuận chung giữa hai bên. Trường hợp có ý kiến bất đồng, hai bên sẽ nhờ đến sự phân xử của chuyên viên do hai bên cùng chỉ định để định ra mức *nhuận bút* theo thông lệ thương nghiệp và tình hình thị trường. Trường hợp **người xuất bản** chuyển nhượng hoặc trao những quyền nói trên cho những người thứ ba, thì người đó phải trả *tiền nhuận bút* dự kiến trong điều 5 hợp đồng này để bù cho những chuyển nhượng và việc cho phép đó.

Có sự thoả thuận là việc không khai thác một, nhiều hoặc toàn bộ các quyền chuyển nhượng không thể, trong bất kỳ trường hợp nào, là lý do để huỷ hợp đồng này, các quyền nói đến đã được chuyển nhượng hẳn, không thể lấy lại được, cho *người xuất bản*, để đổi lại *tiền nhuận bút* dự kiến trong điều 5 hợp đồng này.

Tác giả cam kết sẽ thông báo cho người xuất bản biết mọi yêu cầu mà người thứ ba đưa ra để mua quyền về mọi cải biên, sao chép hoặc trình diễn. Về phía mình, **người xuất bản** cam kết sẽ cho tác giả biết mọi việc chuyển nhượng mà người đó có thể sẽ đồng ý trong việc thực hiện điều này. **Người xuất bản** cũng sẽ thông báo cho **tác giả** về mọi việc thương lượng với những người thứ ba.

Trường hợp hợp đồng này bị huỷ vì bất kỳ lý do gì thì sự huỷ bỏ sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực của các việc chuyển nhượng hoặc cho phép đối với các quyền sao chép, cải biên và trình diễn đã thoả thuận trước giữa **người xuất bản** và những người thứ ba, và **tác giả** sẽ được thông báo theo đúng điều dự kiến trên đây.

Điều 4 - Những điều bảo đảm của tác giả

Tác giả bảo đảm việc **người xuất bản** được hưởng hoàn toàn và tự do các quyền đã chuyển nhượng mà sẽ không có sự vi phạm, yêu sách và gạt bỏ nào cả.

Tác giả tuyên bố dứt khoát quyền sử dụng của mình đối với các quyền chuyển nhượng ghi trong bản hợp đồng này, và tác phẩm của mình không có trong một hợp đồng chuyển nhượng quyền chuyển thể sang loại hình nghe - nhìn đang còn giá trị nào.

Điều 5- Nhuận bút

Trong trường hợp ký hợp đồng với người thứ ba, **người xuất bản** phải trả tác giả 50% tổng số tiền đã thu nhập về việc khai thác quyền cải biên sang loại hình nghe - nhìn.

Tuy nhiên, những số tiền phải trả theo hợp đồng này chỉ phải thanh toán sau khi hoàn trả cho tác giả một phần tiền theo qui định của hợp đồng xuất bản ký kết giữa hai bên ngày... (đề ngày) và liên quan đến cùng một tác phẩm.

Vì Luật về quyền sở hữu trí tuệ, trong các điều từ L-311-1 đến L 311-8, đã dự kiến tiền thù lao về việc sao chép tư nhân băng video hoặc trên phương tiện trung gian kỹ thuật số, các bên ký kết thoả thuận chia đôi số tiền thù lao, trong thời gian hợp đồng này có giá trị, vì thiệt hại chung mà họ phải chịu do việc sử dụng tư kỹ thuật sao chép các tác phẩm nghe - nhìn. **Người xuất bản** sẽ đại diện cho **tác giả** trong mọi cuộc thương lượng liên quan đến quyền hưởng *nhuận bút* về việc tư nhân sao chép, và sẽ trả cho tác giả tiền *nhuận bút* thoả thuận.

Điều 6 - Tính toán

Toàn bộ *tiền nhuận bút* phải trả cho **tác giả,** căn cứ vào điều 5 của bản hợp đồng này cũng như các khoản tiền phải trả theo điều 3 của hợp đồng sẽ ghi trong quyết toán hàng năm vào ngày 31 tháng 12. Trong vòng ba tháng sau ngày ra quyết toán, **người xuất bản** sẽ trao cho **tác giả** danh mục các chuyển nhượng và giấy cho phép có thể sẽ thoả thuận giữa **người xuất bản** và những người thứ ba.

Tuy nhiên phải nói rõ là **người xuất bản** chỉ thanh toán với **tác giả** những khoản tiền phải trả với tư cách là nhuận bút sau khi chính mình đã nhận được những khoản tiền của mình.

Điều 7 - Huỷ bỏ hợp đồng xuất bản

Việc huỷ bỏ hợp đồng xuất bản tác phẩm ký kết giữa **tác giả** và **người xuất bản** bằng con đường tư pháp hoặc một cách hợp pháp sẽ không hề kéo theo việc huỷ bỏ hợp đồng này. Chỉ có đoạn 2, điều 5 của hợp đồng này sẽ bị ảnh hưởng và bị coi như không có.

Điều 8 - Những người có quyền

Toàn bộ bản hợp đồng hiện có buộc những người thừa kế tác giả và những người có quyền trong chừng mực có thể phải uỷ nhiệm cho một người đại diện chung giao dịch với **người xuất bản**.

Điều 9 - Việc trao thẩm quyền và luật có thể thi hành

Khi xảy ra tranh chấp về cách hiểu hoặc thực hiện hợp đồng này, thì vận dụng luật pháp của nước Pháp và trao quyền xét xử rõ ràng cho các toà án có thẩm quyền của *địa điểm*.

Làm tại..... thành hai bản; Ngày.....

Tác giả Người xuất bản

Hợp đồng ký kết giữa người xuất bản và người sản xuất

Một khi đã thực thụ quyền cải biên sang loại hình nghe - nhìn, người xuất bản sẽ tuỳ tình hình, gặp người sản xuất tác phẩm cải biên để ký hợp đồng sản xuất tác phẩm nghe - nhìn. Hợp đồng này sẽ thay đổi nhiều theo việc cải biên đã dự định (phim truyền hình, bộ phim nhựa dài, v.v...) nhưng thường là có sự lựa chọn trước. Dưới đây là một mẫu lựa chọn và mẫu hợp đồng cải biên thành tác phẩm nghe - nhìn, trong trường hợp là bộ phim nhựa dài.

Sự phong phú của các kênh truyền hình mới và việc các kênh này khát khao chương trình mới, sự xuất hiện của các sản phẩm thông tin đa phương tiện, sự lành mạnh của điện ảnh Pháp thúc đẩy các nhà sản xuất hướng về các danh mục người xuất bản. Dù là cải biên tác phẩm văn học, sự biến cách của loại sách thực hành, tầm quan trọng của những khoản tiền trong kinh tế nghe-nhìn khác hẳn kinh tế sách - ở đó các ngân sách đặc biệt giảm - càng làm cho người xuất bản cần đề cao cảnh giác hơn khi thương lượng để ký hợp đồng với các nhà sản xuất.

Trước khi bước vào một cuộc thương lượng với người sản xuất, dĩ nhiên người xuất bản phải tin chắc là đã có được một cách hợp thức từ tác giả quyền cải biên sang loại hình nghe - nhìn theo phương thức khai thác đã dự kiến (phim truyền hình, video v.v...).

Hơn nữa, người xuất bản nên coi chừng những quyền đã được chuyển nhượng từ trước về cùng một cuốn sách. Nếu người đó nhận lại cuốn sách do đồng nghiệp chuyển cho thì nên biết chắc là trước đó chưa hề có ký kết độc quyền, dù chỉ là sự lựa chọn đơn giản. Khốn cho kẻ nào bán cho người sản xuất những quyền mà anh ta không còn có nữa. Vì mục đích này, có cuốn sổ công cộng về điện ảnh và nghe - nhìn (RPCA[1]) thuộc Trung tâm điện ảnh quốc gia[2] để tham khảo về tất cả các hợp đồng phim dài và nhiều tác phẩm nghe - nhìn khác.

Hợp đồng ký kết giữa người xuất bản và người sản xuất có thể thay đổi vì sự cải biên dự kiến (phim truyền hình, phim dài v.v...). Trước khi ký hợp đồng thường là có sự chọn lựa độc quyền phải trả tiền, mà thời hạn thường hay gia hạn được. Thời gian suy nghĩ này cho phép người sản xuất tìm kiếm tài trợ cần thiết để làm phim.

Hợp đồng thứ nhất này phải kèm theo những lời giải thích đầy đủ về những thể thức rõ ràng của hợp đồng sản xuất sẽ có hiệu lực khi việc chọn lựa đã xong.

---

[1] Mở <http://www.cnc.fr/R.PCAInternet> để xem về RPCA.
[2] Xem "Các địa chỉ cần".

Vấn đề này thường là không có ý kiến của các nhà văn phải thương lượng về việc nhượng những quyền chỉ liên quan đến một trong những phần của ngân sách trung bình cho mỗi phim dài trị giá nhiều triệu euro.

Trên thực tế số tiền cũng tuỳ thuộc loại sách (sách bán chạy nhất trên thế giới hoặc cuốn tiểu thuyết nằm trong bóng tối), phần mà những người *cải biên* và tác giả kịch bản giữ lại (cải biên trung thực hoặc mối liên hệ với một ý tưởng xuất phát đơn giản), tầm quan trọng của ngân sách và tính chất dự án (từ vài chục nghìn euros cho một phim tài liệu, đôi khi đến hơn một triệu euro cho những phim dàn cảnh lộng lẫy) v.v...

Các cấp xét xử chuyên nghiệp như SCELF (Hội quần chúng về xuất bản văn học Pháp), hội quản lý tập thể chủ yếu quản lý các quyền của những người xuất bản văn học khi chuyển thể sang loại hình nghe - nhìn, có thể hướng các hội viên một cách có ích. Việc đọc một vài tờ tạp chí chuyên ngành đôi khi có đăng kế hoạch tài trợ, hoặc việc hỏi ý kiến RPCA cũng giúp cho người xuất bản đang núng thế có được giải pháp đúng.

Người xuất bản sẽ phải thương lượng, một mặt về "tỷ lệ phần trăm thu nhập ròng của người sản xuất" (gọi đơn giản là RNPP) và mặt khác về sự bảo đảm tối thiểu trên tỷ lệ phần trăm đó. Tỷ lệ này được tính từ đồng euro thu nhập đầu tiên, nhưng tỷ suất sẽ thay đổi theo hợp đồng để tăng lên sau khi "giá thành phim giảm". RNPP và giá thành phim sẽ phải được xác định trong các phần phụ dài của hợp đồng.

Phần thu nhập ròng của người sản xuất nói chung "bằng toàn bộ thu nhập từ việc khai thác phim [...] đã trừ chi phí khai thác" được liệt kê một cách toàn diện: đặc biệt có cả "hoa hồng phân phối", "tiền quảng cáo phát hành khi bộ phim được trình chiếu lần đầu ở Paris", "tiền sao chép bộ phim và làm phim quảng cáo, và tiền bảo quản các phim này" v.v...

Phần thu nhập của bộ phim, mà người sản xuất rót lại cho người xuất bản, thường tăng lên rõ rệt khi "giá thành tiền bộ phim" giảm.

Giá thành này thường bằng tổng chi phí về chuẩn bị, quay và chi sau khi sản xuất. Sẽ có bảng kê chi tiết toàn bộ chi phí kèm theo hợp đồng ký giữa người sản xuất và người xuất bản. Chẳng hạn như nó sẽ bao gồm cả các khoản chi khác nhau như tiền lương của những người sản xuất, ngân sách cấp cho phần nhạc trong phim, quảng cáo làm trong quá trình sản xuất phim, lồng tiếng hoặc phụ đề, lệ phí xin dấu duyệt cho khai thác chiết khấu và phí hoa hồng có trong khuôn khổ tài trợ cho sản xuất hoặc các chi phí về "bản sao - tiêu chuẩn", "bản sao mẫu", "bản sao an toàn", "phim sao chụp dương bản và âm bản". Các chi phí chung thường được xác nhận trong đó, nhưng được quy định một cách dứt khoát và khoán bằng khoảng 7% các khoản chi phí.

Những việc khai thác đặc biệt mà người sản xuất có thể dự định, như việc nhượng quyền dựng lại, sẽ làm nảy sinh lợi nhuận cho người xuất bản theo những tỷ xuất khác với tỷ suất về khai thác thông thường.

Thường lệ người ta dự kiến người sản xuất sẽ uỷ quyền cho người xuất bản về các khoản thu nhập sau này do việc khai thác phim trên toàn thế giới, cho đến mức tỷ lệ phần trăm, ưu đãi và ưu tiên so với người sản xuất và tất cả mọi người khác. Theo sự uỷ quyền đó, và theo quy định của bộ Luật về công nghiệp điện ảnh, người sản xuất có thể trực tiếp thu của những người thứ ba những khoản tiền được uỷ nhiệm.

Vì thế việc công bố trong Sổ công cộng về điện ảnh và nghe - nhìn hợp đồng ký kết giữa người sản xuất và người xuất bản là điều cơ bản. Chỉ có sự công bố thường là do người sản xuất chịu trách nhiệm đó, mới có thể thực sự làm cho bản hợp đồng có thể chống lại những người thứ ba và buộc họ phải trực tiếp trả tiền phần trăm cho người xuất bản.

Người xuất bản nên thận trọng thương lượng với người sản xuất, căn cứ theo hợp đồng, về các quyền sử dụng hình ảnh trong bộ phim hoặc áp-phích giới thiệu phim với mục đích minh hoạ cho bìa ngoài của lần tái bản có thể có. Người đó cũng chú ý dành cho mình quyền sử dụng tên phim mới mà người sản xuất có thể dùng để thay tên của tác phẩm gốc. Lúc đó, người sản xuất phải bảo đảm cho người xuất bản quyền sử dụng mà không có yêu sách nào của các nhà nhiếp ảnh, người vẽ, diễn viên v.v...

Người xuất bản sẽ hạn chế quyền hạn của người sản xuất chuyển nhượng quyền xuất bản các tác phẩm in đã bán rút ra từ bộ phim, dù là chuyển kịch bản sang thể tiểu thuyết hoặc an-bum phong phú ảnh quay phim minh hoạ.

Vậy thì người xuất bản và người sản xuất sẽ ký một điều khoản theo mẫu sau đây: "Việc chuyển nhượng này không bao hàm quyền xuất bản tiểu thuyết... tên tác phẩm) quyền trình diễn trong tất cả các thể loại ngoài điện ảnh, và nhất là diễn kịch, xuất bản sách in, làm sản phẩm truyền thông đa phương tiện, trừ truyện ngắn có tranh minh hoạ phỏng theo phim, thể loại gọi là phim hoàn chỉnh nhưng không quá 8.000 từ".

Cuối cùng, người xuất bản đừng quên rằng tác giả cũng là bên nhận tiền cải biên sách của mình thành tác phẩm nghe - nhìn.

Dù cho về quyền hạn thuần tuý chỉ riêng người xuất bản có tư cách ký với người sản xuất nghe - nhìn, người xuất bản vẫn nên thông báo cho tác giả về các cuộc thương lượng. Thật ra bao giờ tác giả cũng có quyền tinh thần và đặc biệt là quyền về sự tôn trọng tác phẩm của mình, nhờ đó mà có thể phản đối công việc cải biên quá táo bạo. Do đó thường là nên dành quyền lợi tài chính cho tất cả các bên

ký kết bằng cách dự kiến trong hợp đồng sẽ ký với người sản xuất một lối ra cho tác giả là không cản trở việc quay phim. Chính vì thế mà thường xuyên có dự kiến là "trong trường hợp những sự sửa đổi, bổ sung hoặc huỷ bỏ không được tác giả tán thành, và tác giả có thể không cho người sản xuất, hoặc những người *có quyền*, cái quyền nêu tên M. (tên tác giả) và các nhà xuất bản (tên người xuất bản) trong quảng cáo và trong đoạn giới thiệu phim, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào, tác giả không thể cản trở bộ phim ra đời và việc khai thác phim".

Mặt khác, các điều khoản về việc nêu tên sách và tên người xuất bản trong đoạn giới thiệu phim và trên áp-phích phải được xem xét kỹ. Cần phải đặc biệt bàn về cỡ chữ trong tương quan với tên của những người tham gia (đạo diễn, người sản xuất v.v...). Đó là điều kiện để người xuất bản được lợi hoàn toàn về tác phẩm nghe - nhìn cải biên.

Hợp đồng lựa chọn về nhượng quyền cải biên một cuốn tiểu thuyết thành phim

Giữa những người ký tên dưới đây:

Nhà xuất bản *tên*
- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và số tiền vốn
- Số đăng ký trong Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người xuất bản"**, một bên và

Hãng sản xuất *Tên*
- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và số tiền vốn
- Số đăng ký trong Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người sản xuất"**, bên kia.

ĐÃ THOẢ THUẬN NHƯ SAU:

1- M (tên tác giả) là tác giả của tác phẩm (tên), dưới đây gọi là "tác phẩm", do (tên người xuất bản)... xuất bản. **Người xuất bản** bảo đảm nhượng các quyền quốc tế về cải biên và khai thác tác phẩm và với tư cách đó, hoàn toàn có quyền sử dụng các quyền ghi trong các bản thoả ước này.

2- Vì **người sản xuất** liên quan đến việc cải biên sang loại hình nghe - nhìn (điện ảnh hoặc truyền hình), **người xuất bản** đồng ý để cho **người sản xuất** độc quyền quyết định trong thời gian tính từ ngày ký các hợp đồng này, để được quyền cải biên và khai thác loại hình nghe - nhìn từ tác phẩm nói đến với điều kiện đóng một số tiền có thể trả khi ký kết.

Trường hợp coi như **người sản xuất** đã có được quyền trên, sẽ trừ số tiền này vào tiền trả dự kiến trong hợp đồng sản xuất nghe - nhìn kèm theo đây.

3- Nếu đến ngày (ngày tháng) mà **người sản xuất** không tuyên bố muốn thực sự thực hiện quyết định thì tất nhiên, **người xuất bản** sẽ lấy lại hoàn toàn, không cần làm thủ tục, số tiền đã trả về quyền quyết định đó và sẽ sở hữu hẳn.

Nếu muốn thực sự thực hiện quyền quyết định thì **người sản xuất** phải báo cho **người xuất bản** biết trước khi hết thời hạn bằng thư bảo đảm, và phải đồng thời thanh toán số tiền dự kiến vào kỳ hạn trả một phần tiền lần thứ nhất do hợp đồng sản xuất nghe - nhìn quy định. Hợp đồng này sẽ hoàn toàn có hiệu lực ngay vì đã được định rõ rằng quy ước mà các bên đã ký kết có mục đích duy nhất là ghi lại điều họ đã chấp nhận trong trường hợp thực hiện huỷ quyền quyết định.

4- **Người sản xuất** sẽ có quyền ký kết lại về quyền quyết định cho một thời hạn mới với điều kiện trả một số tiền.

- Người đó phải báo cho **người xuất bản** bằng thư bảo đảm biết và phải có ký nhận, kèm theo thanh toán dự kiến, mười lăm ngày trước khi quyền quyết định đầu tiên hết hạn. Số tiền thứ hai cũng được trừ vào tiền trả một phần ghi trong hợp đồng chuyển nhượng gửi kèm theo.

5- Nếu **người sản xuất** không thông báo quyết định của mình về việc thực hiện quyền quyết định trong thời gian thoả thuận thì quy ước này đương nhiên sẽ bị huỷ không cần lệnh hoặc thủ tục pháp lý. Lúc đó, **người xuất bản** thu hồi hoàn toàn quyền sở hữu mọi quyền về tác phẩm nói trên, số tiền mà người đó đã nhận về quyền quyết định này vẫn thuộc hẳn về người đó coi như tiền giải ước.

Người sản xuất Người xuất bản

Hợp đồng chuyển nhượng quyền cải biên tiểu thuyết sang phim

Ký kết giữa những người ký tên dưới đây:

Nhà xuất bản Tên

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký trong Sở thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người xuất bản"**, một bên và

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký trong Sở thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người sản xuất"**, bên kia

ĐIỀU TRÌNH BÀY TRƯỚC LÀ:

Ông... (tên tác giả) là tác giả của cuốn sách có tiêu đề (tên tác phẩm) dưới đây gọi là "tác phẩm", do... (tên người xuất bản) xuất bản.

Người xuất bản là chủ sở hữu duy nhất các quyền cải biên và khai thác tác phẩm về điện ảnh theo hợp đồng ngày.... chấp nhận để cho **người sản xuất** quyền quyết định việc chuyển nhượng quyền cải biên tác phẩm thành phim, hai bên thoả thuận đề ra những điều kiện chuyển nhượng những quyền trên bằng hợp đồng này.

THEO ĐÚNG HỢP ĐỒNG, CÓ SỰ THOẢ THUẬN SAU ĐÂY:

Ngày .... **Người sản xuất** quyết định thực hiện *quyền quyết định* do **người xuất bản** đã trao bằng việc ký kết ngày ... về chuyển nhượng quyền chuyển thể và khai thác tác phẩm về điện ảnh, với điều kiện trả một khoản tiền.... (ghi số tiền) kể cả thuế VAT.

Điều 1 - Mục tiêu của hợp đồng

Người xuất bản nhượng cho **người sản xuất** độc quyền thực hiện và khai thác trên toàn thế giới, trong thời gian hợp pháp có hiệu lực kể từ ngày ký hợp đồng bằng mọi phương

tiện điện ảnh đã biết hoặc cho đến nay chưa biết, một bộ phim có thể có phụ đề và lồng tiếng bằng mọi thứ tiếng dựa theo tác phẩm của... (tên tác giả), cho đến nay không có sự cam kết nào về việc chuyển nhượng quyền chuyển thể và khai thác về điện ảnh.

Điều 2- Các quyền được chuyển nhượng

Với điều kiện thi hành đầy đủ các quy ước ghi trong hợp đồng này và thanh toán đầy đủ các khoản tiền đã ghi, **người sản xuất** trở thành người nhận toàn bộ các quyền tác giả mà **người xuất bản** đang giữ về cuốn tiểu thuyết.... (tiêu đề), đó là quyền sao chép, trình diễn và các quyền phụ về sử dụng phim, như nêu lên dưới đây.

Nói chung, sự chuyển nhượng này có mục đích trao cho **người sản xuất** tất cả các quyền tác giả về điện ảnh được pháp luật quốc tế hiện nay hoặc sau này bảo hộ, và đặc biệt là thông qua tất cả các hợp đồng xuất bản và trình chiếu phim có ích cho việc khai thác phim.

Việc chuyển nhượng này không bao gồm quyền xuất bản tiểu thuyết... (tên tiểu thuyết), quyền trình diễn trong các thể loại khác ngoài điện ảnh và đặc biệt là biểu diễn trên sân khấu, xuất bản sách in, trừ truyện kể minh hoạ dựa theo phim, thể loại gọi là phim hoàn chỉnh, nhưng không quá 8.000 từ.

Phần tiền gộp lại cho các tác giả và đồng tác giả từ SACD và/hoặc các hội của Pháp và của nước ngoài được phân chia như sau: ... (tỷ lệ phần trăm).

Điều đã được thoả thuận là theo các hợp đồng này **người xuất bản** chỉ nhượng cho **người sản xuất** các quyền mà **người xuất bản** có, nghĩa là tuỳ theo khả năng và giới hạn quyền sở hữu nghệ thuật và văn học về tác phẩm nói đến, mà luật pháp và pháp chế của mỗi nước cam đoan và bảo đảm cho người xuất bản.

Quyền sao chép bao gồm đáng kể:

- Quyền ghi lại hoặc cho ghi lại bằng cách sử dụng mọi tương quan tỷ lệ về khuôn hình, các hình ảnh trắng đen và màu, các âm thanh gốc và lồng tiếng, các chú thích hoặc phụ đề, cũng như các ảnh cố định thể hiện các cảnh trong phim;

- Quyền sao lại hoặc cho sao lại với số lượng mà **người sản xuất** hoặc những người có quyền muốn có, tất cả bộ phim gốc, phim lồng tiếng và / hoặc bản sao để chiếu trước công chúng hoặc chiếu riêng và để phát thanh và truyền hình;

- Quyền dịch hoặc đưa dịch ra tiếng Pháp bộ phim chính cũng như dịch phim lồng tiếng và / hoặc có phụ đề ra mọi thứ tiếng.

Quyền trình chiếu bao gồm đáng kể:

- Quyền chiếu hoặc cho chiếu phim trước công chúng trên toàn thế giới, phim lồng tiếng và / hoặc có phụ đề, trong tất cả các rạp chiếu bóng thu tiền hoặc miễn phí, bởi mọi tổ chức truyền hình, bằng mọi phương tiện nghe nhìn đã biết hoặc cho đến nay chưa biết.

Quyền sử dụng phụ bộ phim bao gồm đáng kể:

- Quyền chiếu hoặc công bố tất cả các đoạn trích hoặc các bản chuyển biên dành riêng cho việc quảng cáo phim;

- Quyền khai thác phim qua mạng phát thanh và truyền hình qua trung gian mọi cơ quan được *người sản xuất* cho phép, và với điều kiện người đó báo trước và tự chịu trách nhiệm, cho các đài phát thanh và truyền hình biết rằng nghĩa vụ của họ đối với người đó không miễn cho họ nghĩa vụ đối với SACD hoặc SCRM, hoặc mọi hội tác giả gắn với các cơ quan truyền thanh và truyền hình theo quy ước chung;

- Quyền sử dụng phim cho tư nhân;

- Quyền khai thác phim bằng mọi cách thức cho đến nay chưa ai biết;

- Quyền độc chiếm cho phép sao lại và công bố toàn bộ hoặc từng đoạn phim, cũng như ảnh và mọi thành phần âm thanh và nói của bộ phim để khai thác bằng các cách thức của điện ảnh, nghe - nhìn, và mọi cách thức khác, nhất là đĩa và hoạ hình.

- Quyền dựng lại, tức là quyền thực hiện và khai thác một phim điện ảnh sau cuốn phim là đối tượng của hợp đồng này và dùng lại toàn bộ hoặc từng phần các chủ đề, tình huống, nhân vật v.v...

- Quyền *sequel*[1] tức là quyền sao lại, trình chiếu và cải biên toàn bộ hoặc từng phần cuốn phim là đối tượng của hợp đồng này, để dựng thành tác phẩm nghe - nhìn tiếp theo bộ phim, và do đó dùng lại một số thành phần (tiêu đề, chủ đề, kịch bản, lời thoại, nhân vật, phối cảnh, tình huống v.v...);

- Quyền *prequel*[2], tức là quyền sao lại, chiếu và cải biên phim toàn bộ hoặc từng phần cuốn phim là đối tượng của hợp đồng này để dựng thành tác phẩm nghe - nhìn có trước phim, và do đó dùng lại một số thành phần (tiêu đề, chủ đề, kịch bản, lời thoại, nhân vật, phối cảnh, tình huống...);

- Quyền *spin-off*[3], tức là quyền sản xuất, thực hiện và khai thác một tác phẩm nghe - nhìn mà cốt truyện không nhất thiết liên quan trực tiếp đến bộ phim được ký hợp đồng nhưng dùng lại một hoặc nhiều nhân vật để đưa vào một câu chuyện và những tình huống hoàn toàn độc đáo;

- **Người sản xuất** sẽ giữ lại các quyền sequel, prequel và spin-off và các quyền về điện ảnh trong trường hợp nhượng lại quyền tác giả cho một hãng sản xuất để làm phim truyền hình.

Do đó **người sản xuất** có được tư cách là người có quyền để thực thi những quyền do **người xuất bản** chuyển nhượng và **người sản xuất** sẽ sử dụng quyền đó tuỳ thích, nhất là quyền chấp nhận các hợp đồng xuất bản và chiếu phim có ích cho việc khai thác phim.

---

[1] Sequel: Phần hậu (sau): phần diễn biến *tiếp sau* diễn biến của phim chính.
[2] Prequel: phần tiền (trước): phần diễn biến *có trước* diễn biến của phim chính.
[3] Spin-off: *"sản phẩm phụ"* – bộ phim làm thêm khai thác từ những yếu tố chính của phim chính.

Điều 3 - Thời gian

Theo hợp đồng này, nhưng với điều kiện nêu ở đoạn 1 của điều 2 trong bản hợp đồng này, người sản xuất trở thành người sở hữu mọi quyền tác giả nói chung, cần cho việc sản xuất và khai thác phim, như nêu ở điều 2 trên đây, trong thời gian hợp pháp có hiệu lực tính từ ngày ký hợp đồng, nghĩa là trong suốt thời gian sở hữu quyền văn học và nghệ thuật của tác giả và của những người có quyền, theo pháp luật của Pháp và các nước và theo quy ước quốc tế hiện nay hoặc sau này, kể cả thời gian kéo dài có thể có.

Có điều xác định rõ là trong trường hợp **người sản xuất** không thực hiện bộ phim được ký kết hợp đồng trong vòng bốn năm tính từ ngày ký thì **người xuất bản** sẽ thu hồi đầy đủ và toàn bộ quyền sở hữu mọi quyền mà không cần có thủ tục và điều kiện nào cả.

Trong trường hợp này, **người sản xuất** giữ lại các khoản tiền đã nhận như là tiền bồi thường. **Người sản xuất** sẽ không mắc nợ về các khoản tiền đến hạn phải thanh toán đã nêu khi chuẩn bị và quay phim.

Điều 4- Sửa đổi

Người sản xuất có quyền sửa đổi cuốn tiểu thuyết nếu thấy là cần thiết cho việc chuyển sang thể loại phim ảnh.

Trong trường hợp những điều sửa đổi, bổ sung hoặc loại bỏ không được tác giả chấp nhận thì tác giả có thể không cho người sản xuất hoặc những người có quyền ghi tên.... (tên tác giả) và nhà xuất bản ... (tên người xuất bản) trong quảng cáo và trong đoạn giới thiệu phim, trong bất kỳ trường hợp nào cũng không được cản trở bộ phim ra đời và việc khai thác phim.

Điều 5 - Quảng cáo

Người sản xuất cam kết trong đoạn phim giới thiệu và trên các tờ áp-phích cỡ lớn có ghi: ... (lời cần ghi) bằng chữ cỡ 1/3 tầm quan trọng của chữ viết tên đạo diễn.

Người sản xuất cam kết sẽ áp đặt những điều khoản quảng cáo này cho tất cả các hãng phân phối hoặc xuất bản phim nhưng không phải chịu trách nhiệm nếu họ có thiếu sót.

Người xuất bản được phép hành động ngay từ bây giờ đối với những người có quyền.

Điều 6 - Nhuận bút

Để bù cho việc chuyển nhượng quyền cải biên sang điện ảnh, như nói trên, **người xuất bản** sẽ nhận được của **người sản xuất**:

Theo Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ, ... % (ghi rõ con số) + thuế VAT trên khoản thu nhập ròng của **người sản xuất** về việc khai thác phim trên toàn thế giới, và tính ngay từ đồng euro thu nhập đầu tiên (xem định nghĩa trong phụ lục A).

Tuy nhiên, **người sản xuất** sẽ trả cho **người xuất bản** số tiền bảo hành tối thiểu tính theo tỷ lệ phần trăm quy định trên đây.

A/ Trong trường hợp việc sản xuất một bộ phim truyền hình hoặc phim nhựa mà ngân sách dưới .... (ghi số tiền) thì tiền bảo hành sẽ là... (ghi rõ).

Nhớ rằng **người sản xuất** đã trả **người xuất bản**... (ghi số tiền) về quyền quyết định thoả thuận ngày ... (ghi ngày tháng), số tiền chênh lệch nêu trong đoạn trên sẽ được thanh toán như sau:

- ... (số tiền) kể cả thuế VAT trả khi ký kết;

- ... (số tiền) kể cả thuế VAT trả khi dựng phim, và chậm nhất là (số) ... tháng sau ngày ký;

- ... (số tiền) kể cả thuế VAT trả, trong khi chuẩn bị làm phim, làm hai kỳ ... (số tiền) vào tuần chuẩn bị thứ ba và thứ sáu;

- ... (số tiền) kể cả thuế VAT trả vào ngày quay phim đầu tiên.

B/ Trong trường hợp sản xuất phim nhựa mà ngân sách vượt quá ... (ghi số tiền) thì nên tăng khoản tiền bảo hành tối thiểu nêu trên đây ở mục A là ... (số tiền).

Người sản xuất sẽ được hoàn lại tiền ứng trước nêu ở các mục A và B trên khoản tiền mà **người xuất bản** được hưởng theo tỷ lệ phần trăm nói trên. Tiền tạm ứng này sẽ không sinh lãi. **Người sản xuất** sẽ đền bù đến mức hoàn lại toàn bộ tiền về tất cả các sản phẩm khai thác.

Số tiền tạm ứng được quy định là tiền bảo đảm tối thiểu để nếu như tổng số tiền mà **người sản xuất** được hưởng ít hơn số tiền tạm ứng thì **người sản xuất** không thể cầu viện **người xuất bản** chịu số tiền chênh lệch.

C/ Hơn nữa, sau khi khấu hao giá phải trả về bộ phim như nêu trong phụ lục B, nên trả thêm tiền thù lao cho **người xuất bản** trong hai trường hợp sau đây:

1/ Phim làm cho truyền hình bị vi phạm khi ra mắt trong các rạp chiếu phim, hoặc phim nhựa mà ngân sách dưới... (ghi số tiền):

- Tỷ lệ phần trăm về thu nhập ròng của **người sản xuất** cho đến khi thanh toán khoản tiền phụ ... (số tiền);

- Tỷ lệ % về thu nhập ròng của **người sản xuất** ngoài số tiền ... không hạn định;

2/ Phim nhựa mà ngân sách trên ... (ghi số tiền):

- Tỷ lệ % trên thu nhập ròng của **người sản xuất** cho đến khi thanh toán khoản tiền phụ là (số tiền) ...;

- Tỷ lệ % trên thu nhập ròng của **người sản xuất** ngoài số tiền ... không hạn định.

Dĩ nhiên trong trường hợp làm phim truyền hình và chỉ khai thác trong phạm vi truyền hình thì không phải trả thêm tiền bảo đảm tối thiểu.

D/ Trong trường hợp chuyển nhượng các quyền dựng cảnh, sequel, prequel hoặc spin-off, **người xuất bản** sẽ nhận 20% tiền bán các quyền nói trên.

Vì vậy **người sản xuất** tuyên bố dứt khoát như đã nói ở trên rằng các quyền chấp thuận cho **người xuất bản** về các tỷ lệ phần trăm nói trên, không bị bởi bất kỳ một đặc quyền đầu tiên nào lấn át, và không được trao cho những người thứ ba nào đấy giấy cầm cố, giấy uỷ quyền, chuyển nhượng v.v.., có thể gây trở ngại cho các đặc quyền theo các hợp đồng này.

Người sản xuất uỷ nhiệm ngay từ bây giờ cho **người xuất bản** - điều mà người đó chấp nhận - người đó nhận, trong khuôn khổ các điều quy định trong Bộ Luật công nghiệp điện ảnh, những thu nhập từ việc khai thác trọn vẹn và không hạn chế trên toàn thế giới, cho đến tỷ lệ phần trăm chi trong những điều kiện kể trên, dành ưu đãi và ưu tiên so với **người sản xuất** và tất cả những người khác.

Căn cứ theo sự uỷ nhiệm đó, và theo quy định của Bộ Luật công nghiệp điện ảnh, **người xuất bản** sẽ nhận trực tiếp cho riêng mình các khoản thu nhập được uỷ nhiệm, chỉ cần có biên lai của tất cả những người phải trả tiền và những người liên quan.

Người sản xuất sẽ ghi sổ kế toán về sản xuất và khai thác và sổ đó thuộc quyền sử dụng của **người xuất bản**. Trong năm đầu phải gửi báo cáo về kế toán sáu tháng một lần, kèm theo chứng từ, và có thể là các tấm séc liên quan. Phải gửi báo cáo về kế toán mỗi năm một lần, kể từ đầu năm thứ hai.

Ngay từ bây giờ, **người sản xuất** công nhận **người xuất bản** và người được người đó uỷ nhiệm có quyền kiểm tra sổ sách kế toán nói trên vào bất kỳ lúc nào.

Điều 7- Thiếu sót trong việc trả nhuận bút

Nếu đến ngày hẹn mà tiền nhuận bút thiếu một khoản vì bất kỳ lý do nào và khi có giấy đòi gửi bảo đảm có ký nhận, mà không có tác dụng trong vòng tám ngày thì tất cả những hợp đồng này đương nhiên bị huỷ bỏ, nếu **người xuất bản** muốn, mà không cần đến thủ tục về pháp lý và người này trở lại là chủ sở hữu mọi quyền tác giả do những hợp đồng này chuyển nhượng mà không cần thủ tục và điều kiện nào, tất cả những khoản tiền mà **người sản xuất** đã thanh toán cho **người xuất bản** vẫn không rút lại, và tất cả các khoản tiền ghi trong các bản quy ước này đều được đòi thanh toán ngay vì bản thoả thuận này vẫn tiếp tục có hiệu lực về điểm này.

Điều 8 - Sổ điện ảnh và nghe-nhìn công cộng

Để đáp ứng những đòi hỏi của Sắc lệnh số 55-661 ngày 20-5-1955, **người sản xuất** chính thức cam kết sẽ ghi điều huỷ bỏ dự kiến vào các hợp đồng này, đồng thời sẽ đăng ký bộ phim vào Sổ điện ảnh và nghe-nhìn.

Điều 9 - Chi phí

Chi phí về tem và đăng ký, kể cả tiền phạt mà việc thu đã sản sinh ra những văn bản này, sẽ do bên gây ra những chi phí đó chi trả.

Điều 10 - Việc huỷ bỏ

Nếu một trong những điều quy định trong các hợp đồng này không được thực hiện, trừ các điều về việc **người sản xuất** cam kết về tài chính, mà điều 8 trên đây đã phê chuẩn việc không thực hiện, sau khi lệnh gửi bằng thư bảo đảm có ký nhận, không có hiệu quả trong vòng tám ngày sau khi gửi, thì các điều quy định này đương nhiên sẽ bị huỷ bỏ, và nếu như bên kia muốn, thì bên có thiếu sót phải nhận lỗi, chịu thiệt hại, và chịu mọi khoản bồi thường và lãi.

Để thấy tác dụng của điều khoản này, và để hiểu những khó khăn cho việc giải thích và vận dụng điều khoản, các bên nên thoả thuận dứt khoát trao quyền tạm xét xử cho chủ tịch toà thượng thẩm ở (địa danh).

Điều 11 - Việc người xuất bản sử dụng ảnh, áp-phích và tên phim

(Số lượng) ảnh chọn lựa và áp-phích về phim sẽ do **người sản xuất** trao cho **người xuất bản** không tính tiền, để in trên bìa tác phẩm. **Người xuất bản** cũng có thể tự do khai thác tiêu đề mà người sản xuất đặt cho bộ phim. **Người sản xuất** bảo đảm cho **người xuất bản** không gặp rắc rối và sẽ không có yêu sách nào về điều khoản này.

Điều 12- Phụ lục

Phụ lục A và B là bộ phận của hợp đồng này.

Điều 13- Chuyển nhượng hợp đồng

Người sản xuất dành cho mình quyền hạn chuyển nhượng các khoản lợi, quyền và nghĩa vụ do các hợp đồng này quy định cho các hội mà không phải trả khoản bồi thường nào cho **người xuất bản**, và **người sản xuất** có trách nhiệm gửi thư bảo đảm báo trước cho **người xuất bản** ngay hôm chuyển nhượng.

Tuy nhiên, nếu **người sản xuất** hoặc người mới hưởng quyền tiếp sau, bán lại những quyền có được bằng hợp đồng này, cho một pháp nhân tinh thần hoặc người thực lấy số tiền nhiều hơn số tiền ghi trong hợp đồng này thì số tiền dôi ra sẽ được chia đôi cho **người sản xuất** và **người xuất bản**.

Điều 14- Việc trao quyền hạn và luật có thể vận dụng

Do nhu cầu, các bên thoả thuận vận dụng luật của Pháp và trao thẩm quyền cho cấp toà án của (địa danh). Tuy nhiên, theo đề nghị của bên tự cho là mình bị hại, các bên có thể thoả thuận nhờ cậy trọng tài.

Điều 15- Sự lựa chọn nơi ở

Nơi ở lựa chọn là địa chỉ ghi ở đầu các hợp đồng này.

Người xuất bản Người sản xuất

Làm tại ... ngày ... thành (số lượng) ... bản cần thiết

Phụ lục A của hợp đồng ngày...
về việc chuyển thể cuốn ... (tên sách)
sang tác phẩm nghe nhìn

Phần thu nhập ròng của người sản xuất bằng toàn bộ các khoản thu nhập có từ việc khai thác phim, kể cả phim ngắn mọi khổ, bằng mọi thứ tiếng, với mọi tư cách, bằng mọi phương tiện, kể cả truyền hình và mọi phương tiện phổ biến hiện có hoặc sẽ có, ở Pháp và ở nước ngoài, đã khấu trừ các phí tổn khai thác dưới đây.

Do đó phần thu nhập này là:

a) Đối với nước Pháp

Thu nhập về phân phối có khấu trừ:

- Phần dành cho phim ngắn mà giá cả hoặc tỷ lệ phần trăm sẽ tuỳ theo giá hoặc tỷ lệ phần trăm đang thông dụng trong nghề, và với điều kiện phim không do người sản xuất cung cấp; nếu là như vậy thì thu nhập sẽ là thu nhập của toàn bộ chương trình;

- Tiền hoa hồng về phân phối tính theo tỷ lệ do người phân phối vẫn áp dụng;

- Tiền quảng cáo để phát hành khi bộ phim ra mắt lần đầu riêng ở Paris;

- Tiền sao phim, quảng cáo và bảo quản và tiền thuế VAT về các bản sao trong trường hợp sẽ không thu hồi được số tiền đó;

- Tiền thuế đánh vào doanh thu do người sản xuất chịu, tính theo thu nhập phân phối về bộ phim lớn hoặc có thể về toàn bộ chương trình;

- Tiền người sản xuất đóng góp cho Trung tâm điện ảnh về việc khai thác phim trên các lãnh thổ nói đến.

Trong trường hợp người phân phối trả số tiền bảo đảm tối thiểu, phần ròng của người sản xuất sẽ bằng số tiền bảo đảm tối thiểu đã bổ sung, nếu có như thế, bằng các khoản thu nhập phụ của người sản xuất được quy định trong những điều kiện trình bày trên đây.

b) Đối với nước ngoài

Các khoản tiền mà người sản xuất thu của người mua hoặc người phân phối ở nước ngoài về việc khai thác phim dưới mọi hình thức, bằng mọi thứ tiếng, bằng mọi cách thức đã biết hoặc cho đến nay chưa biết, có khấu trừ:

- Tiền hoa hồng về bán dành cho người xuất khẩu và tỷ lệ sẽ được thương lượng theo cách tốt nhất cho quyền lợi chung của các bên;

- Các khoản tiền đóng góp cho Trung tâm điện ảnh quốc gia về các khoản thu nhập nói đến, trừ vào tiền hoa hồng qui định trên đây;

- Tỷ lệ phần trăm thuộc về SACEM với tư cách các nước không theo quy chế.

Trường hợp phân phối tỷ lệ phần trăm ra nước ngoài, sẽ có thoả thuận chung về tiền hoa hồng cho người phân phối và các thể thức do hợp đồng qui định.

Ở đây nói rõ là nếu bộ phim được Pháp và nước ngoài cùng sản xuất thì số tiền của người nước ngoài cùng sản xuất sẽ được coi là thu nhập khoán đối với toàn bộ các nước đã chuyển nhượng cho người đó, hoặc các tỷ lệ phần trăm thu nhập về phim mà người đó được hưởng theo các hợp đồng về đồng sản xuất, người sản xuất nước ngoài vẫn là chủ sở hữu các quyền khai thác ở các nước dành riêng cho mình.

C/ Về việc khai thác cho truyền hình và khai thác các quyền phi thương mại.

Các khoản tiền mà người sản xuất thu đã trừ tiền hoa hồng môi giới có thể phải trả, cũng như các khoản thuế hoặc đóng góp có thể đòi hỏi ở người sản xuất trên các khoản thu nhập nói đến.

Tất cả các khoản thu nhập về phim đều sử dụng vào việc tài trợ để khấu trừ phí tổn ngân hàng.

Phụ lục B của hợp đồng (ngày) về việc chuyển thể sang loại hình nghe - nhìn cuốn (tên sách)

Giá thành bộ phim được qui định như sau:

Chi phí sản xuất bằng tổng chi phí (ngoài thuế) về chuẩn bị, quay và sau sản xuất cho đến khi có bản sao chuẩn và các yếu tố an toàn và khai thác phim giới thiệu (quảng cáo).

- Tiền lương những người sản xuất được uỷ nhiệm và cộng tác;
- Phí tổn về sản xuất và mua nhạc cho phim;
- Quảng cáo trong quá trình sản xuất
- Phí tổn lồng tiếng và / hoặc phụ đề nếu có;
- Chi phí có thể có về đăng ký các hợp đồng đồng sản xuất;
- Chi phí vào Sổ điện ảnh công cộng tất cả các hợp đồng;
- Chi phí về đăng ký bảo hành việc hoàn thành tốt tại một công ty bảo hiểm chuyên trách;
- Lệ phí xin dấu để khai thác;
- Chi phí ngân hàng trong khuôn khổ tài trợ cho sản xuất;
- Các phí tổn về sao chép chuẩn, sao chép mẫu, sao chép an toàn, phim sao chụp dương bản và âm bản của phim theo bản tiếng Pháp và tiếng nước ngoài, do người sản xuất chịu;
- Các khoản chi phí chung giới hạn ở mức 7% các phí tổn;
- Các khoản thuế có thể đòi, khi bộ phim ra mắt, TVA không thu hồi được, và mọi thứ thuế khác do người sản xuất chịu.

XI
Hợp đồng dịch

Vì bản dịch tự nó là một tác phẩm được bảo hộ bằng quyền tác giả nên dường như, về lý thuyết, hợp đồng dịch phải đáp ứng những yêu cầu như đối với hợp đồng xuất bản một tác phẩm gốc. Tuy nhiên, trên thực tế điều này không được biết đến và khá nhiều hợp đồng không có những đòi hỏi như vậy[1] đã được ký kết. Mẫu hợp đồng dưới đây có tính đến *Bộ luật* về quyền sử dụng do SNE và các tổ chức đại diện cho dịch giả[2] cùng soạn thảo.

Dù quy chế dịch giả thật sự như thế nào thì cũng không có sự bắt buộc về tiền thù lao trả theo tỷ lệ có lợi cho người dịch: CPI đưa bản dịch lên hàng những ngoại lệ của nguyên tắc trả thù lao theo tỷ lệ[3]. Vả lại, cần nhắc rằng không thể có một sự sửa đổi nào nếu người dịch không đồng ý, và như vậy là theo quyền về sự tôn trọng[4] tác phẩm.

---

[1] E. Janvier "Các tác giả đã nói? Tình hình dịch giả văn học ở Pháp", Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 1-1981, số CVII, tr 3.

[2] Xem "*Bộ luật* về quyền sử dụng" ở cuối tác phẩm.

[3] Xem "*Nhuận bút* cho tác giả".

[4] Toà thượng thẩm Paris, ngày 8-12-1988, Dalloz, 1990, Các bản tóm tắt có bình luận, tr.1953, nhận xét của Claude Colombet. Xem "Các bản dịch".

Hợp đồng dịch

Giữa những người ký:

- Họ tên
- Địa chỉ

Dưới đây gọi là **"người dịch"** một bên, và

Nhà xuất bản *Tên*

- Tên gọi xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký vào Sổ thương mại và các hội
- Trụ sở hội
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người xuất bản"**, bên kia.

ĐÃ CÓ SỰ THOẢ THUẬN SAU ĐÂY:

Điều 1- Phần đóng góp của người dịch

Người xuất bản trao cho **người dịch**, người, theo văn bản của những quy định sau đây, nhận nhiệm vụ đích thân dịch sang tiếng Pháp tác phẩm của (tên tác giả) viết bằng tiếng (ngôn ngữ) tựa đề gốc là:

(Tên sách)

Vì vậy **người dịch** nhượng cho **người xuất bản**, người đã nhận cho người đó và những người có quyền độc quyền chuyên khai thác những quyền tài sản của **người dịch** về bản dịch, trong những điều kiện nêu sau đây, dưới mọi hình thức và ở mọi nước. Bản dịch tiếng Pháp được giao và nhượng trong hợp đồng này gọi là "bản dịch".

Điều 2- Thời gian chuyển nhượng

Sự chuyển nhượng này được phép có hiệu lực ở mọi nơi, mọi nước và trong suốt thời gian kéo dài quyền sở hữu văn học của người dịch và những người có quyền, theo pháp chế Pháp và nước ngoài và các quy ước quốc tế hiện nay hoặc sau này, kể cả thời gian gia hạn có thể có, thêm vào thời gian đó.

Điều 3- Phạm vi chuyển nhượng

Ngoài quyền xuất bản, **người dịch** còn nhượng hẳn cho **người xuất bản** mọi quyền tài sản về cải biên, sao chép và trình diễn liên quan đến bản dịch.

Hợp đồng này bao gồm quyền của **người xuất bản** giải quyết đặc biệt việc chuyển nhượng các quyền sao chép và trình diễn sau đây.

- Quyền sao chép lại bản dịch dưới mọi hình thức xuất bản thông thường, sang (với số lượng in hạn chế hoặc không), sang vừa, có minh họa, bình dân, đóng bìa hoặc không, bỏ túi (còn gọi là phát hành rộng rãi), câu lạc bộ, chữ to, nhà trường phê bình hoặc trong hợp tuyển;

- Quyền đăng lại toàn bộ hoặc một phần bản dịch trước hoặc sau khi in thành sách, trên báo hàng ngày và các xuất bản phẩm định kỳ thành từng hồi đoạn hay từng tập cải biên và đăng lại thành các tập bài tóm tắt hoặc bản tóm tắt;

- Quyền cải biên bản dịch và đăng dưới dạng vẽ hoặc ảnh và đặc biệt là dưới dạng truyện tranh hoặc tiểu thuyết ảnh;

- Quyền cải biên bản dịch thành bản ghi âm, rồi sao lại và sao cả những bản cải biên đã làm, bằng mọi cách thức về nghe hoặc nhìn, từ tính, analogique hoặc kỹ thuật số, và đặc biệt là đĩa vinila, CD, đĩa kỹ thuật số và băng từ;

- Quyền chuyển bản dịch sang thể loại sân khấu (kịch, nhạc kịch) hoặc múa, truyền thanh và âm nhạc, và sao lại các bản chuyển thể đó dưới mọi hình thức và bằng mọi phương tiện;

- Quyền sao bản dịch bằng photocopy, cạc nhỏ, phiếu nhỏ hoặc vi phim bằng mọi cách thức tương tự khác đang có hoặc sẽ có, dù là điện tử, từ tính, analogique hoặc kỹ thuật số;

- Quyền sao lại bản dịch và cải biên dưới hình thức xuất bản điện tử, đặc biệt là CDR, CD-I và DVD, dùng mạng kỹ thuật số (nhất là Internet, điện thoại di động và cố định) hoặc mọi cách thức tương tự đang có hoặc sẽ có;

- Quyền sao lại bản dịch và cải biên sang điện ảnh, truyền hình, băng video, đĩa video hoặc mọi cách thức nghe - nhìn tương tự đang có hoặc sẽ có;

- Quyền sao lại toàn bộ hoặc từng phần bản dịch và các thành phần của nó (tiêu đề, tên nhân vật, văn bản, v.v...) dưới dạng quần áo, đồ mỹ nghệ, văn phòng phẩm, và dưới mọi dạng khác đang có hoặc sẽ có;

- Quyền cho đọc bản dịch trước công chúng;

- Quyền truyền đạt cho công chúng bản dịch hoặc các cải biên của nó qua mạng kỹ thuật số, chiếu phim, truyền hình, sân khấu, múa hoặc nhạc, nhạc kịch, hoặc bằng mọi cách thức truyền lời nói, âm thanh và hình ảnh đang có hoặc sẽ có;

- Quyền tự thu hoặc cho thu tiền nhuận bút ở tất cả các nước khi toàn bộ hoặc từng phần tác phẩm cải biên của mình được sao chép hoặc in sao; quyền này bao gồm tất cả các loại in sao chiếu theo điều 1.122-10 Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ, dù việc công bố bản dịch bao hàm việc chuyển nhượng cho một hội điều hành tập thể đã được chấp thuận, hoặc việc khai thác tiến hành trong những điều kiện ghi trong đoạn 3, điều L.122-10 nêu trên đây.

- Quyền tự thu nhận hoặc cho thu nhận ở tất cả các nước các quyền được hưởng khi cho mượn hoặc cho thuê các bản dịch đã in và các sản phẩm chuyển thể từ bản dịch phương tiện trung gian dự kiến trong điều khoản này.

Các điều khoản từ L.311-11 đến 311-8 của Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ quy định tiền nhuận bút về việc sao chép tư nhân các tác phẩm ghi đĩa hoặc trên mọi phương tiện trung gian kỹ thuật số; các bên thoả thuận chia đôi tiền nhuận bút trong thời hạn bản hợp đồng này có hiệu lực. **Người xuất bản** sẽ đại diện cho **người dịch** trong mọi cuộc thương lượng về quyền hưởng nhuận bút trên bản sao của tư nhân, và sẽ trả cho người này nhuận bút theo thỏa thuận.

Người xuất bản nhận các quyền nêu trên đây sẽ dùng hết mọi cách tốt nhất cho quyền lợi của các bên để khai thác các quyền đó một cách trực tiếp hoặc giao cho những người thứ ba thực hiện dưới sự kiểm soát của mình. Chỉ riêng **người xuất bản** có quyền cho phép và chuyển nhượng khi cần thiết với điều kiện thực hiện quyền tinh thần của người dịch và quyền trích dẫn. Trường hợp **người xuất bản** thấy nên tự mình khai thác một số quyền kể trên, trừ các trường hợp khai thác trực tiếp ghi trong điều 14 của hợp đồng này, **người xuất bản** sẽ trả cho **người dịch** tiền nhuận bút theo thỏa thuận của hai bên; nếu như có ý kiến bất đồng thì hai bên nhờ cậy sự trọng tài của một chuyên gia mà họ cùng chỉ định và người đó có nhiệm vụ định tiền nhuận bút theo thông lệ thương mại và tình hình thị trường. Trường hợp **người xuất bản** đồng ý chuyển nhượng quyền hoặc cho phép những người thứ ba được sử dụng những quyền kể trên, thì người đó sẽ phải trả tỷ lệ phần trăm về các khoản tiền thu nhập để bù vào việc chuyển nhượng hoặc cho phép đó.

Có điều thoả thuận là việc không khai thác một hoặc nhiều trong các quyền đã chuyển nhượng không thể, trong bất kỳ trường hợp nào là lý do để huỷ bỏ hợp đồng này vì những quyền đó đã được nhượng hẳn cho **người xuất bản** để bù vào tiền nhuận bút ghi trong điều 14 của hợp đồng này.

Người dịch cam kết sẽ thông báo cho **người xuất bản** biết tất cả những yêu cầu của người thứ ba về việc mua các quyền về bản dịch cho mọi việc cải biên, sao lại hoặc trình diễn. Về phần mình, **người xuất bản** cam kết báo cho **người dịch** biết về mọi sự chuyển nhượng mà mình có thể chấp nhận trong việc thi hành điều này.

Nếu như hợp đồng này bị huỷ bỏ dù vì động cơ nào đó, thì việc huỷ bỏ không ảnh hưởng đến hiệu lực của việc chuyển nhượng hoặc cho phép đối với các quyền sao chép, cải biên và trình diễn mà trước đây **người xuất bản** đã đồng ý trao cho những người thứ ba, và người dịch đã được thông báo theo điều ghi trên đây.

Điều 4- Sự bảo đảm của người dịch

Người dịch bảo đảm với **người xuất bản** là bản thảo của mình không có gì vay mượn của một bản dịch tiếng Pháp khác, sự vay mượn này có thể buộc **người xuất bản** phải có trách nhiệm, sự bảo đảm này là điều kiện cần thiết và quyết định của hợp đồng.

Điều 5- Giao và nhận bản dịch viết tay

Người dịch cam kết sẽ giao cho **người xuất bản** chậm nhất là vào ngày (ngày tháng) bản dịch viết tay trọn vẹn cuối cùng, nghĩa là đã xem lại và sẵn sàng để in, hoàn toàn dễ đọc, chỉ đánh máy một mặt, có chú thích và lời báo nếu cần. Do đó, việc đánh máy lại toàn bộ hoặc từng phần bản viết tay, khi cần thiết, sẽ do **người dịch** chịu trách nhiệm.

Miêu tả các phần thêm vào bản dịch (lời tựa, chú thích dị bản v.v...)

Người dịch cam kết nộp bản dịch để **người xuất bản** chấp nhận, và người này có thể từ chối vì lý do chất lượng. Nếu bản dịch đó không đáp ứng những đặc tính nêu trên đây (về trình bày và chất lượng), **người xuất bản** có thể yêu cầu **người dịch** xem lại, có những chỉnh lý có ích trong tháng nhận bản thảo và nếu cần tiến hành biên tập lại. Nếu **người xuất bản** không chấp nhận bản dịch hoặc nhận với điều kiện phải xem lại, chỉnh lý hoặc biên tập lại, thì phải gửi thư bảo đảm báo cho **người dịch** biết và có ký nhận trong vòng một tháng nộp bản dịch.

Nếu **người dịch** chấp nhận hoặc từ chối xem lại, chỉnh lý hoặc tự biên tập lại bản dịch thì phải báo cho **người xuất bản** biết quyết định của mình bằng thư bảo đảm có ký nhận trong vòng một tháng sau khi có yêu cầu trên.

Nếu **người dịch** chấp nhận tự mình xem lại, chỉnh lý hoặc biên tập lại thì sẽ có sự thỏa thuận chung với **người xuất bản** về thời hạn nộp lại bản thảo đã chữa. Công việc xem lại, sửa chữa hoặc biên tập lại không có **tiền nhuận bút thêm.**

Nếu **người dịch** từ chối việc xem lại, chỉnh lý hoặc biên tập lại thì **người xuất bản** có thể tự mình làm việc đó hoặc giao cho người thứ ba làm. **Người xuất bản** và người thứ ba sẽ làm hợp đồng về việc này. Khi đó tiền nhuận bút dự kiến trong các điều 3 và 4 của hợp đồng này sẽ được chia giữa **người dịch** và người thứ ba theo tỷ lệ phần tham gia vào bản dịch đã được xem lại và được chấp nhận.

Ngược lại, trường hợp cần có chỉnh lý quan trọng hoặc biên tập lại vì những lý do khác ngoài chất lượng dịch thì phải bồi thường cho người dịch một khoản tiền do người đó và **người xuất bản** thoả thuận. Nếu người dịch không tự làm việc đó thì **người xuất bản** có thể tự làm hoặc giao cho người thứ ba; **người dịch** sẽ nhận tiền nhuận bút ghi trong các điều 3 và 4 của hợp đồng này mà không bị trừ tiền.

Bản thảo viết tay và các tài liệu để in sách giao cho **người xuất bản** vẫn thuộc quyền sở hữu của người đó. **Người dịch** tuyên bố giữ bản sao cho mình và miễn cho **người xuất bản** mọi trách nhiệm nếu bản viết tay đã nộp bị mất, bị lấy cắp hoặc bị huỷ.

Điều 6- Các bản in thử và những việc sửa chữa

Người xuất bản cam kết sẽ đưa cho **người dịch** các bản in thử tác phẩm.

Về phía mình, **người dịch** cam kết sẽ đọc, chữa các bản in thử và gửi trả lại **người xuất bản** kèm theo phiếu đồng ý cho in và các bảng, bảng tra ở cuối sách nếu có, trong vòng tối đa là mười ngày sau khi nhận. Qua thời hạn này thì **người xuất bản** có thể giao

bản in thử cho người sửa bản in do mình chọn và sau đó cho in. Sự sửa chữa do **người dịch** yêu cầu về chỗ mình đã xong việc, ký phiếu "cho in" hoặc "cho khắc" sẽ do người đó thanh toán. **Người dịch** cũng có thể làm việc sửa chữa (bản in thử) gọi là sửa chữa của **người dịch**. Nếu những chỗ sửa chữa đó vượt quá 10% tiền sắp chữ thì **người dịch** phải chịu và sẽ trừ số tiền đó vào tiền nhuận bút trả cho người đó theo điều 14 hợp đồng này.

Điều 7- Những đặc quyền của người xuất bản

Những điều sau đây sẽ do một mình **người xuất bản** quyết định có tính đến quyền lợi chung của các bên, dĩ nhiên là **người dịch** tuyên bố rõ ràng là có biết các hình thức sách thông thường mà **người xuất bản** đã xuất bản:

- Cỡ, trình bày và bìa;

- Giá bán: giá bán các bản in do **người xuất bản** chọn lúc đầu có thể thay đổi do người đó tuỳ tình huống tinh tế, và lúc đó **người xuất bản** phải báo cho **người dịch** biết mọi sự thay đổi về giá cả.

- Ngày bán, có sự thoả thuận rằng ngày đó không thể, trong bất kỳ trường hợp nào, quá ngày nhận bản viết tay đầy đủ mười tám tháng, trừ trường hợp bất khả kháng. Quá hạn này, hợp đồng sẽ đương nhiên bị huỷ nếu **người xuất bản** không xuất bản tác phẩm trong vòng sáu tháng theo một lời cam kết bằng thư bảo đảm có biên nhận của **người dịch** và các khoản tiền đã ứng trước cho người đó tính vào tiền nhuận bút sẽ dứt khoát thuộc về người đó như tiền đền bù;

- Xuất bản dưới hình thức khác với hình thức thông thường;

- Chuyển nhượng các quyền nêu trong điều 3 bản hợp đồng này;

- Thảo và phổ biến một lời đề nghị đăng và thông thường hơn, mọi quảng cáo bằng mọi phương tiện trung gian.

- **Người xuất bản** sẽ báo cho **người dịch** biết toàn bộ các quyết định nói trên. Những bài giới thiệu và bài in trên bìa sách sẽ được gửi cho **người dịch** theo yêu cầu của người đó. Theo yêu cầu của **người dịch,** người xuất bản cũng sẽ gửi cho người đó bản sao chụp những lời khai về nộp lưu chiểu.

Người xuất bản cho in tên hoặc bút danh hoặc dấu hiệu mà **người dịch** chọn trên các bản in.

Điều 8- Số lượng in

Số lượng in trong lần xuất bản đầu tiên tối thiểu là ... cuốn.

Người xuất bản tự quyết định những lần in lại tùy theo khả năng thương mại. Người đó sẽ báo cho **người dịch** biết trong vòng tối đa là một tháng về mỗi lần in lại.

Điều 9- Số cuốn sách dành cho người dịch

Người dịch *được sử dụng miễn phí (số) cuốn trong lần xuất bản thường đầu tiên,* dùng cho bản thân, chứ không để bán. Nếu cần thêm, người dịch phải trả... (%) giá bán ra ngoài. Những cuốn này không được nhường lại hoặc bán ra ngoài.

Điều 10- Trường hợp bị huỷ, bị hư hại hoặc bị mất sách

Người xuất bản không phải chịu trách nhiệm nếu xảy ra cháy, lụt hoặc mọi chuyện đột xuất hoặc bất khả kháng làm cho toàn bộ hoặc một phần số sách để trong kho bị huỷ, hư hại hoặc mất mát. Người dịch không được đòi quyền hoặc đền bù về những cuốn sách đó. Tuy nhiên, nếu toàn bộ sách để trong kho không bán được thì người xuất bản phải in lại trong vòng một năm. Khi hết hạn một năm, nếu **người xuất bản** không cho in lại thì người dịch có quyền gửi thư bảo đảm có ký nhận, buộc **người xuất bản** phải thực hiện lời cam kết, cho in lại trong vòng sáu tháng, trừ trường hợp đặc biệt phải kéo dài thời hạn đó. Nếu hết hạn này mà người xuất bản không cho in lại tác phẩm thì hợp đồng sẽ bị huỷ một cách đương nhiên và các khoản tiền đã trả trước cho người dịch sẽ là tiền đền bù.

Mọi sự chuyển nhượng hoặc cho phép sao lại, chuyển thể hoặc trình diễn mà **người xuất bản** thoả thuận với người thứ ba căn cứ vào điều 3 của hợp đồng này, trước khi xảy ra việc huỷ hoại hoặc mất mát, thì **người dịch** có quyền phản đối.

Điều 11- Bán hạ giá và hủy

Hai năm sau khi bán sách, nếu **người xuất bản** xét thấy số sách dự trữ nhiều hơn số lượng cần thiết để đáp ứng nhu cầu thông thường của người mua thì, bất kỳ lúc nào, **người xuất bản** có thể giải quyết số sách dư thừa bằng cách huỷ bỏ hoặc bán hạ theo giá có thể được. Không vì thế mà phải huỷ hợp đồng này. Nếu hủy hoặc bán hạ giá những cuốn sách còn mới thì **người xuất bản** phải báo cho người dịch biết trước một tháng bằng thư bảo đảm có ký nhận.

Nếu bán dưới 25% giá bán ra ngoài không kể thuế VAT thì tiền bán hạ giá sẽ thuộc về **người xuất bản.** Ngược lại, **người dịch** sẽ có quyền nhận tiền tính theo tỷ lệ tối thiểu ghi trong điều 14 hợp đồng này, trên số tiền bán cho người buôn sách hạ giá.

Người xuất bản sẽ trao cho **người dịch** giấy chứng nhận việc huỷ sách hoặc bán, ghi rõ số lượng hủy hoặc bán hạ giá.

Bất kỳ lúc nào người xuất bản có quyền cho hủy những cuốn sách tồi hoặc cũ kỹ, mà không cần phải báo cho người dịch, chỉ với điều kiện có chứng từ.

Nếu thanh toán toàn bộ sách trong kho bằng cách huỷ hay bán hạ giá thì **người xuất bản** phải báo cho **người dịch** của mình bằng thư bảo đảm có ký nhận trước một tháng.

Nếu thanh lý toàn bộ sách trong kho thì **người xuất bản** phải giao chứng từ cho **người dịch**.

Nếu trong vòng một năm sau khi thanh lý toàn bộ sách trong kho mà **người xuất bản** không cho in lại thì **người dịch** có quyền gửi thư bảo đảm có ký nhận đòi **người xuất bản** phải thực hiện lời cam kết cho in lại trong thời hạn sáu tháng, trừ tình huống đặc biệt có lý do phải gia hạn. Trường hợp tác phẩm không được in lại trong vòng sáu tháng thì hợp đồng này sẽ đương nhiên bị hủy. **Người dịch** có quyền phản đối việc **người xuất bản** đã chuyển nhượng cho người thứ ba theo điều 3 hợp đồng này trước khi thanh lý.

Người xuất bản giao chứng từ về việc huỷ hoặc bán sách cho người dịch.

Điều 12- Từ bỏ việc xuất bản

Do bản dịch được coi là một tác phẩm phái sinh từ bản gốc, **người xuất bản** có thể tự thấy bắt buộc phải bỏ việc xuất bản và phải thông báo cho **người dịch** bằng thư bảo đảm có ký nhận. Khi đó **người dịch** sẽ giữ lại tiền tạm ứng đã nhận coi như tiền đền bù.

Người xuất bản có thể nhường hợp đồng dịch này cho một người xuất bản khác do mình chọn, và sẽ báo cho dịch giả biết bằng thư bảo đảm có ký nhận.

Điều 13- Sự tước quyền khai thác

Ngoài các trường hợp nêu trong điều 10 và 11 của hợp đồng này, trường hợp nêu trong điều 12 bản hợp đồng này, **người xuất bản** sẽ mất quyền khai thác các quyền tài sản của **người dịch**, mà người đó được nhượng theo hợp đồng này, trong hai trường hợp sau đây:

- Trường hợp không xuất bản trong vòng mười tám tháng kể từ khi nhận bản dịch viết tay đầy đủ, trừ trường hợp bất khả kháng cần thêm thời hạn. Nếu thiếu sót của **người xuất bản** không có lý do chính đáng thì đương nhiên hợp đồng này sẽ bị huỷ bỏ. Ngoài ra, **người dịch** sẽ giữ các khoản tiền tạm ứng đã nhận, coi như tiền bồi thường dứt khoát không kể khoản bồi thường khác.

- Trường hợp **người xuất bản** không bảo đảm sẽ cho tác phẩm được khai thác thường xuyên liên tục. Giả thuyết này được coi là đúng nếu tất cả các lần xuất bản trước sách đã bán hết, và nếu sau khi **người dịch** ghi nhận và yêu cầu phải thực hiện điều cam kết bằng thư bảo đảm có ký nhận, mà **người xuất bản** để quá hạn một năm không in lại. Theo giả thuyết này thì hợp đồng đương nhiên bị huỷ bỏ. **Người dịch** có thể phản đối việc chuyển nhượng của **người xuất bản** cho những người thứ ba, theo điều 3 của hợp đồng này, trước khi **người dịch** đòi phải thực hiện điều cam kết về khai thác thường xuyên và liên tục. **Người xuất bản** sẽ không phải trả tiền đền bù cho **người dịch.**

Điều 14- Nhuận bút của dịch giả

Về giá cả chuyển nhượng việc xuất bản đã thoả thuận trên đây, **người dịch** sẽ nhận những quyền sau đây tính theo giá bán sách ra ngoài:

- Tỷ lệ phần trăm trên những cuốn sách đóng ghim trong lần xuất bản thường; hoặc nhuận bút khoán;

- Các lần xuất bản khác do **người xuất bản** trực tiếp dự tính việc khai thác.

Mọi việc khai thác tác phẩm do người không phải là **người xuất bản** tiến hành đều phải trả nhuận bút cho **người dịch** theo những qui định trong điều 3 của hợp đồng này.

Mặt khác, Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ dự kiến tiền thù lao về kỹ thuật sao chép, trong thời gian hợp đồng này có hiệu lực, các bên thoả thuận rõ về việc chia đôi tiền thù lao đó vì việc sử dụng tư nhân kỹ thuật sao chép gây thiệt hại chung. **Người xuất bản** sẽ đại diện cho **người dịch** trong các cuộc thương lượng về quyền hưởng nhuận bút về việc sao chép tư nhân và sẽ trả cho **người dịch** tiền thù lao theo thoả thuận.

Điều 15- Cơ sở tính tiền nhuận bút trả cho người dịch

Tiền nhuận bút quy định trong điều 14 hợp đồng này chỉ dành cho những cuốn sách đem bán, chứ không thể dành cho:

- Những cuốn của người dịch nêu trong điều 9 hợp đồng này;

- Những cuốn phân phát miễn phí hoặc giảm giá (50% giá bán hoặc ít hơn) vì lợi ích của việc chiêu hàng: báo chí, mà số lượng không dưới số biếu các nhân vật quan trọng;

- Những cuốn nộp lưu chiểu hoặc gửi làm bằng;

- Những cuốn bị hủy;

- Những cuốn bị hư hại, mất mát nêu trong điều 10 của bản hợp đồng này.

Những người bán sách được quyền trả lại những cuốn phân cho họ, những món tiền về bán loại sách không bị trả lại sẽ được nhập vào tài khoản của người dịch trong thời hạn mười tám tháng sau khi sách được xuất bản, hoặc sau khi số sách lại được phân cho những người bán sách về sau này.

Điều 16- Sự tính toán

Toàn bộ tiền nhuận bút trả cho người dịch theo điều 14 hợp đồng này và các khoản phải trả theo điều 3 hợp đồng này sẽ đưa vào bản quyết toán hàng năm làm ngày 31 tháng 12. Trong ba tháng tính từ ngày làm quyết toán, **người xuất bản** sẽ giao cho **người dịch** bản tính toán cùng với bản kê số lượng sách tồn kho, trong đó ghi cả số lượng mà **người xuất bản** đã bán, số sách không dùng được và lấy lại và từ *chu trình thương mại* và số sách hư hỏng hoặc mất mát như đã nêu trong điều 10 của hợp đồng này.

Tiền chênh lệch sẽ trả cho người dịch từ ngày 1 tháng 4 sau. Tuy nhiên, nếu tác phẩm đã được xuất bản dưới sáu tháng trước thì **người xuất bản** không phải gửi bản tính toán và bản kê số lượng sách cho người dịch. Nhưng, đối với một tác phẩm xuất bản giữa ngày 1-7 và 31-12, phải có bản quyết toán đặc biệt thứ nhất làm vào ngày 30-6 năm sau.

Điều 17- Những người có quyền

Toàn bộ hợp đồng này buộc những người thừa kế và những người có quyền của **người dịch** cử đại diện giao dịch với **người xuất bản,** nếu có thể được, bằng người được uỷ nhiệm chung.

Điều 18- Việc giao thẩm quyền và luật có thể vận dụng

Luật pháp của Pháp được thi hành và quyền xét xử được trao cho các toà án có thẩm quyền ở (địa danh) để xử tranh chấp về việc hiểu và thực hiện hợp đồng này.

Làm tại... thành hai bản, ngày...

Người dịch Người xuất bản

Điều không bắt buộc

Điều ... (số) - Tiền tạm ứng...

Theo điều 14 của hợp đồng này, người xuất bản sẽ tạm ứng... cho một trang 1.500 chữ đánh máy, tính vào các khoản tiền phải trả cho **người dịch**.

Cái gọi là tiền tạm ứng sẽ ghi vào bên nợ trong tài khoản của **người dịch**. Tuy nhiên cũng cần nói rõ là tiền tạm ứng đó là sự bảo đảm tối thiểu cho người dịch. Do đó, số tiền này dứt khoát thuộc về người dịch trừ phi người đó không nộp bản dịch viết tay dưới hình thức và trong thời hạn quy định trong điều 5 hợp đồng này.

XII
Hợp đồng chủ nhiệm sưu tập

Quy chế pháp lý về Chủ nhiệm và sưu tập của người đó[1]

Không có định nghĩa pháp lý các chủ nhiệm sưu tập về chủ nhiệm sưu tập, mặc dù phần lớn các nhà xuất bản nhờ cậy họ. Quy chế pháp lý về họ ngày nay là kết quả của chuỗi phản ứng và biến đổi phức tạp, trong đó thực tiễn chuyên môn nổi trội - nó đã thảo ra những hợp đồng mẫu riêng - và pháp chế xuất phát từ các bộ phận chuyên trách về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật cũng như từ toà án của các vụ kiện về bảo hiểm xã hội.

Chức năng của chủ nhiệm sưu tập không ghi trong quy ước tập thể của quốc gia về xuất bản. Danh pháp chính thức chỉ ghi "chủ nhiệm biên tập" hoặc "chủ nhiệm văn học".

Trong cuốn *Chuyên luận thực hành về xuất bản chính,* Philippe Schuwer cũng ít phân biệt giữa chủ nhiệm văn học và chủ nhiệm sưu tập: "Về một vở kịch hay một cuốn tiểu thuyết, người ta thường hay ưu đãi nhân vật chính, bỏ qua các nhân vật phụ là những người chịu đựng, lấn át hoặc tác động đến nhân vật chính. Có thể so sánh với chủ nhiệm văn học, người giữ vai trò độc giả quan trọng thứ nhất, người đương đầu với các tác giả và quyết định số phận tác phẩm của họ [...]. Hãy chú ý đến việc chúng ta đã phác ra những chức năng của chủ nhiệm văn học làm việc tại một nhà xuất bản, nhưng có khá nhiều người chịu trách nhiệm về sưu tập hoạt động bên ngoài. Những trường hợp này tương ứng với sự lựa chọn nhân sự, nhất là giảng viên đại học, cán bộ nghiên cứu, nhà báo, đối với họ việc viết lách và chủ nhiệm sưu tập thường là nghề thứ hai[2]".

Nhưng CPI cũng không gợi lên sự tồn tại của các chủ nhiệm sưu tập. Chỉ có một vài tài liệu rải rác chẳng hạn như của Hội điều hành bảo hiểm xã hội cho tác giả (AGESSA)[3] một pháp chế rời rạc và những thông lệ của việc xuất bản đã định ra khuôn khổ pháp lý rất nặng về kinh nghiệm về chủ nhiệm sưu tập.

Hai điểm nhạy cảm vẫn còn là tính chất của chủ nhiệm sưu tập và sự công nhận quyền sở hữu trí tuệ của người đó.

---

[1] *Emmanuel Pierrat "Quy chế pháp lý về giám đốc tập thể".*
[2] Philippe Schuwer "Chuyên luận thực hành về xuất bản", xuất bản lần thứ 3, Nhà xuất bản Trung tâm Thư quán 2002.
[3] Xem "Địa chỉ có ích".

AGESSA nhận trả nhuận bút cho một số chủ nhiệm sưu tập theo quyền tác giả. Đó là trường hợp các giám đốc có thể được coi là đồng tác giả do trình độ trí tuệ tham gia sáng tác tác phẩm và có quyền ký hợp đồng xuất bản".

Vả lại trong năm 1996 toà án về các vụ kiện về bảo hiểm xã hội đã nhiều lần nhận định rằng chủ nhiệm sưu tập có thể được coi như tác giả nếu có nhiệm vụ nghiên cứu các tác phẩm về chủ đề của bộ sưu tập, thương lượng để ký hợp đồng cho nhà xuất bản, đặt những bài chưa từng xuất bản, có khả năng viết lời nói đầu, kiểm tra các bản viết tay và giám sát việc hiệu chỉnh các bản đó, cũng như việc phát hành, quảng cáo các tác phẩm trong bộ sưu tập[1].

Ngược lại, cũng cấp toà án đó đã chuyển một số chủ nhiệm sưu tập[2] sang những nghiệp vụ và phương thức thù lao (lương hoặc nhuận bút) khác. Những tiêu chuẩn cổ điển về quyền lao động nhằm xác định xem có mối liên hệ phụ thuộc hay không, sẽ mang tính quyết định. Đối với Toà phá án, việc thực thi nhiệm vụ bên ngoài trụ sở nhà xuất bản cho phép không coi chủ nhiệm sưu tập là người làm công ăn lương[3]. Tiền nhuận bút theo tỷ lệ hoặc khoán cũng được xem xét. Tiền khoán, lại trả hàng tháng, làm cho chủ nhiệm sưu tập được coi như người ăn lương của hội xuất bản. Ngược lại, việc đề tên chủ nhiệm sưu tập trên tác phẩm là dấu hiệu có lợi cho việc trả tiền quyền tác giả.

Mặt khác có điều hay là Toà thượng thẩm Paris cho rằng "việc quan tâm đến khâu giao sách cho những người bán sách để tính nhuận bút, và ngay từ đó đặt giá bán thực, không vấp phải [...]điều quy định nào của luật pháp khi mà tiền nhuận bút đó được gọi không đúng là "quyền tác giả" và phải trả cho bà X. với tư cách "người phụ trách sưu tập", chứ không phải là tác giả[4].

Tiền nhuận bút của chủ nhiệm sưu tập có thể là mức khoán hoặc theo tỷ lệ. Nhưng SNE nhắc nhở một cách chính đáng rằng các thứ tiền nhuận bút không tính theo tỷ lệ có thể được các cơ quan công cộng coi là tiền lương, và nó gây phiền phức cho người xuất bản (chẳng hạn như đối với URSSAF). Đó cũng là quan điểm của AGESSA[5]. Tuy nhiên có vẻ như tổ chức này cho rằng một số tiêu chuẩn, như việc nêu tên chủ nhiệm sưu tập trên tác phẩm, có thể mở đường cho việc thù lao theo bản quyền tác giả. Nhưng việc xét xử của toà án về Bảo hiểm xã hội đã công

---

[1] Toà án xét xử về Bảo hiểm xã hội, ngày 15-1-1996 Payot c/URSSAF, Légippresse (báo Pháp luật), 1996 số 137, I, tr. 153s. Cả Toà án xét xử về Bảo hiểm xã hội, ngày 16-1-1996 Albin Michel c/URSSAF, chưa từng xuất bản; hoặc Toà án xét xử về Bảo hiểm xã hội, ngày 15-4-1996, Le Seuil c/URSSAF, chưa từng xuất bản.

[2] Toà án xét xử về Bảo hiểm xã hội, 14 tháng Hai 1996, Masson c/URSSAF/ chưa xuất bản.

[3] Toà phá án, 13 tháng Ba 1996, dẫn trong "Tiền thù lao cho một giám đốc tập thể: tiền công hay quyền tác giả *Thư của Nodula*, tháng Sáu 1996, số 46, tr 181.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 8 tháng Ba 2000 – chưa xuất bản.

[5] Xem "Bảo hiểm xã hội cho tác giả".

nhận trọng tâm vai trò của chủ nhiệm sưu tập là tìm kiếm tác phẩm, đặt bài chưa xuất bản, điều đình để ký hợp đồng, có thể viết lời nói đầu, kiểm tra bản thảo và giám sát cũng như phát hành và quảng cáo, và kết quả là tiền nhuận bút căn cứ theo sổ sách bán ra nhưng chuyển sang lương tháng có thể trả theo quyền tác giả vì nó bấp bênh[1]. Quan điểm này chỉ đúng trong điều kiện không có mối liên hệ phụ thuộc giữa người xuất bản và chủ nhiệm sưu tập, mối liên hệ là tiêu chuẩn hợp đồng lao động, và do đó của chế độ làm công ăn lương.

Nhiều thành phần của bộ sưu tập là tài liệu gốc của sự bảo hộ bằng quyền sở hữu văn học và nghệ thuật. Đôi khi chủ nhiệm sưu tập được quy là tác giả.

Dĩ nhiên mỗi một tác phẩm ghi trong bộ sưu tập tự nó có thể được sự bảo hộ "độc lập" với bản thân bộ sưu tập. Vấn đề là chủ nhiệm sưu tập là một nhân vật đôi khi bị hoang tưởng. Ngoài ra người đó thường là nhà văn. Do đó người này sẽ được ký hợp đồng xuất bản và hợp đồng chuyển nhượng quyền cải biên sang thể loại nghe - nhìn ngoài hợp đồng của chủ nhiệm sưu tập. Đôi khi chính chủ nhiệm sưu tập hưởng lương của một nhà xuất bản; trên thực tế nhà xuất bản này không nhất thiết là nơi mà chủ nhiệm đó chủ trì một bộ sưu tập...

Dĩ nhiên một số thành phần do người đó tạo ra có thể được quyền tác giả bảo hộ, chẳng hạn như bài ở "trang bìa số 4", lời chú thích giới thiệu tác phẩm v.v... Hợp đồng của chủ nhiệm sưu tập sẽ chú ý đến nhận định này một cách gián tiếp bằng một điều khoản nhượng quyền.

Cũng có thể là sự bảo hộ cấu trúc của tác phẩm. Đó là điều mà Toà thượng thẩm Paris đã xem xét vào năm 1994 trong khi giữ lại nét độc đáo của "cơ cấu [...] mà lời nói đầu của các tác giả nêu lên, bản tóm tắt dài hai hoặc nhiều cột, một số "hồ sơ" mà ở trang đầu và cuối sách có dòng tít chữ nghiêng và bản tóm tắt trong cột dọc, phần mở đầu hồ sơ in ở bên phải trang thường là có tranh hài hước minh hoạ, tài liệu in trên hai cột và tài liệu gốc, mục về "trọng tâm" in ở bên cạnh, mục "những từ cần nhớ", mục "vấn đề tổng hợp", mục "phương pháp luận" mà cái tít đề trên khung có bài đó[2]".

Về ma-két của bộ sưu tập, pháp chế chấp nhận những việc làm thận trọng trên lĩnh vực giả mạo. Năm 1998, Toà án thương mại Paris đã phán xét như vậy[3].

Cuối cùng, tiêu đề bộ sưu tập có thể được quyền tác giả bảo hộ. Trên thực tế, tiêu đề đó thường được trình toà như cái nhãn, với điều kiện là không mô tả nhiều

---

[1] Toà án về Bảo hiểm xã hội Paris, ngày 15-1-1996, Le Seuil c/URSSAF, chưa xuất bản.

[2] Toà thượng thẩm Paris, ngày 21-11-1994, *Tạp chí quốc tế về quyền tác giả*, tháng 4 năm 1995, số 14 tr.381.

[3] Xem "Sự bảo hộ các bộ sách" trong Emmanuel Pierrat, Quyền xuất bản ứng dụng, nhà xuất bản Trung tâm thư quán năm 2000.

quá. Cái nhãn "Trọng tâm" chỉ một bộ sách, đã bị Toà thượng thẩm Paris thủ tiêu hiệu lực năm 1993[1]. Ngược lại, việc bảo hộ quyền về nhãn rất có hiệu quả đối với người xuất bản bộ *Sách thông dụng* đang tranh chấp với người xuất bản các *Sách thông dụng bỏ túi*[2].

Tuy nhiên có sắc thái giữa việc chấp nhận các thành phần của một bộ sách để giúp cho việc bảo hộ và việc công nhận các quyền về bộ sách được coi là tác phẩm.

Một bộ sách xuất hiện trước hết từ một ý tưởng tập hợp về thực chất được coi là có hành trình tự do, và do đó không thể được sở hữu bằng quyền tác giả. Đó là nhận định của Toà thượng thẩm Paris khi xét xử ngày 12 tháng 6 năm 2001: "Chắc chắn là việc xuất bản một bộ sưu tập tác phẩm tự nó không phải là việc sáng tác một công trình khác hẳn với các tác phẩm, những định hướng cho một bộ sách, sự lựa chọn chủ đề, đề tài, tác giả thuộc lĩnh vực tư tưởng mà quyền tác giả không bảo hộ[3].

Toà phá án ra quyết định dựa vào CPI không tán thành việc thẩm định các bộ tác phẩm. Năm 1990 đã có sự phán xét như vậy về bộ sưu tập sách nghệ thuật nổi tiếng của nhà xuất bản Mazenod[4].

Việc quy kết cạnh tranh bất chính có vẻ là điều bất đắc dĩ trong tình hình mà chỉ có khái niệm chứ không phải việc diễn đạt khái niệm được sao chép[5].

Trong tương lai có thể cách giải quyết được đặt ra một cách khác. Năm 1997, Toà thượng thẩm Paris đã quyết định dứt khoát chiếu cố đến sự bảo hộ bằng quyền tác giả trong vụ kiện giữa hội Henri-Lauglois và Viện tư liệu phim Pháp. Trong quyết định bác quyết định trước của *Toà thượng thẩm*, toà quyết định rằng "người chọn lọc những đồ vật và hình chiếu cho một cuộc triển lãm và nghĩ ra cách trưng bày theo một trật tự và trần thiết độc đáo [...] là tác giả của triển lãm đó. Từ đó những người được tác giả giao quyền là những người duy nhất có tư cách cho phép chuyển triển lãm đến một viện bảo tàng khác. Có thể rút ra một vài sự tương tự giữa vụ việc này và vai trò của một số chủ nhiệm sưu tập.

Cũng như thế, phần đóng góp của Luật ra ngày 1-7-1998 về quyền đối với các cơ sở cứ liệu ngày nay vẫn chiếu cố nhiều hơn đến việc bảo hộ các bộ sưu tập. Trên thực tế, điều L.112-3 đưa ra định nghĩa là từ nay cơ sở các cứ liệu là "các bộ tác

---

[1] Toà thượng thẩm Paris, ngày 16-12-1993, Bản tin về quyền sở hữu công nghiệp, năm 1994, chương III., tr.218.

[2] Toà thượng thẩm Paris, 12 tháng Sáu 2001, chưa xuất bản.

[3] Phòng thương mại Toà phá án, 27 tháng Hai 1990, *Tuần pháp lý (JCP)*, 1990, II, 21445, nhận xét của Frédéric Pollaud-Dullian.

[4] Toà thượng thẩm Paris, 31 tháng Mười 1972, *Báo Toà án*, 18-20 tháng ba 1973, nhận xét của Mouzon.

[5] Toà phúc thẩm Paris, 2 tháng Mười, *Dalloz*, 1998, tr.312.

phẩm, cứ liệu hoặc các thành phần độc lập khác, được sắp xếp một cách có hệ thống hoặc có phương pháp, và cá nhân có thể tiếp cận bằng các phương tiện điện tử hoặc các phương tiện khác". Dường như bộ sách thật tương ứng với sự chấp nhận do luật định đó.

Hợp đồng chủ nhiệm sưu tập

Sự ra đời của luật về bộ sưu tập, dù là về sự bảo hộ một số yếu tố cấu thành (ma-két, tít, sự lựa chọn tác phẩm v.v...) ngày càng tăng, hay bảo vệ chính bộ sưu tập, sẽ buộc các bên phải quyết định phạm vi các quyền của chủ nhiệm sưu tập bằng hợp đồng.

Hợp đồng của chủ nhiệm sưu tập không nằm trong khuôn khổ của CPI quản lý. Do đó mà các nguyên tắc chung về quyền tác giả xen lẫn các điều khoản trực tiếp phỏng theo các hợp đồng xuất bản sẽ làm ra các hợp đồng mẫu cho chủ nhiệm sưu tập[1].

Vấn đề đặt ra trước tiên là số phận của bộ sưu tập nếu xảy ra bất hoà giữa nhà xuất bản và chủ nhiệm sưu tập. Từ "khái niệm" về ma-két đến tít bộ sưu tập, liên quan đến nhiều yếu tố lôi cuốn độc giả đều được tính đến.

Vì vậy phải bắt đầu bằng việc xác định trong hợp đồng người xuất bản hay chủ nhiệm sưu tập sẽ được coi là chủ sở hữu bộ sưu tập. Trường hợp hay xảy ra nhất là người xuất bản tự nhận bộ sưu tập là của mình hoặc sáng tạo ra nó, thì hợp đồng có công thức kiểu: "Các bên thoả thuận rõ ràng rằng bộ sưu tập cũng như toàn bộ các yếu tố gắn với nó, tít, giới thiệu và các dấu hiệu đặc trưng có thể có của nó đều thuộc về người xuất bản và chủ nhiệm sưu tập không được đòi những quyền ngoài quyền nêu trong hợp đồng này". Hơn nữa, theo cùng một giả thuyết, cần phải xác định là "các hợp đồng về quyền sở hữu văn học nghệ thuật đối với các tác phẩm công bố trong cả bộ sẽ do người xuất bản và các tác giả trực tiếp ký kết". Càng ngày càng phải chú ý đưa một điều khoản về không cạnh tranh vào hợp đồng của chủ nhiệm sưu tập.

Căn cứ vào những sự phát triển đã có, dù sao cũng cần dự kiến một điều khoản về chuyển nhượng các quyền. Ngoài các công thức đã được thừa nhận, điều khoản này sẽ nói rõ thêm "theo thông lệ nghề nghiệp, có sự thoả thuận rõ ràng là tiền nhuận bút này bao gồm các quyền tác giả về việc sáng tác các tác phẩm công bố trong cả bộ sưu tập căn cứ vào công việc viết của chủ nhiệm sưu tập".

---

[1] Về các kiểu hợp đồng mẫu, xem tác phẩm của Philippe Schuwer (xem thư mục chung).

Sau đó hợp đồng phải quy định chính xác điều chờ đợi ở chủ nhiệm sưu tập. Các đường biên "trí tuệ" của bộ sưu tập phải được vạch ra: bằng cách nêu lên các chủ đề hướng tới và công chúng dự kiến v.v...

Hơn nữa, vấn đề là định ra số lượng tác phẩm trong bộ sưu tập sẽ xuất bản, nhịp điệu xuất bản, phương thức tuyển chọn.. Có thể dự kiến như thế này: "Chủ nhiệm sưu tập sẽ giới thiệu với người xuất bản dự án về các cuốn sách trong bộ sưu tập có thể công bố. Người đó hứa mỗi năm sẽ giới thiệu ít nhất là (số) tác phẩm, trong đó người xuất bản sẽ tự chọn lọc sách với mục tiêu xuất bản mỗi năm khoảng (số) tác phẩm. Mục tiêu này có thể được người xuất bản xem xét lại, nếu cần, tuỳ theo kết quả".

Các chi tiết về nhiệm vụ của chủ nhiệm sưu tập cũng phải đề ra trước khi ký hợp đồng:

"Đặc biệt là chủ nhiệm sưu tập cam kết:

- Cùng với người xuất bản bảo đảm việc thực hiện hợp đồng đã ký với các tác giả đã có tác phẩm công bố trong bộ sưu tập;

- Thực hiện hoặc cho thực hiện việc sửa đổi cần thiết để xuất bản, và việc cập nhật bài hoặc minh hoạ;

- Xem kỹ tất cả các bản thảo gửi đến;

- Tham gia các hoạt động chiêu hàng;

- Cùng với tác giả và người xuất bản tham gia việc minh hoạ, kiểm tra và lựa chọn các minh hoạ, và đặc biệt là nếu có dịp, tham gia thương lượng về quyền sao chép các minh hoạ đó.

Người xuất bản giành cho mình quyền yêu cầu chủ nhiệm sưu tập ký giấy cho in mỗi khi cần.

Vì thận trọng, việc đưa vào hợp đồng đầu tiên "kế hoạch sản xuất" thực sự, là điều ngày càng phổ biến:

a/ Chủ nhiệm sưu tập cam kết lúc đầu là sẽ nộp cho người xuất bản bản kế hoạch tổng thể về bộ sách với chi tiết từng cuốn một.

Sau khi người xuất bản chấp nhận dự án đó, chủ nhiệm sưu tập phải đi tìm các tác giả, hoặc nhóm tác giả có khả năng viết tác phẩm.

b/ Các tác giả do chủ nhiệm sưu tập lựa chọn phải giỏi chuyên môn (chuyên gia được công nhận, giáo sư, thạc sĩ v.v...)

Chủ nhiệm sưu tập sẽ giới thiệu các tác giả hoặc nhóm tác giả với người xuất bản.

c/ Sau khi được chấp thuận, chủ nhiệm sưu tập phải đặc biệt cam kết:

- Nộp kế hoạch hoặc mục lục của mỗi tác phẩm;

- Đảm bảo là các tác phẩm là nguyên tác;

- Mời người giỏi (thuộc lĩnh vực liên quan) viết lời tựa cho mỗi bộ tác phẩm;

- Chịu trách nhiệm thu thập các bản thảo của tác giả;

- Bảo đảm đọc lại, chuẩn bị làm bản sao và theo dõi liên tục cho đến khi có giấy ký cho in bản thảo;

- Nhận trách nhiệm giữ liên lạc giữa nhà xuất bản và tác giả về mọi việc liên quan đến việc sửa chữa, sửa đổi trong tác phẩm;

- Xem xét kỹ tất cả các bản thảo nhận được;

- Tham gia công việc chiêu hàng;

- Liên hệ với tác giả và người xuất bản, cùng tham gia việc làm minh hoạ, kiểm tra và lựa chọn các bản minh hoạ và nhất là khi có dịp, tham gia thương lượng về các quyền sao chép của họ;

- Sửa đổi hoặc mời người sửa đổi khi cần thiết cho việc xuất bản cũng như mọi sự cập nhật bài hoặc vẽ minh hoạ;

- Và làm mọi việc nhằm bảo đảm cho sự phát triển tốt đẹp của bộ sách.

d/ Ngoài ra, chủ nhiệm sưu tập phải đặc biệt nắm tình hình xuất bản các tác phẩm, trong khuôn khổ nhiệm vụ của mình, liên quan đến các lĩnh vực được đề cập trong bộ sách, sao cho việc thông tin của các nhà xuất bản và tính chặt chẽ của bộ sách về những điểm nói trên càng hoàn chỉnh càng tốt. Ngoài ra người đó còn phải phát biểu ý kiến, có lý do, về chất lượng mọi bản thảo, có hoặc không gửi cho người xuất bản, liên quan đến các lĩnh vực mà bộ sách đề cập đến

Kế đến các điều khoản gần với các điều khoản của hợp đồng xuất bản, theo đó người xuất bản vẫn làm chủ các phương hướng sau này của bộ sách, sự lựa chọn tên sách và tác giả mà tác phẩm sẽ được xuất bản, và cả việc giới thiệu tác phẩm nữa.

Thông thường cũng có một điều khoản bảo đảm, một điều khoản khác về số lượng bản in biếu để chủ nhiệm tuỳ ý sử dụng, sách bán hạ giá và sách huỷ, tình trạng bắt buộc về bản thảo khi nộp v.v...

Cả ở đó nữa, các điều khoản về quyết toán và trình sổ sách tính toán không phải là điều khó khăn lớn và thường là giống như đối với các tác giả thực sự. Việc thanh toán các khoản chi cho chủ nhiệm sưu tập có ghi trong hợp đồng.

Thời hạn của hợp đồng được đặc biệt chú ý: "Bản hợp đồng này có thời hạn (số) năm. Đến khi hết hạn, do sự nối tiếp mặc nhiên, sẽ ký lại hợp đồng cho thời hạn không xác định, do lỗi của một trong hai bên đã không gửi thư bảo đảm có ký

nhận báo cho bên kia biết quyết định chấm dứt quan hệ hợp đồng ba tháng trước kỳ hạn. Bất kỳ lúc nào cũng có thể kết thúc hợp đồng ký lại theo sự nối tiếp mặc nhiên, bằng thư bảo đảm có ký nhận báo trước ba tháng.

Sự huỷ bỏ hợp đồng trong những điều kiện nói trên sẽ không dẫn đến việc bồi thường của bên nào cả. Sau khi hợp đồng này kết thúc, chủ nhiệm sưu tập sẽ nhận các quyền ghi trong hợp đồng này trong vòng (số) năm. Tuy nhiên, chủ nhiệm sưu tập không thể đòi bất kỳ quyền gì về những cuốn sách xuất bản sau khi người đó đã ra đi, trừ những cuốn do người đó chuẩn bị trong thời kỳ trước kỳ hạn của hợp đồng và sau này mới xuất bản.

Trường hợp chủ nhiệm có đóng góp vào bộ sách mà người đó vẫn còn giữ quyền sở hữu, có dự kiến: "Chủ nhiệm sưu tập sẽ lấy lại toàn bộ các quyền, khi hợp đồng này bị phá bỏ, về bộ sách mà chỉ riêng người đó có quyền khai thác và đề nghị giao cho một người xuất bản khác. Người xuất bản cam kết rõ ràng là sẽ không dùng tiêu đề của bộ sưu tập để đặt cho một bộ khác cùng thể loại. Người xuất bản cũng cam kết sẽ không xuất bản những tác phẩm khác trong bộ sưu tập. Nhưng người đó có thể tiếp tục khai thác những tác phẩm mà quyền sở hữu văn học và nghệ thuật đã được các tác giả nhượng cho mình".

Cuối cùng, việc nêu tên chủ nhiệm có thể có tầm quan trọng lớn nhất là sau khi người ấy đi khỏi nhà xuất bản. Nếu chủ nhiệm có tư cách người sáng tạo thì quyền sở hữu văn học và nghệ thuật buộc phải đưa tên người đó vì trong trường hợp trả nhuận bút dưới hình thức các quyền thì làm như vậy là tốt hơn đối với các tổ chức xã hội.

Việc đó cũng không làm mà không có sự chuẩn bị chu đáo trước bằng hợp đồng. Toà án Paris đã xác định "từ khi tên bà X được ghi cùng với tên các tác giả khác trên bìa các tác phẩm đã phát hành mà bà X đã tham gia biên soạn, thì, cho đến khi có bằng chứng ngược lại, bà ấy được coi là đồng tác giả, vì các tác phẩm và đặc biệt là các hợp đồng xuất bản do người xuất bản thảo, nên, nếu tính đến trọng lượng kinh tế của người đó thì người đó có thể áp đặt nội dung hợp đồng trong đó không có điều khoản nào tước bỏ tư cách đồng tác giả mà bà X đòi cho mình[1]".

Chức năng chủ nhiệm sưu tập thật ra thường hay thay hình đổi dạng và mỗi nhà xuất bản, mỗi một chủ nhiệm, mỗi bộ sách tạo ra những mối quan hệ và qui chế riêng biệt. Nhưng tất cả các chủ nhiệm sưu tập đều giữ cho mình lợi thế vừa là người xuất bản vừa là người sáng tạo, đôi khi vì quyền lợi riêng.

Bản mẫu giới thiệu ở đây nói đến bộ sách thuộc về người xuất bản. Trong phụ lục có bản khác về trường hợp bộ sách do chủ nhiệm sưu tập đóng góp. Vì thế

---

[1] Toà thượng thẩm Pari, 21-11-1994, *Tạp chí quốc tế về quyền tác giả*, 4-1995, số 164, tr 381.

chúng là hãy nhớ rằng ma-ket bộ sách và ngay cả tít ma-ket có thể được quyền tác giả cũng như sự cạnh tranh bất chính [1] gián tiếp bảo hộ. Cả đến cái tít cũng có thể được trình toà như một nhãn hiệu[2].

Nếu chủ nhiệm sưu tập tham gia vào bộ sưu tập với tư cách tác giả thì cần thảo hợp đồng xuất bản cũng như hợp đồng chuyển nhượng cải biên sang loại hình nghe - nhìn riêng, ngoài hợp đồng của chủ nhiệm sưu tập. Trên thực tế, thông thường là đưa những công việc nhỏ mà chủ nhiệm sưu tập phải làm với tư cách tác giả vào hợp đồng của chủ nhiệm sưu tập; nhưng nói chung, nên làm hợp đồng xuất bản riêng thì tốt hơn và chắc chắn hơn, vì nó đáp ứng mọi yêu cầu pháp lý mà chủ nhiệm sưu tập có thể phản đối khi xảy ra tranh chấp.

---

[1] Xem "Sự giả mạo và việc chống giả mạo" và "Kiện về cạnh tranh bất chính". Toà thượng thẩm Paris, 31-10-1972, Báo của Toà án, 18-20/3/1973, lời nhận xét Mouzon.

[2] Xem "Tác phẩm của những người xuất bản".

Mẫu hợp đồng chủ nhiệm sưu tập

Giữa những người ký tên dưới đây:

- Họ tên
- Địa chỉ

Dưới đây gọi là **"chủ nhiệm sưu tập"** một bên, và

Các nhà xuất bản (ghi tên)...

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký trong Sổ thương mại và các hội
- Trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người xuất bản"**, bên kia,

ĐÃ THOẢ THUẬN NHƯ SAU:

Điều 1- Mục tiêu của hợp đồng

Người xuất bản quyết định tạo ra một bộ sưu tập có tên tạm thời (tên) và có những đặc điểm sau đây:

Đặc điểm của bộ sưu tập

Người xuất bản giao chức chủ nhiệm cho (tên), người này đã nhận

Các bên đã thoả thuận rõ ràng là bộ sách và toàn bộ các yếu tố gắn với bộ sách đó, tên, trình bày và các dấu hiệu đặc trưng nếu có, đều thuộc về **người xuất bản; chủ nhiệm sưu tập** không thể hưởng những quyền ngoài những quyền đã ghi trong hợp đồng này.

Các hợp đồng liên quan đến quyền sở hữu văn học và nghệ thuật về các tác phẩm trong bộ sưu tập đã xuất bản sẽ do **người xuất bản** và các tác giả trực tiếp ký kết.

Để bù vào những ý tưởng, sự đóng góp vào khoản lợi của bộ sách và vai trò chung với tư cách **chủ nhiệm sưu tập** như quy định theo những điều kiện sau đây, **chủ nhiệm** sẽ hưởng lãi theo tỷ lệ tiền thu nhập từ việc khai thác các tác phẩm trong bộ sách.

Điều 2- Đóng góp của chủ nhiệm sưu tập

Chủ nhiệm sưu tập sẽ trao cho người xuất bản các đề án về những sách có thể xuất bản trong bộ sách (tên), dưới đây gọi là bộ sách.

Chủ nhiệm cam kết mỗi năm sẽ đề xuất ít nhất là ... (số lượng) tác phẩm trong đó **người xuất bản** tự chọn những sách để xuất bản với mục tiêu khoảng ... (số lượng) tác phẩm một năm.

Người xuất bản có thể xem lại mục tiêu đó, nếu cần, tuỳ theo kết quả.

Hơn nữa, **chủ nhiệm sưu tập** đặc biệt cam kết:

- Đảm bảo sẽ cùng với **người xuất bản** thực hiện các hợp đồng đã ký với các tác giả của những tác phẩm trong bộ sách.

- Tự làm hoặc giao cho người khác thực hiện những sửa đổi cần thiết để xuất bản, cũng như việc cập nhật bài hoặc tranh minh họa;

- Xem xét kỹ tất cả các bản thảo chuyển đến;

- Tham gia các hoạt động chiêu hàng;

- Cùng với tác giả và **người xuất bản** tham gia việc đặt, kiểm tra và lựa chọn tranh minh hoạ, và nếu có dịp, tham gia thương lượng về các quyền sao chép của họ.

Người xuất bản giành cho mình quyền yêu cầu giám đốc sưu tập ký phiếu cho in mỗi khi cần.

Tên chủ nhiệm **sưu tập** có ghi trong mỗi cuốn sách của bộ sưu tập được xuất bản để thực hiện hợp đồng này trừ trường hợp in lại nêu trong điều 8 hợp đồng này.

Điều 3- Đóng góp của người xuất bản

Về phần mình, **người xuất bản** cam kết chi tiền in và công bố các tác phẩm mà mình đã chọn trong bộ sách theo quy định ghi trong điều 2 hợp đồng này, xuất bản thường để bán, và tìm mọi cách để tạo điều kiện thuận lợi đối với người thứ ba có thể có liên quan cho việc khai thác bộ sách đó dưới mọi hình thức, bằng việc phát hành trong công chúng.

Điều 4- Quyền hạn của chủ nhiệm sưu tập và người xuất bản

Những phương hướng sau này của bộ sách, việc chọn tên và tác giả để xuất bản và việc giới thiệu tác phẩm đều do **người xuất bản** quyết định.

Tự **người xuất bản** đưa ra những quyết định sau đây về các tác phẩm của bộ sách, có tính đến lợi ích chung của các bên:

- Khổ sách, trình bày và bìa;

- Giá bán, giá bán các cuốn mà người xuất bản chọn lúc đầu có thể do người đó thay đổi tuỳ theo tình huống kinh tế;

- Ngày bán và chu kỳ xuất bản;

- Lần xuất bản dưới dạng khác với dạng thông thường;

- Số lượng in;

- Chấm dứt các quyền;

- Hoạt động chiêu hàng và báo chí

Điều 5- Đảm bảo của chủ nhiệm sưu tập

Chủ nhiệm sưu tập đảm bảo cho **người xuất bản** hoàn toàn tránh khỏi mọi chuyện rắc rối, yêu sách và sự gạt bỏ đối với các tác phẩm mà mình đề nghị xuất bản.

Người đó cũng đảm bảo là trong các tác phẩm không có gì có thể dính dáng đến luật về vu khống, xúc phạm thuần phong mỹ tục hoặc giả mạo. Người đó đặc biệt đảm bảo rằng trong các tác phẩm không có sự vay mượn tác phẩm khác, sự vay mượn mà **người xuất bản** có thể phải chịu trách nhiệm, sự đảm bảo này là điều kiện chủ yếu có tính quyết định của hợp đồng.

Điều 6- Bản in dành cho chủ nhiệm sưu tập

Trong lần xuất bản thông thường đầu tiên, **chủ nhiệm sưu tập** sẽ được biếu (số) bản để dùng riêng, không dùng cho hoạt động thương mại. Những bản mà người đó muốn có thêm sẽ phải trả với giá bán ra ngoài giảm .. %. Tác giả không được nhượng lại hoặc bán những bản này.

Điều 7- Các bản in bán hạ giá, bị huỷ, phá hoại ..., hư hại hoặc mất mát

Có sự thoả thuận rõ ràng là **người xuất bản** có quyền bán hạ giá hoặc hủy toàn bộ hoặc một phần các tác phẩm trong bộ sách. Trường hợp đó **chủ nhiệm sưu tập** không có quyền gì cả.

Trong trường hợp có những bản in tác phẩm trong bộ sưu tập bị hư hại hoặc mất mát toàn bộ hay một phần cũng vậy, **chủ nhiệm sưu tập** không có quyền gì cả.

Điều 8- Thời hạn của hợp đồng và sự hủy bỏ hợp đồng có thể có

Hợp đồng này có thời hạn (số) năm.

Hợp đồng sẽ được ký lại do sự tiếp tục mặc nhiên cho một thời hạn không xác định khi thời hạn trên kết thúc, do thiếu sót của một bên không gửi thư bảo đảm có biên nhận báo cho bên kia biết quyết định chấm dứt quan hệ về hợp đồng ba tháng trước kỳ hạn.

Bất kỳ lúc nào cũng có thể kết thúc hợp đồng bằng cách báo qua thư bảo đảm có ký nhận ba tháng trước khi hợp đồng được ký mới lại do sự tiếp tục mặc nhiên.

Việc huỷ bỏ hợp đồng trong những điều kiện kể trên không buộc bên nào phải bồi thường. Sau khi hợp đồng này hết hạn, **chủ nhiệm sưu tập** sẽ nhận những khoản tiền nêu trong điều 9 của hợp đồng này trong thời gian (số) năm.

Tuy nhiên, **chủ nhiệm sưu tập** sẽ không được đòi hỏi bất kỳ quyền nào về những cuốn sách xuất bản sau khi người đó đã ra đi, trừ những cuốn mà người đó đã chuẩn bị chu đáo trước thời hạn của hợp đồng và rồi xuất bản sau đó.

Người xuất bản không phải đưa tên **chủ nhiệm sưu tập** vào các tác phẩm tái bản sau khi người đó ra đi.

Điều 9- Thù lao của chủ nhiệm sưu tập

Người xuất bản sẽ trả thù lao cho **chủ nhiệm sưu tập** về công việc của người đó với tỷ lệ % cho giá bán HT về mỗi cuốn sách đã bán trong số các tác phẩm thuộc bộ sưu tập, trong khuôn khổ hợp đồng này.

Trong trường hợp có sự khai thác khác đối với tác phẩm, **người xuất bản** sẽ trả thù lao cho chủ nhiệm sưu tập % thu nhập HT, hoặc những người thứ ba sau sẽ trả thù lao này khi có sự nhượng lại mà **người xuất bản** chấp thuận.

Có sự thoả thuận rõ ràng là **chủ nhiệm sưu tập** không thể đòi hỏi bất cứ quyền gì về những cuốn sách xuất bản ngoài thời kỳ thực hiện hợp đồng này.

Điều 10 – Cơ sở tính nhuận bút cho chủ nhiệm sưu tập

Tiền nhuận bút qui định trong điều 9 hợp đồng này chỉ áp dụng cho các bản in đã bán, và không áp dụng cho:

- Các bản dành cho **chủ nhiệm sưu tập** nêu trong điều 6 hợp đồng này;

- Các bản phát không hoặc giảm giá (50%) giá bán hoặc ít hơn) vì lợi ích của việc chiêu hàng cho tác phẩm: bộ phận báo chí mà số lượng không dưới...., gửi biếu các nhân vật quan trọng;

- Các bản nộp lưu chiểu hoặc gửi để làm chứng từ;

- Các cuốn bán hạ giá hoặc huỷ bỏ;

- Các cuốn bị hư hại hoặc mất mát.

Các hiệu sách có thể trả lại sách dành cho họ, tiền bán những cuốn sách không bị trả lại sẽ tính vào tiền của **chủ nhiệm** trong thời hạn mười tám tháng sau ngày xuất bản tác phẩm hoặc ngày giao sách lần nữa cho các hiệu sách.

Điều 11 – Tính toán

Toàn bộ nhuận bút trả cho **chủ nhiệm** theo điều 9 hợp đồng này có ghi trong bản quyết toán hàng năm vào ngày 31 tháng 12. Trong vòng ba tháng sau ngày làm quyết toán, **người xuất bản** sẽ trao cho chủ nhiệm bản kê sổ sách kế toán, bản kê số lượng bản sách dự trữ. Báo cáo này cũng ghi số bản sách do **người xuất bản** bán, số bản sách không dùng được và đã rút ra khỏi chu trình thương mại, và số sách hư hại hoặc mất mát, như ghi trong điều 7 hợp đồng này.

Tiền bán sách hạ giá sẽ được trả cho tác giả từ ngày 1 tháng 4 sau. Tuy nhiên, **người xuất bản** không phải gửi bản kê sổ sách kế toán và bản kê các bản sách cho tác giả nếu tác phẩm xuất bản từ dưới 6 tháng. Tuy nhiên một cuốn sách xuất bản giữa ngày 1 tháng 7 và ngày 31 tháng 12 sẽ ghi trong bản quyết toán đặc biệt đầu tiên làm ngày 30 tháng 6 năm sau.

Chủ nhiệm sưu tập sẽ nhận tiền tạm ứng về các khoản tiền phân chia như trên.

(số tiền).....(ngày tháng) .....

Những khoản tạm ứng này sẽ trừ vào tiền phải trả.

Điều 12 – Cạnh tranh

Trong thời kỳ thực hiện hợp đồng này, chủ nhiệm sưu tập tránh tạo ra hoặc chỉ đạo một bộ sưu tập có thể cạnh tranh trực tiếp hoặc gián tiếp với bộ sưu tập là đối tượng của hợp đồng này, cho một người xuất bản khác.

Điều 13 – Việc trao thẩm quyền và luật có thể áp dụng

Đối với tranh chấp do sự giải thích hoặc thực hiện hợp đồng này gây ra thì sẽ vận dụng luật của Pháp và giao cho các toà án có thẩm quyền sở tại xét xử.

Làm tại .....thành hai bản, ngày .....

Chủ nhiệm sưu tập **Người xuất bản**

Phụ lục- Các điều khoản không bắt buộc và các dị bản:

Điều khoản số – Chi phí cần cho chủ nhiệm sưu tập

Người xuất bản sẽ trả cho chủ nhiệm sưu tập đến mức ..... euro và nhận chứng từ về những chi phí cần thiết để viết tác phẩm.

Điều khoản số – Công việc viết của chủ nhiệm sưu tập

Chủ nhiệm sưu tập cam kết viết lời đề tựa, lời chú thích, viết lại vv... về các tác phẩm trong bộ sưu tập.

Lấy lại ở đây một điều khoản dựa theo điều đã được đề xuất về những người làm công[1]

Và cũng bổ sung vào điều 9 về tiền nhuận bút của chủ nhiệm sưu tập:

Theo thông lệ trong nghề, cần thoả thuận rõ ràng là tiền nhuận bút này bao gồm tiền bản quyền tác giả được hưởng về việc sáng tác các tác phẩm đã xuất bản trong bộ sách, căn cứ vào công việc soạn thảo của **chủ nhiệm sưu tập.**

Trường hợp chủ nhiệm sưu tập đóng góp một bộ sách sưu tập:

- Xoá đoạn ba của điều 1 và sửa đổi điều 4.

- Bổ sung vào điều 8: khi hợp đồng này bị huỷ bỏ, chủ nhiệm sưu tập sẽ thu hồi toàn bộ quyền của mình về bộ sách, mà chỉ người đó được khai thác với tư cách đó, và có thể giới thiệu với một người xuất bản khác.

Người xuất bản cam kết rõ ràng là sẽ không dùng cái nhan đề của bộ sưu tập cho một bộ khác cùng thể loại.

Người xuất bản cũng cam kết sẽ không xuất bản các tác phẩm khác trong bộ sưu tập đó.

Tuy nhiên, **người xuất bản** có thể tiếp tục khai thác các tác phẩm mà quyền sở hữu văn học và nghệ thuật đã được các tác giả nhượng lại cho người đó theo điều 1 hợp đồng này.

Nếu những cuốn sách đó được in lại hoặc tái bản thì người đó sẽ bỏ tên **chủ nhiệm sưu tập** và tên bộ sách sưu tập nói đến.

Chủ nhiệm sưu tập sẽ tiếp tục nhận trong thời gian ..... năm, các quyền nêu trong hợp đồng về các tác phẩm của bộ sưu tập, mà **người xuất bản** sẽ tiếp tục khai thác.

---

[1] Xem hợp đồng lao động.

XIII
Các hợp đồng đồng xuất bản, hợp đồng trọn gói, các quyền "vặt" liên quan đến truyền thông đa phương tiện

Các hợp đồng đồng xuất bản, quảng cáo hoàn chỉnh, tiền "bỏ túi" và về truyền thông đại chúng

Người xuất bản thường xuyên ký các hợp đồng có tính chất khác nhau, trong số đó có nhiều bản chỉ nói đến quyền sở hữu văn học và nghệ thuật một cách ngẫu nhiên (hợp đồng phát hành...). Chỉ có một số trong các hợp đồng đó đòi hỏi sự bình luận ở đây[1].

Hợp đồng đồng xuất bản

Trước hết là hợp đồng đồng xuất bản. Về những việc đồng xuất bản quốc tế, nên tham khảo tác phẩm chính của Philippe Schwer[2], gồm những bài bình luận và mẫu hợp đồng. Chỉ một hợp đồng đủ để tiến hành việc đồng xuất bản về mặt pháp lý. Vì vậy việc thảo bài bình luận PACS này đòi hỏi sự cảnh giác ngày càng cao.

Việc đồng xuất bản là loại hình rất hay dùng cho các tác phẩm đắt giá hoặc có minh hoạ. Thị trường xuất bản quốc tế rất ưa chuộng. Nhưng một cơ quan (thành phố, viện bảo tàng, doanh nghiệp, thư viện v.v...) cũng có thể muốn xin sự giúp đỡ của một đối tác cùng quốc tịch nhưng phải quen thuộc với những sự tinh tế của xuất bản, thông qua việc cùng xuất bản.

Theo thường lệ, việc cùng xuất bản giữa nhiều người xuất bản dù với tính chất thế nào, về pháp luật đều là hội tham gia - dù rằng các điều khoản của hợp đồng đôi khi chịu công bố điều ngược lại một cách ngây thơ.

Vậy thì đó là những sáng tạo pháp lý không có tư cách pháp nhân, không có vốn, nhưng lại nhằm để quản lý một số hoạt động chung của các đối tác. Chỉ có một bản thoả thuận viết là một hội kiểu đó được thành lập và có chế độ chung ghi trong điều 1871 và các điều sau của Bộ luật dân sự.

---

[1] Chi tiết về các bản hợp đồng này, cũng như của các hợp đồng phát hành và phân phối có trong cuốn "Quyền của sách" của Emmanuel Pierrat, op. cit.

[2] Xem thư mục chung.

Những điểm trọng yếu được thể hiện dễ dàng trong vài điều khoản chính xác. Cả SNE (Nghiệp đoàn xuất bản) và "Kinh thánh" về đồng xuất bản, theo tác phẩm của Philippe Schwer[1], đã cung cấp những mẫu thích hợp. Việc làm cho những mẫu đó thích hợp thường là điều cần thiết cho mỗi đợt đồng xuất bản mới. Vậy thì người ta xức nước hoa cho sự tin cậy và tình bạn bằng cái vỏ hoang tưởng bộ phận một cách có ích.

Việc đưa ra một cái tên mới về đồng xuất bản có thể đột nhiên gợi ra những ý tưởng về bộ sưu tập. Vì vậy các bên sẽ chú ý đến trường hợp tốt (nhưng gây tranh chấp) này khi dự kiến về quyền sở hữu tít, ma-két, v.v...

Việc ký hợp đồng với các tác giả - và sự phối hợp của các bên can dự - sẽ được trình bày chi tiết một cách cặn kẽ. Người nào giao cho đối tác lo công việc bạc bẽo đó sẽ nghĩ đến việc xem qua các bản thoả thuận đã ký kết để kiểm tra xem, chẳng hạn như, trong đó có quyền ưu tiên có lợi cho ai đó... không.

Những cuốn sách có minh hoạ (thanh niên, sách đẹp, sách hướng dẫn, v.v...) đòi hỏi những điều khoản tinh tế, nhất là khi xác định trách nhiệm đối với những người thứ ba... Việc sử dụng trên lãnh thổ Pháp, những hình ảnh không thể công kích được ở nước ngoài có thể là nguy hiểm về pháp chế của Pháp đối với những người được chụp ảnh, các chủ sở hữu bất động sản, v.v... Sẽ có quy định rõ ràng về quyền sở hữu và việc bảo quản phương tiện sản xuất (phim...)

Tất nhiên, sự đóng góp của từng người vào công việc chung sẽ được ghi lại chi tiết. Từ quan niệm đến sản xuất, thông qua việc ký hợp đồng của các tác giả đã nói đến, quyền hưởng các quyền về sở hữu văn học và nghệ thuật, việc thâm nhập mạng thương phẩm hoá hoặc công việc của tuỳ viên báo chí, tất cả đều phải được ghi lại. Dù chỉ vì tất cả mọi việc đều phải được làm cho có giá trị trước mắt các kế toán viên và tức là sở thuế...

Các thông số chủ yếu của tác phẩm (khổ, giá bán, số lượng in lúc đầu, lịch...) cũng ghi trong hợp đồng. Những sáng kiến giao cho một trong những đối tác vì lợi ích chung của mọi người sẽ được giới hạn: chẳng hạn như việc chọn những người cung ứng. Một người quản lý, đại diện cho những người cùng xuất bản trong việc quản lý công việc thông thường, sẽ được chỉ định.

Ngược lại, cần quy định rõ ràng là một số quyết định quan trọng nhưng không thể ra trước được, sẽ được thoả thuận chung. Về việc kết thúc trước thời hạn việc đồng xuất bản (huỷ hoặc bán hạ giá) cũng vậy, vì thường là "ký hợp đồng cho suốt cả thời gian khai thác tác phẩm". Số lần in lại và việc nhượng quyền cũng được quyết định chung.

---

[1] Xem thư mục chung.

Những vấn đề tài chính thường là sự quan tâm tự phát của mỗi đối tác. Tuy nhiên, chúng ta hãy nhớ rằng cần dự trù ngân sách, việc kêu gọi vốn, quản lý những tài khoản vãng lai, trình sổ sách, v.v... Sự phân phối việc cấp vốn và lợi nhuận có thể không trùng nhau.

Cuối cùng, không kể những trường hợp hai người cùng xuất bản thuộc quốc tịch khác nhau suy nghĩ thẳng bằng đồng euro, hậu quả của tỷ suất hối đoái khác nhau phải được trung lập hoá trong hợp đồng bằng các điều khoản thích hợp.

Mẫu hợp đồng đồng xuất bản

Giữa những người ký tên dưới đây :

Tên:

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký trong Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

dưới đây gọi là "Người Xuất bản", một bên, và

Tên:

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký trong Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

dưới đây gọi là "Người Đồng xuất bản", bên kia,

ĐÃ TRÌNH BÀY TRƯỚC LÀ:

Các bên có ý tưởng xuất bản một tác phẩm *mô tả*

Người Xuất bản thành thạo về xuất bản và tiếp xúc với các mạng phân phối/phát hành qua các hiệu sách.

Người Đồng xuất bản có những đóng góp của các tác giả liên quan đến việc xuất bản và kinh doanh sách.

Theo đúng như trên, có sự thoả thuận sau đây : điều lệ của một hội tham gia do các bên tham gia cùng thảo.

THEO ĐÚNG NHƯ TRÊN, CÁC BÊN THOẢ THUẬN NHƯ SAU :

Điều 1. Mục đích

Mục đích của hội là xuất bản và khai thác tác phẩm *mô tả* có tên tạm thời là: ...

Tên

Điều 2. Đóng góp

Các bên đóng góp :

- Người Xuất bản : ngoài sự đóng góp về tài chính như nêu trong điều 11 của các hợp đồng này, là ý tưởng, việc chữa bài, việc bán tại nhà các đối tác thương nghiệp;

- Người Đồng xuất bản : ngoài sự đóng góp về tài chính nêu trong điều 11 của các hợp đồng này, là việc lựa chọn tác giả và hợp đồng liên quan.

Điều 3. Những sự bảo đảm của người xuất bản

Người Xuất bản bảo đảm cho Người Đồng xuất bản hưởng một cách đầy đủ và tự do mọi quyền mà không gặp rắc rối, không có yêu sách và sự loại bỏ nào.

Người đó tuyên bố rõ ràng là sẽ tuỳ ý sử dụng các quyền do hợp đồng này mang lại - và như vậy có đặc quyền khai thác tác phẩm dưới mọi hình thức, bằng mọi thứ tiếng và ở mọi nước. Theo đó, Người Xuất bản tuyên bố rõ ràng là đã trả, hoặc cam kết sẽ tự mình trả nhuận bút cho tác giả và những người tham gia mà quyền của họ có thể được khai thác về tác phẩm là đối tượng của các hợp đồng này.

Điều 4. Giới thiệu tác phẩm

Tác phẩm sẽ được xuất bản với nhãn hiệu ....

Lời chú về Người Xuất bản và quyền tác giả ghi trong tác phẩm sẽ được viết dưới dạng:

© tên gọi trong xã hội

Các bên thoả thuận rõ ràng rằng tác phẩm là mục tiêu của các hợp đồng này sẽ là một tập khoảng ... trang. Giá bán sách cho công chúng đã tính các loại thuế sẽ là từ ..... đến..... euros.

Điều 5. Số lượng in

Số lượng in lần thứ nhất sẽ là ..... bản.

Điều 6. Sách dành cho tác giả

Người Xuất bản cam kết cung cấp cho tác giả năm cuốn theo hợp đồng hoặc theo thông lệ, mà người đó rút từ số sách dành cho mình, theo điều 5 các hợp đồng này.

Điều 7. Quyền sở hữu tên sách

Tên sách sẽ được giữ lại mãi và thuộc về Người Xuất bản và Người Đồng xuất bản, mỗi bên không được khai thác tên sách riêng rẽ, trừ phi đã thoả thuận với tác giả, và như vậy thì có những điều kiện đặt ra tuỳ từng trường hợp.

Điều 8. Thời hạn

Hợp đồng này được ký cho suốt cả thời gian khai thác tác phẩm. Tuy nhiên, hai bên có thể thoả thuận chung để kết thúc hợp đồng bất kỳ lúc nào.

Điều 9. Sự quản lý

Người quản lý của hội tham gia là người xuất bản, người hành động với tư cách cá nhân với quyền hành rộng nhất, và hội sẽ do ..... (tên xã hội) đại diện.

(Tên xã hội)..... sẽ chọn người cung cấp theo tiêu chuẩn chất lượng tốt hơn, thời hạn và giá cả, miễn là người đó cung cấp cho bên kia mọi chứng từ.

Bất kể những điều quy định trong đoạn trước, mọi quyết định quan trọng vượt khỏi phạm vi quản lý thông thường sẽ do hai bên nhất trí.

Điều 10. Thanh toán và tài trợ

Người xuất bản cam kết thanh toán với Người Đồng xuất bản các chi phí về mặt kĩ thuật phục vụ mục tiêu của các hợp đồng này, ở mức ..... euro.

Điều 11. Lập bản tính toán

Mặt khác, Người Xuất bản sẽ lập sổ sách kế toán riêng về hội tham gia.

Các bản tính toán sẽ được lập vào cuối mỗi năm và giao cho người đồng xuất bản vào quý sau, tức là chậm nhất vào ngày 31 tháng 3.

Điều 12. Việc trao thẩm quyền và luật có thể thi hành

Khi xảy ra tranh chấp về giải thích hoặc thi hành hợp đồng này thì vận dụng luật của Pháp và trao quyền xét xử cho các toà án có thẩm quyền ở Paris.

Làm tại..... thành hai bản với thực tâm, ngày...

Người Xuất bản Người Đồng xuất bản

Hợp đồng quảng cáo

Về việc này SNE cung cấp mẫu. Có thể dựa theo mẫu dưới đây.

Thoả ước về quảng cáo

Giữa những người ký tên dưới đây :

Tên:

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký vào Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là "Người Xuất bản", một bên, và

Tên:

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký vào Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

dưới đây gọi là Nhà lập trình, bên kia,

ĐÃ TRÌNH BÀY TRƯỚC NHƯ SAU :

Người Xuất bản là một hội có kinh nghiệm về khả năng suy tưởng và xuất bản dưới mọi hình thức phương pháp ngôn ngữ học.

- Nhà lập trình là một hội chuyên về sáng tác và xuất bản các tác phẩm về các thành phố và các nước

Người Xuất bản và Nhà lập trình đã quyết định làm một bộ sách sưu tầm về *mô tả* theo ngôn từ các điều quy định dưới đây.

DO ĐÓ ĐÃ CÓ SỰ THOẢ THUẬN NHƯ SAU :

Điều 1. Mục tiêu

Người Xuất bản giao đặc cách cho Nhà lập trình suy tưởng và xây dựng một bộ sưu tập lấy tên :

Tên

Dưới đây gọi là "Bộ sưu tập".

Mục đích của thoả ước này là đưa ra những điều kiện để các bên tham gia việc suy tưởng, xây dựng và khai thác Bộ sưu tập này.

Các bên thoả thuận rõ ràng là không muốn lập hội tham gia.

Điều 2. Định nghĩa Bộ sưu tập

Bộ sưu tập gồm các tác phẩm có những đặc trưng sau đây :

- Đặc trưng của bộ sưu tập
- Mô tả nội dung
- Mô tả khổ sách, v.v...

Các tác phẩm này chủ yếu sẽ ở dạng sách, có khổ ....., ... trang, in..... bản, và có giá bán cho công chúng ấn định là ..... (giá tiền) trong lúc đầu.

Các bên thoả thuận rõ ràng là Bộ sưu tập cũng như tên gọi, việc lên trang, sự bố cục và makét đều thuộc chung về người xuất bản và Nhà lập trình.

Không bên nào được khai thác riêng các yếu tố này trong thời hạn của hợp đồngvà trong ... năm sau khi hợp đồng hết hiệu lực, trừ phi bên kia đồng ý, và như vậy sẽ theo các điều kiện đưa ra tùy từng trường hợp. Tuy nhiên, ngay từ bây giờ có sự thỏa thuận là Packager có quyền xuất bản đợt đặc biệt với số lượng in hạn chế về sách hướng dẫn du lịch dành cho các doanh nghiệp (khách hàng là đoàn thể).

Bộ sưu tập gồm..... tên sách cho năm ..... (ghi năm).

Nếu kết quả khả quan được ghi nhận vào tháng 10 năm ... về việc bán ... tít đầu tiên, ... tít mới sẽ được sản xuất hàng năm.

Nếu Người Xuất bản từ bỏ sau đợt xuất bản... tác phẩm đầu tiên trong Bộ sưu tập, thì Nhà Quảng cáo sẽ được hưởng số tiền... euro khoán về ý tưởng tìm tòi.

Điều 3. Đóng góp của Người xuất bản

Người Xuất bản tổ chức và quản lý với danh nghĩa phân phối các nhan đề của Bộ sưu tập.

Người đó cũng cam kết sẽ đảm bảo việc khai thác Bộ sưu tập một cách thường xuyên, liên tục và việc phát hành rộng rãi theo thông lệ nghề nghiệp cả ở Pháp và ở nước ngoài.

Như vậy là người đó tự mình đảm bảo việc chiêu hàng các nhan đề của Bộ sưu tập để tạo ra cho Bộ sưu tập những điều kiện thuận lợi cho việc khai thác dưới mọi hình thức, bằng việc phát hành rộng rãi trong công chúng và trong số những người thứ ba có thể có hứng thú.

Điều 4. Giá sản xuất

Người Xuất bản cam kết sẽ thanh toán trực tiếp với Nhà lập trình về toàn bộ chi phí sản xuất tập đầu trong Bộ sưu tập lấy tên.....

Về các tác phẩm và sản phẩm tiếp theo, Nhà lập trình sẽ trao cho người xuất bản dự toán về chi phí sản xuất các tít của Bộ sưu tập.

Sau khi chấp nhận bản dự toán đó, người xuất bản cam kết sẽ trực tiếp chuyển cho các nhà tài trợ hữu quan, và, trong giới hạn của ngân sách quy định trong bản phụ lục, gửi cho họ các hoá đơn về chi phí sản xuất.

Những khoản tiền mà Người Xuất bản tạm ứng cho Nhà lập trình về việc suy tưởng và sản xuất tất sẽ trừ vào tiền nhuận bút tính theo tỷ lệ, như nêu trong điều 9 hợp đồng này.

Điều 5. Đóng góp của Nhà lập trình

Nhà lập trình đóng góp khái niệm việc đặt trang, ma-két, soạn thảo các tác phẩm của Bộ Sưu tập.

Người đó cam kết đặt tên cho Bộ sưu tập - các tên này ghi trong phụ lục với sự thỏa thuận của toà soạn của Người Xuất bản.

Các hợp đồng về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật đối với các tác phẩm trong Bộ sưu tập đã xuất bản sẽ do Nhà lập trình trực tiếp ký với các tác giả.

Chỉ có Nhà lập trình được lựa chọn các tác giả tham gia việc đặt các tên cho Bộ sưu tập.

Người đó cam kết làm việc sửa đổi cần thiết cho các tác phẩm của Bộ sưu tập, theo đề nghị của Người Xuất bản, để duy trì tính thời sự. Khi sửa đổi phải tôn trọng, càng nhiều càng tốt, *sự tiết kiệm* trong việc đặt trang. Những việc làm cập nhật này đều tác động đến *sự lặp lại*.

Nhà lập trình giành cho mình quyền làm những đợt xuất bản đặc biệt với số lượng in hạn chế về các sách hướng dẫn du lịch dành cho các doanh nghiệp (khách hàng là đoàn thể).

Chương trình của toà soạn do các bên cùng quyết định đặc biệt bao gồm các quyết định về đặc trưng các nhan đề của Bộ sưu tập ghi trong điều 2 hợp đồng này, và như vậy là xác nhận mọi sự sửa đổi về hình thức, nội dung hoặc giá tiền các tác phẩm trong Bộ sưu tập.

Các bên cũng nhất trí đưa ra những quyết định liên quan đến sự cập nhật, việc dịch sang các thứ tiếng, việc sao chép, biểu diễn và chuyển thể bằng mọi hình thức và lớp nền các tác phẩm của Bộ Sưu tập, chẳng hạn như dưới dạng video, CD-Rom, DVD, CD-1, CD-ảnh, mạng kĩ thuật số (đặc biệt là Internet, điện thoại cố định và điện thoại di động) hoặc bằng mọi phương thức sẵn có hoặc sẽ có.

Sẽ có các hợp đồng riêng biệt thuộc thoả ước này về biên dịch, biểu diễn, sao chép và cải biên Bộ sưu tập.

Những hợp đồng này sẽ được thương lượng và ký kết một cách thực tâm, giữa các bên và theo thông lệ nghề nghiệp.

Tiền nhuận bút cho công việc chuyển thể Bộ sưu tập ghi trong điều khoản này sẽ do các bên thoả thuận chung.

Với giả thiết không đi đến nhất trí thì một giám định viên sẽ được chỉ định theo thông lệ nghề nghiệp để quy định tiền nhuận bút thích đáng.

Điều 6. Đặc quyền

Thoả ước này được ký kết một cách đặc quyền.

Các hợp đồng đồng xuất bản, việc lập trình, tiền bỏ túi, phương tiện đại chúng.

Trong thời kỳ thi hành hợp đồng này, Người Xuất bản và Nhà lập trình tránh tự mình, hoặc hợp tác với một người xuất bản khác, sáng tạo ra một bộ sưu tập có thể cạnh tranh một cách trực tiếp hoặc gián tiếp với Bộ sưu tập là chủ thể của hợp đồng này.

Nếu tình cờ Người Xuất bản mong muốn xuất bản một sản phẩm giống như Bộ sưu tập về hình thức, nội dung hoặc mục đích, thì người đó phải đề nghị trước với Nhà lập trình về việc thực hiện và phối hợp thực hiện các sản phẩm đó.

Nghĩa vụ không cạnh tranh và quyền ưu tiên ghi trong điều khoản này sẽ được duy trì trong vòng .... năm sau khi hợp đồng này hết hiệu lực.

Điều 7. Sự đảm bảo của Nhà lập trình

Nhà lập trình đảm bảo cho Người Xuất bản được hưởng hoàn toàn và tự do các quyền chuyển nhượng, không gặp rắc rối, không có yêu sách và không cơ sự gạt bỏ nào.

Người đó cũng đảm bảo rằng các tác phẩm trong Bộ sưu tập không có gì có thể vi phạm các luật về vu khống, thuần phong mỹ tục hoặc giả mạo.

Điều 8. Quảng cáo

Chỗ dành cho quảng cáo trong mỗi nhan đề của Bộ sưu tập tối đa là tám trang.

Nhà lập trình sẽ chịu trách nhiệm bán chỗ trống dành cho quảng cáo đó.

Người Xuất bản và Nhà lập trình sẽ được hưởng mỗi người năm mươi phần trăm (50%) tiền lãi từ việc khai thác quảng cáo nói trên *(định rõ giá tiền và tiền lãi nói đến)*.

Ngoài ra, mỗi bên được sử dụng miễn phí khoảng trống... trang để giới thiệu hoạt động của hội của mình.

Điều 9. Tiền nhuận bút

Công việc biên tập mà Nhà lập trình làm theo hợp đồng này và không tính đến tiền nhuận bút có thể có trong khuôn khổ điều 5, sẽ được chia theo tỷ lệ thu nhập từ việc khai thác các tác phẩm và các sản phẩm do Bộ sưu tập mà có.

Người Xuất bản sẽ trả cho Nhà lập trình tiền nhuận bút về những đóng góp của người đó bằng 12% giá bán sách HT ra ngoài cho mỗi cuốn đã bán của các tác phẩm đã xuất bản trong Bộ Sưu tập.

Khi xuất bản mỗi tít của Bộ Sưu tập, người xuất bản thanh toán cho Nhà lập trình về ý tưởng tìm tòi của người đó. Những khoản tạm ứng không phải bồi hoàn đó sẽ được trừ vào tiền nhuận bút theo tỷ lệ nói trên. Những khoản tiền đó là tiền bảo đảm tối thiểu trả theo từng tác phẩm theo mức..... euro.

Điều 10. Mức nhuận bút

Tiền nhuận bút quy định trong điều 9 hợp đồng này chỉ trả cho các cuốn sách đã bán.

Nhuận bút đó không trả cho:

- Các cuốn sách phân phát miễn phí hoặc bán giảm giá (50% giá bán hoặc ít hơn) để chiêu hàng cho tác phẩm : gửi cho báo chí hoặc các nhân vật quan trọng;

- Các cuốn gửi lưu chiểu hoặc để làm chứng cứ;

- Các cuốn bán hạ giá hoặc huỷ ;

- Các cuốn hư hỏng hoặc mất mát.

Tiền nhuận bút nói trên sẽ thanh toán hai tháng sau khi sơ kết số sách đã bán trong nửa năm..... ngày ..... Trong những bản sơ kết đó có ghi tình trạng sách dự trữ lúc chưa bán và đã bán, số sách tặng hoặc huỷ và số sách đã bán và giá bán (chưa tính thuế VAT).

Điều 11. Thời hạn và sự hủy bỏ

Thoả ước này sẽ có hiệu lực kể từ ngày ký và hiệu lực kéo dài trong ba năm.

Khi thời hạn ghi trong điều khoản này kết thúc sẽ ký lại hợp đồng, do sự tiếp tục mặc nhiên, cho thời hạn một năm, trừ phi một trong các bên gửi thư bảo đảm có biên nhận thông báo cho bên kia biết, ba tháng trước hạn, là sẽ chấm dứt quan hệ hợp đồng.

Việc người xuất bản có thể từ bỏ sau khi đã xuất bản ..... cuốn đầu tiên của các tác phẩm trong Bộ sưu tập làm cho Nhà lập trình được nhận số tiền khoán... euros về ý tưởng tìm tòi, theo điều 2 hợp đồng này.

Khi hợp đồng này hết hạn hoặc bị huỷ bỏ thì Nhà lập trình sẽ tiếp tục nhận tiền nhuận bút ghi trong điều 9, trong vòng ..... năm.

Chỉ được từ bỏ thoả ước này sau khi có kết luận của toà án.

Khi hợp đồng bị huỷ bỏ trong những điều kiện nói trên, sẽ không có tiền bồi thường, trừ phi người xuất bản có thể từ bỏ.

Mọi sự từ bỏ sẽ không gây rắc rối cho sự chuyển nhượng, chuyển quyền và các hợp đồng khác khai thác các quyền mà Nhà lập trình chuyển nhượng hợp thức trước đó.

Điều 12. Thực tâm

Các bên cam kết thực tâm thi hành các hợp đồng này và sẽ cố gắng một cách tốt nhất trong khuôn khổ việc thi hành các điều khoản của thoả ước này và của các hợp đồng nối tiếp và bổ sung có thể ký tiếp.

Điều 13. Chọn trụ sở

Để thi hành các hợp đồng này, và nhất là để thanh toán tiền nhuận bút, và/ hoặc để thông báo, các bên chọn nơi làm trụ sở.

Mỗi bên cam kết báo ngay cho bên kia khi có thể thay đổi trụ sở trong quá trình thi hành các hợp đồng này.

Điều 14. Điều khoản về thẩm quyền và luật vận dụng

Khi xảy ra tranh chấp trong việc hiểu hoặc thi hành hợp đồng này, thì vận dụng luật của Pháp và trao quyền xét xử cho các toà án có thẩm quyền ở Paris.

Làm tại..... thành hai bản, ngày.....

Người Xuất bản Nhà lập trình

Phụ lục I - Các tít cấu thành Bộ sưu tập

Phụ lục II - Ngân sách dành cho việc xuất bản Bộ sưu tập

Hợp đồng chuyển nhượng quyền "bỏ túi"

Hợp đồng chuyển nhượng quyền "bỏ túi"

Giữa những người ký tên dưới đây :

Tên:

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký vào Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

dưới đây gọi là "Người Xuất bản", một bên, và

Tên:

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký vào Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

dưới đây gọi là "Người Nhận chuyển nhượng", bên kia,

ĐÃ TRÌNH BÀY TRƯỚC LÀ :

Người Xuất bản đã ký với ..... (tên), tác giả cuốn sách ..... (tên tác phẩm), hợp đồng xuất bản chính ngày..... (theo đó Người Xuất bản độc quyền hưởng các quyền xuất bản tác phẩm đó.

Người Xuất bản mong muốn giao cho Người Nhận quyền chuyển nhượng xuất bản tác phẩm đó với khổ sách bỏ túi.

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU :

Điều 1. Đóng góp của Người Xuất bản

Người Xuất bản nhượng cho Người Nhận chuyển nhượng, và người này chấp thuận sự chuyển nhượng, theo những điều quy định dưới đây: độc quyền in, xuất bản, sao chép và bán tác phẩm dưới dạng sách bỏ túi (còn gọi là phát hành rộng rãi):

Nhan đề

Dưới đây gọi là "tác phẩm"

Điều 2. Đóng góp của Người Nhận chuyển nhượng

Người Nhận chuyển nhượng cam kết chi trả phí tổn về xuất bản tác phẩm dưới dạng sách bỏ túi và sẽ phát hành sách rộng rãi trong công chúng và những người thứ ba có thể quan tâm, để tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác tác phẩm.

Điều 3. Thời hạn chuyển nhượng

Sự chuyển nhượng này được phép thực hiện trên toàn thế giới và bằng tiếng Pháp, trong .... năm kể từ khi ký hợp đồng này.

Điều 4. Phạm vi chuyển nhượng

Người Xuất bản chuyển nhượng dứt khoát cho Người Nhận chuyển nhượng quyền xuất bản biểu đồ liên quan đến tác phẩm với khổ sách bỏ túi (hoặc phát hành rộng rãi).

Tất cả những quyền không được chuyển nhượng ghi trong hợp đồng này được dành riêng cho người xuất bản. Vì vậy, Người Xuất bản đặc biệt dành cho mình, trong thời hạn của hợp đồng này, quyền tiếp tục khai thác tác phẩm về xuất bản nguyên bản.

Điều 5. Đảm bảo của Người Nhận chuyển nhượng

Người Xuất bản đảm bảo mình là người duy nhất giữ quyền sở hữu văn học đối với tác phẩm chuyển nhượng và người duy nhất có tư cách ký hợp đồng này.

Người đó đảm bảo là theo mình biết thì tác phẩm không có điều gì vu khống, giả mạo hoặc có thể buộc tác giả hoặc bản thân phải chịu trách nhiệm về dân sự hoặc hình sự về tác phẩm.

Điều 6. Nghĩa vụ riêng của mỗi bên

a). Người Xuất bản đặc biệt cam kết trao cho Người Nhận chuyển nhượng thẩm quyền về văn học, tức là đưa ra lời khuyên.

b). Người Nhận chuyển nhượng cam kết thông báo trước cho Người Xuất bản, cũng như thu thập lời khuyên về văn học của người này về các điểm sau đây :

- thành lập bộ phận báo chí không ít hơn.... (số bản in) cho mỗi tác phẩm chuyển nhượng ;

- Ấn định số lần in lại ;

- Định giá bán ra ngoài chưa tính thuế.

c). Người Nhận chuyển nhượng cam kết sử dụng các phương tiện kĩ thuật và thương mại của mình, theo sự chỉ đạo của Người Xuất bản, nhất là để đảm bảo:

- Việc thực hiện ma-két;

- Việc lựa chọn các tiêu chuẩn về chất lượng tốt nhất, thời hạn và giá cả ;

- Việc sản xuất và thương mại hoá.

Điều 7. Tiền nhuận bút

Về giá tiền chuyển nhượng quyền xuất bản biểu đồ với khổ sách bỏ túi nêu trên đây, Người Nhận chuyển nhượng sẽ trả cho Người Xuất bản theo giá bán sách ra ngoài HT của mỗi cuốn sách đã bán, số tiền theo tỷ lệ lũy tiến:

- ...% tính từng tác phẩm một, cho đến cuốn sách thứ ... đã bán;

- ...% tính từng tác phẩm một, cho đến cuốn sách thứ ... đã bán;

- ...% tính từng tác phẩm một, trên cuốn thứ ... đã bán;

Các khoản tiền phải trả theo hợp đồng này được thanh toán bằng séc hoặc chuyển khoản bằng ngoại hối, không phải nộp thuế, khấu trừ hoặc trả bất kỳ phí tổn nào.

Người Nhận chuyển nhượng không được gửi lại tiền bảo chứng về những khoản tiền phải trả cho Người Xuất bản.

Điều 8. Cơ sở để tính nhuận bút

Quyền tác giả không áp dụng cho :

- Các cuốn sách dành cho tác giả ;

- Các cuốn dành cho báo chí hoặc để chiêu hàng, và do người xuất bản định số lượng;

- Các cuốn nộp lưu chiểu hoặc gửi làm chứng cứ;

- Các cuốn hư hại, mất mát hoặc hủy.

Điều 9. Tiền thù lao về kĩ thuật in sao và sao chép dùng riêng bằng kĩ thuật số

Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ dự tính tiền thù lao về kĩ thuật in, các bên thoả thuận chia đôi khoản tiền này, trong thời hạn hợp đồng có hiệu lực, vì việc sử dụng kĩ thuật in sao đã gây thiệt hại cho các bên. Người Nhận chuyển nhượng sẽ đại diện cho Người Xuất bản trong các cuộc thương lượng về việc hưởng nhuận bút về bản sao dùng riêng, và sẽ thanh toán số tiền đã thoả thuận.

Các điều từ L.311 đến L.311-8 của Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ đặc biệt dự kiến tiền thù lao về sao chép riêng các tác phẩm bằng phương tiện kĩ thuật số, các bên thoả thuận chia đôi tiền thù lao đó trong thời hạn của hợp đồng. Người Xuất bản sẽ đại diện cho Người Nhận chuyển nhượng trong mọi cuộc thương lượng về quyền hưởng tiền thù lao về việc in sao dùng riêng và về việc cho mượn, và sẽ trả cho người đó số tiền đã thoả thuận.

Điều 10. Tiền trả một phần

Người Nhận chuyển nhượng sẽ trả một phần... euros về các khoản tiền phải trả cho Người Xuất bản, theo điều 7 hợp đồng này, và trả theo cách sau đây:

- ... euros khi ký hợp đồng này;

- ... euros khi xuất bản tác phẩm.

Số tiền trả một phần này sẽ được gửi vào tài khoản của Người Xuất bản.

Điều 11. Sách miễn phí

... cuốn sách về tác phẩm đã xuất bản được gửi biếu Người Xuất bản khi hoàn thành việc sản xuất, và ... cuốn được gửi mỗi khi in lại. Người Xuất bản muốn mua bao nhiêu cuốn tùy thích và được chiết giá theo tỷ lệ... giá bán HT.

Những cuốn này chỉ có thể nhượng lại cho người tiêu dùng, chứ không phải những người chuyên nghiệp.

Điều 12. Quyết toán và nộp bản quyết toán

Người Nhận chuyển nhượng sẽ gửi cho Người Xuất bản bản thanh toán sáu tháng một lần, vào ngày ... Người Nhận chuyển nhượng sẽ gửi cho Người Xuất bản bản thanh toán trong vòng hai tháng, tính từ ngày làm quyết toán, và người đó sẽ gửi hoá đơn trong vòng ... ngày. Người Nhận chuyển nhượng sẽ thanh toán trong một tháng sau khi nhận được hóa đơn do Người Xuất bản gửi.

Người Xuất bản dành cho mình quyền chọn người kiểm tra tình hình kế toán về sách ở chỗ người Nhận chuyển nhượng. Nếu phát hiện sai sót về tính toán thiệt cho Người Xuất bản thì Người Nhận chuyển nhượng phải chịu phí tổn về kiểm tra. Ngược lại thì Người Xuất bản phải chịu phí tổn. Những sai sót được phát hiện sẽ được sửa chữa theo quy định trong vòng ba mươi ngày làm kiểm tra.

Điều 13. Chất lượng các bản in

Người Nhận chuyển nhượng cam kết sẽ làm các bản in chính xác, không bị cắt xén, sửa đổi hoặc bổ sung, theo đúng lần xuất bản gốc. Đặc biệt, người Nhận chuyển nhượng cam kết in lại và xuất bản tác phẩm nguyên vẹn làm một tập, như lần xuất bản gốc, không chia thành nhiều tập.

Điều khoản không bắt buộc: Người Nhận chuyển nhượng cam kết in lại trang bìa của lần xuất bản gốc cho lần xuất bản khổ sách bỏ túi

Người Xuất bản sẽ được thông báo về việc hoàn thành các bản in, và nếu người đó yêu cầu, đúng theo điều ước mong của tác giả, thì phải gửi một trong những bản in đó cho tác giả trước khi chuẩn bị in.

Không được sửa đổi hoặc bổ sung bài dưới dạng lời tựa hoặc ghi chú, nếu Người Xuất bản không viết giấy đồng ý.

Người Nhận chuyển nhượng cam kết in tên tác giả và tên Người Xuất bản rõ ràng trên trang bìa thứ tư và trang tít, cũng như trong các bản thông báo việc xuất bản các tác phẩm chuyển nhượng.

Người đó cam kết làm các thủ tục pháp lý vào thời gian đòi hỏi và chịu phí tổn về các cuộc vận động cần thiết để chuẩn bị xuất bản các tác phẩm sẽ được chuyển nhượng.

Điều 14. Việc khai thác các tác phẩm chuyển nhượng

Người Nhận chuyển nhượng cam kết đảm bảo cho tác phẩm được khai thác thường xuyên, liên tục, và được phát hành trong thương mại theo thông lệ nghề nghiệp. Người đó cũng cam kết sẽ bán ít nhất... cuốn sách trong thời hạn hợp đồng này có hiệu lực.

Người đó cam kết sẽ đưa ra bán ... cuốn trong vòng ... tháng, kể từ khi ký hợp đồng này. Nếu người đó không xuất bản tác phẩm đúng thời hạn thì các quyền nhượng lại theo hợp đồng này mặc nhiên sẽ trở về với Người Xuất bản, trừ phi sau này có thoả ước ngược lại.

Khi đưa sách ra bán, các bên sẽ cùng quyết định về tầm quan trọng của số lượng in và giá bán sách cho công chúng.

Người Nhận chuyển nhượng cam kết in lần đầu tối thiểu ... cuốn về tác phẩm chuyển nhượng, và sẽ báo cho Người Xuất bản biết số lượng sẽ in liên tiếp các lần sau.

Điều 15. In lại

Trường hợp số sách do Người Nhận chuyển nhượng xuất bản vừa hết, hợp đồng này sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ nếu người đó không tự cho in lại trong vòng sáu tháng kể từ khi Người Xuất bản gửi thư bảo đảm có biên nhận thúc giục, trừ hoàn cảnh đặc biệt phải kéo dài thời hạn. Khi đó Người Xuất bản sẽ thu hồi hoàn toàn và vô điều kiện các quyền về tác phẩm, và Người Nhận chuyển nhượng sẽ được miễn mọi nghĩa vụ và sự bồi thường đối với Người Xuất bản.

Tác phẩm được coi như đã bán hết nếu hai đề nghị viết hỏi mua sách gửi đến Người Nhận chuyển nhượng không được giải quyết trong vòng ba tháng, và nếu việc thiếu sách đó không do tình thế bất khả kháng hoặc lý do chính đáng khác.

Điều 16. Huỷ và bán hạ giá

Nếu vào thời kỳ nào đó, hai năm sau khi tác phẩm được bán ra, Người Nhận chuyển nhượng có trong kho một lô sách nhiều hơn số lượng mà người đó cho là cần thiết để giải quyết nhu cầu thông thường về việc bán tác phẩm, thì người đó có quyền huỷ hoặc bán số sách đó với giá tiền có thể thu được, mà hợp đồng không vì thế bị hủy bỏ.

Nhưng có điều rõ ràng là Người Nhận chuyển nhượng buộc phải giữ số lượng sách đủ để có thể đáp ứng nhu cầu.

Tiền bán hạ giá sẽ thuộc về Người Nhận chuyển nhượng nếu sách được bán dưới 50% giá bán TTC. Ngược lại, Người xuất bản sẽ hưởng tiền tính theo tỷ lệ tối thiểu, ghi trong điều 7 các hợp đồng này, về tiền bán cho người buôn sách hạ giá.

Trường hợp huỷ nhiều sách còn mới thì Người Nhận chuyển nhượng phải báo trước cho người xuất bản và phải có giấy chứng nhận việc huỷ sách, ghi số lượng huỷ. Bất kỳ lúc nào người đó có thể cho hủy những cuốn sách không còn tốt hoặc chữ đã mờ, mà không cần báo trước cho Người Xuất bản.

Trong vòng ba mươi ngày sau khi được báo về cách thanh lý sách, Người Xuất bản phải gửi thư bảo đảm có biên nhận báo cho Người Nhận chuyển nhượng biết nếu muốn mua lại sách thanh lý với giá không cao hơn giá bán cho người buôn sách hạ giá, hoặc với giá thành ghi trong sổ kế toán.

Khi đó Người Xuất bản trả bằng tiền mặt, trừ khi có số dư có trong tài khoản của mình. Nếu Người Xuất bản không đáp ứng hai điều kiện nêu trên đây thì Người Nhận chuyển nhượng sẽ tuỳ ý sử dụng các tác phẩm.

Nếu người đó mua lại sổ sách sẵn có thì có thể đem ra bán hết. Nếu đem hủy hết thì Người Nhận chuyển nhượng phải trao cho người Xuất bản giấy xác nhận ghi rõ ngày và số sách hủy.

Trường hợp thanh lý toàn bộ số sách đang có, nếu kết hợp các điều kiện ghi trong điều 15, đoạn 1 thì phải bỏ thanh lý tài khoản của Người Xuất bản và trả lại quyền khai thác cho người đó để xuất bản khổ sách bỏ túi trước khi bán hạ giá hoặc huỷ toàn bộ sách.

Bất kỳ lúc nào, Người Nhận chuyển nhượng cũng có quyền huỷ, các tập sách đã cũ và không bán được, do hiệu sách trả lại, mà không phải trả tiền cho Người Xuất bản.

Điều 17. Trường hợp rủi ro

Nếu xảy ra hoả hoạn, lụt lội hoặc có việc đột xuất khác, hoặc trường hợp bất khả kháng làm cho toàn bộ hoặc một phần sách dự trữ bị hư hỏng hoặc mất mát, Người Nhận chuyển nhượng không phải chịu trách nhiệm, và không phải trả cho Người Xuất bản bất kỳ tiền gì, hoặc bồi thường về những cuốn sách đó.

Nếu số sách dự trữ còn lại không cho phép Người Nhận chuyển nhượng đáp ứng nhu cầu thì coi như không còn sách của đợt xuất bản đó, và Người Xuất bản có quyền thúc Người Nhận chuyển nhượng cho in lại theo các phương thức và sự phê chuẩn ghi trong điều 15, đoạn 1 của hợp đồng này. Nếu những cuốn sách đã được trả tiền trước bị hư hỏng vì thiên tai thì các khoản tiền đó sẽ chuyển sang những cuốn sách thay thế.

Điều 18. Việc huỷ bỏ hợp đồng

a) Việc huỷ bỏ hợp đồng chính ký kết giữa tác giả và Người Xuất bản ngày .... do toà án quyết định hoặc một cách đương nhiên không dẫn đến việc huỷ bỏ hợp đồng này.

b) Mọi thiếu sót nghiêm trọng hoặc lặp lại trong khi thực hiện hợp đồng này có thể ảnh hưởng đến tính hiệu lực của hợp đồng. Lúc đó, hợp đồng này có thể đương nhiên bị hủy bỏ, trừ khi có thoả ước trái ngược. Việc huỷ bỏ này sẽ có hiệu lực.... ngày sau khi thư gửi bảo đảm có biên nhận không có tác dụng.

Theo giả thiết này thì có thể đòi ngay tất cả các khoản tiền mà người nhận chuyển nhượng phải trả.

Tất cả các món tiền đã trả cho Người Xuất bản về bất cứ cái gì vẫn thuộc về người đó, và không được động chạm đến, nếu có việc đòi hỏi bồi thường.

c) Nếu việc Người Nhận bồi thường bị phá sản, ngừng hoạt động, phải sửa đổi nhiều về chế độ cổ phần tác động trực tiếp đến chính sách của toà soạn về việc xuất bản sách bỏ túi, hoặc không làm một trong những nghĩa vụ ghi trong hợp đồng này, thì hợp đồng sẽ mặc nhiên bị huỷ bỏ, trừ phi có sự thoả thuận sau này, và Người Xuất bản sẽ thu hồi ngay các quyền đã chuyển nhượng cho Người Nhận chuyển nhượng.

Mọi khoản tiền mà người này phải trả có thể đòi thanh toán ngay. Mọi khoản tiền đã trả cho người xuất bản về bất cứ việc gì vẫn thuộc về người đó, và không có sự đòi hỏi nào về bồi thường.

d) Hợp đồng này sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ sau khi có thư thúc giục gửi bảo đảm có biên nhận, và không bên nào phải bồi thường, nếu Người Nhận chuyển nhượng không gửi lại bản hợp đồng đã ký tên trong thời hạn... ngày kể từ ngày...

Điều. 19 Quyền về tinh thần

Hợp đồng này sẽ được ký và thi hành với sự tôn trọng hoàn toàn quyền tinh thần của các tác giả, theo đúng các quy tắc về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật.

Điều. 20 Sự giả tạo

Người Nhận chuyển nhượng có thể can thiệp vào việc khai thác cạnh tranh có thể phạm đến quyền mà người đó đã nhận chuyển nhượng nếu có sự giả tạo.

Theo các hợp đồng này, Người Nhận chuyển nhượng có quyền đề nghị truy tố mọi sự giả tạo, mô phỏng hoặc khai thác tác phẩm đã chuyển nhượng cho mình dưới bất kỳ hình thức nào, theo cam kết trong hợp đồng, nhưng phải tự chịu phí tổn, chịu hoàn toàn trách nhiệm và tự thỉnh cầu.

Vì mục đích này, Người Xuất bản nhận cung cấp mọi chứng từ mà Người Nhận chuyển nhượng có thể yêu cầu, chứng từ có thể cần thiết cho việc đề nghị truy tố của người này.

Điều 21. Thực tâm

Các bên cam kết hiểu và thực tâm thi hành các hợp đồng này và cố gắng hết sức trong khuôn khổ việc thi hành các hợp đồng này và các hợp đồng tiếp rheo và bổ sung có thể có.

Điều 21. Thông báo

Mọi thông báo về những hợp đồng này sẽ được gửi qua thư bảo đảm có biên nhận tới các địa chỉ ghi ở đầu các hợp đồng này.

Điều 23. Tranh chấp và luật có thể vận dụng

Nếu việc hiểu hoặc thi hành các hợp đồng này gặp khó khăn hoặc tranh chấp thì các bên ra quyết định chung giao thẩm quyền về việc xét xử cho các toà án ở Paris.

Hợp đồng này chịu sự chi phối của luật pháp nước Pháp.

Điều 24. Chọn trụ sở

Để thực hiện hợp đồng này, các bên chọn địa chỉ trụ sở ghi ở đầu hợp đồng này.

Làm tại ... thành hai bản, ngày ...

Người Xuất bản Người Nhận chuyển nhượng

Các hợp đồng về truyền thông đại chúng

Ngày nay khó mà giới thiệu được một mẫu hợp đồng thống nhất riêng cho lĩnh vực truyền thông đại chúng cả về việc khai thác "đặc biệt" lẫn "thông thường": do đó có nhiều bên can dự. Người Xuất bản đặc biệt sẽ dùng những tác phẩm đã có sẵn - mà người đó đã khai thác - trên giấy hoặc sẽ phải nhờ đồng nghiệp mà có -, các tác phẩm sáng tác riêng cho truyền thông đại chúng (tác giả kịch bản dùng màn hình tương giao) những người trợ cấp cho công nghệ mới v.v... khi Người Xuất bản đã có quyền khai thác một tác phẩm dưới hình thức cổ điển hơn dự định chuyển tác phẩm đó thành tác phẩm truyền thông đại chúng thì thường là làm văn bản đơn giản sửa đổi hợp đồng.

Về tính chất của hợp đồng truyền thông đại chúng, những người chuyên nghiệp vẫn đang chờ đợi. Hợp đồng này đứng giữa hợp đồng xuất bản và hợp đồng sản xuất bằng phương tiện nghe-nhìn[1]. Mà hai loại hợp đồng này đưa ra những điều kiện hợp pháp và có hiệu quả pháp lý đôi khi rất khác nhau. Phải theo những điều kiện áp đặt cho hợp đồng xuất bản hay những điều kiện về hợp đồng sản xuất phương tiện nghe-nhìn? Tuy nhiên năm 1997, một đĩa CD-R đã được toà án cấp hai ở Nanterre coi là tác phẩm tập thể, điều đó thoạt đầu loại trừ việc nó gắn với tác phẩm nghe - nhìn, mà, theo luật pháp, chỉ là tác phẩm hợp tác[2]. Thật ra hiện nay mỗi người cố gắng vạch ra con đường ít nhiều ở giữa tuỳ theo sản phẩm truyền thông đại chúng được xem xét, nhưng chứng nào mà chưa công bố việc xét xử thì nguy cơ hiệu lực của các hợp đồng bị thủ tiêu là có thực.

Điều L. 132-1 của CPI thật ra có ghi "hợp đồng xuất bản là hợp đồng để cho tác giả một tác phẩm trí tuệ hoặc những người có quyền chuyển nhượng cho người gọi là người xuất bản, những điều kiện rõ ràng, quyền tự sản xuất hoặc cho sản xuất tác phẩm thành nhiều bản mà người đó có trách nhiệm xuất bản và phát hành". Sản xuất, xuất bản hoặc phát hành là những khái niệm có thể tìm thấy trong quá trình xuất bản thông thường. Nhưng, như Etienne de La Boulaye[3] đã nhấn mạnh, từ "bản

---

[1] Agnes Freche, "Tác phẩm tương giao và quyền tác giả, tác phẩm phần mềm hoặc nghe-nhìn", Biên bản giám định, 1-1996, tr 26. Éric Barbry "Việc thẩm định các tác phẩm truyền thông đại chúng, các cuộc bút chiến giả và lời đáp thật", Thông cáo sông Seine, 25-3-1996, số 24, tr8. Jean Jacques Raynel, "Truyền thông đại chúng, phần mềm, cơ sở dữ liệu hay nghe-nhìn? Biên bản giám định 11-1996, tr. 394.

[2] Toà án phúc thẩm Nanterre, 26 -11-1997, Gazette de Paris, 19 đến 21-4-1998, số 109, tr 46. Về một thí dụ khác. Toà phúc thẩm Versailles, 25-3-2004, Truyền thông thương mại điện tử 2004, số 104, nhận xét Christophe Caron.

[3] Étienne La Boulaye, "Hợp đồng xuất bản thông thường", Légicom, số 24, 2001/1, tr13.

in" làm nhiễu loạn mọi ý đồ chuyển thể quá thô bạo. Việc chuyển dữ liệu qua mạng tin học viễn thông khiến sự tồn tại của nhiều bản là có thực; nhưng việc tra cứu thông thường đơn giản không như thế.

Vì vậy, đi quá và đưa ra một hợp đồng khác với hợp đồng xuất bản là một ý đồ lớn.

Nhưng quan toà có quyền định lại tính chất của các thoả thuận đã qua với một tác giả bằng hợp đồng xuất bản và rút ra những hệ quả pháp lý nghiêm trọng nếu, ngoài tên hợp đồng, hình thức đặc thù mà luật pháp đã quy định không được tôn trọng.

Rõ ràng là công lý có thể quyết định một việc khai thác tác phẩm nào đó nằm trong khuôn khổ hợp pháp của hợp đồng xuất bản, dù người xuất bản và sự tương kỵ về pháp lý - công nghệ có thích hay không. Quyền sở hữu văn học và nghệ thuật được đặt ra như vậy để khi định lại tính chất pháp lý, nhà xuất bản sẽ bị quy là phạm lỗi và sẽ bị lên án.

Trong khi chờ đợi sự thay đổi quy chế có thể có hoặc sự xuất hiện án lệ tham khảo, điều cần thận trọng là cố gắng thảo một hợp đồng với bất kỳ tên gì, đáp ứng những điều quy định hợp pháp của hợp đồng xuất bản. Việc phải lau chùi lớp trát thạch cao từ trên trần rơi xuống - tuy là đã mạ vàng - ở các toà án không bao giờ là điều tốt lành.

Việc còn lại, sau khi đặt khung, là có thể thảo mẫu hợp đồng xuất bản đáp ứng những yêu cầu nhất định của CPI.

Chẳng hạn như, theo điều L.132-10, "trong hợp đồng xuất bản phải ghi số lượng bản tối thiểu của lần in đầu tiên". Trong trường hợp này khó làm điều bắt buộc đó. Nhưng có định rõ là "tuy nhiên không áp dụng điều bắt buộc này cho các hợp đồng dự kiến những quyền tác giả tối thiểu mà người xuất bản đảm bảo". Tóm lại, để có giá trị, hợp đồng xuất bản thường phải kèm theo việc phải trả một phần tiền...

Lời chú giải thường lệ của hợp đồng xuất bản sẽ được xem lại toàn bộ. Sẽ bổ sung vài đoạn riêng về công nghệ mới. Vì vậy, người xuất bản nên xác định quyền sở hữu vật chất dữ liệu kỹ thuật số thuộc về mình, vì cái giá của việc làm cho việc xuất bản thường đạt tiêu chuẩn riêng.

Các điều khoản về "việc cóp bằng điện" (hình xăm kỹ thuật số, thiết bị chống cướp, niêm yết lời cảnh cáo răn đe v.v...) sẽ được hoan nghênh.

Có một bản hợp đồng mẫu rất chi tiết do Calere (Uỷ ban các tác giả chống lại thủ đoạn xuất bản nổi tiếng)[1] soạn thảo và được bình luận trong một số của tạp chí *Viết và xuất bản*[2] của Uỷ ban. Chẳng hạn như có đề nghị tác giả đặc biệt nhượng cho người xuất bản "quyền chuyển tác phẩm thành các khổ kỹ thuật số sau đây: PDF, RTF, HTML, [...] cũng như các khổ kỹ thuật số đồng hình hoặc nén với điều kiện tôn trọng quyền tinh thần của tác giả"... Văn bản của Calere đề cập đến cả việc in ấn theo yêu cầu lẫn việc chú dẫn của tác phẩm.

Các điều khoản của mọi hợp đồng về truyền thông đại chúng, dù là đồng sản xuất hay mua quyền, không gây khó khăn mới lạ khác về pháp lý.

Hẳn là những sự khởi động các kiểu đều thất bại, thậm chí mất tích nhưng việc xuất bản thường hình như ở trong khuôn khổ một sơ đồ lâu bền về khai thác bản thảo. Vì vậy đã đến lúc phải làm những hợp đồng đáng tin cậy.

Cuối cùng và là điều ngược đời, chúng ta hãy nhớ rằng chừng nào mà các cách ký tên điện tử trên thực tế[3] ký tắt, chưa được hoàn toàn thừa nhận thì hợp đồng xuất bản thường phải có chữ viết tay của tác giả trên giấy để không thể chối cãi được.

Thực sự là vấn đề quyền về các tác phẩm có trước "kỹ thuật số[4]". Nếu các quyền được chuyển nhượng rõ ràng (chẳng hạn như "khai thác về truyền hình" hoặc "sản xuất đĩa", lúc đầu tác giả vẫn sở hữu các quyền về truyền thông đại chúng[5]. Nhưng các điều khoản thường không rõ ràng và dự kiến về tương lai rất lờ mờ (chẳng hạn như "khai thác về nghe - nhìn và bằng mọi phương thức tương tự sẵn có hoặc sẽ có"). Nguyên tắc chung là dành cho tác giả tất cả các quyền không chuyển nhượng. Dĩ nhiên án lệ sẽ làm sáng tỏ mọi việc và quyết định xem có phải nói rõ các quyền về truyền thông đại chúng để có thể coi là chúng đã được chuyển nhượng hay không. Chúng ta hãy nhớ là có điều quy định rõ ràng của CPI về các phương thức khai thác chưa được đề cập rõ ràng trong hợp đồng thứ nhất[6].

---

[1] Về sau là Cose- Calere. Xem "Điều chỉ cần"

[2] Viết và xuất bản, số 34.

[3] Xem Emmanuel Pierrat, Luật về sách, đã dẫn.

[4] Armand Boudier, "Truyền thông đại chúng và luật", Wile, 4-1996 tr.68. Frédérique Olivier, "Các phương diện pháp lý về sáng tác tác phẩm truyền thông đại chúng". Thông cáo sông Seine, 25-3-1936, số 24, tr.4. Dominique Lahary, "Các quyền gắn với việc cung cấp tài liệu điện tử", Bản tin của Hội các cán bộ thư viện của Pháp, số 168, quý 3 năm 1995, tr.76. Sách trắng của nhóm nghe-nhìn và truyền thông đại chúng về xuất bản, những vấn đề pháp lý về tác phẩm truyền thông đại chúng, Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc, 1993 Emimamel Dreyder, "Truyền thông đại chúng, những người có quyền về các tác phẩm có sẵn", Biên bản giám định, 10-1996, tr. 356. Hubert Bitan, "Cách đặt vấn đề về việc dựng một tác phẩm truyền thông đại chúng", Báo của Bộ Tư pháp, 25-26/10/1996, số 229-300, tr.11.

[5] Xem "Sự giải thích hạn chế".

[6] Điều L. 131-6 của CPI.

Cần phải sửa lại các hợp đồng để ngăn cản việc chuyển nhượng các quyền về "truyền thông đại chúng, "xuất bản điện tử", "kỹ thuật số hoá", v.v... Ngoài ra, cần kiểm tra các hợp đồng đó xem các quyền chuyển nhượng có chồng chéo lên việc khai thác sản phẩm truyền thông đại chúng không.

Vì vậy, toàn bộ các luật lệ này thường buộc người xuất bản hoặc nhà xuất bản về truyền thông đại chúng phải bảo đảm cho mình được phép của vô số người can dự trước khi được khai thác một hình ảnh. Một bức ảnh của công chúng trong một viện bảo tàng có thể là một công việc pháp lý hóc búa thật sự vì nhà kiến trúc hiện trường các họa sĩ vẽ tranh hội hoạ, những người được đại diện và nhà nhiếp ảnh, tất cả đều phải đồng ý. Các tác phẩm nghe - nhìn chẳng hạn, có nhiều tác giả và được coi là tác phẩm hợp tác theo những luật quốc gia nào đó. Do đó việc khai thác thường đòi hỏi sự cho phép của nhiều người chủ chốt.

Việc xác định những người có quyền rất khó. Quyền về hình ảnh có thể thuộc về một nhà hoạ hình, một người xuất bản sách, một cơ quan báo chí, một người sản xuất về truyền hình, một hãng nhiếp ảnh hoặc những người thừa kế của một hoạ sĩ.

Những hợp đồng chuyển nhượng quyền xuất bản, sản xuất phương tiện nghe-nhìn v.v... có thể được ký và tác động đến hành trình pháp lý của một tác phẩm. Theo pháp chế của một số nước, người có các quyền có thể, gần như tất nhiên, là người sản xuất hoặc người xuất bản, và theo quy chế các nước khác, các thể thức chuyển quyền của tác giả cho một hội viên hùn vốn phải được xác định rõ ràng. Mặt khác, nhiều tác phẩm nghe - nhìn, nhất là về các chương trình thể thao, được trực tiếp phát trên các kênh truyền hình. Vậy thì phải tìm đến các kênh đó. Các tác phẩm của một nhà báo hoặc tác phẩm trong khuôn khổ một hợp đồng về công việc cổ điển cũng có thể có số phận khác nhau tuỳ theo loại hợp đồng nhận việc, và thuộc về người thuê làm hoặc người làm thuê[1].

Để tạo thuận lợi cho việc xác định, một số hội quản lý đó tập hợp lại và từ đó đưa ra những dịch vụ công cộng - người ta nói đến "cửa con công cộng" - hướng về khu vực truyền thông đại chúng[2].

Nhiều quyền khai thác các tác phẩm có tiếng đều thuộc về những người đôi khi, khó xác định nhân thân. Trước những khó khăn gặp phải, một số người xuất bản đưa ra những đĩa CD-R về hình ảnh hoặc âm nhạc được thông báo là "miễn thuế". Nói chung đó là các đĩa DVD có chọn lọc hình minh hoạ theo chủ đề (cảnh

---

[1] Xem chương II "Hệ thống loại hình các tác phẩm được bảo trợ" và chương IV "Việc sử dụng các quyền".

[2] Xem "Vai trò của sự quản lý tập thể: Các hội thu và phân phối tiền"

mặt trời lặn, động vật v.v...) hoặc đĩa tiếng dùng tự do nghĩa là không có phép đặc biệt và không phải trả nhuận bút. Nhưng mà, nếu cách làm đó đúng luật pháp của Mỹ thì quan niệm ở lục địa về quyền tác giả lại phản đối: vì vậy, việc sử dụng những hình ảnh đó có thể là điều mạo hiểm[1] về mặt pháp lý.

Nếu không tìm được người hưởng quyền thì tốt hơn là đừng khai thác và đừng tưởng là việc xuất bản một tác phẩm có ghi "D.R" (quyền dành riêng), sẽ tránh khỏi bị kiện ra toà (việc làm giả hoặc việc khác).

Cũng phải coi chừng các cộng tác viên của tác phẩm truyền thông đại chúng. Tuy rằng thoạt đầu không phải tất cả đều là tác giả, mà có thể là trong tương lai án lệ sẽ cho họ hưởng, một số đặc quyền. Do đó, việc đưa các điều khoản có thể có về chuyển nhượng quyền sở hữu trí tuệ vào các hợp đồng của họ là việc nên làm. Đặc biệt đó là các kỹ sư về âm thanh, kỹ thuật số, người tổ chức hợp lý lao động; những người đặt trang, lập bảng tra, làm tư liệu, lồng tiếng, dựng phim, quay phim, làm về tác động qua lại, phân hình, định vị, phân giới chuyên biệt, dựng chương trình, viết kịch bản, giám đốc chương trình; làm công việc trung gian hóa, phối hợp (coi như giám đốc sưu tập) v.v...

Còn về hợp đồng ký với người làm công việc dựng hình và các hội hoàn thiện sản phẩm và lo việc tạm trú ở hiện trường, cần đặc biệt bảo đảm là có nói đến phần mềm cơ sở và việc khai thác phần mềm đó. Cũng không nên quên tính chất các tài liệu gốc để có thể giới thiệu tác phẩm bằng nhiều bản dịch sang các thứ tiếng, v.v...[2]

Cuối cùng, trong mọi hoạt động pháp lý về xuất bản theo phương thức truyền thông đại chúng, người xuất bản nên thận trọng giới hạn phạm vi khai thác các quyền đã chuyển nhượng, và nhất là chú ý giành được, chẳng hạn như, các quyền về kịch bản có tác động qua lại giữa tất cả các phương thức xuất bản về truyền thông đại chúng có thể dự kiến[3].

Vì vậy, ba mẫu hợp đồng có tính chỉ dẫn được đưa ra đây. Mẫu thứ nhất có thể được coi là hợp đồng thường thật sự. Mẫu thứ hai dành riêng cho những người xuất bản sách hoặc tạp chí được mời giới thiệu một tờ tạp chí.

---

[1] Xem "Mẹo lừa của các tác phẩm gọi là miễn thuế".
[2] Những vấn đề này được bàn đến chi tiết hơn trong *Luật về sách*.
[3] Xem "Lời giải thích giới hạn".

Hợp đồng xuất bản thông thường

Giữa những người ký tên dưới đây :

Tên:

- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký vào Sở thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

dưới đây gọi là **"Người xuất bản"**, một bên, và

- Họ tên
- Địa chỉ

Dưới đây gọi là **"Tác giả"**, bên kia,

ĐÃ ĐƯỢC TRÌNH BÀY RÕ RÀNG NHƯ SAU :

Thông qua mạng Internet, **Người xuất bản** thu hút sự chú ý của những người xuất bản đến bài viết, dưới đây gọi là "Văn bản", mà **Tác giả** đã trao cho người đó và bảo đảm việc chiêu hàng, mà không có việc làm gì đặc biệt của toà soạn, trong những điều kiện chi tiết sau đây.

Mặt khác, **người xuất bản** đề nghị với tác giả về việc thương mại hoá Văn bản, mà **tác giả** muốn làm dưới dạng sách in theo yêu cầu và hộp phích điện tử, trong những điều kiện dưới đây về xuất bản kĩ thuật số, không sửa chữa.

Cuối cùng, dù sao đi nữa **Tác giả** cũng đồng ý với **người xuất bản** về sự lựa chọn riêng biệt nhằm giành quyền xuất bản hoặc thuê người xuất bản khác ngỏ ý muốn làm, xuất bản Văn bản trên giấy với một trong những nhãn hiệu của mình, danh sách những người xuất bản cùng hội được in thành phụ lục của những hợp đồng này và có thể được sửa đổi và báo cho **Tác giả** biết.

Những hợp đồng này nhằm dự kiến và tổ chức :

- Quảng cáo văn bản của **tác giả** do **người xuất bản** làm;
- Nếu có dịp, các điều kiện xuất bản văn bản theo phương thức kĩ thuật số;
- Những sự lựa chọn mà *người xuất bản chấp nhận* về việc dành quyền in sao, biểu diễn và chuyển sang thể loại nghe - nhìn Văn bản của **tác giả,** và nếu có dịp, các thể thức mà tác giả chuyển nhượng cho **người xuất bản** những quyền nói đến và các điều kiện khai thác phái sinh.

KẾT QUẢ LÀ SỰ THỎA THUẬN SAU ĐÂY:

TÍT I. QUẢNG CÁO VĂN BẢN

Điều 1. Cam kết của người xuất bản

Để tác phẩm có dịp may được xuất bản, **người xuất bản** cam kết quảng cáo Văn bản tại địa bàn của mình, trong thời gian....., trong những điều kiện chi tiết sau đây :

- Nộp Văn bản cho một tổ chức chuyên trách để ghi ngày tháng vào đó, và như vậy là có chứng cứ về sự có trước nếu xảy ra tranh chấp;

- Cho internautes đến thăm địa bàn của mình một đoạn trích trong Văn bản, và đề nghị họ biểu quyết ủng hộ việc tìm ra đoạn trích thứ hai; những văn bản được nhiều phiếu nhất sẽ được đưa lên trước trong địa bàn;

- Nhờ cậy mạng lưới bạn đọc (chủ yếu là những người bán sách) đọc những văn bản giữ lại sau đợt đọc đầu tiên trong nội bộ. Có thể thông báo lời giới thiệu của họ cho công chúng và những người xuất bản là hội viên. Tuy nhiên, **người xuất bản** tự quyết định có đưa văn bản ra cho mạng lưới độc giả và có thông báo cho **tác giả** những ý kiến thu thập được bằng cách đó hay không ;

- Thường xuyên nhờ đến lời phê bình ở địa bàn (nhà báo, tác giả, biên tập viên tạp chí hoặc mọi nhân vật quan trọng khác). Họ sẽ chọn những bài mà họ cho là nhiều hứa hẹn nhất trong toàn bộ các bài, và nhất là những bài thuộc thể loại mà họ đặc biệt ưa thích. Những lời giới thiệu có thể được thông báo cho công chúng và những người xuất bản thứ ba. Nhưng **người xuất bản** không thể cam kết về việc văn bản bị một nhà phê bình giữ lại.

Trường hợp **người xuất bản** làm công việc xuất bản, thì người đó còn cam kết :

- Bảo đảm quảng cáo xuất bản tại địa bàn (trình bày bìa sách, và trang 4 của bìa);

- Bảo đảm lập ban biên tập kĩ thuật số phục vụ những người cộng tác về báo chí và mạng lưới những người bán sách;

- Thông tin cho những internautes tỏ ra quan tâm đến văn bản biết việc xuất bản tác phẩm.

Điều 2. Thể thức xuất bản miễn phí với mục đích quảng cáo

Để có thể giới thiệu văn bản với những internautes và những người cộng tác với **người xuất bản, tác giả** cho phép xuất bản miễn phí tại địa bàn hai đoạn trích trong tác phẩm của mình, mời tất cả mọi người có thể tham khảo và do **người xuất bản** chọn. Đoạn trích thứ nhất (với giới hạn 5% bản thảo, tức là tối đa mười trang) được giới thiệu có hệ thống, đoạn trích thứ hai (giới hạn ở 5% bản thảo, tức là tối đa mười trang) chỉ giới thiệu theo yêu cầu của internautes.

Mặt khác có thể gửi (dưới dạng dữ liệu kĩ thuật số và in trên giấy) Văn bản nguyên vẹn;

- Cho một số thành viên trong mạng lưới bạn đọc của **người xuất bản** để có bản báo cáo về đọc sách có thể khai thác để quảng cáo cho tác phẩm;

- Cho những người xuất bản thứ ba mà người xuất bản đặt quan hệ hợp tác.

Những bản này của Văn bản sẽ được dùng vào mục đích quảng cáo, do đó không phải thanh toán quyền tác giả. **Người xuất bản** cam kết sẽ sử dụng những bản đó một cách hợp lý vì lợi ích của cả hai bên.

Điều 3. Cam kết của Tác giả

Đặc biệt để đáp lại những cố gắng ghi chi tiết trong các điều 1 và 2 của bản hợp đồng này, và trường hợp bỏ sự lựa chọn như dự kiến ở tít III hợp đồng này, **Tác giả** cam kết nhượng cho **Người Xuất bản** các quyền khai thác nêu trong điều 12 hợp đồng này.

Mặt khác, **Tác giả** cam kết báo cho **người xuất bản** biết khi một người xuất bản khác tỏ ra quan tâm đến Văn bản.

Điều 4. Đặc ân dành cho người Xuất bản

Do **người xuất bản** có ý muốn tạo may mắn cho số nhiều người nhất, công việc biên soạn sẽ giới hạn lúc đầu vào việc kiểm tra chính tả và cú pháp về cơ bản. Chỉ riêng các văn bản nổi bật đến mức được xuất bản tại nhà xuất bản có hệ thống hiệu sách mới được biên soạn thực sự, trong mọi trường hợp có cộng tác chặt chẽ với **Tác giả.**

Vì Văn bản được bảo trợ về kĩ thuật số, **Tác giả** không thể sửa đổi Văn bản đã gửi cho **người xuất bản** dưới dạng hộp phiếu. Chiếc thìa khóa kĩ thuật số này là bằng chứng an toàn về việc **Tác giả** đã viết tác phẩm của mình từ trước nếu xảy ra việc truy tố về việc ăn cắp văn hoặc giả mạo.

Người xuất bản giữ quyền không chịu trách nhiệm về một văn bản, đặc biệt là trong những trường hợp sau đây :

- Do kĩ thuật bắt buộc (sơ đồ hoặc minh họa không tái sản xuất bằng phương tiện kĩ thuật số, kĩ thuật in đặc biệt được...);

- Nếu **tác giả** không theo đúng các thủ tục đề ra tại đại bàn;

- Nếu **tác giả** không tôn trọng những điều bảo đảm ghi trong điều 3 các hợp đồng này.

TÍT II. XUẤT BẢN KĨ THUẬT SỐ

Bản kĩ thuật số tạo thuận lợi cho việc quảng cáo bản thảo và làm cho tác giả được hưởng những quyền đầu tiên của mình. Khi đó sẽ có những điều kiện sau đây :

Điều 5. Mục đích của việc xuất bản kĩ thuật số

Người xuất bản cam kết thương mại hoá Văn bản dưới hình thức :

- Hộp phiếu kĩ thuật số truyền bằng viễn thông qua các mạng tin học và vô tuyến viễn thông, đặc biệt là Internet;

- Sách có thể in theo yêu cầu và có dịch vụ bán từ xa.

Người xuất bản đề nghị công chúng mua văn bản dưới dạng kĩ thuật số hoặc in trên giấy, với hai giá tiền khác nhau, để bảo đảm các điều kiện phát hành rộng rãi nhất. Tuy nhiên, **người xuất bản** chỉ phải chịu trách nhiệm nếu hệ thống tin học kém hoặc mạng Internet bị tắc.

Tác giả tuyên bố đã được thông tin đúng về các đặc tính của hệ thống xuất bản thường này, và nhất là dạng đúp về sự khai thác ban đầu về văn bản. Người đó cũng tuyên

bố là đã hiểu và chấp nhận việc tính nhuận bút theo hai tỷ suất khác nhau do việc khai thác sách có hai giá bán cho công chúng.

Điều 6. Xuất bản kĩ thuật số

Người xuất bản cam kết thương mại hoá bản kĩ thuật số của tác phẩm ngay khi người đó gửi lại cho Tác giả bản hợp đồng đã ký tên. Nhưng, một số yếu tố có thể làm chậm việc giới thiệu nhất là nếu cần sửa chữa. **Tác giả** cam kết sửa chữa theo yêu cầu của người xuất bản là người có quyền từ chối viễc xuất bản thường Văn bản nếu chưa được sửa chữa.

Xin nhắc lại rằng theo ý muốn của **người xuất bản** là tạo may mắn cho số người nhiều nhất, công việc biên soạn sẽ giới hạn lúc đầu vào việc kiểm tra chính tả và cú pháp về cơ bản. Chỉ riêng các văn bản nổi bật đến mức được xuất bản tại nhà xuất bản có hệ thống hiệu sách mới được biên soạn thực sự, trong mọi trường hợp công việc biên soạn này được tiến hành với sự cộng tác chặt chẽ của **tác giả**, trong những điều kiện nêu trong các hợp đồng này.

Với điều kiện không xâm phạm quyền tinh thần của **Tác giả**, **người xuất bản** tự mình quyết định khổ sách, việc giới thiệu, giá bán ra ngoài các bản in của lần xuất bản lần đầu. Giá bán xuất bản phẩm kĩ thuật số phải là ... euro một dữ liệu và ... euro một bản in theo yêu cầu.

Điều 7. Phạm vi chuyển nhượng

Ngay từ bây giờ đã có quyết định các quyền đã thoả thuận là những quyền nêu dưới đây khi tiến hành đợt xuất bản cổ điển theo tít III các hợp đồng này. Sự khác nhau duy nhất là về việc khai thác ngay các quyền của Văn bản về kĩ thuật số và biết rằng nếu sau này xuất bản trên giấy thì bản kĩ thuật số sẽ gộp tất cả những chỗ sửa chữa trong khuôn khổ công việc xuất bản.

Điều 8. Bảo trợ quyền tác giả

Như đã dự kiến trong tít I của các hợp đồng quảng cáo Văn bản này, thìa khóa kĩ thuật số được trao cho Văn bản thông qua hệ thống ... nhờ hệ thống này **Tác giả** có chứng chỉ Văn bản có trước.

Ngoài ra, người xuất bản cam kết đảm bảo việc khai thác các quyền về kĩ thuật số của tác phẩm trong những điều kiện giống như đối với quyền tinh thần được bảo trợ của Tác giả.

Điều 9. Nhuận bút

Về việc bán các dữ liệu kĩ thuật số, người xuất bản cam kết sẽ trả tác giả ...% giá TTC về mỗi dữ liệu kĩ thuật số để bán từ 0 đến ... dữ liệu đã bán, và ...% trên ... . Nếu là một hiệu sách ảo khác bán hoặc một hiệu sách độc lập in theo yêu cầu thì tỷ suất sẽ là ...% giá TTC về mỗi dữ liệu.

Các quyền này không liên quan đến những bản in mà **Tác giả** mua với giá chiếu cố. Tác giả sẽ được giảm giá mua 30% cho mỗi lần đặt mua từ năm cuốn trở lên.

Bản quyết toán các khoản tiền mà **Tác giả** được hưởng được lập vào ngày 31tháng12 hàng năm. **Người xuất bản** gửi quyết toán cho **Tác giả** trong vòng ba tháng, sau đó cùng với một tấm séc hoặc chuyển khoản đến ngân hàng số tiền thuộc về **Tác giả**, trừ phi số tiền dưới mười lăm euro. Nếu thế, **Tác giả** phải để nghị thanh toán số tiền dù sao cũng phải dành cho mình.

Điều 10. Huỷ bỏ những quy định về xuất bản truyền thông đại chúng

Những quy định về xuất bản truyền thông đại chúng được đổi mới hàng năm do sự tiếp tục mặc nhiên, trừ phi **tác giả** bãi bỏ và tác giả phải báo cho **người xuất bản** biết bằng thư gửi bảo đảm có biên nhận.

Người xuất bản giành quyền kết thúc việc xuất bản kĩ thuật số bất kỳ lúc nào.

Việc này không ảnh hưởng đến sự lựa chọn thời gian một năm dành cho **tác giả** về việc xuất bản cổ điển.

Việc huỷ bỏ các quy định về xuất bản kĩ thuật số cũng không ảnh hưởng đến hiệu lực của những việc chuyển nhượng hoặc cho phép mà trước kia **người xuất bản** đã thỏa thuận với những người thứ ba, vẫn đang tiếp tục có hiệu lực đối với các bên.

TÍT III - XUẤT BẢN CỔ ĐIỂN

Tác giả đồng ý để cho **người xuất bản** được hưởng trong thời gian... các quyền khai thác cổ điển về văn bản.

Nếu **người xuất bản** quyết định tự mình xuất bản theo cách đồng xuất bản hoặc chuyển nhượng cho một **người xuất bản** là cộng tác viên, thì những điều kiện dưới đây sẽ hoàn toàn có đầy đủ tác dụng:

Điều 11. Phạm vi chuyển nhượng

Tác giả nhượng cho **người xuất bản** và người này nhận cho mình và những người có quyền, đặc quyền khai thác quyền sở hữu văn học về Văn bản, theo các điều quy định dưới đây.

Việc chuyển nhượng này có hiệu lực ở mọi nơi và trong suốt thời hạn quyền sở hữu văn học của **tác giả,** những người có quyền và những đại diện. Quyền sở hữu này do pháp luật của Pháp cũng như của nước ngoài và các quy ước quốc tế hiện nay hoặc sau này quy định, kể cả gia hạn.

Về phần mình, **người xuất bản** cam kết tự mình hoặc thông qua một người xuất bản thứ ba là cộng tác viên, đảm bảo xuất bản Văn bản tại nhà xuất bản có hệ thống hiệu sách, và tìm mọi cách phát hành trong công chúng và những người thứ ba có thể quan tâm để tạo điều kiện thuận lợi cho việc khai thác.

Tác giả cân nhắc nghĩa vụ mà hợp đồng này đã trao cho **người xuất bản,** và nhất là điều người đó cam kết xuất bản Văn bản dưới dạng sách và bảo đảm sự khai thác thường xuyên, liên tục, và các khả năng khai thác khác ngoài dạng sách đã được đảm bảo, đồng thời nhượng cho **người xuất bản,** một cách đặc biệt, quyền in sao, biểu diễn, xuất bản và khai thác tác phẩm như sau:

- Quyền in sao Văn bản bằng tiếng Pháp với hình thức khác với hình thức trong lần xuất bản chính và nhất là với hình thức xuất bản câu lạc bộ, minh hoạ, bình dân, khổ bỏ túi, chữ to hoặc trong các bộ sưu tập khác;

- Quyền in sao toàn bộ hoặc từng phần Văn bản dưới hình thức biểu đồ và nhất là bằng con đường báo chí (kể cả trước hoặc sau khi xuất bản), in sao cỡ nhỏ hoặc in sao để bán (theo quy định của điều L.122-10 Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ);

- Quyền chuyển thể toàn bộ hoặc từng phần Văn bản để phục vụ công chúng các loại và bằng mọi hình thức sửa đổi, thu nhỏ hoặc mở rộng và đặc biệt là xuất bản cô đọng hoặc dành cho quần chúng đặc biệt, tiểu thuyết ảnh, truyện tranh, xuất bản trước hoặc sau, rồi chuyển sang biểu đồ;

- Quyền dịch văn bản sang tất cả các thứ tiếng, ở tất cả các nước rồi chuyển bản dịch thành hình hoạ hiện nay hoặc sau này;

- Quyền in sao toàn bộ hoặc từng phần văn bản và các bản chuyển thể và dịch văn bản nói trên, sang ghi âm, ghi từ, ghi quang học và /hoặc kĩ thuật số;

- Quyền chuyển thể và dịch sang các thứ tiếng toàn bộ hoặc từng phần Văn bản để khai thác về âm thanh, truyền thanh, trừ các bản chuyển thể nghe - nhìn, rồi in sao lại dưới dạng ghi âm, ghi từ, quang học và/ hoặc kĩ thuật số.

- Quyền xuất bản thường Văn bản theo tất cả các khổ kĩ thuật số, trên tất cả các mạng vô tuyến viễn thông (internet, cáp, vệ tinh, điện thoại cố định và di động...), và cả quyền in sao kĩ thuật số và quyền biểu diễn truyền qua mạng về cùng một tác phẩm ;

- Quyền chuyển văn bản sang thể loại kịch (bi kịch, và nhạc kịch) hoặc múa, truyền thanh và âm nhạc, và in sao lại các bản chuyển thể dưới mọi hình thức và bằng mọi phương tiện ;

- Quyền biểu diễn toàn bộ hoặc từng phần Văn bản và các bản chuyển thể và bản dịch, trừ các bản nghe - nhìn, bằng mọi phương thức thông tin cho công chúng, đặc biệt là đọc cho công chúng nghe, diễn kịch, nhạc kịch, truyền thanh hoặc truyền hình ;

- Quyền sáp nhập vào một tác phẩm truyền thông đại chúng hoặc chuyển sang thể loại truyền thông đại chúng : tác phẩm truyền thông đại chúng là tác phẩm tập hợp vào một phương thức, nói chung là quang học hoặc kĩ thuật số, các tác phẩm có tính chất khác nhau như ảnh, bản vẽ lại các tác phẩm nghệ thuật, các văn bản, các khúc nhạc xê căng, các bản dịch của những người phiên dịch là nghệ sĩ, mà cấu trúc và sự tiếp xúc do phần mềm chi phối cho phép có tác động qua lại trong việc tham khảo;

- Việc chuyển thể văn bản thành tác phẩm truyền thông đại chúng có thể dẫn đến việc sửa đổi khi giới thiệu, các thể thức tiếp xúc và tham khảo tác phẩm. Riêng người xuất bản đánh giá những chỗ sửa đổi đó với điều kiện **tác giả** đồng ý mỗi khi có sửa đổi nhiều về nội dung hoặc tinh thần Văn bản;

- Quyền truyền đạt cho công chúng Văn bản và dạng chuyển thể trên toàn thế giới bằng tiếng Pháp, có lồng tiếng và/ hoặc phụ đề bằng các thứ tiếng, hoặc đa ngữ, bằng mọi phương tiện nghe-nhìn đã biết hoặc đến nay chưa biết, nhất là qua viễn thông (đặc biệt là bằng sóng, cáp, vệ tinh; truyền thông kĩ thuật số), video, mạng truyền thông đại chúng, bằng mọi phương thức và mọi cỡ đã hoặc chưa biết, một cách trực tiếp hoặc thông qua các người thứ ba hoặc các tổ chức được **người xuất bản** cho phép, cả trong khu vực thương mại và phi thương mại, công hoặc tư.

Tác giả cam kết thông báo cho **người xuất bản** mọi đề nghị nhận được về xin mọi quyền về chuyển thể hoặc biểu diễn Văn bản.

Người xuất bản có tư cách khai thác các quyền phái sinh đó hoặc trực tiếp hoặc chuyển nhượng cho những người thứ ba.

Người đó phải thường xuyên thông báo cho tác giả biết trong vòng ba tháng sau khi chuyển nhượng.

Điều 12. Nộp văn bản và bản sửa chữa

Có thể có ba trường hợp :

- **Người xuất bản** quyết định tự mình xuất bản Văn bản ;

- Xuất bản với hình thức đồng xuất bản giữa **người xuất bản** và một người xuất bản là ngươi cộng tác thứ ba. Khi đó công việc xuất bản sẽ được giao cho một trong các người xuất bản làm hợp đồng đồng xuất bản;

- Một ngươi xuất bản là người cộng tác thứ ba mua quyền khai thác văn bản và có được quyền đó ở trạng thái đầu tiên. Vậy thì, người đó là người duy nhất có tư cách làm việc xuất bản Văn bản.

Trong mọi trường hợp, **tác giả** cam kết giao cho **người xuất bản** hữu quan bản viết tay cuối cùng và đầy đủ đã xem lại cẩn thận và đã cập nhật để đưa in, chậm nhất vào ngày ấn định sau khi bỏ sự lựa chọn, để giảm phí sửa chữa xuống mức tối thiểu. Nếu **Tác giả** không giao bản thảo đúng ngày ấn định thì **người xuất bản** có thể gia hạn thêm, và sau thời hạn đó hợp đồng sẽ đương nhiên bị hủy bỏ do **Tác giả** sai.

Tác giả tuyên bố giữ hai bản thảo đầy đủ.

Người xuất bản chịu trách nhiệm mọi lỗi về in và tịch thu.

Người xuất bản sẽ giao cho **tác giả** hai bản in thử, bản thứ nhất có thể là bản in thử có cột để chữa. Tác giả cam kết sẽ đọc và chữa từng bản trong thời hạn tối đa theo quy định, và sẽ gửi lại bản sau có ký tên để cho in.

Trường hợp người đó không làm nghĩa vụ của mình, **người xuất bản** có thể giao các bản in thử cho người chữa bản in do mình chọn - **tác giả** phải chịu phí tổn này và cho in sau khi gửi thư bảo đảm có biên nhận báo cho **tác giả** biết.

Tác giả tự chịu tiền công chữa bản in thử trọn vẹn cuối cùng là 10% chi phí cho công đoạn này.

Điều 13. Việc bảo đảm cho tác giả

Tác giả có thể đề nghị **người xuất bản** dùng bút danh giới thiệu **tác giả** tại địa bàn. **Người xuất bản** cam kết sẽ tôn trọng quyền tinh thần của **Tác giả** trong khi vận động tại địa bàn để quảng cáo cho **Tác giả.**

Điều 14. Nhuận bút dự kiến

Người xuất bản cam kết trả cho **tác giả:**

a) Về việc khai thác chính tác phẩm :

1. Tiền tạm ứng tối thiểu được dự kiến :

- Nếu **tác giả** có sách được xuất bản lần đầu thì tiền tạm ứng bảo đảm là ... euros.

- Nếu **tác giả** đã có sách xuất bản rồi thì tiền tạm ứng bảo đảm bằng tiền tạm ứng về tác phẩm trước;

- Nếu là tái bản một tác phẩm mà **tác giả** đã thu hồi các quyền thì tiền tạm ứng sẽ được thương lượng với **người xuất bản** liên quan theo thông lệ về thể loại liên quan.

Trường hợp nhượng những quyền đầu tiên cho người xuất bản thứ ba thì phải trả lại đầy đủ cho **tác giả** số tiền mà **người xuất bản** thu được thêm về quyền tác giả.

2. Về tất cả các bản in của lần xuất bản thứ nhất bán tại hiệu sách, tối thiểu là :

- ...% giá bán HT ra ngoài từ 0 đến 5.000 (năm nghìn) cuốn;

- ...% của 5.001 (năm nghìn linh một) đến 10.000 cuốn;

-... % trên 10.000 cuốn.

Trường hợp nhượng các quyền đầu tiên cho người xuất bản thứ ba, **người xuất bản** sẽ trả lại cho **tác giả** toàn bộ số tiền nhận được thêm về quyền tác giả.

Những điều kiện này có giá trị cho các trường hợp về lần xuất bản đầu tiên, dù là xuất bản thường, xuất bản sách bỏ túi chưa từng có, xuất bản câu lạc bộ hoặc xuất bản nước ngoài.

Những cuốn in để biếu sẽ được trao cho **tác giả** và không phải trả tiền về quyền tác giả.

b) Người xuất bản tự khai thác các quyền phái sinh và phụ lục kèm theo các hợp đồng này

Người xuất bản phải trả cho **tác giả** tiền nhuận bút về việc tự mình khai thác các quyền phái sinh và quyền phụ ghi trong các hợp đồng này, như sau :

- Quyền in sao và chuyển thể sang họa hình

1) xuất bản sách đóng bìa cứng loại xa xỉ

Tác giả sẽ nhận ...% giá bán HT cho công chúng về mỗi cuốn sách đã bán.

2) xuất bản sách phát hành rộng rãi (bỏ túi, câu lạc bộ) ;

Tác giả sẽ nhận ...% giá bán HT cho công chúng về mỗi cuốn sách đã bán.

3) Các quyền in sao và chuyển sang hoạ hình (hợp tuyển, bản tóm tắt ra định kỳ).

Tác giả sẽ nhận ...% giá bán HT cho công chúng về mỗi cuốn sách đã bán nếu là in sao hoặc chuyển thể toàn bộ văn bản.

Nếu chỉ là về từng phần của tác phẩm thì **tác giả** và **người xuất bản** sẽ cùng thoả thuận...

- Quyền biên dịch

Tác giả sẽ nhận ...% giá bán HT cho công chúng về mỗi cuốn sách đã bán nếu dịch toàn bộ văn bản.

Nếu chỉ in sao hoặc chuyển thể một phần Văn bản thì sẽ trả nhuận bút theo thoả thuận chung giữa **tác giả** và **người xuất bản.**

- Quyền in sao, chuyển thể và dịch không phải là họa hình (chuyển sang thể loại kịch v.v...)

Tác giả sẽ nhận ...% giá bán HT cho công chúng về mỗi bản đã bán.

Nếu chỉ in sao hoặc chuyển thể một phần tác phẩm thì **tác giả** và **người xuất bản** sẽ cùng thoả thuận về nhuận bút.

Người xuất bản giành cho mình quyền in sao, biểu diễn và chuyển sang xuất bản điện tử, đặc biệt là CD-R, CD- ảnh, CD-I, DVD, sách điện tử và trên mạng kĩ thuật số, nhất là Internet, điện thoại để bàn hoặc di động, hoặc bằng các phương thức sau này sẽ có, và tác giả sẽ hưởng tỷ lệ phần trăm không vượt quá 40% giá bán cho công chúng, tỷ lệ đó ở giữa ...% và ...% giá thành. Tỷ lệ phần trăm phải trả cho **tác giả** sẽ được quy định trong khuôn khổ này theo đúng thông lệ nghề nghiệp và tình hình thị trường.

- Quyền in sao

Tác giả sẽ nhận ...% thu nhập từ việc biểu diễn, chuyển thể hoặc biên dịch Văn bản.

Khi **người xuất bản** in sao, chuyển thể hoặc biên dịch với mục đích duy nhất là sử dụng quyền biểu diễn thì dĩ nhiên chỉ phải trả tiền về những quyền quy định cho việc biểu diễn mà thôi.

- Quyền cho mượn, sao chép kĩ thuật số để dùng riêng; quản lý tập thể của SOFIA

Về quyền cho mượn và sao chép kĩ thuật số để dùng riêng, các bên thoả thuận trong thời hạn của hợp đồng này thì chia đôi tiền nhuận bút. **Người xuất bản** sẽ đại diện cho Tác giả trong mọi cuộc thương lượng về tiền nhuận bút và sẽ chuyển tiền nhuận bút như đã thoả thuận.

Vì mục đích này, **người xuất bản** sẽ làm các thủ tục cần thiết để uỷ nhiệm cho SOFIA, hội nhận và phân phối các quyền được chấp nhận để quản lý tiền nhuận bút đó.

c) Việc người thứ ba khai thác các quyền chuyển nhượng

Trường hợp chuyển nhượng cho người thứ ba, sản phẩm chuyển nhượng sẽ chia như sau: **Tác giả** nhận ...% sản phẩm chuyển nhượng và ...% chuyển cho **người xuất bản**.

Ngày 31 tháng 12 hàng năm là ngày làm quyết toán về toàn bộ tiền mà **tác giả** được hưởng. Các bản quyết toán sẽ được **người xuất bản** gửi cho tác giả trong vòng sáu tháng sau, cùng với một tấm séc hoặc giấy chuyển khoản vào ngân hàng những số tiền của **Tác giả**, trừ phi những số tiền đó dưới mười lăm euros. Nếu thế, **tác giả** phải đề nghị trả cho **tác giả** những khoản tiền dành cho mình.

Điều 15. Khai thác tác phẩm

A. Thời hạn xuất bản

Người xuất bản cam kết sẽ xuất bản tác phẩm trong thời hạn ... tháng tính từ khi bàn giao văn bản cuối cùng đầy đủ, trừ phi **tác giả** chậm trễ.

Hợp đồng này sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ mà không cần thủ tục pháp lý nếu người xuất bản không xuất bản tác phẩm trong vòng sáu tháng tính từ khi **tác giả** gửi thư bảo đảm thúc giục.

B. Khai thác thường xuyên, liên tục

Người xuất bản cam kết bảo đảm Văn bản sẽ được khai thác thường xuyên, liên tục và được phát hành về thương mại theo đúng thông lệ nghề nghiệp.

Nhất thiết phải đáp ứng mọi yêu cầu giao hàng và phải bảo đảm thường xuyên dự trữ một số bản đủ để làm như vậy.

Nếu tác phẩm không còn nữa mà **người xuất bản** không cho in đợt mới trong vòng sáu tháng, sau khi tác giả gửi thư bảo đảm có biên nhận thúc giục thì hợp đồng này sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ không cần làm thủ tục pháp lý.

Lúc đó **tác giả** sẽ thu hồi toàn bộ quyền khai thác về xuất bản bởi một nhà xuất bản có hệ thống hiệu sách và các quyền khác mà **người xuất bản** không khai thác hoặc chuyển nhượng cho người thứ ba, với điều kiện phải thông báo trong vòng ba tháng sau khi hai bên ký kết và **người xuất bản** xác nhận tình trạng đó trong vòng ba tháng sau khi hợp đồng này bị hủy bỏ.

Điều 16. Quyền ưu tiên

A. Định nghĩa

Tác giả đồng ý trao cho **người xuất bản** quyền ưu tiên về thể loại của Văn bản ghi trong các hợp đồng này về các tác phẩm mà **tác giả** dự định sẽ xuất bản trong tương lai, hoặc lấy tên mình hoặc lấy bút danh.

Quyền này giới hạn ở mức tối đa là bốn tác phẩm, không kể tác phẩm đầu tiên là đối tượng của hợp đồng đầu tiên.

B. Việc thi hành

Tác giả mặc nhiên thu hồi ngay quyền tự do của mình sau khi hai tác phẩm mới giới thiệu trong khuôn khổ điều ước ưu tiên này bị từ chối (liên tục hoặc không) hai lần.

Mỗi tác phẩm nằm trong điều ước ưu tiên phải là đối tượng của một hợp đồng riêng. Hợp đồng này sẽ xác định các thể thức thi hành điều ước ưu tiên là đối tượng của hợp đồng đầu tiên, và nhất là số lượng tác phẩm sau này làm cho **tác giả** còn ràng buộc với **người xuất bản.**

Không một điều khoản ưu tiên mới nào được phép tác động trước khi điều khoản ghi trong hợp đồng đầu tiên hết tác dụng, dù là các điều kiện đã được sửa đổi. Việc cấm đoán này chỉ nhằm vào các điều khoản liên quan đến các thể loại nói đến trong hợp đồng đầu tiên.

Điều 17. Điều khoản đặc biệt

Nếu xảy ra hoả hoạn, lụt lội, phương tiện về tin học hỏng, trường hợp ngẫu nhiên hoặc bất khả kháng, **người xuất bản** không chịu trách nhiệm về các dữ liệu số hóa hư hỏng hoặc mất mát và sẽ không phải trả tiền hoặc bồi thường cho tácgiả.

TÍT IV. ĐIỀU KIỆN CHUNG

Điều 18. Bảo hiểm xã hội

Do những điều quy định trong hợp đồng này mà Luật số 75 - 1348 ngày 31-12-1975 về bảo hiểm xã hội cho các tác giả là nghệ sĩ được vận dụng: Chế độ này được áp dụng với sự bảo trợ của Hội quản lý bảo hiểm xã hội cho tác giả (AGESSA).

Điều 19. Các yếu tố sản xuất

Người xuất bản là chủ sở hữu duy nhất các yếu tố sản xuất mà người đó đặt ra hoặc cho đặt ra đặc biệt là để quảng cáo Văn bản và để làm xuất bản kĩ thuật số nhất là các hộp phiếu kĩ thuật số với bất kỳ khổ nào, cũng như tất cả các yếu tố phần mềm và tin học mà

người xuất bản có hoặc đặc biệt nghĩ ra. Người đó cũng là chủ sở hữu duy nhất tất cả các yếu tố nghệ thuật, âm thanh, nhìn hoặc nghe-nhìn, mà người đó giành quyền.

Điều 20. Bảo đảm

Tác giả bảo đảm rằng **người xuất bản** được hưởng một cách đầy đủ và tự do những quyền đã chuyển nhượng, không gặp rắc rối, yêu sách hoặc sự loại bỏ nào. Người đó tuyên bố có những quyền chuyển nhượng bằng hợp đồng này và Văn bản không phải là đối tượng của một hợp đồng xuất bản nào còn có giá trị và không nằm trong khuôn khổ quyền ưu tiên mà trước đây tác giả đã nhượng cho một người xuất bản khác, như nêu trong điều L.132-4 của Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ, mà tác giả tuyên bố đã biết rõ.

Tác giả cũng bảo đảm là bản thảo của mình không có gì vi phạm luật pháp và các điều quy định về sự vu khống, lăng nhục, xâm phạm đời tư và vi phạm quyền về hình ảnh, hoặc phạm đến thuần phong mỹ tục.

Tác giả bảo đảm với **người xuất bản** rằng Văn bản của mình không phải là ăn cắp văn. Người đó cam kết, nếu cần thiết, sẽ xin phép và để **người xuất bản** sử dụng sự cho phép của tác giả và những người xuất bản hoặc những người được phép, in sao các tác phẩm viết và hoạ hình không nằm trong lĩnh vực công cộng mà người đó sử dụng các yếu tố, và như vậy là trước khi tác giả ký hợp đồng xuất bản này, nếu không thì sẽ huỷ bỏ ngay hợp đồng này, và với điều kiện có thể truy tố việc làm giả mạo hoặc mọi vụ kiện **người xuất bản** tại tòa.

Điều 21. Khoảng dành cho quảng cáo

Người xuất bản không phải trả nhuận bút cho **tác giả** về những khoản tiền thu nhập về việc mua khoảng dành cho quảng cáo, về chế độ cộng tác hoặc về mọi nguồn thu nhập của mình ngoài việc bán Văn bản.

Điều 22. Những người có quyền

Các hợp đồng này ràng buộc **tác giả** với tất cả những người có quyền và những người được quyền kế tục.

Điều 23. Sự điều hoà hợp pháp

Trường hợp các quy định theo luật hoặc theo quy chế về truyền thông đại chúng được thông qua và có hiệu lực, các bên cam kết thực hiện các điều quy định mới đó theo ý định chung khi ký các hợp đồng này.

Điều 24. Sự vô hiệu

Trường hợp một trong các điều khoản của các hợp đồng này vô hiệu thì sự vô hiệu này, trong bất kỳ trường hợp nào, không dẫn đến sự vô hiệu hóa các điều quy định khác của hợp đồng nói đến, và hợp đồng này vẫn còn tác dụng hoàn toàn và đầy đủ.

Các bên phải thống nhất với nhau để thay điều khoản bị vô hiệu hoá bằng một điều khoản khác.

Điều 25. Chọn trụ sở

Để thi hành các hợp đồng này, các bên phải chọn trụ sở có địa chỉ ghi trên đầu các bản hợp đồng này.

Điều 26. Toà án có thẩm quyền và luật được vận dụng

Nếu xảy ra bất kỳ sự tranh chấp nào về việc giải thích, thi hành hoặc hủy bỏ hợp đồng này thì quyền xét xử được trao cho các toà án có thẩm quyền ở Paris.

Hợp đồng này phục tùng luật pháp của Pháp.

Làm tại..... thành hai bản, ngày .....

Người xuất bản **Tác giả**

Thư thoả thuận sự đóng góp thường

Kính gửi ông.....

Địa chỉ.....

Thưa ông,

Tôi xin nói rõ lời lẽ của ông về việc cho phép khai thác những Văn bản của ông, dưới đây gọi là "Văn bản", đăng trên tạp chí ....., một cách gián tiếp, đặc biệt là qua mạng Internet.

1. Rõ ràng là ông đã đồng ý cho phép, căn cứ vào sự đền bù về tinh thần mà việc quảng cáo của ông đã thể hiện bằng việc phát hành các Văn bản của ông.

Bằng cách đó ông công nhận là đã sử dụng đầy đủ các quyền của mình và ông không thể đòi hỏi tiền nhuận bút bù cho việc cho phép này.

2. Do đó và theo đúng các điều quy định về quyền sở hữu trí tuệ, bằng các hợp đồng này, ông cho phép chúng tôi in sao và biểu diễn các Văn bản của ông, đặc biệt là qua mạng Internet.

Ban biên tập tạp chí hoặc những người thứ ba được phép của ban biên tập có thể khai thác và sử dụng trên toàn thế giới, trong suốt thời gian các quyền sở hữu trí tuệ có hiệu lực, kể cả việc gia hạn có thể có, toàn bộ hoặc những đoạn trích, dưới mọi hình thức và bằng mọi phương tiện đã biết hoặc chưa biết, đặc biệt là bằng cách biểu diễn hoặc in sao bằng mọi hình thức xuất bản điện tử, nhất là CD-Rom, CD-I, DVD và trên mọi mạng kĩ thuật số, nhất là mạng Internet (đặc biệt là trên địa bàn của tạp chí, Intranet, Extranet, điện thoại cố định và di động, hoặc bằng mọi phương tiện tương tự khác sẵn có hoặc sẽ có

- Biểu diễn và in sao dưới mọi hình thức xuất bản sách và nhất là loại thường, loại xa xỉ (với số lượng in hạn chế hoặc không xa xỉ), đóng gáy, minh họa (nhất là dưới dạng băng vẽ), bình dân, bỏ túi (còn gọi là phát hành rộng rãi), câu lạc bộ, học đường, phê bình hoặc trong hợp tuyển;

- Biểu diễn và in sao toàn bộ hoặc từng phần, trên báo hàng ngày và báo định kỳ, dạng mục lục hoặc mọi dạng sẵn có hoặc sẽ có;

- Thông tin cho quần chúng biết về toàn bộ các đợt in sao, biểu diễn và chuyển thể nêu trên, bằng mọi phương tiện, bán, cho thuê, cho mượn hoặc bằng các phương thức thông tin đến quần chúng sẵn có hoặc sẽ có;

Ban biên tập tạp chí có thể biến đổi và chuyển thể việc đặt trang các Văn bản của ông do các nhu cầu, đặc biệt là của việc đưa lên mạng và khai thác dưới hình thức xuất bản điện tử.

Ban biên tập tạp chí có thể sử dụng và biểu diễn các Văn bản của ông để phục vụ quảng cáo.

3. Ông bảo đảm rõ ràng rằng ông có toàn quyền và tư cách đồng ý cho phép, và các quyền nói đến trong thư này không hề bị chuyển nhượng, bị cầm cố, đánh thuế, và không bị chuyển giao, bằng cách nào đó, cho người thứ ba.

4. Nếu cần thì thư này phải được trình pháp luật của Pháp và các toà án có thẩm quyền ở Paris.

Đề nghị ông xác nhận trên Thư này là ông đồng ý bằng cách ký tên ông sau lời ghi "đã xem và chuẩn y".

Xin gửi ông lời chào trân trọng.

Làm tại..... thành hai bản, ngày .....

Ban biên tập tạp chí Ông...

Quy ước về việc giới thiệu một tạp chí

Giữa :

Tên:
- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký vào Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người xuất bản thường"**, một bên, và

Tên:
- Tên gọi trong xã hội
- Hình thức xã hội và tiền vốn
- Số đăng ký vào Sổ thương mại và các hội
- Địa chỉ trụ sở
- Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"người xuất bản"**, bên kia,

ĐÃ TRÌNH BÀY TRƯỚC NHƯ DƯỚI ĐÂY:

Người xuất bản thường có kinh nghiệm biên soạn trong lĩnh vực truyền thông đại chúng.

Người xuất bản xuất bản trên giấy tờ tạp chí..... từ ngày.....

Những quy ước này nhằm mục đích dự kiến và tổ chức việc **người xuất bản** tham gia khai thác tờ tạp chí của **người xuất bản thường** và do **người xuất bản thường** tổ chức về truyền thông đại chúng.

DO ĐÓ ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU :

Điều 1. Mục đích

Quy ước này nhằm mục đích quy định những điều kiện về việc các bên tham gia một cách đặc biệt vào việc khai thác bản về truyền thông đại chúng gồm toàn bộ những tập bài do tạp chí đã đăng ngày.....

Người xuất bản thường chịu trách nhiệm bảo đảm một cách trực tiếp hoặc gián tiếp việc khai thác đặc biệt bằng DVD, mạng kĩ thuật số và bằng mọi hình thức xuất bản điện tử mà người đó thích.

Sự tham gia của **người xuất bản** gồm việc đóng góp các quyền có thể có mà người đó đã có thể phát huy trước khi ký các Văn bản này, về việc khai thác dưới bất kỳ hình thức nào, cũng như toàn bộ các vật dụng kĩ thuật sau đây, và đặc biệt là công việc cung cấp hai bộ tạp chí hoàn chỉnh.

Ngay từ bây giờ các bên quyết định các đề án sau đây: Miêu tả các phương thức khai thác (CD-Rom, DVD thường và với địa chỉ địa bàn nào - dự kiến, nếu có dịp, đặc tính của tên lĩnh vực), lịch, nội dung chính xác của các bản về truyền thông đại chúng, v.v...

Mỗi dự án mới mà các bên sẽ cùng quyết định, và đặc biệt là sự khai thác bằng một trong những phương tiện ghi trong Điều 6 các văn bản này, cũng như việc khai thác các tập ra sau này của tạp chí, sẽ được nói rõ trong bản phụ lục của quy ước này và theo các thể thức như nhau của hợp đồng.

Điều 2. Thời hạn

Các Văn bản này sẽ có hiệu lực kể từ khi ký kết để kéo dài chừng nào mà tạp chí còn có thể khai thác được về truyền thông đại chúng vì lợi ích chung, trong một lần biểu diễn hay một bản nào đấy, và như vậy chậm nhất cho đến khi *dự kiến hạn cuối cùng*.

Thời hạn của những Văn bản này sẽ kéo dài trong thời gian cần thiết để thanh toán hết các khoản liên quan đến việc khai thác một bản của tạp chí về truyền thông đại chúng.

Các Văn bản này cũng có thể bị huỷ bỏ trước với sự thoả thuận chung của các bên.

Khi hết thời gian dự kiến trong điều khoản này, các bên gặp nhau để quyết định các điều kiện về những người cộng tác sau này, trong việc kéo dài mối quan hệ của họ do các văn bản này lập ra.

Điều 3. Nghĩa vụ và đặc quyền của người xuất bản thường

a) Người xuất bản thường cam kết sẽ chịu trách nhiệm về :

- Việc soạn thảo bản về truyền thông đại chúng của tạp chí;

- Việc chứng minh logic của các giao diện;

- Việc tìm và chọn tài liệu và thông tin cần thiết ngoài nội dung thực sự của toàn bộ các tập của tạp chí;

- Việc chuẩn bị, dựng lên các chuỗi yếu tố, và nói chung, tất cả các công việc dẫn đến việc hội làm ra sản phẩm truyền thông đại chúng cuối cùng, dựng và ghép nối toàn bộ các phương tiện thông tin đại chúng nói đến;

- Bổ sung

b) **Người xuất bản thường** phải đảm bảo sự khai thác thường xuyên, liên tục của bản truyền thông đại chúng theo các thể thức sau đây :

Các loại phương tiện/ngày thương mại hóa

c) Ngoài ra, **người xuất bản thường** gửi toàn bộ quyền làm chủ việc khai thác bản truyền thông đại chúng của tạp chí, và với danh nghĩa đó sẽ :

- Ký kết và thi hành mọi thoả ước cần cho việc khai thác bản truyền thông đại chúng;

- Bảo đảm việc quản lý kĩ thuật hàng ngày và sử dụng quyền lực của mình đối với các nhân viên được huy động trong khuôn khổ các văn bản này để tham gia làm bản truyền thông đại chúng của tạp chí;

- Bảo đảm việc quản lý kế toán về hành chính và tài chính của việc khai thác;

- Chăm lo lập các bản tính toán và quản lý các tài liệu, hợp đồng, chứng từ chi tiêu;

- Đại diện cho các bên đối với những người thứ ba và đặt ra các điều kiện để khách hàng cuối cùng khai thác bản truyền thông đại chúng ;

- Bổ sung nếu có thể

Người xuất bản thường sẽ chọn người cung cấp theo các tiêu chí về chất lượng tốt nhất, thời hạn và giá cả, chịu trách nhiệm cung cấp cho bên kia mọi chứng từ.

Người xuất bản thường tự mình quản lý việc khai thác theo cách tốt nhất vì lợi ích chung, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc xảy ra việc hoàn toàn ngoài ý muốn của người đó.

d) Dù là có những quy định ở đoạn trên, mọi quyết định quan trọng vượt ra ngoài phạm vi quản lý thông thường sẽ được các bên thoả thuận chung, đặc biệt là :

Việc ấn định số lượng in;

Giá bán cho công chúng chưa tính thuế và giá đặt mua;

Việc đăng quảng cáo trong các tác phẩm;

Việc chuyển nhượng cho những người thứ ba .....các quyền phụ;

Việc bán hạ giá và huỷ;

Điều 4 – Nghĩa vụ của người xuất bản

Người xuất bản cam kết tham gia tích cực việc thảo và thi hành các Văn bản này, coi trọng thời hạn giao nộp toàn bộ các yếu tố truyền thông đại chúng để ghép lại với nhau.

Đặc biệt **người xuất bản** sẽ trao cho **người xuất bản thường** các phương tiện và tài liệu cần thiết để làm bản truyền thông đại chúng của tạp chí theo quyết định chung khi làm công việc chuẩn bị, và riêng hai bộ tạp chí đầy đủ, mà **người xuất bản thường** có thể huỷ.

Người xuất bản cũng phải trao cho **người xuất bản** thường trước ngày .....hộp phiếu gồm danh sách (nhất là về tên, địa chỉ, ngày tháng về những mối quan hệ hợp đồng đầu tiên) những người đặt mua tạp chí cũng như các điểm bán nhận được tạp chí thường xuyên. **Người xuất bản thường** vẫn giữ khả năng khai thác hộp phiếu đó, dù là các văn bản này hết hạn.

Người xuất bản cam kết sẽ bố trí ..... nhân viên trong thời hạn dự kiến từ ngày ..... đến ngày .....**người xuất bản thường** có thể đơn phương sửa đổi chương trình.

Những nhân viên này của **người xuất bản** sẽ do các bên cùng chỉ định và danh sách sẽ đưa vào các văn bản phụ.

Những nhân viên này phải săn sàng làm lợi cho **người xuất bản thường** và những người cộng tác về sự tham gia của họ vào bản truyền thông đại chúng của tạp chí.

Đặc biệt họ phải có khả năng *xác định.*

Điều 5 – Sự phối hợp

Bằng các văn bản này, các bên chỉ định riêng một người chịu trách nhiệm về việc phối hợp và thi hành hợp đồng này. Người đó sẽ là ông ..... do **người xuất bản thường** chỉ định và ông ..... do **người xuất bản** chỉ định.

Các bên có thể thay người do mình chọn với điều kiện báo cho bên kia biết trước.

Điều 6. Quyền sở hữu trí tuệ

Người xuất bản đã có những người có quyền, và nhất là các tác giả viết bài cho tạp chí và những người xuất bản trước, các quyền cải biên và khai thác cần thiết cho việc khai thác bản truyền thông đại chúng.

Bằng những hợp đồng này, **người xuất bản** mang lại cho **người xuất bản thường** quyền lợi về những cái đã đạt được và quyền sở hữu các quyền với triển vọng về bản truyền thông đại chúng.

a. Việc nhượng quyền được thoả thuận riêng, về các thứ tiếng trên toàn thế giới và trong thời hạn của quyền sở hữu văn học và nghệ thuật có hiệu lực và các việc gia hạn và kéo dài.

b. Các quyền in sao và biểu diễn được chuyển nhượng gồm có:

- Việc ghi bản truyền thông đại chúng cuối cùng trên phương tiện vật chất và tạo ra các hộp phiếu kỹ thuật số;

- Quyền khai thác dưới dạng xuất bản điện tử, nhất là CD-Rom, CD-1, CD-ảnh, DVD, mạng kỹ thuật số (nhất là Internet, điện thoại cố định và di động ...) hoặc các phương tiện tương tự sẵn có hoặc sau này sẽ có;

- Việc làm tất cả các bản hoàn chỉnh hoặc từng phần, bằng tiếng Pháp, tiếng nước ngoài đa ngữ, cũng như việc lồng tiếng, làm phụ đề bằng các thứ tiếng;

- Việc tạo ra các bản sao và bản in cần thiết để khai thác mà không sửa đổi.

- Việc tạo ra, với số lượng theo ý thích của **người xuất bản thường** hoặc những người có quyền, tất cả các bản gốc, các bản lồng tiếng hoặc bản sao dùng mọi phương tiện khác đã biết hoặc cho đến lúc đó chưa biết, từ các việc ghi lại nêu trên đây;

- Việc lưu hành các bản này để đáp ứng nhu cầu khai thác bản truyền thông đại chúng, nhất là bằng con đường thương mại hoá những sản phẩm làm ra để bán, cho thuê, bán cho người đặt trước, cho mượn để dùng chung cho công chúng hoặc dùng riêng, và bằng mọi phương thức đã biết hoặc đến ngày đó chưa biết;

- Việc thông tin cho công chúng trên toàn thế giới, bằng tiếng Pháp, bản lồng tiếng và / hoặc có phụ đề bằng các thứ tiếng, hoặc đa ngữ bằng mọi phương tiện kỹ thuật số cho đến ngày đó đã biết hoặc chưa biết, đặc biệt là qua mạng truyền thông đại chúng, bằng mọi phương tiện và mọi cỡ đã biết hoặc chưa biết, hoặc trực tiếp hoặc qua trung gian của mọi người thứ ba hoặc tổ chức được **người xuất bản thường** cho phép, và làm như vậy cả trong khu vực thương mại lẫn phi thương mại, công cộng lẫn tư nhân;

- Việc khai thác trên hệ thống dịch vụ tin học tương hỗ;

- Việc biểu diễn nội dung trên màn hình để truyền đạt cho công chúng trong khuôn khổ việc sử dụng tập thể;

- Việc in sao, trình diễn và cải biên toàn bộ hay từng phần bản truyền thông đại chúng của tạp chí, các yếu tố nhìn, nghe theo, nguyên văn, nghe-nhìn nhằm khai thác bằng mọi phương thức nghe - nhìn tương hỗ, cho mọi cách sử dụng;

- Việc in sao, trình diễn và cải biên toàn bộ hay từng phần bản truyền thông đại chúng của tạp chí, các yếu tố nhìn, âm thanh, nguyên văn, nghe-nhìn, dưới dạng chuyên về nhìn, nhất là hoạ hình (đặc biệt là các tác phẩm của nhà xuất bản có hiệu sách, tạp chí) và riêng về âm thanh (tín hiệu âm thanh, phát thanh), cho mọi cách sử dụng;

- Việc trình diễn toàn bộ hoặc từng phần bản truyền thông đại chúng của tạp chí, trong các buổi biểu diễn trước công chúng, nhất là ở chợ, đại hội liên hoan hoặc phòng tiếp khách, cuộc gặp gỡ có tính văn hoá hoặc nghề nghiệp với mục đích giới thiệu, thông tin hoặc quảng cáo;

- Dựng và biểu diễn tất cả các trích đoạn dành riêng cho thông tin, quảng cáo bản truyền thông đại chúng;

- Quyền thông báo các buổi biểu diễn, các bản in sao và cải biên nói trên cho công chúng bằng mọi phương tiện, bán cho thuê, cho mượn hoặc bằng mọi phương tiện thông tin cho quần chúng sẵn có hoặc sẽ có.

c) **Người xuất bản thường** có được tư cách là người có quyền của **người xuất bản** trong việc sử dụng các quyền chuyển nhượng - đặc biệt là quyền sở hữu văn học và nghệ thuật và liên quan đến các cơ sở dữ liệu - mà người đó tuỳ ý sử dụng, nhất là để ký các hợp đồng chuyển nhượng, giấy uỷ quyền, giấy phép hoặc cho phép in sao, trình diễn phổ biến bằng bất kỳ cách nào, giúp ích cho việc khai thác các quyền chuyển nhượng.

Như vậy là các quyền chuyển nhượng nêu trong hợp đồng này có thể được người **xuất bản thường** hoặc bất kỳ người thứ ba nào do người đó chỉ định tự do khai thác.

d) Tất cả các quyền mà **người xuất bản** nhượng cho **người xuất bản thường** cho phép người này tiến hành việc bảo trợ các quyền đó và việc cải biên bằng cách gián tiếp thông qua quyền sở hữu công nghiệp và nhất là quyền về chứng chỉ, nhãn hiệu, các bản vẽ và mẫu.

Về mặt này, **người xuất bản** bảo đảm với **người xuất bản thường** là đã không làm thủ tục bảo trợ sự đóng góp của mình thông qua các quyền sở hữu trí tuệ.

e) **Người xuất bản thường** là chủ sở hữu duy nhất của các yếu tố sản xuất mà người đó đã tự tạo hoặc cho tạo ra để làm bản truyền thông đại chúng, và đặc biệt là của tất cả các yếu tố phần mềm và tin học mà người đó sẽ thu được hoặc nghĩ ra chỉ để làm bản truyền thông đại chúng. Người đó cũng là chủ sở hữu duy nhất của tất cả các yếu tố nghệ thuật, âm thanh, nhìn hoặc nghe - nhìn mà người đó đã dành được các quyền thực hiện và khai thác bản truyền thông đại chúng cho những người có quyền khác ngoài người xuất bản, và họ được tự do khai thác.

Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ và nhất là các chứng chỉ, nhãn hiệu, bản vẽ và mẫu, các quyền tác giả và quyền tương đương mà **người xuất bản thường** đã thu được hoặc đã sử dụng trước khi có các hợp đồng này sẽ vẫn do **người xuất bản thường** sở hữu.

Về mặt này, cần nhắc lại rằng từ nhãn hiệu là nhãn hiệu mà **người xuất bản thường** đã đăng ký.

Tất cả các quyền sở hữu trí tuệ, và nhất là các chứng chỉ, nhãn hiệu, bản vẽ và mẫu, các quyền tác giả và quyền tương đương cũng như các ký hiệu riêng biệt (đặc biệt là tên thương mại và biển hiệu), mà **người xuất bản** sử dụng trong khuôn khổ các hợp đồng này

sẽ là tài sản riêng của **người xuất bản thường**. Người này sẽ tùy ý sử dụng toàn bộ các quyền tài sản liên quan trong suốt thời hạn dự kiến trong điều khoản này, bất kể các quy định ghi trong điều 2 các hợp đồng này.

Điều 7. Việc dùng từ và lô-gô "nhãn hiệu"

Có điều rõ ràng là việc nhượng các quyền dự kiến trong hợp đồng này cũng áp dụng cho từ và các lô-gô liên quan đã hoặc đang được khai thác.

Việc sử dụng các quyền đó giới hạn ở việc khai thác nêu trong điều 6 hợp đồng này và người xuất bản thường không thể sử dụng theo các hợp đồng này, như dự kiến trong điều 2.

Điều 8. Lời chú về bản quyền

Trong việc quảng cáo bản truyền thông đại chúng với bất kỳ tính chất nào, và nói chung là việc quảng cáo bằng vật liệu quảng cáo và tin học về bản truyền thông đại chúng, thực hiện hoặc chỉ đạo bởi các bên, những người mà họ chuyển nhượng, những người được uỷ nhiệm và có quyền, trên toàn thế giới, lời chú về bản quyền như sau:

© Tên gọi

Các bên cam kết thông báo cho mọi cá nhân và nhóm người có tư cách pháp nhân có thể dẫn đến việc ghi chú vào bản truyền thông đại chúng về những nghĩa vụ quảng cáo.

Điều 9. Các vụ kiện ở toà

Do hiệu lực của các hợp đồng này **người xuất bản thường** sẽ có quyền kiện việc giả mạo hoặc việc khai thác trái phép bằng mọi hình thức, trong phạm vi các quyền chuyển nhượng theo các hợp đồng này, nhưng tự chịu phí tổn, bất trắc và tự thỉnh cầu, nhưng được hưởng hoàn toàn kết quả.

Người xuất bản cam kết sẽ cung cấp mọi chứng chỉ cần thiết cho các vụ kiện như vậy.

Điều 10. Sự bảo đảm

a) **Người xuất bản** bảo đảm với **người xuất bản thường** rằng :

- Người đó có toàn quyền và tư cách trao các quyền chuyển nhượng bằng các hợp đồng này, đặc biệt là đối với tất cả các tác giả cũng như những người xuất bản tạp chí trước kia, và các quyền đó không hề bị chuyển nhượng, cầm cố, đánh thuế hoặc chuyển giao có lợi cho một người thứ ba, bằng bất kỳ cách nào;

- Người đó đã và sẽ không làm bất cứ điều gì, bằng cách chuyển nhượng cho một người thứ ba, hoặc bằng cách khác, có thể gây tổn hại cho các quyền chuyển nhượng theo các hợp đồng này, hoặc cản trở và gây phiền phức cho **người xuất bản** trong việc hưởng các quyền do các hợp đồng mà có;

- Người đó không đưa vào phần đóng góp của mình bản in sao, hồi ức hoặc bất kỳ một yếu tố nào đó có thể xâm phạm các quyền nào đó của những người thứ ba và gây ra các vụ kiện riêng về ăn cắp văn, giả mạo, cạnh tranh bất chính, trách nhiệm dân sự, hoặc gây rắc rối về việc sử dụng hoặc khai thác các quyền chuyển nhượng;

- Khi cần, người đó đã và sẽ có tất cả giấy phép của những người thứ ba hữu quan đã được nhắc đến hoặc được đại diện để ngăn cản họ quấy rối việc sử dụng các quyền đã nhượng cho **người xuất bản thường**, đặc biệt là về vu khống, lăng nhục, xâm phạm đời tư, quyền về hình ảnh hoặc về tên tuổi;

- Người đó chịu trách nhiệm hoàn toàn về việc trả nhuận bút cho người thứ ba (nhất là các tác giả của các tác phẩm đăng trong tạp chí và những người xuất bản tạp chí trước kia), việc khai thác bản truyền thông đại chúng dưới bất kỳ hình thức nào và bằng bất kỳ phương tiện nào, và nhất là về những việc đã nêu trong các hợp đồng này sẽ không phải trả bất cứ tiền nhuận bút bổ sung nào cho những người thứ ba.

b) **Người xuất bản** đích thân chịu trách nhiệm cả với những người thứ ba và với **người xuất bản thường** nếu xảy ra việc điều khoản này không được tôn trọng và phải bồi thường cho người này về toàn bộ thiệt hại do việc không tôn trọng một điều cam kết nào đó.

c) Kết quả là **người xuất bản** bảo đảm cho **người xuất bản thường** không bị một người thực hoặc một nhóm người nào kiện cáo để đòi hưởng những quyền nào đó trái với việc chuyển nhượng đã thỏa thuận trong các hợp đồng này, hoặc một quy định nào đó của hợp đồng.

d) Thêm vào việc bảo đảm của **người xuất bản** về việc sẽ không có sự xử phạt nào là việc bảo đảm mọi lợi tức và chịu mọi phí tổn phụ, mà **người xuất bản thường** đưa ra, kể cả mọi chi phí về pháp luật, và thù lao luật sư.

e) Những sự bảo đảm kể trên là điều kiện chủ yếu và quyết định của hợp đồng này.

Điều 11. Tài trợ và tiền nhuận bút

a) Phí tổn về việc làm và khai thác bản truyền thông đại chúng của tạp chí, trừ những phần đóng góp mà các hợp đồng này dự kiến, sẽ hoàn toàn do **người xuất bản thường** thanh toán.

b) Để bù vào sự trợ giúp về kĩ thuật của nhân viên, sự trợ cấp về kĩ thuật và sự chuyển nhượng các quyền sở hữu trí tuệ về tạp chí, **người xuất bản** sẽ nhận ...% giá bán chưa tính thuế, tiền cho thuê hoặc cho mượn thu của công chúng về việc khai thác bằng cách để công chúng sử dụng bản truyền thông đại chúng của tạp chí.

c) Tỷ lệ này sẽ rút xuống một nửa về khai thác quảng cáo, bán giảm giá, bán hạ giá, loại xa xỉ, đặc biệt.

Số lượng bản đã bán sẽ tính theo số bản mà những người bán lẻ đã gửi hoặc có thể gửi trả lại.

Về những bản biếu không cho người xuất bản và những bản tặng bộ phận báo chí sẽ không có tỷ lệ phần trăm.

Cũng sẽ không có tiền nhuận bút cho **người xuất bản** về những khoản tiền mà **người xuất bản** thường thu được về sự tham gia của những người cùng xuất bản và về việc mua chỗ để đăng quảng cáo.

d) Trong khi thi hành hợp đồng này, nếu **người xuất bản** và nhất là một tổ chức thu và phân phối các quyền trực tiếp đòi tiền thì **người xuất bản thường** *sẽ không phải trả người xuất bản* tiền nhuận bút nói trên, và các bên công nhận là tiền này trở thành tiền không có lý do.

e) Mặt khác **người xuất bản** nên có kế toán đặc biệt để thi hành các hợp đồng này.

Mỗi năm một lần, vào ngày 31tháng12 sẽ làm quyết toán về các khoản tiền phải trả cho **người xuất bản** trong vòng ba tháng sau khi quyết toán và thanh toán trong ngày hôm đó.

Mọi việc kế toán về khai thác và các chứng từ thu chi sẽ có sẵn trong các văn phòng của **người xuất bản thường** vào giờ mở cửa, trong những ngày làm việc với điều kiện báo trước những ngày đó, để **người xuất bản** hoặc đại diện của người đó sử dụng.

Điều 12. Sự bảo trợ văn nghệ - Việc đỡ đầu - Sự đỡ đầu của người xuất bản

Trường hợp **người xuất bản** đưa đến một người bảo trợ hoặc đỡ đầu đáp ứng tiêu chí tài chính của **người xuất bản thường**, và dù sao người đó cũng hứa bỏ ra số tiền tối thiểu là ... euro trợ cấp và trả định kỳ về quảng cáo, mua chỗ trống trong bản truyền thông đại chúng với bảng giá hiện hành; **người xuất bản thường** cam kết trả lại cho người xuất bản tiền nhuận bút tương đương ...% số tiền thực mà người bảo trợ hoặc đỡ đầu đã góp.

Điều 13. Bản của người xuất bản

Người xuất bản nhận ... bản về mỗi bản truyền thông đại chúng nhận không mở mạng, và tuỳ ý sử dụng không cần báo cáo.

Điều 14. Giữ bí mật

a) Trước buổi công diễn bản truyền thông đại chúng lần đầu tiên, **người xuất bản** không được tuyên bố gì cho một phương tiện truyền thông đại chúng, nếu không được phép hoặc không có sự cộng tác của **người xuất bản thường.**

b) **Người xuất bản** chính thức không được đề cao trước công chúng bằng cách nào đấy, phẩm chất và/ hoặc trình độ lành nghề liên quan đến **người xuất bản thường**, và/ hoặc dùng nhãn hiệu và/hoặc một dấu hiệu đặc trưng thuộc về **người xuất bản thường,** trừ phi là trong khuôn khổ quảng cáo mà **người xuất bản** có trách nhiệm đăng trong tờ tạp chí in, với sự thoả thuận chung.

c) **Người xuất bản** cam kết giữ bí mật mọi thông tin về **người xuất bản thường**, mà có thể người đó sẽ nhận được hoặc sẽ biết khi ký hợp đồng này.

d) Các bên cũng cam kết không tiết lộ thông tin về lời lẽ trong hợp đồng này.

e) Ngoài ra, **người xuất bản** sẽ buộc mọi người làm việc trực tiếp hoặc gián tiếp với mình tôn trọng nghĩa vụ này.

Điều 15. Chuyển nhượng các hợp đồng này

Các hợp đồng này gắn bó **người xuất bản** với những người có quyền và những người được quyền kế tục và không thể đem chuyển nhượng nếu không được **người xuất bản thường** cho phép trước.

Ngược lại, **người xuất bản thường** được hoàn toàn tự do chuyển nhượng hoặc nhượng lại toàn bộ hay từng phần lợi nhuận và phí tổn cùng một lúc hay riêng rẽ hoặc nhượng các hợp đồng này cho mọi cá nhân hoặc nhóm có tư cách pháp nhân, miễn là báo cho **người xuất bản** biết trong vòng mười lăm ngày khi đang tiến hành việc chuyển nhượng, và đòi

người được nhượng phải tôn trọng các nghĩa vụ ghi trong các hợp đồng có lợi cho **người xuất bản.**

Điều 16. Điều khoản về không cạnh tranh

Do phạm vi và tính riêng biệt của việc chuyển nhượng, **người xuất bản** công nhận ngay khi các hợp đồng này có hiệu lực và trong thời gian có hiệu lực, là người đó không được khai thác riêng rẽ, trực tiếp hoặc qua trung gian của người thứ ba bán truyền thông đại chúng của tạp chí dưới một hình thức và ở thể loại nào đó.

Nghĩa vụ không được cạnh tranh này sẽ duy trì trong ... tháng sau khi hợp đồng kết thúc, về bất kỳ bản truyền thông đại chúng nào.

Điều 17. Quyền ưu tiên

Người xuất bản thừa nhận **người xuất bản thường** có quyền ưu tiên về các tác phẩm mà người này dự định khai thác bản truyền thông đại chúng trong tương lai.

Việc nhượng mỗi tác phẩm mà **người xuất bản** sẽ nhận khai thác được toàn bộ các điều khoản, yêu cầu và điều kiện của hợp đồng này chỉ đạo, và sẽ cùng có giá trị như nhau về các hình thức khai thác dự kiến trong hợp đồng này.

Người xuất bản thường sẽ có thời hạn ba tháng, tính từ khi trao bản dự án dễ đọc về một tác phẩm dưới dạng hoàn chỉnh và có thể khai thác được để cho biết quyết định của mình.

Mặt khác có quy định rõ là trường hợp **người xuất bản** giới thiệu đồng thời hoặc nhiều tác phẩm, **người xuất bản thường** sẽ tự ấn định thời hạn thực hiện từng việc khai thác theo thông lệ chuyên môn và vì lợi ích chung của các bên.

Điều 18. Sự hủy bỏ

Nếu **người xuất bản** không thi hành một trong những nghĩa vụ dự kiến trong các hợp đồng này, và mười lăm ngày sau lần gửi thư bảo đảm có biên nhận đòi hỏi việc thực hiện, mà không có kết quả, thì các hợp đồng này sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ không cần làm thủ tục pháp lý, nếu **người xuất bản thường** muốn, gây thiệt hại cho bên có thiếu sót, mà không bồi thường.

Sự huỷ bỏ không tác động đến việc chuyển nhượng, chuyển quyền và các hợp đồng khai thác quyền chuyển nhượng khác, mà **người xuất bản thường** đã ký một cách hợp lệ từ trước.

Khi các hợp đồng này hết hạn và trường hợp bị huỷ bỏ do thoả thuận hay do toà quyết định, chỉ có **người xuất bản thường** được tiếp tục khai thác không riêng gì từ "nhãn hiệu", mà tất cả các quyền, nhất là quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến mục tiêu của hợp đồng này, mà không phải trả **người xuất bản** bất cứ khoản tiền bồi thường nào.

Điều 19. Quy ước trước

Việc ký các hợp đồng này làm cho mọi giao ước mà các bên ký trước đây vô hiệu.

Điều 20. Sự điều hòa hợp pháp

Trường hợp các quy định hợp pháp hoặc hợp cách về các tác phẩm truyền thông đại chúng được chấp nhận và có hiệu lực thì các bên cam kết thi hành những quy định mới đó theo ý định chung của họ khi ký các hợp đồng này.

Điều 21. Sự vô hiệu

Nếu một trong các điều khoản của các hợp đồng này vô hiệu thì sự vô hiệu này không dẫn đến sự vô hiệu của các điều khoản khác của hợp đồng nói đến và hợp đồng này vẫn hoàn toàn có hiệu lực đầy đủ.

Các bên sẽ phải thống nhất với nhau để thay điều khoản vô hiệu bằng một điều khoản khác mà vẫn giữ tinh thần của các hợp đồng này.

Điều 22. Sự thành tâm

Các bên cam kết hiểu và thi hành các hợp đồng này một cách thành tâm.

Điều 23. Việc nộp lưu chiểu và CNIL

Người xuất bản cam kết trong thời hạn của các hợp đồng này, cung cấp cho **người xuất bản thường** toàn bộ các thông tin cần thiết để làm thủ tục nộp lưu chiểu về các tác phẩm truyền thông đại chúng cũng như thủ tục về việc số hóa dữ liệu cho Tiểu ban tin học và miễn trừ (CNIL)

Điều 24. Chọn trụ sở

Để thi hành các hợp đồng này, các bên chọn trụ sở ghi trên các hợp đồng này.

Làm tại..... thành hai bản một cách thành thực, ngày.....

Ký thay người xuất bản thường

Ký thay người xuất bản

XIV
Luật quốc tế

Về quyền tác giả, nước Pháp bị ràng buộc bằng nhiều công ước quốc tế, những công ước này cho phép bảo đảm cho các tác phẩm xuất xứ trên lãnh thổ Pháp được bảo vệ ít ra là về mặt lý thuyết trên hầu hết các thị trường xuất bản có hiệu sách đang tồn tại trên toàn thế giới[1].

Thật ra một trong những công ước này trội hơn các công ước khác. Đó là Công ước Berne đảm bảo sự bảo hộ ở mức cao nhất cho tác phẩm và có số nước tham gia đông nhất.

Như vậy thì một người chủ xuất bản Pháp tự hỏi mình về phạm vi các quyền của mình ở một nước khác (bảo hộ các tác phẩm mà người đó nắm quyền...) hoặc là về sự bảo trợ mà một tác phẩm nước ngoài được hưởng ở Pháp (có thuộc lĩnh vực công hay không...), liệu trước hết người đó có phải kiểm tra xem nước nói đến có tham gia Công ước Berne hay không. Nếu không thì người đó sẽ tìm để tham gia các công ước quốc tế khác: Công ước quốc tế Genève[2] hoặc hiệp ước song phương với nước Pháp. Nếu không có quy ước có thể vận dụng thì Luật 1964 về tính tương trợ sẽ rất cần thiết. các hiệp định quốc tế gắn bó nước Pháp (hiệp ước Montevideo, sự hoà giải Vienne, vv...) nay không được thi hành vì nhiều lí do. Riêng hiệp ước Rome là cá biệt.

Còn các hợp đồng giữa một người xuất bản Pháp và những người xuất bản nước ngoài[3] thì tuyệt nhiên không được coi như vậy trong các công ước quốc tế. Về các hợp đồng chuyển nhượng quyền, trừ ngoại lệ[4], thông thường là dùng mẫu của người bán. Bao giờ cũng có thể chọn luật có thể vận dụng cho hợp đồng, chẳng hạn như về việc đồng xuất bản quốc tế. Đặc biệt có thể là luật của nơi khai thác tác phẩm hoặc nơi ở của tác giả. Trong mọi trường hợp, điều phải tuân thủ là bảo đảm hợp đồng y theo luật lựa chọn.

---

[1] Henri Desbois, André Françon và André Kerever, các Công ước quốc tế về quyền tác giả và các quyền tương đương, Dalloz, 1976.

[2] Ký ngày 6-9- 1952 và sửa đổi ở Paris ngày 24 – 7- 1971, Công bố bằng Sắc lệnh số 74-842 ngày 4-10-1974 (Công bố, 10-10-1974), có hiệu lực từ ngày 10-7-1974.

[3] Xem "Hợp đồng xuất bản" và "Việc chuyển nhượng quyền".

[4] Những người xuất bản Mỹ có vẻ đặc biệt do dự trong việc sử dụng hợp đồng của nước ngoài, xem Anne - Solange Noble, "Niềm vui trong việc bán quyền cho Mỹ", *Sách tuần*, 4- 1-1991.

Công ước Berne

Với hơn một trăm năm mươi nước thành viên hiện nay, trong số đó nước Mỹ mới tham gia nhập năm 1989, Công ước Berne ngày 12-9-1886 về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật[1] chi phối rộng rãi các quan hệ xuyên quốc gia về quyền tác giả[2]. Tuy nhiên, Công ước đã được sửa đổi nhiều lần, và tất cả các nước tham gia Công ước không nhất thiết phải phê chuẩn vào cùng một bản. Vì vậy, cần kiểm tra xem người xuất bản nước ngoài phục tùng thực chất nội dung nào của Công ước. Hàng năm, Tổ chức thế giới về quyền sở hữu trí tuệ (OMPI) ở Genève quản lý Công ước Berne công bố hàng năm danh sách chi tiết các nước tham gia.

Tuy vậy, các nước thành viên đều đứng ở mức chung về sự bảo trợ tối thiểu, mà nguyên tắc cơ bản là cái mà các chuyên gia gọi là "sự đồng hoá người theo chủ nghĩa liên hiệp với quốc gia".

Nguyên tắc đồng hoá người theo chủ nghĩa liên hiệp với quốc gia

Nguyên tắc đồng hoá người theo chủ nghĩa liên hiệp với quốc gia có nghĩa là mọi tác phẩm đến từ một nước thành viên của Công ước phải nhận được ở một nước thành viên khác sự bảo trợ giống như sự bảo hộ tác phẩm nguyên gốc ở nước này (ngoài các quyền đặc biệt ghi trong Công ước). Vì vậy, phạm vi bảo hộ và các phương tiện sử dụng là phạm vi và phương tiện của nước nơi có yêu cầu bảo hộ. Điều này có giá trị cả cho luật hiện nay và luật sau này. Hơn nữa, không đòi hỏi thủ tục nào để hưởng những quyền đó ở một nước thành viên.

Nhưng nhiều nguyên tắc khác hiện diện trong Công ước Berne cho phép có sự bảo hộ đúng đắn đối với các tác phẩm cũng như nguyên tắc đồng hoá người theo chủ nghĩa liên hiệp với quốc gia.

Các tác phẩm có thể được bảo hộ

Nước Pháp là nước thành viên của Công ước Berne ở văn bản cuối cùng (sửa đổi ngày 24-7-1971, gọi là Định ước Paris).

Trước hết trong đó có danh sách chỉ dẫn các tác phẩm có thể được bảo hộ. Việc xem xét bản danh sách đó dẫn đến kết quả rõ rệt giống như kết quả của luật nội bộ của Pháp. Có điều xác định rõ là các nước có thể loại ra khỏi phạm vi bảo hộ các văn bản chính thức, các cuộc tranh luận tư pháp, các diễn từ mang tính thông tin, v.v...

---

[1] Công báo, 28 – 8 – 1974.

Điều 3 của công ước có tầm quan trọng hàng đầu vì nó liệt kê các tác giả được Công ước bảo hộ.

"1. Được bảo hộ theo Công ước này:

"a. Các tác giả thuộc quốc tịch của một trong những nước của Liên hiệp, về tác phẩm đã xuất bản hoặc không xuất bản của họ.

"b. Các tác giả không thuộc quốc tịch của một nước trong Liên hiệp, về những tác phẩm xuất bản lần đầu tại một trong những nước thành viên hoặc xuất bản đồng thời tại một nước ngoài Liên hiệp và một nước trong Liên hiệp.

" 2. Các tác giả không thuộc quốc tịch của một nước trong Liên hiệp, nhưng thường cư trú ở một trong những nước thành viên, được coi như các tác giả thuộc quốc tịch nước nói đến, khi áp dụng hợp đồng này.

"3. Nên hiểu 'Tác phẩm đã xuất bản" là những tác phẩm đã xuất bản với sự đồng ý của tác giả, với bất kỳ phương thức sản xuất các bản in nào, miễn là việc sử dụng các bản in đó thoả mãn nhu cầu hợp lý của công chúng, tính đến tính chất của tác phẩm.

Việc biểu diễn tác phẩm sân khấu, nhạc kịch hoặc điện ảnh, việc trình diễn tác phẩm âm nhạc, việc đọc tác phẩm văn học cho quần chúng nghe, việc truyền âm hoặc phát thanh các tác phẩm văn học nghệ thuật, việc trưng bày tác phẩm nghệ thuật và việc xây dựng tác phẩm kiến trúc không phải là việc xuất bản.

"4. Tác phẩm nào ra mắt ở hai hoặc nhiều nước trong vòng ba mươi ngày khi xuất bản lần đầu[1] được coi là xuất bản đồng thời ở nhiều nước".

Trong Công ước cũng ghi rõ là nước xuất xứ của tác phẩm không phải là nước mà tác giả có quốc tịch, nhưng là nước nơi tác phẩm được xuất bản lần đầu (không nên lẫn với lần tiếp cận đầu tiên với công chúng, có thể chỉ là đọc sách)[2]. Và điều 5 ghi ở đoạn 4 "được coi là nước xuất xứ".

a. Đối với các tác phẩm xuất bản lần đầu ở một trong những nước thành viên của Liên hiệp ; tuy nhiên nếu là các tác phẩm xuất bản đồng thời tại nhiều nước trong Liên hiệp, và những nước đó chấp nhận thời hạn bảo trợ khác nhau thì nước xuất xứ là nước có qui chế công nhận thời hạn bảo trợ ngắn nhất

b. Đối với tác phẩm xuất bản đồng thời ở một nước nằm ngoài Liên hiệp, và một nước trong Liên hiệp thì là nước trong Liên hiệp;

---

[1] Sylviane Durande, "Khái niệm về xuất bản trong các Công ước quốc tế" Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 1-1982, số CXI, tr 73.

[2] W. Nordemann, "về việc xác định nước xuất xứ theo công ước Berne", Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 7-1984, số CXXL, tr 3.

c. Đối với các tác phẩm không xuất bản, hoặc xuất bản lần đầu ở một nước không thuộc Liên hiệp, nhưng không xuất bản đồng thời ở một nước thuộc Liên hiệp, thì là nước mà tác giả mang quốc tịch [...]".

Các nước thành viên được phép giảm bớt sự bảo hộ các tác phẩm gốc của một nước ngoài Liên hiệp đã không bảo hộ đầy đủ các tác phẩm gốc của Liên hiệp. Đó là việc áp dụng một cách đơn giản nguyên tắc có đi có lại đã có hiệu lực về luật pháp của Pháp[1].

Các quyền được bảo hộ

Công ước khẳng định lại các quyền tinh thần của tác giả. Tuy nhiên, một số nước có thể không bảo đảm sự bảo hộ các quyền tinh thần của tác giả sau khi người này qua đời, nếu quy chế của các nước đó không công nhận tính vĩnh viễn của các quyền đó.

Thời hạn của các quyền thuộc di sản phải là ít nhất năm mươi năm sau khi tác giả qua đời và hai mươi nhăm năm nếu là ảnh.

Các tác phẩm giấu tên hoặc lấy bút danh và các tác phẩm cộng tác theo chế độ gần với chế độ của Pháp[2]. Tất cả các thời hạn này đều tính từ ngày 1-1 sau khi tác giả qua đời (hoặc sau khi xuất bản, tuỳ trường hợp). Không một thời hạn ngắn hơn nào được chấp nhận, trừ những nước chỉ ràng buộc bởi Định ước Rome (sửa đổi ngày 2- 6 -1928).

Thời hạn do luật pháp của nước nơi có đòi hỏi bảo hộ quyết định. Nhưng thời hạn bảo hộ không thể quá thời hạn bảo hộ của nước xuất xứ, trừ phi luật pháp của nước, nơi có sự đòi hỏi bảo hộ quyết định khác (nghĩa là nói chung nếu một hiệp ước song phương quy định khác). Đó là nguyên tắc gọi là "so sánh các thời hạn"[3]. Nhưng nguyên tắc này đã gặp khó khăn ở Cộng đồng Châu Âu từ khi có pháp chế liên quan đến sự điều hoà thời hạn của các quyền[4].

Trong một số trường hợp (chẳng hạn như việc sao chép tư), có thể cho phép có ngoại lệ về quyền sao chép, nếu không thiệt hại cho người thực thi các quyền. Quyền trích dẫn được Công ước đảm bảo rõ ràng. Không những các quyền theo di sản của tác giả được bảo hộ mà chúng còn bao gồm quyền dịch thuật trong tất cả

---

[1] Xem "Các hiệp ước song phương hoặc đa phương và điều kiện tương hỗ".
[2] Xem chương VI "Thời hạn của các quyền".
[3] Phòng dân sự thứ nhất của Tòa phá án, ngày 15-12-1975, tuần lễ pháp lý (JCP), 1976, II, 18394, ghi chú của André Françon.
[4] Xem chương VI "Thời hạn của các quyền".

thời hạn, kéo dài quyền sở hữu văn học nghệ thuật. Qui định này quan trọng vì một số nước, như Ấn Độ, có chế độ nội bộ rất ít thuận lợi cho việc bảo trợ quyền dịch thuật.

Quyền liên tục - quyền cho phép một mình tác giả hưởng tỷ lệ phần trăm về mỗi lần bán một tác phẩm của tác giả cho công chúng – được nêu lên, kể cả về các bản thảo gốc. Nhưng Công ước không áp đặt quyền này cho các nước thành viên. Do đó mà có vẻ như nước Pháp luôn luôn không cho các nhà văn hưởng quyền liên tục về bản thảo của họ, thế nhưng các hoạ sĩ và nhà điêu khắc lại được hưởng quyền đó.

Sự tịch thu tác phẩm giả mạo là công cụ trừng phạt thích đáng.

Công ước Berne dành cho chính quyền mỗi nước có đủ tư cách tự do quyết định việc cấm một quyển sách vì có vấn đề liên quan đến cảnh sát, v.v...

Cuối cùng, văn bản do hội nghị ngoại giao của OMPI[1], họp ngày 20-12-1996 thông qua bổ sung cho công ước Berne riêng về truyền thông đa phương tiện [2].

Phụ lục cho Định ước Paris của Công ước Berne

Phụ lục cho Định ước Paris liên quan đến các nước đang phát triển[3]. Một số quy định đã ngăn cản nhiều nước gia nhập Định ước Paris. Phụ lục của Định ước này tạo khả năng cho các nước đang phát triển cấp cho người nước đó giấy phép dịch thuật mà không phải mua quyền từ người thực thụ quyền. Những nước đó cũng có thể đặt ra hệ thống giấy phép thay cho quyền sao chép. Đó là một qui định liên quan chủ yếu đến các nước có chế độ gọi là xã hội chủ nghĩa.

Công ước toàn cầu

Khi hai nước đều là thành viên của Công ước Berne và Công ước toàn cầu, chỉ có Công ước thứ nhất được thi hành. Do đó Công ước toàn cầu năm 1952, do UNESCO quản lý và nước Pháp có tham gia, chỉ có tầm quan trọng hạn chế[4]. Tuy nhiên Công ước đó vẫn là công cụ ưu việt trong các mối quan hệ với nước Mỹ về quyền tác giả cho đến khi nước này tham gia Công ước Berne năm 1989.

---

[1] Công báo của Cộng đồng Châu Âu, 30 – 5- 1998, C 165/9, tr. 23. "Hiệp ước OMPI về quyền tác giả, sự cộng nhận tầm quan trọng của Thông tin về chế độ các quyền". Giám định, 1- 1997, tr. 11.

[2] Xem "Sự bảo hộ trên mạng Internet".

[3] Định ước Paris ngày 24-7-1971, Sắc lệnh số 74-743 ngày 21-8-1974, Công báo, 23-8-1974.

[4] Công báo, 10-10-1974

Công ước toàn cầu cũng dựa trên nguyên tắc đồng hoá người theo chủ nghĩa liên hiệp với quốc gia. Nhưng Công ước này không yêu cầu cao bằng Công ước Berne. Vì vậy Công ước toàn cầu cho phép các thành viên gắn việc bảo hộ các quyền tác giả với việc hoàn thành các thủ tục. Biện pháp này mềm dẻo hơn đối với các tác phẩm gốc nước ngoài, trong chừng mực có thể thay các thủ tục bằng ký hiệu bản quyền (©) kèm theo tên người thực thụ quyền và năm công bố. Các tác phẩm xuất bản từ ngày 1-3 - 1989 (ngày mà Công ước Berne có hiệu lực ở Mỹ) thật sự không cần như vậy nữa. Việc đăng ký tại *Cơ quan Bản quyền* của Quốc hội Mỹ cũng không cần thiết nữa.

Thời hạn tối thiểu của các quyền là hai mươi nhăm năm sau khi tác giả qua đời và chỉ là mười năm về ảnh, khi luật pháp quốc gia dự kiến việc bảo hộ ảnh (sự bảo hộ tỏ ra không bắt buộc!). Cuối cùng, các giấy phép dịch thuật cũng có thể do các nước thành viên cấp.

Các hiệp ước song phương hoặc đa phương và điều kiện tương hỗ

Nước Pháp đã ký gần ba chục hiệp ước song phương hoặc đa phương về quyền tác giả. Các hiệp ước này có thể thêm vào các hiệp ước quốc tế đã ràng buộc nước Pháp với các nước thành viên và dành cho các tác phẩm của các nước hữu quan một mức bảo hộ thêm. Dù một nước ngoài có tham gia Định ước Paris của Công ước Berne, thì vẫn nên kiểm tra xem có hiệp ước song phương nào gắn nước đó với nước Pháp một cách thuận lợi hơn không.

Nhưng các hiệp ước này cũng có thể tỏ ra có ích khi nước ngoài, không là thành viên của công ước nào trong hai công ước lớn mà nước Pháp tham gia.

Trường hợp không có mối liên hệ pháp lý quốc tế nào về quyền tác giả giữa nước Pháp và một nước ngoài, thì phải làm theo điều kiện gọi là tương hỗ.

Thực tế điều L.111 – 4 của CPI quy định:

"Trừ phi có các quy định của các công ước quốc tế mà nước Pháp có tham gia, trường hợp sau khi hỏi ý kiến bộ trưởng Bộ Ngoại giao được biết một nước bị coi là không bảo đảm cho các tác phẩm phổ biến lần đầu tiên ở nước Pháp, dưới mọi hình thức, một sự bảo hộ đầy đủ và có hiệu quả thì các tác phẩm được phổ biến lần đầu tiên trên lãnh thổ nước đó không được hưởng sự bảo hộ về quyền tác giả, mà qui chế nước Pháp công nhận.

"Tuy nhiên, sự toàn vẹn của các tác phẩm này không thể bị tổn hại".

"Theo giả thuyết trong đoạn thứ nhất trên đây, các quyền tác giả được trao cho các tổ chức phục vụ lợi ích chung do sắc lệnh chỉ định".

Trường hợp các tác phẩm của Pháp không được bảo hộ ở nước nói trên, những người xuất bản Pháp muốn xuất bản các tác phẩm xuất xứ ở nước đó chỉ phải thanh toán tiền trả định kỳ, thường là dành cho người xuất bản nước ngoài, cho các tổ chức phục vụ lợi ích chung do sắc lệnh chỉ định (theo Sắc lệnh ngày 6-3-1967 thì đó là Trung tâm sách trung ương và năm hội chính quản lý tập thể các quyền của tác giả). Hơn nữa, các quyền tinh thần của tác giả phải được tôn trọng. Qui định này cho phép không cần những người thực thụ quyền cho phép, nhưng không miễn thanh toán các khoản.

Còn về các tác phẩm xuất bản lần đầu tiên ở Pháp thì theo luật pháp của Pháp dù là tác giả thuộc quốc tịch nào.

Hiệp ước Montevideo, sự dàn xếp ở Vienne, Liên minh Châu Âu, GATT, Hiệp ước Châu Âu về nhân quyền và Tài liệu về cuộc hội thảo Cracovie

Hiệp ước Montevideo

Ngược lại, Hiệp ước Montevideo 11-1-1889, có thể sử dụng được nhưng chỉ liên quan đến bốn nước Châu Âu (trong đó có Pháp) và năm nước Nam Mỹ. Vả lại, tất cả các nước này đều là thành viên của các hiệp ước quốc tế thuận lợi hơn. Hiệp ước Montevideo không được thi hành trên thực tế. Tuy nhiên, cần nêu lên rằng, theo chế độ của nó thì tác phẩm chỉ theo luật của nước xuất xứ mà thôi.

Sự dàn xếp Vienne

Sự dàn xếp Vienne năm 1973 về sự bảo hộ các chữ dùng để in máy không phải bao giờ cũng có hiệu lực vì không được các nước khởi xướng phê chuẩn[1]. Nước Pháp đã phê chuẩn năm 1975[2]. Hiệp ước này tạo ra quyền xuyên quốc gia thật sự có lợi cho tác giả của một bộ chữ in mới.

Liên minh Châu Âu

Hiệp ước Rome, cấu thành Cộng đồng kinh tế Châu Âu (CEE), bao gồm ít yếu tố về quyền tác giả[3]. Nhưng những năm gần đây, nhiều chỉ thị của Cộng đồng đã có

---

[1] André Françon "Sự dàn xếp Vienne về bảo hộ các chữ in và sự trình toà quốc tế các chữ in đó", quyền tác giả, *1976*, tr *134*.

[2] Luật số 75-1133 ngày 10-12-1975, Công báo, 12-12-1975.

[3] André Françon, Quyền tác giả và hiệp ước Rome lập ra CEE", Tạp chí quốc tế quyền tác giả, 4-1979, số C, tr 129.

hiệu lực nhằm điều hoà quy chế của các nước thành viên cả về thời hạn các quyền lẫn việc bảo hộ cơ sở dữ liệu, hoặc quyền cho mượn.[1]

Năm 1988 Tiểu ban đề xuất chủ trương nhằm điều hoà "một số khía cạnh của quyền tác giả và các quyền tương tự trong xã hội thông tin" và mục đích chính xác là theo dõi sự tiến triển của công nghệ mới. Văn bản cuối cùng của chỉ thị được thông qua ngày 22-5-2001. Trước khi việc chuyển vị chỉ thị được thảo luận tại Quốc hội, chỉ thị mới đã được biểu quyết ngày 29-4-2004 về "sự tôn trọng các quyền sở hữu trí tuệ[2]" có khuynh hướng điều hoà các phương tiện tư pháp chống giả mạo.

Từ nay trở đi cũng có pháp chế vững chắc xuất phát từ toà án của các Cộng đồng Châu Âu về quyền sở hữu trí tuệ[3].

Các chuyên gia về quyền sở hữu trí tuệ đôi khi gợi ra " thuyết về epuisement". Khái niệm này, xuất phát từ nguyên lý cộng đồng về sự lưu thông tự do hàng hoá, tác động trong hồ sơ nhạy cảm như hồ sơ về quyền cho mượn hoặc các cơ sở dữ liệu.

Các văn bản cấu thành Liên minh Châu Âu đã đưa ra nguyên tắc lưu thông tài sản tự do trong nội bộ Cộng đồng Châu Âu, đồng thời tuyên bố sự bảo hộ đối với quyền sở hữu trí tuệ. Épuisement là thuyết nảy sinh trực tiếp từ nghịch lý này. Epuisement nghĩa là những người nắm quyền sở hữu trí tuệ không thể dùng độc quyền lãnh thổ đối lập lại những người được sở hữu một cách hợp pháp các sản phẩm văn hoá và muốn cho chúng đi chu du trong thị trường cộng đồng.

Một số ngành của quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền sở hữu công nghiệp, quen thuộc với thuyết này. Vì thế, mà quy chế năm 1993 về nhãn hiệu cộng đồng xác định rằng "quyền do nhãn hiệu cộng đồng trao không cho phép người thực thụ quyền cần dùng nhãn hiệu đó cho các sản phẩm được đưa vào thương mại trong cộng đồng với nhãn hiệu đó hoặc với sự đồng ý của người thực thụ quyền". Về chỉ thị ngày 13-10-1998 về các bản vẽ và các mẫu chuyển thành luật nội bộ của Pháp cũng thế. Tuy nhiên, đối với quyền tác giả Épuisement là thuyết ít được truyền bá hơn so với quyền sở hữu công nghiệp. Trên thực tế quyền này chỉ cho phép bán lại một sản phẩm văn hoá đã được thương mại hoá một cách hợp pháp trên thị trường. Toàn bộ các phương thức khai thác khác về một tác phẩm chịu sự kiểm tra của người thực thụ quyền sở hữu văn học nghệ thuật.

Nhưng đã có sự tham khảo Épuisement trong chỉ thị ngày 22-5-2001 từ nay nổi tiếng về quyền tác giả và các quyền tương tự trong xã hội thông tin. Điều 4 của Chỉ thị này quy định rằng quyền phân phối "bản gốc hoặc bản sao của một tác phẩm chỉ hết trong trường hợp được bán lần đầu, hoặc chuyển giao lần đầu trong

---

[1] Xem chương VI "Thời hạn của các quyền" và "Cơ sở của dữ liệu".

[2] Công báo của các Cộng đồng Châu Âu, số L. 195; 2-6-2004, tr 16.

[3] R. Joliet và Delsaux, Quyền tác giả trong pháp chế của Toà án các Cộng đồng Châu Âu "Tập san luật Châu Âu, số 4, 1985, tr. 381. Emmanuel. Pierrat", "CEE và quyền tác giả", tạp chí Show magazine, số 281, 18-5-1992, tr 31.

cộng đồng quyền sở hữu vật đó do người thực thụ quyền thực hiện, hoặc với sự đồng ý của người đó".

Ngược lại, thuyết Épuisement đã bị chỉ thị năm 1992 về quyền cho mượn và cho thuê gạt ra. Từ đó, nhiều quyết định của Toà án của các cộng đồng Châu Âu về quyền cho thuê đảm bảo cho những người nắm quyền được kiểm tra, quyền mà họ giữ về những phương thức khai thác tác phẩm nào đó[1].

Quyền của các cơ sở dữ liệu, cũng phát sinh từ một chỉ thị Châu Âu và được đưa vào luật quốc gia năm 1982[2]. Không như thế, điều L342-4 của Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ dự kiến rằng từ nay "việc bán một bản sao vật chất của một cơ sở dữ liệu trên lãnh thổ của một nước thành viên Cộng đồng Châu Âu, hoặc một nước tham gia hiệp định về không gian kinh tế Châu Âu, do người thực thụ quyền thực hiện, hoặc với sự đồng ý của người đó, làm mất quyền kiểm tra việc bán lại bản sao vật chất đó trong tất cả các nước thành viên".

Còn về các luật gia sách duy nhất, chúng ta hãy nhớ là chúng không còn được coi như vật cản nguyên tắc lưu thông tự do. Toà án của các Cộng đồng Châu Âu đã quyết định như vậy ngày 3-10-2000, về luật ngày 10-8-1981[3] của Pháp Điều đó chỉ đạt được sau nhiều lần sắp xếp các văn bản ban đầu, việc sửa lại cuối cùng tiến hành cho đến năm 1990.

Gần đây nhất, các hiệp định liên vùng, xuyên biên giới giữa nước Đức và nước Áo về giá sách chỉ sống tiếp sau những trừng phạt của một số quan chức Bruxelles với điều kiện có sự sửa đổi.

Công ước Châu Âu về nhân quyền

Toà án nhân quyền Châu Âu ngày càng thường xuyên xử các vụ do các nhà xuất bản Pháp đưa đến. Việc xét xử của toà án này làm rối loạn quyền thông tin, nhưng cũng bắt đầu làm lung lay quyền tác giả.

Công ước Châu Âu bảo vệ nhân quyền và quyền tự do cơ bản thông qua năm 1950, và được nước Pháp phê chuẩn năm 1974, đã tái chịu trách nhiệm về nguyên tắc tự do ngôn luận.

Điều 10.1 của Công ước trên thực tế quy định rằng "tất cả mọi người đều có quyền tự do ngôn luận. Quyền này bao gồm tự do tư tưởng và tự do nhận hoặc truyền đạt thông tin và ý tưởng mà không có sự can dự của chính quyền và không kể biên giới". Công ước Châu Âu đã tạo ra phạm vi xét xử thật sự, mà quyền thừa kế tức thì ngày nay là một thứ phương sách cầu viện cuối cùng.

---

[1] Toà án của các Cộng đồng Châu Âu, 28/4/1998, RIDA, 10/1998, 211; Toà án của các Cộng đồng Châu Âu, 22/9/1998, Dalloz, 1999, 239.

[2] Xem "Các cơ sở dữ liệu".

[3] Toà án của các Cộng đồng Châu Âu, 3-10-2000, Dallz 2000, JR, 266. Xem Quyền của sách, op.cit.

Điều 34 Công ước nhân quyền Châu Âu quy định là cá nhân có thể cầu viện trước Toà án đóng trụ sở tại Strasbourg. Nhưng chỉ có thể làm thế nếu đáp ứng đồng thời cả ba điều kiện. Trước hết cần dựa được vào một trong các điều khoản của Công ước nhân quyền Châu Âu. Vì thế Điều 10.1 khá đầy đủ để viện dẫn trong nhiều "vụ vi phạm về xuất bản".

Tuy nhiên, điều kiện thứ hai về quyền thừa kế tức thì của Toà án nhân quyền Châu Âu chỉ có thể đáp ứng sau khi tất cả các con đường cầu viện về luật nội bộ đều hết. Cuối cùng, phải đáp ứng điều kiện này trong thời hạn sáu tháng, tính từ lần có phán quyết cuối cùng của Toà án, và nếu không như vậy thì sẽ bị mất quyền.

Trong một vài năm, nước Pháp đã chứng kiến chế định trấn áp của mình bị việc xét xử của Toà án Châu Âu làm tổn thương nặng.

Cả quyền sở hữu văn học nghệ thuật từ nay cũng bị Toà án nhân quyền Châu Âu chi phối. Điều 10.1 của Công ước Châu Âu đã được nhiều lần viện dẫn để chống lại quyền tác giả bị coi là vi phạm quyền tự do ngôn luận.

Một số chuyên gia xúc động trước phán quyết ngày 23-2-1999 của Toà phúc thẩm Paris trong vụ France II chống lại một người thừa kế của Utrillo. Các quan toà đã chấp nhận lập luận của kênh truyền hình viện dẫn Công ước Châu Âu. Khi kết luận rằng "phóng sự thể hiện... tác phẩm của một nghệ sĩ chỉ duy nhất truyền đi trên báo hình thời lượng ngắn, không vi phạm quyền sở hữu trí tuệ của người khác, bởi vì nó sẽ được biện minh bằng quyền của khán giả truyền hình được thông tin một cách nhanh chóng và thích hợp về một sự kiện văn hoá có tính thời sự trước mắt liên quan đến tác phẩm của tác giả". Các thẩm phán Toà phúc thẩm và Toà phá án[1] đã trở lại nhận xét chính thống hơn, coi trọng quyền tác giả, được đưa "quyền về sự tôn trọng tài sản của tác giả" ghi trong điều 1 nghi thức bổ sung thứ nhất vào Công ước nhân quyền Châu Âu về quyền được thông tin của công chúng được viện dẫn bằng dấu thị thực của điều 10.1.

GATT

Từ năm 1993, GATT (Thoả thuận chung về các biểu thuế quan) thương mại đặc biệt liên quan đến các quyền sở hữu trí tuệ. Các "mặt của quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại" (còn gọi là ADPIC hoặc TRIPS, tiếng Anh) trên thực tế có được ghi trong những cuộc thương lượng ở vòng đàm phán Urugway vào tháng 9 năm 1986 nhằm sửa đổi GATT[2].

---

[1] Phòng dân sự nhất Toà phá án, 13-11-2003, Dalloz, 2004, tr 200, ghi chú của Nicolas Bouche.
[2] Emmanuel Pierat, "E. U/CEE: Gatt...", Tạp chí Show Magazine, 26/10/1992, tr.21

Tài liệu Cracovie

Cuối cùng, Tài liệu về cuộc Hội thảo Cracovie[1] được dự thảo năm 1991, dưới sự bảo hộ của Hội nghị về an ninh và hợp tác Châu Âu. Theo văn bản này, các nước thành viên phải cố gắng để không cản trở tự do sáng tạo, nhất là "việc xuất bản các tác phẩm viết" cũng như quyền sở hữu sách, với điều kiện là các quyền sở hữu trí tuệ.

Sự bảo hộ trên mạng Internet

Những sáng kiến mới đây của cộng đồng quốc tế thể hiện ấn tượng mà sự xuất hiện của mạng kỹ thuật số đứng đầu là Internet đã gây ra. Những nỗi lo lắng tiếp tục nảy sinh, đặc biệt là trong các tác giả, do sự phân đôi tiếp tục chế ngự luật quốc tế về sở hữu văn học nghệ thuật: Một mặt là chế độ bản quyền mà nước Mỹ là mũi nhọn tiến tới làm cho các nhà sản xuất và những người xuất bản trở thành chủ nhân của các tác phẩm mà họ tài trợ; mặt khác là khái niệm của lục địa và chủ yếu là của Pháp về quyền tác giả, như tên gọi đã cho thấy, dành phần tốt đẹp cho các tác giả. Nếu sự khác nhau giữa hai trường phái này vẫn còn rõ rệt và nếu sự tính toán về kinh tế quan trọng, thì "kỹ thuật số" trên thực tế sẽ có công lao làm nổi bật nhiều điểm chung giữa các luật quốc gia, những điểm chung ngày nay tạo nhiều thuận lợi cho việc quốc tế hoá các sự trao đổi các sáng tạo một cách an toàn.

Tuy nhiên, Tiểu ban các Cộng đồng Châu Âu đã thông qua "thông báo" ngày 20/11/1996, nói lên sự cần thiết phải có những biện pháp bổ sung để làm cho quyền tác giả được áp dụng một cách hoàn toàn và đầy đủ vào lĩnh vực công nghệ mới.

Điểm duy nhất đổi mới thật sự trong bản thông báo là nêu lên sự cần thiết phải đặt ra tiêu chí tối thiểu về sự bảo hộ quốc tế. Như vậy là ngụ ý các tiêu chí nhận dạng tác phẩm[2].

Một hiệp ước mới cũng được hội nghị ngoại giao của OMPI[3] soạn thảo ngày 20-11-1996. Đó là phần bổ sung vào Công ước Berne, hiệp ước này mở rộng rõ ràng phạm vi của quyền quốc tế tới lĩnh vực truyền thông đa phương tiện. Các quy định đã được thông qua không phải là đặc biệt mới lạ. Theo lời lẽ trong văn bản thì việc thể hiện đơn giản bằng kỹ thuật số như việc quét bằng quang học được coi là việc sao chép.

---

[1] Xem Jacqué Bourdon, Jean-Marie Pontier và Jean Bicca, Quyền văn hoá, Dalloz, 1996.
[2] Xem "Sự giả mạo và truyền thông đa phương tiện"
[3] Công báo của các Cộng đồng Châu Âu, 30-5-1998, C 165/9, tr 23.

Còn về Hiến chương hợp tác quốc tế trên mạng Internet mà đã có lúc nước Pháp đề nghị với các nước thành viên OCDE, thì dường như không có hiệu lực.

Một trong những vấn đề lớn của luật quốc tế về mạng liên quan đến sự xác định luật có thể áp dụng cho việc làm giả mạo: luật của nơi thông báo theo quan niệm của Pháp, luật của nơi nối mạng theo quan niệm của Mỹ, luật của nơi truyền đi theo quan niệm của Nhật v.v... Một số người đưa ra khái niệm về quyền thuê mướn, những người khác nêu quyền đưa lên màn hình hoặc xem lướt qua một cách chính đáng các tác phẩm được bảo hộ[1].

Những khó khăn khác nảy sinh vào dịp thẩm định các thủ đoạn có tính tranh chấp: Chẳng hạn như việc giả mạo ở một số nước và những hành động cạnh tranh bất chính. Thật ra, vấn đề quyền có thể sử dụng không phải là điều phiền phức nhất vì các nước có sự bảo hộ mạnh đều nhờ đến các định nghĩa về sự giả mạo vi phạm quyền và cho phép nắm cả buổi phát lẫn việc ghi vào bộ nhớ hoặc việc đưa lên màn hình[2].

Trở ngại thực sự cho việc truy tố kẻ giả mạo trên Internet là trở ngại về thực hiện việc truy tố xuyên quốc gia và có thể là về việc xác định trách nhiệm, nghĩa là khả năng truy tố tất cả những người thao tác trong dây chuyền (công ty đảm bảo lên mạng, dịch vụ khu trú dữ liệu).

Việc chuyển nhượng quyền

Hợp đồng chuyển nhượng các quyền của nước ngoài dù ngày nay có đáp ứng những thông lệ quốc tế thực sự, vẫn luôn luôn cần đến sự thận trọng nào đó.

Về hợp đồng chuyển nhượng quyền giữa người xuất bản Pháp và người xuất bản nước ngoài, pháp luật giữ im lặng hoàn toàn. Như vậy hợp đồng chuyển nhượng quyền của nước ngoài, về lý thuyết, được dành cho việc thương lượng tự do của các bên. Về một vài điểm đáng phải có sự cảnh giác ngày càng cao.

Theo thông lệ, việc người xuất bản mua phải theo mẫu hợp đồng của người bán. Tuy nhiên những người xuất bản Mỹ thận trọng quá mức khi nghĩ đến việc tuân thủ luật ít nhiều xa lạ đối với luật của họ, như Anne-Solange Noble Gallimard từ bài báo nổi tiếng có tên "Niềm vui về việc bán quyền cho nước Mỹ" đăng trên tạp chí *Tuần báo của những người xuất bản* năm 1991[3].

---

[1] Tanguy Van Overstraeten, "Quyền có thể áp dụng và cấp xét xử có thẩm quyền trên Internet", Tạp chí luật về các vụ việc quốc tế số 3, 1998, tr. 373.

[2] Xem "Sự vi phạm".

[3] Pierre-Yves Gautier, "Mời đi du lịch: các việc chuyển nhượng quyền tác giả cho nước ngoài, việc thành lập các nhóm hợp đồng, Dalloz, 1995, Niên giám, tr 262.

Chất lượng bản dịch có thể là nguồn gốc của sự tranh chấp. Về lý thuyết thì theo hợp đồng, "người xuất bản nhận chuyển nhượng bản cam kết đặt bản dịch trung thực, không cắt xén, sửa đổi hoặc bổ sung theo đúng thông lệ trong nghề. Người sở hữu sẽ được thông báo khi bản dịch hoàn thành và nếu người đó yêu cầu, theo nguyện vọng mà tác giả đã đề đạt, thì phải chuyển bản dịch cho tác giả trước khi chuẩn bị in". Có điều được chấp nhận một cách có hiệu lực trong hợp đồng là bắt buộc phải để tác giả nguyên tác xem bản dịch: mọi thiếu sót được phân tích là sự xâm phạm quyền tinh thần[1]. Và hơn thế nữa, nếu người dịch tác phẩm gọi là "thứ nhất" thì phải chịu sự kiểm tra của nhà văn và những người đại diện cho nhà văn, là những người xuất bản hoặc đại lý. Thế nên đã có nhận định là việc xuất bản bản dịch tồi vi phạm quyền tinh thần[2] của tác giả nguyên tác, và có thể vì thế mà bị trừng phạt.

Tuy nhiên, nên nói rõ là quyền tinh thần của tác giả, mà người xuất bản Pháp đại diện, không thể đối lập với một người cộng tác, chẳng hạn như là người Mỹ, trừ phi hợp đồng chuyển nhượng có những điều khoản riêng. Ngược lại, người xuất bản Pháp chịu trách nhiệm với tác giả về việc không tôn trọng quyền đó. Quyền tinh thần thuộc loại quyền công cộng quốc tế, như Toà phá án đã xử về việc "tô màu" các bộ phim của John Huston, tác giả có thể đòi quyền tinh thần trước toà án Pháp dù cho hợp đồng thuộc quyền nước ngoài[3].

Cũng nên thận trọng nêu lên rằng "không được sửa đổi hoặc bổ sung văn bản dưới hình thức lời tựa hoặc ghi chú, nếu không có sự thoả thuận bằng văn bản viết của người sở hữu", và "người xuất bản nhận chuyển nhượng phải sử dụng và cho xuất bản dần tất cả những phần sửa đổi tác phẩm trong những lần xuất bản tiếng Pháp sau này mỗi khi in lại".

Cũng cần dự kiến là người xuất bản nước ngoài cam kết cho in thật rõ ràng lời chú bản quyền mong muốn, cũng như nhan đề tiếng Pháp của tác phẩm và mọi lời chú cần thiết cho việc bảo hộ bản dịch. Nếu cần người mua cũng phải làm mọi thủ tục và việc vận động cần thiết để đảm bảo sự bảo hộ cho bản dịch, bằng mọi hình thức hợp pháp và vào thời gian mong muốn,và tự chịu phí tổn.

Thời hạn bán, số lượng in tối thiểu và sự cần thiết phải duy trì việc bán là những điểm cần thương lượng. Thí dụ "bản dịch sẽ gọi là "giữ để bán" nếu nó đang được bán trong lần xuất bản của người xuất bản hoặc lần xuất bản gọi là in sao, và nếu số lượng dự trữ mỗi lần xuất có ít nhất là một trăm bản in".

---

[1] Anne-Solange Noble, "Niềm vui về việc bán bản quyền cho Mỹ", *Tuần báo Người xuất bản*, 4-1-1991.

[2] Xem "Những quyền tinh thần"

[3] Phòng dân sự thứ nhất Toà phá án, 28/5/1991, Tuần pháp lý (JCP), Nhà xuất bản Entreprise, 1991, II, 220, ghi chú của Gane C.Ginsburg và Pierre Sirinelli.

Về mọi tác phẩm có một vài tranh minh hoạ, phải ghi rõ các quyền ghi trong hợp đồng chỉ liên quan đến văn bản của tác phẩm. Về tranh minh hoạ, "người xuất bản phải thông báo cho chủ sở hữu về ý định sử dụng của mình. Chủ sở hữu sẽ cho người xuất bản biết số tiền về các quyền in lại mà mình đang giữ và phí tổn về vật liệu (phim, hộp phiếu hoặc in ảnh), và người xuất bản sẽ phải thanh toán những khoản tiền đó trước khi chủ sở hữu cung cấp vật liệu. Người xuất bản chịu tiền cước vận chuyển vật liệu đó.

Đối với những người chịu trách nhiệm về các quyền nước ngoài và phụ lục, vấn đề chủ yếu là phạm vi chuyển nhượng.

Mới gần đây vẫn không thể đề cập trước đến việc chuyển sang kỹ thuật số trong các hợp đồng. Về việc khai thác dưới hình thức truyền thông đa phương tiện các tác phẩm trong mục lục, có vấn đề thật sự là việc xin chữ ký vào văn bản sửa đổi hợp đồng không phải bao giờ cũng giải quyết dễ dàng vì qua internet, những giới hạn về lãnh thổ không còn nữa. Do đó, phải giữ lại các quyền phổ biến trên mạng hoặc là từ bỏ các điều khoản về độc quyền lãnh thổ... Việc nảy có thể thu xếp bằng hợp đồng, và nếu có sự lo ngại về xung đột với các lần chuyển nhượng trước thì làm như vậy sẽ có lợi.

Cũng vậy, các quyền nảy sinh khác có tầm quan trọng tăng lên về mặt kinh tế: sao chụp, cho công chúng mượn, sao kỹ thuật số dùng riêng. Những quyền này là mục tiêu của các cơ chế gần với "giấy phép bắt buộc" và dẫn đến sự tăng các quyền một cách gián tiếp thông qua các hội quản lý tập thể, những người xuất bản phải nhằm vào các quyền đó trong thoả thuận chuyển nhượng.

Nói chung, người chuyển nhượng bảo đảm rằng, theo sự hiểu biết của mình, trong tác phẩm không có điều vu khống. Tuy nhiên, phải hiểu là người đó chỉ có thể đánh giá như vậy trong khuôn khổ pháp luật hiện hành của nước Pháp khi tác phẩm được xuất bản ở Pháp. Bằng sự liên tưởng cần thiết phải thêm "người xuất bản có trách nhiệm đánh giá tương tự trong khuôn khổ luật pháp của các nước có sự chuyển nhượng theo hợp đồng này và nhận lấy trách nhiệm về việc đó".

Điều quý giá là ghi "nếu sở hữu văn học của bản dịch bị xâm phạm ở một trong những quyền mà người xuất bản nhận chuyển nhượng quan tâm - về mặt tài chính - theo hợp đồng này, thì người xuất bản có thể đề cao chủ sở hữu bằng cách khiếu nại.

Sau khi trừ chi phí thông thường về kiện tụng vào tiền bồi thường, số tiền còn lại sẽ được chia đôi cho người xuất bản và chủ sở hữu.

Việc dự kiến "hợp đồng này sẽ gắn bó những người kế nghiệp hai bên, nhưng không một sự chuyển giao nào, dù là tự nguyện hay bằng con đường tư pháp, ràng buộc một trong hai bên nếu bên kia không viết giấy đồng ý bằng thư bảo đảm".

Hơn nữa, cần phải ghi rõ "trong trường hợp người xuất bản bị phá sản, ngừng hoạt động hoặc không làm tròn một nghĩa vụ nào đó nêu trong hợp đồng này, thì hợp đồng sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ, trừ phi sau này có thoả ước, và chủ sở hữu sẽ thu hồi các quyền đã nhượng cho người xuất bản". Ngoài ra, "mọi khoản mà người xuất bản phải trả lúc đó có thể sẽ bị đòi ngay. Tất cả các số tiền đã chi trả về bất cứ khoản nào cho chủ sở hữu sẽ thuộc về người xuất bản, không hại đến mọi yêu cầu về tiền bồi thường thiệt hại".

Cũng nên quy định "Hợp đồng này sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ sau khi có yêu cầu bằng thư bảo đảm có biên nhận, mà không bên nào bồi thường, nếu người xuất bản không ký tên và gửi trả lại trong thời hạn" [...]

Cần phải xem xét cẩn thận về ngoại tệ được lựa chọn để thanh toán cũng như việc nhận trách nhiệm về thuế hoặc việc khấu trừ tiền. Có nhiều điều bất ngờ dính dáng đến sự phá giá tiền tệ, sự sụt giá của một số tiền tệ hoặc các biện pháp thuế quan bảo hộ.

Trường hợp bán hạ giá có thể có trong hợp đồng. Số bản in miễn phí gửi cho người cộng tác để làm chứng từ, để cho các giá sách của tác giả và người xuất bản được trang trí lịch sự và có tính ngoại lai.

Thời gian chuyển nhượng có chiều hướng giảm bớt (từ nay trở đi, trong trường hợp nhiều nhất là vài năm với khả năng nối tiếp dễ dàng). Tuy nhiên, có thể tuỳ ý nhận sự lựa chọn trong thời gian hạn chế về tác phẩm sau của cùng một tác giả.

Không nên bỏ qua điều khoản về tranh chấp, dù là hiếm khi vận dụng cả về luật có thể áp dụng và về quyền xét xử giỏi. Bởi vì, trên lý thuyết có thể biện hộ cho một cuốn sách Ba Lan theo luật nước Anh trước toà án của Pháp...

Mẫu hợp đồng dưới đây tương ứng với việc một người xuất bản Pháp bán quyền cho một người xuất bản nước ngoài. Chúng ta hãy nhớ rằng việc một người xuất bản Pháp mua quyền trên thực tế do hợp đồng của người bán giải quyết.

Hợp đồng chuyển nhượng quyền xuất bản bằng tiếng nước ngoài

Giữa những người ký tên dưới đây :

Người xuất bản ..... (Tên)
Tên gọi trong xã hội
Hình thức xã hội và tiền vốn
Số đăng kí vào Sở thương mại và các hội
Địa chỉ trụ sở
Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là **"Chủ sở hữu"**, và hoạt động như người nhượng đặc quyền xuất bản một cuốn sách là đối tượng của hợp đồng này và được người đó bảo lãnh, một bên và

Người xuất bản..... (Tên)
Tên gọi trong xã hội
Hình thức xã hội và tiền vốn
Số đăng ký vào Sở thương mại và các hội
Địa chỉ trụ sở
Họ tên người đại diện hợp pháp

Dưới đây gọi là "Người xuất bản", bên kia

ĐÃ THỎA THUẬN NHƯ SAU :

Điều 1 - Đối tượng

Chủ sở hữu - trong chừng mực mà luật hiện nay và sau này về quyền sở hữu văn học cả của Pháp và của nước ngoài, các hiệp ước quốc tế hiện nay và sau này, kể cả thời hạn kéo dài có thể có - nhượng cho **người xuất bản,** người này nhận đặc quyền xuất bản dưới dạng thông thường bản dịch tiếng ..... ở những nước sau đây, nước có tác phẩm có tên..., của...(tên tác giả). Bản dịch đó dưới đây gọi là "bản dịch".

Nhưng **Chủ sở hữu** giữ quyền bán tác phẩm nói đến trong hợp đồng này, do nhà xuất bản của Pháp in, ở các nước nói trên, không hạn chế số lượng và giá bán.

Người xuất bản cam kết sẽ thanh toán mọi chi phí về việc xuất bản bản dịch, kể cả tiền dịch và tiền minh hoạ, như nêu trong điều 14 hợp đồng này.

Điều 2 – Nhuận bút

Về tiền chuyển nhượng, **người xuất bản** sẽ trả cho **Chủ sở hữu** tỷ lệ..... % giá ghi trên danh mục TTC về mỗi cuốn sách đã bán.

Đã có sự thoả thuận là tiền này không tính vào:

- Những bản dành cho tác giả

- Những bản phát miễn phí hoặc bán giảm giá (50% giá bán hoặc ít hơn) vì lợi ích của việc quảng cáo tác phẩm (báo chí, gửi biếu các nhân vật quan trọng) trong giới hạn do thông lệ quy định là.....% số lượng in.

- Những bản nộp lưu chiểu hoặc gửi để làm chứng cứ

- Những bản bị phá huỷ, hư hỏng hoặc mất mát

Để trả một phần những khoản tiền này, **người xuất bản** sẽ trả cho **Chủ sở hữu** một số tiền không phải đóng thuế bằng.....euros, có thể trả khi ký hợp đồng, chỉ phải trả tiền tỷ lệ đã bù đủ vào số tiền trả trước

Số tiền trả trước dự kiến trên đây sẽ thuộc về **Chủ sở hữu**, dù kết quả bản dịch thế nào.

Tất cả các số tiền phải trả theo hợp đồng này sẽ được thanh toán lại.....(địa phương của **người xuất bản**, bằng séc hoặc chuyển khoản vào ngân hàng bằng (ngoại tệ)..... được miễn thuế, không phải khấu trừ và không phải trả phí tổn nào cả.

Điều 3 – Bản in miễn phí

.....(số lượng) bản in trong lần xuất bản bản dịch sẽ được gửi miễn phí cho **Chủ sở hữu** khi in xong, và.....(số lượng) bản mỗi khi in lại. **Chủ sở hữu** mua một cách dễ dàng bao nhiêu bản tùy thích, được giảm .....% giá bán TTC cho công chúng. Những bản này sẽ không thể nhường lại được.

Điều 4 – Thanh toán

Khi đưa sách ra bán, **người xuất bản** sẽ báo cho **Chủ sở hữu** biết tầm quan trọng của số lượng in và giá bán cho công chúng. **Người xuất bản** sẽ gửi cho **Chủ sở hữu** những bản quyết toán hàng năm vào ngày....., và sẽ thanh toán trong quý sau.

Chủ sở hữu giữ quyền giao cho bất kỳ người nào do **Chủ sở hữu** chọn kiểm tra tình hình kế toán về bản dịch ở chỗ **người xuất bản**. Nếu kiểm tra mà phát hiện sai sót trong việc thanh toán gây thiệt hại cho **Chủ sở hữu** thì **người xuất bản** phải chịu phí tổn về kiểm tra; trong trường hợp ngược lại, **Chủ sở hữu** phải chịu. Những sai sót phát hiện thấy sẽ được sửa theo quy chế trong ba mươi ngày kiểm tra.

Điều 5 – Chất lượng bản dịch

Người xuất bản sẽ được thông báo về việc hoàn thành bản dịch, và nếu người đó yêu cầu xem bản dịch, theo đúng mong ước của tác giả, thì phải trao bản dịch cho người ấy trước khi chuẩn bị in.

Nếu **Chủ sở hữu** không viết giấy đồng ý thì không được sửa đổi hoặc bổ sung dưới hình thức lời tựa hoặc lời chú thích.

Người xuất bản sẽ phải sử dụng hoặc cho đăng tất cả những chỗ sửa đổi trong tác phẩm trong những lần xuất bản sau này.

Người xuất bản cam kết sẽ cho đăng tên tác giả thật dễ đọc trên trang bìa thứ nhất và trang dành cho tít, cũng như trong các văn bản thông báo việc xuất bản bản dịch. Hơn nữa, người đó cam kết rằng tất cả các bản in, trên trang in đầu và vị trí thường quen sử dụng tại

nước đó, đều có lời chú về bản quyền sau đây.....Tên người có quyền cũng như tít tác phẩm bằng tiếng Pháp và mọi lời chú cần thiết để bảo vệ bản dịch.

Người xuất bản cam kết sẽ làm mọi thủ tục và sự vận động cần thiết bằng hình thức hợp pháp và vào thời gian mong muốn, tự chịu phí tổn, để bảo đảm bảo hộ bản dịch tại các nước nêu trong điều 1 hợp đồng này.

Điều 6 - Việc khai thác bản dịch

Người xuất bản cam kết sẽ đưa bản dịch ra bán trong thời hạn ..... tháng, kể từ khi ký hợp đồng này.

Trường hợp **người xuất bản** không xuất bản tác phẩm trong thời hạn đó, thì các quyền đã nhượng theo hợp đồng này sẽ đương nhiên trở lại với **Chủ sở hữu**, trừ phi sau này có thỏa ước ngược lại, và tiền trả trước ghi trong Điều 2 hợp đồng này sẽ thuộc về người đó. **Người xuất bản** cam kết in lần đầu với số lượng.....bản.

Nếu **người xuất bản** lơ là trong việc bán bản dịch, thì hợp đồng này sẽ đương nhiên bị hủy bỏ, trừ phi sau này có thoả ước ngược lại. Bản dịch được gọi là "để bán" nếu thật sự nó được bán trong lần xuất bản của **người xuất bản** hoặc lần xuất bản gọi là in sao, và nếu có sách dự trữ của một lần xuất bản tối thiểu là một trăm bản.

Điều 7 – Việc khai thác các quyền

Tất cả các quyền không được chuyển nhượng theo hợp đồng này đều được dành cho **Chủ sở hữu**.

Người xuất bản không thể chuyển các quyền đã nhượng nếu Chủ sở hữu không đồng ý trước bằng văn bản viết.

Tuy nhiên, sau khi hỏi ý kiến **Chủ sở hữu** và được sự đồng ý, theo hợp đồng này, **người xuất bản** có thể nhượng những quyền sau đây ở các nước và bằng thứ tiếng liên quan ghi trong điều 2 hợp đồng này: Các quyền in sao khổ bỏ túi, mà **người xuất bản** trả tiền cho Chủ sở hữu, trong những điều kiện giống như điều kiện đã ghi trong điều 2 hợp đồng này,.....% các số tiền đã thu.

Điều 8 - Huỷ bỏ hợp đồng

Trong trường hợp **người xuất bản** bị phá sản, ngừng hoạt động hoặc không thực hiện một nghĩa vụ nào đó trong các nghĩa vụ ghi trong hợp đồng này, thì hợp đồng sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ, trừ phi sau này có giao ước, và **Chủ sở hữu** sẽ thu hồi ngay quyền sở hữu các quyền chuyển nhượng cho **người xuất bản**.

Tất cả các số tiền mà **người xuất bản** phải trả sẽ có thể được đòi ngay. Tất cả các số tiền đã trả cho **Chủ sở hữu** bất cứ về việc gì sẽ thuộc về người đó mà không có yêu cầu bồi thường nào cả.

Hợp đồng này sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ sau khi có thư yêu cầu gửi bảo đảm có biên nhận và không bên nào phải bồi thường nếu **người xuất bản** không ký tên và gửi trả lại trong thời hạn ..... .ngày tính từ ngày .....

Điều 9 – Sự bảo đảm

Chủ sở hữu bảo đảm mình là người duy nhất có các quyền ghi trong điều 1 hợp đồng này và có đủ tư cách ký hợp đồng. Người đó đảm bảo rằng, theo như mình biết, không có điều vu khống trong tác phẩm, tuy nhiên phải hiểu rằng người đó chỉ có thể đánh giá như thế trong khuôn khổ luật pháp hiện hành của Pháp vào thời điểm tác phẩm được xuất bản ở Pháp, và về lần xuất bản ở Pháp. Về phía mình **người xuất bản** có nhiệm vụ đưa ra đánh giá tương tự trong khuôn khổ luật pháp của các nước nêu trong đoạn 2 hợp đồng này, là chịu trách nhiệm về việc đó

Điều 10 – Việc Chủ sở hữu sử dụng bản dịch

Chủ sở hữu được sở hữu và giữ hẳn quyền sử dụng tít bằng tiếng ..... Và mười nghìn từ trong bản dịch nói đến trong hợp đồng này, trong thời hạn của quyền sở hữu văn học, cho mọi việc sử dụng mà người ấy thực hiện theo quyền dành cho **Chủ sở hữu**, và đặc biệt là do nhu cầu cải biên có thể có sang thể nghe-nhìn

Điều 11 – Sự giả mạo

Nếu quyền sở hữu văn học của bản dịch bị xâm phạm về một trong những quyền mà **người xuất bản** quan tâm - về mặt tài chính - theo hợp đồng này, thì người đó có thể dựa vào **Chủ sở hữu** với tư cách người khiếu nại. Những số tiền thu được về đền bù, sau khi trừ chi phí thông thường về vụ kiện mà **người xuất bản** chịu, sẽ chia đôi cho người đó và **Chủ sở hữu**.

Điều 12 – Chuyển hợp đồng

Hợp đồng sẽ gắn bó những người kế tục của hai bên, nhưng không một sự chuyển giao tự nguyện hoặc bằng con đường pháp lý nào ràng buộc một trong hai bên, nếu bên kia không đồng ý bằng văn bản viết gửi thư bảo đảm

Điều 13 – Bán hạ giá

Nếu ít nhất là hai năm sau khi xuất bản, **người xuất bản** cho rằng số sách dự trữ của mình không thể tiêu thụ được trong một thời hạn hợp lý, thì sau khi tặng số sách đó cho **Chủ sở hữu** mà không nhận được câu trả lời thuận trong vòng 30 ngày, người đó có thể bán những bản còn lại với giá cao nhất có thể được. Người đó sẽ chi cho **Chủ sở hữu** 10% tiền sách đã bansm nếu bán cao hơn giá in, và **Chủ sở hữu** sẽ thu hồi tất cả những quyền về bản dịch.

Điều 14 – Minh hoạ

Về tác phẩm có minh hoạ, dĩ nhiên các quyền ghi trong hợp đồng này chỉ liên quan đến văn bản của tác phẩm. Về tranh minh hoạ, **người xuất bản** phải báo cho **Chủ sở hữu** biết ý định sử dụng thế nào. **Chủ sở hữu** sẽ cho **người xuất bản** biết số tiền mình đang giữ về in sao và phí tổn về vật liệu (phim ốp xét, in ảnh), và **người xuất bản** sẽ phải thanh toán những khoản tiền đó trước khi **Chủ sở hữu** cung cấp vật liệu. **Người xuất bản** chịu cước phí về vật liệu.

Việc cho phép này không có tính độc quyền, và **người xuất bản** giữ quyền chuyển nhượng giấy phép cho in sao cùng những tranh minh hoạ đó, ngay cả trong tác phẩm sẽ xuất bản tại các nước và bằng các thứ tiếng ghi trong điều 2 hợp đồng này.

Điều 15 – Tranh chấp

Những hợp đồng này tuân thủ luật pháp của Pháp

Về mọi sự tranh chấp, việc xét xử được giao cho các toà án có thẩm quyền ở .....(địa danh)

Làm tại ..... thành hai bản Ngày.....

Người xuất bản Chủ sở hữu

Những điều khoản không bắt buộc

Điều số – Sự lựa chọn của người xuất bản

Chủ sở hữu dành cho **người xuất bản,** chừng nào mà mình còn có quyền vào thời kỳ hết hạn, sự lựa chọn đầu tiên với thời hạn hai tháng về tác phẩm sau của cùng một tác giả, mà người đó sẽ xuất bản.

Điều số – Tranh chấp

Mọi sự tranh chấp có thể nảy sinh về hợp đồng này sẽ được đưa ra toà để hoà giải. Để làm việc này, mỗi bên cần chỉ định một trọng tài, và hai trọng tài phải thoả thuận với nhau trong việc chỉ định trọng tài thứ ba.

Bản quyền về quyền tác giả

Một số người thích nhắc lại, một cách không chính xác lắm, rằng chế độ bản quyền kiểu Mỹ sẽ làm cho quyền tác giả chí Thánh kiểu Pháp, cho đến nay đã từng ít nhiều ngự trị trên lục địa Châu Âu, bị đe dọa.

Những năm gần đây, những người quan sát chăm chú đã nêu lên một cách tinh vi hơn rằng, sự phân đôi giữa các khái niệm về quyền sở hữu văn học nghệ thuật đang bị lu mờ. Sự xích gần lại này thể hiện cả trong những điều sửa đổi gần đây về quyền thực định - như nhiều nhà cầm quyền lập pháp và hành pháp ở Mỹ đã làm - cũng như trong thông lệ nghề nghiệp.

Quyền của Pháp về quyền sở hữu văn học nghệ thuật được gọi là quyền thực thụ của tác giả. Theo quan niệm này, người sáng tạo là người thực thụ ban đầu các quyền sở hữu văn học nghệ thuật về tác phẩm của mình, và những quyền này đặc biệt bao gồm các biểu hiện tinh thần là không thể nhường lại.

Rõ ràng tác giả vẫn là trụ cột của mọi sự khai thác sáng tác của mình.

Ngược lại, theo chế độ bản quyền, các quyền nảy sinh từ đầu đều dồn cả vào người đặt và tài trợ tác phẩm. Hơn nữa, quyền tinh thần hầu như không tồn tại[1].

Từ nay trở đi các chuyên gia sẽ coi cách giải quyết như vậy có tính triết lý hơn là thật sự cụ thể, thực tế tình hình ở hai bên bờ Đại Tây Dương đang thay đổi

Trước hết, càng ngày người Mỹ càng chuộng sự bảo hộ ở nước ngoài. Vì thế mà năm 1986, các "phương diện của quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến thương mại" đã

---

[1] Xem "Các quyền tinh thần".

được đề cập đến trong khuôn khổ GATT, mà những cuộc thương lượng cuối cùng đã thành công vào năm 1993, và Tổ chức thương mại thế giới đã kế tục[1]. Vào dịp này, nước Mỹ đã tố giác Trung Quốc và công nghiệp làm giả[2] của nước này

Đồng thời, đến năm 1989, nước Mỹ tham gia Công ước Berne[3]. Trong tất cả các hiệp ước quốc tế lớn về quyền sở hữu văn học nghệ thuật, đó là hiệp ước nêu lên sự bảo hộ ở mức cao nhất. Chẳng hạn từ sự tập hợp đó, việc đăng ký tại Cơ quan bản quyền ở Washington không còn là thủ tục cần thiết để nhận được sự bảo hộ các quyền nữa.

Hơn nữa, vào cuối năm 1998, một luật của Mỹ về quyền sở hữu văn học nghệ thuật (Sorny Bono Copyright Term Extension Act) đặt ra thời hạn bảo hộ xấp xỉ thời hạn mà người Châu Âu đã thông qua. Từ nay trở đi, nước Mỹ chấp nhận độc quyền khai thác trong thời gian trên nguyên tắc, kéo dài đến bảy mươi năm sau khi tác giả qua đời, chẳng khác nào trường hợp ở Pháp từ tháng Ba năm 1997[4]. Đồng thời Nghị viện thông qua đạo luật về bản quyền kỹ thuật số nghìn năm. Đạo luật này nhằm tăng cường các biện pháp chống cướp bóc.

Các thủ tục về hợp đồng gần giống nhau : Những người xuất bản sáng suốt là người Paris hay New York liệt kê toàn bộ quyền mà họ muốn kiểm tra, từng loại một. Tầm quan trọng của kỹ thuật số và việc quốc tế hoá bao giờ cũng cần đến an toàn pháp lý nhiều hơn, và như vậy là tạo thuận lợi cho việc điều hoà các cơ chế cho phép và cấm đoán.

Các tác giả Mỹ (nhất là những người viết kịch bản ở Hollywood) bắt đầu đòi hỏi một chế độ gần với mô hình "lục địa". Một số nước Bắc Mỹ và, ở mức thấp hơn, luật liên bang, từ nay sẽ quan tâm đến khái niệm về quyền tác giả, quyền đó chỉ là một yếu tố của quyền tinh thần.

Cuối cùng, đừng quên rằng ngược lại người Châu Âu có khuynh hướng ưu đãi logic công nghiệp. Việc xoá bỏ quyền tinh thần của tác giả phần mềm trong CPI chứng tỏ điều đó, và như vậy có lợi cho các doanh nghiệp trả lương cho họ. Sự xuất hiện quyền mới về các cơ sở dữ liệu vào năm 1998, cũng vậy[5]. Các quy định này có vẻ bề ngoài kỹ thuật này đều là dấu hiệu cụ thể của sự xoá bỏ tất yếu một số tính đặc thù.

Sự đối lập bản quyền/ quyền tác giả từ nay sẽ tồn tại trong trí óc nhiều hơn là trong thói quen...

---

[1] Xem "Địa chỉ cần"
[2] Xem "GATT"
[3] Xem "Công ước Berne"
[4] Xem chương VI "Thời hạn của quyền"
[5] Xem "Cơ sở dữ liệu"

Không gian cộng đồng nói tiếng Pháp

Nước Bỉ

Tất cả những nước có xuất bản tiếng Pháp trong thời gian dài đã theo cùng chế độ pháp lý, phỏng theo, "lịch sử bắt buộc", luật của Pháp về quyền sở hữu văn học nghệ thuật.

Một số nước thay đổi dần pháp luật. Đặc biệt là trường hợp nước Bỉ từ năm 1994.

Alain Berenboom, luật sư trong đoàn luật sư Bruxelles và tác giả của tác phẩm cần thiết "Quyền tác giả mới và các quyền tương tự", đã nêu rõ những sự thay đổi đã xảy ra, nhất là về quyền xuất bản.

Phải nói rằng Luật ra ngày 30-6-1994 đã đổi mới nhiều phương châm do Luật ra ngày 22-3-1886 đặt ra, và có hiệu lực cho đến lúc đó. Vả lại, chúng ta hãy lưu ý là luật cũ tiếp tục phù hợp với các hợp đồng ký kết khi luật đó còn tồn tại.

Trái với luật của Pháp, luật của Bỉ ít quan tâm đến các hợp đồng khai thác tác phẩm.

Từ nay trở đi không thể có việc chuyển nhượng các phương tiện trung gian chưa biết đến, trong khi ở Pháp có thể chuyển nhượng được, nhưng với những điều kiện quan trọng.

Chế độ điều ước về sự ưu tiên không chặt chẽ bằng ở Pháp vì luật pháp của Bỉ bằng lòng với việc đòi hỏi "thời gian hạn chế" và các thể loại xác định. Trong trường hợp đặc biệt, thực tế cho phép kéo dài thời hạn cho đến mười năm vì lợi ích của người xuất bản. Chúng ta hãy nhớ là điều L-132-4 của CPI có thể áp dụng ở Pháp chỉ ra rằng "Quyền này giới hạn ở năm tác phẩm cho mỗi thể loại, tính từ ngày ký hợp đồng xuất bản tác phẩm thứ nhất hoặc ở việc sản xuất do tác giả làm trong thời hạn năm năm, cũng tính từ ngày đó".

Khuôn khổ riêng được định ra để làm hợp đồng xuất bản:

Một số điều khoản nhắc đến những điều quy định của luật pháp Pháp. Do đó phải nêu số lượng in tối thiểu.

Thời hạn sản xuất cũng do hợp đồng quy định hoặc, nếu không thì "Theo thông lệ nghề nghiệp". Việc thúc giục trong sáu tháng không có kết quả đủ để tác giả có thể giải ước, như vậy chặt chẽ hơn dưới chế độ của Pháp.

Hợp đồng xuất bản được ký kết dưới tên cá nhân và vì vậy không thể chuyển nhượng được. Việc trình sổ sách kế toán làm hàng năm, trừ trường hợp không khai thác trong năm.

Việc kết thúc hợp đồng được xem xét với nhiều chi tiết, dù là do thiếu sót của người xuất bản hoặc do người đó bị phá sản. Điều 30 của Luật năm 1994 quy định rằng trong trường hợp trên "Tác giả có thể bãi bỏ hợp đồng gốc ngay". Ở đây nên nhấn mạnh rằng theo luật của Pháp, "Sự phục hồi tư pháp người xuất bản không dẫn đến việc huỷ bỏ hợp đồng", nhưng chỉ "khi doanh nghiệp ngừng hoạt động đã hơn ba tháng, hoặc khi sự giải thể do toà quyết định" thì "tác giả mới có thể yêu cầu huỷ bỏ hợp đồng".

Cũng như ở Pháp, nguyên tắc là nguyên tắc tỷ lệ. Có cả loại "điều khoản về sự thành công" cho phép tác giả thay đổi ý kiến về tiền nhuận bút khoán đã chấp nhận và nhận tiền khi tác phẩm trở thành sách bán chạy nhất... Theo điều 26, đoạn 2, "nếu tác giả đã chuyển nhượng cho người xuất bản với những điều kiện đó, do tác phẩm thành công, tiền nhuận bút khoán không cân xứng với lợi nhuận thu được từ việc khai thác tác phẩm đó, thì nhất thiết người xuất bản đồng ý sửa đổi tiền nhuận bút theo yêu cầu của tác giả, để dành cho tác giả một sự tham dự công bằng. Tác giả không thể từ bỏ trước lợi nhuận về quyền này". Theo ý kiến tất cả những người quan sát đúng chức vị, quyền hạn này được coi là quá mức trong luật thông thường về các hợp đồng ở Bỉ.

Ở Pháp, tác giả khó mà đạt được kết quả đó, dù là các cơ chế tương tự có ghi rõ trong Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ.

Tóm lại, luật của Bỉ về quyền tác giả bao giờ cũng gần với pháp chế các nước láng giềng, nhưng về xuất bản ngày nay lại khá khác thường để cho người xuất bản ở bên ngoài Quiévrain cảnh giác hơn trước kia.

Thuỵ Sĩ

Thuỵ Sĩ chiếm vị trí trung tâm đối với các chuyên gia về quyền tác giả vì Công ước Berne được quản lý ở Genève, Công ước đó nổi tiếng từ nay trở đi sẽ dùng để tham khảo cho toàn thế giới. Còn quyền nội bộ của những người láng giềng của chúng ta ở Thuỵ Sĩ cổ, thì rất gần với quyền của Pháp, nhưng có một vài đặc điểm hay có tính ép buộc đối với người xuất bản.

Với hơn một trăm năm mươi nước thành viên, trong đó có nước Mỹ, mãi đến năm 1989 mới gia nhập, Công ước Berne 12-9-1886 về bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật chi phối rộng các mối quan hệ xuyên quốc gia về quyền tác giả.

Các cấp xét xử của Genève cũng thường được ghi trong các hợp đồng quốc tế quan trọng, đặc biệt là hợp đồng ký kết giữa các hội Châu Âu và các doanh nghiệp Bắc Mỹ, theo cách để mỗi bên không được ưu tiên. Vậy thì ít nhất có thể chọn cách giải quyết tranh chấp ở Thuỵ Sĩ, nhưng trên cơ sở luật của Mỹ, Anh, Hà Lan ,v.v...

Phần nhiều các luật lệ áp dụng được cho người xuất bản ở Thuỵ Sĩ cổ đều có trong Bộ luật về nghĩa vụ.

Luật Liên bang đã đưa vào đó các quy định về hợp đồng xuất bản trong các điều khoản 380 và điều khoản tiếp theo, trong đó hợp đồng này được định nghĩa là hợp đồng "theo đó tác giả của một tác phẩm văn học nghệ thuật, hoặc những người có quyền kế tục cam kết chuyển nhượng tác phẩm cho một người xuất bản, người này có nghĩa vụ in ra số lượng bản ít hay nhiều và tung ra công chúng", và như thế dịch rất giống với nội dung của Pháp ghi trong Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ. Chúng ta hãy nêu bật rằng có một hợp đồng kiểu hợp đồng xuất bản do Hội Nhà văn Thuỵ Sĩ soạn thảo.

Bộ luật về nghĩa vụ có giá trị về sự sáng sủa... và chặt chẽ: vì vậy "nếu hợp đồng không định rõ số lần xuất bản chỉ có quyền xuất bản một lần".

Trường hợp việc chuyển nhượng bao gồm rõ quyền tái bản thì quan toà định ra thời hạn tái bản, chứ không phải quy định trong hợp đồng xuất bản giải quyết khi lần xuất bản trước đã hết.

Hơn nữa, nếu người xuất bản "định giá bán" thì "không thể tăng giá lên đến mức cản trở việc tiêu thụ tác phẩm".

Tác giả nhận "tiền thù lao" có thể đòi ngay khi toàn bộ tác phẩm, hoặc nếu xuất bản từng phần riêng (cuốn, tập, tờ), thì ngay khi đã in từng phần và sắp đem ra bán và phải trả tiền thù lao này, dù bản in tác phẩm gửi cho tác giả "ngẫu nhiên bị mất". Tuy nhiên- trường hợp có bản thứ hai...., thì tác giả phải giao bản đó cho nhà xuất bản của mình, hoặc phải "làm lại tất cả, khi đó là việc dễ dàng". Nhưng nhất là "người đó có quyền được bồi thường trong cả hai trường hợp"....

"Người xuất bản cũng phải thay những bản in hư hại" của cuốn sách đã in, chẳng hạn như do cháy, "nếu người đó có thể làm mà không phải tốn nhiều tiền quá".

Cần lưu ý là, khi một tác giả đã cho đăng trước văn bản của mình trong một tạp chí hoặc một tác phẩm tập thể mà không thể chuyển nhượng quyền về các lần xuất bản khác cho người xuất bản đầu tiên thì phải chờ "hết thời gian ba tháng tính từ khi kết thúc lần xuất bản". Điều này chính xác hơn điều tương đương trong luật của Pháp, không ấn định thời hạn cho quyền này, nhưng cho phép khai thác lại "miễn là việc in lại hoặc khai thác lại này không có tính chất cạnh tranh với tờ báo đó hoặc sưu tập định kỳ".

Cộng đồng Pháp ngữ thực sự tồn tại, cả về quyền tác giả. Một trong những điều mà các nhà bình luận Pháp hay nhắc đến là về *Tintin ở Thuỵ Sĩ*, là việc nhắc lại

những cuộc phiêu lưu của phóng viên người Bỉ nổi tiếng một cách bất nhẫn, và hậu quả là bị cấm vì đã đi quá giới hạn của thể loại[1].

Québec

Sau hàng xóm đến anh chị em họ: trên thực tế, Québec xuất hiện bên cạnh Bỉ và Thuỵ Sĩ như là một trong những thị trường quan trọng về mặt kinh tế của sách Pháp ngữ. Ở đó Luật xuất bản được vận dụng gần như luật của Pháp, đôi khi cũng nhầm sang phía Anglo-Saxon.

Luật xuất bản và thương mại sách của Jean Philippe Mikus[2] vẫn là lời dẫn không thể thay đổi về pháp chế và pháp luật của Québec. Hơn nữa tác giả lập một bảng lý thú về kinh tế của sách ở thành phố Đẹp, đặc biệt là về số lượng nhà xuất bản quốc gia và sự du nhập của họ đứng trước sách nhập từ Pháp.

Chế độ pháp lý xuất phát từ "luật về quy chế nghề nghiệp của các nghệ sỹ về nghệ thuật nhìn, các nghề về nghệ thuật và văn học và về hợp đồng ký với những người phát hành", có từ cuối những năm 1980. Trước kia, chỉ có Bộ Luật dân sự của Québec dành vài điều quy định cho thông lệ kinh doanh trong khu vực xuất bản.

Cả ở đó cũng như ở khắp nơi hoặc gần như trong cộng đồng Pháp ngữ, các mối quan hệ giữa tác giả và người xuất bản bị đặt vào khuôn khổ chặt chẽ. Và tất nhiên là người xuất bản bị gò bó nhiều nhất trong chừng mực dù đúng hay sai, bị nhà lập pháp coi là kẻ cho vay nặng lãi hầu bòn rút tối đa của người sáng tạo sống trong căn phòng của cô hầu gái tốt nhất với một ít nước, bánh mì nguội và nàng thơ...

Luật của Québec gợi ra khái niệm "hợp đồng phát hành" để chỉ "việc bán, cho mượn, cho thuê, trao đổi, nộp lưu chiểu, triển lãm, xuất bản, trình diễn trước công chúng, công bố hoặc sử dụng tác phẩm của một nghệ sỹ bằng mọi cách khác".

Các mối quan hệ liên quan của loại hợp đồng này đều được biết rõ trong mọi pháp chế, trong đó có pháp chế của Pháp. Phải viết hợp đồng "làm hai bản", nhà lập pháp Québec còn nhấn mạnh thêm là tác giả cần gửi một bản. Điều bắt buộc là toàn bộ hợp đồng phải rõ ràng và chính xác, nhất là về thời hạn giao nộp và xuất bản...

Ngược lại, việc chuyển hợp đồng ký với tác giả theo luật của Pháp dễ hơn nhiều. Việc này tuỳ thuộc quy chế mà người xuất bản chọn , quy chế này tuân theo ngữ nghĩa học: "giấy phép" (có thể chuyên biệt) hoặc "chuyển nhượng". Trong trường hợp thứ nhất, có thể có việc chuyển giao với điều kiên định rõ và lúc đó hợp đồng đồng được ký dưới tên cá nhân.

Luật pháp hầu như im lặng về những vấn đề nhuận bút và trình sổ sách kế toán, khác với luật của các nước Pháp ngữ khác...

---

[1] Toà phúc thẩm Paris, 20-12-1990, Dalloz, 1991, 532.
[2] Xem thư mục chung.

Do số lượng nhà xuất bản ở Québec hạn định, nên cách xét xử khá tản mát.... và các nhà bình luận chuyên môn thường hay xoay sang các quyết định của các cấp toà án Pháp về điểm này cũng như về nhiều điểm khác...

Cả ở đây, một số điều kiện là mấu chốt hiệu lực của một điều khoản ưu tiên. Đó là kết quả do các nhà bình luận mang lại nhiều hơn là chính văn bản của luật pháp. "Bản chất" của tác phẩm được quyền ưu tiên này cũng phải được nêu lên. Và phải có thời hạn cho phép tác giả huỷ bỏ nghĩa vụ này, nếu người xuất bản không phản ứng mau lẹ.

Số phận các quyền tác giả cũng như số phận bản thảo và các bản in dự trữ được dự kiến ngoài luật riêng về tác giả. Luật phá sản chú ý đến khó khăn này và phân biệt theo giai đoạn tiến triển của quá trình xuất bản: bản thảo được chấp nhận, bản thảo đang được công bố, sách đã xuất bản. theo Jean-Philippe Mikus, "nhà lập pháp Canada chấp nhận cho chính mình một giải pháp của Anh, giải pháp này cho phép tác giả thu tiền trả định kỳ về các cuốn sách đã được bán theo quyền của đại diện chủ nợ của người phá sản".

Cuối cùng, các vấn đề chưa từng có đôi khi nảy sinh theo "các cuộc tranh chấp" về thẩm quyền giữa pháp luật liên bang và pháp luật của mỗi bang.

Châu Phi[1]

Quyền xuất bản ở Châu Phi pháp ngữ là kết quả của "di sản" thuộc địa, của việc giành độc lập cũng như nhận thức sự tồn tại của di sản văn hoá đặc thù của Châu Phi.

Thời kỳ thực dân , quyền tác giả chưa được thừa nhận. Trừ Tunisie và Libéria (nước ký Công ước Berne ngày 9-9-1886) mãi đến những năm 1970 và 1980 các nước Châu Phi khác mới xây dựng pháp chế bảo hộ những người sáng tác. Tình hình này được giải thích, một mặt, vì các nước dành ưu tiên cho kinh tế, và mặt khác vì các nghệ sỹ trong lĩnh vực văn hoá không chút bận tâm về khái niệm quyền tác giả khi đối mặt với nhiều khó khăn khác. vì vậy luật pháp của các nước mới độc lập là luật pháp của thực dân. Các hội tác giả của thời kì đó như SACEM hoặc BADA (văn phòng quyền tác giả của Châu Phi thành lập theo quyết định ngày 14-4-1943) tạo thuận lợi cho việc gia nhập ngày càng đông những người sáng tác đến từ những nơi hẻo lánh nhất của lục địa để đăng ký tác phẩm. Ba tổ chức Pháp (SACD, SACEM và SGDL) hoạt động ở Tây Phi khi pháp ngữ thông qua các đại lý tập hợp xung quanh BADA.

---

[1] Xem Laurier Yvon Ngombe, Quyền tác giả ở Châu Phi, Harmattan 2004

Năm 1962, các nước châu Phi quyết định đoàn kết với nhau trong một tổ chức chung để xúc tiến việc phát triển quyền tác giả và sự điều hoà pháp luật của các nước đó. Cùng với một số tổ chức quốc tế như OMPI hoặc UNESCO, mười hai nước Châu Phi nói tiếng Pháp tập trung trong OCAM (tổ chức chung của Châu Phi và Madagascar), đã chấp nhận một chế độ chung về quyền sở hữu văn học nghệ thuật ngày 13-9-1962, gọi là hiệp định Libreville. OAMPI (văn phòng Châu Phi và Madagascar về quyền sở hữu công nghiệp) thành lập trên cơ sở hiệp định này. các nước ký kết lúc đó là Cameroun, nước cộng hoà Trung Phi. Congo, Côte d'Ivoire, Dahomay (trở thành Bénin), Volta thượng (nay là Burkina Faso), Gabon, Mauritanie, Senegal, Tchad, Madagascar, Niger.

Các nước sáng lập, trừ nước Cộng hoà Madagascar đã rút khỏi OAMPI, đã sửa đổi hiệp định Libreville và thành lập OAPT (Tổ chức chung Châu Phi về quyền sở hữu trí tuệ) bằng cách thông qua một hiệp ước mới ký tại Bangui ngày 2-3-1977. OAPI tập hợp khoảng mười lăm thành viên (trong đó có Guinée Bissau, Guinée và Mali).

Năm 1976, với sự giúp đỡ của OMPI và UNESCO, chính phủ Tunisie thông qua luật mẫu về quyền tác giả áp dụng trong các nước đang phát triển. Nhưng hoạt động của các tổ chức và quốc tế này chủ yếu là tạo điều kiện thuận lợi hơn để thi hành các công ước quốc tế. Như vậy là bản phụ lục của Công ước Berne thông qua năm 1971 có những quy định cho phép một số nước tách khỏi những mác bảo hộ tối thiểu dự kiến về quyền dịch và in sao.

Nếu công ước Berne liệt kê các tác phẩm có thể được bảo hộ xác định các quyền của tác giả hoặc đề ra thời hạn bảo hộ tối thiểu, thì nó lại bỏ qua hình thức hợp đồng về chuyển nhượng quyền, cũng như hiệu lực của một số điều khoản chung cho tất cả các hợp đồng xuất bản. Vì vậy về điểm này, Công ước Berne không thể dùng làm khuôn khổ cho luật pháp quốc gia khác biệt nhau ở những quy định về hợp đồng.

Ở nhiều nước, luật pháp về quyền tác giả, nếu không im lặng thì ít nhất cũng rất thận trọng về các hợp đồng xuất bản.

Luật về quyền tác giả ở các nước Châu Phi thường đồng thời lập ra một tổ chức quản lý tập thể có trách nhiệm làm cho luật này được thi hành một cách hiệu quả.

Hiện nay, nhiều nước Châu Phi có tổ chức về quyền tác giả (hội tác giả). Theo ý kiến ông Ndiaye, nguyên chủ tịch Ban chấp hành Liên hiệp Berne thì các hội Châu Phi lập ra theo sáng kiến của Nhà nước, hoặc với sự phối hợp giữa các tác giả và Nhà nước, đa số là tổ chức công cộng hoặc bán công. Phần lớn các tổ chức là đa ngành, quản lý tất cả các loại tác phẩm có thể được bảo hộ với tư cách quyền tác giả. Cần chú ý là các hội này được trao quyền quản lý trên toàn bộ lãnh thổ thuộc phạm vi hoạt động của hội.

Các hội tác giả Châu Phi hoạt động tại các nước Pháp ngữ hoặc Anh ngữ có phương thức quản lý chịu ảnh hưởng mạnh của bối cảnh lịch sử ở nước họ đang hoạt động. Do đó, phần lớn các hội tác giả các nước Pháp ngữ (nhất là Tây Phi) đã thừa kế các cơ cấu mà các Hội của Pháp hoạt động trên lãnh thổ này trước ngày giành được độc lập đã xây dựng. Vì vậy những nước này có "truyền thống về quyền tác giả": đài phát thanh, các cơ sở phổ biến âm nhạc, kịch đều trả tiền bản quyền tác giả cho SACEM và SACD. Sau khi giành được lãnh thổ toàn vẹn trên quốc tế, "các nước này được các Hội tác giả Pháp, nhất là SACEM, hợp tác, hội này để cho một số nước sử dụng những thiết bị và tư liệu của mình và bảo đảm việc đào tạo nhân viên tuyển vào làm việc cho tổ chức quốc gia sẽ có về quyền tác giả. Tổ chức quốc gia quản lý tập thể các quyền tác giả ở các nước đó được coi là người điều khiển toàn bộ chính sách văn hoá do Nhà nước đề ra (tổ chức này được giao thêm chức trách xã hội và văn hoá, ngoài những chức trách theo truyền thống của hội tác giả). Về mặt này, Sénégal đã nêu gương cho phần lớn các nước ở Tây Phi, Còn các nước Châu Phi nói tiếng Ả Rập có những cơ cấu tương tự.

Còn có các tổ chức tư nhân, đặc biệt là SONECA ở Cộng hoà dân chủ Congo. Tuy là các hội dân sự, các hội này được hưởng độc quyền hợp pháp và có thể được Nhà nước hỗ trợ trong một số trường hợp.

Tuy nhiên, một trào lưu rất mạnh bắt nguồn từ thế giới thứ ba cũng như ở các nước Anglo-Saxon lên tiếng ủng hộ việc bảo hộ văn học dân gian[1] bằng sở hữu trí tuệ.

Noi theo giáo sư Folarin Shyllon, thật ra gần đây các chuyên gia Châu Phi về quyền tác giả không hài lòng về việc "gần như tất cả Thuộc địa cũ [...] đã độc lập, nhưng nền văn hoá truyền thống và dân gian của họ chưa bao giờ được luật pháp bảo hộ, với nỗi niềm cay đắng tăng lên, họ đã thấy các nhà soạn nhạc nước ngoài tới đất nước họ nghiên cứu tỉ mỉ, và đôi khi ghi âm nhạc dân gian và cổ truyền của họ, rồi về nước mau chóng dùng nhịp điệu và hoà âm của họ vào các bài hát thành công, hoặc các bản giao hưởng được bảo hộ một cách hợp pháp với danh nghĩa quyền tác giả".

Những yêu sách như vậy ngày nay nhằm cả vào những người kinh doanh tranh hoạt hình hoặc các tập truyện hoang tưởng và truyền thuyết, lẫn các xuất bản phẩm khoa học của các nhà dân tộc học và nhân loại học khai thác toàn bộ thành quả của những tài liệu thu thập được.

Từ nay các văn bản quốc tế càng ngày càng tham khảo nhiều hơn phương diện mới này của quyền tác giả, như Công ước Bangui 1977, các "quy định của UNESCO,

---

[1] Xem "Văn học dân gian"

tổ chức thế giới, về quyền sơ hữu trí tuệ" năm 1985 về sự bảo hộ các từ ngữ văn học dân gian , bản tuyên bố Mataatua về các quyền sở hữu trí tuệ của các dân tộc bản địa năm 1993, vv... Và những ý đồ định phô bày này đều hình thành trong nhiều quyền nội bộ.

Hiện nay chỉ có Châu Phi Anh ngữ có vẻ theo con đường đó, bắt chước những gì đã diễn ra ở một số nước Châu Phi, Canada hoặc Australia. Do đó ở Nigéria từ nay luật pháp bảo hộ "văn học dân gian", nhất là dưới dạng "truyện dân gian, thơ dân gian và câu đố". Vì thế chỉ có việc sử dụng riêng, "ngẫu nhiên" hoặc vì mục đích giáo dục ngày nay được cho phép ở Nigéria. Luật pháp Togo tham khảo Nigéria một cách rõ rệt.

Những biểu hiện mới này không khỏi gây ra những khó khăn lớn mới, nhất là về việc được hưởng các quyền về những tác phẩm không phải bao giờ cũng riêng một người sáng tác mà là phỏng theo "truyền thống và môi trường xã hội trong đó có tác giả".

Tuy nhiên, một số người không còn do dự tuyên bố rằng "về quyền sở hữu trí tuệ có khu vực trung gian giữa các quyền cá nhân và lĩnh vực công cộng, quốc gia hoặc quốc tế", lĩnh vực sau này có thể tỏ ra xáo động đối với những người xuất bản. Hiên nay, Châu Phi Pháp ngữ dừng lại ở khái niệm cổ điển hơn về quyền tác giả.

Cần phải nêu lên rằng một số quốc gia không có công cụ pháp lý về quyền tác giả. Đó là trường hợp Comores không là thành viên của Công ước Berne trước năm 2005 và không có luật quốc gia nào về quyền tác giả.

Vả lại, nhiều nước tham gia Công ước Berne, nhưng không bỏ phiếu cho luật nào về quyền tác giả. Đó là tình hình ở Mauritanie, Niger hoặc ở Tchat.

Dgibouti gần đây mới tham gia Công ước Berne, nhưng đã chịu sự chi phối của Luật số 114/AN/96/3^{e} L về bảo hộ quyền tác giả.

Các nước khác, trong khi chấp nhận chế định lập pháp của riêng mình, đã không chọn việc làm đảo lộn trật tự pháp lý về quyền tác giả được lập ra từ trước trong mọi trường hợp về xuất bản).

Ở Bénin, (Luật số 84-008 ngày 15-3-1984 về việc bảo hộ quyền tác giả), Burkina Faso (quyết định số số 83-016 CNR-PRES ngày 28-9-1983 về bảo hộ quyền tác giả, như quyết định số 84-12 CNR-PRES ngày 29-2-1984 đã sửa lại), Congo (Luật số 24/84 ngày 7-7-1982 về quyền tác giả và quyền tương tự), Côte d'Ivoire (Luật về bảo hộ các tác phẩm trí tuệ số 78-634 ngày 28-7-1968 và luật số 96-564 ngày 25-7-1996 về sự bảo trợ các tác phẩm trí tuệ và các quyền của tác giả, các nghệ sỹ biểu diễn và các nhà sản xuất băng tiếng và băng hình), Gabon (Luật số 1/87 ngày 29-7-1987 đặt ra sự bảo hộ quyền tác giả và các quyền tương tự), nước

Cộng hoà Trung Phi (quyết định số 85-002 ngày 5-1-1985 về quyền tác giả), Sénégal (văn phòng Sénégal về quyền tác giả do điều 2 Luật 26-5-1972 và luật số 73-52 ngày 4-12-1973 đặt ra để bảo hộ quyền tác giả đã được Luật số 86-05 ngày 24-1-1986 sửa đổi bằng cách bỏ qua và thay các điều khoản 22, 46, 47 và 50 của Luật số 73-52 ngày 4-12-1973), Togo (Luật số 91-12 ngày 10-6-1991 bảo hộ quyền tác giả, văn học dân gian và các quyền tương tự), Tunisie (Luật về quyền sở hữu văn học nghệ thuật số 66-12 ngày 4-1-1967 và Luật số 94-36 ngày 24-2-1994 về quyền sở hữu văn học nghệ thuật).

Còn Madagascar thì văn bản tham khảo vẫn là luật của Pháp ngày 11-3-1957 về quyền sở hữu văn học nghệ thuật đã được quyết định số 82-031 ngày 6-11-1982 sửa đổi và bổ sung...

Cuối cùng, có nhiều nước Châu Phi vừa dựa theo "mẫu" của chế độ thực dân, vừa chấp nhận các luật có những đặc điểm thực sự.

Ở Guinée (còn gọi là Guinée Conakry để phân biệt với những nước trùng tên là Ghi-nê Bit-xao và Guinée Bissau) luật số 043/APN/CP ngày 9-8-19809 chấp nhận các quy định về quyền tác giả và các quyền tương tự ở nước Cộng hoà Cách mạng Nhân dân Ghi-nê (Guinée) chỉ rõ trong điều 33: "Người xuất bản có thể chuyển giao miễn phí hoặc lấy tiền cho người thứ ba, hoặc bằng cách đóng góp cho xã hội lợi nhuận về hợp đồng xuất bản, không phụ thuộc vào tiền vốn thương mại, mà không được tác giả cho phép trước, như thế đánh dấu sự đoạn tuyệt rõ ràng với luật lệ chí thánh của Pháp về hợp đồng ký dưới tên cá nhân giữa tác giả và một người xuất bản nhất định.

Burundi không là thành viên của Công ước Berne và dựa vào Sắc lệnh số 1/9 về quy chế quyền tác giả và quyền sở hữu trí tuệ ngày 4-5-1978.

Trái với các luật quốc gia khác, ở Châu Phi không có phần nào dành riêng cho hợp đồng xuất bản. Tuy nhiên, điều 30 quy định rằng "nếu tác giả một tác phẩm văn học hoặc khoa học không cho phép hoặc không tự dịch ra tiếng Kirundi hoặc tiếng Pháp, sau thời hạn ba năm kể từ lần xuất bản đầu tiên, hoặc nếu tất cả các lần xuất bản bằng tiếng Pháp hoặc tiếng Kirundi đều hết sách thì bộ trưởng văn hoá có thể cấp cho người xuất bản Burundi giấy phép dịch hoặc xuất bản dành riêng cho trường phổ thông, trường đại học hoặc nghiên cứu. Cũng có thể cấp giấy phép cho mọi cơ quan truyền thanh ở Burundi, chỉ dùng cho các buổi phát thanh phục vụ giáo dục hoặc thông tin về khoa học kỹ thuật. Giấy phép này cũng có thể bao gồm mọi văn bản đưa vào dạng nghe-nhìn *chỉ để phục vụ giảng dạy ở trường phổ thông* và đại học. Có cả chế độ giấy phép về các tác phẩm xuất bản ở ngoài Burundi nhưng không bán ở Burundi.

Ở Cameroun, Luật số 2000/011 ngày 19-12-2000 về quyền tác giả nói rõ rằng các hợp đồng do tác giả chịu kinh phí và các hợp đồng chia kinh phí và chia lãi chỉ được ký sau khi được tổ chức quốc gia về quyền tác giả thông qua. Nếu không, các bên chỉ có thể ký hợp đồng xuất bản thôi.

Còn về Mali, quyết định số 77-46 CMLN ngày 12-7-1977 quy định chế độ quyền sở hữu văn học nghệ thuật cũng tách rời luật của Pháp một cách rõ rệt. Vì thế, điều 38 của quyết định quy định : "Người xuất bản chỉ được hưởng quyền mà quyết định này trao cho, sau khi đã đăng ký hợp đồng vào Sổ ghi quyền sở hữu văn học nghệ thuật. Việc không làm thủ tục này không tước mất của tác giả các quyền thuộc về tác giả theo đúng quyết định này hoặc theo hợp đồng". Hơn nữa, luật pháp ở Mali đặc biệt coi quyền tác giả như đồ đạc có thể chuyển nhượng, và tiền nhuận bút phải trả khoán.

Luật số 2-00 về quyền tác giả và các quyền tương tự ngày 15-2-2000 bãi bỏ Sắc lệnh số 1-69-135 ngày 25 joumada L1390 (29-7-1970) về sự bảo hộ các tác phẩm văn học nghệ thuật để cho Maroc tự do lựa chọn giữa tiền nhuận bút theo tỷ lệ hay nhuận bút khoán. Về việc xuất bản tại nhà xuất bản có hệ thống hiệu sách, có thể là nhuận bút khoán trong những trường hợp sau đây: tác phẩm khoa học kỹ thuật, hợp tuyển và sách bách khoa, lời tựa, lời chú, lời giới thiệu, lời trình bày, tranh minh họa tác phẩm, xuất bản loại sang với số lượng in hạn chế. Về các tác phẩm do các cơ quan báo chí đăng trên báo và các sưu tập định kỳ các loại, có thể ấn định mức khoán nhuận bút cho tác giả, người ràng buộc với hãng thông tin bằng hợp đồng cho thuê tác phẩm hoặc dịch vụ.

Trong Luật số 86-033 ngày 5-4-1986 về sự bảo hộ quyền tác giả và các quyền tương trợ nước Cộng hoà Dân chủ Congo chỉ nói đến tiền nhuận bút theo tỷ lệ và không đả động đến khả năng có nhuận bút khoán.

Ở Ruanda, Luật số 27/1983 ngày 15-11-1983 về quyền tác giả, khi đề cập về tiền nhuận bút cho tác giả chỉ ra rằng tỷ lệ phần trăm không thể dưới 10% giá bán cho công chúng.

Cuối cùng, phải nêu lên rằng đa số các luật của Châu Phi về quyền tác giả thừa nhận thời hạn bảo hộ giới hạn năm mươi năm, chứ không phải bảy mươi năm, sau khi tác giả qua đời.

XV

Sự vi phạm và sự bảo hộ các quyền

Các nhà xuất bản có quyền sử dụng hai cách riêng biệt, để đáp lại sự vi phạm quyền của họ. Cách bảo vệ chắc chắn nhất là kiện sự giả mạo, cách này cho phép chống lại mọi sự vi phạm đến một yếu tố của tác phẩm, với điều kiện yếu tố này được quyền tác giả bảo hộ. Vả lại, người xuất bản có thể đưa đơn kiện về sự cạnh tranh bất chính để đập lại sự vi phạm các yếu tố không được quyền tác giả bảo hộ. Vì thế, xin đừng bỏ qua việc các loại vấn đề mà người xuất bản đã gặp không phải là sự giả mạo và cũng không phải là sự cạnh tranh bất chính. Vậy nên việc tác giả huỷ bỏ hợp đồng một cách quá đáng sẽ được phân xử với tư cách đó trước toà.

Sự giả mạo và việc kiện sự giả mạo

Khái niệm về sự giả mạo

Điều L 122-4 của CPI định nghĩa sự giả mạo nhưng không đặt tên cho nó:

> "Mọi sự trình diễn hoặc in sao toàn bộ hoặc từng phần không được tác giả hoặc những người có quyền hoặc được quyền kế tục đều bất hợp pháp. Về dịch, cải biên hoặc biến đổi, soạn lại hoặc sao lại, bằng một nghệ thuật hoặc phương thức nào đó cũng đều như thế.
>
> Còn điều L335-2 của CPI ghi:
>
> "Mọi việc xuất bản tác phẩm, bản nhạc, bản vẽ, tranh hội hoạ hoặc bất kỳ sản phẩm nào khác, in hoặc khắc toàn bộ hoặc từng phần, bất chấp luật lệ và quy chế về quyền tác giả, đều là giả mạo, và mọi sự giả mạo đều là có tội".

Sự giả mạo là việc sử dụng bất hợp pháp, có thể là dưới nhiều dạng khác nhau, một tác phẩm được quyền sở hữu văn học nghệ thuật bảo hộ, hoặc, chính xác hơn, một yếu tố được quyền tác giả của một tác phẩm, có thể là bản thân nó không được bảo trợ tất cả các yếu tố[1].

---

[1] Xavier Daverat, "Lời nói sõ sàng về tiêu chuẩn giả mạo các tác phẩm văn học nghệ thuật", Tuần pháp lý (JCP), 1995, I, 3827.

Sự sáng tác và sự diễn đạt

Đối với các cấp toà án, sự giả mạo dựa trên sự kết hợp hai yếu tố cần thiết: một yếu tố vật chất và một yếu tố tinh thần.

Yếu tố vật chất chính là bản thân hành động. Nó có thể khác nhau rất nhiều và ở dưới dạng bất ngờ nhất. Sự giả mạo có thể về bất kỳ yếu tố nào được quyền tác giả bảo hộ: tít, văn bản, bản sắp chữ, tranh minh hoạ, bìa v.v...

Việc xuất bản ăn cắp in vài trăm bản về một văn bản được bảo hộ - việc này vẫn còn xảy ra trong những người ham sách – thuộc về sự giả mạo. Một tác giả bán hai lần quyền về cùng một tác phẩm phạm vào điều giả mạo, và cả người xuất bản: cùng cộng tác làm việc đó. Người xuất bản xuất bản dưới dạng không dự kiến trong hợp đồng xuất bản cũng là giả mạo. Khi người đó cho in số bản nhiều hơn số lượng tác giả đã đồng ý cũng thế. Chỉ một bản có thể tranh chấp đủ để làm rõ đặc tính giả mạo[1]. Nếu người xuất bản nhượng lại những quyền mà người đó không có thì là kẻ giả mạo[2]. Việc xuất bản giáo trình của Roland Barthes ở trường trung học Pháp không được phép của những người có quyền cũng là giả mạo, ở mức độ tác giả đã bày tỏ điều mong ước không xuất bản[3] các tác phẩm nói của mình.

Tất nhiên sự giả mạo[4] có thể xảy ra từ thể loại này đều thể loại khác: giả mạo một cuốn tiểu thuyết bằng phim ảnh, một tác phẩm kiến trúc trong một cuốn sách v.v...

Khái niệm giả mạo cũng che giấu những sự vi phạm quyền tinh thần[5].

Sự giả mạo cũng có cả về các quyền khác về quyền sở hữu trí tuệ lẫn quyền tác giả. Sự xâm phạm nhãn hiệu chẳng hạn như dùng để bảo vệ một số tít của bộ sưu tập[6] có thể cấu thành sự giả mạo.

Nhưng một trong những trường hợp làm trò cười nhiều nhất cho dư luận là cái mà thông thường được goi là ăn cắp văn về văn học[7].

---

[1] Toà phúc thẩm Paris, 21/1/1963, Tuần lễ pháp lý (JCP), 1963, 1323.5, lời ghi củ Delpech.

2 Toà phúc thẩm Paris, 10-5-1993, Báo của Toà án, 31-12-1993/1-1-1994, tr. 14.

3 Toà phúc thẩm Paris, 24/11/1992, Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 1/1993, số CLVI, tr. 191.

4 Toà phúc thẩm Paris, 1/12/1913, Tập san về quyền sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1914, 209.

5 Toà phúc thẩm Paris, 19/2/1964, Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 10/1964, số XXXXIII, tr. 161, Toà phúc thẩm Paris, 23/11/1982, Thông tin nhanh, 512, nhận xét của Claude Colombet.

6 Xem "Những sáng tác của những người xuất bản".

7 Đối với những người theo chủ nghĩa thuần tuý, sự ăn cắp văn không phải là sự giả mạo về mặt kỹ *thuật*. Thật ra đó chỉ là sự sao chép khá khéo léo để tránh bị lên án, vì nó đứng ở ranh giới cái được dung thứ: Alesies Libaert, "Tất cả chúng ta đều là người ăn cắp văn", Sự kiện ngày thứ năm, 20/2/1997, tr.64, Florence Noiville, "Những người cộng tác kín ăn cắp văn tối này", Thế giới, 10/3/1998, tr. 26.

Các luật gia nhất trí, theo sau Debous, nói rằng tác phẩm văn học do ba yếu tố hợp thành: ý tưởng, sáng tác và sự diễn đạt[1]. Riêng ý tưởng không được quyền tác giả[2] bảo hộ, sự giả mạo văn học chỉ có thể có về sáng tác hoặc diễn đạt, hoặc về cả hai cùng một lúc.

Sáng tác chỉ rõ thực chất, cái nền, có thể gọi là "câu chuyện", và toàn bộ các yếu tố hợp thành nó: sự đột biến, sự liên kết các sự kiện, cảnh, đặc điểm của nhân vật, v.v...[3]

Để xác định xem có sự giả mạo về sáng tác tác phẩm hay không, nên cắt kịch bản trang sách thành một số cảnh chủ chốt và đem so sánh. Vụ *Cuốn theo chiều gió* đối lập Régine Deforges với những người thừa kế và người xuất bản của Margaret Mitchell là một thí dụ hay về phương pháp mà toà án dùng thường xuyên này. Các cấp toà án khác nhau can dự vào vụ này đã đặc biệt phân tích tính cách các nhân vật, tấm cảnh phông, bối cảnh, các tình huống và các cảnh của hai cuốn tiểu thuyết. Cuối năm 1993, Toà phúc thẩm Versailles cuối cùng đã đánh giá là toàn bộ các yếu tố của cuốn tiểu thuyết của Régine Deforges bị tình huống mà cuộc Chiến tranh thế giới lần thứ hai tự do[4] , lựa chọn áp đặt. Còn về một số yếu tố chung, các quan toà coi nhiều nhất là những ý tưởng có hành trình tự do, do đó không chiếm hữu được và những người thừa kế của Mitchell không thể đòi hỏi được.

Vậy thì các toà án phải giải thích các yếu tố chung và xác định sự hiện diện của các yếu tố đó thuộc phạm vi ăn cắp hay do chủ đề được chọn áp đặt[5]. Người ta không thể, chẳng hạn như cấm một người viết tiểu thuyết đặt cốt truyện của cuốn sách về Bắc Phi có đưa vào đó một cảnh?

Có ngoại lệ do tài sản chung của văn học, các yếu tố trở nên tầm thường đến nỗi chỉ còn biểu thị tính độc đáo trong cách diễn đạt mà thôi. Do đó, ngay từ đầu thế kỷ XX, một toà án đã nhắc lại đúng là Courteline không nhận chủ đề của chồng là của mình, ông chồng đã tỏ ra yếu đuối với bà vợ ngoại tình[6]. Đó là quá trình giống như quá trình đã nhằm vào, chẳng hạn như những cuốn sách lịch sử[7] mà tác giả quyết định theo kế hoạch gắn với thứ tự niên đại một cách đơn giản nhất. Một

---

1 Xem thư mục chung

2 Xem "Sự sáng tạo hình thức và sự loại trừ ý tưởng".

3 A.Bertrand, "Sự bảo trợ sáng tác các tác phẩm văn học và nghe nhìn", Các tập về quyền tác giả, số 27, 1990, tr.17. Isabelle Burean, "Tình tiết: sự chuyển từ ý tưởng sang cách diễn đạt", Các tập về quyền sở hữu trí tuệ, 10/1994, cuốn 7, số 1, tr.51 (điều khoản về quyền Canada).

4 Toà phúc thẩm Versailles, 15/12/1993, Dalloz, 1944, pháp chế, 132, lời ghi của Pierre Yves Gautier.

5 Phòng dân sự thứ nhất của Toà phá án, 20/5/1980, Báo của toà án, 1980, 2, Bản tóm tắt, 563, xem cả (xem tiếp cuối tr. 220).

6 Phòng thỉnh cầu của Toà phá án, 27/6/1910, Dalloz, 1910, 1, 29/6.

7 Toà án cấp hai Paris, 30/3/1979, Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 10/1979, số CII, tr.169. Toà phúc thẩm Paris, 19/2/1987, Dalloz, 1987, Thông tin nhanh, 69.

cuốn sách hướng dẫn săn bắn ở Pháp, ngược lại, đã bị một bài báo cho là giả mạo, bài này nhắc lại "các kiểu săn bắn ban ngày khác nhau trên toàn lãnh thổ Pháp[1]", theo cùng một đơn đặt hàng.

Những sự cải biên thuộc bất kỳ loại nào (chuyển một cuốn sách thành một bộ phim hoặc một tác phẩm loại khác, hoặc ngược lại, chuyển một vở kịch thành tiểu thuyết[2]). Tất nhiên có thể bị truy tố về tội giả mạo[3]. Việc phát hành truyện tranh và băng cassette về một cuốn tiểu thuyết của Agatha Christie[4] chẳng hạn, mà không được phép, là một dẫn chứng về sự giả mạo.

Còn về cách diễn đạt, có thể là mục tiêu thứ hai về sự giả mạo văn học, chỉ đơn giản là sự lựa chọn từ ngữ, cách viết...

Dĩ nhiên là ở đây cũng nên tính đến từ ngữ bắt buộc, do chủ đề[5] áp đặt, và từ ngữ thuộc sự lựa chọn thật sự độc đáo của tác giả. Không thể tránh việc sử dụng từ ngữ thông thường[6].

Trong một cuốn sách kỹ thuật hoặc khoa học, có thể tránh dùng từ vựng chuyên biệt[7]. Trong loại tác phẩm này cũng nên tránh nhắc lại những điều hiển nhiên trong lĩnh vực bàn đến và dùng những thí dụ thuộc vốn chung của đề tài. Nhiều nhất là phải có lời dẫn, nên tên tác giả các công trình nói đến[8]. Điều đó không hề có nghĩa là được phép dùng những thí dụ như nhau, được tự do[9] ăn cắp câu và cách diễn đạt của những người khác. Thực tế, dù cho những sự trình bày hoặc lựa chọn thí dụ không đủ độc đáo để được quyền tác giả bảo trợ thì cốt truyện đang bị cạnh tranh một cách bất chính vẫn là biện pháp rất tốt để trừng phạt kẻ cắp vô liêm sỉ[10].

---

* Các vụ về phim của Léon (Toà phúc thẩm Paris, 27/6/2001, Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 4/2002, số 192, tr. 367, nhận xét của André Rerever, và tr.426) và La Totale (Toà phúc thẩm Paris, 4/6/2004, Quyền sở hữu trí tuệ, 10/2004, số 13, tr.921, nhận xét của Pierre Sirinelli).

[1] Toà án cấp hai Paris, 19/2/1997, Báo Pháp luật, 12/1997, số 147, I, 149.

2 Toà phúc thẩm Paris, 25/1/1900, Tập san về quyền sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1900, 118.

3 Toà phúc thẩm Paris, 23/3/1978, Báo của Toà án, 1878, II, Bản tóm tắt, 398.

4 Toà án phúc thẩm Paris, 21/3/1997, Báo Pháp luật, 7/8/1997, số 143, I, 83.

5 Toà phúc thẩm Paris, 15/12/1990, Dalloz, 1990, Thông tin nhanh, 68.

6 Toà phúc thẩm Paris, 21/2/1978, Báo của Toà án, mục lục 1977-1979, số 91.

7 Toà phúc thẩm Paris, 22/1/1982, Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 7/1982, số CXIII, tr. 164. Toà phúc thẩm Paris, phòng số 4, 10/3/2004 và 12/3/2004, Quyền sở hữu trí tuệ, số 12, 7/2004, tr. 778, *nhận xét của André Lucas.*

8 Xem "Các câu dẫn và phân tích "Toà phúc thẩm Paris, 14/2/1990, Dalloz, 1990, Thông tin nhanh, 72.

9 Toà phúc thẩm Paris, 17/5/1977, Báo của Toà án,1977, L, 15.

[10] Xem "Cốt truyện bị cạnh tranh bất chính".

Cũng có những khó khăn đó về bản đồ địa lý hoặc tranh minh hoạ loại tranh khắc trong từ điển, mà mục đích là theo đúng, với mức có thể được, thực tại, và trên thực tế trình bày nhiều cái giống nhau[1].

Vì vậy, điều bình thường là toà án tỏ ra nghiêm khắc hơn đối với các xuất bản phẩm trong đó không có gì chứng minh cho những sự giống hệt nhau giữa các tác phẩm: tiểu thuyết, thơ, kịch...

Cuối cùng, André Bertrand nhấn mạnh một cách chính đáng rằng, nếu tất cả mọi người có thể nhắc lại những từ ngữ thông thường mà không gặp khó khăn đặc biệt thì việc dùng tên các nhân vật hoặc tít có thể tự nó thể hiện sự độc đáo[2] thực sự lại không như thế.

Vì vậy, nên việc thêm đề mục phụ *Câu chuyện kỳ quặc* cho phép loại bỏ sự giả mạo ra khỏi cái tít chính, *Paris với tội ác*[3].

Tiểu sử

Tiểu sử cũng thường hay bị giả mạo[4] cũng vì những lý do trên.

Sự cám dỗ mạnh, khi một nhà viết tiểu sử trước đã làm.

Một công việc nghiên cứu quan trọng để khỏi phải bỏ ra nhiều công sức như thế, cả đến chú giải dài dòng những đoạn nguyên vẹn. Nhiều việc gần đây, đôi khi kỳ cục, chứng nhận điều đó.

Đôi khi khó phân biệt giữa những cái thuộc về các sự kiện lịch sử, cái thuộc về "tài sản chung của thể loại" mà nhân vật bàn đến đòi hỏi, và cái mà một người đam mê biết phát hiện và làm nổi bật trong quá trình thật sự của tác giả.

Ban hình sự của Toà phá án đã nêu lên rõ ràng cuộc tranh luận trong phiên xét xử ngay từ ngày 16/6/1955, về tiểu sử của ca sĩ giọng nam cao Caruso[5]. Vào dịp này, các quan toà đã định ranh giới về cái không thể là mục tiêu chiếm hữu hoặc của việc lập ra độc quyền khoa học văn học của một nhà nghiên cứu... tìm cách, nhất là để cấm đoán mọi tiểu sử về chủ đề "của mình".

---

[1] Toà phúc thẩm Angers, 19/1/1904, Tập san về quyền sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1904, 66.
[2] Xem "Các tít".
[3] Toà phúc thẩm Paris, 27/9/1996, Báo của Toà án, 7/8/1998, tr. 29.
[4] Toà dân sự sông Sein, 5/2/1954, Báo của Toà án, 1954, L, 182. Phòng hình sự của Toà phá án, 16/6/1955, Dalloz, 1955, nói trên.
[5] Xem Thư mục chung.

Để được hưởng sự bảo trợ tiểu sử phải độc đáo theo nghĩa mà người ta hiểu về quyền tác giả: nghĩa là giới thiệu bố cục hoặc văn phong riêng của người viết.

Những kẻ ăn cắp văn, từ điển mới của Roland de Chaudenay[1] kể lại những chuyện rủi ro của Paul Guth, người đã xuất bản *Tôi, Ninon de Lauclos, gái điếm cao cấp năm 1991*. Cuốn sách này không được bán sau một vài cuộc trao đổi giữa người xuất bản sách và người xuất bản cuốn *Ninon de Leuclos, gái điếm cao cấp của Đại thế kỷ*, ra năm 1984, với ngòi bút của Roger Duchene...

Còn các thông tin chưa xử lý, cả đến mới lạ, không được bảo hộ gián tiếp bằng quyền sở hữu văn học nghệ thuật. Nhưng còn có thể hành động trên lĩnh vực cạnh tranh bất chính, và đặc biệt hơn là gợi ra khái niệm về "thói ăn bám", là thói tự miễn cho mình làm công việc đôi khi rất nhàm chán và đi theo bước người đi tiên phong mà không tự mình khai phá con đường mòn.

Những việc có tính biểu hiện nhất trong những năm gần đây không thiếu sự mỉa mai. Sự tranh chấp giữa Patrick Rodel và Alain Minc về cuộc đời Spinoza cũng thế. Ngày 28/11/2001, Toà phúc thẩm Paris làm quá là bắt giam nhà văn tiểu luận, giúp cho giáo sư đại học kiện ông ta về sự giả mạo[2].

Các quan toà mới đầu lo nhấn mạnh rằng, theo truyền thống, "tư tưởng được tự do", và vì thế không ai có thể trách Alain Minc là đã nhắc nhở, theo niên đại những giai đoạn trong cuộc đời của nhà triết học lừng danh.

Tuy nhiên, các quan toà cũng tìm ra nhiều giai thoại, được chép lại với những chi tiết giống nhau, và nhất là với từ ngữ giống như trong tác phẩm của Patrick Rodel.

Thật ra người này đã tưởng tượng ra sự trao đổi thư từ cho thấy Spinoza rất thích mứt hoa hồng và tô điểm bằng cách chế biến. Vậy mà câu pha trò này – ghi trong tiểu sử được coi rõ ràng là viết theo tưởng tượng – lại được sao lại trong tác phẩm có tranh chấp không có nguồn gốc xứng hợp...

Chúng ta hãy nêu lên rằng hội xuất bản đã bị lên án nghiêm khắc; bởi vì, theo toà án, "với tư cách người chuyên nghiệp lão luyện về xuất bản, hội này không thể nếu không kiểm tra thì ít nhất cũng cùng lo lắng với tác giả về tầm quan trọng của những việc vay mượn tiểu sử giả nêu trong tác phẩm bị lên án mà không dùng dấu ngoặc kép. Hơn nữa, lẽ ra hội phải chú ý đến việc tác giả của tác phẩm có tranh chấp, người được coi là nhà kinh tế học, không thể tự cho mình là triết gia chuyên nghiệp Spinoza, người mà tác giả muốn viết tiểu sử"...

---

[1] Toà án phúc thẩm Paris, 25/1/1988, Các tập về quyền tác giả số 9, 1988, tr.15. Toà án thương mại Paris, 9/6/1993, Tạp chí về quyền sở hữu trí tuệ, 12/1993. Toà phúc thẩm Paris, 14/4/1992, Báo của Toà án, 19-20/10/1994, tr. 11.

[2] Toà án cấp hai Paris, 8-11-2000, *Quyền sở hữu trí tuệ*, số 5, 10/2002, tr.51, lời nhận xét của André Lucas.

Một số người viết tiểu sử dây chuyền cuối cùng lẫn lộn cuộc đời của đối tượng với một lô tư liệu của họ. Hewvay Trougat đã biết điều đó do kinh nghiệm riêng sau khi được Toà phúc thẩm Paris tuyên bố vô tội ở vòng đầu ngày 9/2/2000. Toà phúc thẩm đã không đọc tác phẩm của ông với cùng một cách nhìn, và đã trừng trị sự giả mạo ngày 19/2/2003[1]. Trong trường hợp đó, những sự lựa chọn giống nhau về những câu dẫn trích trong thư từ, báo chí giống nhau, cũng như những câu dẫn chưa từng xuất bản đã dẫn đến việc kết tội người viết tiểu sử thứ hai.

Yếu tố tinh thần

Người ta nhận ra sự giả mạo bằng sự giống nhau, chứ không phải bằng những sự khác nhau[2]. Vì vậy, phải tìm một số điểm chung khá quan trọng để thấy sự giả mạo. Vì vậy, sự giả mạo có thể chỉ là bộ phận[3].

Tuy nhiên, người xuất bản phải ghi nhớ những trường hợp ngoại lệ hợp pháp và theo toà án cho phép một số sao chép từ các tác phẩm được bảo trợ, mà không bị trừng phạt[4].

Sự giả mạo là tội lỗi và vì vậy, đòi hỏi phải có ý thức về hành động xấu. Đó là "yếu tố tinh thần" nổi tiếng và quý báu đối với các chuyên gia hình sự. Trong trường hợp này là lương tâm đã có một hành vi đáng chê trách. Nhưng hình như có sự suy đoán thật sự có ác ý trong phòng xử án[5]. Bị cáo phải chứng minh mình không có ý đồ sao chép một cách bất hợp pháp tác phẩm được bảo hộ. Sự chứng minh này rất khó làm[6]. Chẳng hạn như đã có sự phân xử rằng người xuất bản đã ngây thơ ký hợp đồng với tác giả về một cuốn tiểu thuyết mà người này đã chuyển nhượng cho một người xuất bản khác, chỉ có thể chứng minh sự thành thật của mình bằng cách đưa ra bản hợp đồng trước.

Trái với luật hình sự, các toà án dân sự chỉ dính dáng đến yếu tố vật chất của sự giả mạo, một cách ngược đời. Vì vậy, để tạo thuận lợi cho chứng cứ về việc làm

---

[1] *Toà phúc thẩm Paris, 19/2/2003, Báo Pháp luật, 2003, số 202, I, tr.79.*

[2] Toà án cấp hai Paris, 25/1/1988, Các tập về quyền tác giả số 9, 1988, tr.15. Toà án thương mại Paris, 9/6/1993, Tạp chí về quyền sở hữu trí tuệ, 12/1993. Toà phúc thẩm Paris, 14/4/1992, Báo của Toà án, 19-20/10/1994, tr. 11.

[3] Phòng dân sự thứ nhất của Toà phá án, 20/5/1980, Bản tin dân sự, L, số 154.

[4] Xem "ngoại lệ".

[5] Phòng hình sự, Toà phá án, 1/5/1940, Dalloz, 1941, 1, 116, Phòng hình sự Toà phá án, 25/3/1957, Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 7/1958, số XVIII, tr. 189. Phòng hình sự Toà phá án, 1/2/1912, *Báo của Toà án, 1912, L, 438.*

[6] P.Bouzat, "sự suy đoán có ác ý về sự giả mạo quyền sở hữu văn học nghệ thuật", Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 7/1972, số L XXIII, tr. 171. Toà án cấp hai Paris, 21/3/1986, Dalloz, 1987. Các bản tóm tắt có bình luận,157, lời nhận xét của Claude Colombert "Sự suy đoán về việc được hưởng quyền tác giả và sự suy đoán về ác ý", Các vụ Dalloz, 7/5/1998, số 116, tr.806.

giả mạo, các quan toà coi thực tâm của kẻ giả mạo không quan trọng trong vụ kiện dân sự[7].

Thực ra, các quan toà coi những người xuất bản là những người chuyên nghiệp, và vì thế họ phải để mắt đến mọi việc: do đó họ phải lập hợp đồng đúng thể thức, kiểm tra bản thảo không có điều vu khống, nhưng còn phải không có chỗ ăn cắp văn nữa... Chính là về điểm cuối cùng đó mà cái "lô-gic" pháp lý này rõ ràng mâu thuẫn với những giới hạn của công việc người xuất bản. Như các nhà bình luận chuyên trách đã nhận thấy, việc nêu lên rằng mình không biết thì dễ, chứng minh rằng mình không thể biết lại khó hơn nhiều...

Nói cụ thể thì chứng cứ về ác ý của người xuất bản không phải bao giờ cũng cần thiết đối với các quan toà. Nhưng chứng cứ như vậy có thể làm tăng thêm số tiền bồi thường... Các đối thủ của người xuất bản có thể, chẳng hạn như, lấy cớ việc tác phẩm bị ăn cắp đặc biệt được nhiều người biết đến, những lời nhắc nhở phải cảnh giác không có tác dụng v.v...

Về sự giả mạo, những người chuyên nghiệp khác về sách cũng có thể bị truy tố. Miễn là họ chống lại những người ký hợp đồng đã phạm sai lầm... tức là chống lại những người xuất bản. Tuy nhiên các quan toà hơi thiên về sự thành thực của những bán sách hoặc thợ in hơn là sự thành thực của những người xuất bản. Thật ra các quan toà thường tỏ ra nghiêm khắc hơn đối với những người chuyên làm xuất bản đáng lẽ phải tỏ ra là những người sành sỏi nhất[1].

Người xuất bản sẽ chịu trách nhiệm về những lỗi của tác giả, miễn là người đó phản ứng bằng cách dùng điều khoản về sự đảm bảo[2].

Cuối cùng, người xuất bản không thể viện cớ công chứng mà sự giả mạo của mình nhằm vào không phải là công chúng của tác phẩm bị giả mạo; điểm này không quan trọng, trái với các trường hợp cạnh tranh bất chính[3].

Thuật hùng biện pháp lý của những kẻ đạo văn và những người bị ăn cắp văn

Do các loại bị lẫn lộn, thuật hùng biện pháp lý mà kẻ ăn cắp và người mất cắp thể hiện trước toà từ nay được chấn chỉnh tốt.

Trên thực tế, những nhà chuyên môn về luật - luật sư và quan toà - dùng bảng so sánh thật sự về hai tác phẩm liên can. Vậy thì đó là sự tìm kiếm chán ngắt "các

---

[7] Về sự rời rạc trong đường lối pháp lý này, xem Pierre Yves Gauties, "sự dửng dưng đối với lòng thành thật trong vụ kiện dân sự về sự giả mạo", "Quyền sở hữu trí tuệ, số 3, 4/2002, tr.28.

[1] Toà án cấp hai Paris, 19/5/1987, Các tập về quyền tác giả, 1988, số 1, tr.15.

[2] Xem "Mẫu hợp đồng xuất bản".

[3] Xem "Cốt truyện bị cạnh tranh bất chính". Toà phúc thẩm Paris, 24/2/1949, Báo của Toà án, 1949, 2, 83.

điểm tiếp xúc" để tỏ lòng cảm phục cái công thức mỹ miều của giáo sư Pierre – Yves Gautier[1]. Các quan toà sẽ tìm hiểu xem chủ đề lựa chọn có cần sử dụng những tình huống hoặc những cách diễn đạt thông thường không. Cũng phải tính đến phần thuộc tài sản chung của văn học. Kẻ đạo văn cố nhấn mạnh vào những sự khác nhau cơ bản giữa hai cách trình bày chủ đề. Về phần còn lại – tức là những cái giống nhau – thì trước hết người đó dùng khái niệm về tài sản chung.

Sự tu từ này thường dẫn đến việc nấp dưới cái khái niệm may mắn về sự ngẫu nhiên (lỗi thuộc về sự không may mắn), khái niệm này bất chấp các luật về quyền sở hữu trí tuệ cũng như về thống kê học; căn cứ vào đó thì sự may mắn được đo bằng *aune* (đơn vị chiều dài cũ bằng 1,18-1,20m) trong nhiều triệu xác suất.

Vì vậy, vũ khí của người mất cắp đơn giản. Nếu chủ đề các tác phẩm có tranh chấp khá thích hợp thì người mất cắp ra sức chứng minh sự độc đáo trong cách nhìn của mình.

Muốn hạ thấp, người mất cắp phải có mưu mẹo không phải là chứng cứ. Colixthe Beyala đã nhiều lần có dịp đặt lại cùng một câu hỏi: một vài dòng có đủ để làm thành một tác phẩm không? Theo công thức thanh lịch hơn của Patrice Delbourg thì sự vay mượn tất nhiên là sự cảm phục.

Đó còn là sự trở lại một cách vô ý thức những ký ức văn học mà kẻ ăn cắp văn gợi ra. Nhưng đó là sự thực hành nguy hiểm vì là cách biểu dương ngầm trước mắt các quan toà chính người mất cắp đang kiện anh ta ra toà...

Việc viện ra sai sót chính đáng (quên, thư mục đưa vào máy tính, v.v...) tuy nhiên vẫn còn là kỹ thuật bảo vệ giản dị, nhưng thường giảm bớt số tiền bồi thường.

Việc ăn cắp văn đôi khi cũng được gợi lên như là một loại không thể vặn vẹo được. Lúc đó người đi kiện sẽ dẫn ra đúng lúc Giraudouxe, người đã tuyên bố rằng sự ăn cắp văn là cơ sở của mọi nền văn học.

Đối với một số người – bị bắt quả tang không phải lúc – việc đưa sự ăn cắp văn lên hàng mỹ thuật hoá ra là điều cần thiết. Việc tham khảo các nhà văn lớn ăn cắp văn – như đã thống kê trong cuốn từ điển cần thiết cho những người ăn cắp văn của Roland de Chaudenay[2] – sẽ góp phần không những vào việc bênh vực cho người ăn cắp văn, mà còn vào liệu pháp và việc tự mình chiêu hàng.

Kẻ ăn cắp văn đôi khi còn tiến tới chứng minh rằng bản thân người mất cắp đã từng là kẻ ăn cắp văn...

Vả lại, cuối cùng xuất hiện những chuyện lý thú về việc đẩy nhau xuống vực thẳm khi kẻ ăn cắp văn hoặc người mất cắp đưa đơn kiện mọi nơi về sự vu khống,

---

[1] Xem Pierre Yves Gautier, Quyền sở hữu văn học nghệ thuật, lần xuất bản thứ 5, PUF, 2004, số 423s.
[2] Xem Thư mục chung.

mà sự được thua dựa vào tính chất đúng luật hoặc kết cục của vụ kiện việc đạo văn. Lúc đó kẻ đạo văn đến lượt mình trở thành người sính kiện cáo đáng gờm. Vì vậy người bị quy kết là "đạo văn" đôi khi phó thác vào sự chính xác của toà án. Các chuyên gia về quyền tác giả thích dùng từ "giả mạo" hơn là "đạo văn". Thật ra họ coi từ "đạo văn" theo nghĩa hẹp phải dành cho sự khai thác tác phẩm khá khôn khéo để khỏi bị chê trách về mặt pháp lý.

Sự giả mạo và truyền thông đa phương tiện

Truyền thông đa phương tiện không hề làm giảm thẩm quyền của toà án đối với sự giả mạo.

Bộ từ điển Bách khoa đã có được sự lên án những kẻ giả mạo đã sao lại các CD-R một cách gần như công nghiệp[1]. Việc làm giả ảnh hoặc phần mềm trên CD-R cũng không tránh khỏi sự trừng phạt[2].

Từ nay đã có pháp chế vững vàng của Pháp về Internet[3].

Ở đây phải nêu lên quyết định đầu tiên của Pháp về sự giả mạo quyền tác giả trên Internet: đó là quyết định khẩn cấp ngày 14/8/1996 của Toà án phúc thẩm Paris về việc Trường cao đẳng viễn thông quốc gia "giới thiệu" các bài hát của Jacques Brel và Michel Sardou[4]. Ông chủ tịch nắm việc này cho rằng "mọi việc in sao bằng kỹ thuật số các nhạc phẩm được quyền tác giả bảo hộ và có thể để cho những người dùng mạng Internet sử dụng được người có quyền hoặc người nhượng quyền cho phép".

Sự giải thích này đã cho phép bác bỏ lập luận của bị đơn biện hộ rằng chỉ sao chép dùng riêng, gửi tạm vào chỗ trong nhà riêng là trang "web", và người đó không có trách nhiệm về bất cứ mặt nào về việc mọi người có thể mở trang web ra xem[5]. Cũng hay nếu lưu ý rằng vấn đề chứng cứ vi phạm bắt đầu được giải quyết, từ nay việc vi phạm có thể do nhân viên chấp hành của toà án cũng như một viên chức tuyên thệ của một tổ chức chuyên môn có đủ tư cách ghi nhận.

Về sau Toà án Phúc thẩm Paris cấm truyền trên Internet cuốn *Một trăm nghìn tỷ bài thơ của Queneau*[6].

---

1 Laurence Santantonios, "Universalis vây dồn một tên cướp", Sách Hebdo, 3/7/1998, số 300, tr.45.

2 Toà án phúc thẩm Paris, 29/4/1998, chưa xuất bản. Sự xét xử của toà thượng thẩm Arras dẫn ra để giám định, số 210, 12/1997, tr. 375.

3 Toà thương mại Nanterre, 27/1/1998, Tạp chí Lamy và Quyền kinh doanh, 5/1998, số 5, tr.27. "Giả mạo một tác phẩm trên internet, Thông tin nhanh, tr. 102.

4 Toà án phúc thẩm Paris, 14//1996, Dalloz, 1996, Pháp chế tr.490, lời ghi của Pierre Yves Gautier.

5 Xem "Việc sao dùng riêng".

6 Toà án phúc thẩm Paris, 5/5/1997, Biên bản giám định, 6/7/1997, tr. 242.

Việc giả mạo trên Internet những phần mềm có thể cài đặt từ xa cũng bị trừng phạt.

Những vụ kiện có tiếng vang liên quan đến việc nhượng quyền tác giả của các nhà báo ăn lương và việc "giới thiệu" các tác phẩm của họ[1].

Trái lại, Plon đã chọn việc không công kích việc phổ biến "thông thường" *"Điều bí mật lớn"* của tiến sĩ Gubler, việc này không dính đến Internet, vì thế bà quay lại phủ nhận tự do ngôn luận đã được công bố mạnh mẽ trước gia đình Mitterand[2].

Luật 21/6/2004 về sự tin cậy vào kinh tế kỹ thuật số nêu lên rõ ràng những trường hợp vi phạm thường thấy các quyền sở hữu văn học nghệ thuật[3].

Luật các nước ngoài, chủ yếu là Mỹ, xác nhận hoàn toàn việc áp dụng các nguyên tắc cổ điển về sự giả mạo trong lĩnh vực thông tin đại chúng. Một quan toà ở Virginie đã coi việc một môn đồ cũ đưa lên Internet những tài liệu của giáo hội *Scientologie* không phải là cách dùng ngay thẳng[4] mà thực sự là sự giả mạo[5]. Trong vụ "Playboy", một quán bán đồ điện tử đã bị kết án vì đã làm giả gần hai trăm bức ảnh của tờ tạp chí nổi tiếng này[6]. Vài quyết định hiếm có có vẻ đi ngược lại, nhưng thật ra là về sai lầm của những người truy tố về trình độ nghiệp vụ: thí dụ việc gọi là ăn cắp không được ghi nhận về "việc giới thiệu" chương trình trò chơi[7], trong khi đó đã từng tuyên án về cùng một trường hợp, nhưng trên cơ sở sự giả mạo[8].

Kỹ thuật số hoá[9]

Việc lưu trữ bằng phương tiện kỹ thuật số cho phép giải quyết tạm thời những khó khăn cổ điển vấp phải trong việc bảo quản tốt tài liệu. Vì lẽ đó, các thư viện và nhiều trung tâm nghiên cứu và lưu trữ đã tiến hành kỹ thuật số hoá các bộ sưu tập của họ, không kể đến giờ giấc thông tin cho công chúng.

Nói chung, các cơ quan có ý thức trước những trở ngại về mặt pháp lý đối với việc thông tin bằng phương tiện kỹ thuật số, dù là thông thường hay trên cột mốc có tác động qua lại đặt tại chỗ.

---

1 Toà sơ thẩm Bruxelles, 16/10/1996, Légicom, số 14, 1997/2, tr.91

2 Xem lời tuyên bố của Olivier Orban, giám đốc Plon, với Sách Hebdo, 2/2/1996, số 190. Toà án Châu Âu về nhân quyền, 18/5/2004, Báo Pháp luật, 2004, số 215, III, tr.173, lời chú của Emmanuel Derieux.

3 Xem "Sự tịch thu vì giả mạo".

4 Xem "Câu dẫn và sự phân tích".

5 Trung tâm công nghệ tôn giáo V. Arnaldo Pagliarina Lerna, số 95, 1107 A.E.D, Virginia, báo LP của Mealey, 1996, tập 4, số 9, tr. 3.

6 *Playboy Enterprises Inc.v.George Frena, 839 F.Supp, 1552, M.D, Florida, 1993.*

7 US v. La Macchia, số 94-10092-RGS. D.Massachusetts, Mealey's LP, 13/1/1995, tr.8.

8 Sega Enterprises Ltd. v. Maphia, 857 F.Supp. 679, N.D, Californmia, 1994.

9 Xem Pierrat, Luật về sách, op.cit.

Nhưng dường như luật pháp coi việc kỹ thuật số hoá đơn giản tự nó là một hành động giả mạo. Lý lẽ đầu tiên có lợi cho quan niệm đó xuất phát từ các hiệp ước đã được hội nghị ngoại giao của Tổ chức quốc tế về quyền sở hữu trí tuệ thông qua ngày 20/12/1936.

Sự đổi mới lớn của văn bản này không phải chỉ là nhắc lại rằng luật quốc tế về quyền sở hữu văn học nghệ thuật áp dụng trong lĩnh vực thông tin đại chúng, nó còn xác định việc kỹ thuật số hóa đơn giản cũng như việc quét bằng quang học đều là sao chép các tác phẩm cả.

Chưa có một văn bản quốc tế hoặc quốc gia nào vượt quá tình trạng dự án có quan điểm như vậy.

Còn luật pháp của Pháp thì không rõ ràng về sự thẩm định pháp lý việc kỹ thuật số hoá.

Chẳng hạn như đã xảy ra như vậy đối với quyết định đầu tiên của Pháp về sự giả mạo quyền tác giả trên Internet nói ở trên. Đó là quyết định về việc xử cấp thẩm ngày 14/8/1996 của chủ tịch toà án phúc thẩm Paris[1], cấm việc giới thiệu các bài hát của Jacques Brel và Michel Sardon của Trường cao đẳng viễn thông quốc gia. Quyết định này trừng phạt việc kỹ thuật số hoá vì nó có quan hệ trực tiếp với việc phổ biến mà mọi người để ý quan sát đều nhận thấy là bất hợp pháp.

Thật sự đó không phải là trường hợp bản án mà Toà thượng thẩm Paris đã tuyên bố ngày 29/11/1999. Thực tế các quan Toà đã đánh giá rõ ràng là việc lưu trữ đơn giản dưới dạng kỹ thuật số một tác phẩm được bảo trợ là sự sao chép cần được những người có quyền cho phép.

Ý kiến này của các quan toà quen xử về quyền sở hữu văn học nghệ thuật, nếu được lặp lại, có thể có hại cho cách làm rất phổ biến của nhiều nghệ sĩ về việc giữ gìn di sản văn hoá.

Thanh nối và metatag

Trên Internet, những "thanh nối" để chuyển từ trang web này sang trang web khác là một công cụ tuyệt vời. Nhưng việc lắp đặt phải phục tùng chế độ pháp lý riêng biệt.

Có nhiều mánh khóe về công nghệ có thể ít nhất làm tăng giá trị của nó, nếu không phải là lợi ích của nội dung. Những người góp ý về trang web say mê, siêu văn bản, siêu thanh nối, *"framing"*, *"inling"*, *metatags* và các *metabalises* khác.

---

1 Shetland Times Ltd, x. Tiến sĩ Jonathan Wills Toà án tối cao: Outer House (1996) các vụ kiện Outer House, 24/10/1996, GRUR, Tut 1998, tr. 723-724, dẫn trong Alain Strowel và Nicolas Ide "Trách nhiệm của trung gian trên Internet: thời sự và vấn đề hyperliens", Tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 10/2000, số 186, tr.53.

Cũng như hiệu sách trong hệ thống xuất bản, việc xuất bản không thoát khỏi sự đua nhau hứa hẹn này. Nhưng tất cả những kỹ thuật này từ nay bị coi, về mặt luật pháp, là những hành động cần phải được sự cho phép.

Nhiều cơ sở pháp lý cho phép hành động chống lại việc tạo ra những mối liên hệ không được phép tồn tại.

Trước hết pháp chế phó thác cho các quy tắc cổ điển về sở hữu trí tuệ. Từ năm 1996, tờ Shetland Times đã giành được sự kết án sự giả mạo của tờ Shetland News, trang web này đề nghị, mà không được phép, nhiều thanh nối về các bài báo thường của đối thủ[1]. Chưa đến một năm sau báo Washington Post đăng tin về một vụ kiện vang dội khác[2]. Kết thúc là việc ký kết một nghị định thư thoả thuận rất hà khắc của Total News đã lập ra không phép.

Sự cạnh tranh bất chính cũng có thể là cớ để chấm dứt một quan hệ không hợp thời, vì nó tỏ ra là đã gây xáo trộn hoặc phát hiện ăn bám. Sẽ có nhận định đó, ví dụ như khi có trang web tạo được mối liên hệ với những trang của một tổ chức công hay một hội mà cần có sự đỡ đầu không ra mặt, khái niệm quảng cáo lừa gạt cũng có thể là chỗ dựa cho việc truy tố.

Còn về việc quảng cáo so sánh mà một số người muốn làm thử thì hãy nhớ đơn giản là chế độ pháp lý ngày nay kiểm soát rất chặt chẽ.

Các quan toà không phân biệt giữa mối quan hệ đơn giản dẫn đến trang đón tiếp của trang web nói đến và mối quan hệ về chiều sâu trực tiếp dẫn đến những trang web cần việc tạo ra những mối quan hệ chiều sâu làm nảy sinh những yêu sách còn hợp pháp hơn.

Người tạo ra trang web thực ra cần và có thể viện dẫn biểu hiện của quyền tinh thần, là quyền tác phẩm được tôn trọng. Và như vậy, không kể đến những băng quảng cáo mà phần lớn các trang web dùng nhiều, nói chung xuất hiện trên trang đón tiếp, và do đó được các mối quan hệ chiều sâu bao quanh.

Việc dùng giấy phép vẫn là cách xử sự chắc chắn nhất. Hơn nữa phép lịch sự trong sự vận động thường gây phản xạ tương hỗ về phía trang web, cần đề nghị mối liên hệ ngược lại để phòng ngừa một số trang web dùng những biểu tượng rõ ràng để chỉ rõ có cho phép tạo ra những mối quan hệ hay không.

Còn lại là hình thức của các đơn xin phép và những hồi âm về những lá đơn đó. Về lý thuyết, và trong khi chờ đợi sự công nhận tốt hơn về mặt pháp lý chữ ký điện tử, việc gửi thư trên giấy kèm theo chữ ký là cách làm ít bàn cãi nhất. Nhưng trên thực tế những mối quan hệ ít khả nghi nhất có thể dẫn đến những thay đổi đơn giản về thư từ điện tử.

---

1 Toà phúc thẩm Paris, 25/1/1988, Tập sách về "Quyền tác giả", 1988, số 9, trang 15.
2 Xem Alain Strowel và Nicolas Ide, *như trên 95*

Những ai bất bình về việc tư pháp hoá "Internet" và những khả năng của nó đều là những người đầu tiên muốn phản đối một cách quyết liệt việc tạo ra các mối quan hệ không được phép trên trang web của họ khi họ thấy mình là mục tiêu của các bè phái hay của những người quá khích.

"Framing" là gắn bộ khung mới vào trang web của người thứ ba, việc này đã bị coi là bất hợp pháp. Về *"inling"* cũng thế, bằng cách này nội dung bị lồng vào những trang của một trang web khác. Và ngôn từ của các quan toà tiếp tục phong phú thêm lên theo tưởng tượng của những người tạo ra các trang web.

Các chủ sở hữu các trang web Internet hầu như đã quen với những mối đe doạ về tư pháp liên quan đến việc dùng tên lĩnh vực có tranh chấp, nhất là nếu nó xâm lấn quá nhiều một nhãn hiệu được bảo trợ.

Ngược lại, họ chế nhạo hoặc không biết đến trường hợp mà các *"metatags"* hay các *"balises meta"* khác mà pháp luật của Pháp đã bắt đầu quan tâm đến từ năm 1997.

Nhịp điệu các vụ tranh chấp về *"balises meta"* còn hơn là khả nghi, có vẻ tăng nhanh. Trong quyết định ngày 9/1/2000, Hội đồng cạnh tranh đã định nghĩa *"metatags"* là các mã tin học nhằm trao cho một số thuật ngữ trong những trang web nhãn hiệu riêng để người sử dụng có thể tìm lại được những trang web đó bằng mật khẩu dùng để tìm. Việc chọn những *balises ẩn* trong các trang web thường do chủ nhân giao lại cho người phụ trách tin học, người tổ chức sản xuất và thương mại hoá phần mềm của mình v.v..., người không bỏ qua hoặc không quan tâm tham khảo những kỳ hạn đã được bảo trợ về sự cạnh tranh. Ngày 9-7-2002 Toà án phúc thẩm Paris cho rằng tổ chức AXA có lý khi kiện tổ chức Mesqualy Tequila vì đã làm giả nhãn AXA do *"balises meta"* dẫn dắt nhằm tạo ra thuận lợi cho các *intermantes croisieres - liberlines*. Theo những kẻ làm giả thì chữ AXA được giả định là chỉ "Những người ham mê phim X nghiệp dư" và không tìm cách khai thác tiếng tăm của nhãn nhằm cụ thể thu hút khách hàng mới, không am hiểu bằng những người đã quen.

Các mục nêu căn cứ về cách thử và đánh giá thiệt hại không thiếu những bài học "M.Odin xin bồi thường thiệt hại 16.000 euros. M.Odin khoe là việc gây tổn hại cho nhãn hiệu " Đàn ống Odin" đã kéo dài hơn 1 năm, rất nhiều người xem trang web của ông ta trên mạng Internet và các đàn ống nhãn hiệu này có giá trị cao hơn hẳn đàn ống của bị đơn. Cần nêu lên rằng hội Le Ludion không xoá hết những lời dẫn[1] về "Odin" trong động cơ nghiên cứu và trên trang web của mình ngay khi M.Odin gửi giấy thúc giục kết quả nghiên cứu. Thật ra [.....] nguyên đơn, đã đưa ra trong các cuộc tranh luận nhiều kết quả nghiên cứu về Alta Vista, về Francite

---

[1] Xem chương XIV " Luật quốc tế".

[.....], Google [.....] kết quả tranh luận là tên của Odin được ưu tiên chuyển vào trang web.(www.leludion .com) hoặc đăng trên báo le Canard de Barbarie do bị đơn xuất bản, tờ báo mà phần giới thiệu vắn tắt có nói đến ký hiệu Odin để chuyển vào vào trong trang web của hội Le Ludion.

Các yếu tố này được củng cố bằng biên bản ghi nhận do Háng bảo trợ các chương trình làm nổi bật việc đưa balises meta vào trang web của bị đơn. Tuy nhiên tầm quan trọng của thiệt hại ít nhất phải được tương đối hoá trước hết về việc M.Odin có trang web có nhiều người xem, như chính ông ta nhấn mạnh, hẳn là do tiếng tăm của ông ta trong lãnh vực chuyên môn, nhưng cũng vì M.Odin đã đặt cái tên chủng loại "Orgues de barbarie.com" tên này làm cho ông ta thu hút công chúng đông đảo hơn là trang web của đối phương, và thứ đến do việc thiếu một cách rất đều đặn các yếu tố chứng minh là việc tra cứu hoặc doanh số giảm sút trong thời kỳ xem xét. Kết quả là người có tên Odin được hưởng 8.000 euros và hai bản công bố của toà án.

Ngày 11/2/2003, trong một vụ việc khác, cũng toà án này đã coi balises (và vào việc mưu toan tương tự) biện bạch cho việc xử phạt 600.000 euros tiền bồi thường.

Những cuộc thao diễn kỹ thuật

Có những cuộc thao diễn kỹ thuật giả mạo tác phẩm khi được kỹ thuật số hoá: mã hoá, hình xăm và các cách nhận diện khác... Các nhà cầm quyền quốc tế rất có ý thức về sự cần thiết phải kết hợp những sự cấm đoán hoàn toàn lý thuyết với những thiết bị kỹ thuật. Vì vậy mà hiệp ước của OMPI ngày 20/12/1996 về quyền tác giả quy định trong điều 12 rằng các quốc gia phải trừng phạt những vi phạm đến " Những thông tin về chế độ quyền" là thông tin cho phép nhận dạng tác phẩm, tác giả của các tác phẩm, người được toàn quyền về tác phẩm, hay những thông tin về các điều kiện và thể thức sử dụng".

CISAC (Liên đoàn quốc thế các hội tác giả và các nhà soạn nhạc) gồm 161 thành viên của 87 nước, cũng đã đề ra một chương trình vào đầu năm 1995, mà mục đích là dùng kỹ thuật số cho các tác phẩm[1]. Những khả năng tạo ra chẳng hạn như các số đăng ký đã dùng IDON (Inter Deposit Digital Number), SPIDER hoặc DOI[2] là những hệ thống dựa vào bảng niêm phong dưới hình thức hộp phiếu có chìa khoá điện tử với con số nhận dạng, tên tác giả, tên người có quyền, điều kiện sử dụng....

---

[1] Louis Laborelli "Xem hình ảnh và âm thanh" Expertises, tháng 12-1995 trang 428

[2] Expertises đã kiểm tra thực sự "Expertises, tháng 10-1997 trang 288, Daniel Garcia "DOI:tiêu chuẩn điện tử về kinh doanh thương mại trong tương lai", Sách Hebdo, số 268, 7-11-1997

Chỉ cần ấn vào một điểm cụ thể để làm hiện lên những dữ liệu mà về lý thuyết không thể giả mạo được[1].

Cuối cùng, một số người ca tụng việc "giới thiệu những hình ảnh mờ, có nghĩa là chất lượng rất kém. Định kiến đó cho phép có một nhận xét hình ảnh và khiến những kẻ ăn cắp thấy nản vì những bản sao chụp tầm thường. Người xuất bản chịu trách nhiệm về việc biến dạng này quên đi rằng làm như vậy là xâm phạm quyền được tôn trọng[2] của tác phẩm.

Việc làm giả mạo

Việc làm giả mạo có thể do những người có quyền về tác phẩm làm giả mạo. Nói chung đó là người xuất bản[3], người mà tác giả có thể cộng tác nếu hợp đồng mang lại nhuận bút theo tỷ lệ thu nhập. Một mình tác giả có thể đưa ra toà, nếu quyền tinh thần bị việc làm giả mạo xâm phạm[4]. Nhưng tác giả phải đồng ý để một mình người xuất bản ra toà, nếu đã chọn việc xuất bản lấy bút danh hoặc giấu tên. Còn về tác phẩm cộng tác[5], các đồng tác giả nhất thiết phải phối hợp hành động để bảo vệ quyền di sản của mình, trừ phi những đóng góp của họ có thể được khai thác riêng rẽ, ngược lại, họ có thể hành động riêng để bảo vệ quyền tinh thần[6].

Người nhập khẩu không thể tự làm đồ giả một mình[7], nhưng cử nhân chuyên về luật phát sinh hẳn là có thể phân định mà không cần đến người xuất bản lúc đầu[8].

Các thế lực công như công đoàn có phép hoặc các hội quản lý tập thể cũng có thể can thiệp trên cơ sở điều L.331-1, đoạn 2 của CPI, quyết định "các tổ chức bảo vệ nghề nghiệp được thành lập hợp thức có tư cách kiện ra toà để bảo vệ những

---

[1] Caroline Collard "Dấu vân tay", Màn hình trọn vẹn, số 175, trang 20 ngày 30-4-1997

[2] Xem "Quyền tinh thần"

[3] Phòng dân sự số 1 của Toà phá án, 17-3-1982. Tạp chí hàng quý về thương mại, 1982, 428, André Françon nhận xét

[4] Toà án phúc thẩm Paris ngày 19-2-1964, tạp chí quốc tế về quyền tác giả, tháng 10-1964, số XXXXIII,trang 161. Toà phúc thẩm Paris ngày 23-11-1982, Dalloz 1983, thông tin nhanh, 512, Claude Colombert nhận xét

[5] Xem "những tác phẩm cộng tác"

[6] Phòng dân sự số 1 của Toà phá án, 4-10-1988, Dalloz 1989, bản tóm tắt có bình luận, 50, Claude Colombert nhận xét

[7] Toà phúc thẩm Paris ngày 13-7-1982, Dalloz, 1985, bản tóm tắt có bình luận, 11, nhận xét của Jean Jacques Burst.

[8] Toà án phúc thẩm Paris ngày 14-5-1984, quyền sở hữu công nghiệp, bản tin tham khảo, 1984, III, 266. Toà phúc thẩm Paris, ngày 23-5-1995, báo của toà án, 15, 16-3-1996, trang 16. Toà dân sự số 1 của Toà án, ngày 9-1-1996, Tập san về quyền sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, số 2, 1996, trang 108.

quyền lợi mà họ phải chịu trách nhiệm (theo điều lệ SGDL) can thiệp như vậy một cách lẻ tẻ.

Việc làm giả, theo cách vi phạm của báo chí có thể bị truy tố trước toà án dân sự cũng như toà án hình sự, các toà án này có thể tuyên án tù giam. Điều L.335-2, đoạn 2 của CPI quy định "Việc giả mạo các tác phẩm đã in ở Pháp hay ở nước ngoài đều bị phạt 3 năm tù giam và 300.000 euros". Những hình phạt đó trong trường hợp tái phạm và nặng hơn nếu sự vi phạm là do băng nhóm.

Hình phạt

Các điều từ L.335-5 đến L.335-7 của CPI nêu lên những hình phạt riêng từ "đóng cửa chắn hoặc từng phần, vĩnh viễn hay tạm thời, trong thời gian nhiều nhất là 5 năm, cơ sở đã làm việc vi phạm" đến tịch thu toàn bộ hay từng phần thu nhập do vi phạm mà có cũng như tất cả các băng ghi âm, video, đồ dùng, và bản sao làm giả hay sao lậu và vật liệu chuyên dùng để phạm tội". Toà án "cũng có thể ra lệnh niêm yết bản phán quyết kết tội trong những điều kiện và theo hình phạt ghi trong điều 131-35 của Bộ Luật hình sự mới, cũng như cho đăng toàn bộ hoặc trích đoạn trên báo chí hoặc cơ quan truyền thông cho công chúng do toà chỉ định. Chi phí về việc này do người bị kết án chịu và không vượt quá số tiền phạt tối đa.

Cuối cùng điều L.335-7 quy định, "trong những trường hợp nêu trong 5 điều nói trên, vật liệu đồ dùng để làm giả và thu nhập bị tịch thu sẽ được trả lại người bị hại hoặc những người có quyền để bồi thường thiệt hại cho họ, tiền bồi thường dư ra hoặc toàn bộ tiền bồi thường sẽ được giải quyết theo cách thông thường[1] nếu không có vật liệu, đồ dùng để làm giả, hoặc thu nhập".

Từ đó công nghiệp văn hoá bị ảnh hưởng nặng vì việc làm giả, dù đó là việc ăn cắp công nghiệp hay sự trao đổi "hữu nghị" các hộp phiếu kỹ thuật số. Nhiều biện pháp đã được thông qua năm 2004 đặc biệt là để củng cố chế độ chống sự giả mạo và nhất là để làm cho các hình phạt nặng lên. Những quy định mới này là kết quả của một loạt các cuộc gặp gỡ.

Ngày 27-5-2004, Uỷ ban quốc gia chống sự giả mạo do bà bộ trưởng đặc trách về công nghiệp, thời kì đó, Nicole Fontaine, thúc đẩy đã công bố những lời căn dặn về pháp luật của bà. Ngày 6-6, Bộ Văn hoá đã nhấn mạnh những lời căn dặn đó, Bộ đã tổ chức hội nghị bàn tròn về sự giả mạo trong văn học và nghệ thuật với sự tham gia của Nicole Fontaine. Cuộc họp liên tịch chuyên nghiệp này được ghi vào những điều cam kết của Bộ trưởng Bộ Văn hoá Jean Jacques Aillagon trong Hội đồng tối

---

[1] Phòng hình sự của toà án, ngày 19-4-2005, Dalloz, 2005, trang 146, nhận xét của Jeanne – Daleau.

cao về quyền sở hữu văn học và nghệ thuật. Việc làm giả mạo đủ các loại, hàng năm tại Pháp dùng đến 30.000 người. Trị giá trên toàn cầu là 450 tỷ euro. Mặt khác, các bộ trưởng tuyên bố họ muốn phát động "những chiến dịch thông tin và làm cho quần chúng nhạy cảm, nhất là giới trẻ".

Sự vi phạm về bán lẻ

Về sự giả mạo có sự vi phạm về bán lẻ (nói một cách khác là về bán hoặc phân phối), nhập khẩu và xuất khẩu tác phẩm giả mạo, người nào đó dính vào dây chuyền khai thác tác phẩm giả mạo có thể bị truy tố. Từ thợ in đến người bán sách, đều có trách nhiệm chống lại những kẻ tội phạm chính[1]. Khi đó "thiện ý" của những người làm giả này có thể dễ chứng minh hơn[2]. Còn về vụ kiện dân sự, có thể giành được sự bồi thường thiệt hại để bù cho sự rối loạn cho chất lượng tồi của đồ giả và việc bán không thành. Khi không biết chính xác hoặc khó xác định số lượng hàng giả mạo (ví dụ trong trường hợp ăn cắp văn hay vi phạm quyền tinh thần) sự ước lượng thiệt hại cũng làm theo kiểu khoán.

Việc xét cấp thẩm, nghĩa là trình tự tố tụng rất nhanh, dĩ nhiên là có thể đưa đơn ra toà kiện mọi vụ giả mạo, rồi sau đó việc này sẽ phải kéo dài bằng vụ kiện chính. Thực tế các quan toà chỉ thừa nhận sự giả mạo ở giai đoạn xét cấp thẩm trong trường hợp sao lại đơn thuần[3].

Xét kiện trong hoàn cảnh khẩn cấp, quan toà xét cấp thẩm có quyền lực cực kỳ lớn, về lý thuyết là quan toà "De l'évidence". Thực ra, vị này có thể ra lệnh "dùng mọi biện pháp không gặp sự tranh cãi nghiêm trọng nào hoặc có một vụ tranh chấp chứng thực". Hơn nữa, vị này có quyền "ngay cả khi có tranh chấp nghiêm trọng" đề ra những "biện pháp bảo toàn hoặc sửa chữa cần thiết, hoặc ngăn chặn những thiệt hại sắp xảy ra, hoặc chấm dứt sự rắc rối rõ ràng là trái phép".

Những hình phạt có thể sẽ đi từ việc đưa ra những bản cải chính[4] đến việc cấm tác phẩm một cách đơn thuần bằng cách xé bỏ một số trang. Hình phạt bắt treo biển hiệu tại khắp nơi bán hàng cũng đã được công bố khi xét cấp thẩm[5]

Thực tế, người xuất bản cũng lo trả lời nhanh chóng và từng điểm một lệnh có đủ lý lẽ, đôi khi đến trước khi xét xử cấp thẩm, việc người xuất bản gửi cho nguyên

---

[1] Toà án phúc thẩm Paris, ngày 21-2-1975, tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 7-1976, số LXXXIX, trang 144.
[2] Phòng thương mại, toà án, 13-5-1969. Bản tin số 4, 1969, 165.
[3] Emmanuel Pierrat "Vụ tạm xét xử về cấm đoán, ngăn ngừa và đình chỉ thi hành án", Sách Hebdo, số 293, ngày 15-5-1998, trang 48
[4] Toà án phúc thẩm Paris, ngày 14-6-1993, chưa xuất bản, trang 15.
[5] Toà án phúc thẩm Paris ngày 9-9-1996, Légipresse, số 137, 1-12-1969. Trang 152.

đơn một bức thư bảo đảm, để phòng ngừa giúp cho quan toà xét cấp thẩm nhận thấy vụ tranh chấp nghiêm trọng hơn có thể xem xét một cách thấu đáo được. Tư cách của tác giả thuộc thẩm quyền, chẳng hạn như của quan toà xét bản chất[1]. Quan toà xét cấp thẩm sẽ tuyên bố không đủ thẩm quyền và chuyển các bên kiện cáo sang tố tụng lâu hơn nhiều. Việc này làm cho người xuất bản có thời gian khai thác trọn vẹn hàng mới.

Cuối cùng đừng quên rằng về hình sự việc làm giả mạo được đo đủ thời hiệu trong ba năm và mười năm về dân sự, việc hoãn thời hiệu bắt đầu từ cuối việc thương mại hoá bản làm giả cuối cùng[2]. Chúng ta hãy nhớ là quyền tinh thần không thể mất được[3].

Sự tịch biên về đồ giả mạo

Có nhiều cách khác nhau chứng minh việc làm giả mạo. Đơn giản có thể chỉ làm cho việc làm giả mạo được ghi nhận. Trong những cách khác, điều L.331-2 của CPI ghi: ngoài biên bản của các bộ hoặc nhân viên toà án tư pháp, bằng chứng về tính vật chất của mọi việc làm giả mạo như quy định trong các quyển I, II, III [.....] có thể rút ra từ điều ghi nhận của các viên chức tuyên thệ do Trung tâm điện ảnh quốc gia, các tổ chức chuyên nghiệp, các tác giả và các hội nói ở tít II của sách này, chỉ định tuỳ theo các trường hợp.

Những nhân viên này do bộ trưởng Bộ Văn hoá chấp nhận qua danh sách dự kiến.

Sắc lệnh này là Sắc lệnh ngày 22-3-1958 đặc biệt coi SGDL can thiệp là thích hợp.

Những bằng chứng tốt nhất là bản làm giả, để làm thế, một trình tự tố tụng riêng gọi là tịch biên đồ giả phải được luật pháp chuẩn bị[4]. Kỹ thuật này cũng chấm dứt nhanh chóng các hoạt động làm đồ giả. Tuy nhiên việc sử dụng cách này trong một số trường hợp đang gây tranh luận như trường hợp chỉ riêng quyền tinh thần của tác giả[5] bị xâm phạm. Dường như án lệ ngày càng chấp nhận khái niệm giả mạo về những việc xâm phạm đến sự tôn trọng tên và tác phẩm[6].

---

[1] Toà phúc thẩm Paris ngày 19-10-1987. Sách về quyền tác giả, số 4, 198, trang 19.

[2] Phòng hình sự của toà phá án, ngày 5-12-1985, tập san về quyền sở hữu công nghiệp, nghệ thuật và văn học, 1896.

[3] Xem " Tính chất các quyền tinh thần".

[4] Xem chú thích (3) ở trang 256.

[5] Toà phúc thẩm Paris, ngày 19-2-1964, tạp chí quốc tế về quyền tác giả, 10-1964, XXXXIII, trang 161. Toà phúc thẩm Paris, ngày 23-11-1982, Dalloz, 1983, thông tin nhanh, 512, Claude Colombet *nhận xét.*

[6] Phòng hình sự Toà phá án, ngày 6-6-1991, bản tin hình sự số 240, Toà phúc thẩm Paris ngày 19-2-1964, tạp chí quốc tế về quyền tác *giả, 10-1964, số XXXXIII, trang 61. Toà phúc thẩm Paris, 23-11-1982, Dalloz, 1938, bản tin nhanh, 512, Claude Colombet nhận xét.*

Điều L.332-1 của CPI quy định "các nhân viên cảnh sát ở những nơi không có cảnh sát, thẩm phán xét xử sơ thẩm có trách nhiệm tịch thu các bản sao trái phép về tác phẩm đó, theo yêu cầu của bất kỳ tác giả nào của một tác phẩm được bảo trợ theo quyền I, của những người có quyền hoặc thừa kế quyền tác giả của một tác phẩm được bảo trợ theo quyền I, của những người có quyền hoặc kế vị tác giả nào.

"Nếu việc tịch biên có tác dụng hoãn hoặc đình chỉ các buổi biểu diễn trước công chúng đang diễn ra hoặc đã thông báo, phải có giấy phép đặc biệt của chủ tịch toà án cấp hai, theo lệnh ra khi thỉnh cầu. Chủ tịch toà án cấp hai cũng có thể, dưới hình thức đó ra lệnh.

1. Hoãn mọi việc sản xuất đang làm nhằm in sao bất hợp pháp một tác phẩm.

2. Tịch biên, không kể ngày giờ, những bản in sao lậu tác phẩm đã đang làm, các khoản thu nhập đã nhận và những bản in dùng trái phép.

3. Tịch biên các khoản tiền đã thu về in sao, biểu diễn hay phổ biến bằng mọi phương tiện, một tác phẩm trí tuệ mà quyền tác giả bị xâm phạm.

4. Bằng mọi cách hoãn nội dung của dịch vụ thông tin cho quần chúng vì phạm một trong những quyền của tác giả, kể cả việc ra lệnh ngừng dự trữ nội dung, hoặc nếu không thì ra lệnh cấm xem.

Trong trường hợp này, thời hạn nêu ở mụ L.332-2 giảm xuống 15 ngày [....]

Trong những lệnh nêu ở trên, chủ tịch toà án phúc thẩm có thể ra lệnh cho người bị tịch biên nộp một số tiền ký quỹ thích hợp. Sau đó, nguyên đơn có nghĩa vụ, theo luật định, theo đuổi vụ kiện đến cùng, nếu không, có thể huỷ bỏ việc tịch thu.

Điều L.332-2 lại dự kiến trong vòng ba mươi ngày sau khi đồ giả bị tịch biên, người bị tịch biên có thể đề nghị tiếp tục sản xuất và bỏ lệnh tịch biên. Lúc đó, chủ tịch có thể yêu cầu ký gửi một số tiền và thậm chí nộp tiền bảo lãnh vào ngân hàng[1].

Đạo luật ngày 5/2/1994 đã bổ sung ba điều khoản mới[2] vào CPI.

Le MOCI, số 1273, 20/2/1994, ba điều khoản mới vào CPI mang số L.335-10 (quyền tác giả), L521-7 (bản vẽ và mẫu mã) và L.716-8 (nhãn hiệu). Những điều khoản này mở rộng các phương tiện hành động của hải quan chống việc làm giả mạo, cho phép họ có quyền giữ hàng giả khi có một hoá đơn viết tay đơn giản của người có quyền hạn ở Pháp.

---

[1] Toà án phúc thẩm Paris 23/3/1978, Tạp chí Quốc tế về quyền tác giả 7/1979 số LXXXXVII-trang 127.

[2] Luật này kèm theo Sắc lệnh số 94-836 ngày 27/9/1994, Dalloz, 1994 trang 516. Emmanuel Arnaud "Về việc áp dụng luật lệ CEE ở Pháp nhằm giữ hàng giả ở các biên giới lãnh thổ Châu Âu. Báo của toà án 13-14/7/1994 trang 5. Christine Vilmart, " Dẹp việc làm giả mạo, những phương thức pháp lý mới về sự bảo trợ quyền sở hữu trí tuệ ở Pháp và trong Cộng đồng Châu Âu", Báo của toà án 16-17/9/1994 trang 2 Maurice Jonbert. "Việc làm giả mạo: quyền của hải quan".

Việc kiện về cạnh tranh bất chính

Trong một số trường hợp và ngày càng thường xuyên hơn, việc kiện về sự cạnh tranh bất chính cho phép giấu việc không có sự bảo trợ của quyền sở hữu văn học và nghệ thuật.[1]

Người ta thường hay đệ đơn kiện như vậy khi sự việc thiếu tính độc đáo và do đó thiếu sự bảo trợ của quyền tác giả cản trở việc kiện việc làm giả. Vụ kiện như vậy có thể, chẳng hạn như nhằm để bảo vệ phần đóng góp trí tuệ thường là gần gũi với một ý tưởng đơn giản hay một công việc nghiên cứu và sưu tầm hơn là vì một tác phẩm văn học và nghệ thuật đúng thể thức.[2]

Việc cạnh tranh bất chính là khái niệm của các cấp toà án dựa trên các điều 1382 và 1383 của bộ Luật dân sự. Ba yếu tố cần thiết để toà án một cấp giữ lại cách gọi tranh chấp bất chính: một lỗi, một sự thiệt hại và một mối quan hệ giữa lỗi và sự thiệt hại đó.

Về việc xuất bản, có thể có hai loại lỗi riêng biệt : rủi ro về sự lẫn lộn và sự ăn bám.

Có nguy cơ về sự lẫn lộn khi người ta cố bắt chước một đối thủ để đánh lừa quần chúng không am hiểu. Do đó người làm nhái tờ bìa cả một bộ sách sưu tập có thể bị truy tố vì đã làm rối trí khách hàng. Và nguy cơ này bao giờ cũng được người tiêu dùng trung bình nhận ra. Vì vậy, không thể cho rằng những khác biệt thô thiển mà các chuyên gia nhận thấy có thể loại trừ được hình phạt.

Nhưng có những sự giống nhau được áp đặt bởi loại sản phẩm và kỹ thuật sử dụng. Những sự giống nhau này đôi khi còn tuỳ thược vào mốt. Ví dụ sự thịnh hành của các hướng dẫn viên du lịch về một kiểu mới không thể cho phép người xuất bản giành thị trường cho riêng mình một cách gián tiếp nhờ vào quyền hạn. Về việc giới thiệu các chương trình học áp đặt, đặc biệt là khi người xuất bản chú ý không để có sự lẫn lộn với các đối thủ khác của mình bằng cách đưa tên của mình rõ ràng.

Những hành động ăn bám là những trường hợp ăn cắp văn mà kẻ xúi giục không vì thế mà có thẻ làm công chúng bị lẫn lộn. Việc ăn cắp này đối với kẻ ăn cắp thực tế, là để tiết kiệm thời gian hoặc tiền bạc. Trò ăn cắp này có thể áp dụng cho các tranh minh hoạ cũng như cho một ban sắp chữ in (nhờ việc in lại) hay còn về một loạt những thí dụ dùng để bảo vệ lý lẽ... Kẻ "ăn bám" tìm cách để khỏi phải

---

[1] Xem " *Các sáng tạo của những người làm xuất bản*".

[2] *Phòng dân sự thứ* nhất của Toà phá án 13/4/1988 " Bản tin dân sự", I, số 96, Sandrine Roubin Đevziendt, " Những tác động qua lại giữa cạnh tranh bất chính và sự làm giả mạo: sự kiêm nhiệm và điểm kết nối".

cố gắng và để noi theo đối thủ. Người ta có thành ngữ là "gặt được ở những nơi mà mình không gieo hạt".

Trong vụ "Maxidico", các thẩm phán Toà án thương mại Paris cho là bằng cách bán sách xuất bản năm 1997 của Maxidico với giá 99 quan ghi trên trang bìa đầu tiên, sau khi cân nhắc, các bị đơn muốn thu lợi nhuận trong việc làm giả cuốn "Petit Larousse" có tranh minh hoạ mà họ đã chuyển hướng thị phần một cách gian lận vì lợi ích của họ, và như vậy đã trở thành kẻ phạm tội ăn bám.

Hai bản danh mục bưu ảnh đã được phân xử là các thông tin ở trong đó thuộc lãnh vực công cộng, và cách phân loại dựa vào những ý kiến (không bao giờ được quyền tác giả bảo vệ với ý đó). Ngược lại, việc in sao tập bưu ảnh chọn lọc với những sai sót như cũ, xuất phát từ sự cạnh tranh bất chính. Bản thân tập bưu ảnh chọn lọc không bị nhầm vào nhưng những sai sót chung chứng tỏ tác giả thứ hai ít cố gắng và bằng lòng với việc ăn bám nhờ vào việc làm của người trước.

Các thẩm phán càng ngày càng tỏ ra nghiêm khắc hơn với các tập tin tức vì họ có ý thức về những việc đầu tư kinh tế đã thực hiện. Việc chuyển chỉ thị về các cơ sở dữ liệu thành luật của Pháp chỉ làm cho họ có lý mà thôi.

Thường là khó phân định ranh giới giữa việc sử dụng một tác phẩm thuộc lãnh vực công cộng và sự cạnh tranh bất chính. Đã từ lâu vụ "Didot Botton" cho phép nhận định rằng "tên, địa chỉ và các điều chỉ dẫn khác nhau làm thành niên bạ như niên bạ của Hiệp hội Didot Botton đều được nhiều người biết đến thuộc lĩnh vực công cộng.

Nathalie Mallet-Poujol nêu ra trong các lĩnh vực được coi là thuộc lĩnh vực công cộng những địa chỉ phòng thí nghiệm, dân số đầu thế kỷ, thành phần các đội bóng đá, thông tin những điều chỉ dẫn hành chính (danh sách các công sở hay những thủ tục).

Chỉ có thể viện dẫn sự cạnh tranh bất chính ngoài việc giả mạo, nếu có những hành động đặc thù khác nhau của việc làm giả. Do đó, có thể kiện việc làm giả tít và đồng thời thói ăn bám nhờ thông tin có trong đó. Ngược lại, việc thiếu tham khảo tác phẩm giả trong thư mục là việc làm cạnh tranh bất chính[1].

---

[1] Toà án cấp hai Paris, 25/1/1988, Tập san về " Quyền tác giả", 1988, số 9, trang 15.

Những địa chỉ hữu ích

ADAGP (Hội các tác giả nghệ thuật đồ thị và tạo hình) 11, phố Beryer, 75008 Paris
Điện thoại: 0143590979; Fax: 0145634489; www.adagp.fr

AGESSA (Hội quản lý sự an ninh xã hội cho các tác giả) 21 bis, phố Bruxelles, 75009 Paris
Điện thoại: 0148782500; Fax: 0148786000; www.agessa.org

BnF (Thư viện quốc gia Pháp), Thư mục quốc gia Pháp, Vụ lưu chiểu
Quai François – Mauriac, 75706, Paris Cedex 13
Điện thoại: 0153795928; Fax: 0153794560; www.bnf.fr

CADA (Tiểu ban tiếp cận tài liệu hành chính)
35, phố Saint – Dominique, 75700 Paris 07 SP
Điện thoại: 01 42757999; Fax: 0142758070; www.cada.fr

CFC (Trung tâm khai thác quyền sao chép của Pháp)
20, phố Grands – Augustins, 75006 Paris
Điện thoại: 0144074770; Fax: 0146346719; www.cfcopies.com

CISAC (Liên đoàn thế giới các hội tác giả và nhà soạn nhạc)
20-26, đại lộ Parc, 92200 Neuilly-sur-Seine
Điện thoại: 0155620850; Fax: 0155620860; www.cisac.org

CNC (Trung tâm điện ảnh quốc gia)
12 phố Lübeck, 75784 Paris Cedex 16
Điện thoại: 0144343440; Fax: 0144343455; www.cnc.fr
www.cnc.fr/RPCA internet (Sở đăng ký công cộng về điện ảnh và nghe - nhìn)

CNL (Trung tâm sách quốc gia)
53, phố Verneüil, 75343 Paris Cedex 07
Điện thoại: 0149546868; Fax: 0145491021; www.centrenationaldulivre.fr

COSE – CALCRE
BP 10016
94404 Vitry Cedex
www.cosecalcre.com; www.calcre.com

DAF (Ban lãnh đạo các sở lưu trữ Pháp)
56 phố Francs – Bourgeois, 75141 Paris Cedex 03
Điện thoại: 0140276000; Fax: 0140276606;
www.archivesdefrance.culture.gouw.fr

INPI (Viện sở hữu công nghiệp)
26 bis, phố Saint Pesteersbourg, 75800 Paris Cedex 08
Điện thoại: 0153045304; Fax: 0142935930

Maison d'artistes - Nhà nghệ sĩ
11, phố Berryer, 75008 Paris
Điện thoại: 0145632899; Fax: 0142251093;
www.maisondesastistes.fr

Sách hàng tuần
Livre Hebdo
35, phố Grégoire-de-Tours, 75006 Paris
Điện thoại: 0144412800; Fax: 0143297785; 3615 ELECTRE; www.electre.com

OMC (Tổ chức thương mại Thế giới)
Trung tâm William – Rappard, phố Lausame
CH-1211, Genève 21, Thuỵ Sĩ
Điện thoại: +41227395111; Fax: +41227314206;
www: wto.int

OMPI (Tổ chức về quyền sở hữu trí tuệ thế giới)
34, đường Colombettes
P.O.bos 18, CH-1211, Genève, Thụy Sĩ
Điện thoại: +412233891; Fax: +41227335428;
www.ompi.int

SACD (Hội tác giả và nhà soạn nhạc kịch)
11 bis, phố Ballu, 75442 Paris Cedex 09
Điện thoại: 0140234444; Fax: 0145267428;
www.sacd.fr

SACEM (Hội tác giả, nhà soạn nhạc và nhà xuất bản âm nhạc)
225 đại lộ Charles-de-Gaulle
92528 Neüilly-sar-Seine Cedex
Điện thoại: 0147154715; Fax: 0147154716; www.sacem.fr

SCAM (Hội dân sự các tác giả thông tin đại chúng)
5 Đại lộ Vélasquez, 75008 Paris
Điện thoại: 0156695858; Fax: 0156695859; www.scam.fr

SCELF (Hội dân sự về xuất bản văn học Pháp)
9, phố Bleue, 75009 Paris
Điện thoại: 0153349710; Fax: 0153349012;
Email: scelf@wanadoo.fr

SGDL (Hội Nhà văn)
Khách sạn Massa, 38, phố Faubourg-Saint-Jacques, 75014 Paris
Điện thoại: 0153101200; Fax: 0153101212; www.sgdl.org

SNADI (Nghiệp đoàn quốc gia các tác giả và người phát hành ảnh)
55 phố Vaugirard, 75006 Paris
Email: snadi@wanadoo.fr
www.prefigurations.com/snadi.htm

SNE (Công đoàn xuất bản quốc gia)
115, đại lộ Saint-Germain, 75006 Paris
Điện thoại: 0144414050; Fax: 0144414077; www.sne.fr

SOFIA (Hội quyền lợi tác giả viết văn)
Khách sạn Massa, 38, phố Faubourg-Saint-Jacques, 75014 Paris
Điện thoại: 0144071565; Fax: 0144071788;
www.la-sofia.org

Thư mục chung

Một số tác phẩm chuyên về một lĩnh vực nhất định được ghi trong những lời chú thích ở cuối trang theo dòng tác phẩm.

ABC về quyền tác giả, Unesco 1985

Jean-Marie Auby, Robert Ducos-Ader, Quyền thông tin, Dalloz, 1982.

Hervé Bastien, Quyền lưu trữ, Tư liệu Pháp, 1996.

Gilles Bauche, Biết mọi việc trên internet, Arléa, 1996.

Alain Berenboom, Quyền tác giả và các quyền tương tự, Larcier, xuất bản lần thứ ba, 2005.

Jean Louis Bernelas, Sylvie Buchalet, Quyền tác giả - Phương pháp giải quyết về mặt pháp lý và nghiên cứu thuế khóa, Economica, 1986

André Bertrand, Quyền tác giả và các quyền tương tự, Dalloz, 1999, xuất bản lần thứ hai.

André Bertrand, Quyền về nhãn hiệu 2005-2006, Dalloz, coll. Dalloz Action, 2005.

Henri Blin, Jean Boinet, Albert Chavanne và Roland Drago, Quyền báo chí, Litec, 1997

Lionel Bochurberg, Quyền trích dẫn, Masson, 1994

Georges Bonet (dưới sự chỉ đạo của), lời ghi chú về luật pháp và thư mục của Pierre Sirinelli, Frederic Polland-Dulian và Sylviane Durrande, và với sự hợp tác của Jeanne Daleau, Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ, Dalloz, 2005, xuất bản lần thứ 5.

Jacques Bourdon, Jean-Marie Pontier và Jean-Claude Ricci, Quyền văn hoá, Dalloz, xuất bản lần thứ 2, 1996.

Christophe Caron, Sự lạm dụng quyền và quyền tác giả, IRPI – Litec, 1998.

Jean Chatelain, Françoise, Chatelain, Tác phẩm nghệ thuật và đồ vật sưu tập theo luật của Pháp, Berger- levrault, 1990.

Jean Chatelain, Quyền và sự quản lý các viện bảo tàng, tư liệu của Pháp, 1993.

Roland de Chaudenay, Những kẻ ăn cắp văn, từ điển mới, Perrin, 2001.

Albert Chavanne, Jean–Jacques Burst, Quyền sở hữu công nghiệp, Dalloz, coll- Précis, 1998, xuất bản lần thứ 5.

Stéphanie Choisy, Lĩnh vực công cộng về quyền tác giả, IRPI, Litec, 2002.

Pierre Citron, Giono 1895-1970, Le Seuil, 1990.

Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ, Phần lập pháp, Công báo 1992 Denis Cohen, Quyền về bản vẽ và mẫu, Economica, 2004, xuất bản lần thứ 2.

Claude Colombet, Quyền văn học nghệ thuật và các quyền tương tự, Dalloz, coll. Précis, 1999, xuất bản lần thứ 9.

Tiểu ban phối hợp tư liệu hành chính, Xuất bản một tài liệu, Tư liệu pháp, 1994.

Emmanuel Derieux, Quyền truyền đạt, LGDJ, 1999, xuất bản lần thứ 3.

Emmanuel Derieux, Quyền về các phương tiện thông tin đại chúng Dalloz, Coll. Hiểu biết về luật, 2005, xuất bản lần thứ 3.

Henri Desbois, Quyền tác giả ở Pháp, Dalloz, 1978, xuất bản lần thứ 3.

Hewri Desbois André Françon và André Kerever, Các hiệp ước quốc tế về quyền tác giả và các quyền tương tự, Dalloz, 1976.

Quyền tác giả và truyện tranh, hội thảo do Trung tâm Truyện tranh của Bỉ tổ chức với sự hợp tác của luật sư Benoît Van Asbrock, Bruylant/LGDJ, 1997.

Roland Dumas, Quyền sở hữu văn học nghệ thuật, PUF, 1987. Pierre–Yves Gautier, Quyền sở hữu văn học nghệ thuật, PUF, coll. Quyền cơ bản, 2004, xuất bản lần thứ năm

Christian Gavalda, Nathalie Piashowski và Gaelle Simon, quyền về nghe-nhìn (chiếu phim, truyền hình, video, truyền thông đại chúng), Lamy, 1995.

Ysolde Gendreau, Sự bảo trợ ảnh về quyền tác giả Pháp, Mỹ, Anh và Canada, LGDJ, 1994.

Pierve Greffe, François Dionne Balz, Quảng cáo và luật, Litec, 2004, xuất bản lần thứ 10.

Olivier Hance, Suzan Dionne-Balz, Kinh doanh và luật, lần xuất bản tốt nhất, 1996.

Pierre Huet (dưới sự chỉ đạo của) H, Maisl, J.Huet, A.Lucas, Quyền truyền thông đại chúng (Từ mạng viễn thông đến Internet), xuất bản phẩm về Điện thoại, 1996.

Christine Hugon, Chế độ pháp lý về tác phẩm nghe-nhìn, Litec, 1993.

IRPI, Chế độ thuế khóa về quyền sở hữu công nghiệp, Hiệu sách kỹ thuật, 1989.

IRPI, Tương lai của quyền sở hữu trí tuệ, Hiệu sách kỹ thuật, 1993.

Xavier Linant de Bellefonds, Quyền tác giả và các quyền tương tự, Dalloz, coll. Cours, 2004, xuất bản lần thứ 2.

Monique Linglet (dưới sự chỉ đạo của), Biên bản giám định năm 2000, Nhà xuất bản Parques, 1996.

André và Henri Jacques Lucas, Chuyên luận về quyền sở hữu văn học nghệ thuật, Litec, xuất bản lần thứ 2, 2001.

Jean Philippe Mikus, Quyền xuất bản và kinh doanh sách, Nhà xuất bản Thénis/ Trường đại học Montréal, Khoa Luật, Trung tâm nghiên cứu quyền công chúng, 1996.

Phái đoàn liên bộ trên Internet do Isabelle Falque – Pierrotni dẫn đầu, Internet cái được thua về pháp lý, Tư liệu Pháp, 1996.

Henry Muller, Lùi ba bước, Bàn tròn, coll. Petite Vermillon, 2002.

Laurier Yvon Ngombe, Quyền tác giả ở Châu Phi, Harmattan, 2004.

Emmanuel Pierrat, Quyền về sách, Nhà xuất bản Trung tâm thư quán, 2001 và 2005.

Emmanuel Pierrat, Quyền xuất bản ứng dụng I, Nhà xuất bản Trung tâm thư quán - Cecofop, 2000.

Emmanuel Pierrat, Quyền xuất bản ứng dụng II, Nhà xuất bản Trung tâm thư quán Cecofop, 2003.

Florence-Marie Piriou, Bạn viết à? Quyền của bạn là gì? Dixit, 2003.

Frédéric Polloud-Durian, Quyền tác giả, Economica, 2004.

Frédéric Proal, Trách nhiệm của người cung cấp thông tin mạng, Báo chí Trường đại học Aix-Marseille, 1998.

Pierre Reboul, Dominique Xardel, Kinh doanh điện tử, Eyrolles, 1997.

Frédérique de Ridder, Quyền tác giả, quyền tương tự về nghe-nhìn (các hội thu nhận và phân phối), Dixit, 1994.

Philippe Schuwer, Xuất bản quốc tế, đồng xuất bản và đồng sản xuất, Cách làm và chiến lược mới, Nhà xuất bản Trung tâm thư quán, 1991.

Philippe Schuwer, Chuyên luận về kinh nghiệm xuất bản, Nhà xuất bản Trung tâm thư quán, xuất bản lần thứ 3, 2002

Marie Serna, Hình ảnh người thực và tài sản, Economia, 1997.

Pierre Sirinnelli, Quyền sở hữu văn học nghệ thuật và các quyền tương tự, Dalloz, Coll. Sách tóm tắt, 2000, xuất bản lần thứ 2.

Pierre Sirinelli (Báo cáo của tiểu ban do P.S đứng đầu), Công nghiệp văn hóa và kỹ thuật mới, Bộ Văn hoá và Cộng đồng nói tiếng Pháp, 1994.

Xavier Strubel, Sự bảo trợ các tác phẩm khoa học về quyền tác giả của Pháp, Quyền CNRS, 1997.

Dorothy Viljoen, Chìa khóa để thương lượng hợp đồng xuất bản nghe-nhìn, Nhà xuất bản của Hội đồng Châu Âu, 1994.

Michel Vivant và Jean-Loins Bilon, Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ, Lesxis Nexis Litec, 2004, xuất bản lần thứ 8.

Trích bộ Luật về Quyền sở hữu trí tuệ

Từ ngày 1-7-1992, nước Pháp có một Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ: là kết quả công việc của Tiểu ban cao cấp pháp điển hóa, bộ luật mới này chủ yếu là bộ sưu tập các văn bản có sẵn và đặc biệt là Luật 11-3-1957 và Luật 3-7-1985 về quyền sở hữu văn học nghệ thuật (chỉ có việc sắp xếp các điều khoản và một số đầu đề được sửa đổi). Từ khi có hiệu lực, Bộ luật đã được sửa đổi nhiều lần.

Ở đây chỉ có những điều khoản trong những phần lập pháp và quy chế của bộ luật, những điều khoản này có thể liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp đến những người chuyên nghiệp về sách.

Phần lập pháp

Quyển I: Quyền tác giả
Tít thứ nhất: Mục tiêu của quyền tác giả
Chương I: Bản chất của quyền tác giả

Điều L.111-1

Tác giả của một tác phẩm trí tuệ được hưởng, chỉ riêng về việc đã sáng tạo ra tác phẩm đó, quyền sở hữu vô hình, độc quyền và có thể chống lại tất cả.

Quyền này bao gồm các thuộc tính loại trí tuệ và tinh thần và cả thuộc tính di sản, được xác định trong các quyền I và III của bộ luật này

Sự tồn tại hoặc việc ký kết một hợp đồng cho thuê tác phẩm hoặc dịch vụ không làm mất đi sự vi phạm nào đối với việc hưởng quyền được đoạn thứ nhất công nhận.

Điều L.111-2

Tác phẩm có tiếng là đã được hình thành không theo sự phổ biến trong công chúng, mà chỉ để thực hiện quan niệm, dù là chưa đầy đủ của tác giả.

Điều L.111-3

Quyền sở hữu vô hình quy định trong điều Điều L.111-1 không phụ thuộc vào quyền sở hữu vật chất.

Người được sở hữu vật chất đó, do sự được sở hữu, không được trao cho một quyền nào trong các quyền ghi trong bộ luật này, trừ những trường hợp quy định trong đoạn 2 và 3 của điều L.123-4. Các quyền này còn tồn tại trong bản thân tác giả hoặc những người có

quyền, những người không thể đòi hỏi ở chủ sở hữu vật chất trao cho họ vật đó để thực hiện những quyền nói đến. Tuy nhiên, trong trường hợp chủ sở hữu lạm dụng một cách rõ ràng, cản trở việc thục hiện quyền phổ biến, toà cấp hai có thể có những biện pháp thích hợp theo quy định của điều L.121-3

Điều L.111-4

Theo quy định của các hiệp ước quốc tế, mà nước Pháp có tham gia, trong trường hợp sau khi xin ý kiến bộ trưởng Bộ Ngoại giao mà có sự ghi nhận là một nước không bảo đảm cho các tác phẩm được phổ biến lần đầu tiên ở Pháp, dưới bất kì hình thức nào, sự bảo hộ đủ và hữu hiệu, thì các tác phẩm phổ biến lần đầu tiên trên lãnh thổ nước này không được luật pháp của Pháp bảo hộ về quyền tác giả.

Tuy nhiên, không có sự vi phạm nào đối với sự nguyên vẹn và quyền tác giả của những tác phẩm này.

Theo giả thiết nêu trong đoạn 1 trên đây, các quyền tác giả được trao cho các tổ chức phục vụ lợi ích chung do Sắc lệnh chỉ định.

Chương II : Các tác phẩm được bảo hộ

Điều L.112-1

Các quy định của bộ luật này bảo vệ các quyền tác giả đối với tất cả các tác phẩm trí tuệ, dù là thể loại nào, hình thức diễn đạt nào, giá trị hoặc mục đích nào.

Điều L.112-2

Được đặc biệt coi là tác phẩm trí tuệ theo ý nghĩa của bộ luật này là :

1. Những cuốn sách, sách mỏng và các tác phẩm văn học nghệ thuật và khoa học

2. Các hội nghị, bài phát biểu, bài thuyết giáo, lời biện hộ và các tác phẩm khác cùng loại

3. Các vở kịch hoặc nhạc kịch

4. Các vở múa, các tiết mục và tua xiếc, kịch câm mà việc biểu diễn được viết thành văn hoặc cách khác

5. Các bản nhạc có hoặc không lời

6. Các tác phẩm điện ảnh và các tác phẩm khác dựa vào các lớp hoạt hình, có hay không có tiếng, gọi chung là tác phẩm nghe-nhìn

7. Các bản vẽ, tranh hội hoạ, tác phẩm kiến trúc, điêu khắc, khắc, in li-tô

8. Các tác phẩm hoạ hình và in máy

9. Các tác phẩm nhiếp ảnh và các tác phẩm thực hiện bằng các phương tiện kỹ thuật tương tự như nhiếp ảnh

10. Các tác phẩm về nghệ thuật ứng dụng

11. Tranh minh hoạ, bản đồ địa lý

12. Đồ án, ký hoạ và tác phẩm về địa lý, in máy, kiến trúc và khoa học

13. Phần mềm, kể cả vật liệu theo quan niệm chuẩn bị

14. Những sáng tạo về công nghiệp trang phục và trang sức theo mùa.

Những ngành công nghiệp về trang phục và trang sức theo mùa thường xuyên đổi mới hình thức sản phẩm, và nhất là đồ may mặc nữ, quần áo bằng da lông, đồ khăn vải, đồ thêu, thời trang giày, găng, đồ da, dệt vải kiểu mới cao cấp, hoặc dành riêng cho may mặc cao cấp, sản phẩm của thợ làm đồ trang sức, đóng giầy đo chân và dệt vải bọc đồ đạc trong nhà, do nhu cầu thời trang được coi là công nghiệp trang phục và trang phục theo mùa.

Điều L.112-3

Các dịch giả, tác giả chuyển thể cải biên, hoặc chuyển biên các tác phẩm trí tuệ được hưởng sự bảo hộ do bộ luật này đặt ra, không hại đến quyền tác giả của tác phẩm gốc. Đối với các tác giả hợp tuyển và tuyển tập tác phẩm, hoặc các cứ liệu là sáng tạo trí tuệ do sự lựa chọn và sắp đặt đề tài.

Cơ sở cứ liệu là tuyển tập các tác phẩm, cứ liệu hoặc các yếu tố độc lập khác, được sắp xếp một cách có hệ thống hoặc có phương pháp, mà các cá nhân có thể tiếp cận bằng các phương tiện điện tử hoặc bằng mọi phương cách khác.

Điều L.112-4

Kể từ khi Tít của một tác phẩm trí tuệ thể hiện tính chất độc đáo thì cũng được bảo hộ như tác phẩm.

Dù cho tác phẩm không còn được bảo hộ theo các điều từ L.123-1 đến L.123-3 nữa, không ai có thể sử dụng tít đó để cá nhân hoá một tác phẩm cùng loại, trong những điều kiện có thể gây ra sự lẫn lộn.

Chương III : Những người có quyền tác giả

Điều L.113-1

Trừ khi có bằng chứng ngược lại, tư cách tác giả thuộc về người hoặc những người đứng tên tác phẩm được phổ biến.

Điều L.113-2

Tác phẩm hợp tác là tác phẩm do nhiều người thực sự cùng sáng tác.

Tác phẩm hỗn hợp là tác phẩm mới trong đó có một tác phẩm có trước được đưa vào mà không có sự cộng tác của tác giả đó.

Tác phẩm tập thể là tác phẩm sáng tác theo sáng kiến của một người hoặc nhóm người có tư cách pháp nhân xuất bản, công bố và phổ biến tác phẩm đó dưới sự chỉ đạo và với tên của người đó, và có sự đóng góp cá nhân của nhiều tác giả tham gia soạn thảo hoà vào nhau như đã được nghĩ ra, mà không thể gán cho mỗi người trong số đó một quyền riêng về toàn bộ tác phẩm.

Điều L.113-3

Tác phẩm hợp tác là tài sản chung của các đồng tác giả. Các đồng tác giả phải sử dụng các quyền của họ với sự nhất trí chung.

Nếu xảy ra bất đồng thì do sự xét xử của toà dân sự chế định.

Khi mỗi đồng tác giả tham gia với thể loại khác nhau thì, trừ phi có giao ước ngược lại, mỗi người có thể khai thác riêng phần mình đóng góp mà không làm thiệt hại đến tác phẩm chung.

Điều L.113-4

Tác phẩm hỗn hợp là tài sản của tác giả đã sáng tác với điều kiện tác giả của tác phẩm trước cũng có quyền của mình

Điều L.113-5

Tác phẩm tập thể là tài sản của một người hoặc nhóm người có tư cách pháp nhân đứng tên phổ biến tác phẩm, trừ phi có chứng cớ ngược lại.

Người này được trao quyền tác giả.

Điều L.113-6

Tác giả của tác phẩm lấy bút danh hay giấu tên được hưởng những quyền mà điều Điều L.111-1 công nhận.

Chừng nào mà họ không cho biết tên và chứng minh tư cách của họ thì người xuất bản hoặc người công bố đại diện cho họ trong việc sử dụng quyền.

Lời tuyên bố ghi ở đoạn trên có thể được đưa vào chúc thư, nhưng vẫn có những quyền mà những người thứ ba có thể được hưởng từ trước.

Chỉ áp dụng những quy định trong các đoạn 2 và 3 khi bút danh của tác giả không có vấn đề nghi ngờ về tên thật.

Điều L.113-7

Người hoặc những người thực hiện việc sáng tạo tác phẩm này về vị trí có tư cách là tác giả của một tác phẩm nghe-nhìn.

Được coi là đồng tác giả của một tác phẩm nghe-nhìn hợp tác:

1. Tác giả kịch bản

2. Tác giả cải biên

3. Tác giả lời thoại

4. Tác giả soạn nhạc không hoặc có lời riêng cho tác phẩm

5. Người dựng phim

Khi một tác phẩm nghe-nhìn được rút ra từ một tác phẩm hay kịch bản có từ trước được bảo trợ thì các tác giả của tác phẩm gốc được coi như các tác giả của tác phẩm mới.

Tít thứ II: Quyền tác giả
Chương I : Quyền tinh thần

Điều L.121-1

Tác giả hưởng quyền do sự tôn trọng tên, tư cách và tác phẩm của mình

Quyền này thuộc về cá nhân tác giả.

Quyền này vĩnh viễn, không thể bị tước bỏ và không hết thời hiệu.

Có thể chuyển quyền này cho những người thừa kế của tác giả sau khi tác giả qua đời.

Việc sử dụng quyền có thể trao cho người thứ ba theo quy định thừa kế.

Điều L.121-2

Chỉ có tác giả có quyền phổ biến tác phẩm của mình. Tác giả quyết định phương thức và điều kiện phổ biến theo quy định trong điều L.132-24.

Sau khi tác giả qua đời, quyền phổ biến suốt đời các tác phẩm để lại thuộc về những người được giao quyền thi hành di chúc do tác giả chỉ định. Nếu không có những người này, hoặc sau khi họ mất, và nếu tác giả không có ý muốn trái lại thì quyền này được sử dụng theo thứ tự như sau : con cháu, vợ hoặc chồng không bị toà xử ly hôn hoặc không tái hôn, những người thừa kế ngoài con cháu được hưởng toàn bộ hoặc một phần quyền thừa kế, và những người được chỉ định nhận toàn bộ di tặng về tài sản trong tương lai.

Quyền này có thể được sử dụng cả sau khi quyền khai thác quy định trong điều L.123-1 hết hạn.

Điều L.121-3

Trường hợp có sự lạm dụng rõ ràng trong việc sử dụng hoặc không sử dụng quyền phổ biến về phía người đại diện của tác giả quá cố ghi trong điều L.121-2, toà án phúc thẩm có thể đưa ra mọi biện pháp thích hợp. Nếu xảy ra tranh chấp giữa những người đại diện mới nói đến, nếu không có người có quyền mà ai cũng biết, hoặc nếu khuyết hoặc không có người thừa kế thì cũng thế. Có thể đưa ra toà, nhất là khi do bộ trưởng Văn hoá đề xuất.

Điều L.121-4

Mặc dù đã chuyển nhượng quyền khai thác, tác giả vẫn có quyền hối tiếc hoặc rút lại sự chuyển nhượng ngay cả sau khi tác phẩm được xuất bản. Nhưng tác giả chỉ có thể sử dụng quyền này, miễn là bồi thường trước cho người nhận sự chuyển nhượng về thiệt hại mà sự hối tiếc hoặc sự rút lại có thể gây ra cho người này. Sau khi sử dụng quyền hối tiếc và rút lại, nếu tác giả quyết định cho xuất bản tác phẩm của mình, thì phải ưu tiên trao quyền khai thác cho người nhận chuyển nhượng mà tác giả đã cho lúc đầu và theo những quy định ban đầu.

Điều L.121-8

Một mình tác giả có quyền tập hợp các bài báo và diễn văn của mình trong một tuyển tập, và xuất bản hoặc cho phép xuất bản dưới dạng đó.

Về tất cả các tác phẩm đã đăng báo hoặc in trong tuyển tập định kỳ, nếu không có quy định ngược lại, tác giả giữ quyền và khai thác tác phẩm của mình dưới bất kỳ hình thức nào, miễn là việc sao hoặc khai thác đó không có tính chất cạnh tranh với tờ báo hoặc tuyển tập định kỳ đó.

Điều L.121-9

Theo mọi chế độ hôn nhân và với hình phạt vô hiệu hoá mọi điều khoản trái ngược được đưa vào giấy hôn thú, quyền phổ biến tác phẩm, để ra điều kiện khai thác và bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm thuộc về người chồng/vợ là tác giả hoặc người nào trong hai vợ chồng đã được chuyển giao những quyền này. Quyền này không thể đưa vào của hồi môn, cộng đồng hoặc tổ chức hội chung cũng không thể giành được.

Tiền thu được từ việc khai thác một tác phẩm trí tuệ hoặc từ việc chuyển nhượng toàn bộ hoặc từng phần quyền khai thác phải theo luật chung về chế độ hôn nhân, chỉ khi thu được trong thời gian kết hôn, cả tiền tiết kiệm cũng thế. Không áp dụng những quy định nói ở đoạn trên khi việc làm lễ thành hôn diễn ra trước ngày 12-3-1958

Những quy định về sự đóng góp của vợ chồng vào chi tiêu cho gia đình được áp dụng cho việc tiền nong nêu trong đoạn hai của điều khoản này.

Chương II: Quyền về di sản

Điều L.122-1

Quyền khai thác của tác giả bao gồm quyền biểu diễn và quyền sao chép.

Điều L.122-2

Biểu diễn là truyền đạt tác phẩm cho công chúng bằng một phương tiện nào đó, và nhất là bằng cách:

1. Đọc trước công chúng, diễn kịch nhạc, diễn kịch, trình bày trước công chúng, chiếu cho công chúng xem và truyền hình tác phẩm ở nơi công cộng.

Qua truyền hình

2. Truyền hình là truyền đi bằng mọi phương thức viễn thông tiếng, hình ảnh, tài liệu, cứ liệu và thư tín các loại.

Việc truyền một tác phẩm lên một vệ tinh được coi như một cuộc trình diễn.

Điều L.122-3

Sự sao chép là định hình cụ thể tác phẩm bằng mọi phương thức để có thể truyền đạt cho công chúng một cách gián tiếp.

Có thể sao chép đặc biệt bằng cách in, vẽ, khắc, chụp ảnh, đúc và mọi phương thức của nghệ thuật hoạ đồ, tạo hình, ghi lại bằng máy, phim ảnh hay từ.

Về tác phẩm kiến trúc, việc sao chép còn là thực hiện đồ án hoặc đề án mẫu.

Điều L.122-4

Mọi việc trình diễn hay sao chép toàn bộ hoặc từng phần không được tác giả hoặc những người có quyền hoặc được quyền kế tục đều là bất chính. Việc biên dịch, cải biên hoặc biến đổi, sự chuyển biên hoặc in sao bằng nghệ thuật hoặc một phương thức nào đấy cũng vậy.

Điều L.122-5

Khi tác phẩm đã được phổ biến, tác giả không thể cấm:

1. Những buổi biểu diễn tư miễn phí trong phạm vi gia đình,

2. Sao hoặc in chỉ để cho người sao chép dùng riêng, chứ không dùng tập thể, trừ bản sao các tác phẩm nghệ thuật dùng vào những mục đích giống mục đích của tác phẩm gốc, và những bản sao phần mềm ngoài bản sao bảo vệ làm trong điều kiện nêu trong phần II, điều L.122-6-1, cũng như những bản in sao cơ sở dữ liệu điện tử,

3. Với điều kiện đưa tên tác giả và nguồn gốc,

a. Những bản phân tích và câu trích dẫn ngắn được chứng minh bởi tính chất phê bình, luận chiến, sư phạm, khoa học hoặc thông tin của tác phẩm mà những cái đó được đưa vào,

b. Các tạp chí,

c. Việc phổ biến, dù là toàn bộ, bằng con đường báo chí hoặc viễn thông, như là tin thời sự, các bài diễn văn dành cho công chúng đọc tại các hội nghị chính trị, hành chính, tư pháp, hoặc giáo dục, cũng như trong cuộc họp quần chúng có tính chính trị và các buổi lễ chính thức.

d. Việc sao chép toàn bộ hay từng phần các tác phẩm nghệ thuật hoạ đồ hay tạo hình để đưa vào mục lục bán ở Pháp theo quyết định của toà án, những bản dành cho công chúng trước khi bán ra ngoài với mục đích duy nhất là miêu tả những tác phẩm nghệ thuật sẽ bán.

Một sắc lệnh của Hội đồng Nhà nước quyết định những đặc trưng của tài liệu và điều kiện phân phối.

4. Các bản nhại, phỏng theo và biếm họa, theo luật về thể loại,

5. Những việc cần thiết để tiếp xúc với nội dung cơ sở dữ liệu điện tử phục vụ nhu cầu và trong giới hạn sử dụng ghi trong hợp đồng.

Điều L.122-7

Quyền biểu diễn và sao chép có thể nhượng lại miễn phí hoặc phải trả tiền.

Việc nhượng quyền sao chép không kéo theo việc nhượng quyền sao chép.

Việc nhượng quyền sao chép không kéo theo việc nhượng quyền trình diễn.

Khi một hợp đồng bao gồm sự chuyển nhượng hẳn một trong hai quyền ghi trong điều khoản này thì tầm quan trọng giới hạn ở các phương thức khai thác ghi trong hợp đồng.

Điều L.122-9

Trường hợp có sự lạm dụng rõ ràng trong việc sử dụng hay không sử dụng quyền khai thác về phía những người đại diện của tác giả đã qua đời chiếu theo điều L.121-2, Toà Phúc thẩm có thể chỉ thị về các biện pháp thích hợp. Cũng như vậy nếu xảy ra tranh chấp giữa

những người đại diện nói trên, nếu không có người có quyền đã biết, hoặc không có người thừa kế, hoặc người thừa kế bị truất quyền.

Có thể Bộ trưởng Văn hoá đưa ra toà.

Điều L.122-10

Việc xuất bản một tác phẩm bao hàm việc chuyển nhượng quyền sao chép bằng kỹ thuật in sao cho một hội do Tít II của Quyển III chi phối và do Bộ trưởng Văn hoá chấp thuận.

Các hội được chấp thuận có thể tự ký kết giao ước với những người sử dụng với mục đích quản lý quyền đã chuyển nhượng về các quy định cho phép sao để bán, cho thuê, quảng cáo hoặc chiêu hàng, với điều kiện được tác giả hoặc những người có quyền đồng ý. Nếu tác giả hoặc người có quyền không chỉ định ngày xuất bản tác phẩm, thì một trong các hội được chấp thuận được coi là người nhận quyền đó.

Kỹ thuật in sao là sao trên giấy hoặc bằng phương tiện tương tự . Kỹ thuật nhiếp ảnh hoặc có tác dụng tương đương để đọc trực tiếp.

Những quy định trong đoạn một không gây trở ngại cho quyền của tác giả hoặc của những người có quyền trong việc sao để bán, cho thuê, quảng cáo hoặc chiêu hàng.

Bất kể có những quy định trái ngược, những quy định của điều khoản này áp dụng cho tất cả các tác phẩm được bảo hộ xuất bản vào bất kỳ ngày nào.

Điều L.122-11

Các điều ghi trong điều khoản Điều L.122-10 có thể dự kiến tiền nhuận bút khoán trong những trường hợp xác định trong các điểm 1 và 3 của điều L.131-4.

Điều L.122-12

Sự chấp nhận các hội ghi trong đoạn một, điều L.122-10 căn cứ vào :

- Tính đa dạng của các hội viên,

- Trình độ nghiệp vụ của những người lãnh đạo,

- Những phương tiện về người và vật liệu mà họ đề nghị sử dụng để bảo đảm sự quản lý quyền sao chép bằng kỹ thuật in sao,

- Tính công minh của các thể thức phân chia tiền thu nhập,

Một Sắc lệnh của Hội đồng Nhà nước định ra thể thức cấp và rút lại việc chấp nhận, cũng như sự sự lựa chọn các hội nhận chuyển nhượng trong việc thực hiện câu cuối cùng, đoạn một, điều L.122-10

Chương III : Thời hạn bảo hộ

Điều L.123-1

Tác giả hưởng suốt đời đặc quyền khai thác tác phẩm của mình dưới bất kì hình thức nào, và thu lợi về tiền nong.

Khi tác giả qua đời, quyền này vẫn tồn tại và những người có quyền được hưởng trong năm lịch thường đó và bảy mươi năm sau.

Điều L.123-2

Về các tác phẩm cộng tác, năm lịch thường được tính là năm khi người cộng tác cuối cùng qua đời.

Về các tác phẩm nghe-nhìn, năm lịch thường là năm khi cộng tác viên cuối cùng trong những người sau đây qua đời: tác giả kịch bản, tác giả lời thoại, người soạn nhạc, có hoặc không có lời soạn riêng cho tác phẩm, và người dựng phim chính.

Điều L.123-3

Về các tác phẩm lấy bút danh, giấu tên hoặc tập thể, thời hạn đặc quyền là bảy mươi năm, tính từ ngày 1 tháng Giêng năm lịch thường, sau năm tác phẩm được xuất bản. Ngày xuất bản do chứng cứ về luật chung và nhất là do việc nộp lưu chiểu xác định.

Trường hợp một tác phẩm lấy bút danh, giấu tên hoặc tập thể được xuất bản từng kỳ thì thời hạn tính từ ngày 1 tháng 1 năm lịch thường đến sau ngày xuất bản từng yếu tố.

Khi tác giả hoặc những tác giả của các tác phẩm giấu tên hoặc lấy bút danh tự giới thiệu, thời hạn đặc quyền là thời hạn nêu trọng các điều L.123-1 và L.123-2.

Các quy định trong đoạn một và hai chỉ áp dụng cho các tác phẩm lấy bút danh, giấu tên hoặc tập thể xuất bản trong vòng bảy mươi năm sau năm sáng tác

Tuy nhiên, khi một tác phẩm lấy bút danh, giấu tên hoặc tập thể được phổ biến sau khi hết thời hạn ghi trong đoạn trên thì người sở hữu do thừa kế hoặc với danh nghĩa khác, tự xuất bản hoặc cho xuất bản, được hưởng đặc quyền trong hai mươi nhăm năm tính từ ngày 1 tháng Giêng năm lịch thường đến năm sau năm xuất bản

Điều L.123-4

Về các tác phẩm để lại, thời hạn đặc quyền là thời hạn ghi trong điều L.123-1. Về các tác phẩm để lại được phổ biến sau khi hết thời hạn đó, thì thời hạn đặc quyền là hai mươi nhăm năm tính từ ngày 1 tháng Giêng năm lịch thường đến sau năm xuất bản.

Quyền khai thác tác phẩm để lại thuộc về những người có quyền tác giả nếu tác phẩm được phổ biến trong thời kỳ ghi trong điều L.123-1.

Nếu tác phẩm để lại được phổ biến khi hết thời hạn đó thì những người sở hữu do thừa kế hoặc với danh nghĩa khác đứng ra xuất bản hoặc thuê xuất bản.

Các tác phẩm để lại phải được xuất bản riêng, trừ trường hợp là một mảng của một tác phẩm đã xuất bản từ trước, những tác phẩm này chỉ được đưa vào các tác phẩm đã xuất bản của cùng một tác giả nếu những người có quyền tác giả vẫn còn có quyền khai thác những tác phẩm đó

Điều L.123-6

Trong thời kỳ nêu trong điều L.123-1, *người vợ hoặc chồng còn sống của tác giả*, không có sự xét xử ly hôn, được hưởng lợi về quyền khai thác mà tác giả chưa hưởng, bất kể chế độ hôn nhân nào và không kể đến những quyền nêu trong các điều từ 756 đến 757-3 và

764 đến 766 của Bộ Luật dân sự về các tài sản thừa kế khác, quyền lợi về quyền khai thác mà tác giả chưa sử dụng. Nhưng nếu tác giả để lại phần thừa kế bắt buộc thì khoản lợi này do những người thừa kế hưởng theo tỷ lệ và sự phân biệt ghi trong các điều 913 và 914, Bộ Luật dân sự

Quyền này không còn nếu người vợ hoặc người chồng tái hôn.

Điều L.123-8

Những quyền mà Luật 14-7-1866 thừa nhận về quyền của những người thừa kế và những người được quyền kế tục tác giả, nhà soạn nhạc hoặc nghệ sĩ được gia hạn thêm một thời gian bằng thời gian giữa ngày 2---8-1941 và cuối năm đến sau ngày ký hiệp ước hoà bình về tất cả các tác phẩm xuất bản trước ngày cuối cùng đó và không rơi vào lĩnh vực công cộng ngày 3-2-1919.

Điều L.123-9

Những quyền được Luật ngày 14-7-1866 nói trên chấp thuận và nêu trong điều L.123-1 đối với những người thừa kế và những người có quyền kế tục các tác giả, nhà soạn nhạc hoặc nghệ sĩ, được gia hạn thêm thời gian bằng thời gian từ 3-9-1939 đến 1-1-1948, về tất cả các tác phẩm xuất bản trước ngày đó và không rơi vào lĩnh vực công cộng ngày 13-8-1941.

Điều L.123-10

Ngoài ra, những quyền nêu trong điều trên đây được gia hạn thêm ba mươi năm khi tác giả, nhà soạn nhạc hoặc nghệ sĩ mất vì nước Pháp theo giấy báo tử

Trường hợp không làm giấy báo tử hoặc không sao lại ở Pháp thì Bộ trưởng Văn hoá có thể ra nghị định gia hạn cho những người thừa kế hoặc có quyền kế tục người quá cố, thêm ba mươi năm, nghị định này ra sau khi có ý kiến của nhà cầm quyền ghi trong điều 1, Quyết định số 45-2717, ngày 2-11-1945 chỉ can thiệp được trong những trường hợp mà lời chú "chết vì nước Pháp" có ghi trong giấy báo tử, nếu giấy này làm ở Pháp.

Điều L.123-11

Khi những quyền được gia hạn theo điều L.123-10 được chuyển nhượng lấy tiền thì trong vòng ba năm, tính từ ngày 25-9-1959, những người nhượng quyền hoặc những người có quyền có thể đề nghị người được chuyển nhượng hoặc những người có quyền của người đó sửa đổi điều kiện chuyển nhượng để bù vào những thế lợi do sự gia hạn mang lại.

Điều L.123-12

Khi nước gốc của tác phẩm, theo nghĩa của Định ước Paris của Hiệp ước Rome, là một nước ngoài Cộng đồng Châu Âu, và tác giả không mang quốc tịch một nước thành viên Cộng đồng thì thời hạn bảo hộ là thời hạn chấp thuận ở nước gốc của tác phẩm, và thời hạn này không vượt quá thời hạn ghi trong điều L.123-1.

Tít III : Khai thác các quyền

Chương 1 : Quy định chung

Điều L.131-1

Không có sự chuyển nhượng toàn bộ các tác phẩm sau này.

Điều L.131-2

Các hợp đồng biểu diễn, xuất bản và sản xuất nghe-nhìn định nghĩa trong tít này phải được ghi nhận bằng văn bản giấy cho phép thực hiện. Trong mọi trường hợp khác có thể vận dụng những quy định trong điều từ 1341-1348 Bộ Luật dân sự.

Điều L.131-3

Việc chuyển quyền tác giả phụ thuộc vào điều kiện mà mỗi quyền đã chuyển nhượng đều ghi riêng trong giấy chuyển nhượng, và lĩnh vực khai thác các quyền chuyển nhượng phải được giới hạn về phạm vi và mục đích, về địa điểm và thời gian

Khi hoàn cảnh riêng đòi hỏi, có thể ký hợp đồng và hợp đồng có giá trị bằng cách trao đổi điện tín, với điều kiện lĩnh vực khai thác các quyền chuyển nhượng phải được giới hạn theo đúng lời ghi trong đoạn thứ nhất của hợp đồng này.

Sự chuyển nhượng về quyền chuyển sang thể loại nghe-nhìn phải có hợp đồng viết trên một tài liệu khác với hợp đồng xuất bản thực sự về tác phẩm in.

Người nhận chuyển nhượng cam kết trong hợp đồng là sẽ tìm cách khai thác quyền chuyển nhượng theo thông lệ nghề nghiệp và nếu cải biên thì sẽ trả nhuận bút cho tác giả theo tỷ lệ thu nhập.

Điều 131-4

Việc tác giả chuyển nhượng quyền về tác phẩm của mình có thể là toàn bộ hay từng phần. Phải ghi việc tác giả hưởng tỷ lệ thu nhập do bán hoặc khai thác tác phẩm.

Những tiền nhuận bút của tác giả có thể ước lượng khoán trong những trường hợp sau đây:

1. Cơ sở để tính sự tham gia theo tỷ lệ trên thực tế không thể xác định được;

2. Không có biện pháp kiểm tra việc áp dụng sự tham gia nào;

3. Chi phí tính toán và kiểm tra vượt tỷ lệ theo kết quả cần đạt tới;

4. Tính chất hoặc điều kiện khai thác làm cho không thể áp dụng quy tắc trả nhuận bút theo tỷ lệ hoặc do sự đóng góp của tác giả không phải là một trong những yếu tố chủ yếu của sự sáng tạo trí tuệ ra tác phẩm, hoặc do việc sử dụng tác phẩm chỉ mang tính chất thứ yếu đối với đối tượng khai thác;

5. Trường hợp nhượng quyền về phần mềm

6. Những trường hợp khác dự kiến trong bộ luật này;

Sự chuyển đổi giữa các bên theo yêu cầu của tác giả về quyền đến từ những hợp đồng có hiệu lực về tiền khoán trả hàng năm trong những thời hạn do các bên đề ra là điều hợp pháp.

Điều L.131-5

Trường hợp nhượng quyền khai thác, nếu tác giả bị thiệt hại trên 7/12 do tổn thất hoặc do dự kiến không đầy đủ về các sản phẩm của tác phẩm, thì có thể đề nghị sửa đổi điều kiện về giá cả trong hợp đồng.

Chỉ có thể đưa ra đề nghị này trong trường hợp tác phẩm được chuyển nhượng với điều kiện trả nhuận bút khoán.

Sự thiệt hại sẽ được ước lượng căn cứ vào việc người nhận khai thác tổng thể các tác phẩm của tác giả, người tự cho là mình bị thiệt hại.

Điều L.131-6

Điều khoản chuyển nhượng nhằm trao quyền khai thác dưới dạng không thể dự kiến hoặc không dự kiến vào ngày ký hợp đồng phải rõ ràng và phải quy định sự tham gia tương quan với lợi nhuận về khai thác.

Điều L.131-7

Trường hợp chuyển nhượng từng phần, người có quyền kế tục thay tác giả trong việc sử dụng các quyền đã nhượng, trong những điều kiện, giới hạn và trong thời hạn dự kiến trong hợp đồng, và với trách nhiệm báo cáo.

Điều L.131-8

Để trả các khoản tiền phải trả định kỳ và tiền nhuận bút phải trả về ba năm trước, vào dịp chuyển nhượng việc khai thác hoặc sử dụng các tác phẩm, như xác định trong điều L.131-2 của hợp đồng này; các tác giả, nhà soạn nhạc và nghệ sĩ được hưởng quyền ưu đãi nêu trong điểm 4, điều 2101 và điều 2104 của Bộ Luật dân sự .

Chương II: Những quy định riêng về một số hợp đồng

Phần 1 : Hợp đồng xuất bản

Điều L.132-1

Hợp đồng xuất bản là hợp đồng mà tác giả một tác phẩm trí tuệ hoặc những người có quyền tác giả nhượng cho một số người gọi là người xuất bản, với những điều kiện quy định, quyền in hoặc thuê in nhiều bản của tác phẩm, và chịu trách nhiệm về xuất bản và phát hành.

Điều L.132-2

Hợp đồng gọi là hợp đồng của tác giả không phải là hợp đồng xuất bản theo nghĩa trong điều L.132-1.

Bằng hợp đồng đó, tác giả hoặc những người có quyền tác giả trả cho người xuất bản tiền thù lao thoả thuận, người này có trách nhiệm in ra một số bản theo hình thức và cách thể hiện quy định trong hợp đồng và bảo đảm việc xuất bản và phát hành.

Hợp đồng này là hợp đồng cho thuê theo quy ước, thông lệ và quy định của các điều khoản 1787 và tiếp theo của Bộ Luật dân sự.

Điều L.132-3

Hợp đồng được coi là hợp đồng chia lời không phải là hợp đồng xuất bản theo nghĩa trong điều L.132-1.

Bằng hợp đồng này, tác giả hoặc những người có quyền tác giả giao cho người xuất bản in tác phẩm với số lượng bản, hình thức và cách thể hiện quy định trong hợp đồng do người đó tự chịu phí tổn, và bảo đảm việc xuất bản và phát hành nhờ có sự cam kết với nhau qua hợp đồng về việc phân chia lỗ lãi về khai thác theo tỷ lệ dự kiến

Hợp đồng này là của một hội được quản lý, theo những quy định trong các điều 1871 và tiếp theo của Bộ Luật dân sự, bằng giao ước và thông lệ.

Điều 132-4

Quy định theo đó tác giả cam kết trao cho người xuất bản quyền ưu tiên để xuất bản những tác phẩm sau này của mình thuộc các thể loại đã xác định rõ là hợp pháp.

Quyền này giới hạn ở năm tác phẩm mới cho mỗi thể loại, tính từ ngày kí hợp đồng xuất bản về tác phẩm đầu tiên, hoặc về sáng tác mà tác giả thực hiện trong thời hạn năm năm, tính cùng một ngày.

Người xuất bản phải sử dụng quyền được công nhận cho người đó bằng cách gửi cho tác giả bản quyết định viết tay trong vòng ba tháng, tính từ khi tác giả trao bản thảo cuối cùng về mỗi tác phẩm.

Nếu người xuất bản được quyền ưu tiên liên tiếp không nhận hai tác phẩm mới của tác giả về thể loại quy định trong hợp đồng, thì đương nhiên tác giả có thể thu hồi ngay lập tức quyền tự do đối với tác phẩm sẽ sáng tác sau này theo cùng một thể loại. Nhưng, nếu tác giả đã nhận tiền đặt trước của người xuất bản thứ nhất về các tác phẩm sau này thì phải trả lại tiền này trước.

Điều 132-5

Hợp đồng có thể dự kiến tiền nhuận bút theo tỷ lệ các sản phẩm khai thác, hoặc nhuận bút khoán trong những trường hợp nêu trong các điều L.131-4 và L.132-6.

Điều 132-6

Vệc xuất bản tại nhà xuất bản có hệ thống hiệu sách và tiền nhuận bút của tác giả có thể là khoán cho lần xuất bản thứ nhất, với sự thoả thuận chính thức của tác giả trong những trường hợp sau đây:

1. Tác phẩm khoa học hoặc kĩ thuật;

2. Hợp tuyển và bộ sách bách khoa;

3. Lời tựa, lời dẫn giảI, lời nói đầu, lời giới thiệu;

4. Tranh minh hoạ tác phẩm ;

5. Xuất bản loại sang với số lượng in hạn chế;

6. Sách Kinh;

7. Theo đề nghị của dịch giả về các bản dịch;

8. Sách bình dân rẻ tiền;

9. An - bom rẻ tiền cho trẻ em;

Việc nhượng quyền cho hoặc bởi một người hoặc một doanh nghiệp đặt ở nước ngoài cũng tính nhuận bút khoán.

Về các tác phẩm trí tuệ đăng trên báo hoặc tập san định kỳ các loại, tiền nhuận bút của tác giả gắn với hãng thông tin bằng hợp đồng cho thuê tác phẩm hoặc dịch vụ, cũng có thể trả khoán.

Điều 132-7

Tác giả bắt buộc phải viết giấy đồng ý. Cần có sự đồng ý khi là một tác giả không có khả năng theo luật định, trừ phi người này không thể đồng ý do thể lực không cho phép, mà không vi phạm những điều quy định chi phối các hợp đồng do những người vị thành niên và những người lớn bị trợ quản ký

Không áp dụng những quy định ở đoạn trên khi hợp đồng xuất bản do những người có quyền tác giả ký.

Điều 132-8

Tác giả phải bảo đảm cho người xuất bản sử dụng quyền chuyển nhượng một cách yên ổn và độc quyền, trừ phi có giao ước trái ngược.

Tác giả phải làm cho quyền này được tôn trọng và bảo vệ để người xuất bản không bị tổn thương.

Điều 132-9

Tác giả phải làm cho người xuất bản có thể làm ra nhiều bản của tác phẩm và phổ biến.

Trong thời hạn ghi trong hợp đồng, tác giả phải trao đối tượng xuất bản dưới dạng có thể làm việc đó một cách bình thường.

Đối tượng xuất bản do tác giả cung cấp vẫn thuộc quyền sở hữu của tác giả, trừ phi có sự thoả thuận ngược lại hoặc không thể làm được vì lý do kỹ thuật. Người xuất bản chịu trách nhiệm về việc này trong thời hạn một năm sau khi làm xong.

Điều L.132-10

Hợp đồng xuất bản phải định ra số lượng bản tối thiểu cho lần in đầu tiên. Tuy nhiên, sự bắt buộc này không áp dụng cho những hợp đồng dự kiến quyền tác giả tối thiểu mà người xuất bản bảo đảm

Điều 132-11

Người xuất bản phải chịu trách nhiệm tự mình hoặc giao cho người khác tiến hành công việc sản xuất theo điều kiện chính thức và cách thể hiện ghi trong hợp đồng

Người đó không được sửa đổi bất kỳ chỗ nào trong tác phẩm nếu không có giấy phép viết tay của tác giả.

Trừ phi có sự thoả thuận ngược lại, người đó phải đưa tên, bút danh hoặc nhãn của tác giả trên các bản in tác phẩm.

Nếu không có sự thỏa thuận riêng, người xuất bản phải thực hiện việc xuất bản trong thời hạn do thông lệ nghề nghiệp định ra.

Trường hợp hợp đồng có thời hạn, những quyền của người nhận chuyển nhượng đương nhiên bị huỷ bỏ khi hết hạn mà không cần lệnh.

Người xuất bản có thể tiêu thụ những bản dự trữ với giá thông thường, trừ phi tác giả muốn mua với giá do chuyên gia định, nếu thiếu sự thoả thuận ổn thoả, mà quyền hạn chấp nhận cho người xuất bản thứ nhất không cấm tác giả tiến hành đợt xuất bản trong vòng 30 tháng.

Điều 132-12

Người xuất bản có trách nhiệm bảo đảm cho tác phẩm được khai thác thường xuyên liên tục và được phát hành về thương nghiệp theo thông lệ nghề nghiệp.

Điều 132-13

Người xuất bản có trách nhiệm báo cáo

Tác giả có thể đòi hỏi, ít nhất mỗi năm một lần, người xuất bản báo cáo số lượng bản đã in và ghi rõ ngày tháng và tầm quan trọng của lần in và số lượng bản in dự trữ.

Trừ việc sử dụng hoặc thoả thuận ngược lại, bản báo cáo ghi số lượng bản in mà người xuất bản đã bán, số lượng bản in không dùng được hoặc hư hại do ngẫu nhiên hoặc do trường hợp bất khả kháng, và cả tiền phải trả định kỳ hoặc đã trả cho tác giả.

Điều 132-14

Người xuất bản có trách nhiệm cung cấp cho tác giả mọi chứng từ để chứng minh là sự tính toán chính xác.

Nếu người xuất bản không cung cấp chứng từ cần thiết thì sẽ bị thẩm phán buộc phải cung cấp.

Điều 132-15

Việc toà án uốn nắn người xuất bản không kéo theo sự huỷ bỏ hợp đồng.

Khi hoạt động bị truy tố theo các điều 31 và các điều tiếp theo của Luật số 85-98 ngày 25-1-1985 về sự uốn nắn và thanh lý các doanh nghiệp, người xuất bản phải tôn trọng mọi nghĩa vụ đối với tác giả.

Trường hợp chuyển nhượng nhà xuất bản theo các điều 81 và các điều tiếp theo của Luật số 85-98 ngày 25-1-1985 nói trên, người nhận chuyển nhượng có trách nhiệm làm nghĩa vụ người được chuyển nhượng.

Khi hoạt động của doanh nghiệp đã ngừng hơn ba tháng, hoặc khi công bố việc thanh lý của toà án, tác giả có thể đề nghị huỷ bỏ hợp đồng.

Người thanh lý chỉ có thể bán hạ giá những bản in, trong những điều kiện ghi trong các điều 155 và 156 của luật số 85-98 ngày 25-1-1985 nói trên, mười lăm ngày sau khi báo cho tác giả biết ý định đó bằng thư bảo đảm có ký nhận

Tác giả có quyền mua ưu tiên tất cả hoặc một phần các bản in. Nếu không có sự thoả thuận, giá mua lại sẽ do chuyên gia định

Điều 132-16

Người xuất bản không thể chuyển nhượng hoặc góp vào hội lợi nhuận về hợp đồng xuất bản cho những người thứ ba, miễn phí hoặc lấy tiền, không kể tiền vốn kinh doanh của mình, nếu không được tác giả cho phép trước.

Trường hợp chuyển nhượng vốn kinh doanh, nếu việc chuyển nhượng đó làm tổn hại đến quyền lợi vật chất hoặc tinh thần của tác giả thì tác giả có lý do đòi bồi thường, ngay cả bằng cách huỷ bỏ hợp đồng.

Vốn kinh doanh về xuất bản bị hội khai thác hoặc phụ thuộc vào sự để chung không chia phần, việc giao vốn cho những người hùn vốn trước kia hoặc cho một trong những người có của vốn để chung, do thanh lý, hoặc vào sự phân chia, không được coi là chuyển nhượng trong bất kì trường hợp nào.

Điều 132-17

Hợp đồng xuất bản kết thúc, ngoài những trường hợp do quyền chung, hoặc các điều khoản nói trên, khi người xuất bản huỷ tất cả các bản in

Sự huỷ bỏ đương nhiên xảy ra, nếu tác giả đòi hỏi và cho gia hạn thích hợp khi người xuất bản không xuất bản tác phẩm, hoặc không tái bản khi sách xuất bản đã hết.

Xuất bản phẩm được coi là hết, nếu người xuất bản không đáp ứng việc đặt mua hai lần trong vòng ba tháng.

Trường hợp tác giả qua đời mà tác phẩm chưa hoàn thành thì huỷ hợp đồng về phần tác phẩm chưa hoàn thành, trừ phi có sự thoả thuận giữa người xuất bản và những người có quyền tác giả.

Chương III: Tiền nhuận bút về cho mượn tại thư viện

Điều 133-1

Khi một tác phẩm là đối tượng của một hợp đồng xuất bản để rồi xuất bản và phổ biến dưới dạng sách, tác giả không thể phản đối việc một thư viện phục vụ công chúng cho mượn bản in tác phẩm đó.

Tác giả có quyền hưởng tiền nhuận bút về việc cho mượn này theo thể thức ghi trong điều 133-4.

Điều 133-2

Tiền nhuận bút ghi trong điều 133-1 do một hoặc nhiều hội thu và phân phối các quyền chi phối bởi Tít II của Quyển III thu và phân phối và các hội này do Bộ trưởng Văn hoá chấp nhận để làm việc này

Sự chấp nhận ghi trong đoạn một căn cứ vào:

- tính đa dạng của các hội viên,

- trình độ nghiệp vụ của những người lãnh đạo,

- những phương tiện mà hội đề nghị dùng để đảm bảo việc thu và phân phối tiền nhuận bút về cho mượn sách của thư viện,

- sự đại diện công minh cho các tác giả và người xuất bản của hội viên trong bộ phận lãnh đạo,

Một Sắc lệnh của Hội đồng Nhà nước quy định điều kiện chấp nhận và rút lại sự chấp nhận đó.

Điều 133-3

Tiền nhuận bút ghi trong đoạn hai, điều L.133-1 gồm hai phần:

Phần thứ nhất, thuộc trách nhiệm của Nhà nước, là sự đóng góp khoán của người ghi tên mượn sách của thư viện công, trừ thư viện trường học. Một Sắc lệnh quy định số tiền đóng góp, số tiền này có thể khác nhau đối với các thư viện thuộc ngành giáo dục cao đẳng, và thể thức quy định số lượng đăng ký mượn để tính toán phần nhuận bút này.

Phần thứ hai căn cứ vào giá sách chưa tính thuế do nhóm có tư cách pháp nhân mua cho thư viện công cho mượn sách nêu trong đoạn ba (điểm 2), điều 3 của Luật số 81-766, ngày 10-8-1981 về giá sách, phần tiền này do những người cung cấp sách trả tỷ lệ nhuận bút là 6% giá bán ra ngoài.

Điều L.133-4

Tiền nhuận bút về việc thư viện cho mượn sách được phân chia trong những điều kiện sau đây:

1. Phần thứ nhất chia đều cho tác giả và người xuất bản tuỳ theo số lượng sách mà những nhóm người có tư cách pháp nhân ghi trong đoạn ba (điểm 2), điều số 81-766 ngày 10-8-1981 trên đây mua hàng năm cho thư viện cho công chúng mượn sách; số lượng sách mua căn cứ vào những thông tin mà những nhóm này và người cung cấp sách gửi cho một hoặc những nhóm nêu trong điều L.133-2.

2. Phần thứ hai, không thể quá bán, dành để góp một phần nhỏ bổ sung vào lương hưu cho những người nêu trong đoạn hai, điều 382-12, Bộ Luật về bảo hiểm xã hội.

Quyển III: Quy định chung về quyền tác giả, các quyền tương tự và quyền của những người sản xuất cơ sở dữ liệu

Tít thứ nhất: Nhuận bút về sao chép của tư nhân

Chương duy nhất

Điều 311-1

Các tác giả và người biên dịch là nghệ sĩ của các tác phẩm ghi âm hoặc ghi băng và những người sản xuất băng hoặc video tiếng được hưởng nhuận bút về việc sao chép các tác phẩm nói đến, trong những điều kiện ghi ở điểm 2, điều L.122-5 và điểm 2 điều L.211-3

Tiền nhuận bút này cũng phải trả cho tác giả và những người xuất bản những tác phẩm được ghi lại bằng mọi phương tiện khác về việc sao chép đã làm trong những điều kiện ghi trong điểm 2 điều L.122-5, trên phương tiện ghi bằng kỹ thuật số.

Điều L.311-2

Theo quy ước quốc tế, quyền hưởng nhuận bút nêu trong điều L.214-1 và đoạn một, điều L.311-1 được chia cho các tác giả, người biên dịch là nghệ sĩ, người sản xuất băng hoặc đĩa ghi âm lần thứ nhất tại Pháp.

Điều L.311-3

Tiền nhuận bút về sao chép của tư nhân, trong những điều kiện dưới đây, được tính theo cách khoán ghi trong đoạn hai, điều L.131-4

Điều L.311-4

Tiền nhuận bút ghi trong điều L.311-3 do người sản xuất, người nhập khẩu hoặc người mua trong Cộng đồng, theo nghĩa ở điểm 3, phần I, điều 256, Bộ luật chung về thuế, phương tiện ghi dùng để sao tác phẩm dùng riêng khi lưu hành các phương tiện này ở Pháp.

Tiền nhuận bút tùy thuộc vào loại phương tiện và thời gian ghi mà phương tiện cho phép.

Điều L.311.-5

Các loại phương tiện, tỷ lệ nhuận bút và thể thức trả do một tiểu ban do đại diện Nhà nước chủ trì, ngoài ra có một nửa gồm những người do các tổ chức đại diện cho những người hưởng lợi nhuận chỉ định, một phần tư gồm những người do các tổ chức đại diện cho người sản xuất hoặc người nhập những phương tiện nói trong đoạn một của điều trước chỉ định và một phần tư gồm những người do các tổ chức đại diện cho người tiêu thụ chỉ định.

Các tổ chức được chỉ định để cử người vào tiểu ban cũng như số người mà mỗi tổ chức sẽ cử do nghị định của Bộ trưởng Văn hóa quyết định

Tiểu ban quyết định theo đa số thành viên có mặt. Trường hợp số phiếu bỏ ngang nhau, chủ tịch có lá phiếu quyết định. Nghị quyết của tiểu ban phải được chấp hành nếu trong vòng một tháng, chủ tịch không yêu cầu ra nghị quyết thứ hai.

Các quyết định của tiểu ban đăng trong công báo của nước Cộng hòa Pháp.

Điều L.311-6

Tiền nhuận bút ghi trong điều L.311-1, do một hoặc nhiều tổ chức ghi ở Tít II của cuốn sách này nhận cho những người có quyền.

Tiền này được những tổ chức nêu ở đoạn trên phân chia cho những người có quyền, tuỳ theo các bản sao dùng riêng về mỗi tác phẩm

Điều L.311-7

Tiền nhuận bút về bản sao, các bản ghi âm dùng riêng, một nửa thuộc về các tác giả theo nghĩa trong Bộ luật này, một phần tư thuộc về những người biên dịch là nghệ sĩ và một phần tư là của những người sản xuất.

Các tác giả theo nghĩa của Bộ luật này, những người biên dịch là nghệ sĩ và những người sản xuất được hưởng tiền nhuận bút về bản sao bằng video.

Tác giả và người sản xuất hưởng ngang nhau tiền nhuận bút về bản sao riêng các tác phẩm ghi trong đoạn hai điều L.311.1.

Tít II : Các nhóm có tư cách pháp nhân nhận và phân phối tiền

Chương duy nhất

Điều L.321-1

Các nhóm thu và phân phối tiền cho tác giả, cho biên dịch là nghệ sĩ và người sản xuất băng ghi âm và video được thành lập dưới hình thức các nhóm dân sự.

Nhóm viên phải là tác giả, người biên dịch là nghệ sĩ, người sản xuất băng ghi âm hoặc video, người sản xuất hoặc người có quyền. Các nhóm dân sự được lập ra thường xuyên này có tư cách ra toà bảo vệ các quyền mà họ chịu trách nhiệm theo điều lệ.

Hoạt động thanh toán tiền của các nhóm dân sự này kéo dài trong thời hạn mười năm tính từ ngày nhận, thời hạn này treo lại cho đến ngày phân chia tiền.

Điều L.321-2

Các hợp đồng do các nhóm dân sự hoặc những người có những quyền tương tự ký kết với những người sử dụng toàn bộ hoặc từng phần danh mục của họ đều là chứng thư dân sự.

Điều L.321-3

Các đề án về quy chế và điều lệ chung của các nhóm nhận và phân phối quyền được gửi đến bộ trưởng Văn hóa.

Trong tháng nhận quyền, bộ trưởng có thể đưa ra toà Phúc thẩm nếu động cơ thực và nghiêm túc đối lập với việc thành lập của một trong những nhóm đó.

Toà án đánh giá cao trình độ nghiệp vụ của những người sáng lập các nhóm này, các phương tiện về người và vật liệu mà họ đề nghị để đảm bảo việc thu nhận quyền và khai thác danh mục quyền

Điều L.321-4

Các nhóm thu nhận và phân phối tiền có trách nhiệm chỉ định kế toán và một số người dự khuyết chọn trong danh sách nêu trong điều 225-219 của Bộ Luật thương mại, và những người này làm chức trách của mình trong những điều kiện do luật đó đưa ra theo thể lệ riêng. Các quy định trong điều L.242-27 của Bộ Luật thương mại nói trên đều có thể áp dụng.

Các quy định trong điều 29, luật số 84-148, ngày 1-3-1984 về biện pháp phòng ngừa và khắc phục khó khăn của các doanh nghiệp có thể áp dụng.

Điều 321-5

Quyền thông báo ghi trong điều 1855, Bộ Luật dân sự áp dụng cho các nhóm dân sự phân phối quyền, không vì thế mà một thành viên có thể có thông báo về số tiền phân chia cho từng người có quyền ngoài người đó ra. Một Sắc lệnh của Nhà nước quy định thể thức sử dụng quyền này.

Điều L.321-6

Bất cứ nhóm người cộng tác nào đại diện ít nhất cho một phần mười số lượng chung có thể đề nghị toà cử một hoặc nhiều chuyên gia có nhiệm vụ báo cáo về một hoặc nhiều hoạt động quản lý.

Bộ công chúng và uỷ ban doanh nghiệp có tư cách hành động vì mục đích đó.

Báo cáo gửi cho người đề nghị, Bộ công chúng, ủy ban doanh nghiệp, kế toán, hội đồng quản trị. Báo cáo này gửi kèm báo cáo về kế toán để chuẩn bị cho đại hội toàn thể lần thứ nhất Báo cáo cũng được đưa ra công khai.

Điều L.321-7

Các nhóm thu nhận và phân phối quyền phải cung cấp cho người sử dụng bản danh mục tác giả và nhà soạn nhạc Pháp và nước ngoài, mà các nhóm đó đại diện.

Điều L.321-8

Điều lệ của các nhóm thu nhận và phân phối quyền phải đề ra điều kiện thuận lợi cho các hội có mục đích phục vụ lợi ích chung, trong những hoạt động không thu tiền vào cửa, giảm bớt tiền về quyền tác giả và quyền của phiên dịch viên là nghệ sĩ và của những nhà sản xuất băng tiếng mà họ phải trả.

Điều L.321-9

Các hội này có những hoạt động hỗ trợ sáng tạo, truyền trực tiếp buổi biểu diễn và những hoạt động đào tạo nghệ sĩ

1) 25% tiền thu nhuận bút về việc sao chép dùng riêng,

2) Toàn bộ số tiền thu được về việc vận dụng các điều L.122-10, L.132-20-1, L.214 - 1, L.217-2 và L.311-1 và không thể phân chia được vận dụng các hiệp ước quốc tế mà nước

Pháp là thành viên, hoặc vì không thể nhận dạng hoặc tìm lại được những người nhận, trước khi thời hạn ghi trong đoạn cuối của điều L.321-1 kết thúc.

Các hội có thể dùng vào những hoạt động đó toàn bộ hoặc một phần những số tiền nói đến ở điểm 2, tính từ cuối năm thứ năm theo ngày phân phối chúng, mà không kể đến những sự đòi hỏi thanh toán các quyền không quy định. Sự phân phối các khoản tiền tương ứng không thể làm lợi cho một tổ chức duy nhất, phải đưa ra cuộc họp toàn thể của hội bỏ phiếu với đa số hai phần ba. Nếu không có đa số đó thì sẽ triệu tập một cuộc họp toàn thể khác, riêng về việc đó để quyết định theo đa số phiếu thường.

Tổng số tiền và việc sử dụng tiền đó mỗi năm phải được ghi trong báo cáo của các hội thu và phân chia tiền gửi cho Bộ trưởng Văn hoá. Người giám sát kế toán kiểm tra tính trung thực và sự ăn khớp với các tài liệu kế toán của hội thông tin ghi trong báo cáo. Người đó làm báo cáo riêng về việc này.

Điều L.321-11

Không kể đến những quy định chung dành cho các hội dân sự, Bộ trưởng Văn hoá có thể đề đạt với toà án về việc giải thể một hội thu nhận và phân phối tiền.

Trường hợp vi phạm luật, toà án có thể cấm một hoạt động thu tiền trong một lĩnh vực hoặc về một phương thức khai thác.

Điều L.321-12

Hội thu nhận và phân phối tiền thông báo hàng năm cho Bộ trưởng Văn hoá tình hình kế toán và báo cáo, ít nhất hai tháng trước khi có cuộc họp toàn thể để xem xét, mọi đề án sửa đổi điều lệ hoặc nội quy thu nhận và phân phối tiền.

Theo yêu cầu của Bộ trưởng Văn hoá, hội gửi bộ trưởng mọi tài liệu về việc thu nhận và phân phối tiền và bản sao các quy ước đã thông qua cùng với những người thứ ba.

Bộ trưởng hoặc người đại diện có thể thu thập những thông tin ghi trong điều khoản này qua giấy tờ và tại chỗ.

Điều 321-13

1. Một tiểu ban thường trực kiểm tra các hội thu nhận và phân phối tiền gồm năm uỷ viên sẽ được thành lập theo sắc lệnh trong thời gian năm năm.

- Một cố vấn là luật sư Toà kiểm toán, chủ tịch, do chủ tịch thứ nhất Toà kiểm toán chỉ định;

- Một cố vấn Nhà nước do phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước chỉ định;

- Một cố vấn Toà phá án do chủ tịch thứ nhất Toà phá án chỉ định;

- Một ủy viên Thanh tra tài chính do Bộ trưởng Tài chính chỉ định.

- Một uỷ viên Tổng Thanh tra hành chính các hoạt động văn hoá do Bộ trưởng Bộ Văn hoá chỉ định.

Tiểu ban có thể được sự trợ giúp của các báo cáo viên do các ủy viên Hội đồng Nhà nước và đoàn cố vấn các toà án hành chính và toà án phúc thẩm hành chính, các thẩm phán

Toà phá án và các toà án khác, các thẩm phán Toà kiểm toán và các phòng kế toán địa phương, uỷ viên Tổng thanh tra tài chính và các uỷ viên đoàn các quan chức hành chính dân sự chỉ định. Ngoài ra, Tiểu ban có thể sử dụng công chức và nhờ cậy các chuyên gia do chủ tịch Tiểu ban chỉ định.

2. Tiểu ban kiểm tra tình hình kế toán và quản lý các hội thu nhận và phân phối tiền cũng như tình hình kế toán ở các chi nhánh và các tổ chức mà Tiểu ban kiểm tra

Vì mục đích đó, những người lãnh đạo các hội, chi nhánh và tổ chức này có trách nhiệm hỗ trợ tiểu ban, cung cấp mọi tài liệu và đáp ứng mọi yêu cầu thông tin cần thiết cho việc thi hành nhiệm vụ của Tiểu ban. Về những hoạt động cần đến tin học, quyền có thông tin bao hàm việc tiếp cận phần mềm và cứ liệu, cũng như quyền yêu cầu in lại các tài liệu mà yêu cầu kiểm tra trực tiếp cần, bằng mọi phương thức thích hợp.

Tiểu ban có thể yêu cầu các uỷ viên phụ trách kế toán của các hội thu nhận và phân chia tiền cung cấp tình hình về các hội mà họ kiểm soát. Khi đó họ không phải giữ bí mật nghề nghiệp đối với các thành viên của Tiểu ban

Tiểu ban có thể kiểm tra các hội và tổ chức nói đến trong điểm một của đoạn này qua giấy tờ và tại chỗ.

3. Tiểu ban kiểm tra các hội gửi báo cáo hàng năm lên Nghị viện, Chính phủ và các kỳ họp đại hội các hội đó.

4. Đối với mọi người lãnh đạo một hội hoặc tổ chức mà Tiểu ban kiểm tra, việc không đáp ứng yêu cầu về thông tin của Tiểu ban, gây bất kỳ trở ngại cho việc thi hành nhiệm vụ của Tiểu ban, hoặc cố tình cung cấp thông tin sai sẽ bị phạt một năm tù giam và 15.000 euros.

5. Tiểu ban đặt trụ sở trong khu Trụ sở Toà kiểm toán. Toà này lo văn phòng cho Tiểu ban.

6. Một Sắc lệnh của Hội đồng Nhà nước quyết định về tổ chức và hoạt động của Tiểu ban và các thủ tục phải làm.

Tứ III: Thủ tục và sự trừng phạt

Chương I: Quy định chung

Điều L.331-1

Mọi tranh chấp về thực hiện các quy định trong phần một bộ luật này thuộc thẩm quyền các toà trấn áp, bên bị thương tổn có quyền chống án lên toà theo quyền chung.

Các tổ chức bảo vệ nghề nghiệp lập ra thường xuyên có tư cách kiện ra toà án để bảo vệ những quyền lợi mà các tổ chức đó có trách nhiệm theo điều lệ.

Điều L.331-2

Ngoài những biên bản do sĩ quan hoặc cảnh sát tư pháp lập, bằng chứng về tính vật chất của mọi sự vi phạm các quy định trong Quyển I, II và III của Bộ luật này và của điểm 52, Luật số 85-660 ngày 3-7-1985 về Quyền tác giả, của các phiên dịch viên là nghệ sĩ, người sản xuất băng tiếng và băng video và các doanh nghiệp thông tin nghe - nhìn có thể có từ những điều ghi nhận của các nhân viên tuyên thệ được Trung tâm điện ảnh quốc gia, các tổ chức chuyên nghiệp về tác giả và các hội nêu trong Tít II, cuốn sách này chỉ định tuỳ từng trường hợp.

Những nhân viên này được bộ trưởng Bộ Văn hoá chấp nhận trong những điều kiện mà Sắc lệnh của Hội đồng Nhà nước đã đưa ra.

Điều L.331-4

Các quyền nêu trong phần một của Bộ luật này không thể cản trở các hoạt động cần thiết để hoàn thành một thủ tục pháp lý hoặc hành chính mà luật pháp đề ra, hoặc vì an ninh công cộng.

Chương II : Tịch thu đồ giả mạo

Điều 332-1

Nhân viên cảnh sát và ở những nơi không có cảnh sát, thẩm phán xét xử có trách nhiệm tịch thu những bản sao tác phẩm trái phép, theo yêu cầu của tác giả một tác phẩm được bảo trợ theo quyển I, những người có quyền tác giả hoặc những người kế tục tác giả.

Nếu việc tịch thu khiến phải trì hoãn hoặc đình chỉ các buổi biểu diễn, hoặc các buổi biểu diễn đang diễn ra trước công chúng hoặc đã quảng cáo, thì phải được phép đặc biệt của chủ tịch Toà án cấp hai ghi trên lệnh để nộp khi có yêu cầu. Chủ tịch toà án cấp hai cũng có thể dùng hình thức đó ra lệnh:

1. Đình chỉ mọi việc sản xuất đang làm về việc sao trái phép một tác phẩm.

2. Tịch thu, vào bất kỳ ngày giờ nào, các bản sao trái phép một tác phẩm đã hoặc đang làm, thu nhập đã có và những bản sao dùng trái phép;

3. Tịch thu thu nhập có từ việc sao chép, biểu diễn hoặc phát hành, bằng bất kỳ phương tiện nào, một tác phẩm trí tuệ vi phạm quyền tác giả ;

4. Đình chỉ bằng mọi cách một dịch vụ thông tin cho công chúng xâm phạm một trong những quyền của tác giả, kể cả việc ra lệnh đình dự trữ nội dung đó, hoặc nếu không thì không cho phép tiếp cận với nó. Trường hợp này, thời hạn ghi trong điều L.332-2 rút xuống mười lăm ngày.

Chủ tịch toà án cấp hai có thể cũng bằng những hình thức đó ra chỉ thị về những biện pháp ghi trong các điều 1 và bốn trong đơn đề nghị của những người có những quyền tương đương ghi trong Quyển II.

Chủ tịch toà án cấp hai có thể chỉ thị, trong những lệnh nói trên, cho người tịch biên tổ chức trước việc nộp ký quỹ thích hợp.

Điều L.332-2

Trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày lập biên bản tịch thu nói đến trong đoạn 1 điều L.332-1, hoặc ngày ra lệnh nêu trong cùng một điều khoản, người bị tịch biên hoặc người bị tịch biên thứ ba có thể đề nghị chủ tịch toà án cấp hai công bố sự hủy bỏ việc tịch biên, hoặc giới hạn tác dụng, hoặc cho phép sản xuất lại, hoặc biểu diễn lại, hoặc biểu diễn trước công chúng, giao các sản phẩm của việc sản xuất hoặc khai thác đó cho một quan chức hành chính tạm giữ.

Chủ tịch toà án cấp hai ra lệnh xử cấp thẩm có thể chấp nhận đơn thỉnh cầu của người bị tịch biên hoặc người thứ ba bị tịch biên, ra lệnh ký gửi một số tiền do người thỉnh cầu bỏ ra để bảo đảm tiền bồi thường thiệt hại mà tác giả có thể đòi.

Điều L.332-3

Nếu người tịch biên không đưa ra toà án có thẩm quyền trong ba mươi ngày sau khi tịch biên, chủ tịch toà án ra lệnh xử cấp thẩm có thể huỷ bỏ việc tịch biên theo đề nghị của người bị tịch biên hoặc người thứ ba bị tịch biên.

Điều L.332-4

Về phần mềm và cơ sở dữ liệu, việc tịch biên đồ giả mạo được tiến hành theo lệnh của chủ tịch toà án cấp hai, lệnh này phải nộp khi yêu cầu. Chủ tịch cho phép tịch biên thật sự nếu cần. Nhân viên chấp hành của toà án đứng chứng kiến hoặc nhân viên cảnh sát có thể được chuyên gia do người đệ đơn chỉ định giúp đỡ.

Không có lệnh toà đòi hoặc giấy gọi trong vòng mười lăm ngày tịch biên thì việc tịch biên đồ giả mạo vô hiệu.

Ngoài ra, theo yêu cầu của người có quyền hạn về phần mềm hoặc cơ sở cứ liệu, nhân viên cảnh sát có trách nhiệm tiến hành liệt kê phần mềm hoặc cơ sở cứ liệu giả mạo bị tịch biên, có thể được cụ thể hoá bằng một bản sao.

Chương III : Quyết định tịch biên

Điều L.333-1

Khi các sản phẩm khai thác trở về với tác giả một tác phẩm trí tuệ đã là đối tượng của một quyết định tịch biên, chủ tịch toà án cấp hai có thể ra lệnh trả cho tác giả, để cấp dưỡng, một số tiền hoặc định suất ấn định về các khoản tiền tịch biên.

Điều L.333-2

Những số tiền phải trả cho các tác giả, các nhà soạn nhạc hoặc các nghệ sĩ và vợ/chồng của họ còn sống, nếu những người này không có bản án ly hôn, hoặc con cái vị thành niên với tư cách kế vị về việc khai thác lấy tiền, việc chuyển nhượng quyền sở hữu văn học nghệ thuật, không thể bị tịch biên nếu mang tính chất cấp dưỡng.

Điều L.333-3

Tỷ lệ không bị tịch biên về những số tiền này trong bất kỳ trường hợp nào không thể dưới bốn phần năm, khi số tiền hàng năm nhiều nhất là bằng nấc tiền cao nhất dự kiến theo Chương V, Tít IV, Quyển I, Bộ Luật lao động.

Chương V : Quy định về hình sự

Điều L.335-1

Các sĩ quan cảnh sát tư pháp có thẩm quyền có thể tiến hành việc ghi nhận các vụ vi phạm nói trong điều L.335-4 của Bộ luật này, khi tịch biên các băng tiếng và băng video sao trái phép, các bản in và các thứ đã sản xuất hoặc nhập khẩu trái phép và các vật liệu lắp đặt riêng dùng vào những việc trên.

Điều L.335-2

Mọi việc xuất bản tác phẩm, bản nhạc, bản vẽ, tranh hội hoạ hoặc các loại sao chép khác, in hoặc khắc toàn bộ hoặc từng phần, bất chấp luật pháp và những điều quy định liên quan đến quyền sở hữu của tác giả, đều là giả mạo, và mọi sự giả mạo đều là phạm tội.

Ở Pháp, việc giả mạo các tác phẩm xuất bản ở Pháp hoặc ở nước ngoài, bị phạt ba năm tù giam và 300.000 euros.

Việc bán, xuất nhập khẩu các tác phẩm giả mạo cũng bị phạt như thế.

Khi các tội ghi trong điều khoản này do băng có tổ chức phạm thì hình phạt lên đến năm năm tù giam và 500.000 euros.

Điều L.335-3

Mọi việc sao chép, biểu diễn hoặc phổ biến, bất kỳ dưới hình thức nào, một tác phẩm trí tuệ vi phạm các quyền của tác giả, như pháp luật đã xác định và đưa ra quy chế, cũng là tội giả mạo.

Việc vi phạm một trong những quyền của tác giả về phần mềm định rõ trong điều L122-6 cũng là tội giả mạo.

Điều L.335-5

Trường hợp kết án dựa trên một trong những điều vi phạm xác định trong ba điều khoản trên, toà án có thể ra lệnh đóng cửa hẳn hoặc từng bộ phận, vĩnh viễn hoặc tạm thời, trong thời gian lâu nhất là năm năm, cơ sở đã vi phạm.

Việc đóng cửa tạm thời không thể kéo theo việc huỷ bỏ hoặc tạm ngừng hợp đồng lao động và không gây thiệt hại về tiền cho những người làm công liên quan. Khi việc đóng cửa vĩnh viễn dẫn đến việc sa thải nhân viên, ngoài tiền đền bù về không báo trước và sa thải còn phải bồi thường thiệt hại theo các điều L.122-14-4 và L.122-14-5 của Bộ Luật lao động khi huỷ bỏ hợp đồng lao động. Việc không bồi thường sẽ bị phạt sáu tháng tù giam và 3.750 euros.

Điều L.335-6

Trong tất cả các trường hợp nêu trong bốn điều khoản trên đây, toà án có thể công bố việc tịch thu toàn bộ hoặc từng phần các khoản thu nhập do vi phạm mà có và tịch thu tất cả băng đĩa tiếng, băng video, đồ và bản làm giả hoặc sao trái phép và vật liệu chuyên dùng để phạm tội.

Toà án cũng có thể ra lệnh niêm yết bản án đã công bố trong những điều kiện và với những hình phạt ghi trong điều 131-35 của Bộ Luật hình sự, cũng như cho đăng toàn văn hoặc trích đoạn trên báo hoặc bằng các phương tiện truyền thông cho công chúng biết, người bị kết án chịu mọi phí tổn và phí tổn này không được vượt quá số tiền phạt tối đa.

Điều L.335-7

Trong những trường hợp nêu trong năm điều khoản trên, vật liệu, đồ làm giả và thu nhập bị tịch thu sẽ được trao cho nạn nhân hoặc những người có quyền để đền bù thiệt hại; số tiền đền bù dôi ra hoặc toàn bộ tiền đền bù, nếu không có việc tịch thu vật liệu, đồ giả mạo hoặc thu nhập, sẽ được giải quyết theo cách thông thường.

Điều L.335-8

Những nhóm người có tư cách pháp nhân có thể bị coi là chịu trách nhiệm hình sự trong những điều kiện ghi trong điều 121-2 của Bộ Luật hình sự về các vụ vi phạm ghi trong các điều từ L.335-2 đến L.335-4 của bộ luật này.

Những hình phạt mà các nhóm phải chịu là :

1) Phạt tiền theo các thể thức ghi trong điều 131-38;

2) Những hình phạt nêu trong điều 131-39;

Việc cấm đoán nêu trong điểm 2, điều 131-39 nói về hoạt động vi phạm hoặc hoàn cảnh vi phạm.

Điều L.335-9

Trường hợp tái phạm việc đã vi phạm ghi trong các điều từ L.335-2 đến L.335-4, hoặc nếu kẻ phạm tội hiện nay hoặc trước kia ràng buộc với bên gây hại bằng giao ước thì những hình phạt sẽ tăng lên gấp đôi.

Điều L.335-10

Cơ quan hải quan có thể thể theo đơn đề nghị của người có một quyền của tác giả hoặc một quyền tương đương kèm theo chứng thư về quyền của mình trong điều kiện ghi trong Sắc lệnh của Hội đồng Nhà nước, giữ lại những hàng hoá mà theo phạm vi kiểm soát của mình bị coi là giả mạo quyền này, trong khuôn khổ quyền kiểm soát của mình.

Các cơ quan hải quan báo ngay không chậm trễ cho Biện lý của nước Cộng hoà, nguyên đơn và người khai hoặc người chứa chấp hàng biết việc đã giữ hàng.

Biện pháp giữ hàng sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ nếu, trong vòng mười ngày làm việc, tính từ khi thông báo việc giữ hàng, nguyên đơn không chứng thực tại cơ quan hải quan :

- Những biện pháp để bảo quản ghi trong điều L.332-1

- Chống án bằng con đường dân sự hoặc tiểu hình v.v... đã có những điều bảo đảm cần thiết để lại trách nhiệm nếu như sau này việc giả mạo không bị phát hiện.

Để khởi kiện như ghi ở đoạn trên, nguyên đơn có thể xin cơ quan hải quan cho biết tên và địa chỉ người gửi, người nhập khẩu và người nhận số hàng bị giữ, hoặc người chứa chấp hàng, cũng như số lượng hàng, mặc dù có những điều quy định trong điều 59 bis của Bộ luật hải quan về bí mật nghề nghiệp mà nhân viên hải quan phải giữ.

Việc giữ nói trong đoạn một không dính dáng đến hàng hoá theo quy chế Cộng đồng, sản xuất hợp pháp, hoặc hàng được phép vào cảng ở một nước thành viên của Cộng đồng Châu Âu và đưa ra bán ở thị trường một nước thành viên khác, sau khi mượn lãnh thổ hải quan như nêu trong điều 1 của Bộ Luật hải quan, để thương phẩm hóa.

Tít V: Quyền của những người sản xuất cơ sở cứ liệu

Chương I: Phạm vi ứng dụng

Điều L.341-1

Người sản xuất cơ sở cứ liệu, coi như người có sáng kiến và chịu rủi ro về đầu tư cho việc này, được sự bảo hộ về nội dung cơ sở khi việc lập ra, kiểm tra hoặc giới thiệu nội dung đó được sự đầu tư chính về vật chất, vật lực hoặc về người thực thụ chứng thực.

Sự bảo trợ này độc lập và không hại đến những sự bảo trợ đến từ quyền tác giả hoặc một quyền khác về cở sở cứ liệu hoặc một trong những yếu tố cấu thành nó.

Điều L341-2

Những người sau đây được hưởng tít này :

1. Những người sản xuất cơ sở cứ liệu thuộc quốc tịch một nước thành viên Cộng đồng Châu Âu hoặc một nước tham gia hiệp định về không gian kinh tế Châu Âu, hoặc cư trú thường xuyên ở nước đó;

2. Các hội hoặc doanh nghiệp được thành lập theo pháp luật của một nước thành viên và đặt trụ sở, ban quản trị trung tâm hoặc cơ sở chính trong cộng đồng hoặc tại một quốc gia tham gia hiệp định về không gian kinh tế Châu Âu nhưng nếu một hội hoặc doanh nghiệp như vậy chỉ có trụ sở trên lãnh thổ nước đó thì hoạt động phải có mối liên hệ thật sự và liên tục với nền kinh tế của một trong những nước đó.

Những người sản xuất cơ sở cứ liệu không đáp ứng các điều kiện nói trên được nhận sự bảo trợ nêu trong tít này khi Hội đồng Cộng đồng Châu Âu ký kết một hiệp định riêng với quốc gia mà họ mang quốc tịch.

Chương II : Phạm vi bảo hộ

Điều L.342-1

Người sản xuất cơ sở cứ liệu có quyền cấm:

1) Trích, chuyển thường xuyên hoặc nhất thời toàn bộ hoặc một phần không phải là chủ yếu về chất và lượng của nội dung một cơ sở cứ liệu sang một phương tiện khác, bằng mọi cách và mọi hình thức;

2) Việc sử dụng lại toàn bộ hoặc một phần không phải là chủ yếu về chất và lượng của nội dung cơ sở cứ liệu, bất kỳ dưới hình thức nào.

Những quyền này có thể chuyển giao hoặc nhượng, hoặc theo đối tượng giấy phép.

Việc cho công chúng mượn không phải là việc trích hoặc sử dụng lại.

Điều L.342-2

Người sản xuất cũng có thể cấm trích hoặc sử dụng lại nhiều lần một cách hệ thống những phần không chủ yếu về lượng và chất, khi những việc này rõ ràng là đi qua những điều kiện sử dụng cơ sở cứ liệu một cách bình thường.

Điều L.342-3

Khi một cơ sở cứ liệu được người có quyền đưa ra phục vụ công chúng, thì người này có thể cấm :

1) Trích hoặc sử dụng lại một phần không chủ yếu trong việc đánh giá về lượng và chất của nội dung cơ sở bởi một người đã tiếp xúc với nó một cách hợp pháp;

2) Trích dùng riêng một phần chủ yếu về lượng và chất của nội dung cơ sở cứ liệu không phải điện tử với điều kiện tôn trọng các quyền của tác giả hoặc các quyền tương tự về những tác phẩm hoặc yếu tố được đưa vào cơ sở đó.

Mọi điều khoản trái với điểm 1 trên đây đều không có giá trị.

Điều L.342-4

Đợt bán lần đầu bản sao thực của một cơ sở cứ liệu trên lãnh thổ một quốc gia là thành viên Cộng đồng Châu Âu hoặc một nước tham gia hiệp ước về không gian kinh tế Châu Âu, do người có quyền tiến hành hoặc đồng ý, làm mất quyền kiểm soát việc bán lại bản sao đó trong tất cả các nước thành viên.

Tuy nhiên, việc truyền trên mạng một cơ sở cứ liệu không làm mất đi quyền kiểm soát việc bán lại một bản sao thực hoặc một phần của cơ sở cứ liệu này của người sản xuất.

Điều L.342-5

Những quyền nêu trong điều L.342-1 có hiệu lực từ khi hoàn thành sản xuất cơ sở cứ liệu, và hết hạn sau mười lăm năm tính từ ngày 1 tháng 1 của năm lịch thường, đến sau khi hoàn thành.

Khi một cơ sở cứ liệu được đưa ra phục vụ quần chúng trước khi hết thời hạn ghi trong đoạn trên đây, các quyền hết hiệu lực sau mười lăm năm kể từ ngày 1 tháng1 của năm lịch thường đến sau năm nói trên.

Nhưng, trường hợp một cơ sở cứ liệu được bảo trợ là đối tượng của việc đầu tư chính mới, việc bảo trợ kết thúc mười lăm năm sau ngày 1-1 năm thường, đến sau năm đầu tư.

Chương III : Hình phạt

Điều L.343-1

Việc vi phạm các quyền của người sản xuất một cơ sở cứ liệu như ghi trong điều L.342-1 bị phạt ba năm tù giam và 300.000 euros. Khi một băng có tổ chức vi phạm thì hình phạt lên đến năm năm tù giam và 500.000 euros tiền phạt.

Điều L.343-2

Những tổ chức có tư cách pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm hình sự trong những điều kiện nêu trong điều 121-2, Bộ Luật hình sự về những vi phạm nêu trong điều L.343-1. Những hình phạt mà các tổ chức này phải chịu là :

1) Phạt tiền theo các thể thức ghi trong điều L.131-38, Bộ Luật hình sự;

2) Những hình phạt ghi trong điều L.131-39, Bộ Luật hình sự về việc cấm đoán ghi trong điểm 2 của điều luật này về hoạt động vi phạm hoặc vi phạm.

Điều L.343-3

Trường hợp tái phạm quy định trong điều L.343-1, hoặc nếu người vi phạm đã hoặc đang có quan hệ với bên gây hại do giao ước thì hình phạt tăng gấp đôi.

Ngoài ra, những người vi phạm có thể mất quyền bầu cử và tư cách để được bầu vào các Toà án thương mại, phòng thương mại và công nghiệp, và các phòng nghề nghiệp và hội đồng hòa giải lao động, trong thời gian không quá năm năm.

Điều L.343-4

Ngoài những biên bản do các sĩ quan hoặc nhân viên cảnh sát tư pháp lập, chứng cứ về tính thực tế của các vụ vi phạm ghi trong chương này có thể là những điều ghi nhận của nhân viên tuyên thệ do các tổ chức chuyên môn của người sản xuất chỉ định. Những người này được bộ trưởng Bộ Văn hoá chấp nhận trong những điều kiện giống như điều kiện ghi trong điều L.331-2.

Phần quy chế

Quyển 1 : Quyền tác giả

Tít thứ nhất: Đối tượng của quyền tác giả

Chương I : Tính chất quyền tác giả

Điều R.111-1

Tiền trả định kỳ ghi trong điều L.111-4 (đoạn 3) của Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ được trả cho một trong những tổ chức có thẩm quyền sau đây theo điều lệ, tính chất của tác phẩm và phương thức khai thác dự kiến:

- Trung tâm văn chương quốc gia;
- Hội nhà văn quốc gia ;
- Hội các tác giả và nhà soạn nhạc kịch;
- Hội các tác giả, nhà soạn nhạc và nhà xuất bản âm nhạc;
- Hội quản lý quyền sao chép bằng máy tác phẩm của các tác giả, nhà soạn nhạc và nhà xuất bản âm nhạc;
- Hội tác giả nghệ thuật nhìn.

Trường hợp tổ chức có thẩm quyền không nhận thu tiền trả định kỳ, hoặc nếu không có tổ chức có thẩm quyền, thì tiền đó được nộp cho Quỹ ký gửi.

Điều R.111-2

Số tiền mà người sử dụng tác phẩm phải trả được định ra theo điều kiện thông dụng trong từng loại tác phẩm nói đến.

Việc trả tiền và dùng tiền vào lợi ích chung hoặc lợi ích nghề nghiệp chịu sự kiểm tra của bộ trưởng Bộ Văn hoá.

Tít III: Khai thác các quyền

Chương III : Nhuận bút cho mượn sách thư viện

Điều R.133-1

Các thư viện tiếp quản chúng đến mượn sách nêu trong các điều L.133-3 và L.133-4 là:

1) Các thư viện của các tập thể trên các lãnh thổ nêu trong các điều từ L.310-1 đến *L.310-6* và *L.320-1 đến L.320-4 của Bộ Luật về di sản;*

2) Các thư viện công sở có tính chất khoa học, văn hoá và chuyên môn và các trường thuộc ngành giáo dục cao đẳng thuộc quyền bộ trưởng phụ trách ngành giáo dục cao đẳng;

3) Thư viện các uỷ ban doanh nghiệp; vụ quần chúng, trong đó hơn một nửa số bản mua trong năm dành để tổ chức cho những cá nhân hoặc tập thể ghi tên mượn.

Điều R.133-2

Phần đầu tiền nhuận bút ghi trong đoạn hai, điều L.133-3 được tính trên cơ sở góp khoán của từng người sử dụng ghi tên tại các thư viện cho mượn công cộng như nêu trong điều R.133-1.

Tiền góp là 1 euro một người ghi tên tại các thư viện công cộng có tính khoa học, văn hoá hoặc chuyên nghiệp và các trường học ngành giáo dục cao đẳng thuộc quyền bộ trưởng phụ trách ngành giáo dục cao đẳng do bộ trưởng chi. Tiền góp đối với một bạn đọc ghi tên tại các thư viện công cộng khác, mà bộ trưởng Bộ Văn hoá đóng là 1,5 euros mỗi người.

Trong năm vận dụng luật đầu tiên, tiền đóng góp này là 0,5 euro cho một bạn đọc tại thư viện các trường thuộc ngành giáo dục cao đẳng và 0,75 euro tại các thư viện khác.

Nghị định quy định hàng năm số người ghi tên mượn sách trong những điều kiện sau đây:

1) Số người mượn sách ghi tên tại các thư viện công cộng được ước lượng hàng năm qua những yếu tố thống kê do các xã và tỉnh cung cấp theo các điều R.1422-5 và R.1422-4 của Bộ luật chung về các tập thể trên lãnh thổ;

2) Số lượng người mượn sách tại thư viện các cơ sở công về khoa học, văn hoá và nghiệp vụ và các trường công ngành giáo dục cao đẳng thuộc quyền bộ trưởng phụ trách giáo dục cao đẳng được ước lượng hàng năm qua số liệu thống kê hàng năm mà bộ trưởng chuyên trách thu thập.

3) Để tính bạn đọc ghi tên tại các thư viện cho mượn khác, số lượng người mượn sách ghi tên tại các thư viện công cộng được tăng lên theo tỷ lệ phần trăm. Tỷ lệ này được ấn định là 4% và ba năm sửa đổi một lần theo con số ước lượng về sự phát triển hoạt động của các thư viện.

Quyển III : Quy định chung

Tít II: Các hội thu và phân phối

Chương I: Quy định chung

Điều R.321-1

Hồ sơ gửi đến bộ trưởng Bộ Văn hoá, theo điều L.321-3 gồm các dự thảo điều lệ và quy chế chung, và tất cả các giấy tờ chứng thực trình độ nghiệp vụ của những người sáng lập và tình trạng các phương tiện về người, vật liệu hoặc tài chính giúp cho hội bảo đảm việc thu nhận và khai thác các quyền một cách hữu hiệu.

Hồ sơ được gửi bằng thư bảo đảm có biên nhận.

Điều R.321-2

Bất kỳ lúc nào mọi hội viên có thể đề nghị hội gửi cho mình:

1) Danh sách những người mà hội uỷ nhiệm;

2) Bảng ghi lại trong thời gian năm năm những số tiền thu và phân phối hàng năm và phần trích để chi về quản lý và các khoản trích khác.

3) Tài liệu ghi quy tắc phân phối có thể vận dụng ;

4) Số tiền mà người đó được hưởng trong mười hai tháng do các hợp đồng ký với người sử dụng và cách xác định số tiền đó.

Điều R.321-3

Trong các hội thu nhận và phân phối tiền, các hội viên có thể được triệu tập hoặc bằng thư bảo đảm, hoặc bằng thông báo đăng ít nhất trên hai tờ báo phát hành trên toàn quốc, có đủ tư cách nhận các thông báo trong tỉnh đặt trụ sở và do điều lệ quyết định. Mọi sự thay đổi trong danh sách các báo có trước khi công bố điều lệ được báo cho các hội viên biết bằng mọi phương tiện thích hợp.

Ngoài những điều chỉ dẫn trong đoạn một, điều 40 của Sắc lệnh số 78-704 ngày 3-7-1978, thông báo ghi ngày và nơi họp toàn thể; thông báo này được đăng ít nhất là mười lăm ngày trước ngày họp.

Khi điều lệ dự kiến một số cuộc họp toàn thể phải theo những điều kiện riêng về số đại biểu cần thiết hoặc đa số thì phải ghi điều kiện trong thông báo mời họp.

Điều R.321-4

Ngày họp phiên họp toàn thể để báo cáo về việc quản lý hội do điều lệ định, theo điều 1856 của Bộ Luật dân sự.

Khi không họp được trong những điều kiện nêu trong điều lệ, phải báo trước cho hội viên ít nhất là trước mười lăm ngày, bằng thư bảo đảm có biên nhận, hoặc đăng thông báo hoãn họp theo các thể thức ghi trong điều R.321-3. Thư hoặc thông báo có ghi lý do hoãn và ngày sẽ họp.

Điều R.321-5

Mọi hội viên đều có thể yêu cầu được mời dự các cuộc họp toàn thể hoặc một số cuộc họp bằng thư bảo đảm có yêu cầu ký nhận.

Khi thông báo mời họp trên báo thì người nhận chịu phí tổn về gửi bảo đảm.

Điều R.321-6

Trước cuộc họp toàn thể để thông qua báo cáo về kế toán, mọi hội viên có quyền xem các sách và tài liệu ghi trong điều 48 của Sắc lệnh số 78-704 ngày 3-7-1978 về việc thi hành luật số 78-9 ngày 4-1-1978 sửa đổi Tít IV, Quyển III Bộ Luật dân sự, và về việc đang thi hành luật. Quyền này được sử dụng trong vòng hai tháng trước phiên họp toàn thể, trừ phi điều lệ của hội quy định thời gian nhiều hơn.

Ít nhất là mười lăm ngày trước ngày họp, hội viên có thể gửi cho hội đơn viết tay ghi những tài liệu muốn xem. Trong thời hạn mười ngày, tính từ khi nhận đơn, hội đưa ra ngày

hội viên có quyền xem tài liệu trong điều kiện do điều lệ quy định. Đoạn ba, điều 48 của Sắc lệnh ngày 3-7-1978 nói trên đây được vận dụng.

Quyền này được thực hiện tại trụ sở hoặc tại địa điểm của ban quản lý, và theo quy định ghi trong đoạn cuối của điều R.221-6-1, không được sao tài liệu.

Điều R.321-6-1

Ngoài ra, trong thời gian ấn định trong đoạn một, điều R.321-6-1, hội viên có thể yêu cầu hội gửi cho mình :

1) Tình hình thu chi hàng năm sẽ trình trong phiên họp toàn thể và tình hình thu chi về trước kèm theo tài liệu ghi trong điều R.321-8;

2) Các báo cáo của các bộ phận lãnh đạo và các uỷ viên phụ trách kế toán sẽ trình phiên họp toàn thể;

3) Nếu có dịp, văn bản và bản tường trình về lý do của các nghị quyết đưa ra và những thông tin về các ứng cử viên vào cương vị lãnh đạo;

4) Tổng số tiền mà các uỷ viên phụ trách kế toán xác nhận là đúng, số tiền nhuận bút đã thanh toán cho những người được nhận tiền nhuận bút nhiều nhất, số người này là mười hoặc năm tùy theo số hội viên hiện có trong hội có quá hai trăm người hay không.

5) Bảng kê giới thiệu việc làm ghi trong sổ sách kế toán khi xong việc và tỷ lệ năng suất trung bình trong quá trình làm việc đó với thời hạn ngắn và trung bình;

6) Bảng ghi tên các tổ chức mà hội tham gia cùng bản báo cáo kết quả và bản tổng kết tài sản của các tổ chức đó.

7) Bản kê nêu bật số lượng các loại người sử dụng chính và số tiền đóng trong năm ;

8) Bảng về sự tương ứng giữa sổ sách kế toán bình thường xuất trình hàng năm và các bảng ghi trong điều R.321-8.

Những tài liệu ghi trong các điểm 1 và 8 được giữ tại trụ sở hoặc nơi ban giám đốc làm việc để các hội viên xem hoặc làm phôtô.

Điều R.321-6-2

Việc thông tin cho các hội viên nếu trong điều R.321-6 cần tuân theo những giới hạn ghi trong điều L.321-5 và các thể lệ trong điều lệ về sự bí mật, đặc biệt là bí mật về công việc đối với những người thứ ba. Ngoài ra, hội viên không được tìm hiểu tên các nhân viên làm việc cho hội.

Nếu xảy ra trường hợp như vậy thì những thông tin về tên không được quyền biết được giữ bí mật.

Không được xem những tài liệu có tính chất chuẩn bị để các tổ chức xã hội hoặc ra quyết định hoặc liên quan đến thủ tục kiện cáo đang diễn ra.

Hội có thể không tiếp tục cứu xét những đề nghị lặp đi lặp lại có tính lạm dụng.

Điều R.321-6-3

Hội viên đã bị từ chối khi hỏi thông tin có thể đưa vấn đề ra tiểu ban đặc biệt gồm ít nhất là năm hội viên được phiên họp toàn thể cử ra trong số các hội viên không có chức vụ xã hội.

Ý kiến của tiểu ban này có cơ sở và được báo cho người yêu cầu và các bộ phận của lãnh đạo hội biết.

Hàng năm tiểu ban báo cáo hoạt động tại phiên họp toàn thể. Báo cáo này gửi đến bộ trưởng Bộ Văn hoá và chủ tịch tiểu ban theo điều L.321-13.

Điều R.321-6-4

Việc người quản lý tiền hoặc công việc không thông báo toàn bộ hoặc từng phần những tài liệu ghi trong các điều R.321-2, R.321-6 và R.321-6-1 bị phạt tiền về lỗi vi cảnh loại 3.

Điều R.321-7

Những người sử dụng có thể xem danh mục ghi trong điều L.321-7 tại trụ sở hội hoặc tại các chi hội địa phương. Theo yêu cầu, họ có thể nhận một bản sao và không phải trả tiền gì ngoài tiền làm phôtô.

Chương II : Các hội được chấp nhận để quản lý quyền sao chép bằng kĩ thuật in

Điều R.322-1

Một hội, do tít II, quyển III chi phối, có thể được chấp nhận theo điều L.122-10 nếu có đủ các điều kiện sau đây :

1) Đưa ra bằng chứng về sự đa dạng của hội viên theo tỷ lệ các loại và số lượng người có quyền, về tầm quan trọng kinh tế thể hiện bằng thu nhập hoặc doanh thu và sự đa dạng của các loại toà soạn. Sự đa dạng này phải thể hiện trong cấu tạo của các bộ phận quyết định và lãnh đạo.

2) Chứng minh bằng giấy tờ trình độ nghiệp vụ của cán bộ quản lý và người được hội ủy nhiệm được đánh giá qua :

a) Tư cách tác giả của họ;

b) Hoặc tính chất và trình độ văn bằng của họ,

c) Hoặc kinh nghiệm về chuyên môn trong lĩnh vực xuất bản hoặc quản lý tổ chức chuyên môn;

3) Cung cấp mọi thông tin về tổ chức hành chính của mình và điều kiện trang thiết bị. Những thông tin này phải liên quan đến việc thu thập cứ liệu về việc in sao, thu nhuận bút, xử lý cứ liệu cần thiết để phân chia tiền nhuận bút thu được, kế hoạch tài trợ và ngân sách dự trù để làm ba việc nói trên theo đề nghị chấp nhận ;

4) Dự kiến trong điều lệ quy tắc chung và các hành vi cam kết điển hình của từng hội viên, các thể lệ bảo đảm tính công minh của các thể thức dự kiến để phân chia tiền nhuận bút mà các tác giả và những người xuất bản thu được.

Điều R.322-2

Đề nghị chấp nhận kèm theo hồ sơ lập theo đúng điều R.322-1 được gửi đến Bộ trưởng Bộ Giáo dục bằng thư bảo đảm, và bộ trưởng sẽ viết giấy biên nhận. Nếu hồ sơ

không đầy đủ, bộ trưởng sẽ gửi thư bảo đảo yêu cầu nộp hồ sơ bổ sung, hồ sơ này phải nộp theo cùng một hình thức và cũng trong thời hạn một tháng tính từ khi nhận thư này.

Bộ trưởng Bộ Giáo dục sẽ ra nghị định chấp nhận, đăng trên Công báo của nước Cộng hoà Pháp. Nghị định chấp nhận có thời hạn năm năm và sẽ gia hạn trong những điều kiện giống như lần trước.

Nghị định này có thể bị rút lại khi hội không đáp ứng một trong những điều kiện nêu trong điều R.322-1, sau khi có lệnh hoặc giấy báo về điều chê trách. Người được chấp nhận có thời hạn một tháng để chấp hành.

Việc rút nghị định chấp nhận do bộ trưởng Bộ Văn hoá ra nghị định đăng trên công báo của nước Cộng hoà Pháp.

Điều R.322-3

Mọi sự thay đổi điều lệ hoặc nội quy chung, việc ngừng hoạt động của một thành viên trong các bộ phận lãnh đạo và quyết định của một hội được chấp nhận được báo cho Bộ trưởng Bộ Văn hoá trong vòng mười lăm ngày, tính từ khi có quyết định thay đổi. Nếu không báo, có thể bị rút nghị định chấp nhận.

Điều R.322-4

Vào ngày xuất bản sách, nếu tác giả hoặc người có quyền không chỉ định một hội thu nhận và phân phối các quyền được chấp thuận thì hội này thu thập được nhiều tác phẩm để quản lý nhất, theo đúng thông lệ nghề nghiệp liên quan, được coi là người nhận quyền sao chép bằng kĩ thuật in.

Bộ trưởng bộ Văn hoá công nhận hàng năm hội hoặc các hội đáp ứng điều kiện ghi trong đoạn trên.

Chương VI : Các hội được chấp nhận để quản lý tập thể tiền nhuận bút về việc mượn sách tại thư viện

Điều R.326-1

Một hội do các quy định trong các điều từ L.321-1 đến L.321-13 được chấp nhận theo điều L.133-2 nếu :

1. Đưa ra bằng chứng bằng cấu tạo của các bộ phận quyết định và lãnh đạo về tính đa dạng của hội viên theo tỷ lệ các loại và số lượng những người có quyền, tầm quan trọng về kinh tế thể hiện trong thu nhập hoặc doanh thu và tính đa dạng của các loại toà soạn.

2. Đưa ra bằng chứng về sự đại diện công minh cho các tác giả và những người xuất bản trong số hội viên và trong các bộ phận lãnh đạo.

3. Chứng minh bằng mọi cách trình độ nghiệp vụ của cán bộ quản lý và những người được hội uỷ nhiệm theo:

a) Tư cách tác giả của họ;

b) Hoặc tính chất và trình độ các văn bằng của họ ;

c) Hoặc kinh nghiệm của họ trong lĩnh vực xuất bản hoặc quản lý các tổ chức chuyên môn;

4. Cung cấp thông tin cần thiết về :

a) Tổ chức hành chính và điều kiện trang thiết bị của hội;

b) Các phương tiện dùng để thu thập các cứ liệu thống kê về các tác phẩm mà các thư viện thu thập được ;

c) Các phương tiện dùng để thu tiền nhuận bút và việc xử lý các cứ liệu cần thiết cho việc phân chia;

d) Kế hoạch tài trợ và ngân sách dự trù để làm ba việc trên theo đề nghị chấp thuận;

5) Cho biết cách đã hoặc sẽ làm để bảo đảm sự tôn trọng các thể lệ phân chia nhuận bút giữa các tác giả và những người xuất bản, và tính công minh của việc phân chia trong từng loại.

Điều R.326-2

Đề nghị chấp thuận kèm theo hồ sơ lập theo đúng điều R.326-1 được gửi bằng thư bảo đảm có biên nhận đến bộ trưởng Bộ Văn hoá, và bộ trưởng viết giấy biên nhận. Nếu hồ sơ không đầy đủ thì bộ trưởng gửi thư bảo đảm có biên nhận yêu cầu gửi hồ sơ bổ sung theo hình thức như lần trước và trong vòng một tháng tính từ ngày nhận thư này.

Điều R.326-3

Bộ trưởng Bộ Văn hoá ra nghị định chấp thuận đăng trên Công báo của nước Cộng hoà.

Điều R.326-4

Việc chấp thuận là năm năm. Có thể gia hạn trong những điều kiện giống như lần trước.

Điều R.326-5

Về mọi sự thay đổi về nội quy chung và việc một trong những thành viên của bộ phận ra quyết định và lãnh đạo của một hội được chấp nhận phải báo cho bộ trưởng Bộ Văn hóa trong vòng mười lăm ngày tính từ khi có sự thay đổi.

Điều R.326-6

Nếu một hội được chấp thuận ngừng đáp ứng một trong những điều kiện quy định trong điều R.326-1, bộ trưởng Bộ Văn hoá viết công văn ra lệnh cho hội đó tôn trọng các điều kiện của việc chấp thuận. Người được chấp thuận có thời hạn một tháng để chấp hành, và báo cáo về những biện pháp định thực hiện.

Bộ trưởng Bộ Văn hoá ra nghị định rút sự chấp thuận cho đăng trên Công báo của nước Cộng hòa Pháp.

Điều R.326-7

Vào ngày xuất bản một tác phẩm, nếu tác giả và người xuất bản không chỉ định một hội được chấp nhận để thu nhận và phân phối thì việc quản lý quyền nhận nhuận bút của họ về việc mượn sách tại thư viện sẽ được trao cho hội nào thu thập được nhiều tác phẩm nhất. Số lượng này được ấn định theo thông lệ nghề nghiệp liên quan.

Bộ trưởng Bộ Văn hóa công nhận hàng năm hội đáp ứng những điều kiện ghi trong đoạn trên.

Tít III : Trình tự tố tụng và hình phạt

Chương I : Quy định chung

Điều R.331-1

Các nhân viên do Trung tâm điện ảnh quốc gia, các tổ chức chuyên nghiệp và các hội nói đến ở Tít II, cuốn sách này, tác giả chỉ định, tuyên thệ trước thẩm phán toà sơ thẩm ở nơi họ cư trú, sau khi được bộ trưởng Bộ Văn hóa chấp nhận. Lời tuyên thệ là : "Tôi xin thề làm tròn chức trách một cách trung thực và không tiết lộ hoặc sử dụng những điều mà tôi biết trong khi làm chức trách".

Chương V : Quy định về hình sự

Điều R.335-1

Đề nghị về việc giữ hàng hoá của cơ quan hải quan nêu trong điều L.335-10 gồm :

1) Họ tên hoặc tên gọi trong xã hội của nguyên đơn, nơi ở hoặc trụ sở của người đó.

2) Tên và địa chỉ của người được uỷ nhiệm, nếu có, và giấy uỷ nhiệm.

3) Tư cách của nguyên đơn đối với những quyền mà người đó viện dẫn, được chứng nhận bằng nhiều cách;

4) Mọi yếu tố để nhận ra tác phẩm hoặc trợ cấp giả mạo;

5) Miêu tả hàng đã kết luận là giả và có đề nghị giữ lại.

Có thể đề nghị trước khi hàng đã kết luận là giả được đưa vào lãnh thổ Pháp. Trường hợp này đề nghị có giá trị một năm và có thể xin gia hạn.

Các thể thức nộp đơn đề nghị có ghi rõ trong nghị định của bộ trưởng phụ trách ngân sách.

Luật sử dụng

Những người xuất bản thích nhờ đến "thông lệ" để chứng thực với các tác giả một quyết định nào đó của họ. Ở đó cũng có sự tham khảo, nhưng luật chỉ chấp nhận giá trị những quyết định đó trong những trường hợp tương đối có giới hạn[1].

Thông lệ - cũng như "tập quán" - là một trong những "nguồn gốc" của luật. Nhưng vị trí của thông lệ thấp hơn pháp chế và quy chế. Vì vậy thường là nếu không có pháp chế hay quy chế thì người ta thảo luận về thông lệ để nhận định ý đồ của tác giả và người xuất bản. Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ khá chính xác về các quy tắc có thể áp dụng cho hợp đồng xuất bản. Nhưng "thông lệ" được nêu lên nhiều lần.

Chẳng hạn như, nếu hợp đồng không định thời hạn xuất bản, điều L.132-11 quy định "không có thoả thuận riêng, người xuất bản phải tiến hành việc xuất bản trong thời hạn do thông lệ nghề nghiệp ấn định".

Sau lần xuất bản thực sự cũng vậy, và theo điều L.132-12 của CPI người xuất bản phải bảo đảm sự khai thác thường xuyên, liên tục và phát hành về thương nghiệp cho tác phẩm, theo thông lệ nghề nghiệp".

Chế độ tư pháp của hợp đồng mà tác giả trả thù lao khoán cho người xuất bản cũng thế. Điều L.132-2 ghi rõ "hợp đồng này là hợp đồng cho thuê tác phẩm do thoả thuận, thông lệ và quy định trong điều 1787 và các điều tiếp theo của Bộ Luật dân sự chi phối. Còn về hợp đồng chia các khoản thu chi, điều 132-3 nhấn mạnh "hợp đồng đó chịu sự chi phối theo các quy định ghi trong điều 1871 và các điều tiếp theo của Bộ Luật dân sự, bởi thoả thuận và thông lệ".

Ngoài ra, theo điều L.131-3 của CPI, người xuất bản "nhận chuyển nhượng" quyền chuyển thể sang nghe - nhìn "cam kết [...] tìm kiếm cách khai thác quyền đã nhượng theo thông lệ nghề nghiệp".

Cuối cùng về các hội thu tiền trả định kỳ về kĩ thuật in sao điều R.322-4 của CPI nêu "thông lệ nghề nghiệp liên quan".

Trong một số trường hợp, án lệ cũng nhờ đến "thông lệ" một cách tự phát. Vì vậy, về thời hạn giao nộp bản thảo, thẩm phán không do dự trong việc để cho tác giả kéo dài thời gian. Để cho phép kéo dài tới chín tháng, thẩm phán viện dẫn khái

niệm rất dao động "về thời hạn hợp lẽ", khái niệm này cũng chỉ dựa trên thông lệ nghề nghiệp[1]...

Về những lời chú có thể kèm theo tên tác giả, như việc người đó thuộc một viện hàn lâm, cũng thế.

Các tỷ lệ có thể chấp nhận được cũng do Toà án định ra từ thông lệ. Do đó, điều L.131-5 của CPI ghi "sự thiệt thòi lên đến bảy phần mười hai do thiệt hại hoặc do dự kiến không đầy đủ về các sản phẩm của tác phẩm" mở đường cho việc sửa đổi điều kiện về giá của hợp đồng. Để làm như vậy, tác giả phải chứng minh mình bị thiệt hại ít nhất là bảy phần mười hai (đó là con số mà Bộ Luật dân sự giữ lại theo truyền thống) tiền nhuận bút mà tác giả mong đợi một cách chính đáng. Và trong trường hợp đó, tất nhiên là thông lệ nghề nghiệp có tác dụng tham khảo.

Nhiều quy tắc về thông lệ đã được Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc và các cấp xét xử đại diện cho tác giả đề ra. Cũng giống như ba-rem nghiệp vụ, các "quy tắc về thông lệ" chỉ có thể có tính chỉ dẫn chứ không phải là hiệu lực bắt buộc thực sự, như toà phúc thẩm Paris đã nhắc nhở ngày 8-9-1993[2]. Tuy nhiên có vẻ như pháp chế càng ngày càng do dự trong một số trường hợp. Trên thực tế, ngày 19-2-2002[3] Toà phá án đã ra nghị định trao giá trị bổ sung cho Luật về thông lệ về minh hoạ bằng ảnh: về mặt này, các thẩm phán cao cấp đã cho là sự tranh chấp cáo giác hai nhà chuyên nghiệp chắc chắn đã không tham khảo quy tắc nói đến mà cả hai đều thực sự biết rõ.

Dù sao thì những quy tắc này thường là cơ sở tốt cho việc thảo một hợp đồng hài hòa và đúng luật pháp. Hơn nữa, đôi khi do những quy tắc này mà việc sử dụng "xấu" đã chấm dứt, như điều khoản "mật" trong các hợp đồng xuất bản.

Do đó có "Quy tắc sử dụng giữa các tác giả và những người xuất bản văn học nói chung", "Quy tắc sử dụng về việc dịch văn học nói chung". "Thỏa thuận về sao lại tác phẩm nghệ thuật", "Quy tắc sử dụng minh hoạ bằng ảnh", nên được tham khảo ít nhất là một lần thì hơn...

---

[1] Xem "thông lệ Nghề nghiệp"

[2] Toà phúc thẩm Paris, 8-9-1993, Báo của Toà án, 1994, tr. 19

[3] Phòng Thương mại của Toà phá án, 19-2-2002, Quyền sở hữu trí tuệ, số 5, 10-2002, tr. 102, nhận xét của Jérôme Passa.

QUY TẮC SỬ DỤNG VỀ VĂN HỌC NÓI CHUNG

Xuất phát từ Nghị định thư của Hiệp ước 15-12-1980 do Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc, Nhóm các nhà xuất bản văn học và Hội đồng Nhà văn thường trực phê chuẩn

1. Lần xuất bản thứ hai

Lời mở đầu

Các đoàn đại biểu của Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc và Hội đồng thường trực nhà văn với mong muốn quy định những điều kiện để bảo đảm cho các tác phẩm văn học được khai thác thường xuyên, liên tục, đáp ứng quyền lợi chính đáng của các tác giả, quyết định đưa ra nguyên tắc sau đây nhằm phục vụ đợt khai thác mới về tác phẩm, theo quy định của Luật 11-3-1957[1], trong những điều kiện và theo các thể thức sau đây:

Nguyên tắc

Hết năm thứ năm của việc khai thác lần cuối số lượng bản in tác phẩm dưới dạng thứ nhất, nếu số lượng bản in bán hàng năm giảm xuống mức dưới 50 bản, thì tác giả có quyền đề nghị một người xuất bản mới xuất bản lần thứ hai tại nhà xuất bản có hệ thống hiệu sách, theo những điều kiện hợp với thông lệ nghề nghiệp.

Cách gọi "tác giả" như ở đây bao gồm tác giả, những người thừa kế tác giả và những người có quyền, tên gọi "người xuất bản" bao gồm người thực thụ hoặc nhóm người có tư cách pháp nhân nhận chuyển nhượng các quyền khai thác tác phẩm trong những điều kiện ghi trong hợp đồng.

Với xuất bản lần thứ hai phải hiểu là việc lại bán sách xuất bản của lần giống như lần đầu theo các thể thức thích hợp để bảo đảm có sự may mắn mang lại sự thành công, nhất là bằng cách sửa đổi cách giới thiệu tác phẩm, bằng một chiến dịch quảng cáo mới

Thể thức ứng dụng

1. Tác giả phải thông báo cho người xuất bản biết đề nghị của mình qua thư bảo đảm có biên nhận, người này phải trả lời trong vòng ba tháng; nếu không tác

---

[1] Nay sáp nhập CPI

giả sẽ gửi thư bảo đảm lần thứ hai có giấy biên nhận, và người xuất bản phải trả lời trong vòng 15 ngày.

Hết hạn đó, nếu người xuất bản không trả lời thì hợp đồng sẽ đương nhiên bị huỷ bỏ mà không tác động đến hiệu lực của việc nhượng các quyền phát sinh và phụ mà người xuất bản có thể đã đồng ý trước với những người thứ ba.

2) Trong thư trả lời, người xuất bản phải nói rõ sự lựa chọn của mình về một trong ba giải pháp sau đây:

a) Thương lượng với người xuất bản do tác giả đề nghị về lần xuất bản thứ hai trong vòng hai tháng;

b) Hoặc điều đình với một người xuất bản khác do mình chọn với những điều kiện ít nhất cũng tương đương với những điều kiện mà trong vòng hai tháng tác giả đưa ra;

c) Hoặc tự mình tiến hành một đợt bán hàng mới trong vòng 12 tháng theo các điều kiện và thể thức tương tự, như những điều kiện và thể thức nói trên về lần xuất bản thứ hai.

Nếu không thoả thuận được với người xuất bản thứ hai hoặc không có đợt bán mới trong thời hạn nói trên, thì hợp đồng sẽ đương nhiên bị hủy bỏ, mà không tác động đến hiệu lực của việc nhượng các quyền phát sinh và phụ mà người xuất bản đã thoả thuận trước với những người thứ ba.

3) Trường hợp lần xuất bản thứ hai do người xuất bản thứ hai mà tác giả đề nghị hoặc do người xuất bản thứ nhất chọn tiến hành thì :

a) Việc khai thác tác phẩm do người xuất bản này hay người kia tiến hành trong những điều kiện nêu trong các mục a) và b) phần 2 trên đây phải đáp ứng yêu cầu của luật pháp và đặc biệt hơn là phải theo quy định trong các điều 57 và 63 của Luật 11-3-1957[1]. Việc khai thác này không phạm đến việc chuyển nhượng các quyền phát sinh và phụ mà tác giả đã thoả thuận với người xuất bản trước; ngoài ra, người này có quyền giữ tít trong mục lục, nhưng không được dùng hình thức nào để quảng cáo cho đợt bán sách xuất bản lần đầu tại hệ thống hiệu sách của nhà xuất bản.

b) Những giao ước trước kia giữa hai nhà xuất bản phải do tác giả ký chứng nhận. Việc khai thác lần thứ hai này được thoả thuận cho thời hạn tối thiểu không dưới ba năm và không phụ thuộc vào tầm quan trọng của số lượng bản in mà người xuất bản thứ hai đã làm. Ngoài thời kỳ đó ra, việc bán số sách dự trữ còn lại không được quá 12 tháng.

---

[1] Các điều L. 132 và L.132-17 của CPI

Người xuất bản thứ nhất có phận sự bảo đảm việc quản lý hợp đồng này, miễn là báo cáo cho tác giả và thanh toán tiền thu nhập.

Kể từ khi ký thoả thuận này và trong suốt thời gian khai thác của lần khai thác thứ hai đã thoả thuận, người xuất bản thứ nhất không được đưa toàn bộ hoặc từng phần các bản in ra bán hạ giá.

4) Ngoại trừ các quy định khác của thể thức này, có thể áp dụng ngay các điều quy định về lần xuất bản thứ hai cho tất cả các hợp đồng đang thi hành.

II. Quyền ưu tiên

Tác giả và người xuất bản luôn luôn thoả thuận trong lĩnh vực văn học nói chung về việc sử dụng quyền ưu tiên như sau :

a) Quyền này bị hợp đồng giới hạn, và dù số lượng thể loại ấn định rõ ràng mà hợp đồng dự kiến thế nào, ở việc sáng tác của tác giả trong năm năm, tính từ khi ký hợp đồng, hoặc ở số lượng tối đa là năm tác phẩm, kể cả tác phẩm thứ nhất là đối tượng của hợp đồng trước.

b) Tuy nhiên, tác giả thu hồi ngay quyền tự do của mình sau hai lần bị từ chối, liên tiếp hoặc không, khi tác giả giới thiệu tác phẩm mới trong khuôn khổ hiệp ước về ưu tiên, mà không cần phải có sự từ chối tác phẩm cùng thể loại trong trường hợp hiệp ước về ưu tiên liên quan đến nhiều thể loại.

c) Mỗi tác phẩm được hiệp ước về ưu tiên bảo trợ phải là đối tượng của một hợp đồng riêng. Mỗi hợp đồng phải định rõ thể thức thi hành hiệp ước về sự ưu tiên là mục tiêu của hợp đồng trước và nhất là sử dụng các tác phẩm sau này, vẫn ràng buộc tác giả với người xuất bản.

d) Không một điều khoản ưu tiên mới nào có thể can thiệp trước khi hết hiệu quả của điều ghi trong hợp đồng thứ nhất, dù cho điều kiện đã thay đổi. Sự cấm đoán này chỉ nhằm vào các điều khoản về thể loại nêu trong hợp đồng trước.

III. Thông báo quyết toán

Trình sổ sách

Trừ ý muốn ngược lại mà tác giả cho biết một cách dứt khoát, người xuất bản phải gửi cho tác giả, ít nhất là mỗi năm một lần, bản kê các quyền tác giả được giới thiệu theo quy định trong điều 59, luật 11-3-1957[1]

---

[1] Điều L.132-13 của CPI

Các bản quyết toán bên có được gửi đi vào tháng thứ 4 sau ngày quyết toán, các bản quyết toán bên nợ được gửi cho tác giả trong vòng 6 tháng cũng sau ngày quyết toán.

Nghĩa vụ gửi báo cáo kế toán một cách hệ thống giới hạn trong năm năm đầu khai thác tác phẩm, sau đó làm quyết toán hàng năm và lưu tại trụ sở hội hoặc gửi cho tác giả theo yêu cầu.

Cơ sở của các quyền

Nên nhớ là tỷ lệ về quyền tác giả, nếu không có giá bán cho công chúng, được tính theo giá tương đương là giá tham khảo về kỹ thuật chưa tính thuế.

Passei *(Giấy in dôi)*

Bỏ lượng giấy in dôi dùng trong xuất bản theo truyền thống khi tính tiền theo số lượng bản in thực sự được bán ở Pháp

Tỷ lệ

Tỷ lệ tiền phải nộp dự kiến trong hợp đồng có thể được sửa đổi theo thoả thuận chung, tuỳ theo điều kiện cần thiết cho việc thương mại hoá tác phẩm tốt hơn.

Tiền phát sinh và phụ

Có thể có sự thoả thuận giữa người xuất bản và tác giả là các khoản tiền chính và các khoản tiền phát sinh và quyền phụ được tính riêng.

Phần mà tác giả nhận ra sau khi chuyển nhượng các quyền phát sinh và quyền phụ phải được thanh toán vào tháng sau khi người xuất bản thu tiền.

Lần xuất bản thứ hai

Phải thanh toán tiền cho tác giả về lần xuất bản thứ hai vào tháng sau khi người xuất bản làm nhiệm vụ quản lý thu tiền.

IV. Nghĩa vụ thông tin

Việc khai thác

Người xuất bản có trách nhiệm thông báo cho tác giả về:

a/ - tầm quan trọng của số lượng bản in tác phẩm bằng cách gửi bản phô tô phiếu nộp lưu chiểu,

- Giá tiền nhượng cơ bản về tác phẩm,

- Ngày đưa ra bán về lý thuyết,

- Gá tham khảo về kỹ thuật chưa tính thuế và đã tính thuế.

b/ - Tầm quan trọng của việc in lại bằng cách gửi bản phô tô về nộp lưu chiểu và về sự thay đổi giá tiền chuyển nhượng cơ bản và giá tham khảo về kỹ thuật liên quan.

- Những việc chuyển nhượng quan trọng về quyền phát sinh và phụ (bỏ túi, câu lạc bộ, nghe nhìn, v.v...)

Việc huỷ toàn bộ bản in

Người xuất bản cũng phải thông báo cho tác giả biết về việc huỷ quan trọng toàn bộ bản in và sau khi huỷ, gửi giấy chứng thực về việc đã làm.

Việc bán hạ giá

Người xuất bản có phận sự báo cho tác giả biết việc bán hạ giá từng phần mà người ấy đã tiến hành và phải theo đúng các quy định về luật liên quan đến việc bán hạ giá toàn bộ sách dự trữ, để tác giả có thể sử dụng quyền mua lại với điều kiện chấp nhận được.

V. Giới thiệu tác phẩm

Người xuất bản chủ trì việc giới thiệu tác phẩm với điều kiện tác phẩm không vi phạm quyền tinh thần của tác giả.

VI. Các quyền phát sinh và phụ

Hai đoàn đại biểu không thể đồng tình với nhau về nguyên tắc chuyển nhượng các quyền phát sinh và phụ và về thể thức áp dụng.

Để khỏi cản trở việc ký nghị định thư này, hai đoàn đại biểu nhất trí tạm thời giữ tình hình hiện nay về điểm này.

Tuy nhiên họ thoả thuận về sự sắp xếp sau đây :

Mọi điều khoản của hợp đồng xuất bản dự kiến việc chuyển nhượng các quyền phát sinh và phụ phải trình bày theo cách để:

- Mỗi một trong các quyền ghi trong lời chú riêng để tác giả có thể đưa ra hạn chế mà tác giả muốn có

- Những quyền này được phân chia rõ ràng làm ba loại riêng là:

- Quyền sao chép và chuyển sang thể hoạ đồ (sách bỏ túi, xuất bản câu lạc bộ, trước hoặc sau khi xuất bản v.v...).

• Quyền biên dịch;

• Quyền cải biên và biểu diễn trên sân khấu, màn ảnh và nói chung là bằng cách nghe-nhìn.

- Một tỷ lệ phần trăm về phân chia thu nhập giữa các tác giả và người xuất bản, mà số tiền được quyết định khi ký hợp đồng sau khi các bên đã thoả thuận

VII. Sản xuất, đẩy mạnh bán hàng và quảng cáo

Nộp bản thảo

Mỗi khi tác giả nộp bản thảo tại trụ sở nhà xuất bản thì nhận biên lai.

Thời hạn sản xuất

Nếu không có thỏa ước riêng, người xuất bản phải làm công việc xuất bản trong thời hạn tối đa là 18 tháng sau khi bản thảo được nộp có đăng kí, sẵn sàng để in.

Sửa bản in thử

Theo luật chung, những bản in thử đầu tiên để trao cho tác giả chữa phải do người sửa bản in thử chuyên nghiệp chữa trước.

Tác giả chịu trách nhiệm chữa vào bản cuối cùng và hoàn chỉnh bản thảo và tài liệu, do tác giả chịu phí tổn bằng trên 10% phí sắp chữ.

Những bản miễn phí

Những bản miễn phí là những bản của tác giả, những bản dành cho bộ phận báo chí, đẩy mạnh bán hàng và quảng cáo, nộp lưu chiểu và gửi làm chứng từ.

Số lượng tối đa về từng loại bản miễn phí được quy định trong hợp đồng.

Mọi việc sử dụng bản in miễn phí khác phải được tác giả đồng ý.

Đẩy mạnh bán hàng

Trừ giao ước ngược lại, các văn bản để chiêu hàng, mặt sau trang bìa và phần gấp, đề nghị lồng vào phải trình cho tác giả biết

VIII. Tiểu ban có số đại diện tác giả và người xuất bản

Các đoàn đại biểu của Hội đồng thường trực Hội nhà văn và của Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc thoả thuận thành lập một tiểu ban có số đại diện của tác giả và người xuất bản ngang nhau do mỗi đoàn cử.

Tiểu ban này có phận sự thông báo mọi khó khăn do giải thích và thi hành nghị định này, và sẽ chăm lo để có được sự thực hiện tốt nhất.

Tiểu ban này còn có trách nhiệm trình bày mọi đề nghị nhằm cải tiến nội dung và, ngoài ra còn tiếp tục nghiên cứu các điểm cần thương lượng không là đối tượng của một thỏa thuận

Tiểu ban sẽ nắm mọi vấn đề mới về sáng tác, xuất bản hoặc phát hành mà những người xuất bản và các tác giả nên đưa ra một quan điểm chung.

Tiểu ban này họp một năm bốn lần và họp bất thường theo đề nghị của một trong hai đoàn đại biểu

LUẬT SỬ DỤNG BẢN DỊCH MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC NÓI CHUNG NGÀY 17-3-1993

Ký kết giữa Hội Nhà văn Pháp, Hội dịch giả văn học Pháp, Hội các dịch giả Pháp, một bên và Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc, bên kia

Lời mở đầu

Với sự quan tâm tăng chất lượng bản dịch các tác phẩm của nước ngoài xuất bản ở Pháp và cải thiện tình hình vật chất, tinh thần và tư pháp của các dịch giả, các thoả thuận ghi vào luật này, luật huỷ bỏ và thay thế luật ký năm 1984, những điều quy định mà họ muốn tham khảo về những mối quan hệ giữa người xuất bản và người dịch văn học nói chung, với sự tôn trọng nguyên tắc tự do theo hợp đồng.

Họ nhắc lại rằng những mối quan hệ này do Bộ Luật về quyền sở hữu trí tuệ (CPI) chi phối theo Luật 31-12-1975 về bảo hiểm xã hội cho tác giả và luật 26-7-1991 về TVA áp dụng cho quyền tác giả

I. Hợp đồng

Bản hợp đồng viết tay được làm giữa người xuất bản và người dịch là tác giả và được trao quyền tinh thần và quyền di sản về bản dịch của mình. Vì vậy, người dịch có chiều hướng nhận tiền nhuận bút trong điều kiện quy định trong các điều L.131-4 và L.132-6 của CPI,

Các thể thức về việc này được quy định trong những điều khoản riêng của hợp đồng.

Một phần của số tiền tạm ứng nêu trong hợp đồng được trả khi ký.

Bản dịch là tác phẩm phát sinh và phải tôn trọng tác phẩm gốc, người xuất bản sẽ báo người dịch biết những điều khoản trong hợp đồng ràng buộc người xuất bản với tác giả hoặc đại diện của tác giả, trong chừng mực các điều khoản này có thể ảnh hưởng đến việc thi hành hợp đồng. Đó là trường hợp khi tác giả một tác phẩm gốc muốn biết bản dịch. Trong trường hợp này, người xuất bản sẽ là người phân xử vụ tranh chấp có thể xảy ra giữa người dịch và tác giả.

Khi bản dịch phải tôn trọng những tiêu chuẩn riêng, những tiêu chuẩn này phải được định rõ trong hợp đồng

Những tiêu chuẩn này có thể là :

- Cải biên văn phong cho hợp với loại công chúng nào đó (công chúng trẻ tuổi, công chúng đặc biệt, luật gia, nhà tài chính v.v.....);

- Cải biên khổ sách, bộ sưu tập (việc này có thể dẫn đến việc cắt bớt);

- Chuyển thể tác phẩm vào bối cảnh ở Pháp.

II. Giao bản dịch

Người dịch giao cho người xuất bản bản dịch đầy đủ trên giấy in một mặt (tờ giấy 25 dòng x 60 ký hiệu) của bản dịch dưới dạng hoàn chỉnh, vào ngày ấn định trong hợp đồng.

Về thời hạn bổ sung phải làm văn bản sửa đổi hợp đồng. Người dịch nói rõ là muốn có bản sao bản thảo của mình.

Người xuất bản viết giấy biên nhận việc giao này. Giấy biên nhận không có giá trị như việc chấp nhận bản dịch.

Nếu người dịch không giao bản thảo trong thời hạn thoả thuận, và sau khi có sự thúc giục ấn định thời hạn bổ sung hợp lý, người xuất bản có thể chủ động huỷ hợp đồng. Trong trường hợp đó, nếu không có thỏa thuận riêng, thì người dịch phải hoàn lại phần tiền tạm ứng đã nhận.

III. Chất lượng và việc duyệt lại bản dịch

Người dịch nộp văn bản có chất lượng văn học chu đáo và trau chuốt, đúng theo quy tắc nghệ thuật và yêu cầu chuyên môn, cũng như các quy định riêng của hợp đồng này.

Khi trao văn bản, người dịch lưu ý về những điểm dã sửa chữa hoặc đã xác minh riêng.

Mọi lời phê bình của người dịch phải được người xuất bản là người chỉ đạo tác phẩm về mặt kỹ thuật và văn học, tán thành.

Trong thời hạn đề ra trong hợp đồng, người xuất bản phải chính thức chấp nhận, từ chối hoặc yêu cầu duyệt lại bản dịch, các bên đề nghị thời hạn hai tháng cho việc này. Tiền tạm ứng trả vào dịp này nếu bản dịch không bị từ chối, hoặc không có yêu cầu duyệt lại.

Trong trường hợp bản dịch được chấp nhận, người xuất bản chi tiền tạm ứng. Mọi sự sửa đổi bản dịch phải được thông báo cho người dịch trước khi sắp chữ.

Nếu bản dịch không theo đúng những quy định của hợp đồng thì người xuất bản có thể chủ động huỷ hợp đồng. Người dịch không được đòi thanh toán tiền, nhưng giữ lại số tiền đã nhận.

Trong trường hợp người xuất bản yêu cầu duyệt lại bản dịch, việc duyệt có thể do người dịch nhận xem lại bản dịch, thì sẽ nhận khoản tiền ghi trong hợp đồng,

không thêm không bớt. Thời hạn duyệt và ngày thanh toán tiền tạm ứng do hai bên cùng định đoạt.

Nếu người dịch từ chối, không xem lại bản dịch, thì người xuất bản tự làm hoặc giao cho người thứ ba.

Trong trường hợp này phải ký kết hợp đồng giữa người xuất bản và người duyệt bản dịch. Hợp đồng này đặc biệt định ra thời hạn hiệu đính và thể thức trả thù lao.

Khi đó số tiền dự kiến trong hợp đồng dịch sẽ chia cho người dịch và người duyệt tuỳ theo sự đóng góp của mỗi người vào bản dịch hoàn chỉnh được chấp nhận.

IV. Việc soạn lại hoặc cập nhật bản dịch

Khi người xuất bản yêu cầu người dịch làm việc chỉnh lý quan trọng vì lý do ngoài chất lượng bản dịch (cắt bớt, cập nhật, cải biên cho hợp với công chúng mới, lồng chú thích dị bản) và việc này không được dự kiến trong hợp đồng, thì phải trả thêm tiền.

Trong trường hợp này người dịch nhận số tiền ghi trong hợp đồng không bị trừ.

V. Việc chữa bản in thử

Người xuất bản gửi cho người dịch bản in thử để đọc, chữa và ký cho in thử theo bản đã chữa

Người xuất bản báo cho người dịch biết, càng sớm càng tốt, ngày sẽ gửi lại bản in thử đã chữa.

Trường hợp người dịch không nộp bản in thử đúng thời hạn thì người xuất bản có cớ để coi như đã có bản ký lệnh in.

Phí tổn về việc sửa chữa thay tác giả, mà người dịch tự làm đổi mới văn bản hoàn chỉnh cuối cùng do người đó chịu, nếu quá 10% chi phí sắp chữ.

VI. Tiền nhuận bút của người dịch

Trừ phi có sự thoả thuận trái ngược, các bên nên nhớ rằng tiền nhuận bút của người dịch phải được tính và thanh toán về từng tác phẩm một.

Bản dịch là một tác phẩm do người xuất bản chủ động đề xuất. Việc chấp nhận đề xuất này làm cho người đó mất quyền chuyển nhượng sự khai thác bản dịch trong những điều kiện ghi trong các điều L.131-4 và L.132-6 của CPI.

Trừ trường hợp nhuận bút khoán đặc biệt, tiền nhuận bút của người dịch được đảm bảo bằng:

- Tiền tạm ứng theo tỷ lệ tiền của tác giả do các bên thương lượng và quyết định ghi trong hợp đồng, đặc biệt tuỳ thuộc vào bản dịch dài và khó, cũng như khả năng và danh tiếng của người dịch.

- Quyền tác giả theo tỷ lệ thu nhập do khai thác tác phẩm

- Để người dịch tham dự nhiều hơn vào thành công của tác phẩm, các bên thoả thuận là những thể thức sẽ tính tiền theo tỷ lệ là, chẳng hạn như:

- Một khoản tiền tạm ứng và hai tỷ suất khác nhau về tiền của tác giả theo tỷ lệ, tỷ suất thứ nhất áp dụng cho đến khi trừ tiền tạm ứng, tỷ suất thứ hai là sau khi trừ tiền tạm ứng.

Tỷ suất thứ nhất cao hơn tỷ suất bên kia, cho phép khấu trừ nhanh vào tiền tạm ứng và không áp dụng nữa sau khi đã khấu trừ hết tiền tạm ứng.

Trừ phi có thoả thuận ngược lại, các khoản tiền do cả hai việc khai thác phát sinh, và phụ mang lại không bị khấu trừ vào tiền tạm ứng, một khoản tiền tạm ứng và một tỷ suất duy nhất tính ngoài số lượng sách đã bán. Số lượng này ghi trong hợp đồng tuỳ theo tính chất tác phẩm, loại bộ sưu tập trong đó tác phẩm được xuất bản và danh tiếng tác giả của tác phẩm gốc.

Trong trường hợp này, không khấu trừ tiền tạm ứng về những khoản tiền do các việc khai thác phát sinh và phụ mang lại.

Passe

Không vận dụng số bản in đôi (passe) cho các khoản tiền tính theo số lượng sách đã bán.

VII. Xuất bản bản dịch

Người xuất bản có trách nhiệm tôn trọng bản dịch và phải đề nghị người dịch ký lệnh cho in.

- Nếu sau khi xuất bản phát hiện về việc người xuất bản đã sửa đổi nhiều chỗ một cách nghiêm trọng thì dịch giả có quyền đòi bồi thường.

- Nếu trong thời hạn quy định trong hợp đồng mà người xuất bản không xuất bản bản dịch đã chấp nhận thì người dịch hưởng toàn bộ số tiền tạm ứng.

- Hợp đồng đương nhiên bị huỷ bỏ khi người xuất bản không xuất bản bản dịch, trừ trường hợp bất khả kháng, khi dịch giả thúc giục và đưa ra thời hạn thích hợp, hoặc không tái bản, khi bản dịch đã bán hết. Người dịch thu hồi toàn bộ quyền về bản dịch, mà việc huỷ hợp đồng không làm mất tính hiệu lực của các việc chuyển nhượng quyền phát sinh và phụ, mà trước đó người xuất bản đã tiến hành với những người thứ ba.

- Nếu người xuất bản vẫn giữ quyền và sau này xuất bản bản dịch thì, trong những điều kiện ghi trong hợp đồng, tiền trả tác giả theo tỷ lệ sẽ trừ vào tiền tạm ứng đã nhận.

- Người xuất bản báo cho người dịch biết việc huỷ bỏ hợp đồng xuất bản bằng tiếng Pháp.

Người dịch đạt được sự huỷ bỏ hợp đồng dưới các hình thức ghi trong điều L.132-17 của CPI.

Việc huỷ bỏ hợp đồng không làm mất tính hiệu lực của các việc chuyển nhượng các quyền phát sinh và phụ, mà người xuất bản có thể đã tiến hành với những người thứ ba từ trước.

Người xuất bản không thể chuyển quyền lợi về hợp đồng dịch cho một người thứ ba, có hoặc không lấy tiền, hoặc bằng cách đóng góp cho xã hội, không kể đến vốn kinh doanh của mình, nếu không được người dịch cho phép trước.

Các bên nên nhớ là phải giữ lại quyền của dịch giả.

VIII. Nêu tên người dịch

8.1 Các bên nên nhớ rằng :

- Người dịch được hưởng quyền được tôn trọng theo điều L121-1 của CPI.

- Tên người dịch phải có trên mỗi bản in, theo điều L.132-11 của CPI, trừ phi có sự thoả thuận ngược lại.

8.2 Các bên thoả thuận là tên dịch giả trên trang có tít phải xuất hiện rõ ràng trên trang đầu tờ bìa sách, hoặc nếu không thì trên trang bìa thứ tư.

8.3 Các bên khuyến nghị đưa tên dịch giả cả trong các tài liệu chiêu khách và quảng cáo nữa.

IX. Thông báo cho dịch giả

1. Khai thác tác phẩm

Người xuất bản thông báo cho dịch giả:

- ngày đưa sách ra bán về lý thuyết

- những việc chuyển nhượng quan trọng về các quyền phát sinh và phụ.

2. Trình sổ sách kế toán

Người xuất bản phải báo cáo theo đúng điều L.132-13 của CPI sáu tháng khi lập bản quyết toán.

Ngoài các khoản tiền phải trả, bản quyết toán cần ghi:

- Số lượng in các lần xuất bản;

- Giá công chúng không tính thuế và những thay đổi có thể có về giá;

- Trừ phi có thoả thuận ngược lại, số lượng sách đã bán, không dùng được nữa hoặc hư hại.

Báo cho dịch giả biết ngày quyết toán thường lệ vào lúc ký hợp đồng.

X. Thủ tục hoà giải

Mọi tranh chấp về quyết toán giữa người xuất bản và dịch giả có thể đưa ra hoà giải với sự đồng lòng chung.

Các bên ký kết làm đơn xin hoà giải.

Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc, một bên, và tuỳ trường hợp, Hội nhà văn Pháp, Hội dịch giả văn học Pháp và Hội các dịch giả Pháp, bên kia, giao việc hoà giải cho người hoà giải nào nhận làm.

Người hoà giải để đạt với các bên một sự thoả hiệp mà họ có quyền tự do chấp nhận hay không.

Một sự thoả hiệp được chấp người xuất bản và người dịch nhận sẽ chấm dứt mọi việc kiện cáo hoặc yêu sách.

LUẬT SỬ DỤNG VỀ MINH HOẠ BẰNG BẢN VẼ
NGÀY 20-6-1978

Ký kết giữa Nghiệp đoàn hoạ sĩ minh hoạ toàn quốc và Nghiệp đoàn

\xuất bản toàn quốc

I. Việc tham gia chính

Bản vẽ là yếu tố cơ bản của sáng tạo trí tuệ tác phẩm (chẳng hạn như nhiều minh hoạ trong một cuốn sách, bản vẽ trong tập an-bom cho trẻ em, băng vẽ, ác phẩm video...)

a) Nhuận bút phần trăm

Việc hưởng phần theo tỷ lệ về thu nhập từ việc bán tác phẩm dưới dạng phần trăm do các bên tự do bàn bạc.

Trường hợp do người xuất bản quyết định thì phải bảo đảm về quyền tác giả cho các tác giả, tầm quan trọng và cách thanh toán được quy định trong hợp đồng.

Nhuận bút khoán cho lần xuất bản đầu tiên do người vẽ chính thức yêu cầu, *và vượt tỷ lệ.*

Điều 36 luật 11-3-1957[1] cho phếp thoả thuận về mức khoán cho lần xuất bản đầu tiên, với điều kiện người vẽ có đề nghị rõ ràng.

Để tránh mọi sự hiểu lầm, định nghĩa về lần xuất bản đó, hợp đồng phải ghi rõ số lượng bản in cả bằng tiếng Pháp và tiếng nước ngoài nếu là hợp đồng xuất bản hoặc số lượng in gộp lại. Ngoài việc bán những bản in này, hợp đồng quy định tỷ lệ phần trăm do các bên thoả thuận.

Theo quy tắc, do rủi ro của người xuất bản vì sách bị ế , và do người vẽ không chấp nhận rủi ro đó, tỷ lệ phần trăm chỉ có thể ít hơn nếu đã có sự thoả thuận về nguy cơ từ đồng Phrăng thu nhập đầu tiên.

c) Trường hợp dịch, sao chép bằng mọi phương thức ngoài xuất bản, hiện có hoặc sẽ có, việc cùng hưởng tỷ lệ thu nhập sẽ được quy định dưới dạng phần trăm, sau khi các bên thoả thuận, hoặc nếu không thì theo ý kiến chuyên gia.

---

[1] Điều L.132-6 của CPI

II. Cùng hưởng phần phụ

1. Khi sự tham gia của người minh hoạ không phải là một trong những yếu tố chủ yếu của việc sáng tạo trí tuệ ra tác phẩm, nhuận bút sẽ là khoán theo nguyên tắc về ngoại lệ của việc cùng hưởng tỷ lệ nêu trong Luật 11-3-1957[1].

2. Tuy nhiên, sẽ có nhuận bút mới bằng một nửa nhuận bút gốc hiện tại khi người xuất bản sử dụng lại phần minh hoạ của lần xuất bản gốc trong lần xuất bản mới hoặc phat sinh.

Lần xuất bản mới là lần xuất bản có sửa đổi hoặc hoàn chỉnh của một cuốn sách có từ trước.

Lần xuất bản phát sinh là lần xuất bản cùng một tác phẩm bằng cách trình bày khác, do cùng một người xuất bản hoặc một người khác xuất bản, và có phần đáng kể về văn bản và minh hoạ gốc lấy từ một tít khác, nhất là về bản dịch một tác phẩm.

Nếu bản vẽ được dùng một lần khác dưới dạng không phải là sách, người vẽ và người xuất bản chia đôi số tiền mà người khai thác thứ ba phải trả.

III. Quyền sở hữu các bản vẽ và độc quyền khai thác

Trừ phi có sự thoả thuận khác ghi rõ trong hợp đồng, những bản vẽ gốc phải được trả lại cho tác giả. Người này nhượng cho người xuất bản đặc quyền khai thác các bản vẽ của mình theo điều 54 Luật 11-3-1957[2].

IV.Việc ứng tiền trước cho người minh hoạ trong trường hợp hưởng phần phụ hoặc chính

a) - Nguyên tắc chung.

Khi người xuất bản đặt vẽ minh hoạ, thường là chấp nhận ứng trước một phần ba giá thoả thuận.

SNE dặn hội viên làm như vậy.

b) - Mọi bản vẽ nghiên cứu hoặc phác thảo do nhà xuất bản yêu cầu phải có nhuận bút thoả thuận trước giữa các bên, dù là sau này có được sử dụng hay không.

Việc sử dụng sẽ được cụ thể hoá trong hợp đồng đặt vẽ.

Sự từ chối sẽ dẫn đến việc thanh toán ngay cho người vẽ số tiền đã thoả thuận, và người này được tuỳ ý sử dụng các bản vẽ nghiên cứu hoặc phác thảo.

c) - Khi việc xuất bản sách chậm trễ, người vẽ sẽ nhận tiền chậm nhất là sáu tháng sau ngày nộp bản vẽ.

---

1 Điều L.132-6 của CPI
[2] Điều L.132-8 của CPI

Khi cuốn sách được xuất bản, nên cập nhật hoá giá thoả thuận và tính tiền phải trả về theo sự cập nhật hoá đó.

V. Ba-rem

Do:

- Tính đa dạng của những sách đã xuất bản
- Phần minh hoạ ít hơn hoặc nhiều hơn trong sách
- Chênh lệch giữa các quyền tác giả mà người vẽ đòi hỏi đôi khi rất lớn,

SNE cho là không thể chấp nhận việc đặt ba-rem, dù chỉ là để tham khảo.

Tuy nhiên, SNE có ý thức về tầm quan trọng của sự cộng tác hoặc sự đóng góp của các bản vẽ vào việc xuất bản, và quan tâm đến việc duy trì các mối quan hệ tín cẩn, thường xuyên với Nghiệp đoàn hoạ sĩ minh hoạ toàn quốc, sẽ kêu gọi hội viên lưu ý sự cần thiết phải trả nhuận bút thật sự thích hợp với thời gian cho người minh hoạ, nhất là khi đặt vẽ.

Nghiệp đoàn các hoạ sĩ vẽ minh hoạ toàn quốc dự định xuất bản ba-rem để tham khảo dùng trong nội bộ.

VI. Chiêu hàng bán sách

Sự thoả thuận giữa người xuất bản và người minh hoạ kéo theo việc người ấy chấp nhận để người xuất bản sử dụng miễn phí một trong những bản minh hoạ cho nhu cầu chiêu hàng bán sách.

VII.Tiểu ban có số đại diện hai bên ngang nhau

Nếu có tranh chấp giữa người xuất bản và người minh hoạ, tiểu ban có số đại diện hai bên ngang nhau sẽ cố gắng giải thích những vấn đề về nguyên tắc và vả về bảng giá với tinh thần hoà giải.

CÔNG ƯỚC VỀ SAO CHÉP TÁC PHẨM NGHỆ THUẬT

Kết quả của Nghị định thư 1-3-1983, phê chuẩn ngày 1-9-1983 và ký kết ngày 15-11-1983 giữa Hội truyền bá nghệ thuật hoạ hình và tạo hình và Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc

I. Quy định chung

A. Thoả thuận trước

1. Việc sao lại một tác phẩm sẵn có về nghệ thuật hội hoạ, điêu khắc, tranh khắc hoặc bản vẽ của một tác giả là hội viên ADAGP phải có bản thoả thuận trước viết tay giữa người xuất bản và hội đó.

2. ADAGP được hội viên uỷ nhiệm để đại diện cho mình bàn bạc với những người xuất bản. Trong điều kiện đó, Hội thu hút tác giả, những người có quyền và những người kế vị, theo Luật 11-3-1957 về quyền sở hữu văn học nghệ thuật[1]. Hội đảm bảo người xuất bản sẽ tự do hưởng toàn bộ quyền về sao chép mà không gặp rắc rối, yêu sách hoặc sự gạt bỏ nào trong những điều kiện nêu trong hiệp ước này:

3. Bản thoả thuận trao cho người xuất bản quyền không dành riêng, trong những điều kiện nêu trong hiệp ước này:

- in ấn, xuất bản, sao chép và bán một tác phẩm bao gồm việc sao chép tác phẩm bằng tiếng Pháp và ngoại ngữ ở tất cả các nước và với mọi hình thức xuất bản.

- sao chép tác phẩm bằng mọi phương tiện dành cho việc chiêu hàng cho tác phẩm.

- trao toàn bộ hoặc từng phần những quyền này cho những người thứ ba.

4. Tác giả hoặc những người có quyền có thể đề nghị ký lệnh cho in trên các bản khắc ảnh để sao lại một trong những tác phẩm của họ. Người xuất bản có trách nhiệm chấp thuận đề nghị đó.

Theo quyền tinh thần của tác giả, lệnh cho in này giữ hiệu lực cho các lần xuất bản khác nhau của cùng một tác phẩm như ghi trong thoả thuận này, cũng như cho các lần xuất bản khi sử dụng cùng những yếu tố sản xuất bản dương trên tấm lưới.

---

[1] Nay sáp nhập CPI

B. Lời chú bắt buộc : chữ ký

Mỗi bản sao phải có chữ ký sau đây:

- họ và, nếu có thể được, tên tác giả
- tít của tác phẩm
- nếu có thể được, ngày sáng tác tác phẩm
- nơi bảo quản
- lời chú © của ADAGP 20

Chữ ký này phải để gần bản sao, hoặc trong bảng các minh hoạ bao gồm số trang và, nếu cần thiết, chỗ hoặc số tham khảo bản sao.

Chữ ký phải giúp độc giả nhận dạng dễ dàng và chắc chắn tác phẩm.

ADAGP có thể yêu cầu bồi thường, với sự đồng ý của tác giả:

- 100% theo ba-rem, nếu lời chỉ dẫn không đầy đủ, không nhận dạng được hoặc sai;
- 200% theo ba-rem, nếu hoàn toàn không có chỉ dẫn.

C. Các quyền của tác giả

Theo Luật 11-3-1957 về quyền sở hữu văn học nghệ thuật[1], tác giả hưởng tiền theo tỷ lệ hoặc tiền khoán.

1. Tiền hưởng theo tỷ lệ

Khi các tác phẩm được sao lại trong khuôn khổ bản chuyên khảo dành cho một tác giả thì tìm kiếm nhuận bút theo tỷ lệ thu nhập về việc bán tác phẩm vì quyền lợi của tác giả.

Những quyền này được quy định với sự thoả thuận riêng giữa người xuất bản và ADAGP. Các bên phải đặc biệt tính đến :

• Tầm quan trọng của văn bản một mặt đối với toàn bộ các trang và mặt khác đối với bề mặt dành cho minh hoạ;

• Việc giới thiệu và hợp cách hoá tác phẩm (đóng sách, hòm, sách đã bán, v.v....) là đối tượng của sự giảm bớt các quyền của tác giả có chứng minh.

Khi người xuất bản chi tiền tạm ứng, tiền này là sự bảo đảm tối thiểu và tác giả hưởng, dù sự may rủi của tác phẩm như thế nào.

Tiền này trả theo tình trạng bán tác phẩm.

2. Tiền khoán

---

[1] Nay sáp nhập CPI

Trường hợp sao một hoặc nhiều tác phẩm một cách biệt lập thì trả nhuận bút khoán, mà số tiền do ba-rem có thể áp dụng định.

Ba-rem có thể áp dụng là ba-rem có hiệu lực vào ngày gửi chứng từ đến ADAGP.

Ba-rem về tiền khoán được sửa đổi hàng năm với sự thoả thuận giữa nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc và ADAGP.

D. Chứng từ

1. Việc gửi chứng từ

Khi một tác phẩm tiếng Pháp gồm bản sao một hoặc nhiều tác phẩm của một tác giả là hội viên ADAGP, người xuất bản phải gửi một bản trọn vẹn cho hội này trong vòng ba tháng sau khi tác phẩm được đưa ra bán.

Thông báo này phải làm về lần xuất bản gốc, xuất bản phụ, xuất bản mới, xuất bản từng phần, mỗi tập của lần xuất bản thành tập và mỗi phương tiện quảng cáo, trừ các lần xuất bản chuyên nghiệp (sách của nước Pháp, sách hàng tuần, tác phẩm do nhà xuất bản, câu lạc bộ, hiệu sách, v.v.... xuất bản).

Về các tác phẩm dịch sang ngoại ngữ, người xuất bản đã ký thoả thuận trước với ADAGP phải gửi bản sao kê chứng từ trong vòng bốn tháng sau đợt bán và dành cho hội này một bản dịch tác phẩm.

Người xuất bản chịu trách nhiệm về những sai sót trong việc thanh toán tiền cho tác giả về các tác phẩm sao lại trong lần xuất bản tiếng Pháp và ngoại ngữ.

2. Chậm gửi chứng từ

ADAGP có thể yêu cầu bồi thường về sự chậm trễ đáng kể.

3. Bằng chứng việc gửi chứng từ

Người xuất bản phải giữ bằng chứng về việc nộp chứng từ

II. Barem tính tiền khoán về sách và tập

A. Loại tác phẩm và khổ sách

1. Nên nhớ ba loại tác phẩm:

- Bách khoa, từ điển và sách giáo khoa;
- Sách có minh hoạ (trừ sách chuyên luận);
- Sách có khổ dưới 13x20cm;

2. Về mỗi loại đó, có tính đến

- Tính chất việc sao chép : đen, trắng hay màu;
- Khổ sách hoặc kích thước phương tiện sao:

1/6 trang và ít hơn

• 1/4 trang và ít hơn

• 1/2 trang và ít hơn

• 3/4 trang và ít hơn

• trang đúp

• tờ rời gấp

• bìa hoặc áo bìa.

Khổ bản sao được quy định theo tỷ số bề mặt bản sao và bề mặt trang giấy (văn bản, kể cả minh hoạ và lề).

Bản sao duy nhất trên một trang mà không có văn bản được coi như bản sao một trang, dù khổ giấy thế nào.

Chữ ký hoặc mọi chỉ dẫn về mặt kỹ thuật (khổ giấy hoặc tên chủ sở hữu tác phẩm gốc....) không được coi là văn bản.

3. Về sách khổ dưới 13x20cm, giảm 25% về ba-rem có thể áp dụng khi số lượng in dưới 20.000 bản.

4. Trường hợp đặc biệt

a/ Trang đúp

Tiền tính theo trang đầy đủ tăng 60%

b/ Tờ rời gấp ba

Tiền tính theo trang đủ tăng 100%

c/ Bìa sách hoặc áo bìa

- Bản sao khổ trên 1/3 trang: tiền bìa.
- Bản sao khổ dưới hoặc bằng 1/3 trang : tiền một trang đủ
- Ghép nhiều bản sao : tiền tương đương khổ bản sao tăng 1/3

Tổng số tiền về bản ghép này không thấp hơn tiền một tờ bìa.

d/ Bìa đúp hoặc áo bìa đúp (plat, recto, dos, plat. Verso, rabats)

B. Nhiều bản sao một tác phẩm trong cùng một bộ tác phẩm

Bản sao thứ hai của cùng một tác phẩm trong một bộ tác phẩm làm nảy sinh việc trả nửa tiền.

Một phần ba tiền phải trả cho các bản sao khác của cùng một tác phẩm trong bộ tác phẩm đó.

C. Các lần xuất bản khác nhau của cùng một bộ tác phẩm

1. Các lần xuất bản tương tự

Việc khai thác cùng một bộ tác phẩm bằng những chu trình bán khác nhau với sự giới thiệu giống nhau hoặc khác nhau của người xuất bản hoặc người xuất bản thứ ba không dẫn đến thoả thuận mới giữa người xuất bản và ADAGP và việc thanh toán tiền mới

2. Các lần xuất bản phụ

Lần xuất bản phụ là lần xuất bản cùng một bộ tác phẩm dưới hình thức giống nhau hoặc khác nhau, do cùng một người xuất bản hoặc người xuất bản thứ ba tiến hành, và bao gồm điểm chủ yếu của văn bản và một phần minh hoạ đáng kể

Trong trường hợp này:

- Sự thoả thuận giữa người xuất bản và ADAGP về việc sao lại các tác phẩm trong lần xuất bản gốc có giá trị đối với lần xuất bản phụ.

Phải trả một khoản tiền mới. Số tiền được ấn định theo thoả thuận giữa người xuất bản và ADAGP, nhưng không thể quá 50% số tiền theo ba-rem có thể áp dụng.

- Những tác phẩm không có trong lần xuất bản gốc có thể được in lại trong lần xuất bản phụ bằng cách thêm vào hoặc thay thế.

Phải có bản thoả thuận thành văn trước giữa người xuất bản và ADAGP trước cho từng tác phẩm trong số đó và phải trả một khoản tiền tương ứng với ba-rem có thể áp dụng.

3. Lần xuất bản mới

Lần xuất bản mới là lần xuất bản cùng một bộ tác phẩm dưới hình thức như nhau hoặc khác nhau, do người xuất bản hoặc người xuất bản thứ ba tiến hành, có những sửa đổi lớn trong văn bản và phần minh hoạ.

Trong trường hợp này:

- Bản thoả thuận ký kết giữa người xuất bản và ADAGP về việc in sao các tác phẩm trong lần xuất bản gốc có giá trị cho lần xuất bản mới.

- Có một khoản tiền mới phải trả. Số tiền được quy định theo thoả thuận giữa người xuất bản và ADAGP, nhưng không thể quá 75% số tiền tương ứng với ba-rem có thể áp dụng.

- Các tác phẩm không có tên trong lần xuất bản gốc có thể được in lại trong lần xuất bản mới có bổ sung hoặc thay thế.

Một bản thoả thuận thành văn phải được ký kết trước giữa người xuất bản và ADAGP cho mỗi một trong những tác phẩm đó, và phải trả một khoản tiền tương ứng với barem có thể áp dụng.

4. Lần xuất bản từng phần

Lần xuất bản từng phần là lần xuất bản cùng một bộ tác phẩm trình bày giống hoặc khác do người xuất bản hoặc người xuất bản thứ ba làm, cùng khổ sách như lần xuất bản gốc, nhưng chỉ về một phần của bộ tác phẩm đó.

Trong trường hợp này:

- Việc ADAGP đồng ý cho in lại các tác phẩm đã in trong lần xuất bản gốc có giá trị cho lần xuất bản từng phần.

- Có một khoản tiền mới phải trả. Số tiền do người xuất bản và ADAGP thoả thuận, nhưng không thể qua 25% số tiền tương ứng với ba-rem có thể áp dụng.

5. Sách giáo khoa – những phần nhỏ có thật

Phần nhỏ có thật là một phần trong bộ sách giáo khoa in lại hệt như trước trong các lần in do cùng một người xuất bản làm, và tương ứng với những ban khác nhau của một lớp học.

ADAGP chỉ chấp thuận một lần cho in lại một tác phẩm dưới dạng một phần nhỏ có thật, người xuất bản chỉ phải chi tiền một lần.

6. Xuất bản thành tập

[...] Định nghĩa

Chỉ áp dụng ba-rem về tập cho các lần xuất bản đã bán:

- Qua mạng lưới bán nhiều: báo chí, hiệu sách, diện tích lớn, môi giới, bán qua thư, câu lạc bộ, v.v....;

- Bằng cách giới thiệu khác nhau, đặc biệt là:

• Bán từng tập riêng rẽ, định kỳ hoặc không,

• Các tập đóng lại theo trật tự nào đó và bằng cách nào đó.

a) Điều kiện áp dụng.

- Người xuất bản phải lựa chọn việc bán nhiều qua mạng ngay khi bắt đầu in các tập sách và báo cho ADAGP biết việc này khi gửi chứng từ.

- Việc xuất bản dưới mọi hình thức, mỗi tập phải là cùng một văn bản, cùng tranh minh hoạ và cùng cách lên trang.

b) Bộ sách đóng bìa

Khi những tập sách riêng rẽ được bán như vậy, và ngoài ra, dưới dạng đóng thành quyển thì giảm giá 10% theo ba-rem.

c) In từng đợt

Ba-rem về tập sách có tính đến số lượng bản in cho mỗi tập:

- dưới 100.000 bản;

- 100.000 bản và nhiều hơn;

- 200.000 bản và nhiều hơn;

- 500.000 bản và nhiều hơn.

7. Những quy định trong chương này không áp dụng cho các lần xuất bản bằng ngoại ngữ

D. Bản dịch

Bản thoả thuận thành văn ký kết giữa người xuất bản và ADAGP để in một tác phẩm tiếng Pháp cũng trao cho người đó quyền:

- in tác phẩm trong lần xuất bản cùng một bộ tác phẩm bằng ngoại ngữ,

- trao cho người thứ ba quyền in tác phẩm đó trong lần xuất bản cùng bộ tác phẩm bằng ngoại ngữ.

Khi dùng quyền này, người xuất bản phải trả cho ADAGP một khoản tiền mới, bất kể phương thức nhuận bút lựa chọn cho lần xuất bản bằng tiếng Pháp.

Về khoản tiền này, người đó chọn một trong những phương thức sau đây:

- trả tiền theo ngôn ngữ;

- trả tiền theo quy định quốc tế.

1. Trả tiền theo ngôn ngữ

a) 50% số tiền theo ba-rem cho các thứ tiếng Đức, Anh (trừ Mỹ), Tây Ban Nha, Nhật và Bồ Đào Nha (kể cả Brasil).

b) 40% số tiền theo ba-rem cho tiếng Hà Lan, Thuỵ Điển và Italia

c) 25% số tiền theo ba-rem cho bản dịch các thứ tiếng khác, kể cả tiếng Bồ Đào Nha (trừ Brasil), *với điều kiện người nước ngoài sử dụng ít nhất là 20% tập* tranh ảnh của lần xuất bản tiếng Pháp, nếu không như vậy thì người xuất bản là người Pháp và phải trả 50% như trong đoạn a).

Sách giáo khoa được giảm 25% số tiền phải trả.

2. Trả tiền theo quy định quốc tế

- Người xuất bản có thời hạn bốn năm, tính từ ngày bán sách, để hưởng tiền theo quy định quốc tế. Số tiền tương ứng với tiền gốc nhân đôi (tức là 100% số tiền theo ba-rem). Nhưng thời hạn lên tới năm năm cho từ điển và từ điển bách khoa. Thời hạn ính từ khi in xong quyển cuối cùng của bộ tác phẩm.

- Khi tổng số tiền mà người xuất bản phải trả về các khoản khác nhau về ngữ lên tới 100% ba-rem, thì được coi như đã làm theo quy định quốc tế.

III. Hoà giải

Trong trường hợp có tranh chấp về việc áp dụng hoặc hiểu thoả ước này thì các bên có thể cùng thoả thuận cầu viện sự hoà giải.

Nhiệm vụ này được giao cho hai người hoà giải nhận trách nhiệm, do Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc và ADAGP chỉ định.

Những người hoà giải đưa ra một sự thỏa hiệp để hai bên nhận hoặc từ chối.

Sự thoả hiệp do hai bên chấp nhận sẽ chấm dứt mọi yêu sách.

LUẬT SỬ DỤNG ẢNH MINH HOẠ

NGÀY 5-5-1993

Kết quả của Hiệp ước ký kết ngày 5-5-1993 giữa Liên hiệp các nhà nhiếp ảnh sáng tạo, Hội nhiếp ảnh chuyên nghiệp độc lập của Pháp, Nghiệp đoàn các hãng ảnh minh hoạ và phóng sự, Nghiệp đoàn các hãng báo ảnh, Nghiệp đoàn các hãng ảnh minh hoạ chung toàn quốc, nhóm ảnh chuyên nghiệp toàn quốc, một bên, và Nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc, bên kia.

Chương I: Nguyên tắc in sao và trình diễn-trách nhiệm-chú thích và lời dẫn

1.1. In sao và trình diễn

1.1.1. Nghĩa vụ của các nhà nhiếp ảnh và những người được họ uỷ nhiệm

Các bức ảnh phải do các nhà nhiếp ảnh hoặc người được họ uỷ nhiệm cung cấp để in sao và trưng bày, nên những người này bảo đảm với người xuất bản, với điều kiện không gây hại hoặc vu khống một người có tư cách pháp nhân nào, là không có trở ngại nào cho việc in hoặc trưng bày.

Trong khuôn khổ Luật 17-7-1970, nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm chịu trách nhiệm với những người trong ảnh về tài liệu cung cấp. Người đó cam kết sẽ báo về mọi sự giả mạo bằng kỹ xảo và ghép ảnh người.

1.1.2. Nghĩa vụ của người xuất bản

Những bức ảnh cung cấp để in và trình bày trong một bộ tác phẩm nhất định, không thể chuyển cho bất cứ ai mà không được tác giả hoặc người được uỷ nhiệm thoả thuận.

Người xuất bản có trách nhiệm bảo đảm cho mình quyền sở hữu trí tuệ về các tác phẩm in.

Ngoại trừ các điều quy định được đề ra về các lần xuất bản phát sinh, và những bản dịch do người xuất bản thứ ba làm, ghi trong các điều 31, 32, 33, 34 và 35, cấm không được nhường lại vì bất cứ lý do nào, bản sao, bản in hoặc các vật liệu in sao lưu trữ tại nhà người xuất bản mà không được các nhà nhiếp ảnh hoặc những người được người đó uỷ quyền và Luật về việc thanh toán tiền cho phép trước.

Trong trường hợp không tuân theo quy tắc này, những người xuất bản phải chịu trách nhiệm về mọi hậu quả có thể xảy ra.

1.2. Quyền của những người trong ảnh.

1.2.1. Trách nhiệm của người xuất bản

Người xuất bản, người quyết định việc lựa chọn cách lên trang văn bản có ảnh kèm theo, tự mình chịu trách nhiệm với những người trong ảnh khi văn bản hoặc ngữ cảnh, hoặc lời chú thích ảnh, ngoài chú thích của tác giả, được coi là có hại cho những người đó.

Hơn nữa, mọi việc giả tạo và sự xuyên tạc tài liệu đều bị cấm.

1.2.2. Ảnh dùng hạn chế.

Một số tài liệu chỉ được in sao về lời chú thích hoặc văn bản đã khiến cho các nhà nhiếp ảnh hoặc những người được người đó uỷ nhiệm phải thận trọng đối với những người trong ảnh.

Đặc biệt là về những nhà chính trị và nghệ sỹ là nhân vật quan trọng, những bức ảnh về các cuộc biểu diễn và các tác phẩm nghệ thuật.

Việc hạn chế sử dụng mỗi bản in sao, sự đồng ý trước của nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ quyền là điều kiện cần thiết cho một bộ tác phẩm khác.

1.3. Chú thích ảnh- Lời dẫn giải

1.3.1. Chú thích ảnh

Các nhà nhiếp ảnh và những người được họ uỷ nhiệm có ý thức rằng không thể in lại ảnh mà không có chú thích rõ ràng, và cần cố gắng thông tin về việc này. Vì vậy họ chăm lo chu đáo về tính chính xác và sự đúng đắn của việc xác định vị trí, ngày tháng hoặc thời kỳ, nhận dạng các yếu tố về người và địa lý và những cái khác có trong ảnh.

Ngoài ra, người đó sẽ chú ý đến nhận dạng các nhân vật chính và quan trọng trong các bức ảnh chụp vào dịp có các sự kiện công cộng.

Ngày ảnh được chụp sẽ được báo theo yêu cầu, do các nhà nhiếp ảnh hoặc những người mà họ uỷ nhiệm cố gắng tự mình ghi rõ ngày chụp ảnh có tính chất thời sự.

Khi người xuất bản cung cấp bằng chứng là chú thích ảnh sai, người đó có thể yêu cầu tác giả hoặc người được tác giả uỷ nhiệm từ bỏ quyền lợi về in sao.

1.3.2. Lời dẫn giải

Về phía mình, các nhà xuất bản cam kết chú ý tỉ mỉ đến việc đưa tên rõ ràng của người chụp ảnh, tên người được uỷ quyền nếu có, vào gần tài liệu in sao, hoặc trong tranh ảnh minh hoạ ghi từng trang một.

Trường hợp chữ ký không trọn vẹn, không nhận ra được hoặc sai, người chụp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm có thể yêu cầu bồi thường với số tiền tăng thêm 50% nhuận bút.

Nếu không có chữ ký đầy đủ, tiền bồi thường sẽ lên đến 100% nhuận bút mà không phải nhờ cậy điều gì cả.

Chương II- Bảng kê hợp đồng - Tính chất tài liệu - Phí quản lý – Tiền lưu giữ tài liệu cơ sở. Mất mát và hư hại

2.1. Cán bộ tư liệu

Trường hợp người xuất bản dùng cán bộ tư liệu bên ngoài nhà xuất bản thì phải trao cho người đó thư giới thiệu của nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm. Thư đó ghi rõ tên hoặc nội dung bộ tác phẩm của nhà xuất bản giao cho người đó tìm ảnh.

2.2. Bảng kê hợp đồng của nhà nhiếp ảnh hoặc những người được uỷ nhiệm

2.2.1. Miêu tả những bức ảnh đã cung cấp

Các nhà nhiếp ảnh hoặc những người do họ ủy nhiệm chỉ có thể giao ảnh cho những người xuất bản khi có bảng kê hợp đồng chi tiết kèm theo.

Trong bảng kê đó phải có bản miêu tả mỗi bức ảnh để dễ nhận ra (chủ đề, cỡ, tính chất, tên người chụp, tên... [internet] nếu có).

2.2.2. Tính chất các tài liệu cung cấp

2.2.2.1. Định nghĩa tài liệu cơ sở

Tài liệu cơ sở là tài liệu gốc hoặc tài liệu có giá trị tài liệu gốc, hoặc tài liệu mà việc lạm giữ có hại cho nhà nhiếp ảnh và người được uỷ nhiệm. Bảng kê hợp đồng phải cho phép nhận ra tính chất tài liệu.

2.2.2.2. Bản sao

Trường hợp nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm cung cấp bản sao thì bắt buộc phải báo cho người xuất bản biết.

Phải ghi đặc trưng này trong bảng kê hợp đồng và trên ảnh hoặc khung che ảnh.

Việc không tuân thủ điều khoản này cho phép người xuất bản đòi bỏ nửa quyền in lại tương ứng.

2.2.2.3. Bản đen trắng gốc

Những bản đen trắng gốc có ghi "tài liệu gốc" hoặc "tài liệu cơ sở" tuân thủ luật về tài liệu gốc (đoạn 233-234-251).

2.2.3. Tài liệu đặc biệt

Tài liệu đặc biệt, như tác giả hoặc người được uỷ nhiệm định nghĩa, là ảnh hiếm thật sự. Chỉ có thể có ý định đòi điều kiện nhuận bút cao hơn về những tài liệu đó nếu người xuất bản được báo trước bằng lời chú ghi trên bảng kê hợp đồng, và nếu có thể được, trên những tấm ảnh hoặc trên khung che ảnh.

2.2.4. Điều kiện chung ghi trên bảng kê hợp đồng:

Những điều kiện chung mà người chụp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm ghi trên bảng kê hợp đồng trao tài liệu chỉ làm cho người xuất bản phải chịu trách nhiệm nếu những điều kiện đó đúng với quy định của nghị định thư này.

2.3. Phí quản lý - Tiền lưu giữ tài liệu cơ sở

2.3.1. Người xuất bản công nhận với nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm nguyên tắc lập hóa đơn về chi phí quản lý và tiền lưu giữ tài liệu cơ sở.

2.3.2. Quyền cơ bản dùng để tính toán chi phí quản lý và tiền lưu giữ bằng tiền in cỡ 1/4 trang màu trong mép bìa gấp của loại tác phẩm có tính bách khoa.

2.3.3. Phí quản lý

Việc nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm gửi tư liệu ảnh dẫn đến việc tính toán tiền bảo hành tối thiểu cho một tác phẩm Khái niệm tác phẩm giới hạn ở một tập về các tác phẩm có tính chất bách khoa.

Số tiền bảo hành tối thiểu này bằng 12% tiền về một tài liệu, tính từ tài liệu thứ mười sáu.

Trường hợp sự tìm kiếm giới hạn ở mười lăm tài liệu, tổng số tiền khoán về chi phí quản lý bằng một phần ba số tiền cơ bản.

Nếu số tiền bảo hành tối thiểu nhiều hơn tiền in sao, 50% hiệu số sẽ ghi trong hóa đơn là chi phí quản lý.

Trường hợp tìm kiếm tài liệu cho tờ bìa, được miễn phí quản lý cho hai mươi tài liệu. Thời hạn miễn là trong vòng một tháng.

2.3.4. Lưu trữ tài liệu cơ sở

Nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ quyền giao ảnh tài liệu để cho người xuất bản kia chọn lựa trong vòng ba tháng, và sáu tháng cho những tài liệu được dùng, trừ phi có thoả thuận riêng.

Sau thời hạn đó, nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm sẽ tính tiền tài liệu theo thể thức ghi trong các đoạn 234-1 và 234-2.

Người xuất bản có thể đề nghị sao tài liệu dùng làm chứng từ và trả tiền. Người sao chụp hoặc người được uỷ quyền phải viết thư đòi lại tài liệu trước khi làm hoá đơn về quyền giữ tài liệu.

2.3.4.1. Tài liệu lưu giữ quá ba tháng.

Những tài liệu không dùng đến được lưu giữ quá ba tháng phải tính tiền bảo hành tối thiểu tương đương 20% cho mỗi tài liệu.

Nếu tiền này nhiều hơn tiền sao thì số tiền dư ra sẽ tính vào tiền lưu trữ.

2.3.4.2. Tài liệu lưu giữ quá sáu tháng.

Những tài liệu không dùng đến và đã được lưu trữ quá sáu tháng sẽ được tính tiền bảo hành tối thiểu tương đương với 60% tiền tính lúc đầu về một tài liệu.

Nếu tiền bảo hành tối thiểu nhiều hơn tiền in sao thì số tiền chênh lệch sẽ ghi vào hoá đơn là tiền lưu giữ.

2.3.4.3. Tài liệu lưu giữ quá một năm.

Về những tài liệu lưu trữ quá một năm thì viết hoá đơn 100% tiền. Nhưng, nếu người xuất bản không thể trả lại những tài liệu đó trong vòng ba tháng, thì chúng bị coi là mất và sẽ lập hoá đơn như nếu trong đoạn 251.

2.3.5. Lập hoá đơn về chi phí quản lý và lưu trữ.

Nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm ghi hoá đơn tiền bảo hành tối thiểu ở mức cao nhất (đoạn 233 hoặc 234), nếu tiền sao ít hơn.

Lập hoá đơn về chi phí quản lý hoặc lưu giữ khi tính tiền in sao. Trường hợp các tài liệu thông báo không đòi hỏi sao chép, thì phải tính tiền lập hoá đơn về chi phí quản lý hoặc lưu giữ chậm nhất là một năm sau khi thông báo tài liệu.

2.4. Lời dặn dò những người xuất bản khi tài liệu được trả lại.

Phải trả lại tài liệu màu có khung che gốc có ghi lời dẫn, hoặc ít nhất là có khung che gốc kèm theo khung che mới để khỏi lẫn lộn.

Khi trả lại tài liệu, những người xuất bản nên tham khảo các bảng kê hợp đồng

2.5. Việc tài liệu bị hư hỏng hoặc mất mát

2.5.1. Tài liệu gốc.

Khi tài liệu gốc bị mất hoặc hư hại, tức là khi người xuất bản trả lại mà không dùng được nữa, sẽ phải đền tiền.

Về những tài liệu gốc hoặc có giá trị bản gốc, thì tiền bồi thường tương đương với giá trị ghi trên bảng kê hợp đồng.

Nếu không có sự chính xác đó ghi trên bảng kê hợp đồng thì tiền bồi thường sẽ gấp năm lần tiền lúc đầu.

Tuy nhiên, khi có sự thoả thuận chung là tác giả sẽ làm lại ảnh, thì người xuất bản sẽ thanh toán hoá đơn theo điều kiện ảnh về phóng sự đã đặt.

2.5.2. Tài liệu gốc đặc biệt

Tuy nhiên, về tài liệu gốc đặc biệt, có thể định trước tiền bồi thường cao hơn, bằng lời ghi chú ghi trên bảng kê hợp đồng.

2.5.3. Bản sao

Trường hợp bản sao bị hỏng hoặc mất, nếu bản sao thay thế do người xuất bản đề nghị không được chấp nhận thì người đó phải trả cho nhà nhiếp ảnh hoặc người do người đó uỷ nhiệm nửa tiền tính lúc đầu, nếu không rõ ràng thì phải trả tiền bồi thường khác về bảng kê hợp đồng.

2.5.4. Thời hạn đòi bồi thường

2.5.4.1 Sự hư hại

Người chụp ảnh hoặc người được người đó uỷ nhiệm không được đòi bồi thường khi quá hạn hai tuần sau khi nhận được những tài liệu do người xuất bản trả lại.

2.5.4.2 Sự mất mát

Người chụp ảnh hoặc người được người đó ủy nhiệm có thời hạn sáu tháng, tính từ khi gửi chứng từ, để đòi người xuất bản trả lại tài liệu chưa trả, nếu không thì sau đó chỉ có thể đòi người xuất bản tiền đền mất tài liệu.

Chương III. Các loại xuất bản -Miễn thông báo trước

3.1. In lại - Lần xuất bản tương tự - Lần xuất bản cập nhật

Người ta phân biệt, trong khuôn khổ khai thác tác phẩm liên tục, những khái niệm sau đây

3.1.1. In lại

In lại là sao y nội dung tác phẩm, với cách trình bày và tít như nhau.

3.1.2. Lần xuất bản tương tự

Lần xuất bản tương tự là sao y nội dung tác phẩm, dù là cách trình bày như thế nào, với tít như cũ hoặc khác.

3.1.3. Lần xuất bản cập nhật

Lần xuất bản cập nhật là in lại nội dung tác phẩm, không kể cách trình bày, có sửa đổi, do có sự bắt buộc bên ngoài nhất là do tính thời sự, do sự thay đổi về pháp luật và quy chế, và nói chung, do nhu cầu giữ cho phù hợp với mục tiêu.

Toàn bộ những sự sửa đổi để cập nhật không được ảnh hưởng đến quá 20% nội dung.

3.1.4. Về những lần in lại, xuất bản tương tự và xuất bản cập nhật, người xuất bản có thể dùng lại mà không cần được phép hoặc thông báo trước, tư liệu ảnh hoặc bản dương trên tấm lưới (typon), hoặc vật liệu sao chụp khác, trừ những tài liệu sẽ dùng lại cho trang bìa.

3.1.5. Những lần in lại, xuất bản tương tự và xuất bản cập nhật không phải trả một khoản tiền mới nhưng phải theo điều kiện nhuận bút hiện hành.

32. Lần xuất bản phát sinh

3.2.1. Lần xuất bản phát sinh là lần xuất bản cùng một tác phẩm, dù là hình thức nào, do cùng một người xuất bản hoặc người xuất bản thứ ba làm, có tít giống nhau hoặc khác nhau và toàn bộ việc sửa đổi ảnh hưởng đến văn bản từ 20 đến 50% văn bản, hoặc đến số lượng ảnh từ 20 đến 50%.

Người xuất bản hoặc người xuất bản thứ ba có thể dùng lại những tư liệu ảnh hoặc, bản dương trên tấm lưới hoặc một vật liệu in sao khác, mà không cần được phép hoặc thông báo trước, trừ những tài liệu để dùng lại cho trang bìa.

Việc dùng lại này trong lần xuất bản phát sinh phải được thông báo bằng cách gửi chứng từ trong những điều kiện nêu trong luật này. Người xuất bản nắm quyền in sao trong lần xuất bản phát sinh chịu trách nhiệm về việc thông báo này. Về việc sử dụng lại này phải trả một khoản tiền mới bằng 50% tiền trả lần đầu, do người xuất bản chịu.

3.2.2. Việc lập hoá đơn về các lần xuất bản phát sinh áp dụng cho mỗi yếu tố của một tổng thể có chung mục tiêu.

3.3. Xuất bản từng phần

Xuất bản từng phần là xuất bản một phần trong các tập của một bộ tác phẩm không thêm không bớt, có cùng kích thước và tít chính.

Người xuất bản có thể sử dụng lại những tư liệu ảnh hoặc bản dương trên tấm lưới, hoặc một vật liệu in sao khác trừ những tài liệu để dùng lại cho trang bìa, mà không cần được phép hoặc thông báo trước.

Việc dùng lại trong lần xuất bản từng phần này phải được thông báo bằng cách gửi chứng từ trong những điều kiện nêu trong luật này. Người xuất bản nắm quyền in sao trong lần xuất bản từng phần chịu trách nhiệm về việc này. Việc sử dụng lại phải trả một khoản tiền bằng 30% tiền trả lần đầu, do người xuất bản đã thu tiền của người chụp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm chi trả.

3.4. Lần xuất bản mới

Lần xuất bản mới là lần xuất bản mà hơn 50% nội dung văn bản hoặc số ảnh bị sửa đổi.

Sau khi đề nghị người chụp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm và người này phải trả lời trong ba mươi ngày, người xuất bản có thể dùng lại các bản dương trên tấm lưới hoặc các vật liệu in sao khác. Việc sử dụng lại trong lần xuất bản mới phải được thông báo bằng cách gửi chứng từ trong điều kiện nêu trong luật này. Người xuất bản nắm quyền in sao cho lần xuất bản mới chịu phí tổn về việc này. Về lần xuất bản mới phải trả khoản tiền bằng 75% tiền trả lúc đầu.

3.5. Bản dịch

Người xuất bản được miễn xin phép trước về mọi bản dịch trong những điều kiện như những lần xuất bản phát sinh hoặc từng phần :

3.5.1. Tiền phải nộp ở Châu Âu và trên thế giới

Trong phạm vi các điều kiện đã thoả thuận giữa các bên, số tiền phải trả trên thế giới tương đương với số tiền phải trả ở Pháp nhân với 2,2; số tiền ở Châu Âu tương đương với số tiền ở Pháp nhân với 1,8.

Số tiền phải trả trên thế giới hoặc ở Châu Âu nhiều hơn ở Pháp.

Nhưng nếu lần xuất bản đầu tiên được trả tiền trên thế giới hoặc ở Châu Âu thì người xuất bản có thể được giảm 10% về những điều kiện đã thoả thuận với nhà nhiếp ảnh hoặc người được ủy nhiệm.

3.5.2. Những bản dịch khác

Nếu tác phẩm được dịch và xuất bản bằng ngoại ngữ, bởi chính người xuất bản hoặc một người xuất bản nước ngoài, thì người xuất bản Pháp phải trả tiền nếu tự thương lượng việc chuyển nhượng quyền về tư liệu tranh ảnh:

a) 60% số tiền thoả thuận với Mỹ về tiếng Anh.

b) 50% số tiền thoả thuận về tiếng Đức và Nhật.

c) 40% số tiền thoả thuận về tiếng Anh, không phải ở Mỹ, tiếng Anh chỉ riêng ở Mỹ, tiếng Bồ ở Brasil.

d) 30% số tiền thoả thuận về tiếng Tây Ban Nha và Italia.

đ) 25% số tiền thỏa thuận về tiếng Bồ không phải ở Brasil, hoặc tiếng Bồ riêng ở Brasil, tiếng Hà Lan và Thụy Điển.

e) 20% số tiền thoả thuận về các thứ tiếng khác.

Tiền khấu trừ từ nguồn (hiệp ước về thuế ký giữa Pháp và một số nước ngoài) sẽ lấy vào tiền phải trả khi không kéo theo việc đánh thuế gấp đôi.

Tỷ lệ phần trăm dự kiến cho mỗi thứ tiếng có thể là nội dung của việc thương lượng lại theo yêu cầu của một trong những bên ký kết luật này.

Trường hợp người xuất bản Pháp không tự thương lượng việc nhượng quyền về tư liệu tranh ảnh, nhưng cung cấp cho người xuất bản nước ngoài phương tiện in sao, thì phải báo cho người chụp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm biết, và nói rõ tên của người xuất bản nước ngoài. Lúc đó người xuất bản Pháp là người bảo đảm người xuất bản nước ngoài sẽ thanh toán tiền tư liệu về tranh ảnh.

3.6. Việc sử dụng lại bản dương trên lưới

Việc sử dụng lại bản dương trên lưới trong một tác phẩm khác do nhà xuất bản có mạng lưới hiệu sách cho in cần có giấy phép cấp trước của người chụp ảnh và người được uỷ nhiệm, người này phải trả lời trong vòng mười lăm ngày sau khi nhận đề nghị.

Việc sử dụng lại này phải trả một khoản tiền mới bằng 75% những điều kiện đã thỏa thuận vẫn còn áp dụng.

3.7. Việc sử dụng lại bản sao

Những điều quy định trong điều 36 (trừ việc giảm25%) áp dụng cho việc sử dụng lại bản sao của người xuất bản theo lời căn dặn trong đoạn 234.

Chương IV - Những quy định khác nhau

4.1. In sao cỡ lớn hơn trang giấy

Khi bề mặt in sao bằng một trang giấy cộng với một phần tư trang, tiền phải trả sẽ là tiền trả cho một trang giấy cộng với 60% tiền về một phần tư trang.

Khi bề mặt in sao bằng một trang rưỡi, số tiền là về một trang cộng với 60% tiền nửa trang.

Khi bề mặt in sao bằng một trang và 3/4 trang, số tiền là về một trang cộng với 60% tiền 3/4 trang.

Khi bề mặt in sao bằng một trang đúp, số tiền phải trả là về một trang cộng với 60%.

4.2. Tờ rời gấp ba

Số tiền sẽ là về một trang theo điều kiện thoả thuận cộng thêm 100%

4.3. Trang bìa

Khi bề mặt in sao bằng hoặc ít hơn một phần ba trang, số tiền theo điều kiện thoả thuận về một trang in chữ trọn vẹn.

Khi tập hợp nhiều bức ảnh thì theo tỷ lệ kích thước của mỗi bức ảnh và theo điều kiện thoả thuận về việc in sao văn bản cộng thêm một phần ba.

4.4. Bìa đúp (plat-recto, mặt sau, plat-verso, trang gấp)

Tiền phải trả là về trang bìa theo điều kiện thoả thuận cộng thêm 60%.

4.5. Việc sử dụng lại trong cùng một tác phẩm

Một bức ảnh đã in trên bìa và in lại trong thân chữ, khi dùng lần thứ hai với bất kỳ cỡ nào, được giảm 50% theo điều kiện các bên đã thoả thuận.

Việc dùng lại để chiêu hàng và quảng cáo tác phẩm sẽ thanh toán theo điều kiện cần đặt ra, nêu trong các đoạn 472 và 473.

4.6. Việc xuất bản sách ra từng tập

4.6.1. Định nghĩa các tác phẩm nói đến

Đó là những tác phẩm dành cho công chúng :

a) Qua chu trình bán nhiều loại : báo, hiệu sách, diện tích lớn, môi giới, bán qua thư, câu lạc bộ, v.v...;

d) Dưới hình thức khác nhau, nhất là :

- tập bán riêng lẻ (thí dụ : tập san),

- các tập đóng lại với nhau theo thứ tự xuất bản, hoặc lung tung theo chủ đề riêng, hoặc theo đề tài tổng hợp.

Phải theo những điều kiện sau đây trong việc áp dụng điều kiện nhuận bút về in sao trong các tập :

- Việc chọn xuất bản theo chu trình bán nhiều phải quyết định khi in thành nhiều tập, sẽ thông báo chậm nhất là khi gửi chứng từ.

- Sách xuất bản phải được bán dưới mọi hình thức, với tít chính, nội dung, tranh minh hoạ, lên trang và kích cỡ như nhau. Mỗi lần đưa ra bán, người xuất bản có thể kèm theo các tập có bản giới thiệu, mục lục và bảng tra riêng về cách giới thiệu.

Mọi sự sửa đổi trong nội dung, ngoài những chỗ sai chữa lại và chỗ cập nhật đơn giản (xem in lại), hoặc về tít chung của tài liệu xuất bản, dùng khi đóng các tập lại thành một cuốn sách, sản phẩm phụ có tính chất mới đối với công chúng, sẽ là lần xuất bản phát sinh như quy định trong điều 32 của Luật sử dụng này.

Trong trường hợp nói trên, nếu người xuất bản chọn lựa việc có sửa đổi khi đóng các tập thành sách, thì phải trả một khoản tiền mới cho việc dùng lại các tập tính theo ba-rem sách.

4.6.2. Điều kiện

4.6.2.1. Những điều kiện áp dụng cho sách ra nhiều tập là điều kiện chung ghi trong luật này, những điều kiện riêng nêu trong đoạn sau.

4.6.2.2. Tiền phải trả trên thế giới

Người xuất bản có thể thu tiền trên thế giới theo điều kiện ghi trong đoạn 3.5.1 của Luật sử dụng này, tham khảo điều kiện đã thoả thuận về các tập, về loại thấp hơn loại xuất bản của Pháp, loại thứ nhất không phải chịu chênh lệch.

4.6.3. Số tiền phải trả về in sao

Phải trả những số tiền khác nhau về việc in sao ảnh cho các lần trình bày về thương mại nêu trong điều 461, không kể số lượng. Khi các tập, sau khi đưa ra bán, chỉ bán được trong lần giới thiệu bổ sung về bộ sách đóng nhiều tập lại, áp dụng việc giảm giá 20% theo các điều kiện đã thoả thuận.

4.6.4. In lại

Nếu việc khai thác tác phẩm đòi hỏi việc in lại đơn thuần các tập gốc mà không sửa đổi việc lên trang và tranh minh hoạ, nhưng thay đổi loại, thì người xuất bản phải báo trước cho nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm biết, để lập hoá đơn; có thể chữa (chỗ sai, lỗi in) văn bản và tranh minh hoạ (chẳng hạn như bản thống kê, minh hoạ kỹ thuật, v.v...) và cập nhật.

4.6.5. Lần xuất bản mới và lần xuất bản phát sinh

Trường hợp xuất bản mới hoặc xuất bản phát sinh như dự kiến và định nghĩa trong các điều 31, 32, 33 và 34 của Luật sử dụng, người xuất bản trả 50% tiền dự kiến về ảnh dùng lần thứ hai, khi xuất bản.

4.7. Chiêu hàng và quảng cáo sách tranh

4.7.1. Cho phép trước

Cần được người chụp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm cho phép trước khi dùng ảnh vào việc quảng cáo hoặc chiêu hàng.

4.7.2. Chiêu hàng

Việc mới dùng ảnh hoặc dùng ảnh in lại trong tác phẩm để chiêu hàng nếu ảnh được trích từ ngữ cảnh, phải trả tiền in sao, tùy theo cách thức in sao, trừ 10%.

4.7.2.2

Việc chiêu hàng không phải trả tiền khi bản sao nguyên văn tác phẩm, trang bìa, áo bìa hoặc những trang bên trong cùng cỡ hoặc nhỏ hơn cỡ gốc.

Khi cỡ lớn hơn cỡ gốc, phải trả 50% theo điều kiện áp dụng cho việc chiêu hàng đã thoả thuận giữa người xuất bản và người chụp ảnh hoặc người được uỷ quyền.

4.7.3. Quảng cáo

Quảng cáo được định nghĩa là mua chỗ trống trên báo hoặc mạng áp - phích mất tiền.

Thư tín in lại trong những xuất bản phẩm về chuyên môn không phải trả một khoản tiền nào cả.

Thư tín để quảng cáo không phải trả tiền khi tác phẩm, bìa, áo bìa hoặc những in sao trang bên trong dùng bản chụp lại, khổ bằng hoặc nhỏ hơn khổ gốc.

Nếu khổ lớn hơn khổ gốc thì phải trả 50% theo điều kiện đã thoả thuận quảng cáo giữa người xuất bản và người chụp ảnh hoặc người được ủy quyền.

Về mọi việc sử dụng mới về ảnh hoặc ảnh chụp lại trong một tác phẩm với mục đích quảng cáo, nếu là trích, phải trả tiền in sao tùy theo phương tiện sử dụng, có giảm 10%.

4.7.4. Ma-ket

Phương tiện làm việc : mọi việc giới thiệu cho một doanh nghiệp không phải trả tiền ngoài tiền lưu trữ tài liệu lâu dài hoặc một cách lạm dụng có thể có.

- Phương tiện bán : việc giới thiệu với người thứ ba phải trả tiền tương ứng với 50% "ba-rem đã thỏa thuận". Số tiền này có thể trừ vào tổng số tiền khi xuất bản.

Chương V - Chứng từ - Luật lệ

5.1. Việc gửi chứng từ

5.1.1. Định nghĩa chứng từ

Có giá trị là chứng từ :

- toàn bộ tác phẩm

- những tờ rời của bản in gốc kèm bản sao toàn bộ kinh phí về ảnh, và trang có tít.

5.1.2. Thời hạn gửi chứng từ

Chứng từ về các tác phẩm đã xuất bản (xuất bản lần đầu, mới, từng phần, tương tự, phát sinh, cập nhật) bắt buộc phải gửi cho nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm ngay khi xuất bản, hoặc chậm nhất là trong vòng hai tháng sau khi đưa ra bán.

Nếu chứng từ không đầy đủ, người xuất bản phải nhắc trong thư là sẽ gửi cho nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm một bản in tác phẩm.

Việc để cho sử dụng tác phẩm, nếu đã hỏi ý kiến, có giá trị như việc gửi chứng từ đầy đủ.

5.1.3. Biên dịch

5.1.3.1. Trường hợp người xuất bản tự kiểm tra việc xuất bản một hoặc những tác phẩm dịch, nếu chưa thanh toán tiền trả cho nước ngoài, thì có thời hạn hai tháng để báo cho người chụp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm biết.

5.1.3.2. Trường hợp người xuất bản Pháp không kiểm tra việc xuất bản một hoặc những tác phẩm dịch, nếu chưa nhận được tiền do nước ngoài trả, thì có thời hạn bốn tháng để báo cho nhà nhiếp ảnh hoặc người được ủy nhiệm biết.

5.1.4. Khi người xuất bản giao cho người thứ ba tìm kiếm tranh ảnh và quản lý tiền, người đó bảo đảm sẽ gửi chứng từ và thanh toán tiền.

5.2. Trách nhiệm

Người xuất bản được miễn trách nhiệm nếu gửi chứng từ đúng thời hạn và không có sai sót.

Nếu trên chứng từ có sai sót của người xuất bản thì người đó chịu trách nhiệm vô thời hạn.

Khi người xuất bản gửi chứng từ không đầy đủ hoặc gửi những trang trích thì phải chịu trách nhiệm về những sai sót trong việc thanh toán tiền.

Nếu có, người xuất bản phải có bằng chứng về thiện ý của mình trong việc gửi chứng từ.

5.3. Bồi thường khi thiếu chứng từ

Nếu chứng từ không được gửi đúng hạn, người chụp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm có thể lập hóa đơn tiền bồi thường bằng 25% tiền tranh ảnh.

Ngoài sáu tháng, tiền bồi thường sẽ lên tới 100% tiền tranh ảnh.

Điều kiện trả nhuận bút là điều kiện về ngày đưa tác phẩm ra bán, ngày đó do việc gửi chứng từ định ra.

5.4. Thời hạn thanh toán

Trừ quy định riêng, người xuất bản phải thanh toán hoá đơn về quyền tác giả của nhà nhiếp ảnh hoặc người được uỷ nhiệm trong vòng ba mươi ngày.

Chương VI. Tiểu ban hoà giải

6.1. Tiểu ban hoà giải

Để bảo đảm cho quy ước giữa các tổ chức chuyên môn về ảnh và các hãng nhiếp ảnh đã ký kết luật này, một bên, và nghiệp đoàn xuất bản toàn quốc, bên kia, được áp dụng đúng theo tinh thần quy ước đã được các bên lập ra, cần lập tiểu ban hoà giải.

Tiểu ban này có thể đưa mọi tranh chấp về việc hiểu một trong những điều quy định của bản quy ước ra toà án các cấp phân xử. Tiểu ban này gồm có hai hoặc ba người của mỗi bên.

QUYỀN TÁC GIẢ VÀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

Tác giả : Emmanuel Pierrat

HỒ THIỆU và NGUYỄN ĐỨC TIẾU dịch

NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN
65 Nguyễn Du – Hà Nội
Tel & Fax : 8222135
Thư điện tử : nxbhoinhavan@hn.vnn.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:
NGUYỄN PHAN HÁCH
Biên tập : VŨ ĐÌNH BÌNH
Vẽ bìa và trình bày : LÊ ĐOÀN LÊ
Sửa bản in : KIM THOA

In 1.000 cuốn, khổ 17x24 cm, tại Trung tâm Công nghệ In Khảo sát và Xây dựng;
Giấy đăng ký KHXB số : 877-2006/CXB/43-82/HNV; Cấp ngày: 27/12/2006;
In xong và nộp lưu chiểu quý I/2007.

Emmanuel Pierrat

QUYỀN TÁC GIẢ VÀ HOẠT ĐỘNG XUẤT BẢN

Liberte • Égalite • Fraternité
RÉPUBLIQUE FRANCAISE

Các hợp đồng, sự đạo văn, lĩnh vực công cộng, cải biên nghe nhìn, tác phẩm chưa in, quyền cho mượn, tôn trọng tác phẩm, cơ sở dữ liệu, lưu trữ, truyền thông đa phương tiện, quyền đối với hình ảnh, vv... Quyền tác giả văn học và nghệ thuật và các tác phẩm phái sinh của nó, ngày nay, hơn bao giờ hết, có liên quan mật thiết với nghề xuất bản.
Một cách rất thực tế và chi tiết, tác phẩm này đề nghị với các nhà xuất bản chuyên nghiệp phải tìm cách giải quyết thận trọng và thích ứng với từng vấn đề. Người ta sẽ tìm thấy trong sách rất nhiều thí dụ, lời khuyên, kinh nghiệm và nhiều mẫu hợp đồng để tiện sử dụng.
Cuốn **Quyền tác giả và hoạt động xuất bản** in lần này, hoàn toàn cập nhật, đặc biệt bổ sung thêm nhiều điểm đáng kể gồm những điều liên quan đến truyền thông đa phương tiện, các dữ liệu công cộng, quyền đối với hình ảnh, thời hạn các quyền tác giả, kể cả việc nhượng các quyền. Sách bao gồm những mẫu hợp đồng mới, nhiều sự tham khảo án lệ và thư tịch cũng như các trích đoạn dài của Bộ luật Sở hữu trí tuệ và các luật sử dụng liên quan khác.

Emmanuel Pierrat lãnh đạo Văn phòng Luật sư Pierrat, gồm các luật gia có kinh nghiệm, bản thân ông chuyên trách về Luật văn hoá và truyền thông .
Ông đã xuất bản nhiều tác phẩm liên quan đến Luật xuất bản và Luật chụp ảnh, ông cũng là tác giả cuốn **Luật về sách** (Nhà xuất bản Cercle de la Librairie 2005), đồng thời tham gia biên soạn cuốn Quyền tác giả và Thư viện. (Nhà xuất bảnCercle de la Librairie, 2006), dưới sự lãnh đạo của Yves Alix.
Emmanuel Pierrat còn là một sử gia biên niên về pháp lý cho Tập văn kiện lưu trữ hàng tuần (Lirvres Hebdo et Caractère).
Ông còn là người làm nghề xuất bản, người viết tiểu luận và tiểu thuyết.

TRUNG TÂM QUYỀN TÁC GIẢ VĂN HỌC VIỆT NAM
VLCC

Giá : 90.000đ

quyền tác giả và hoạt động
1 007031 200026
90.000 VND